42

TỔNG MỤC LỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

# 50 NĂM TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ 1954 - 2004



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

# TỔNG MỤC LỤC
# 50 NĂM

## TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
## (1954 - 2004)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2005

**BIÊN SOẠN:**

PGS-TS. Võ Kim Cương

TS. Nguyễn Thị Phương Chi

Lê Thị Thu Hằng

Nguyễn Mạnh Dũng

Đỗ Danh Huấn

# MỤC LỤC

# LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2004, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* mà tiền thân là Tập san *Văn Sử Địa* tròn nửa thế kỷ ra mắt bạn đọc. Trong lịch sử dân tộc, 50 năm là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Song đối với một tạp chí khoa học chuyên ngành, đó là một khoảng thời gian đáng kể. Trên đất nước Việt Nam của chúng ta, cùng với Tạp chí *Văn Học* - anh em sinh đôi của Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, cho đến nay không có một tạp chí khoa học chuyên ngành nào khác có tuổi đời dài như thế.

Trải qua chặng đường 50 năm phát triển, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* đã thực sự là một tạp chí khoa học có bề dày về thành tựu và uy tín. Tạp chí luôn đến với bạn đọc một cách thường xuyên, đều đặn trong tinh thần khoa học, nghiêm túc trong thời kỳ hòa bình và trong những năm tháng chiến tranh ác liệt.

Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* không chỉ là diễn đàn khoa học mà còn là trung tâm tập hợp, đoàn kết giới sử học nói riêng và giới khoa học xã hội nói chung. Không những thế, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* còn thu hút được sự quan tâm của bạn đọc, sự cộng tác của nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài như: Pháp, Đức, Italia, Séc, Ba Lan, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Ôtxtrâylia...

Với hơn 391 số được ấn hành trong 50 năm qua (1954 - 2004), Tập san *Văn Sử Địa* và Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* đã đem đến cho người đọc 3.782 luận văn khoa học thuộc nhiều đề tài khác nhau như: *Sự hình thành dân tộc Việt Nam; vấn đề phân kỳ lịch sử; lịch sử nông dân, nông nghiệp, nông thôn và phong trào nông dân; hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp công nhân; giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, phụ nữ, thanh niên ở Việt Nam qua các thời kỳ; truyền thống yêu nước, chống xâm lược của dân tộc Việt Nam; lịch sử nhà nước và pháp luật; văn hóa, văn minh Việt Nam; văn học; địa lý học; khảo cổ học; dân tộc học; nhân vật lịch sử; lịch sử các tỉnh, thành phố Việt Nam; lịch sử thế giới; các vấn đề phương pháp và phương pháp luận sử học*... Nhiều cuộc thảo luận khoa học trên Tạp chí đã được tổ chức rất thành công trên tinh thần thẳng thắn và tôn trọng lẫn nhau.

Nhân kỷ niệm 50 năm Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* và để giúp bạn đọc thuận lợi trong việc tra cứu các công trình in trên tạp chí, Viện Sử học tổ chức biên soạn và ấn hành ***Tổng mục lục 50 năm Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1954-2004)*** với mong muốn tạp chí ngày càng gần gũi hơn và phục vụ đắc lực hơn công tác nghiên cứu và tìm hiểu lịch sử của bạn đọc.

*Hà Nội, tháng 3 năm 2005*

PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN TRƯỞNG VIỆN SỬ HỌC

**PGS -TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG**

# LỜI NÓI ĐẦU

Vào tháng 6-1954, Tập san *Văn Sử Địa* chính thức ra mắt bạn đọc số đầu tiên. Đến tháng 3-1959, để phục vụ kịp thời thực tiễn của đất nước trong giai đoạn mới, cũng như đáp ứng nhu cầu tăng cường phát triển và mở rộng vai trò của khoa học xã hội, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* mà tiền thân của nó là Tập san *Văn Sử Địa* bắt đầu được ấn hành. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* chính là sự nối tiếp sự nghiệp của Tập san *Văn Sử Địa*. Trong lời tựa của Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử cùng bạn đọc ở số 1-1959, đã nhấn mạnh: *Tập san* Nghiên cứu Lịch sử *là kế thừa Tập san* Văn Sử Địa *ngày trước... Việc chuyển biến về danh nghĩa cũng như về hình thức này là một tất yếu, đánh dấu sự trưởng thành và phân hóa của các bộ môn khoa học, của những người công tác khoa học*. Như vậy vào năm 2004, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* vừa tròn 50 năm có mặt trên diễn đàn báo chí Việt Nam với tư cách là một tờ tạp chí khoa học chuyên ngành, là cơ quan ngôn luận của giới sử học Việt Nam. Từ số đầu tiên cho đến nay (chưa tính năm 2005) Tạp chí đã xuất bản được 391 số (trong đó có 48 số Tập san *Văn Sử Địa* và 343 số Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*) tập hợp 3.782 luận văn nghiên cứu của các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà lý luận - chính trị, các nhà giảng dạy bộ môn lịch sử và của đông đảo cộng tác viên - những người yêu thích lịch sử.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, tra cứu danh tính của các tác giả cũng như danh mục các công trình đã được công bố trên Tạp chí trong vòng 50 năm qua nhằm đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, Viện Sử học và Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* tổ chức biên soạn công trình **Tổng mục lục 50 năm Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1954-2004)**. Công trình này, trước hết là sự kế thừa kết quả của các cuốn *Tổng mục lục và sách dẫn* các luận văn đã công bố trên Tập san *Văn Sử Địa* và Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (1954-1973) được xuất bản vào năm 1976 và *Tổng mục lục* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử (1954-1994)* được xuất bản vào năm 1995.

Trong lần xuất bản này, Ban biên soạn đã bổ sung, chỉnh lý danh mục các luận văn đã được công bố cho đến hết năm 2004. Đồng thời, trong khi biên soạn, để phù hợp với bối cảnh hiện nay và để bạn đọc dễ dàng theo dõi, tra cứu, Ban biên soạn cũng đã có sự điều chỉnh trong việc sắp xếp, phân loại các chủ đề, đề mục, cũng như biên soạn lại những nội dung trước đây tỏ ra không cập nhật trong giai đoạn mới.

Trên tinh thần đó, Ban biên soạn bố trí nội dung cuốn sách thành hai phần chính:

## I. TỔNG MỤC LỤC CÁC LUẬN VĂN

Phần này chứa dựng tất cả danh mục các luận văn đã được công bố, được sắp xếp theo thứ tự A, B, C... của họ và tên các tác giả, tên luận văn (ngoài phần tiếng Việt có dịch sang Anh ngữ), tên tạp chí (VSĐ hoặc NCLS), số tạp chí (kèm theo số liên tục) và số trang.

*Ví dụ*:

2565. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Thành lập quân đội nhân dân Việt Nam - Một yêu cầu tất yếu trong cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta** - The Founding of the People's Army of Vietnam - An Indispensable Demand in the Revolution for National Liberation of Our Nation - NCLS, 2004, số 12 (343), tr. 3-6.

*Trong đó:*

- 2565: số thứ tự của luận văn trong Tổng mục lục .

- Trần Đức Cường: tên tác giả.

- **Thành lập quân đội nhân dân Việt Nam - Một yêu cầu tất yếu trong cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta**: tên luận văn tiếng Việt.

- The Founding of the People's Army of Vietnam - An Indispensable Demand in the Revolution for National Liberation of Our Nation: tên luận văn được dịch sang Anh ngữ

- NCLS: viết tắt của Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử.*

- 2004: năm công bố.

- Số 12 (343): số tạp chí (trong đó: 12 là số của năm; (343) là số thứ tự của tạp chí).

- tr. 3-6: số trang trong tạp chí.

## II. PHÂN LOẠI CÁC VẤN ĐỀ

Việc phân loại tất cả các luận văn thành những vấn đề nghiên cứu riêng biệt là một công việc rất khó khăn và phức tạp. Bởi vì chúng ta biết rằng mỗi một luận văn, tác giả thường chủ yếu tập trung khai thác và làm nổi bật về một vài vấn đề chủ yếu, song để làm việc đó thông thường luận văn còn phải giải quyết nhiều vấn đề liên quan, hỗ trợ cho vấn đề chính. Cho nên khi phân loại các vấn đề đòi hỏi phải xác định được luận văn đề cập đến những nội dung gì? Có những luận văn tác giả chỉ đề cập đến một vài vấn đề cơ bản, song cũng có những luận văn đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau. Với một khối lượng các luận văn đã được công

bố, ngày nay việc thẩm định lại để có thể phân định một cách chính xác là một công việc hoàn toàn không dễ dàng, và đòi hỏi nhiều thời gian, công sức.

Bên cạnh, việc phân chia theo thời kỳ lịch sử cũng khó đạt được sự chính xác, rành mạch; có luận văn chỉ đề cập đến một triều đại, một thời kỳ cụ thể nào đó trong lịch sử, song cũng không hiếm những luận văn mang tính tổng quát nên các tác giả đã nghiên cứu xuyên suốt tiến trình phát triển của lịch sử. Với những phức tạp như vậy, trong phần này chúng tôi cố gắng căn cứ vào những nội dung cơ bản của 3.782 luận văn đã được công bố trên Tạp chí để giới hạn lại trong 14 chuyên mục chủ yếu nhất. Đó là các chuyên mục sau:

***I . Khoa học lịch sử.***

***II. Chủ nghĩa Mác-Lênin - Đảng Cộng sản.***

***III. Lịch sử chính trị - xã hội.***

***IV. Kháng chiến chống ngoại xâm.***

***V. Kinh tế.***

***VI. Các giai tầng xã hội.***

***VII. Lịch sử văn hóa - văn minh Việt Nam.***

***VIII . Khảo cổ học.***

***IX. Dân tộc học.***

***X. Địa lý học.***

***XI. Văn học.***

***XII. Nhân vật lịch sử.***

***XIII. Lịch sử địa phương.***

***XIV. Lịch sử thế giới.***

Đồng thời, dựa theo nguyên tắc thư mục "hình cây", chúng tôi cũng còn phân chia mỗi một chuyên mục lớn thành nhiều chuyên mục nhỏ khác nhau, và đến lượt mình, mỗi chuyên mục nhỏ lại bao gồm nhiều tiểu mục mang nội dung khác nhau. Để bảo đảm tính khách quan lịch sử, chuyên mục *Nhân vật lịch sử* ở công trình này chỉ công bố họ tên của các nhân vật là đối tượng (chủ thể) trực tiếp của luận văn nghiên cứu, không phân biệt về ý thức hệ của nhân vật đó. Tuy nhiên, chuyên mục *Nhân vật lịch sử* sẽ không có đủ điều kiện để thống kê họ tên các nhân vật liên quan được đề cập đến trong các luận văn nghiên cứu nói chung.

Trong chuyên mục *Lịch sử địa phương*, vì điều kiện có hạn, chúng tôi chỉ phân theo đơn vị tỉnh, thành phố, với mong muốn góp phần giúp bạn đọc có thể tìm

hiểu thêm các vấn đề lịch sử liên quan đến các vùng đất đã được giới thiệu trong các luận văn công bố trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử.*

Một điểm nữa mà Ban biên soạn xin lưu ý thêm với bạn đọc là những con số được liệt kê trong phần Phân loại vấn đề là biểu thị con số thứ tự của các luận văn được sắp xếp trong Tổng mục lục.

Ví dụ: Phần VII. *Lịch sử văn hóa - văn minh Việt Nam*, mục 2. Vương quốc cổ, thành cổ, đô thị cổ, phố cổ:

**2507**

Tra số thứ tự trong Tổng mục lục của số 2507 sẽ có:

2507. PHAN HUY LÊ. **Hội An - Di sản văn hóa thế giới** - Hoi An - The World Cultural Heritage - NCLS, 2004, số 4 (335), tr. 3-19.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực và cẩn trọng trong việc biên soạn, chỉnh lý với mong muốn phục vụ tốt hơn, hiệu quả hơn yêu cầu của đông đảo bạn đọc, song chắc chắn rằng do mức độ phức tạp của vấn đề đặt ra, nên cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* hoan nghênh mọi sự phê bình và góp ý của bạn đọc.

*Tổng Biên tập*
*Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*

**PGS-TS. VÕ KIM CƯƠNG**

# PHẦN THỨ NHẤT

# TỔNG MỤC LỤC CÁC LUẬN VĂN

(Sắp xếp họ và tên các tác giả theo thứ tự A, B, C)



1. A.D. **Góp một số ý kiến về bài của đồng chí Trương Hữu Quýnh đăng trên Tạp chí NCLS, số 93** - On Truong Huu Quynh's Article Published on *Historical Studies Review*, N⁰ 93 - NCLS, 1967, số 102, tr. 54-56, 62.

2. ALATÔSÊVA (A.I). **Việc nghiên cứu lịch sử khoa học lịch sử ở Liên Xô trong giai đoạn hiện nay** - Work study in the History of historical science in USSR at the present period - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 49-57.

3. AN DƯƠNG. **Một vài vấn đề khi viết quyển *Lịch sử Việt Nam*** - On some questions on writing *Vietnamese History* Book - NCLS, 1967, số 98, tr. 20-22.

4. ANDƠRÊÊP (N.D). **Vấn đề bình thường hóa cách phát âm trong tiếng Việt Nam** - The question of normalization of pronunciation in Vietnamese language - VSĐ, 1956, số 18, tr. 29-37.

5. APHANAXIÉP (N.D). **Đề cập tới hệ thống trong nhận thức xã hội** - Approach of system in the social knowledge - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 72-83.

6. ASTAFIEP (G). **Các nhà sử học Liên Xô nghiên cứu về bản chất của chủ nghĩa Mao** - Soviet historians studying on the essence of the Maoism - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 83-86.



7. BNCVSĐ. **Khoa học lịch sử và công tác cách mạng** - Historical science and Revolutionary work - VSĐ, 1954, số 1, tr. 2-7.

8. BNCVSĐ. **Cách mạng Tháng Tám và vấn đề ruộng đất** - August Revolution and Agrarian Problems - VSĐ, 1954, số 2, tr. 3-8.

9. BNCVSĐ. **Trách nhiệm của chúng ta** - Our responsibility - VSĐ, 1954, số 3, tr. 3-5.

10. BNCVSĐ. **Lịch sử thủ đô và lịch sử dân tộc** - Capital History and our people History - VSĐ, 1955, số 4, tr. 1-5.

11. BNCVSĐ. **Việt Nam là một khối thống nhất từ Bắc đến Nam** - Vietnam is an unified block from the North to the South - VSĐ, 1955, số 5, tr. 1-4.

12. BNCVSĐ. **Hồ Chủ tịch và thời đại chúng ta** - President Ho and our Epoch - VSĐ, 1955, số 7, tr. 1-4.

13. BNCVSĐ. **Việt Nam là một dân tộc đang mạnh mẽ tiến lên** - Vietnam is a people strongly going forward - VSĐ, 1955, số 8, tr. 1-5.

14. BNCVSĐ. **Cách mạng Tháng Mười với Cách mạng Việt Nam** - October Revolution and August Revolution - VSĐ, 1955, số 11, tr. 1-4.

15. BNCVSĐ. **Một trang sử mới trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân** - A new historical page in Vietnam national democratic and popular Revolution - VSĐ, 1955, số 12, tr. 1-3.

16. BNCVSĐ. **Đảng Lao động Việt Nam, Đảng khoa học** - The Vietnam Labour Party, the Party of science - VSĐ, 1956, số 15, tr. 1-6.

17. BNCVSĐ. **Quan hệ Việt - Xô trong quá trình cách mạng** - The relations between Vietnam and Soviet Union in the revolutionnary process - VSĐ, 1956, số 16, tr. 1-6.

18. BNCVSĐ. **Cùng bạn đọc thân mến** - To dear readers - VSĐ, 1956, số 18, tr. 27-28.

19. BNCVSĐ. **Âm mưu cản bước tiến của lịch sử nhất định sẽ bị nghiền nát** - All cospiracy to prevent the advence of history will be crush - VSĐ, 1956, số 19, tr. 1-4.

20. BNCVSĐ. **Những vấn đề lịch sử đề ra** - The problem raised by the history - VSĐ, 1956, số 22, tr. 1-2.

21. BNCVSĐ. **Một tài liệu cổ sử mới phát hiện: Thẻ ngọc An Dương** - An ancient historical document newly discovered: The gem Card An Duong - VSĐ, 1956, số 23, tr. 37-39z.

22. BNCVSĐ. **Vấn đề thẻ ngọc An Dương** - The question of the gem Card An Duong - VSĐ, 1957, số 28, tr. 1.

23. BNCVSĐ. **Giới sử học Việt Nam phải có mặt trong Đại hội Quốc tế các nhà sử học** - The Vietnamese historians must have representatives in the International Congress of Historians - VSĐ, 1957, số 29, tr. 1-2.

24. BNCVSĐ. **Hoan nghênh Nghị quyết của Quốc hội về việc thành lập Uỷ ban Khoa học** - We acclaim the National Assembly decision on the establishment of the Committee of Sciences - VSĐ, 1958, số 41, tr. 1-6.

25. BNCVSĐ. **Cách mạng Tháng Tám và công tác nghiên cứu văn sử địa** - The August Revolution and the literary, historical and geographical studies work - VSĐ, 1958, số 43, tr. 1-2.

26. BNCVSĐ. **Để chuẩn bị tiến tới một giai đoạn mới: Tổng kết công tác của Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa từ ngày thành lập đến nay** - Preparations for

the advance to wards a new phase: to report opon the work of the literary, historical and geographical studies Committee from the establishment day to now - VSĐ, 1959, số 48, tr. 2-10.

27. BA KHÊ. **Đặt cơ sở vật hậu học ở Việt Nam** - Laying down the basis of phenology in Vietnam - VSĐ, 1957, số 31, tr. 18-32.

28. BA (THỊ NGHÈ). **Dư luận đối với bộ *Lịch sử Việt Nam*. Tập 1 (Đọc sách)** - Opinions about the book: *Vietnam history*. Tome 1 (Book Review) - NCLS, 1975, số 160, tr. 75-77.

29. BA THU. **Nguyễn Mậu Kiến - Một văn thân yêu nước ở Thái Bình** - Nguyen Mau Kien - A patriotic Scholar of Thai Binh - NCLS, 1975, số 161, tr. 60-62.

30. BẠCH HÀO. **Cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn qua một ít bức thư của người ngoại quốc đã ở Việt Nam đương thời** - The insurrection of Tay Son peasents through some letters of the foreigners being in Vietnam in this period - VSĐ, 1956, số 14, tr. 69-74.

31. BẠCH NGỌC ANH. **Vấn đề phân kỳ lịch sử cách mạng và chiến tranh chống Mỹ cứu nước ở miền Nam Việt Nam** - About the periodisation of the revolutionary history and of the war against U.S. imperialists for national salvation in South Vietnam - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 85-89.

32. BẠCH NGỌC ANH. **Vài nét về vành đai diệt Mỹ bắc Chu Lai (Quảng Nam - Đà Nẵng)** - Some features about the anti imperialist U.S. zone at the North Chu Lai (Quang Nam - Da Nang) - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 73-77.

33. BẠCH THỌ DI. **Cổ và kim trong việc giảng dạy lịch sử** - The ancient and the modern in the teaching on History - VSĐ, 1959, số 6, tr. 82-94.

34. BẠCH THỌ DI. **Vấn đề của lịch sử và lý luận** - The question of History and Theory - NCLS, 1962, số 38, tr. 48-50.

35. BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ NCLS. **Tổng kết cuộc trưng cầu ý kiến bạn đọc của tập san *Nghiên cứu Lịch sử*** - An account of reader opinions searched for by the Historical studies Review - NCLS, 1961, số 25, tr. 1-10.

36. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU. **Vai trò của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lai Châu trong cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ** - The role of Lai Chau local Party organization and population in the Winter-Spring strategic offensive of 1953-1954 and the Dien Bien Phu victory - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 33-39.

37. BAN CHẤP HÀNH TW ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM. **Lời kêu gọi** - Appeal - NCLS, 1969, số 126, tr. 6-7.

38. BAN CHẤP HÀNH TW ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM. **Điếu văn** - Funeral oration - NCLS, 1969, số 126, tr. 11-33.

39. BAN THANH NIÊN CÔNG NHÂN TW ĐOÀN. **Vài nét về đội ngũ công nhân trẻ trong thời kỳ xây dựng CNXH ở nước ta** - The role of the corps of young workers in the process of development during the period of socialist edification of our country - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 12-20.

40. BAN VẬN ĐỘNG HKHLS VIỆT NAM. **Lời kêu gọi của Ban Vận động Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam** - Appeal of the Central Committee of preparation for the Establishment of the Vietnam historical science Association - NCLS, 1966, số 82, tr. 60-61.

41. BẾ VIẾT ĐẢNG. ***Về sự phát triển của nhân dân Xô viết, một cộng đồng lịch sử mới*** **(Đọc sách)** - Reading the book entiled: *About the development of the Soviet people - A new historic community* / Bế Viết Đảng, M.N. Gubôklô - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 83-90.

42. BẾ VIẾT ĐẢNG. **Tổ chức bản mường cổ truyền của người Thái ở Mường Thanh (Điện Biên Phủ)** - Traditional hamlet system with the Thai population at Muong Thanh (Dien Bien Phu) - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 43-53.

43. BIRIUCÔVICH (V). **Thời Trung cổ** - The Middle Age - NCLS, 1964, số 63, tr. 54-65.

44. BỘ BIÊN TẬP. **Những vấn đề lịch sử (Tổng kết cuộc thảo luận Vấn đề quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa phong kiến trong tạp chí: *Những vấn đề Lịch sử* của Liên Xô)** - Historical Issues (Closing Speech on the Workshop: on the Problems of the Basic Economy of the Feodalism on the Review: *Economic Problems* of the USSR) - VSĐ, 1955, số 10, tr. 36-42.

45. BÔRIXCÔPXK (B.I). **Một số vấn đề nghiên cứu thời đại đồ đá ở Việt Nam** - Some question in the study of the Stone age in Vietnam - NCLS, 1961, số 24, tr. 25-32.

46. BƠRUYHA. **Nhà sử học đứng trước thời đại mình** - The historian in front of his epoch - NCLS, 1962, số 42, tr. 51-63.

47. BUGAI (N.P). **Những cơ quan đặc biệt của chuyên chính vô sản (phân tích, so sánh)** - Special organs of the distatorship of the proletariat - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 56-57.

48. BÙI DANH PHONG. **Tài nguyên khoáng sản và lịch sử khai thác, sử dụng chúng ở Việt Nam** - Mineral resources and the history of their exploitation in Vietnam - NCLS, 1985, số 3 (223), tr. 70-77.

49. BÙI DUY TÂN. **Hồ Quý Ly qua thơ văn của Nguyễn Trãi** - Ho Quy Ly through the poetry and litrerature of Nguyen Trai - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 56-61.

50. BÙI DUY TÂN. **Hồ Quý Ly - Một văn nghiệp khiêm tốn** - Ho Quy Ly - A modest literary career - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 38-42.

51. BÙI ĐÌNH PHONG. **Liên minh chiến đấu Việt - Lào trong phong trào Cần vương ở Thanh-Nghệ-Tĩnh cuối thế kỷ XIX** - Viet-Lao struggle alliance in "The movement for supporting the King" in Thanh-Nghe-Tinh - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 68-70.

52. BÙI ĐÌNH PHONG. **Trở lại một trang của cuộc khởi nghĩa vũ trang năm Giáp Tuất (1874)** - The armed uprising in Giap Tuat year (1874)/ Bùi Đình Phong, Đỗ Quang Hưng - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 49-54.

53. BÙI ĐÌNH PHONG. **Đọc *Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm*** - Reading the book *Ky Dong Nguyen Van Cam* - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 90-93.

54. BÙI ĐÌNH PHONG. **Hồ Chí Minh với Điện Biên Phủ** - Ho Chi Minh and Dien Bien Phu - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 14-17.

55. BÙI ĐÌNH PHONG. **Nhận thức về câu nói của Bác Hồ "Đảng ta thật là vĩ đại"** - Understanding the Uncle Hồ's words: "Our Party is truly a great one" - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 1-5.

56. BÙI ĐÌNH PHONG. **Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám - Sự hiện thực hóa của tư tưởng Hồ Chí Minh** - The August Revolution victory - The realization of Ho Chi Minh thought - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 10-13.

57. BÙI ĐÌNH PHONG. ***Luật sư Phan Văn Trường* (Đọc sách)** - Reading the book: *The lawyer Phan Van Truong* - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 85-89.

58. BÙI ĐÌNH PHONG. ***Việt Nam Cận đại. Những sử liệu mới* (Đọc sách)** - Reading the book: *The Modern Vietnam - New historical documents* - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 79-81.

59. BÙI ĐÌNH PHONG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)** - President Ho Chi Minh with the Russian October Revolution 1917 - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 13-20.

60. BÙI ĐÌNH PHONG. ***Việt Nam Cận đại - Những sử liệu mới* (Tập 2) (Đọc sách)** - Reading the book: *The Modern Vietnam - New historical documents* (Tome II) - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 89-92.

61. BÙI ĐÌNH PHONG. ***Việt Nam Cận đại - Những sử liệu mới* (Tập 3) (Đọc sách)** - Reading the book: *The Modern Vietnam - New historical documents*. Tome III: Soc Trang (1867-1945) - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 91.

62. BÙI ĐÌNH THANH. **Đấu tranh vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám** - Armed struggle in August Revolution - NCLS, 1960, số 17, tr. 16-26.

63. BÙI ĐÌNH THANH. **Một số kinh nghiệm qua các bản tham luận tại Hội nghị chuyên đề lịch sử địa phương** - Some experiences through the contributions in the special Conference on history of the localities - NCLS, 1962, số 41, tr. 3-7.

64. BÙI ĐÌNH THANH. **Một vài ý kiến góp vào việc nghiên cứu các giai đoạn của cuộc kháng chiến** - Some ideas contributing to the study on the different phases of the Resistance - NCLS, 1962, số 45, tr. 12-18.

65. BÙI ĐÌNH THANH. **Một vài ý kiến về tăng cường đấu tranh tư tưởng trong lĩnh vực sử học, đánh bại những quan điểm phản động và luận điệu xuyên tạc lịch sử dân tộc Việt Nam** - Some ideas on the task: Reinforcing the ideological struggle in the historical sphere, defeating the reactionary points of view and the distortions of Vietnam national history - NCLS, 1964, số 60, tr. 11-18, 25.

66. BÙI ĐÌNH THANH. **Ngọn lửa chiến thắng Điện Biên Phủ đang rực cháy trong phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh** - The Dien Bien Phu victory flames are burning in the national liberation movement in Asia, Africa and Latin America - NCLS, 1964, số 62, tr. 9-12.

67. BÙI ĐÌNH THANH. **Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam với sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang** - The liberation struggle of the South with the tight combination of political struggle and armed struggle - NCLS, 1964, số 64, tr. 17-22.

68. BÙI ĐÌNH THANH. **Về tính Đảng trong khoa học lịch sử** - On the party character in the historical science - NCLS, 1966, số 83, tr. 8-12.

69. BÙI ĐÌNH THANH. **Một vài suy nghĩ về tính Đảng, tính khoa học trong công tác nghiên cứu lịch sử** - Some thingkings on party charater and scientific in historical studies work - NCLS, 1966, số 90, tr. 23-31.

70. BÙI ĐÌNH THANH. ***Chính sách của Mỹ ở Việt Nam - Chiến lược của sự thất vọng*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *American policy in Vietnam - Strategy of disappointment* - NCLS, 1968, số 112, tr. 45-50.

71. BÙI ĐÌNH THANH. **Sự bế tắc của đế quốc Mỹ sau hơn ba năm mở rộng chiến tranh cục bộ ở miền Nam và tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc** The impasse of American imperialism after three years of widening of the partial war and reinforcement of sabotage war to the North - NCLS, 1968, số 115, tr. 22-38.

72. BÙI ĐÌNH THANH. **Từ Chương trình 10 điểm đến Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** - From the ten points Project to the political Program of the South Vietnam national liberation Front - NCLS, số 116, tr. 24-38.

73. BÙI ĐÌNH THANH. **Khối liên hiệp quân sự công nghiệp Mỹ và cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** - The U.S military and industrial complex and the aggressive war in Vietnam - NCLS, 1972, từ số 143 đến số 146.

74. BÙI ĐÌNH THANH. Đọc sách: ***Open secret - the Kissinger - Nixon Doctrine in Asia - Why we are never leaving*****? (Bí mật bị lộ - Học thuyết Kitxinggiơ - Níchxơn ở châu Á - Tại sao chúng ta không bao giờ rút đi?)** - Reading the Book: ***Open secret - the Kissinger - Nixon Doctrine in Asia - Why we are never leaving*****?** - NCLS, 1974, số 154, tr. 75-78.

75. BÙI ĐÌNH THANH. **Hai mươi năm miền Nam Việt Nam chiến đấu (20/7/1954 - 20/7/1974)** - Twenty years of struggle in South Vietnam - NCLS, 1974, số 157, tr. 3-13.

76. BÙI ĐÌNH THANH. **Ngọn cờ chiến thắng của cách mạng miền Nam** - The victory flag of revolution in South Vietnam - NCLS, 1974, số 159, tr. 3-7.

77. BÙI ĐÌNH THANH. **Hai mươi năm đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1974)** - Twenty years of struggle for reunification of the country (1954-1974) - NCLS, 1976, số 166, tr. 6-23.

78. BÙI ĐÌNH THANH. **Đọc sách: *The logic of world power* (lôgich của cường quốc thế giới)** - Reading the book: *The logic of world power* - NCLS, 1976, số 169, tr. 87-90.

79. BÙI ĐÌNH THANH. **Nhìn lại quá trình thất bại của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Việt Nam** - Reviewing the process of the failure of the U.S. neo-colonialism in Vietnam - NCLS, 1976, số 171, tr. 1-15.

80. BÙI ĐÌNH THANH. **Đọc sách: *Vain hopes, grim realities - The economic consequences of the Vietnam war* (Hy vọng hão huyền, thực tế phũ phàng - Những hậu quả kinh tế của chiến tranh Việt Nam) của Robert Warren Stevens** - Reading the book: *Vain hopes, grim realities - The economic consequences of the Vietnam war* - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 85-88.

81. BÙI ĐÌNH THANH. ***The lessons of Vietnam* (Những bài học ở Việt Nam) (Đọc sách)** - Reading the book: *The lessons of Vietnam* - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 90-93.

82. BÙI ĐÌNH THANH. **Đọc sách: *Le Vietnam au XX$^{ème}$ siècle* (Việt Nam ở thế kỷ XX)** - Reading the book: *Vietnam in the 20$^{th}$ century* - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 82-86.

83. BÙI ĐÌNH THANH. **Chủ tịch Hồ Chí Minh - Con người và thời đại** - President Ho Chi Minh - The man and the epoch - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 1-8.

84. BÙI ĐÌNH THANH. **Cách mạng Tháng Tám và sự nghiệp chiến đấu, xây dựng, đổi mới ở Việt Nam** - The August Revolution and the cause of struggle construction and renovation in Vietnam - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 1-7.

85. BÙI ĐÌNH THANH. **Chiến thắng Điện Biên Phủ - Một cống hiến to lớn vào phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX** - Dien Bien Phu victory - A great contribution to the National liberation Movement in the XX$^{th}$ Century - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 1-8.

86. BÙI ĐÌNH THANH. **Vì sao ta thắng, Mỹ thua?** - Why did we triumph and the American imperialists lose? - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 1-6.

87. BÙI ĐÌNH THANH. **Bảo vệ, xây dựng Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười** - Defending and the constructing the Republic Socialist State of Vietnam in the ideology of the October Revolution - NCLS, 1997, số 6 (295), tr.7-12.

88. BÙI ĐÌNH THANH. **Giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn** - The working class in the cause industrialization and modernization in Vietnam - Some theoretical and practical issues - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 3-9.

89. BÙI ĐÌNH THANH. **70 năm chiến đấu và chiến thắng của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (3/2/1930 - 3/2/2000)** - 70 years of striggle and success of glorious Vietnam Communist Party (3/2/1930 - 3/2/2000) - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 7-17.

90. BÙI HẠNH CẨN. **Ý đồ và hoạt động của các giáo sĩ nước ngoài trên đất Việt Nam từ thế kỷ XVII-XVIII** - Intetions and activities of foreign Priests in Vietnam during the 17$^{th}$ and 18$^{th}$ Centuries - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 28-40, 48.

91. BÙI HỮU KHÁNH. **Những điều kiện lịch sử đưa đến cao trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta** - The historical conditions bringing to a high movement of agricultural cooperation on the Nord of our country - NCLS, 1961, số 26, tr. 3-14.

92. BÙI HỮU KHÁNH. **Một vài ý kiến về vấn đề phản phong trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh** - Some thingkings on the problem of anti feudalism in the Nghe Tinh Soviet Movement - NCLS, 1962, số 34, tr. 29-35, 52.

93. BÙI HỮU KHÁNH. **Một vài ý kiến về ý nghĩa quốc tế của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam nước ta** - Some thingkings on internatinal significance of the liberation struggle in the South of our country - NCLS, 1964, số 64, tr. 29-34, 54.

94. BÙI HỮU KHÁNH. **Một vài suy nghĩ từ con đường đi tìm chân lý cứu nước của Hồ Chủ tịch đến việc thành lập Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam** - Ho Chi Minh: from the national saluation path to the founding of a proletarian Party - NCLS, 1973, số 149, tr. 22-30.

95. BÙI HỮU KHÁNH. **Bước đầu tìm hiểu Hồ Chủ tịch với giai cấp công nhân trong cách mạng dân tộc dân chủ** - President Ho Chi Minh and the working class in the democratic national revolution - NCLS, 1974, số 156, tr. 19-27.

96. BÙI KHÁNH THẾ. **Tiếng Việt - Tiếng nói thống nhất của dân tộc Việt Nam** - The Vietnamese unified language of the people of Vietnam- NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 49-60.

97. BÙI KHÁNH THẾ. **Vấn đề giao tiếp ngôn ngữ trong quá trình hình thành dân tộc Việt Nam (Đặt vấn đề và những nhận xét bước đầu)** - The problem of language contract in the process of formation of the Vietnamese nation - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 13-20.

98. BÙI QUÝ LỘ. **Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất ở Tiền Hải (Hà Nam Ninh) nửa đầu thế kỷ XIX** - Further remarks on the land regime in Tien Hai (Ha Nam Ninh province) in the first half of the XIX$^{th}$ Century - NCLS, 1993, số 5 (230), tr. 39-44.

99. BÙI QUÝ LỘ. **Vấn đề quan hệ giữa lịch sử và địa lý trong chương trình giảng dạy môn lịch sử** - The relation between History and Geography in the History teaching Program / Bùi Quý Lộ, Vũ Thị Hiền - NCLS, 1993, số (268), tr. 47-48.

100. BÙI QUÝ LỘ. **Tìm hiểu tình hình khẩn hoang dưới triều Quang Trung qua địa bạ xã Đông Xá (Thanh Liêm - Nam Hà) cuối thế kỷ XVIII** - Presearches about the wasteland clearing situation under the Quang Trung dynasty through the Cadastral registers of Dong Xa Commune (Thanh Liem - Nam Ha province) in the end of the XVIII$^{th}$ Century- NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 56-61.

101. BÙI QUÝ LỘ. **Vấn đề ruộng đất trong phong trào đấu tranh của nông dân đồng bằng ven biển Bắc Bộ dưới triều Nguyễn (Qua tư liệu địa phương)** - The agrarian problem in the Peasant Movement in the coastal delta of Tonkin under the Nguyen dynasty (through local documents) - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 29-36.

102. BÙI SAN. **Vài nét về anh Phan Đăng Lưu (Hồi ký)** - About Phan Dang Luu (Memoirs) - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 50-54.

103. BÙI THANH KHIẾT. **Sử học là một khoa học có tính chất giáo dục và chiến đấu cao** - History is a science having high educative and millitant characrer - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 10-13.

104. BÙI THỊ TÂN. **Về một hình thức phân chia ruộng đất công ở làng Phú Kinh (Triệu Hải, Bình - Trị - Thiên) hồi thế kỷ XVIII** - The parcelling of communal land in Phu Kinh village (Trieu Hai district, Binh Tri Thien) in the late $18^{th}$ Century - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 54-59.

105. BÙI THỊ TÂN. **Nghề rèn làng Hiền Lương và tổ chức "Hàng Kình"** - Ironsmith crajt in the commune Hien Luong (Hue) and the organization "Hang Kinh" - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 40-43.

106. BÙI THỊ TÂN. **Nhân dân làng Dã Lê Thượng (Hương Thủy - Thừa Thiên Huế) với Phong trào Tây sơn** - The Da Le Thuong village's inhabitants and the Tay Son Movement - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 67-70.

107. BÙI THỊ TÂN. **Tình hình ruộng đất và phương pháp sử dụng ruộng đất công ở làng Câu Hoan (huyện Hải Lăng - Quảng Trị) thế kỷ XIX** - The land situation and the communal land utilization mode in Cau Hoan village (Hai Lang district, Quang Tri province) in the $19^{th}$ Century - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 35-40.

108. BÙI THỊ TÂN. **Phú Bài. Một trung tâm luyện sắt ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn** - Phu Bai. An ironwork centre in the South Vietnam under the Emperors of the Nguyen dynasty - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 35-41).

109. BÙI THỊ TÂN. **Vài nét về sự hình thành và phát triển của làng xã Bình Định dưới thời phong kiến** - Some Remarks on the Formation and Development of the Village Communities in Binh Dinh in the Feudal Time - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 38-44.

110. BÙI THỊ THU HÀ. **Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Hoa Hao Buddhist believers in the anti-American resistance war - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 10-16.

111. BÙI THỊ THU HÀ. **Bước đầu tìm hiểu Việt Nam Dân chủ xã hội Đảng** - Preliminary study on Vietnam Social Democratic Party the signing of the 1954 Geneva agreemant - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 29-34.

112. BÙI THỊ THU HÀ. **Tìm hiểu một số công trình nghiên cứu "Cuộc chiến tranh Việt Nam" ở Mỹ trong những năm cuối thế kỷ XX-đầu thế kỷ XXI** - (Book review) About Some Researches on "The Viet Nam War" in America in the Late of $20^{th}$ and the Early of $21^{th}$ Century - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 69-73.

113. BÙI THIẾT. **Ngọc phả và truyền thuyết về Hai Bà Trưng ở làng Hạ Lôi** - Genie register and legends concerning two Sisters Trung at Ha Loi village - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 58-62.

114. BÙI THIẾT. **Có một phòng tuyến sông Đáy trong cuộc khởi nghĩa kháng chiến của Hai Bà Trưng** - The defence line on the Day Rover during the insurection and resistance of the Trung Sisters - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 28-37.

115. BÙI THIẾT. **Sự hình thành và diễn biến của các tên làng người Việt cho đến năm 1945** - The emergence and modifieation of Vietnamese village name until 1945 - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 16-28.

116. BÙI THIẾT. **Sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* - Bản Nội các quan bản không phải được khắc in từ năm 1697** - The *Dai Viet Su ky Toan thu* (ĐVSKTT) (Complete work on the history of Great Vietnam) was not printed from the Noi cac quan ban (NCQB) engraving in 1697 - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 2-14.

117. BÙI THIẾT. **Đô đốc Long là ai?** - Who is Admiral Long? - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 49-52.

118. BÙI THIẾT. ***Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* (Thuộc các tỉnh từ Nghệ - Tĩnh trở ra) (Đọc sách)** - Reading the book: *The name of Vietnamese villages at the beginning of the 19th Century* (From Nghe Tinh to the North Vietnam) - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 83-85.

119. BÙI TUẤN BÁCH. **Sự khác nhau giữa đèo Ngang và đèo Ba Dội** - The difference between the Ngang Col and the Ba Doi Col - VSĐ, 1956, số 22, tr. 81.

120. BÙI VĂN CHÉP. **Vài ý kiến về tính khách quan trong sử học mác xít** - Some ideas on the objestive character in marxitst history / Bùi Văn Chép, Vũ Dương Ninh - NCLS, 1964, số 94, tr. 12-16.

121. BÙI VĂN HÙNG. **Quá trình di dân lập ấp Hà Đông và Nghệ-Tĩnh ở Đà Lạt trước Cách mạng Tháng Tám 1945** - The process of population movement and Ha Dong, Nghe Tinh settlements foundation at Da Lat before the 1945 August Revolution - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 29-38.

122. BÙI VĂN NGUYÊN. **Bàn thêm việc Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào?** - To discuse furthur on the time of participation to the Lam Son insurrection by Nguyen Trai - NCLS, 1966, số 90, tr. 46-48.

123. BÙI VĂN NGUYÊN. **Lại bàn về việc Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào?** - To discuse again on the time of participation to Lam Son insurrection by Nguyen Trai - NCLS, 1967, số 99, tr. 25-33.

124. BÙI VĂN NGUYÊN. **Góp thêm ý kiến về các cuộc khởi nghĩa chống Pháp thời kỳ đầu ở Nghệ - Tĩnh: Thần Sơn Ngô Quảng - Một trong những bộ tướng xuất sắc của Phan Đình Phùng** - Some ideas contributing to

the knowledge on the beginning of the anti-French colonialism insurrection in Nghe Tinh: Than Son Ngo Quan - One amony remarkable generals of Phan Dinh Phung - NCLS, 1972, số 143, tr. 42-45, 63.

125. BÙI VĂN TAM. **Lương Thế Vinh - Một nhân tài xuất sắc của dân tộc hồi thế kỷ XV** - Luong The Vinh an ousttanding talent of our nation in the XV$^{th}$ Century //NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 67-74.

126. BÙI VĂN TAM. **Ba công chúa thời Trần trên đất Thiên Bản** - Three princeffef under the Tran dynasty in Thien Ban area - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 83-85.

127. BÙI VIẾT HÙNG. **Một số vấn đề về lịch sử làng xã khu Hà Nam - huyện Yên Hưng - Quảng Ninh qua văn bia** - Some problem about the communal history of Ha Nam area, Yen Hung distrist (Quang Ninh) through the writing on stele - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 52-58.

128. BÙI VIỆT HÙNG. **Tình hình sở hữu tư nhân về ruộng đất ở một số làng xã thuộc huyện Yên Hưng (Quảng Ninh) từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX** - The private ownership of land in several villages in Yen Hung district (Quang Ninh) from the late XIX$^{th}$ century to the early XX$^{th}$ century - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 32-41.

129. BÙI XUÂN. **Về diễn biến của Phong trào chống thuế năm 1908 ở Quảng Nam** - Some features of the struggle Movement against the taxes in 1908 at Quang Nam province - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 82-88.

130. BÙI XUÂN ĐÍNH. **Về một loại hình ruộng đất công làng xã: loại đất "công châu thổ" ở một làng ven sông** - About a type of communal ricefields and lands: the type of "common deltaic" *soil* at a river side village - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 26-33.

131. BÙI XUÂN ĐÍNH. **Trở lại vấn đề "lão quyền" trong xã hội làng mạc cổ truyền người Việt (Qua tài liệu một làng ven sông: làng Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây)** - Further research into the "gerontocracy" in the traditional rural society of the Viets - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 45-53.

132. BÙI XUÂN ĐÍNH. ***Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia* (Đọc sách)** - Reading the book: *The history of Mac dynasty by books and stela letters* - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 91-93.

133. BÙI XUÂN ĐÍNH. **Thêm một vài đính chính và nghi vấn về các vị khoa bảng được chép trong các sách đăng khoa lục** - View Exchanges: More corrigendum and doubts on laureates written down in laureateship registration books - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 89 - 94.

134. BÙI NAM. **Vài nét suy nghĩ về Cách mạng Pháp 1789 và công cuộc đổi mới của chúng ta** - The French Revolution of 1789 and our restruccturation - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 91-94.



135. CA VĂN THỈNH. ***Mạc thị gia phả* và trận Rạch Gầm - Xoài Mút** - *Mac thi family register* and the fight of Rach Gam - Xoai Mut - NCLS, 1965, số 79, tr. 8-9.

136. CAO BẠCH MAI. **Một vài ý kiến về xây dựng bộ *Thư mục Việt Nam*** - Some ideas about construction of the *Book and writing catalogue Vietnam* - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 56-59.

137. CAO DO HI. **Một số ý kiến khác nhau về vấn đề gió mùa** - Some different opinions on the question of the monsoon - VSĐ, 1958, số 43, tr. 65-79.

138. CAO HÙNG TRƯNG. **Một ít tài liệu lịch sử trong *An Nam chí nguyên*** - Some historical documents in *An Nam chi nguyen* - VSĐ, 1956, số 20, tr. 57-75.

139. CAO HUY THUẦN. **Nhận định và phản ứng của Pháp trước phong trào cộng sản 1930-1931** - French's opinions and reactions towards the communist movement in 1930-1931 - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 33-49; số 6 (183), tr. 129-136.

140. CAO HỮU LẠNG. **Vài nét về tình hình kinh tế ở Thừa Tuyên – Thuận Hóa thời Lê qua *Ô Châu cận lục*** - Economic situation in Thuan Hoa province at the Le dynasty through *O Chau can luc* - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 71-82.

141. CAO TỰ THANH. **Về Nguyễn Thông** - Apropos of Nguyen Thong - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 80-81.

142. CAO TỰ THANH. **Một vài tư liệu mới về Nguyễn Trung Trực ở Long An** - Some documents regarding Nguyen Trung Truc recently discovered at Long An / Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Trảng - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 80-82, 93.

143. CAO THANH TÂN. **Đồn binh Châu Đốc thời Nguyễn** - Chau Doc Military camp under the Nguyen dynasty - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 68-75.

144. CAO VĂN BIỀN. **Những hình thức đấu tranh và sự chuyển biến về ý thức của công nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX** - The forms of struggle and the

change of Vietnam worker consciousness in the beginning of the XX$^{th}$ Century - NCLS, 1970, số 130, tr. 53-64.

145. CAO VĂN BIỀN. ***Giai cấp công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở miền Nam Việt Nam (1885-1930)*** **của Mikhitarian (Đọc sách)** - Reading the book of C.A. Mikhitarian on the *Working class and the national liberation Movement in Vietnam* (1885-1930) - NCLS, 1970, số 135, tr. 59-61.

146. CAO VĂN BIỀN. **Tiền lương của công nhân thời kỳ 1936-1939** - Worker's wage in the 1936-1939 period - NCLS, 1974, số 156, tr. 28-36.

147. CAO VĂN BIỀN. **Phong trào Ái hữu và Nghiệp đoàn của công nhân thời kỳ 1936-1939** - Workers's friendly society and trade union movement in the 1936-1939 - NCLS, 1975, số 164, tr. 39-45.

148. CAO VĂN BIỀN. **Ngày 1-5 trong sự nghiệp giải phóng dân tộc** - May 1$^{th}$ day in the national liberation task - NCLS, 1976, số 167, tr. 69-73.

149. CAO VĂN BIỀN. **Sự phát triển của đội ngũ công nhân trước Cách mạng Tháng Tám** - Development of the working class before the August Revolution - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 57-67.

150. CAO VĂN BIỀN. **Giới thiệu cuốn *Giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa*** - Reading the book: *The Vietnamese working class in the national liberation revolution and the socialist revolution* - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 87-93.

151. CAO VĂN BIỀN. **Về bản xã công điền, công thổ ở Bắc Bộ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945** - Local communal lands in Tonkin up to the August Revolution in 1945 - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 66-72.

152. CAO VĂN BIỀN. ***Lịch sử Cận đại Việt Nam*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The modern history of Vietnam* - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 78-87.

153. CAO VĂN BIỀN. **Về dân số nông thôn Thái Bình trước Cách mạng Tháng Tám 1945** - On the population in the country side of Thai Binh before the August Revolution - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 80-83.

154. CAO VĂN BIỀN. **Về nạn đói năm Ất Dậu (1945)** - On the famine in the years of At Dau (1945) - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 50-55.

155. CAO VĂN BIỀN. **Phân bố sở hữu ruộng đất tư ở Ninh Bình thời kỳ 1930-1945** - The repartion of private land properties in Ninh Binh in the period of 1930-1945 - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 35-43.

156. CAO VĂN BIỀN. **Tình hình chia gia tài ruộng đất ở Ninh Bình (1930-1945)** - The situation of land heritage in Ninh Binh province - NCLS, 1991, số 3 (156), tr. 51-60.

157. CAO VĂN BIỀN. **Tình hình mua bán ruộng đất ở Ninh Bình (1930-1945)** - The situation of land purchase and sale in Ninh Binh in 1930-1945 - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 71-79.

158. CAO VĂN BIỀN. **Tình hình thế chấp ruộng đất ở nông thôn Ninh Bình (1930-1945)** - The situation of security on estate in Ninh Binh coutry (1930-1945) - NCLS, 1992, số 1 (160), tr. 28-33.

159. CAO VĂN BIỀN. **Thử đánh giá các yếu tố trong sự phân hóa của chế độ tư hữu ruộng đất ở Ninh Bình (1930-1945)** - An attempt of evaluation on the factors in the differentiation of private proprietorship of land in Ninh Binh (1930-1945) - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 27-31.

160. CAO VĂN BIỀN. **Tình hình chia gia tài ruộng đất ở Nam Định (1930-1945)** - The situation of land family inheritance distribution in Nam Dinh province (1930-1945) - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 24-28.

161. CAO VĂN BIỀN. **Các loại chủ sở hữu tư nhân về ruộng đất ở Nam Định thời kỳ 1930-1945** - The different categories of private land-proprietors in Nam Dinh in the period 1930-1945 - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 16-24.

162. CAO VĂN BIỀN. **Công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ (S.F.C.T)** - The French "Tonkin coal mining company" (S.F.C.T) - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 49-57).

163. CAO VĂN BIỀN. **Sự quản lý của Nhà nước đối với Hương ước trong lịch sử** - The State management over the Villige Convention in history- NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 42-51.

164. CAO VĂN BIỀN. **Kho Hương ước Cải lương Hương chính ở Bắc Kỳ** - Reformed Conventions in Tonkin - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 73-83.

165. CAO VĂN LƯỢNG. **Bản chất giai cấp của chính quyền Ngô Đình Diệm** - Ngo Dinh Diem administration class essence - NCLS, 1961, số 24, tr. 4-14.

166. CAO VĂN LƯỢNG. **Âm mưu lợi dụng giáo hội Thiên chúa để đàn áp phong trào cách mạng miền Nam của Mỹ-Diệm** - The conspiracy of taking advantage of the Catholician Church to close down on the revolutionary movement in the South by American imperilism and Ngo Dinh Diem - NCLS, 1963, số 48, tr. 2-11.

167. CAO VĂN LƯỢNG. **Vấn đề liên minh công nông trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam Việt Nam hiện nay** - The question of the worker and pesant alliance in the national democratic revolution in the South Vietnam of to day - NCLS, 1964, số 64, tr. 23-28, 38.

168. CAO VĂN LƯỢNG. **Công nhân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ** - South workers on the front-line of the struggle against American imperialism - NCLS, 1969, số 119, tr. 47-58, 64.

169. CAO VĂN LƯỢNG. **Công nhân miền Nam từ đầu Xuân Mậu Thân đến nay** - South workers from the beginning of Mau Than Spring till now - NCLS, 1970, số 131, tr. 45-55; số 132, tr. 114-119.

170. CAO VĂN LƯỢNG. **Thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đối với công nhân, lao động miền Nam Việt Nam** - Exploitation of the labouring people and workers in South Vietnam by U.S. neo-colonialism - NCLS, 1973, số 153, tr. 15-28.

171. CAO VĂN LƯỢNG. **Bước đầu tìm hiểu về cơ cấu công nhân, lao động ở các thành thị miền Nam Việt Nam hiện nay** - Present structure of the working class and the labouring strata in South Vietnam towns and cities - NCLS, 1974, số 159, tr. 8-20.

172. CAO VĂN LƯỢNG. **Vài nét về giai cấp tư sản mại bản ở miền Nam Việt Nam dưới chế độ thực dân mới của Mỹ** - Some considerations about the compradore bourgeoisic in South Vietnam under the U.S. neo-colonialism - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 46-55.

173. CAO VĂN LƯỢNG. **Chính sách ruộng đất của Mỹ-nguỵ ở miền Nam Việt Nam** - The agrarian policy of the U.S puppet regime in the South Vietnam - NCLS, 1976, số 6 (171), tr. 16-29.

174. CAO VĂN LƯỢNG. **Nhìn lại sự thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ trong chính sách sử dụng chính quyền tay sai ở miền Nam Việt Nam** - Reviewing the failure of the policy on the use of the puppet administration in South Vietnam - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 1-14.

175. CAO VĂN LƯỢNG. **Tìm hiểu phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam Việt Nam** - Study on the Movement of "Dong khoi" in the South Vietnam - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 10-21.

176. CAO VĂN LƯỢNG. **Tìm hiểu sự vận dụng sáng tạo quy luật cách mạng bạo lực trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam** - Essay of study on the creative application of the law of revolutionary force in the national democratic revolution in Vietnam - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 36-44.

177. CAO VĂN LƯỢNG. **Vài nét về cơ cấu kinh tế và xã hội ở nông thôn miền Nam Việt Nam trước ngày giải phóng** - Some fearture about the economic and social structures in the country side of South Vietnam before the liberation - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 55-62.

178. CAO VĂN LƯỢNG. **Nhìn lại việc nghiên cứu vấn đề ruộng đất và nông dân ở miền Nam Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám đến nay** - Retrospective study on the problem of rice fields and of the peasantry on South Vietnam from the August Revolution to our days - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 8-14.

179. CAO VĂN LƯỢNG. **Đimitơrôp và vấn đề kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản** - G. Dimitrov and the problem of combination between patriotism and proletarian internationalism - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 6-10, 23.

180. CAO VĂN LƯỢNG. **Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử những năm 1980-1982 và thời gian tới** - The Historical studies Rewiew during the 1980-1982 period in fortheoming years - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 1-5, 21.

181. CAO VĂN LƯỢNG. **Tìm hiểu hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ** - Researches in to movement of agricultural collectivization at Nam Bo - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 12-23.

182. CAO VĂN LƯỢNG. **Đường lối giương cao cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và chiến thắng Điện Biên Phủ** - The raised banner of national independence and socialism and the Dien Bien Phu victory - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 1-8.

183. CAO VĂN LƯỢNG. **Tìm hiểu về sự phân kỳ lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Research into periodisation of the history of the resistance war against U.S. invaders - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 1-8.

184. CAO VĂN LƯỢNG. **Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thành quả tổng hợp sức mạnh của cả nước, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** - The success of the anti-U.S. resistance, an achievement recorded by the united forces of all the nation, by national independence and socialism - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 1-10.

185. CAO VĂN LƯỢNG. **Ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp** - The historical significance and epochal import of our anti-French resistance war - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 1-6.

186. CAO VĂN LƯỢNG. **Tìm hiểu chủ nghĩa tư bản ở miền Nam Việt Nam dưới thời Mỹ-ngụy (1954-1975)** - Investigations on capitalism in South Vietnam under American puppet regime (1954-1975) - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 9-17.

187. CAO VĂN LƯỢNG. **Suy nghĩ về một số di sản lịch sử trong nông thôn, nông nghiệp miền Nam khi tiến lên chủ nghĩa xã hội** - Reflection on some historical legacy in the country side and the agriculture in the South on the road to socialism - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 76-83.

188. CAO VĂN LƯỢNG. **Về cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân (1968)** - About the General offencive and simultaneous uprising in the Mau Than lunar New Year Festival - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 1-6.

189. CAO VĂN LƯỢNG. **Chiến thắng Điện Biên Phủ, biểu tượng của khát vọng độc lập, tự do và hòa bình** - Dien Bien Phu Victory, A symbol of aspiration to independence, freedom an peace - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 9-13.

190. CAO VĂN LƯỢNG. **Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc – Nguồn gốc thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám** - Highly raising the flag of the great national union - The source of the August Revolution victory - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 1-9.

191. CAO VĂN LƯỢNG. **Độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội, sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước** - National independence united with socialism - The victory force in the war of resistance against the American imperialism for national salvation - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 7-14.

192. CAO VĂN LƯỢNG. **Bài học kinh nghiệm từ trong những năm chuẩn bị kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp** - Lessons of experience drawn from the years to prepare for the National resistance war against the French colonialists - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 1-6.

193. CAO VĂN LƯỢNG. **Mấy vấn đề từ Chiến thắng Việt Bắc (Thu-Đông 1947)** - Some matters from Viet Bac Victory (Autumn-Winter 1947) - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 1-8.

194. CAO VĂN LƯỢNG. **Vấn đề đánh giá đúng địch, ta và thắng lợi của cuộc Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)** - The problem of correctly judging the enemy and ourselves, and the victory of the General offensive uprising in the Mau Than Lunar New Year Festival (1968) - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 3-10.

195. CAO VĂN LƯỢNG. **Một số vấn đề xây dựng giai cấp công nhân nước ta hiện nay** - Some problem on the building of working class in our country nowdays - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 3-13.

196. CAO VĂN LƯỢNG. **Viện Sử học Việt Nam 45 năm qua (1953-1998)** - Vietnam Institute of History during the past 45 year - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 3-18.

197. CAO VĂN LƯỢNG. **Nhìn lại quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam kiểu mới** - Looking back the process of establishment of the new-form State of Vietnam - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 3-15.

198. CAO VĂN LƯỢNG. **Hồ Chí Minh với vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên** - Ho Chi Minh with the problem of enhancing revolutionary morals, sweeping away individualism, preventing the degeneration of a proportion of Communist Party members and cadres - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 3-9.

199. CAO VĂN LƯỢNG. **Chiến thắng Điện Biên Phủ - Thành quả của ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do và hòa bình** - The Dien Bien Phu Victory - The Victory of the Will and Determination of the Vietnamese People in the Struggle for Independence, Freedom and Peace - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 15-21.

200. CAO VĂN LƯỢNG. **Tính chủ động, sáng tạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong quá trình lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi** - The Initiative, Creativeness of the Provincial Committee of the Party in Quang Ngai in Leading the Tra Bong Insurrection and other Activities in the West of Quang Ngai Province - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 3-11.

201. CAO XUÂN PHỔ. ***Góp ý kiến về cuốn sách giáo khoa Lịch sử lớp 9 phổ thông.*** **Tập 1 (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960)** - *Some ideas contributing to the handbook on history for the 9$^{th}$ class of general education* (Education Publishing house, 1960) - NCLS, 1963, số 54, tr. 48-52.

202. CẨM GIANG. **Bức thư mỏ Cẩm (Thái Nguyên)** - A letter from Cam Mine (Thai Nguyen) - NCLS, 1959, số 7, tr. 82-87.

203. CẦM TRỌNG. **Góp phần tìm hiểu chế độ ruộng đất công và hình thái xã hội của người Thái ở Tây Bắc trước đây** - The regime of collective land and old Thai society in the North West / Cầm Trọng, Hữu Ứng - NCLS, 1973, số 151, tr. 50-57.

204. CHÂN THÀNH. **Truyện thần thoại Mường có thể chứng minh sự tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam không?** - Mythology of Muong people can it prove the existence of slavery in Vietnam history? - VSĐ, 1958, số 36, tr. 75-80.

205. CHÂU HẢI. **Vai trò của các tổ chức xã hội truyền thống của người Hoa trong hoạt động thương mại** - The role of Chinese' traditionals socials organizations in the commercial activities - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 55-60.

206. CHÂU HẢI. **"Trung Quốc Cách mạng Đồng minh Hội" và các nhóm cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á** - China revolutionary alliance Association and the groups of Chinese communities in South East Asia - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 83-88.

207. CHÂU HẢI. **Triều Nguyễn với các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XIX** - The Nguyen court with the Chinese communities in Vietnam in the 19th Century - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 32-37.

208. CHESNEAX (J). **Nghiên cứu theo quan điểm mác xít về sự thức tỉnh hiện nay của châu Á và châu Phi** - To study from marxit point of view and the awakening of Asia and Africa of to day - NCLS, 1961, số 28, tr. 5-17.

209. CHO JEA HYUN. **Về sự kiện một số người dân đảo Tế Châu - Triều Tiên trôi dạt đến Hội An đầu thế kỷ XVII** - About the event of a group of Korean Te Chau islanders drifted in Hoi An in the 17th century - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 45-53.

210. CHÍ CÔNG. **Thêm vài ý kiến về quyển *Nước Việt Nam - lịch sử và văn hóa của ông Lê Thành Khôi*** - Some remarks on the Le Thanh Khoi's book: *The historical and cultural Vietnam* - NCLS, 1960, số 13, tr. 71-73.

211. CHIÊM TẾ. **Thử tìm hiểu những đặc điểm phát triển lịch sử của xã hội phong kiến Việt Nam** - To try to understand the paricularities of the Vietnam feudal society historical development - NCLS, 1959, số 5, tr. 6-19; số 6, tr. 39-50.

212. CHIÊM TẾ. **Nhân dân phương Đông đã tiếp thu bài học của Cách mạng Tháng Mười như thế nào?** - How have assimilated the Orient people the lessons of October Revolution - NCLS, 1959, số 8, tr. 16-40.

213. CHIÊM TẾ. **Cách mạng Tháng Tám là một bộ phận của cách mạng thế giới** - The August Revolution is a part of the world revolution - NCLS, 1960, số 18, tr. 21-30.

214. CHIÊM TẾ. **Khắc phục khuynh hướng hiện đại hóa lịch sử, một biểu hiện của chủ nghĩa chủ quan trong công tác nghiên cứu sử học của chúng ta** - To overcome the history modernization trend, an expression of subjectivism in our historical studies work - NCLS, 1967, số 95, tr. 21-31.

215. CHIÊM TẾ. **Vài nét về tư tưởng và hoạt động của Hồ Chủ tịch liên quan đến sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bị áp bức** - Some features on the ideogy and the activities of President Ho relative to the liberation cause of the oppressed people - NCLS, 1970, số 132, tr. 33-47.

216. CHIẾN. **Đi sâu vào Cách mạng Việt Nam** - Going profoundly to Vietnam revolution - VSĐ, 1954, số 1, tr. 8-13.

217. CHU LƯƠNG TIÊU. **Tính chất chống phong kiến của chiến tranh nông dân** - The anti-feudal character of the peasant war - NCLS, 1965, số 78, tr. 56-64.

218. CHU QUANG TRỨ. **Cần nghiêm khắc lên án Phan Thanh Giản** - It is necessary to condemn severely Phan Thanh Gian - NCLS, 1963, số 51, tr. 35-39, 48.

219. CHU QUANG TRỨ. **Bình luận về Trương Vĩnh Ký** - Commentary on Truong Vinh Ky / Chu Quang Trứ, Nguyễn Thanh Hằng, Nguyễn Kim Thư, Hồ Hữu Phước - NCLS, 1964, số 62, tr. 27-29.

220. CHU QUANG TRỨ. **Tìm hiểu Phan Chu Trinh trong lịch sử cận đại Việt Nam** - To study on Phan Chu Trinh in Vietnam modern history / Chu Quang Trứ, BT - NCLS, 1965, số 72, tr. 50-56.

221. CHU QUANG TRỨ. **Vài nhận xét về đồ án triện tròn khắc hình rồng mây in trên bìa sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* (Nội các quan bản)** - On the round seal carved with dragon and aloud figures being set to the cover of *Dai Viet Su ky toan thu* (printed from the Noi cac quan ban engraving) - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 73-74.

222. CHU QUANG TRỨ. **Mỹ thuật Việt Nam buổi giao lưu thời Trần - Hồ** - The Vietnamese art in the period of transition from Tran dynasty to Ho dynasty - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 80-85.

223. CHU QUANG TRỨ. **Xung quanh nhân vật Lý Công Uẩn** - About the personality of Ly Cong Uan - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 57-65.

224. CHU TUYẾT LAN. **Một số tư liệu liên quan đến mối quan hệ giữa Việt Nam và phương Tây dưới triều Nguyễn** - Some documents relating ti the relation between the West and Vietnam under Nguyen dynasty - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 80-83.

225. CHU THIÊN. **Mấy nhận xét nhỏ về những cuộc nông dân khởi nghĩa dưới triều Nguyễn** - Some unimportant remarks on the peasant insurrections under the Nguyen dynasty - NCLS, 1960, số 19, tr. 11-20.

226. CHU THIÊN. **Vài nét về công thương nghiệp triều Nguyễn** - Some features on the industry and the trade under the Nguyen dynasty - NCLS, 1961, số 33, tr. 47-62.

227. CHU THIÊN. **Ba bài thơ xuân nói đến sự thái bình, phồn thịnh ở đời Tây Sơn** - Three Spring poems speaking of the peace and the prosperity under the Tay Son dynasty - NCLS, 1963, số 48, tr. 60-62.

228. CHU THIÊN. **Chính sách khẩn hoang của triều Nguyễn** - The clearing waste land policy of the Nguyen dynasty - NCLS, 1963, số 56, tr. 45-63.

229. CHU THIÊN. **Nhân kỷ niệm 180 năm ngày mất của Lê Quý Đôn (1726-1783) - Đính chính một số chú thích sai về lịch sử trong bài thơ hoài cổ**

**của ông *Cổ Lộng thành*** - On Occasion of the 180$^{th}$ deathday anniversary of Le Quy Don (1726-1783) - Correction of some erroneous notes on history in his poem remembering things in the past: *The Co Long Town* - NCLS, 1964, số 59, tr. 50-52.

230. CHU THIÊN. **Một bài thơ viết về thực dân Pháp đánh chiếm thành Nam Định lần thứ nhất (12-12-1873): *Khốc Bảo Long Trần Chí Thiện*** - A poem writing on the first occupation of Nam Dinh Town by the army forces of French colonialism (12-12-1873): *Khoc Bao Long Tran Chi Thien* - NCLS, 1965, số 80, tr. 28-30.

231. CHU THIÊN. **Một lãnh tụ văn thân Cần vương miền sông Đáy (Nam Hà): Thủ khoa Hoàng Văn Tuấn** - A leader of royalist scholars on the Day River region (Nam Ha): The Honor Graduate Hoang Van Tuan - NCLS, 1966, số 84, tr. 29-31.

232. CHU THIÊN. ***Tây dương gia tô bí lục* một tài liệu lịch sử quý giá nêu cao tinh thần yêu nước chống xâm lược** - *Tay duong gia to bi luc* - A precious historical documents raising the patriotic spirit against aggression // Chu Thiên, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1968, số 107, tr. 56-62.

233. CHU TRỌNG HUYẾN. **Phong trào học sinh yêu nước Nghệ-Tĩnh trong cao trào 1930-1931** - The student movement of Nghe Tinh in the high period of 1930-1931 - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 117-124.

234. CHU XUÂN GIAO. **Vài nét về lịch sử người Nùng An ở bản Phia Chang** - Some features on Nung An people's history at Phia Chang village (Quang Hoa, Cao Bang) - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 33-42.

235. CHỬ VĂN TẦN. **Trở lại vấn đề Văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn** - Again on the question of Hoa Binh - Bac Son culture - NCLS, 1965, số 71, tr. 44-58, 72.

236. CHỬ VĂN TẦN. **Vai trò thủy lợi trong lịch sử các nước phương Đông** - The role of irrigation in the history of the Orient countries - NCLS, 1966, số 84, tr. 14-25; số 85, tr. 55-59.

237. CHƯƠNG DƯƠNG. ***Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII* (Đọc sách)** - Reading the book: *The resistance against the Mongol agression in the 13$^{th}$ Century* - NCLS, 1968, số 114, tr. 32-38.

238. CHƯƠNG DƯƠNG. **Kỷ niệm 1030 năm chiến thắng Bạch Đằng lần thứ nhất** - The 1030$^{th}$ anniversary of the first Bach Dang victory - NCLS, 1969, số 125, tr. 6-63.

239. CHƯƠNG LỖ. **Bàn về việc dịch và dùng danh từ "Dân tộc"** - On the translation and the utilization of the term "Nation" - NCLS, 1962, số 44, tr. 31-35.

240. CHƯƠNG THÂU. **Một tác phẩm của Phan Bội Châu *Trùng quang tâm sử* hay là *Hậu Trần dật sử*** - A work of Phan Boi Chau *Trung quan tam su* or *The missing history of the Tran posterior dynasty* - VSĐ, 1959, số 48, tr. 82-90.

241. CHƯƠNG THÂU. **Quá trình hình thành giai cấp công nhân Việt Nam (Ý kiến trao đổi cùng ông Đặng Việt Thanh)** - The process of Vietnam working class formation (Exchange of view with Mr. Dang Viet Thanh) - NCLS, 1960, số 13, tr. 62-70.

242. CHƯƠNG THÂU. **Lưu Vĩnh Phúc trong cuộc kháng Pháp của nhân dân Việt Nam** - Luu Vinh Phuc in the resistance against the French colonialism of the Vietnam people / Chương Thâu, Minh Hồng - NCLS, 1962, số 36, tr. 7-14.

243. CHƯƠNG THÂU. **Ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu** - The influence of Chinese revolution on the idelogical change of Phan Boi Chau - NCLS, 1962, số 43, tr. 12-26.

244. CHƯƠNG THÂU. **Một số tài liệu và ý kiến về mối quan hệ giữa Phan Bội Châu và Cường Để (Góp thêm ý kiến của đồng chí Hồng Chương)** - Some documents and opinions on the relation between Phan Boi Chau and Cuong De (Contribution to the opinion comrade Hong Chuong) - NCLS, 1962, số 45, tr. 19-24, 32.

245. CHƯƠNG THÂU. **Một số tài liệu về ảnh hưởng của Phan Bội Châu đối với một số tổ chức cách mạng Trung Quốc đầu thế kỷ XX (1905 đến 1925)** - Some documents on the influence of Phan Boi Chau on some revolutionary organizations at the beginning of the XX[th] century (1905-1925) - NCLS, 1963, số 55, tr. 33-43; số 56, tr. 32-44.

246. CHƯƠNG THÂU. **Phan Bội Châu qua một số sách báo miền Nam hiện nay (Phê phán một số tài liệu dẫn sai)** - Phan Boi Chau through some South reviews and books of to day (Critique of some erroneously produced documents) - NCLS, 1964, số 67, tr. 10-20.

247. CHƯƠNG THÂU. **Về hai tập tự truyện của Sào Nam: *Ngục trung thư* và *Phan Bội Châu niên biểu*** - On the two Autobiographies of Sao Nam: *Writings in prison* and *Phan Boi Chau directory* - NCLS, 1965, số 75, tr. 37-45.

248. CHƯƠNG THÂU. **Tác phẩm *Tân Việt Nam* của Phan Bội Châu** - Phan Boi Chau work *The New Vietnam* - NCLS, 1965, số 75, tr. 31-39.

249. CHƯƠNG THÂU. **Nhân ngày giỗ, nhắc lại lời di chúc của Phan Bội Châu** - On the occasion of the Phan Boi Chau aniversary, we call to mind his testment - NCLS, 1965, số 79, tr. 5-7.

250. CHƯƠNG THÂU. **Đinh phu nhân hay chính là Ấu Triệu** - Dinh's wife or Au Trieu - NCLS, 1966, số 82, tr. 47-52.

251. CHƯƠNG THÂU. **Nguồn gốc chủ nghĩa yêu nước của Phan Bội Châu** - The origin of Phan Boi Chau's patriotism - NCLS, 1966, số 88, tr. 21-24.

252. CHƯƠNG THÂU. **Hai văn kiện ngoại giao đầu tiên của Phan Bội Châu** - Two first Phan Boi Chau's documents on foreign affairs - NCLS, 1966, số 90, tr. 91-94.

253. CHƯƠNG THÂU. **Mối quan hệ giữa Tôn Trung Sơn và Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX** - The relation between Ton Trung Son and Vietnam revolution in the begining of the 20th Century - NCLS, 1966, số 91, tr. 17-28.

254. CHƯƠNG THÂU. **Cụ Phan Bội Châu sinh năm nào?** - In what year was born Phan Boi Chau? - NCLS, 1967, số 97, tr. 60-61.

255. CHƯƠNG THÂU. **Tình hình nghiên cứu Phan Bội Châu từ trước đến nay** - The situation of research on Phan Boi Chau until now - NCLS, 1967, số 104, tr. 6-16.

256. CHƯƠNG THÂU. **Một số tài liệu lịch sử về tình hữu nghị chiến đấu giữa hai nước Việt - Trung thời Cận đại** - Some historical documents on the struggle friendship between the two nations Vietnam -China in the modern time - NCLS, 1968, số 115, tr. 10-21.

257. CHƯƠNG THÂU. **Giới thiệu và phê bình cuốn sách** ***Nhà yêu nước và nhà văn Phan Bội Châu*** - Book review *Phan Boi Chau, the patriot and the writer* - NCLS, 1971, số 136, tr. 35-41.

258. CHƯƠNG THÂU. **Về cuốn** ***Việt Nam nghĩa liệt sử*** - On the book: *Vietnam nghia liet su* - NCLS, 1973, số 151, tr. 58-63.

259. CHƯƠNG THÂU. **Bàn thêm về cuốn** ***Phan Bội Châu Niên biểu*** **(Đọc sách)** - Again some reflections on the *Phan Boi Chau Nien bieu* - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 82-91.

260. CHƯƠNG THÂU. **Ảnh hưởng Cách mạng Tháng Mười đối với Phan Bội Châu** - The influence of the October Revolution on Phan Boi Chau - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 82-91.

261. CHƯƠNG THÂU. **Điều trần của Nguyễn Trường Tộ về vấn đề nông nghiệp** - On the statement of Nguyen Truong To about the question of agriculture - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 73-78.

262. CHƯƠNG THÂU. **Góp phần đánh giá con người và tư tưởng của Nguyễn Công Trứ** - Contributions to the appraisal of Nguyen Cong Tru personality and thoughts - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 76-82.

263. CHƯƠNG THÂU. **Phan Bội Châu với chủ trương phát triển kinh tế, phục vụ cuộc vận động cách mạng đầu thế kỷ XX** - Phan Boi Chau and his project of economic development seeking to serve the revolutionary at the beginning of the 20th Century / Chương Thâu, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 35-41.

264. CHƯƠNG THÂU. ***Nửa thế kỷ đấu tranh dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled: *A hafl century of struggle under the banner of independence and socialism* - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 86-88.

265. CHƯƠNG THÂU. **Về tấm bia kỷ niệm Thiển Vũ Tá Hỷ Thái Lang** - On the stele commemorating Thien Vu Ta Hy Thai Lang - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 85-86.

266. CHƯƠNG THÂU. **Huỳnh Thúc Kháng - Nhà sĩ phu yêu nước (1876-1947)** - Huynh Thuc Khang - A lettered patriot (1876-1947) - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 56-66.

267. CHƯƠNG THÂU. ***Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925*** **của Thu Trang (Đọc sách)** - Reading the book entitled: *Phan Chau Trinh's activities in France during the 1911-1925 period* of Thu Trang - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 82-87.

268. CHƯƠNG THÂU. **Thư của Phan Bội Châu gửi Cung kỳ Thao Thiên (Miyazaki Toten)** Letter from Phan Boi Chau to Cung Ky Thao Thien (Miyazaki Toten) - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 82.

269. CHƯƠNG THÂU. **Giới thiệu bài** ***Cải chính về vụ đào mả Tự Đức và về vụ bom nổ ở Thái Bình và Hà Nội*** **của Phan Châu Trinh** - On the article entitled *Dementi a propos of the uneacrthing of Tu Duc's remains and of bomb explosion at Thai Binh and Hanoi* by Phan Chu Trinh - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 81-85.

270. CHƯƠNG THÂU. **Thực dân Pháp chống lại sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam** - The French colonialists against the circulation of the Marxism and Leninism in Vietnam - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 25-35.

271. CHƯƠNG THÂU. **Những gương mặt công giáo Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước thời cận đại** - Vietnamese

Catholic models in modern history in the struggle for building and safe guarding the country - NCLS, 1988, số1-2 (238-239), tr. 55-60.

272. CHƯƠNG THÂU. **Ảnh hưởng Cách mạng tư sản Pháp đối với một số nhà nho Việt Nam yêu nước và tiến bộ đầu thế kỷ XX** - influence of French revolution upon a number of patriotic interllectuals of the early XX[th] - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 79-86.

273. CHƯƠNG THÂU. *Nhật Bản cận đại* **(Đọc sách)** - Reading the book: entitled: *The modern Japan* - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 86-87.

274. CHƯƠNG THÂU. **Giới thiệu bài** ***Chính kiến của cụ Phan Châu Trinh.*** **Hiện trạng vấn đề:** ***Bất bạo động, bạo động tắc tử! Bất ngoại vong, vọng ngoại giả ngu!*** - Presenting the article: *The policical views of Phan Chau Trinh. The present situation of the question: No violence, violence is death: No trust on foreigners, trust on foreigners os foolishness!* - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 71, 79.

275. CHƯƠNG THÂU. **Tăng Bạt Hổ với phong trào Đông Du** - Tang Bat Ho and the movement for a Journey to the East - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 16-21.

276. CHƯƠNG THÂU. **Chính sách của thực dân Pháp đối với ảnh hưởng của Tân thư ở Việt Nam** - French policy toward influence of Tan Thu (New learning) in Vietnam - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 7-10.

277. CHƯƠNG THÂU. **Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào Nghĩa thục ở các địa phương** - Dong Kinh Nghia thuc (1907) and Nghia thuc movement in localities - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 11-16.

278. CHƯƠNG THÂU. **Tổng tài Cao Xuân Dục và bộ sách** ***Quốc triều chính biên toát yếu*** - The president of the Institute of National History Cao Xuan Duc and the selection *Quoc trieu chinh bien toat yeu* - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 33-40.

279. CHƯƠNG THÂU. **Quan hệ mậu dịch ở biên giới Việt-Trung từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX** - Trade relations at Vietnamese-Chinese frontier from the late 19[th] century to the middle 20th century - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 23-31.

280. CHƯƠNG THÂU. **Sách** ***An Nam chí lược*** **và tác giả của nó** - The book *An Nam chi luoc* and its author - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 53-61.

281. CLAUDINE SALMON. **Từ Batavia đến Sài Gòn. Du ký của một thương nhân Hoa kiều (1890)** - From Batavia to Sai Gon - Travelling notes of a Chinese merchant (1890) / Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 54-72.

282. CLAUDINE SALMON. **Sứ thần Việt Nam Cao Bá Quát (1809-1854) và nhận thức của ông qua chuyến công cán *Vùng Hạ Châu*** - Vietnamese envoy Cao Ba Quat and his knoweledge through his official trip to *The area of Ha Chau* / Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 49-55; 1997, số 1 (290), tr. 11-27.

283. CÔN (I). ***Khoa học lịch sử khủng hoảng* hay chính hệ thống tư tưởng phản động bị khủng hoảng** - *The crisis of historical science* or the crisis of reactionary ideology? - VSĐ, 1956, số 22, tr. 45-55.

284. CÔN (I.S). **Triết lý sử học tư sản trên bước đường cùng** - The philosophy of history of the bourgeois in the blind alley - NCLS, 1961, số 33, tr. 42-46; 1962, số 35, tr. 47-57.

285. CÔNTRIN (B.A). **Những phương pháp mới trong khảo cổ học - Tổng kết Hội nghị toàn Liên Xô về cách áp dụng những phương pháp khoa học tự nhiên và kỹ thuật vào khảo cổ học** - The new methods on archeslogy - Account of the Soviet Union Conference on the application of the natural science and technics methods on archeology - NCLS, 1964, số 62, tr. 30-39.

286. CÔTXƠMINXKI (E.A). **Một số vấn đề chủ yếu có liên quan đến chủ nghĩa phong kiến Tây Âu trong khoa học lịch sử Xô viết** - Some fundamental questions relative to the West Europian feudalism in Soviet Union historical science - NCLS, 1961, số 22, tr. 74-80; số 23, tr. 65-78.

287. CƠRAYNỐP (Đ.A). **Khảo cổ học và việc nghiên cứu địa phương** - Archeology and the study on the localities - NCLS, 1960, số 15, tr. 64-70.

288. CUMANEV (V). **Khoa học lịch sử trong nền giáo dục ở trường học** - Historical science in the school - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 70-79.

# D

289. D.M. **Giới thiệu văn học Việt Nam thời Tây Sơn** - The Vietnam literature in the Tay Son period - VSĐ, 1956, số 14, tr. 51-59.

290. D.M. **Nguyễn Huệ đã cản phá quân xâm lược Xiêm La ở Rạch Gầm - Xoài Mút vào ngày nào năm Giáp Thìn?** - In what day of the Giap Thin year Nguyen Hue has won the Siamese aggressors in Rach Gam - Xoai Mut? - NCLS, 1965, số 70, tr. 63-65.

291. D.M. **Một chút tài liệu về trận đánh quân Mãn Thanh năm 1789** - Documents on the battle against the Sing's aggressors in 1789 - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 81.

292. DIỆP ĐÌNH HOA. **Vài ý kiến về bài *Xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu Lạc*** Some opinions on the article *Van Lang society and Au Lac society* - NCLS, 1961, số 26, tr. 32-42; số 27, tr. 34-48.

293. DIỆP ĐÌNH HOA. **Những ngôi mộ cổ tìm thấy ở Việt Khê (Hải Phòng)** - The ancient tombs discovered in Viet Khe (Hai Phong) / Diệp Đình Hoa, Phạm Văn Kính - NCLS, 1963, số 49, tr. 48-61.

294. DIỆP ĐÌNH HOA. **Quá độ từ xã hội nguyên thủy đến sự hình thành Nhà nước đầu tiên** - The transition from the primitive society to the amergence of the earliest state organization - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 25-34.

295. DIỆP ĐÌNH HOA. **Truyền thống với sự thử thách quyết liệt đối với sự đổi mới ở lưu vực sông Hồng** -Tradition and the decisive test in the renovation of Red River delta - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 91-97.

296. DIỆP ĐÌNH HOA. **Lễ hội quần chúng** - The mass feats - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 9-19.

297. DIỆP ĐÌNH HOA. **Thực tiễn và triết lý sinh thái nhân văn của người Việt trong nông nghiệp** - Pratice and phiolosophy of anthropoecology of the Vietnamese in agriculture - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 11-20.

298. DIỆP ĐÌNH HOA. **Đất đai và huyết thống - Vài nhận xét về quyền sở hữu đất rừng qua *Chuyện họ Phốc* (Yao Pul Phoc) của người Mnông Gar - tỉnh Đắc Lắc** - Land and consanguinity - Some remarks on the forest - land propritorship through the *History of Phoc family* of the Mnong Gar people in Darlak - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 31-48.

299. DIỆP ĐÌNH HOA. **Lệ làng và ảnh hưởng của nó đối với pháp luật hiện đại** - Village customs and their influences on the modern Law - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 1-11.

300. DIỆP ĐÌNH HOA. **Cá tính Việt Nam và Pháp luật Dân sự Việt Nam** – The Vietnam personality and the Vietnam civil law - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 40-47.

301. DIỆP ĐÌNH HOA. **Động thái phát triển bản sắc các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thời đổi mới** - Impetus to the character's development of the ethnic minorities in Vietnam in the period of renovation - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 1-6.

302. DIỆP ĐÌNH HOA. **Giáp - Tổ chức xã hội giới nam của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ** - Giap - A Vietnamese male gender's social organization in the Northern delta of Vietnam - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 44-52.

303. DIỆP ĐÌNH HOA. **Người La Hủ ở Mường Tè-Lai Châu** - La Hu athnic minority in Muong Te - Lai Chau - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 57-69.

304. DIỆP ĐÌNH HOA. **Người Xila ở Mường Tè - Lai Châu** - Xila people at Muong Te - Lai Chau - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 50-58.

305. DIỆP ĐÌNH HOA. **Khởi nghĩa Vĩnh Thạnh (6-2-1959)** - Vinh Thanh uprising (6-2-1959) - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 35-48.

306. DIỆP VÂN. **Tài liệu về cuộc kháng chiến chống Pháp của Nguyễn Trung Trực (1861-1868)** - Documents on the resistance against French colonialism of Nguyen Trung Truc - NCLS, 1968, số 110, tr. 53-60.

307. DOÃN ĐẠT. **Cải tiến công tác nghiên cứu khoa học lịch sử** - To improve the historical studies work - VSĐ, 1956, số 19, tr. 59-66.

308. DU NGHỆ. **Cuộc nổi dậy chống Nguyễn (1816-1844) do Lê Duy Lương đứng đầu** - The Insurrection led by Le Duy Luong against Nguyen dynasty (1816-1844) - NCLS, 1968, số 117, tr. 38-43.

309. DUY HINH. **Vài ý kiến về vấn đề phong kiến hóa trong lịch sử Việt Nam** - Some ideas on the feudalization in Vietnam history - NCLS, 1963, số 55, tr. 9-17.

310. DUY HINH. **Tính chất cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng** - The character of the two Trung Sisters insurrection - NCLS, 1965, số 72, tr. 2-13.

311. DUY MINH. **Đánh giá Phan Chu Trinh** - Evaluation on Phan Chu Trinh - NCLS, 1964, số 69, tr. 15-19.

312. DUY MINH. **Chính sách của các vua thời Lê sơ đối với miền Tây Bắc và miền Tây nước Đại Việt** - The policy of the Kings in the Early Le Dynasty towards the North West and the West regions of the Great Viet - NCLS, 1965, số 74, tr. 43-46.

313. DUY MINH. **Thử tìm đặc điểm phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam** - To try to search for the peasant movement particularities in Vietnam history - NCLS, 1965, số 78, tr. 2-8.

314. DUY MINH. **Vai trò của khởi nghĩa nông dân trong quá trình phát triển của dân tộc** - The role of peasant insurrection in the process of nation development - NCLS, 1965, số 81, tr. 3-7, 10.

315. DUY MINH. **Vài ý kiến về cuốn** ***Tây Sơn thủy mạt khảo*** **của Đào Nguyên Phổ** - Some remarks about the book of Dao Nguyen Pho *Tay Son thuy mac khao* (Essay on Tay Son from the beginning to the end)- NCLS, 1966, số 83, tr. 45-48.

316. DUY MINH. **Nguyễn Trãi tham gia nghĩa quân Lam Sơn từ năm nào?** - In what year Nguyen Trai participated to the Lam Son rebels - NCLS, 1966, số 87, tr. 17-18.

317. DUY MINH. **Mấy nghi vấn về thời kỳ Ngô, Đinh, Lê (939-1009)** - Some interrogations about the Ngo, Dinh, Le period (939-1009) - NCLS, 1967, số 101, tr. 30-32.

318. DƯƠNG ĐỨC NGUYÊN. **Một cơ sở truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin đầu tiên ở tỉnh Thái Bình: Trường tư thục Minh Thành** - A first propaganda tell for Marxism - Leninism in Thai Binh: Minh Thanh private school (1927-1928) - NCLS, 1976, số 167, tr. 74-77.

319. DƯƠNG ĐỨC NGUYÊN. **Về lễ truy điệu Phan Chu Trinh ở Nam Định, Thái Bình trong năm 1926** - The commemoration of Phan Chu Trinh at Nam Dinh - Thai Binh in 1926 - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 89-90.

320. DƯƠNG HÀ HIẾU. **Địa giới huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ trong lịch sử** - Border of Thanh Son District, Phu Tho Province in history - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 31-35.

321. DƯƠNG HÀ HIẾU. **Về vấn đề quản lý làng xã ở huyện Thanh Sơn trước năm 1945 (Qua các hương ước)** - On village management at Thanh Son district before 1945 (by village conventions) - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 39 - 48.

322. DƯƠNG HƯỚNG KHUÊ. **Học tập học thuyết lịch sử trong tư tưởng Mao Trạch Đông** - Studying the historical doctrine in Mao Tse Tung thingking - VSĐ, 1955, số 5, tr. 69-70.

323. DƯƠNG KIỀU LINH. **Một vài nét về chính sách báo chí của chính quyền Ngô Đình Diệm (1954-1963)** - Some features on the Press policy of Ngo Dinh Diem (1954-1963) - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 21-26.

324. DƯƠNG KINH QUỐC. **Ngân sách của chính quyền thực dân Pháp (từ đầu thời kỳ thuộc địa đến Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất)** - The French colonial administration budget (From the beginning of colonization to World War I) - NCLS, 1974, số 159, tr. 61-74.

325. DƯƠNG KINH QUỐC. **Một thủ đoạn xâm lược và thống trị thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam "Chính sách hợp tác"** - A

manoeuvre of colonial aggression and administration of the French colonialism in Vietnam "The policy of association" - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 40-52.

326. DƯƠNG KINH QUỐC. **Cuộc vận động khởi nghĩa ở Mỹ Tho năm 1883** - Insurrectionary movement of My Tho in 1883 - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 62-69.

327. DƯƠNG KINH QUỐC. **Hệ thống chính quyền của thực dân Pháp ở Việt Nam thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (Quá trình thiết lập và cơ cấu tổ chức)** - Organization system of power of the French colonialism in Vietnam in the time before the August Revolution in 1945 - NCLS, 1982, số 2 (203) đến số 5 (206).

328. DƯƠNG KINH QUỐC. **Vài nét về nước Pháp trước ngày cách mạng năm 1789 bùng nổ** - Some Remarks on France before the Revolution of 1789 - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 12-18.

329. DƯƠNG KINH QUỐC. **Về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917** - About Thai Nguyen insurrection (1917) with movement - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 7-32.

330. DƯƠNG LÊ LONG. **Đọc bản dịch *Đại Việt thông sử* của Lê Mạnh Liêu** - After reading the version of *Dai Viet thong su* of Le Manh Lieu - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 84-87.

331. DƯƠNG MINH. **Thử nhận định về những mũi tên đồng phát hiện ở Cổ Loa** - To try to evaluate the brass shafts discovered in Co Loa - NCLS, 1960, số 14, tr. 41-49.

332. DƯƠNG MINH. **Bảy năm công tác nghiên cứu Cổ sử, Trung thế kỷ và khảo cổ học** - Seven years of study work on Ancient history, on the Middle Age and Archaeology - NCLS, 1960, số 21, tr. 28-35.

333. DƯƠNG MINH. **Đánh giá vai trò Hồ Quý Ly thế nào cho đúng?** - How to evaluate correctly the role of Ho Quy Ly - NCLS, 1961, số 22, tr. 6-73.

334. DƯƠNG MINH. **Những vấn đề lịch sử được nghiên cứu và thảo luận trong năm 1961** - The question of history studies and discussed in 1961 - NCLS, 1962, số 34, tr. 3-5, 23.

335. DƯƠNG MINH. **Thử xem xét nguyên nhân gì khiến cuộc kháng chiến của Trưng Trắc và Trưng Nhị phải thất bại?** - To try to examine the cause determining the dedefeat of Trung Trac and Trung Nhi resistance - NCLS, 1962, số 36, tr. 3-6.

336. DƯƠNG MINH. **Đồng bào theo Phật giáo ở miền Nam đang tiếp tục truyền thống anh dũng bất khuất của dân tộc** - Our buddhistic

compatriots are keeping on the heroic, unyielding tradition of the nation - NCLS, 1963, số 53, tr. 1, 24.

337. DƯƠNG MINH. **Tính chất quan trọng của chiến thắng Tụy Động và chiến thắng Chi Lăng** - The important character of Tuy Dong victory and Chi Lang victory - NCLS, 1963, số 55, tr. 2-8.

338. DƯƠNG MINH. **Thử tìm hiểu phương pháp sưu tầm tài liệu của Lê Quý Đôn** - To try to understand the method carried out by Le Quy Don to search for documents - NCLS, 1964, số 61, tr. 2-5.

339. DƯƠNG MINH. **Lê Anh Tuấn và xã hội Đàng Ngoài hồi nửa đầu thế kỷ XVIII** - Le Anh Tuan and the society of Dang Ngoai in the first half 18th Century - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 60-63.

340. DƯƠNG MINH. **Vài suy nghĩ về người Hoa trên đất Việt** - Reflections on Chinese residents in Vietnam - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 1-8-111.

341. DƯƠNG THÁI MINH. **Về cuốn sách *Ô Châu cận lục*** - On the book *O Chau can luc* - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 75-77.

342. DƯƠNG TRUNG QUỐC. **Nghiên cứu về Tháng Tám 1945 - Từ hiện thực đến nhận thức** - The August Revolution - from reality to new knowledge in Vietnam - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 8-14.

343. DƯƠNG TRUNG QUỐC. **Ảnh - Một nguồn tư liệu cần được khai thác trong nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá lịch sử** - Photographs - A historical sources that needs to be utilized in researching, teaching and propogandizing history - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 15-23.




344. ĐÁI XUÂN NINH. **Chủ nghĩa nhân đạo trong thơ Hồ Xuân Hương** - The humanism in the Ho Xuan Huong poeting - VSĐ, 1955, số 12, tr. 78-86.,

345. ĐÀM THỊ UYÊN. **Tình hình ruộng đất ở Quảng Hòa (Cao Bằng) theo địa bạ Gia Long năm thứ 4 (1805)** - Land situation at Quang Hoa (Cao Bang) by Gia Long the 4th year (1805) cadastre - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 55-60.

346. 285. ĐÀM XUÂN LINH. **Đánh giá Lưu Vĩnh Phúc cần thấy mặt tích cực là chủ yếu** - It is necessary to recognize that the positive side of Luu Vinh Phuc is his main side, in evaluating him - NCLS, 1962, số 40, tr. 48-52.

347. ĐAN ĐỨC LỢI. **Vấn đề đặt chữ cho các dân tộc chưa có văn tự** - The question of writing for the illiterate ethnic minorities - VSĐ, 1957, số 29, tr. 81-84.

348. ĐAN ĐỨC LỢI. **Một số ý kiến về Phan Chu Trinh** - Opinions on Phan Chu Trinh - NCLS, 1965, số 72, tr. 57-58.

349. ĐÀO DUY ANH. **Văn hóa Đông Sơn hay văn hóa Lạc Việt** - Dong Son culture or Lac Viet culture - VSĐ, 1954, số 1, tr. 14-29.

350. ĐÀO DUY ANH. **Mấy ý kiến về bộ *Sơ thảo lịch sử Việt Nam*** - Opinions on *The first draft of Vietnam history* - VSĐ, 1955, số 9, tr. 77-81.

351. ĐÀO DUY ANH. **Phát biểu ý kiến về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - Opinions on the Slavery in Vietnam - NCLS, 1960, số 16, tr. 72-76.

352. ĐÀO DUY ANH. **Nhân những phát hiện mới về khảo cổ học của ta** - On occasion of the new discoveries of our Archaeology - NCLS, 1961, số 32, tr. 25-32.

353. ĐÀO DUY ANH. **Sự cần thiết chỉnh lý tài liệu trong công tác nghiên cứu và phiên dịch** - The necessity of the correction of documents in the study work and in the translation work - NCLS, 1962, số 37, tr. 5-14.

354. ĐÀO DUY ANH. **Cuộc kháng chiến của nhà Trần đã ngăn chặt sự bành trướng của Mông Cổ xuống Đông Nam Á** - The resistance of Tran dynasty has stopped the Mongol expansion to Southeast-Asia - NCLS, 1962, số 42, tr. 16-20.

355. ĐÀO DUY ANH. **Cái bia cổ ở Trường Xuân với vấn đề nhà Tiền Lý** - The ancient stele in Truong Xuan and the question of the anterior Ly dynasty - NCLS, 1963, số 50, tr. 22-28.

356. ĐÀO DUY ANH. **Tình hình nước Chiêm Thành trước sau thế kỷ X (Theo chính sử Trung Quốc)** - The situations of Chiem Thanh country before and after the 10th Century - NCLS, 1963, số 51, tr. 23-28.

357. ĐÀO DUY ANH. **Sách *Phủ biên tạp lục* và bản dịch** - The book *Phu bien tap luc* and its translation - NCLS, 1964, số 64, tr. 35-38.

358. ĐÀO DUY ANH. **Tìm các đèo Khâu Cấp và Nội Bàng trên đường dụng binh của Trần Hưng Đạo** - In search of the Khau Cap and Noi Bang in the paths used for the war by Tran Hung Dao - NCLS, 1964, số 66, tr. 36-38.

359. ĐÀO DUY ANH. **Nguyễn Trãi có từng sang Trung Quốc hay không?** - Nguyen Trai has gone to China - NCLS, 1969, số 128, tr. 50-55.

360. ĐÀO DUY ANH. **Những cọc lim đào được với sự đổi dòng của Bạch Đằng** - The ironwood piles dug up with the stream change of Bach Dang River - NCLS, 1969, số 129, tr. 10-18.

361. ĐÀO DUY ANH. **Chứng tích xưa nhất về chữ Nôm: Một tấm bia thời Lý Cao Tôn** - The mots ancient proof of demotic script: a stele from the Ly Cao Ton dynasty - NCLS, 1970, số 134, tr. 45-46.

362. ĐÀO DUY ANH. **Lai lịch thành Sài Gòn (Tư liệu địa lý lịch sử)** On the origin of Sai Gon - NCLS, 1971, số 140, tr. 63-64.

363. ĐÀO DUY ANH. **Sách lược "Công tâm" - Cống hiến chủ yếu của Nguyễn Trãi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc** - "The attack to the hearth" tactics - A cucial contribution of Nguyen Trai to the work of national liberation - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 43-46.

364. ĐÀO DUY ĐẠT. **Loại hình xí nghiệp "Quan đốc thương biện" - Bước đầu tiến trình cận đại hóa nền kinh tế Trung Quốc** - The type of enterprise "Quan doc thuong bien" - The first step of the modernisation process of Chinese's economy - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 73-82.

365. ĐÀO DUY ĐẠT. **Tìm hiểu chính sách văn hóa "Trung học vi thể - Tây học vi dụng" ở Trung Quốc trong phong trào Dương Vụ (1861-1894)** - A study on the culture policy of *Trung hoc vi the, Tan hoc vi dung* (Chinese education in form, New education in use) in Duong Vu movement, China (1861-1894) - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 70-78.

366. ĐÀO HOÀI NAM. **Góp vào việc nghiên cứu tình hình và đặc điểm giai cấp tư sản Việt Nam trong thời thuộc Pháp** - Contribution to the study on the Vietnam bourgeoisie situation and particularities in the French colony period - NCLS, 1959, số 3, tr. 56-71.

367. ĐÀO HÙNG. **Hoàng thành Thăng Long - Những phát hiện mới của Khảo cổ học** - Thang Long Royal Citadel - New Archeological Discoveries - NCLS, 2004, số 1 (332), tr. 39-44.

368. ĐÀO QÚY CẢNH. **Về vị trí của lỵ sở lộ An Bang thời Trần** - About the location of An Bang ly so lo under the Tran dynasty - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 51-56.

369. ĐÀO THỊ DIẾN. **Hà Nội - Những sự kiện trước và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (Qua một số tư liệu lưu trữ trong thời kỳ 1940-1946)** - Hanoi - The events before August Revolution - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 62-69.

370. ĐÀO TỐ UYÊN. **Vài nét về công cuộc khẩn hoang thành lập tổng Hướng Đạo (Kim Sơn-Hà Nam Ninh)** - Some features on cleaning work for the

setting up the Huong Dao canton (Kim Son-Ha Nam Ninh) / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 41-49.

371. ĐÀO TỐ UYÊN. **Chế độ ruộng đất ở Kim Sơn trong nửa đầu thế kỷ XIX** - Land regim in Kim Son district in the first half of XIX$^{th}$ Century / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 61-66.

372. ĐÀO TỐ UYÊN. **Vài nét về tình hình phân bố ruộng đất ở một ấp khai hoang trong thế kỷ XIX: Ấp Thủ Trung (Kim Sơn)** - Some features about the situation of land repartition in a hamlet organized in the 19$^{th}$ Century - Thu Trung hamlet, Kim Son district, Ninh Binh province / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 49-55.

373. ĐÀO TỐ UYÊN. **Thêm một số ý kiến về vấn đề giảng dạy lịch sử Cổ-Trung đại Việt Nam** - Again some opinions about the question of Antique and Middle Age Vietnam history teaching - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 39-41.

374. ĐÀO TỐ UYÊN. **Bước đầu tìm hiểu tình hình kinh tế huyện Phúc Thọ (Hà Tây) - Thời kỳ 1981-1991** - Preliminary studies on economical situation in Phuc Tho district (Ha Tay) from 1981 to 1991 - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 33-39.

375. ĐÀO TỐ UYÊN. **Tìm hiểu tổ chức chính quyền Trung ương ở nước ta thời phong kiến** - Research into the central power of our country under feudality / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 20-25.

376. ĐÀO TỐ UYÊN. **Góp thêm ý kiến về việc nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương** - Some ideas were contributed to research, compilation and teaching of local history / Đào Tố Uyên, Nguyễn Công Khanh - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 58-62.

377. ĐÀO TUẤN THÀNH. **Chế độ Quân chủ lập hiến của Rumani (Giai đoạn 1866-1947)**- The Constitutional Monarchy of Romania (1866-1947 Stages) - NCLS, 2004, Số 2 (333), tr. 40-50.

378. ĐÀO TÙNG. **Giá trị to lớn của tác phẩm thiên tài của Lênin Cuốn *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* đối với cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay** - The great value of Lenin's talented work relative to our ideological struggle of to day: *Chu nghia duy vat va chu nghia kinh nghiem phe phan* - NCLS, 1959, số 8, tr. 41-57.

379. ĐÀO TỬ KHẢI. **Vài ý kiến đóng góp về vấn đề di chỉ đồ đá mới Cổ Nhuế (Lâm Thao, Phú Thọ)** - Some ideas contributing to the question of the neolitic instruments and utensils vestiges at Co Nhue (Lam Thao, Phu Tho) - NCLS, 1960, số 12, tr. 4-13.

380. ĐÀO TỬ KHẢI. **Người Pháp đã làm gì đối với công tác khảo cổ và di tích lịch sử Việt Nam?** - What did the Frenchmen with the Vietnam historical vestiges? NCLS, 1960, số 13, tr. 49-54.

381. ĐÀO TỬ KHẢI. **Vấn đề có chế độ nô lệ hay không có chế độ nô lệ trong xã hội cổ đại Việt Nam?** - On the problem: was there the slavery or not in the Vietnam Antique society? - NCLS, 1960, số 19, tr. 63-70.

382. ĐÀO TỬ KHẢI. **Vài ý kiến trao đổi về một số điểm trong bài** ***Xã hội Việt Nam có trải qua một thời kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ hay không?*** **của hai đồng chí Trần Quốc Vượng và Chu Thiên** - Exchange of opinions on some points in the artcle *The Vietnam society had it a slavery period?* of two authors Tran Quoc Vuong and Chu Thien - NCLS, 1961, số 24, tr. 63-71.

383. ĐÀO TỬ KHẢI. **Vài ý kiến về chiếc thạp Đào Thịnh và văn hóa đồng thau** - Some ideas on the large glazed earthenwar far Dao Thinh and the culture of the bronze age - NCLS, 1961, số 27, tr. 49-56; số 29, tr. 41-52.

384. ĐÀO TỬ KHẢI. **Những bước phát triển lớn của thị tộc Hồng Bàng. Có hay không có nhân vật Hùng Vương trong lịch sử dân tộc ta?** - The great development phases of Hong Bang clan. Was the personage Hung Vuong in our national history? - NCLS, 1967, số 101, tr. 41-45, 57.

385. ĐÀO TỬ KHẢI. **Vài ý kiến về công tác nghiên cứu thành Cổ Loa và việc tìm hiểu xã hội Âu Lạc** - Some ideas on the question of the study on Co Loa citadel and on the research on Au Lac society - NCLS, 1968, số 109, tr. 51-54.

386. ĐÀO TỬ MINH. **Một vài ý kiến về vấn đề phiên âm và giải thích thơ quốc âm của nhà đại văn hào Nguyễn Trãi** - Some thingkings about the question of phonetic transcription and explanation of the great writer Nguyen Trai's poems in national language - VSĐ, 1958, số 36, tr. 80-90.

387. ĐÀO TỬ MINH. **Khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) - Một phong trào đấu tranh quyết liệt của nông dân Hà Tĩnh** - The Co Vang (Yellow flag) insurrection in Giap Tuat year (1874). A drastic movement of the Ha Tinh peasant's struggle / Đào Tử Minh, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1975, số 6 (165), tr. 69-81.

388. ĐÀO TỬ MINH. **Bài ca về một danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn: Nguyễn Tuấn Thiện** - A ballad exlting a renowned general of the Lam Son insurgent troops: Nguyen Tuan Thien / Đào Tử Minh, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 74-77.

389. ĐẶNG BÍCH HÀ. **Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Lào (1962-1975)** - Great victory of the Lao revolution (1962-1975) - NCLS, 1975, số 165, tr. 7-16.

390. ĐẶNG BÍCH HÀ. **Đảng của giai cấp công nhân, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Lào** - The working class Party, an organizer of every victory of the Laotian revolution - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 52-62, 70.

391. ĐẶNG DŨNG CHÍ. ***Nhà tù Côn Đảo*** **(Cuốn 1:** ***Nhà tù Côn Đảo (1862-1945).*** **Cuốn 2:** ***Nhà tù Côn Đảo (1945-1954)*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Con Dao prison* (Tome 1: *Con Dao prison (1862-1945).* Tome 2: *Con Dao prison (1945-1954)* - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 93-96.

392. ĐẶNG DŨNG CHÍ. **Vì sao Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam?** - Why did the American imperialists carry on the agression against Vietnam? - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 15-20.

393. ĐẶNG DŨNG CHÍ. **Nỗ lực chiến tranh cuối cùng của Mỹ và Hiệp định Paris 1973** - The American last efforts for war and Paris Agreement 1973 - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 14-19.

394. ĐẶNG ĐỨC AN. **Vài nhận xét về việc đưa nhân vật lịch sử thế giới vào sách giáo khoa Phổ thông Trung học** - Some remarks about the introduction of World History personages into the texboook of general Secondary education - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 54-56.

395. ĐẶNG ĐỨC AN. **Thanh niên Hành Thiện tham gia Phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục và Việt Nam Quang phục Hội** – The Hanh Thien youth participation to the Visit-to-the-East (Dong du) movement, to the Dong Kinh Nghia thuc movement and to the Vietnam Restoration Association (Viet Nam Quang phuc Hoi) - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 64-69.

396. ĐẶNG ĐỨC KIÊN. **Vài đính chính về mối quan hệ giữa Đặng Trần Thường và Ngô Thì Nhậm** - Some Corrigenda on the Relationship between Dang Tran Thuong and Ngo Thi Nham - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 71-73.

397. ĐẶNG HUY VẬN. **Vài ý kiến nhỏ bàn góp thêm về những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ cuối thế kỷ XIX (Ý kiến trao đổi với ông Văn Tân)** - Contribution to the discussion Nguyen Truong To reform motion at the end of the 19th Century (An exchange of opinion with Mr. Van Tan) / Đặng Huy Vận, Chương Thâu - NCLS, 1961, số 25, tr. 57-70.

398. ĐẶNG HUY VẬN. **Góp ý kiến nhỏ về đánh giá Lưu Vĩnh Phúc và đội quân Cờ Đen trong lịch sử Cận đại Việt Nam** - Contribution to the estionation of Luu Vinh Phuc and the Black flag troops in the Vietnam modern history - NCLS, 1962, số 37, tr. 15-19, 25.

399. ĐẶNG HUY VẬN. **Phan Thanh Giản trong lịch sử Cận đại Việt Nam** - Phan Thanh Gian in the Vietnam modern history / Đặng Huy Vận, Chương Thâu - NCLS, 1963, số 48, tr. 12-23.

400. ĐẶNG HUY VẬN. **Cuộc kháng chiến chống Pháp của Đốc Đen và bài văn tế Crévie tử trận ở Yên Lũ, Thái Bình** - The resistance of Doc Den against the French colonialists and the funeral oration decicated to Crevier killed in battle in Yen Lu, Thai Binh provinces - NCLS, 1963, số 49, tr. 32-36.

401. ĐẶNG HUY VẬN. **Thêm một số tài liệu về cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất (1874) ở Nghệ An và Hà Tĩnh** - Some new documents on the Giap Tuat insurrection (1874) in Nghe An and Ha Tinh province - NCLS, 1965, số 75, tr. 10-22.

402. ĐẶNG HUY VẬN. **Về cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn và Đặng Như Mai năm Giáp Tuất (1874) ở Nghệ An và Hà Tĩnh** - On the insurrection of Tran Tan and Dang Nhu Mai in Giap Tuat (1874) in Nghe An and Ha Tinh province - NCLS, 1965, số 79, tr. 15-19.

403. ĐẶNG HUY VẬN. **Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh** - The resistance against the French colonialist invaders of the rebel troops of Hoang Dinh Kinh / Đặng Huy Vận, Nguyễn Đăng Duy - NCLS, 1965, số 81, tr. 11-18.

404. ĐẶNG HUY VẬN. **Đề đốc Tạ Hiện và phong trào chống Pháp ở Nam Định và Thái Bình cuối thế kỷ XIX** - The rear Admiral Ta Hien and the movement against the French conolialists in Nam Dinh and Thai Binh in the end of 19th Century / Đặng Huy Vận, Chu Thiên - NCLS, 1966, số 83, tr. 37-44.

405. ĐẶNG HUY VẬN. **Một điển hình của phong trào nông dân cuối triều Nguyễn: Cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành** - A typic example of peasant movement under the Nguyen dynasty: The Phan Ba Vanh insurrection / Đặng Huy Vận, Nguyễn Phan Quang, Chu Thiên - NCLS, 1966, số 86, tr. 27-29.

406. ĐẶNG HUY VẬN. **Tìm hiểu về mối liên hệ giữa hai đội nghĩa quân Hùng Lĩnh và Sông Đà trong những năm 1891-1892 qua một số tài liệu mới** - Contribution to the understanding of the relations between two insurrection army troops Hung Linh and Song Da in 1891 and 1892, through some new documents / Đặng Huy Vận, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1996, số 87, tr, 19-25, 52.

407. ĐẶNG HUY VẬN. **Lã Xuân Oai và những hoạt động chống Pháp của ông trong những năm 1882-1889** - La Xuan Oai and his activities against the French colonialists in 1882-1889 / Đặng Huy Vận, Chu Thiên - NCLS, 1966, số 89, tr. 27-35.

408. ĐẶNG HUY VẬN. **Tìm hiểu thêm về cuộc đấu tranh giữa phái "Chủ chiến" và những phái "Chủ hòa" trong cuộc kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX** - Contribution to the understanding of the struggle between the

"Advocates of war" and the "Advocates of peace" in the war of resistance against French conolonialists at the end of the $19^{th}$ Century - NCLS, 1967, số 94, tr. 29-40.

409. ĐẶNG HUY VẬN. **Thêm một số tài liệu về Đốc Ngữ và phong trào chống Pháp ở vùng hạ lưu Sông Đà cuối thế kỷ XIX** - Again some new documents on Doc Ngu and the resistance movement against the French colonialism in the Da River downstream at the end of the $19^{th}$ Century - NCLS, 1967, số 96, tr. 45-56.

410. ĐẶNG HUY VẬN. **Bàn thêm về cuộc chiến đấu ở cứ điểm phòng ngự Ba Đình - Thanh Hóa (1886-1887)** - To discuss further on the battle at the important defensive base Ba Dinh, Thanh Hoa province (1886-1887) / Đặng Huy Vận, Lê Ngọc Long, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1967, số 99, tr. 41-52.

411. ĐẶNG HUY VẬN. **Phan Bội Châu và công cuộc vận động đồng bào Thiên chúa giáo ở đầu thế kỷ XX** - Phan Boi Chau and the catholic compartiots campaign in the beginning of the $20^{th}$ Century - NCLS, 1967, số 104, tr. 32-40.

412. ĐẶNG HUY VẬN. **Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX** - On the determined and heroic was of resistance of Quang Binh people at the end of the $XIX^{th}$ Century - NCLS, 1968, số 106, tr. 24-37.

413. ĐẶNG HUY VẬN. **Thêm một vài ý kiến về công tác sử học của Phan Bội Châu** - Again some new thingkings on the historical work of Phan Boi Chau / Đặng Huy Vận, Hoàng Đình Bình - NCLS, 1968, số 109, tr. 36-43.

414. ĐẶNG HUY VẬN. **Về cuộc đấu tranh anh dũng của những người sĩ phu yêu nước chủ chiến chống triều đình đầu hàng xâm lược ở cuối thế kỷ XIX** - On the patriotic scholars - advocates of war against the surrender policity of the court to the invaders at the end of the $XIX^{th}$ Century - NCLS, 1968, số 112, tr. 33-44.

415. ĐẶNG HUY VẬN. **Những năm đầu của phong trào chống Pháp ở Nghệ-Tĩnh và quá trình hình thành cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng** - The first year of the war of resistance movement at Nghe-Tinh and the formation process of Phan Dinh Phung insurrection / Đặng Huy Vận, Hoàng Đình Bình - NCLS, 1970, số 133, tr. 37-42.

416. ĐẶNG HUY VẬN. **Đề đốc Lưu Kỳ và những hoạt động chống Pháp của ông ở vùng Đông Bắc Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX** - Rear Admiral Luu Ky and his activities against French colonialism in the North East of Tonkin at the end of the $19^{h}$ Century / Đặng Huy Vận, Hoàng Đình Bình - NCLS, 1970, số 134, tr. 37-44.

417. ĐẶNG HUY VẬN. **Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước với phong trào chống Pháp ở miền núi Thanh Hóa hồi cuối thế kỷ XIX** - Ha Van Mao and Cam Ba Thuoc and the movement against French colonialism in the Thanh Hoa mountainous region at the end of the XIX[th] Century / Đặng Huy Vận, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1971, số 140, tr. 20-30.

418. ĐẶNG KIM NGỌC. **Vấn đề Việt Nam trong lịch sử Cổ đại và trong sử sách Trung Quốc và Việt Nam** - The problem of "Nam Viet" state in Ancient history and in Chinese and Vietnamese historical records - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 58-60.

419. ĐẶNG KIM NGỌC. **Chùa Bồ Đề và dinh Bồ Đề trong lịch sử** - Bo De pagoda and Bo De barrack in history - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 84-90.

420. ĐẶNG KIM NGỌC. **Về quả chuông đồng có niên đại "Thuộc Đường" (thế kỷ VIII)** - The bronze bell with the reign Under the protectorate of Duong dynasty in the 8[th] Century - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 50-53.

421. ĐẶNG KIM NGỌC. **Vấn đề tuyển dụng quan chức thời Lê sơ (1428-1527)** - Recruitment of mandarins under the Le So dynasty - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 49-58.

422. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Sơ lược về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam** - Summary on the emigration of the Thai tribus to the North West Vietnam / Đặng Nghiên Vạn, Cầm Trọng - NCLS, 1965, số 78, tr. 40-48.

423. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Những hoạt động của Hoàng Công Chất trong thời kỳ ở Tây Bắc** - The activities of Hoang Cong Chat on the North West / Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng - NCLS, 1965, số 81, tr. 50-54.

424. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Vài ý kiến về vấn đề đối tượng của dân tộc học** - Some thingkings on the question of the object of ethnology - NCLS, 1967, số 97, tr. 53-57.

425. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Truyền thống chống xâm lăng của Điện Biên trong lịch sử** - The tradition of the Dien Bien people struggle against the invaders in history / Đặng Nghiêm Vạn, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1967, số 102, tr. 47-53, 60.

426. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Tìm thấy gia phả của dòng họ Lưu Nhân Chú** - The discovery of Luu Nhan Chu lineage family register - NCLS, 1967, số 105, tr. 42-49, 56.

427. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Sơ bộ bàn về quá trình hình thành các nhóm dân tộc Tày-Thái ở Việt Nam. Mối quan hệ với các nhóm ở Nam**

**Trung Quốc và Đông Dương** - Preliminary discussion on the formation process of the minority people groups Tay-Thai in Vietnam. Their relations with the minority people groups of South China and Indochina - NCLS, 1968, số 108, tr. 24-36.

428. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Tàn dư văn hóa nguyên thủy liên quan đến dòng họ, gia đình, hôn nhân người Khơ Mú** - Vestiges of primitive culture concerning lineage family and marriage by the Khmu's - NCLS, 1971, số 138, tr. 46-54, 64; số 139, tr. 59-64.

429. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Một tư liệu quý được phát hiện "Bộ luật" của dân tộc Thái ở Mai Châu, Hòa Bình** - The code of Thai of Mai Chau, Hoa Binh province - NCLS, 1976, số 169, tr. 79-86.

430. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Những chặng đường hình thành dân tộc Việt Nam thống nhất** - The stages of the formation of the unified Viets nation - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 9-18.

431. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Có một dân tộc Việt Nam, có một dân tộc Việt Nam xã hội chủ nghĩa** - There exists a Vietnamese nation, a socialist Vietnamese nation - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 28-37.

432. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Về vai trò của Chúa đất trong xã hội tồn tại chế độ Thổ ty, Lang đạo, Phìa tạo, Chúa đất (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX)** - The role of the land lord in the society of mountain mandarins headmen Thai Ruling class and land owners - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 29-34.

433. ĐẶNG QUANG MINH. **Vấn đề tác động của điều kiện tự nhiên tới khuynh hướng phát triển của các quốc gia thời Cổ-Trung đại thế giới trong công tác nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy lịch sử** - The question of the influences of the natural conditions on the development tendency of the nations in the Antiquity and the Middle Age in World History in teaching, studying and writing - NCLS, 1993, số số 3 (268), tr. 67-71.

434. ĐẶNG THÁI HOÀNG. **Nhìn lại quá trình phát triển của nền kiến trúc Việt Nam lâu đời và phong phú (Một số vấn đề về phân kỳ lịch sử và phân loại học trong kiến trúc Việt Nam)** - Retiospect on the process of development of the old and copious architecture of Vietnam - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 71-80.

435. ĐẶNG THANH TOÁN. **Quá trình bình thường hóa quan hệ hai miền Triều Tiên sau "Chiến tranh lạnh"** - Normalization process of two Korean areas after the "Cold war" - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 68-75.

436. ĐẶNG THANH TOÁN. **Một số vấn đề về nghiên cứu và giảng dạy lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện nay** - Some Problems in Research and Teaching the History of Socialism Today - NCLS, 2004, Số 2 (333), tr. 51-55.

437. ĐẶNG THANH TỊNH. **Phương pháp so sánh trong nghiên cứu lịch sử ở Trung Quốc** - The comparative method in the historical study in China - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 71-73.

438. ĐẶNG TRẦN CẦU. **Thông tin liên lạc từ sau Cách mạng Tháng Tám đến Kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1945-1954)** - The information and communication from after the August Revolution to the victory of the war of resistance against the French colonialism (1945-1954) - NCLS, 1969, số 126, tr. 58-64.

439. ĐẶNG VĂN CHƯƠNG. **Về cuộc tấn công của Xiêm vào Hà Tiên và Châu Đốc cuối năm 1833 đầu năm 1834** - On the attack of Siam to Ha Tien and Chau Doc from late 1833 to early 1834 - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 62-70.

440. ĐẶNG VĂN LUNG. **Thành cổ Long Biên** - The ancient Long Bien citadel - NCLS, 1975, số 1 (160), tr. 72-74.

441. ĐẶNG VIỆT THANH. **Tìm hiểu giá trị tập *Sãi Vãi* của Nguyễn Cư Trinh** - To understand the value of the Nguyen Cu Trinh book *Bonzes and Buddhisst* nuns - VSĐ, 1957, số 33, tr. 32-42.

442. ĐẶNG VIỆT THANH. **Tìm hiểu về thời đại, ý nghĩa và giá trị truyện *Trinh Thử*** - Studying on the epoch, the meaning and value of *Trinh Thu* story - VSĐ, 1958, số 37, tr. 44-52; số 39, tr. 7-18.

443. ĐẶNG VIỆT THANH. **Mấy ý kiến cùng ông Hoa Bằng về thể văn lục bát** - Exchange of opinion with Mr. Hoa Bang about the category of poems in wich verses are alternatively of six and eight feet - VSĐ, 1958, số 44, tr. 81-87.

444. ĐẶNG VIỆT THANH, **Mấy ý kiến về tính chất và xu hướng của các phong trào dân tộc cuối thế kỷ XIX ở nước ta** - Contribution to the discussion on national movement character and tendency in the end of the XIX$^{th}$ Century of our country - VSĐ, 1958, số 45, tr. 65-75.

445. ĐẶNG VIỆT THANH. **Giai cấp công nhân Việt Nam hình thành từ bao giờ?** - When was formed the Vietnamese working class? - NCLS, 1959, số 6, tr. 11-22; số 7, tr. 41-52.

446. ĐẶNG VIỆT THANH. **Một vấn đề về tài liệu lịch sử** - A question on historical documents - NCLS, 1960, số 15, tr. 58-63.

447. ĐẶNG VIỆT THANH. **Cách mạng Tháng Tám và cách mạng văn hóa** - The August Revolution and the cultural revolution - NCLS, 1960, số 18, tr. 31-37.

448. ĐẶNG VIỆT THANH. **Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, một cuộc cách mạng văn hóa dân tộc, dân chủ đầu tiên ở nước ta** - The movement *Dong Kinh Nghia Thuc*, a firsr national, culture and democractic movement in our country - NCLS, 1961, số 25, tr. 14-24.

449. ĐẶNG VIỆT THANH. **Trở lại bàn về giai cấp tư sản mại bản ở nước ta thời thuộc Pháp** - To discuss again on the comprador bourgeoisie of our country under the French domination - NCLS, 1961, số 32, tr. 15-24.

450. ĐẶNG VIỆT THANH. **Vấn đề mầm mống tư bản chủ nghĩa dưới thời phong kiến ở Việt Nam (Góp ý kiến với ông Nguyễn Việt)** - The question of the capitalism germs under the feudalism in Vietnam (Exchange of opinion with Mr. Nguyen Viet) - NCLS, 1962, số 39, tr. 33-43; số 40, tr. 41-52.

451. ĐẶNG VIỆT THANH. **Cần nhận định và đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào?** - How to judge and to evaluate Phan Thanh Gian? - NCLS, 1963, số 49, tr. 27-31.

452. ĐẶNG VIỆT THANH. **Đánh giá quan điểm luân lý, đạo đức của cụ Phan Chu Trinh** - Evaluation on the Phan Chu Trinh moral and ethical point of view - NCLS, 1964, số 68, tr. 21-24.

453. ĐẶNG XUÂN KHÁNG. **Fukuzawa - Nhà cải cách lừng danh thời Minh Trị Duy Tân** - Fukuzawa - A renowned reformist in the Meiji reform period - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 80-82.

454. ĐẨU XỨ CÁT. **Văn tế cai Mưu và bếp Tửu** - Funeral oration to corporal Muu and private first class Tuu - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 74-75.

455. ĐẬU XUÂN MAI. **Vai trò của Phan Chu Trinh trong lịch sử Cận đại Việt Nam** - The role of Phan Chu Trinh in Vietnam modern history - NCLS, 1965, số 71, tr. 31-39.

456. ĐIỀN XƯƠNG NGŨ. **Tìm hiểu chủ nghĩa lịch sử mác-xít** - To study the Marxist historicism - NCLS, 1965, số 65, tr. 47-56.

457. ĐINH CÔNG BẮC. **Vấn đề Việt Nam trong quyển *Những quan hệ quốc tế trong thế giới hiện nay*** - The question of Vietnam in the book *The International relations in the contemporary world* / Đinh Công Bắc, Kim Ngọc - NCLS, 1993, số 268, tr. 87-88.

458. ĐINH CÔNG TUẤN. **Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc - Những bài học kinh nghiệm** - The construction of

socialist market economy in China - Experience lessons - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 63 - 68.

459. ĐINH CÔNG TUẤN. **Vài nét về quá trình xây dựng nền kinh tế XHCN ở Trung Quốc** - Some Remarks on the Developvemment of the Socialist Economy in China - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 53-61.

460. ĐINH CÔNG TUẤN. **Những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cải cách và mở cửa ở Trung Quốc** - The Lessons of Experience in Implementing the Reform and Open - Door - Policy in China - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 58-66.

461. ĐINH DUNG. **Thử tìm hiểu ảnh hưởng của Nho giáo trong đường lối ngoại giao của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - To try to study the influence of Confucianism on the Nguyen dynasty's diplomatic direction in the first half of 19th century - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 73-78.

462. ĐINH GIA KHÁNH. **Xác định giá trị của truyền thuyết đối với việc tìm hiểu lịch sử thời đại Hùng Vương** - To define the value of legend for the research of Hung Vuong Epoch history - NCLS, 1969, số 123, tr. 25-31, 65.

463. ĐINH KHẮC THUÂN. **Bia Mạc** - The stele under the Mac dynasty - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 51-59.

464. ĐINH NGỌC BẢO. **Về việc xây dựng chương trình môn học lịch sử thế giới học theo phần** - On the elaboration of the programme for the subject of the curriculum - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 56-59.

465. ĐINH QUANG HẢI. **Nhìn lại công nghiệp ở Hà Nội thời kỳ 1961-1965** - Casting a reprospective glance at the industry of Hanoi in the period 1961-1965 - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 61-67.

466. ĐINH QUANG HẢI. **Vài nét về kinh tế cá thể, tư nhân ở thành thị miền Bắc thời kỳ 1954-1960** - Some features of the individual private economy in the cities of the North Vietnam in the period 1954-1960 - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 7-14.

467. ĐINH QUANG HẢI. **Tiểu thủ công nghiệp với vấn đề tạo việc làm cho người lao động thời kỳ 1975-1996** - Handicrafts and the job-creating for the laborers in 1975-1996 - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 59-66.

468. ĐINH QUANG HẢI. **Vài nét về quá trình phát triển tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (1945-1975)** - Some features on the development process of andicrafts and minor industries in Vietnam (1945-1975) - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 9-17.

469. ĐINH QUANG HẢI. **Những Nhật kiều cuối cùng ở Việt Nam hồi hương sau năm 1954** - Last Japanese Overseas in Vietnam repatriated after 1954 - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 63-67.

470. ĐINH QUANG HẢI. **Tìm hiểu thêm về chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Tây Nguyên trước năm 1945** - Further Studies on ruling policy of the French colonialism in Tay Nguyen (Plateau) before 1945 - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 38 - 47.

471. ĐINH QUANG HẢI. **Khởi nghĩa Trà Bồng - Mốc mở đầu trang sử đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang của nhân dân Quảng Ngãi** - The Tra Bong Insurrection - The Starting Point of the Mixturing Between the Political Struggle and the Armed Struggle of the People in Quang Ngai - NCLS, 2004, số 8 (339), tr. 36-43.

472. ĐINH THU CÚC. **Bước đầu tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng làm chủ tập thể của người nông dân Việt Nam** - Early study of the process of formation and development of the Vietnamese peasants spirit of collective mastership - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 34-45.

473. ĐINH THU CÚC. **Tìm hiểu quá trình từng bước củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc nước ta** - Essay of research on the process of reinforcement and of improvement of the relation of socialist production on agricultural cooperatives in North Vietnam - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 37-50.

474. ĐINH THU CÚC. **Những bước đầu tiên trên con đường đi lên CNXH của giai cấp nông dân Việt Nam** - First steps taken by the Vietnamese peasantry on the road to socialism - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 28-38.

475. ĐINH THU CÚC. **Về phong trào đổi công hợp tác trong sản xuất nông nghiệp thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)** - On the mutual aid and cooperative movement in agriculture production in the anti-French resistance (1945-1954) - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 16-21.

476. ĐINH THU CÚC. **Cách mạng Tháng Mười với nông dân các dân tộc ở Trung Á và Cadắcxtan** - The The October Revolution with the peasant of the nations in central Asia and Cazacxtan - NCLS, 1987, số 234, tr. 42-48.

477. ĐINH THU CÚC. **Một số giải pháp cấp bách về kinh tế trong những ngày đầu kháng chiến** - Some urgent solutions to economic matters during the initial days of the anti - French resistance war - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 19-27.

478. ĐINH THU CÚC. **Bài học của chính quyền Xô viết trong việc nâng cao dân trí ở nông thôn trong năm đầu của Cách mạng Tháng Mười** - The

lessons of the Soviet power in the promotion of rural people's intellectual standard during the first years after the October Revolution - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 40-51.

479. ĐINH THU CÚC. **Nhìn lại một vài vấn đề lịch sử giai cấp nông nhân miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1965-1975** - Reviewing some historical problems of the peasant class in the North Vietnam during the period 1965-1975 - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 67-73.

480. ĐINH THU CÚC. **Mấy số liệu về sự hỗ trợ của ngành nông nghiệp miền Bắc cho vùng giải phóng miền Nam trong những năm 1975** - Several statistics on the support by the North agriculture to the South liberalized area in 1975 - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 12-16.

481. ĐINH THU CÚC. **Nội dung chủ yếu của các thời kỳ phát triển của nông nghiệp Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám** - Main content in diffirent periods of Vietnamese agriculture development afterwards the August Revolution - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 39-57.

482. ĐINH THU CÚC. **Mười năm xây dựng và phát triển các khu công nghiệp Việt Nam (1991-2000)** - Ten years of construction and development of the industrial zones in Vietnam (1991-2000) - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 3-15.

483. ĐINH THU CÚC. ***Các chế độ Sài Gòn: Tôn giáo và chính trị ở Nam Việt Nam (1945-1963)*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Sai Gon* regimes: *religion and politics in South Vietnam (1945-1963)* - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 89-91.

484. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **Nghệ - Tĩnh với ngọn cờ độc lập dân tộc những năm trước sau năm 1930** - Nghe Tinh provinces and the national independence flag before and after 1930 - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 9-12.

485. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **Những hoạt động cứu nước của đồng bào Thiên chúa giáo ở Nghệ - Tĩnh đầu thế kỷ XX** - The activities for the country salvation of our Catholie compatriots at the beginning of the XX[th] Century - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 25-31.

486. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **"Vừng Hồng" trong lịch sử cách mạng Việt Nam những năm 1929-1936** - "Daybreak" in the Vietnam revolutionary history from 1929 to 1936 - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 73-78.

487. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **Đối sách của thực dân Pháp và phong kiến Nam triều chống Cao trào cách mạng 1930-1931 ở Nghệ-Tĩnh** - Countermeasures taken by the French colonialism and the Vietnamese royal court against the revolutionary upsurge of 1930-1931 in Nghe-Tinh - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 9-15.

488. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **Phong trào xuất dương cứu nước ở Nghệ-Tĩnh trong 30 năm đầu thế kỷ XX** - The movement to go abroad in Nghe-Tinh in the first 30 years of the XX century - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 39-48.

489. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **Sự chuyển hóa của các tổ chức yêu nước ở Việt Nam trong những năm 1925-1930** - The mutation. of patriotic organizations in Vietnam during the years 1925-1930 - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 44-49.

490. ĐINH TRẦN DƯƠNG. **Ý chí cứu nước của nhóm sĩ phu bị tù ở Côn Đảo đầu thế kỷ XX** - The country-saving will of imprisoned intellectuals in Con Dao in early 20th century - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 65-71.

491. ĐINH THUẬT. **Hà Tây lại tìm thấy thành đất cổ có *lớp ngói*** - Ha Tay discovers again an ancient earthen citadel *roofed with tiles* - NCLS, 1968, số 113, tr. 63-64.

492. ĐINH TRUNG KIÊN. **Mahatma Gandhi với các vấn đề đoàn kết nhân dân trong phong trào giành độc lập dân tộc ở Ấn Độ** - Mahatma Gandhi and the problem of people unity in the national independence movement in Indian - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 67-71.

493. ĐINH VĂN HẠH. **Phòng tuyến của thực dân Pháp ở Vũng Tàu cuối thế kỷ XIX** - The depence line of French colonialists at Vung Tau in the end of the XIXth Century - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 66-68.

494. ĐINH VĂN HẠNH. **Đạo "Tứ Ân Hiếu Nghĩa" với phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX** - "Tu An Hieu Nghia" religion with the anti-French movement in Cochinchina in the late 19th century - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 32-38.

495. ĐINH VĂN LIÊN. **Thử tìm hiểu về cơ cấu dân số và đặc điểm dân cư ở Tây Nguyên trước và sau năm 1975** - Getting at the problem of demographie structure and population features in the central Highlands before and after 1975 - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 15-25.

496. ĐINH VĂN LIÊN. **Tình hình dân số và đặc điểm dân cư các dân tộc Sông Bé** - Population and demographie features of ethni groups at Song Be - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 73-81.

497. ĐINH VĂN LIÊN. **Về sự phân bố các vùng dân cư tôn giáo ở Nam Bộ** - The repartition of religious population zones in Cochinchina - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 1-10.

498. ĐINH VĂN NHẬT. **Đất Cấm Khê, căn cứ cuối cùng của Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa Mê Linh năm 40-43** - Cam Khe, last base of

the Trung Sisters (Me Linh uprising 40-43) - NCLS, 1973, số 148, tr. 26-33; số 149, tr. 31-40.

499. ĐINH VĂN NHẬT. **Vùng Lãng Bạc thời Hai Bà Trưng** - Lang Bac at the time of the Trung Sisters - NCLS, 1974, số 155, tr. 15-35; số 156, tr. 44-49.

500. ĐINH VĂN NHẬT. **Đất Cửu Chân về thời Hai Bà Trưng** - Cuu Chan in the times of the Trung Sisters - NCLS, 1974, số 159, tr. 21-40.

501. ĐINH VĂN NHẬT. **Đi tìm quê hương cũ của An Dương Vương Thục Phán** - In the search of the old native place of An Duong Vuong Thuc Phan - NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 65-83.

502. ĐINH VĂN NHẬT. **Huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng** - The district of Me Linh at the period of the Trung Sisters - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 24-43.

503. ĐINH VĂN NHẬT. **Ruộng Lạc về thời Hùng Vương** - Rice-fields Lac at the time of Kings Hung - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 15-23, 32.

504. ĐINH VĂN NHẬT. **Vết tích của những ruộng Lạc đầu tiên quanh hồ Lãng Bạc và trên đất của quê hương Phù Đổng Thiên Vương** - Vestiges of the earliest rice-fields *Lac* around Lang Bac lake and in the vicinity of the native village of Phu Dong Thien Vuong - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 24-37.

505. ĐINH VĂN NHẬT. **Vùng đất bậc thềm Ba Vì - đất Mê Linh: Trung tâm huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng (Tư liệu ảnh)** - The terraced zone of Ba Vi-Me Linh, a centre of Me Linh district in the reign of the Trung Sisters (Photos) - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 82-86.

506. ĐINH VĂN NHẬT. **Đất Mê Linh - Trung tâm chính trị, quân sự và kinh tế của huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng** - Me Linh - Potitical, military and economic centre of Me Linh district in the reign of Trung Sisters - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 35-53; số 2 (191), tr. 35-39.

507. ĐINH VĂN NHẬT. **Trở lại vấn đề huyện Mê Linh và quê hương của Hai Bà Trưng qua thư tịch cổ** - Once more on the problem of the head-quarter of the Me Linh district and the native reign of two Sisters Trung through ancient writings - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 50-57, 71.

508. ĐINH VĂN NHẬT. **Huyện Khúc Dương về thời Hai Bà Trưng** - Thu Khuc Duong district under the reign of the Trung - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 18-22.

509. ĐINH VĂN NHẬT. **Góp phần xác định một số địa danh trên chiến trường chống xâm lược Tống năm 981** - Contribution to defining come

placenames relating to battle field against Tsung aggressors (981) - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 7-11.

510. ĐINH VĂN NHẬT. **Phương pháp vận dụng địa danh học trong nghiên cứu địa lý học lịch sử cổ đại Việt Nam (Trả lời bài *Từ một số địa danh trong chuyên đề nghiên cứu địa lý lịch sử dưới thời Hai Bà Trưng*)** - The toponymy in practical use - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 72-81.

511. ĐINH VĂN NHẬT. **Thành cổ Mê Linh của quân Hán và vết tích quân chiếm đóng phương Bắc ở bờ trái sông Con** - The Me Linh citadel built by Han troops and vestiges of their occupation of Song Con's left river side - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 43-47.

512. ĐINH VĂN NHẬT. **Huyện Chu Diên về thời Hai Bà Trưng** - Chu Dien district under two Trung Sisters time - NCLS, 1987, số 5 (235), tr. 33-42.

513. ĐINH VĂN NHẬT. **Đi tìm quê hương gốc của Lý Bí** - Going in search of native village of Ly Bi - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 78-82.

514. ĐINH VĂN NHẬT. **Hai huyện Câu Lậu và An Định về thời Hai Bà Trưng** - The rural districts Cau Lau and An Dinh under the reign of Hai Ba Trung - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 64-70.

515. ĐINH VIỆT NAM. **Vài nét về tình hình sử học miền Nam Việt Nam hiện nay** - Some features on the situation of the South history of to day - NCLS, 1964, số 61, tr. 6-12.

516. ĐINH XUÂN LÂM. **Hình ảnh Tôn Thất Thuyết dưới mắt một tác giả dân gian qua bài vè *Thất thủ Kinh đô*** - The portrait of Ton That Thuyet under the eyes of a popular author through the satirical folk song *The fall of the capital tow* / Đinh Xuân Lâm, Triệu Dương - NCLS, 1959, số 2, tr. 76-80.

517. ĐINH XUÂN LÂM. **Cuộc khởi nghĩa năm 1866 ở Kinh thành Huế dưới ánh sáng của sử liệu mới: bài *Trung nghĩa ca* do chính thủ lãnh Đào Hữu Trưng viết** - The insurrection of 1866 in Hue capital town under the ligh of a new discovered historical document *Trung nghia ca* written by the insurrection leader Doan Huu Trung / Đinh Xuân Lâm, Triệu Dương - NCLS, 1959, số 9, tr. 87-96; 1960, số 11, tr. 58-71.

518. ĐINH XUÂN LÂM. **Góp một vài ý kiến về phân kỳ lịch sử Cận đại Việt Nam** - Contribution to the periodization of Vietnam modern history / Đinh Xuân Lâm, Đặng Huy Vạn - NCLS, 1962, số 44, tr. 36-41, 51.

519. ĐINH XUÂN LÂM. **Đối tượng sử học và lịch sử Hiện đại** - The object of history and modern history - NCLS, 1966, số 93, tr. 33-36, 58.

520. ĐINH XUÂN LÂM. **Tống Duy Tân với phong trào chống Pháp của nhân dân Thanh Hóa hồi đầu thế kỷ XIX (1886-1892)** - Tong Duy Tan and the anti-French colonialism movement of Thanh Hoa people at the end 19th Century / Đinh Xâm Lâm, Đặng Huy Vạn - NCLS, 1967, số 98, tr. 52-62.

521. ĐINH XUÂN LÂM. **Nguyễn Xuân Ôn, một thủ lĩnh văn thân lỗi lạc cuối thế kỷ XIX (1825-1889)** - Nguyen Xuan On, an outstanding leader of the scholars movement (1825-1889) - NCLS, 1974, số 158, tr. 45-52.

522. ĐINH XUÂN LÂM. **Giới thiệu sách *Một số vấn đề lịch sử* giai *cấp công nhân Việt Nam*** - Reading the book: *Problems concerning the history of the Vietnamese working class* - NCLS, 1975, số 162, tr. 78-80.

523. ĐINH XUÂN LÂM. **Cao Thắng với phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX** - Cao Thang and the patriotic movement against French aggression at the end of the XIXth Century / Đinh Xuân Lâm, Phan Trọng Báu - NCLS, 1975, số 5 (164), tr. 46-55.

524. ĐINH XUÂN LÂM. ***Bốn bang thư*, một tài liệu có giá trị về cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833-1835)** - *Bon Bang thu* (Bon Bang's letters), a precious document on the Le Van Khoi insurrection (1883-1835) / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Phan Quang - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 75-86.

525. ĐINH XUÂN LÂM. **Tìm hiểu thêm về tư tưởng bạo động của Phan Bội Châu** - On the Phan Boi Chau's concep of revolt / Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 18-23.

526. ĐINH XUÂN LÂM. ***Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng* (Đọc sách)** - Reading the book entitled: *The Vietnamese working class during the years before the foundation of the Party* - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 89-91.

527. ĐINH XUÂN LÂM. ***Giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ 1936-1939* (Đọc sách)** - Reading the book: *The Vietnamese working class in the period 1936-1939* - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 86-88.

528. ĐINH XUÂN LÂM. **Phong trào chống thuế năm 1908 ở Nghệ-Tĩnh** - Struggle movement of peasants of Nghe Tinh against taxes and prestations policy in 1908 / Đinh Xuân Lâm, Đỗ Quang Hưng - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 29-34.

529. ĐINH XUÂN LÂM. **25 năm xây dựng và trưởng thành của khoa Lịch sử, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1980)** - 25 years of formation and maturation of the Faculty of History of the University of Hanoi - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 13-18.

530. ĐINH XUÂN LÂM. **Tư liệu mới về Nguyễn Xuân Ôn và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo** - New materials relating to Nguyen Xuan On and his uprising / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sạch - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 80-83.

531. ĐINH XUÂN LÂM. ***Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)* (Tập 1 và Tập 2) (Đọc sách)** - Reading the book entitled: *Vietnam historical events and facts from 1858 to 1945* (Tome 1, Tome 2) - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 89-91, 94.

532. ĐINH XUÂN LÂM. **Xung quanh cái chết của Đề Thám** - On the deaths of De Tham / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Phan Quang - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 73-74.

533. ĐINH XUÂN LÂM. **Ba văn kiện về phong trào Cần Vương** - Three documents regarding the Can Vuong movement / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sạch - NCLS, 1983,số 5 (212), tr. 76-79.

534. ĐINH XUÂN LÂM. **Về Nguyễn Cao** - Apropos of Nguyen Cao/ Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sạch - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 71-74.

535. ĐINH XUÂN LÂM. **Nhân đọc bài *Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định-Phú Yên từ 1885 đến 1887 theo những tài liệu Pháp* (của Giáo sư Charles Founiau)** - About the article: *The national resistance at Phu Yen-Binh Dinh in the 1885-1887 period and its repression by French colonialism* - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 83-87.

536. ĐINH XUÂN LÂM. **Thêm một số tư liệu mới về khởi nghĩa Yên Thế** - Some new documents about the Yen The uprising / Đinh Xuân Lâm, Đỗ Quang Hưng - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 79-81.

537. ĐINH XUÂN LÂM. **Phong trào đấu tranh vũ trang chống xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX ở Nghệ - Tĩnh - Những đặc điểm phát triển, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử** - The movement of armed struggle against the French invasion at Nghe Tinh in the late $19^{th}$ Century - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 25-30.

538. ĐINH XUÂN LÂM. **Hai tư liệu lịch sử về phong trào Cần vương tỉnh Thanh Hóa** - Two documents relating to the Can vuong movement in Thanh Hoa - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 84-86.

539. ĐINH XUÂN LÂM. **Một số tư liệu về phong trào Cần vương ở Bắc Kỳ** - Some documents relating to the Can vuong movement in Tokin / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sạch - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 87-89.

540. ĐINH XUÂN LÂM. **Để có một nhận định đúng đắn về Tôn Thất Thuyết trong lịch sử Việt Nam** - The role of Ton That Thuyet in our national history - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 11-15.

541. ĐINH XUÂN LÂM. **Bức thư của Đề Thám gửi Toàn quyền Đông Dương năm 1897** - Letter dated 1897 from De Tham to the Governor general of Indochina - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 80-81.

542. ĐINH XUÂN LÂM. **Bàn thêm về tính chất và vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh vũ trang chống xâm lược Pháp vào cuối thế kỷ XIX** - On the nature and role of the leadership of the armed struggle movement against French invaders in the late XIX$^{th}$ Century / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 31-35.

543. ĐINH XUÂN LÂM. **Nông thôn Việt Nam trong thời kỳ Cận đại** - Vietnamese country side in modern times - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 26-32.

544. ĐINH XUÂN LÂM. ***Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam* trước *Cách mạng Tháng Tám 1945* (Đọc sách)** - Reading the book: *Colonialist administration in Vietnam before August 1945 Revolution* - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 91-92.

545. ĐINH XUÂN LÂM. ***Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)*** **(Tập 3: 1919-1935; Tập 4: 1936-1945) (Đọc sách)** - Reading the book: *Vietnam - The historical facts* (Tome 3: 1919-1935; Tome 4: 1936-1945) - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 79-80.

546. ĐINH XUÂN LÂM. **Hồ Chí Minh và sự kết hợp văn hóa với Cách mạng** - Ho Chi Minh and the combination of culture and revolution - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 16-19.

547. ĐINH XUÂN LÂM. ***Khởi nghĩa Trương Định*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Truong Dinh insurrection* - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 90-92.

548. ĐINH XUÂN LÂM. ***Trung Kỳ - Bắc Kỳ: Những năm 1885-1896*** **(Văn thân và nông dân Việt Nam đứng trước cuộc chinh phục thuộc địa (Đọc sách)** - Reading the book: *Annam and Tokin in 1885-1896* - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 80-84.

549. ĐINH XUÂN LÂM. ***Phạm Thận Duật - Cuộc đời và tác phẩm*** **(Đọc sách)** - *Pham Than Duat - Life and work* (Book Review) - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 87-88.

550. ĐINH XUÂN LÂM. **Sử học với đổi mới hay là đổi mới với sử học (Một cái nhìn từ lịch sử Cận đại Việt Nam)** - History with renovation or the

renovation of history / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 5-9.

551. ĐINH XUÂN LÂM. **Vũ Phạm Khải - Nhà sử học yêu nước có quan điểm tiến bộ** - Vu Pham Khai, A patriotic with progressist point of view - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 20-25.

552. ĐINH XUÂN LÂM. **Nguyễn Mậu Kiến - Người xướng nghĩa đầu tiên trên đất Thái Bình** - Nguyen Mau Kien, the first instigator of justice in Thai Binh - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 1-6.

553. ĐINH XUÂN LÂM. ***Hồ Chí Minh - Từ Đông Dương đến Việt Nam*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Ho Chi Minh - from Indochina to Vietnam* - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 91-94.

554. ĐINH XUÂN LÂM. **Về Đốc Tích, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Hai Sông (1883-1889)** - On Doc Tich, the leader of Hai Song insurrection (1883-1889) / Đinh Xuân Lâm, Trương Chính - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 61-53.

555. ĐINH XUÂN LÂM. **Đỗ Quang - Một tấm gương sáng về lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm trước nhân dân** - Do Quang - A bright example of patritism and responsibility before the people - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 11-14.

556. ĐINH XUÂN LÂM. **Tìm hiểu về phong trào Cần vương Hà Tĩnh (1885-1893)** - Studying again about the *Deveted to the King* movement in Ha Tinh (1885-1893) - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 71-73.

557. ĐINH XUÂN LÂM. ***Thất thủ Kinh đô*** - *The fall of the Capital* - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 75-77.

558. ĐINH XUÂN LÂM. **Triều Nguyễn trước âm mưu bành trướng của tư bản phương Tây (1802-1858)** - The Nguyen dynasty facing the invasion intention of European capitalism (1802-1858) - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 6-12.

559. ĐINH XUÂN LÂM. **Việt Nam trong mối quan hệ Pháp - Đức thời kỳ chiến tranh Pháp-Đức (1870-1871)** - Vietnam in the Frence-Germany relations in the period of French-Germany war (1870-1871) - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 77-80.

560. ĐINH XUÂN LÂM. **Kêu gọi học Quốc ngữ** - Appeal to study the Quoc ngu - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 77.

561. ĐINH XUÂN LÂM. **Trịnh Hoài Đức với** ***Gia Định thành thông chí*** **- Một hiện tượng hội nhập văn hóa Việt-Hoa tiêu biểu** - Trinh Hoai Duc and the *Gia Dinh thanh thong chi* - A representative phenomenom of Vietnamese and Chinese culture Integration - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 8-12.

562. ĐINH XUÂN LÂM. **Bài vè Lưu Vĩnh Phúc** - The satirical folk song about Luu Vinh Phuc - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 66-67.

563. ĐINH XUÂN LÂM. **Phong trào chống xâm lược Pháp ở Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX** - The movement against the French invasion in Thanh Hoa province at the end of the 19th century - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 40-44.

564. ĐINH XUÂN LÂM. ***Thắng lợi kháng chiến chống Mỹ và hai mươi năm xây dựng đất nước sau chiến tranh*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The victory won by the anti-US resistance war and twenty years of post-war national reconstruction* / Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 80-82.

565. ĐINH XUÂN LÂM. ***Lịch sử Việt Nam (1954-1965)*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *History of Vietnam (1954-1965)* / Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 83-86.

566. ĐINH XUÂN LÂM. **Một bài văn tế chiến sĩ cách mạng thời kỳ vận động dân chủ (1936-1939): Lê Trà** - A funeral oration dedicated to the revolutionary fighters during the campaign for democracy (1936-39) - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 66-68.

567. ĐINH XUÂN LÂM. **Phạm Thận Duật trong công tác ngoại giao của nhà Nguyễn cuối thế kỷ XIX** - Pham Than Duat in the foreign activities of the Nguyen dynasty in the late 19th century - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 18-22.

568. ĐINH XUÂN LÂM. **Vè Cao Thắng** - The popular verse on Cao Thang - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 75-76.

569. ĐINH XUÂN LÂM. **Vè Đốc Thiết** - The popular verse on Doc Thiet - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 86-89.

570. ĐINH XUÂN LÂM. **Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917). Các đặc điểm hình thành và phát triển** - Thai Nguyen insurrection (1917)- Characteristics of its formation and development - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 1-6.

571. ĐINH XUÂN LÂM. **"Tâm công" - Một chiến thuật hữu hiệu của Nho tướng Phan Kính (1715-1761)** - *Tam cong* (attack to the heart) - an effective tactics of the Confucian Scholar - General Phan Kinh - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 47-51.

572. ĐINH XUÂN LÂM. **Về danh tướng Lê Niệm (1416-1485)** - About a well-known General - Le Niem (1416-1485) - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 76-77.

573. ĐINH XUÂN LÂM. ***Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*** **(Đọc sách)** - Reading the book *Vietnam during the 19th century (1802-1884)* - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 90-92.

574. ĐINH XUÂN LÂM. **Đinh Nhật Tân (1838-1887) - Một sĩ phu yêu nước chống Pháp xuất sắc đất Hồng Lam** - Dinh Nhat Tan (1838-1887), an eminent patriotic anti-French scholar in Hong Lam region - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 29-33.

575. ĐINH XUÂN LÂM. **Sự phát triển của giáo dục Liên khu IV trong kháng chiến chống Pháp** - The development of education at the Fourth interzone in the anti-French resistance - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 18-23.

576. ĐINH XUÂN LÂM. *Về thực trạng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay* **(Đọc sách)** - Reading the book: *About real situation of Vietnamese working class in the present times* / Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 91-94.

577. ĐINH XUÂN LÂM. **Họ Doãn trên đất An Duyên (Thường Tín, Hà Tây)** - The Doan family line at An Duyen area (Thuong Tin, Ha Tay) - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 49-52.

578. ĐINH XUÂN LÂM. **Chung quy vẫn là vấn đề phương pháp luận** - There was only methodology - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 86-91.

579. ĐINH XUÂN LÂM. ***Bản anh hùng ca của các nhân viên thuế quan Đông Dương 1874-1954*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The epic of Indochinese customs employees at 1874-1945* - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 85-87.

580. ĐINH XUÂN LÂM. **Hà Văn Mao với phong trào chống Pháp của Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX** - Ha Van Mao and the anti-French movement in Thanh Hoa in late 19th Century - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 39-41.

581. ĐINH XUÂN LÂM. **Phan Thanh Giản - Khối mâu thuẫn lớn** - Phan Thanh Gian - A great contradiction - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 25 - 31.

582. ĐINH XUÂN LÂM. ***Hồ Chí Minh - Từ nhà cách mạng đến thần tượng*** -Book review: *Ho Chi Minh-From a Revolutionary to an Idol* (Ho Chi Minh-Du Révolutionnaire à l Icône) - NCLS, 2004, Số 4 (335), tr. 68-72.

583. ĐOÀN MINH HUẤN. **Vài nét về cải cách bộ máy Nhà nước ở Việt Nam những năm 1986-1996** - Some features of state machinery's reform in Vietnam at 1986-1996 period - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 8-17.

584. ĐOÀN MINH HUẤN. **Góp phần tìm hiểu đội ngũ công nhân Vinh - Bến Thủy trong 30 năm đầu thế kỷ XX** - Contribution to Study on the Worker Class in Vinh - Ben Thuy in the First Three Decades of the 20th Century - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 18-27.

585. ĐOÀN LÊ GIANG. **Tư liệu *Thiên hạ đại thế luận* của Nguyễn Lộ Trạch** - *General situation of the world* by Nguyen Lo Trach - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 94-98.

586. ĐỖ BANG. **Một số đóng góp của nhân dân Bình Trị Thiên trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mãn Thanh thế kỷ XVIII** - Some contributions of the population of the three province Binh Tri Thien to the resistance against the Ts'ing aggressors in the 18th Cnetury - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 51-56.

587. ĐỖ BANG. **Chính sách bành trướng của đế chế Mãn Thanh vào Việt Nam cuối thế kỷ XVIII và sự thất bại thảm hại của nó** - The expansionist policy of the Mandchu empire of Ts'ing toward Vietnam in the second half of XVIIIth Century and its fiasco - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 27-34.

588. ĐỖ BANG. **Trung thư phụng chính Trần Văn Kỷ** - Tran Van Ky - A high mandarin of Quang Trung - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 63-69.

589. ĐỖ BANG. **Tình hình đấu tranh giai cấp ở Thuận Hóa thế kỷ XVIII** - Class struggle in Thuan Hoa during the 18th Century - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 38-47.

590. ĐỖ BANG. **Tình hình triều đình Huế trước vụ biến 1885** - Hue imparial court prior to the 1885 event - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 74-77.

591. ĐỖ BANG. **Đoàn Hữu Trang và cuộc khởi nghĩa năm 1866 ở Kinh thành Huế** - Doan Huu Trang and the insurgency of 1866 at Hue imperial city - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 42-51.

592. ĐỖ BANG. **Chiến trận Hải Vân - An Nông trong chiến dịch giải phóng Phú Xuân năm 1786 của nghĩa quân Tây Sơn** - The Hai Van - An Nong victory during the campaign for liberation Phu Xuan in 1786 by Tay Son insurgent troops - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 36-41.

593. ĐỖ BANG. **Về cửa Kẻ Thử (Nghĩa Bình)** - On Ke Thu (Nghia Binh) / Đỗ Bang, Đinh Văn Hạnh - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 101-103.

594. ĐỖ BANG. **Phố cổ Thanh Hà** - The ancient street of Thanh Ha - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 43-47.

595. ĐỖ BANG. **Chính sách ngoại thương của triều Nguyễn – Thực chất và hậu quả** - Foreign trade policy of the Nguyen dynasty. Essence and consequence - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 47-52.

596. ĐỖ BANG. **Trao đổi với tác giả Huỳnh Công Bá về bài *Đôi điều trao đổi về tác phẩm: Tình hình ruộng đất, nông nghiệp và đời* sống *nông dân***

***dưới triều Nguyễn*** - To exchange opinions with Huynh Cong Ba about *Some exchanges on the book: Agrarian situation, agriculture and peasants lives under the Nguyen dynasty* - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 84-87.

597. ĐỖ BANG. **Tình hình lũ lụt ở Quảng Nam vào thế kỷ XIX và những biện pháp cứu trợ của triều Nguyễn (1802-1884)** - Flood situation in Quang Nam at the 19th century and Nguyen dynasty's relieving measures (1802-1884) - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 61-65.

598. ĐỖ BANG. **Tình hình lũ lụt ở Thanh Hóa hồi thế kỷ XIX** - Flood situation in Thanh Hoa at the 19th century - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 79-82.

599. ĐỖ BANG. **Ngoại thương Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614-1635)** - Foreign trade of Dang Trong (South Vietnam) under the Nguyen Phuc Nguyen time (1614-35) / Đỗ Bang, Đỗ Quỳnh Nga - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 30-34.

600. ĐỖ CHU TUẤN. **Năm sinh của Anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn** - Birthdate of national Hero Tran Quoc Tuan - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 74-75.

601. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Bước đầu tìm hiểu về trị thủy, thủy lợi ở nước ta nửa đầu thế kỷ XIX** - Preliminary study hydraulict and irrigation worke in Vietnam during the first half of the 19th Century - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 46-56.

602. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Về tên đất Thái Bình, quê hương của Lý Bôn trong cuộc khởi nghĩa chống quân Lương** - About the place name Thai Binh - native country of Ly Bon the uprising against the Luong dynasty - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 63-65.

603. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Vài nét về chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Mạc** - Some feature on the land regime and the agricultural economy under the mac dynasty - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 16-21.

604. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Vấn đề trị thủy ở Hưng Yên dưới triều Nguyễn (thế kỷ XIX)** - The question of irrigation in Hung Yen province under the Nguyen dynasty (19th Century) - NCLS, 1993, số 5(270), tr. 42-47.

605. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Vấn đề trị thủy - thủy lợi ở vùng khai hoang ven biển Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XIX** - The problem of irrigation in the waste land clearing in the Northern coast in the first half of the 19th Century - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 26-33.

606. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Về vấn đề tổ chức, quản lý công trình trị thủy ở Bắc Bộ của nhà Nguyễn (thế kỷ XIX)** - About the organization of the irrigation work in the North Vietnam under the dynasty of Nguyen (in the XIXth Century // NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 47-51.

607. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Phan Châu Trinh với Nho giáo** - Phan Chau Trinh with Confucianism - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 12-18.

608. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Tại sao vua Minh Mệnh không lập hoàng hậu** - Why didn't Minh Menh King inaugurate the Qeen? - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 74-76.

609. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Tác động của thiên tai lũ lụt đối với các cuộc bạo động ở nông thôn Bắc Bộ dưới thời Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - Effects of natural calamities, floods on the uprising in the countryside of Tonkin under the Nguyen dynasty in the first half of the XIXth century - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 24-28.

610. ĐỖ ĐỨC HÙNG. **Một vài ý kiến trao đổi với ông Hồ Đắc Duy về công thần bình Ngô khai quốc Lê Lai** - To exchange some opinions with Ho Dac Duy about Le Lai - the eminent Courtier of the state foundation in the anti-Minh struggle - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 83-88.

611. ĐỖ HOÀI NAM. **Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - 50 năm xây dựng và phát triển** - The National Center for Social Sciences and Humanities - 50 Years of Development - NCLS, 2004, số 1 (332), tr. 3-11.

612. ĐỖ HUY DĨNH. **Đào Duy Từ - Thân thế và sự nghiệp** - Dao Duy Tu - his life and his activities - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 42-48.

613. ĐỖ HỮU NGHIÊM. **Hoạt động của quân đội Tây Sơn ở Gia Định khi Nguyễn Ánh rước quân xâm lược Xiêm La về và sự hình thành cục diện chiến trường mới tại Tiền Giang đầu tháng 1-1785** - The activities of Tay Son troops at Gia Dinh and the emergence of a new field situations at Tien Giang - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 27-30.

614. ĐỖ HỮU THÍCH. **Hội thảo khoa học về *Hồ Quý Ly và nhà Hồ* với việc biên soạn *Lịch sử Thanh Hóa* tập II** - Scientific workshop on *Ho Quy Ly and Ho dynasty* and the relation of the book *Thanh Hoa history* Tome II - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 93-94.

615. ĐỖ LỰU. **Hai chiếc thạp đồng mới phát hiện được ở Phú Thọ** - Two recently discovered copper jars in Phu Tho / Đỗ Lựu, Đoàn Thế Khải - NCLS, 1963, số 47, tr. 60-62.

616. ĐỖ LỰU. **Vài ý kiến về bài *Tàn dư của chế độ mẫu hệ trong xã hội người Việt* của hai ông Trần Khánh và Phan Hoàng Hiến** - Opinions on the article *The remmanants of matriarcat in Viet society* of the two authors: Tran Khanh and Phan Hoang Hien - NCLS, 1964, số 62, tr. 16-21, 26.

617. ĐỖ MINH CAO. **Việt Nam - Thất bại chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á** - Vietnam - A strategic failure of the U.S in Southeast Asia - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 5-10.

618. ĐỖ MINH CAO. **Chính sách thù địch của Mỹ đối với Đông Dương từ cuối những năm 80** - The hostile policy the U.S against Indochina in the late 1970's and early 1980' of this Century - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 78-83.

619. ĐỖ MINH CAO. ***Quá trình cách mạng hiện nay ở ba nước Đông Dương*** **(Đọc sách)** - Reading the book *The present revolutionary Indochines countries* - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 86-91.

620. ĐỖ NGỌC CHÂU. **Mác đã làm công tác tư liệu như thế nào khi tìm hiểu về nước Nga?** - How Marx colleted documents when he studied on the Russia? - NCLS, 1966, số 92, tr. 45-51, 54.

621. ĐỖ NGUYỆT QUANG. **Tìm hiểu về quá trình xây dựng nếp sống mới ở vùng các dân tộc ít người miền Bắc Việt Nam (1954-1975)** - Inquiries into the building of a new lifestyle among North Vietnamese ethinic minorities (1954-1975) - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 39-48.

622. ĐỖ NGUYỆT QUANG. **Nhân dân Việt Bắc với Chiến thắng Thu-Đông 1947** - Viet Bac people with the Victory in Autumn-Winter 1947 - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 29-32.

623. ĐỖ QUANG HƯNG. **Về cuốn** ***Sự kiện lịch sử Đảng Hà Nam Ninh: 1929-1954*** **(Đọc sách)** - Reading the book *Historical events of the Party at Ha Nam Ninh: 1929-1954* - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 80-82.

624. ĐỖ QUANG HƯNG. **Chiến trận ở Đà Nẵng 130 năm trước. Diễn biến và kết cục** - The battle in Da Nang 130 years ago. Its evolution and results / Đỗ Quang Hưng, Quốc Trung - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 72-81.

625. ĐỖ QUANG HƯNG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Pháp 1789** - The President Ho Chi Minh and the French Revolution of 1789 - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 68-74.

626. ĐỖ QUANG HƯNG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào Công đoàn - Lịch sử và hiện tại** - President Ho Chi Minh and Trade union movement - The History and the Present - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 34-41.

627. ĐỖ QUANG HƯNG. **Nhận thức và thực tiễn của vấn đề xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất** - Knowledge and practice of the question of a national unified front edification / Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Văn Khánh - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 13-17.

628. ĐỖ QUANG HƯNG. **Cao Bằng trong những *Chiến lược biên giới*. Từ Phan Bội Châu đến Nguyễn Ái Quốc** - Cao Bang in *The frontier Strategies*. From Phan Boi Chau to Nguyen Ai Quoc - NCLS. 1995, số 1 (278), tr. 6-10.

629. ĐỖ QUANG HƯNG. **Làn sóng Tân thư Trung Hoa trong tiến trình lịch sử tư tưởng Việt Nam thời Cận đại** - The Chinese *New learning* wave in the process of Vietnam modern ideological history - NCLS. 1996, số 4 (287), tr. 69-74.

630. ĐỖ QUANG HƯNG. **Ảnh hưởng của văn hóa Xô viết ở Việt Nam trong giai đoạn 1945-1954** - Influence of Soviet Union's culture on Vietnam during the phrase of 1945-1954 / Đỗ Quang Hưng, Lê Văn Thịnh - NCLS. 1997, số 1 (290), tr. 1-6.

631. ĐỖ QUANG HƯNG. **Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng qua sự phản ánh của Lê Hồng Phong** - The Committee of leaders of the Communist Party in oversea through Le Hong Phong's presentation - NCLS. 1999, số 3 (304), tr. 3-8.

632. ĐỖ TẤT LỢI. **Y miếu, một di tích lịch sử của y học Việt Nam** - The temple of Medicine, a historical remnants of the Vietnam Medicine - NCLS. 1969, số 124, tr. 61-62.

633. ĐỖ TẤT LỢI. **Tuệ Tĩnh sinh và hoạt động ở thế kỷ nào?** - In what century Tue Tinh was born and lived? - NCLS. 1986, số 3 (228), tr. 42-45.

634. ĐỖ TẤT LỢI. **Văn bản xác minh năm mất của Đại danh y Thiền sư Tuệ Tĩnh là 1713** - Document confirming the death day of the Great famous physician the Buddistt priest Tue Tinh, in 1713 - NCLS. 1993, số 1 (266), tr. 76-79.

635. ĐỖ TẤT LỢI. **Trở lại vấn đề Đại danh y Thiền sư Tuệ Tĩnh là người của thế kỷ XIV hay cuối thế kỷ XVII-đầu thế kỷ XVIII?** - To come back to the question: Tue Tinh, a famous Buddhist - medico belonged to 14th century or to the late 17th - early 18th centuries? - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 85-88.

636. ĐỖ THÁI BÌNH. **Một ý kiến nhỏ về chiếc thuyền trên trống đồng Ngọc Lũ** - A small idea about the boat on the Ngoc Lu bronze drum - NCLS. 1981, số 5 (200), tr. 57-59.

637. ĐỖ THANH BÌNH. **Về việc giảng dạy chương *Các nước xã* hội *chủ nghĩa* trong các trường Đại học Sư phạm, Cao đẳng hiện nay** - About the teaching on *The Socialist countries* in the Universities and the High School of Pedagogics at the present time - NCLS. 1993, số 3 (268), tr. 63-66.

638. ĐỖ THANH BÌNH. ***Phương pháp luận sử học*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Methodology of history* - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 91-95.

639. ĐỖ THANH BÌNH. **Vai trò của Rumani trong việc góp phần chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam** - The role of Romania on contribution to end the American aggression war in Vietnam / Đỗ Thanh Bình. Đào Tuấn Thành - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 61-65.

640. ĐỖ THỊ HẢO. ***Hàn các anh hoa* và tác giả Ngô Thì Nhậm** - *Han cac anh hoa* and its author Ngo Thi Nham - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 139-150.

641. ĐỖ THỊ MINH ĐỨC. **Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn với vấn đề đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng** - The transfer of the economical structure in the countryside and the question of the urbanization in the Red River Delta - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 6-10.

642. ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG. **Vài nét về quá trình phát triển sự nghiệp giáo dục ở các vùng dân tộc ít người thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (9/1945-5/1954)** - Some feature about the process of development of the educational work at the ethnic minority regions during the resistance against French colonialism (9/1945 - 5/1954) - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 63-69.

643. ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG. **Tìm hiểu cuộc đấu tranh chống văn hóa nô dịch trong vùng tạm bị chiếm thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)** - Research into the struggle agaist enslaved culture in French - occupied ereas (1945-1954) - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 46-55.

644. ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG. **Vài nét về nền giáo dục Việt Nam trước và trong năm đầu toàn quốc kháng chiến** - Some features on Vietnam's educational systems before and in the initial years of the National resistance - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 43-48.

645. ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG. **Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam mới (1945-1954)** - The State of the Democratic Republic of Vietnam and the construction of a new Vietnamese education (1945-1954) - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 70-79.

646. ĐỖ THỊ MINH THÚY. **Chữ "Trung" ở Nguyễn Bỉnh Khiêm trong quan hệ với nhà Mạc** - The loyalty of Nguyen Binh Khiem in relation with the Mac dynasty - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 56-60.

647. ĐỖ THIỆN. **Một ít tài liệu quanh việc thất thủ thành Hà Nội lần thứ hai (1882)** - Some documents about the second fall of Ha Noi capital Town (1882) - NCLS, 1962, số 36, tr. 50-54.

648. ĐỖ THIỆN. **Vài nét về lịch sử tỉnh Lai Châu (Khu Tự trị Tây Bắc) chống thực dân Pháp đầu thế kỷ XX** - Some features of Lai Chau province

history (In the North-West autonomous region) in the struggle against French colonialism at the beginning of the 20th Century - NCLS, 1962, số 45, tr. 33-37.

649. ĐỖ THIỆN. **Bàn thêm về lịch sử Lai Châu** - To discuss again on Lai Chau province history - NCLS, 1964, số 62, tr. 60-63.

650. ĐỖ THIỆN. **Phong trào Kỳ Đồng năm 1897** - The Ky Dong movement in 1897 - NCLS, 1964, số 64, tr. 55-58.

651. ĐỖ THỈNH. **Về trận Cầu Giấy năm 1883** - On the Cau Giay battle in 1883 - NCLS, 1967, số 102, tr. 61-62.

652. ĐỖ THỈNH. **Thành ủy Hà Nội xây dựng *Chỗ đứng chân* ở ngoại thành** - The Ha Noi party Committee built revolutionary infrastructure in the suburbs - NCLS, 1975, số 4 (163), tr. 47-49.

653. ĐỖ THỈNH. **Từ Quận công là ai?** - Who is the Duke Tu? - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 76.

654. ĐỖ THỈNH. **Tìm hiểu về Đỗ Bá Phẩm** - Apropos of Do Ba Pham - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 142-143.

655. ĐỖ THỈNH. **Một cuốn xã chí cổ mới được phát hiện (Hạ Yên Quyết-Từ Liêm-Hà Nội)** - A newly discovered antique monography of a commune - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 77-78.

656. ĐỖ TIẾN SÂM. **Sách *Trung Quốc trên đường cải cách* (Đọc sách)** - *China on the road of reform* (Reading the book) - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 82-85.

657. ĐỖ TRÌNH. **Vị trí chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa trong chiến tranh chống xâm lược năm 1789** - The place of Ngoc Hoi - Dong Da victory in the war against foreign aggression in 1789 - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 1-5.

658. ĐỖ VĂN NINH. **Khai quật hang Soi Nhụ, Quảng Ninh** - Exhumation of the Soi Nhu cave (Quang Ninh) - NCLS, 1968, số 117, tr. 57-61.

659. ĐỖ VĂN NINH. **Thành Quèn, căn cứ của Đỗ Cảnh Thạc, một trong 12 Sứ quân hồi thế kỷ X** - The Quen citadel, the basis of Do Canh Thac, one among 12 (twele) regional leaders (Su quan) in the 10th Century - NCLS, 1970, số 132, tr. 91-97.

660. ĐỖ VĂN NINH. **Những mũi chông củ ấu bằng đất nung** - Terra Cotta spikes - NCLS, 1973, số 150, tr. 61-63.

661. ĐỖ VĂN NINH. **Giếng thời Lê ở chùa Keo** - The well in Keo pagoda from the Le dynasty - NCLS, 1973, số 152, tr. 62-63.

662. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Tây Sơn** - Old money under the Tay Son - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 96-112.

663. ĐỖ VĂN NINH. **Việc nghiên cứu tiền cổ ở Việt Nam** - About the study on the old pieces of money of Vietnam - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 57-66, 79.

664. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Lý - Trần** - The old currency of Ly and Tran dynasties - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 26-34.

665. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Hồ** - The old money used in the times of Ho - NCLS, 1980, số 2 (291), tr. 50-54.

666. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Lê sơ** - The old money used at the beginning of the Le's dynasty - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 42-49.

667. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Mạc và thời Lê Trung hưng** - The old money in the times of Mac and Le Trung hung's period - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 50-56.

668. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền Cảnh Hưng** - The Canh Hung money - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 67-74.

669. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Gia Long** - The old money used under Gia Long dynasty - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 79-85.

670. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Minh Mệnh** - The old money used under Minh Menh dynasty - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 44-58.

671. ĐỖ VĂN NINH. **Xung quanh tư liệu về ba tòa thành: Mê Linh, Dền, Vượn thời Hai Bà Trưng** - Apropos of documents regarding the: Me Linh, Den, Vuon citadels under the reign of the Trung Sisters - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 23-27.

672. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Thiệu Trị** - Ancient currency under the Thieu Tri reign - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 45-55.

673. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Tự Đức** - Ancient currency under the Tu Duc dynasty - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 60-72.

674. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ cuối thời Nguyễn** - Ancient currency in the late Nguyen dynasty - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 48-54.

675. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ và nền kinh tế hàng hóa ở Việt Nam** - Ancient currency and the commodity economy in Vietnam - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 64-66.

676. ĐỖ VĂN NINH. **Quốc Tử Giám Hà Nội** - Quoc Tu Giam (Ha Noi) an institution of higher education - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 52-59; số 3 (228), tr. 50-62; số 4 (229), tr. 56-61.

677. ĐỖ VĂN NINH. **Bia Nghè Trường Giám** - The Giam school doctor's monuments - NCLS 1987, từ số 3 đến số 6 (234-237); 1988, từ số 3 đến số 6 (240-243); 1989, số 3-4 (246-247); 1990, số 3 (250), số 4 (251); 1991, số 1 (254), số 4 (257); 1992, số 1-4 (260-263); 1993, số 2 (267), số 5 (270); 1994, số 2 (273), số 4 (275); 1995, số 2 (279), tr. 68-88.

678. ĐỖ VĂN NINH. **Đô thị thời Trần** - Towns of Tran dynasty - NCLS. 1988, số 3-4 (240-241), tr. 33-36.

679. ĐỖ VĂN NINH. **Khảo về Nội các** - Research into the imperial cabinet (Noi cac) - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 46-51.

680. ĐỖ VĂN NINH. **Kế rút lui chặn giữ Tam Điệp và Biện Sơn của quân Tây Sơn năm 1788** - The stratagem of withdrawing the troups soas to defend Tam Diep and Bien Son of Tay Son army in 1788 - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 48-49.

681. ĐỖ VĂN NINH. **Quân đội nhà Nguyễn** - The Army of the Nguyen dynasty - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 45-53.

682. ĐỖ VĂN NINH. **Bia đề tên Tiến sĩ triều Nguyễn** - Steles inscribed with names of doctors under Nguyen dynasty - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 55-71; 1996, số 1(284), tr. 70-81.

683. ĐỖ VĂN NINH. **Đô đốc Đặng Tiến Đông hay Đô đốc Long** - Dang Tien Dong Admiral or Long Admiral? - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 87-89.

684. ĐỖ VĂN NINH. **Về *Thủ chiếu dời đô* của vua Lý Thái Tổ** - About the Proclamation on the Capital Move - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 17-21.

685. ĐỖ VĂN NINH. **Không gian phân bố có từ tố *Chiềng* từ Việt Nam đến Thái Lan** - Distribution space from Vietnam to Thailand of ancient place-names embracing morpheme *Chieng* - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 66-70.

686. ĐỖ VIẾT CHỪNG. **Về quê quán của Lê Hoàn, anh dùng dân tộc có công giữ nước, dựng nước cuối thế kỷ X** - About the birhplace of Le Hoan, our national heroin (10th Century) - NCLS, 1975, số 1 (162), tr. 59-64.

687. ĐỖ XUÂN TRẠCH. **Vài ý kiến về những nhận định của ông Văn Tân đối với vấn đề tô tem của người Việt nguyên thủy** - Some ideas about the judments of Mr. Van Tan on the question of the primitive Viet totem - NCLS, 1959, số 7, tr. 94-97.

688. ĐÔNG BA. **Nhờ Bác, tôi đã đi đến chủ nghĩa cộng sản (Hồi ký)** - Thanks to the Uncle Ho, I go to the communism - NCLS, 1970, số 132, tr. 56-61.

689. ĐÔNG PHƯƠNG MINH. **Đẩy mạnh việc nghiên cứu và thảo luận về phương pháp luận sử học** - To push forward the study and the discussion on historical methodology - NCLS, 1965, số 75, tr. 46-49.

690. ĐỐI DẬT. **Vấn đề phân định thời kỳ lịch sử Cận đại Trung Quốc** - The question on the China modern history periodization / VSĐ, 1956, số 21, tr. 60-73; số 23, tr. 60-77.

691. ĐỐI DẬT. **Quá khứ, hiện tại và tương lai của nền sử học mới của Trung Quốc** - The past, the present and the future of the new history of China - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 66-71.

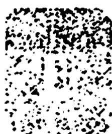
692. ĐỐI DẬT. **Đặc trưng của sử học Trung Quốc** - Specific traits of Chinese historical science - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 74-77.

693. ĐỨC NGUYÊN. ***Tây Sơn Nguyễn Huệ*** **(Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu Phong trào nông dân Tây Sơn và Anh hùng Nguyễn Huệ - Ty VHTT Nghĩa Bình, 1978) (Đọc sách)** - Reading the book: *Tay Son - Nguyen Hue* (Bulletin of the scientific conference on the Tay Son peasant movement and the Hero Nguyen Hue organized by the Service of culture and information of Nghia Binh province) - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 88-90.

694. ĐỨC THUẬN. **Thử tìm hiểu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam thời kỳ trước năm 1930** - Research about the worker class historical mission towards the Vietnam national revolution (in the period before 1930) - NCLS, 1970, số 131, tr. 7-20.

695. ĐỨC VƯỢNG. **Về những hoạt động yêu nước, cách mạng của Nguyễn Danh Đới** - On the patriotic, revolutionary activities of Nguyen Danh Doi - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 29-33.

696. ĐƯỜNG LAM. **Cần phải phá bỏ** ***Thế hệ sử vương triều*** - It is necessary to destroy the *Historical system of the Royal court* - NCLS, 1961, số 25, tr. 41-44.



697. EMMANUEL POISSON. **Quan chức, thuộc viên hành chính cấp tỉnh và địa phương tại Bắc Kỳ (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX). Những tiếp cận bước đầu** - The province-level and local officials, subordinates,

administration in Tonkin (in the late 19th - early 20th centuries). First approaches - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 58-62.

698. EMMANUEL POISSON. **Tập sự - Một trong những phương tiện đào tạo quan lại (1820-1918)** - Probation period - one of the methods to train mandarins (1820-1918) - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 51-57.




699. FOURNIAU (CH). **Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định - Phú Yên (1885-1887) (Theo những tài liệu của Pháp)** - The national resistance at Phu Yen - Binh Dinh during the 1885-1887 period and its repression by French colonialism according to French matrials - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 33-51.

700. FOURNIAU (CH). **Người Hoa ở Bắc Kỳ trước Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất** - The Chinese in Tonkin before the first World War - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 67-74; số 3 (256), tr. 61-70.




701. GANPERIN (A.L). **Vấn đề hình thành của chủ nghĩa tư bản ở Nhật** - The question of the capitialism formation in Japan - VSĐ, 1958, số 39, tr. 74-83; số 40, tr. 64-72.

702. GILIES (R). **Cảng Hải Phòng. Việc thiết lập cảng và những bước do dự đầu tiên (1874-1902)** - The Hai Phong sea-port - The edification and the hisitation at the beginning (1874-1902) - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 28-34.

703. GILIES (R). **Cảng Hải Phòng từ những điều xác tín năm 1902 đến những điều ngờ vực năm 1940** - The sea-port of Hai Phong, from the faith of 1902 to the doubt of 1940 - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 75-80.

704. GIÓ NỒM. **Đô thị miền Nam Việt Nam trong giai đoạn *Chiến tranh cục bộ* của Mỹ-ngụy** - The South Vietnam cities in the *Partial war* period of the American imperislists and their henchmen - NCLS, 1968, từ số 109 đến 112.

705. GIU CỐP (E). **Lịch sử và hiện đại** - Historical and the modern - NCLS, 1960, số 15, tr. 34-47.

706. GIU CỐP (E). **Một số vấn đề phương pháp luận lịch sử** - Some problems of the methodology of history - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 60-67.

707. GIU CỐP (E). **Chủ nghĩa lịch sử của chủ nghĩa Mác** - Historism of the Marxism - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 80-85.

708. GOLMAN (L.I). **Ph. Ăngghen và một số vấn đề về nhận thức lịch sử** - F. Engels and some problems about the kownledge of history - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 53-63; số 6 (171), tr. 64-70.

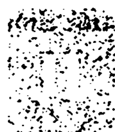
709. GƠRUSIN (B.A). **Mác và phương pháp hiện đại về nghiên cứu lịch sử** - Marx and the historical study modern method - NCLS, 1967, số 100, tr. 51-62.

710. GUBE (A.A). **Những sự thay đổi chính trị và kinh tế trong các nước Á - Phi ở thế kỷ XX** - The political and economical changes in the Aisan and African countries in the 20[th] Century / A.A. Gube, A.F. Min - NCLS, 1966, số 88, tr. 41-49; số 89, tr. 49-58.

711. GUGLIELMO (R). **Địa lý và biện chứng** - Geography and dialectics - VSĐ, 1956, số 20, tr. 50-56; số 21, tr. 54-59.

712. GULUGA (A.V). **Bàn về tính chất của tri thức lịch sử** - Discussion on the character of the historical knowledge - NCLS, 1966, số 84, tr. 32-40, 49.

713. GULUGA (A.V). **Bàn về đối tượng của khoa học lịch sử** - Discussion on the object of historical science - NCLS, 1966, số 87, tr. 53-63.



714. H.H. **Giới thiệu về Trương Vĩnh Ký** - Life and activities of Truong Vinh Ky - NCLS, 1963, số 56, tr. 13-23.

715. H.H. **Người vượn Lam Điền Trung Quốc và con khủng long hóa thạch lớn nhất thế giới** - Prehistoric Man Lam Dien in China and the most big fossil dinosuaz in the world - NCLS, 1965, số 77, tr. 60-61.

716. H.H. **Về việc nghiên cứu người vượn Lam Điền Trung Quốc** - About the study on Prehistoric Man Lam Dien China - NCLS, 1966, số 84, tr. 50-57.

717. H.K. **Ngày 1-5 trong quá trình đấu tranh cách mạng Việt Nam** - The first of May in the Vietnam Revolutionary struggle process - VSĐ, 1957, số 27, tr. 1-3.

718. H.K. **Cờ Tây Sơn màu gì? Đội quân nào của tướng Tây Sơn đã vào thành Thăng Long trước tiên?** - What is the colour of Tay Son flag? What is the Tay Son Army and who is its commander going in Thang Long city firstly? - NCLS, 1963, số 46, tr. 21, 48.

719. H.L. **Lại tìm thấy xương sọ người vượn ở Trung Quốc** - A new discovery pff prehistoric man cranium in China - NCLS, 1964, số 69, tr. 64.

720. HÀ KỈNH. **Thành Tây Sơn với chiến công oanh liệt chống xâm lăng (12-1883)** - The Tay Son citadel and its brillant histoties against the invaders (December 1883) - NCLS, 1971, số 136, tr. 61-64.

721. HÀ KỈNH. **Bản *Chúc thư* lụa mang niên đại Hồng Đức 1471 mới được phát hiện ở Đà Bắc** - A testament written on silk with the Hong Duc Period in 1471 Recently Found in Da Bac - NCLS. 1983, số 1 (208), tr. 82-86.

722. HÀ MẠNH KHOA. **Dấu vết về Hồ Quý Ly ở Nga Sơn - Thanh Hóa** - The traces of Ho Quy Ly in Nga Son, Thanh Hoa - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 34-36.

723. HÀ MẠNH KHOA. **Tìm hiểu những trận đánh quân Chiêm Thành và quân Minh của Hồ Quý Ly ở Thanh Hóa** - A study on the battles of Ho Quy Ly against the Chiem Thanh troops and the Ming troops in Thanh Hoa - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 61-64.

724. HÀ MẠNH KHOA. **Đường thủy ở Thanh Hóa thế kỷ X** - The shipping route in Thanh Hoa in the 10th century - NCLS, 1997, số 2 (292), tr. 84-89.

725. HÀ MẠNH KHOA. **Sông đào ở tỉnh thành Thanh Hóa dưới thời Minh Mạng và Thiệu Trị** - Channels in Thanh Hoa province under the Minh Mang and Thieu Tri dynasty - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 52-56.

726. HÀ MẠNH KHOA. **Thành cổ Làng Chiềng (Cẩm Thủy - Thanh Hóa)** - Ancient citadel Lang Chieng (Cam Thuy - Thanh Hoa) - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 18-22.

727. HÀ MINH HỒNG. **Phú Riềng đỏ trong phong trào công nhân ở miền Đông Nam Kỳ** - The Red Phu Rieng in the workers' movement in the East Cochinchina - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 42-47.

728. HÀ MINH HỒNG. **Tình hình giảng dạy lịch sử, văn hóa truyền thống ở bậc đại học trong bối cảnh kinh tế thị trường** - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 67-71.

729. HÀ PHÚ DƯƠNG. **"Con Rồng An Nam", một sự kiện xuyên tạc lịch sử trắng trợn và một sự vu cáo bỉ ổi của Bảo Đại** - *The Annamise Dragon* of

Bao Dai. a brazen distortion of history and ignomimious calumny - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 80-88.

730. HÀ VĂN TẤN. **Trở lại vấn đề tô tem của người Việt (Vài ý kiến nhỏ góp cùng ông Văn Tân)** - To discuss again on the question of Viet totem (some ideas to contribute to Mr. Van Tan) - NCLS, 1959, số 4, tr. 66-79.

731. HÀ VĂN TẤN. **Mấy điểm quanh vấn đề Việt Nam và phương Đông cổ đại** - About the question of Vietnam and the ancient Orient - NCLS, 196o, số 18, tr. 65-71.

732. HÀ VĂN TẤN. **Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư** - From a column of Buddha prayer recently discovered in Hoa Lu - NCLS, 1965, số 76, tr. 39-50.

733. HÀ VĂN TẤN. **Bài minh trên chuông Thông thánh quán và một số vấn đề lịch sử đời Trần** - The text engraved on the Thong Thanh quan bell and some historical question under the Tran's dynasty / Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm - NCLS, 1966, số 88, tr. 25-32.

734. HÀ VĂN TẤN. **Mấy suy nghĩ về phương pháp lịch sử và phương pháp logic** - Some thinkings on historical method and logic method - NCLS, 1967, số 96, tr. 57-60.

735. HÀ VĂN TẤN. **Một số vấn đề về Văn hóa Phùng Nguyên** - Some question of Phung Nguyen culture - NCLS, 1968, số 112, tr. 51-59.

736. HÀ VĂN TẤN. **Chiến thắng được nhìn từ bên ngoài chiến trận** - Victories Seen from outside - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 8-10.

737. HÀ VĂN TẤN. **Bài bia của Trương Hán Siêu và vấn đề phong thành hoàng** - Truong Han Sieu's writings on a stele and the appointment of village's tutelary deity - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 42-50.

738. HÀ VĂN TẤN. **Thư tịch Trung Quốc thời Hán, Tam quốc, Lục triều: Nguồn sử liệu nghiên cứu thực vật và nông nghiệp Việt Nam thời Lê** - Chinese books under the Han, Tam quoc, Luc Trieu dynasties - The historical sources for Vietnam 's botanical and agriculture studies under the Ancient time - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 24-33.

739. HÀ VĂN THÂN. **Về chính sách của Mỹ đối với Trung Mỹ từ những năm 60 đến nay** - The central America policy advocated by the U.S over two decades - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 76-83.

740. HÀ VĂN THÂN. **Vài nét về những hoạt động chống cách mạng Nicaragoa của đế quốc Mỹ** - On anti-Nicaragoa activities of U.S imperialism - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 74-79.

741. HẠ NÃI. **Việc nghiên cứu xã hội nguyên thủy Trung Quốc từ sau ngày giải phóng** - The research on China primitive society from after the liberation - NCLS, 1965, số 81, tr. 55-60.

742. HẢI AN. **Đà Nẵng chống xâm lược Pháp qua thơ văn đương thời** - Da Nang in its fighting against the aggressors through writers at that time - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 89-98.

743. HẢI ÂU. **Tính chất của Cách mạng Tháng Tám** - The character of August Revolution - NCLS, 1963, số 54, tr. 10-17.

744. HẢI KHÁCH. **Phong trào chống đi phu, chống nộp thuế ở Trung Kỳ (1908)** - The movement against the recruitment of coolies and the payment of taxes - VSĐ, 1955, số 9, tr. 39-52.

745. HẢI KHÁCH. **Xét lại "hồ sơ" của giai cấp phong kiến địa chủ** - Reexamining the dossier of the feudal landlord class - VSĐ, 1957, số 25, tr. 33-42.

746. HẢI KHÁCH. **Góp ý kiến về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ sử học** - Contributing the formation and the fosting of historical cadres - NCLS, 1959, số 4, tr. 7-11.

747. HẢI KHÁCH. **Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập trong một bối cảnh lịch sử nào?** - In what historical context is formed the Vietnam communist Party? - NCLS, 1963, số 47, tr. 1-2.

748. HẢI KHÁCH. **Trang sử Huế** - The historical pages of Hue city - NCLS, 1968, số 108, tr. 4-6.

749. HẢI LINH. **Vai trò của phong trào cách mạng nông dân Tây Sơn trong sự nghiệp đấu tranh lập lại nền thống nhất đất nước hồi cuối thế kỷ XVIII** - Role of the Tay Son revolutionary peasant movement in the struggle for national reunification (end of the 18th Century) - NCLS, 1973, số 150, tr. 30-43.

750. HẢI THU. **Một vài ý kiến về Phan Bội Châu (Bàn cùng ông Tôn Quang Phiệt)** - Some ideas about Phan Boi Chau (discussion Mr. Ton Quang Phiet) - VSĐ, 1957, số 29, tr. 70-81.

751. HẢI THU. **Góp ý về Phan Thanh Giản** - Some ideas about Phan Thanh Gian - NCLS, 1963, số 53, tr. 48-52.

752. HẢI THU. **Thử tìm hiểu thái độ của Nguyễn Trãi đối với hòa bình và chiến tranh** - A study on the position of Nguyen Trai toward peace and war - NCLS, 1965, số 65, tr. 7-13, 64.

753. HẢI THU. **Về việc Lê Lợi đánh Đèo Cát Hãn (Và thêm mấy ý kiến góp cùng đồng chí Lê Văn Kỳ)** - On the battle of Le Loi against Deo Cat Han (and some ideas to comrade Le Van Ky) - NCLS, 1966, số 84, tr. 41-46.

754. HẢI THU. **Bàn thêm về thái độ của Nguyễn Trãi đối với nhân dân lao động** - On the Nguyen Trai's attitude toward the working people - NCLS, 1966, số 85, tr. 24-29.

755. HẢI THU. **Mấy thủ đoạn khủng bố, đàn áp nhân dân của bọn cầm quyền Mỹ hiện nay** - Some tricks of terror and repression towards the people by the Americal authorities of today - NCLS, 1969, số 120, tr. 23-26.

756. HẢI THU. **Việc giết hại người Anh điêng ở Mỹ** - The assassination of Indians in America - NCLS, 1969, số 127, tr. 57-63; số 128, tr. 56-60.

757. HẰNG PHƯƠNG. **Ảnh hưởng về ngôn ngữ của ca dao đến Truyện Kiều** - Influence of popular songs language on Kieu story - VSĐ, 1955, số 8, tr. 47-56.

758. HẰNG PHƯƠNG. **Giới thiệu truyện Phạm Công - Cúc Hoa** - Instroduction about Pham Cong - Cuc Hoa story - VSĐ, 1955, số 1-, tr. 43-54.

759. HẰNG PHƯƠNG. **Góp ý kiến về việc hiệu đính và chú thích *Chinh phụ ngâm*** - Some remarks on the revice and the annotation of "Chinh phu ngam" (Warrior's wife poem) - VSĐ, 1957, số 32, tr. 65-69.

760. HẰNG PHƯƠNG. **Cần đánh giá *Hạnh thục ca* cho đúng mức** - An adequate estimation on the poem *Hanh thuc ca* is equired - VSĐ, 1958, số 43, tr. 89-95.

761. HẦU NGOẠI LƯ. **Làm công tác nghiên cứu khoa học theo một yêu cầu nghiêm túc** - To do the study work according to a serious request - NCLS, 1962, số 34, tr. 24-28.

762. HEMERY (D). **Qua 200 năm - Những vấn đề về Cách mạng Pháp** - Problems of French revolution in the Last 200 years - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 26-34.

763. HIỀN MINH. **Vài ý kiến phê bình quyển *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du* của ông Trương Tửu** - Some critical notes on Mr. Truong Tuu's work *Kieu story and the Nguyen Du epoch* - VSĐ, 1957, số 32, tr. 83-89.

764. HOA BẰNG. **Khảo luận về truyện *Thạch Sanh* (từ rìu, búa, dao, cung tên đến niêu cơm và cây đàn đá tượng trưng và thực hiện ý nghĩa như thế nào?)** - Treatise on *Thach Sanh* story (from axe, hammer knife, bow and arrow to a small cooking pot and a musical instrument, what are their symbolization and their meaning?) - VSĐ, 1956, số 16, tr. 63-72.

765. HOA BẰNG. **Lược khảo về lịch sử đê qua các triều đại** - A summary on the dykes history through the dynasties - VSĐ, 1957, số 31, tr. 1-17.

766. HOA BẰNG. **Thử xét một số tài liệu có liên quan đến thể văn lục bát trên lịch sử văn vần Việt Nam** - Essay of study on some documents relative to the category of poems in which verses are alternatively of six and eight feet and their effect upon the Vietnam verses in the history - VSĐ, 1958, số 42, tr. 53-68.

767. HOA BẰNG. **Qua mấy nét ca dao, thử nhận định một vài khía cạnh về lịch sử Hà Nội** - An essay of fudment on some historical aspects of Ha Noi through the folk-songs - NCLS, 1959, số 7, tr. 88-93.

768. HOA BẰNG. **Nhân đọc cuốn *Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*, thử tìm hiểu về thành Thăng Long qua Lý, Trần, Lê và các cửa ô cuối thế kỷ XVIII** - On occasion of reading the book *Legends and fine spots of Ha Noi*, to try understand the Thang Long city through the Ly, Tran, Le dynasties and the city gates in the end of the 18th Century - NCLS, 1960, số 14, tr. 73-79.

769. HOA BẰNG. **Vài nét sơ bộ nhận định về *Việt sử thông giám cương mục*** - Some preliminary remarks on *Viet su thong giam cuong muc* (Outline of Vietnam general history) - NCLS, 1964, số 67, tr. 46-54, 64.

770. HOA BẰNG. **Phan Chu Trinh (1872-1926)** - On Phan Chu Trinh (1872-1926) - NCLS, 1965, số 72, tr. 46-49.

771. HOA BẰNG. **Nguyễn Hữu Cầu với cuộc khởi nghĩa nông dân giữa thế kỷ XVIII** - Nguyen Huu Cau and the peasant insurrection in the middle of the 18th Century - NCLS, số 75, tr. 23-28, 36.

772. HOA BẰNG. **Cuộc khởi nghĩa (1826-1827) do Phan Bá Vành lãnh đạo** - The insurrection (1826-1827) led by Phan Ba Vanh - NCLS, 1966, số 83, tr. 50-54.

773. HOA BẰNG. **Nhà Tây Sơn đối với hai nữ anh hùng Nguyệt Thai và Nguyệt Độ** - The Tay Son dynasty attitude the two heroines Nguyet Thai and Nguyet Do - NCLS, 1966, số 86, tr. 35-38.

774. HOA BẰNG. **Cuộc khởi nghĩa (1862-1864) do Cai Vàng và vợ Ba ông lãnh đạo** - The insurrection (1862-64) led by Cai Vang and third wife - NCLS, 1967, số 94, tr. 49-54.

775. HOA BẰNG. **Phê bình, giới thiệu tác phẩm *Lược sử tên phố Hà Nội*** - Critique of the book presentation *Summary history of the Ha Noi streets names* - NCLS, 1967, số 95, tr. 54-60.

776. HOA BẰNG. **Chung cục Tây Sơn và những thủ đoạn trả thù tàn bạo của bọn phản động nhà Nguyễn** - The end Tay Son dynasty and the brutal revenges of the reactionis of Nguyen dynasty - NCLS, 1967, số 105, tr. 57-59.

777. HOA BẰNG. **Một số cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ đầu thời Nguyễn** - Some scattered insurrection at the beginning of Nguyen dynasty - NCLS, 1968, số 109, tr. 61-65.

778. HOA BẰNG. **Cao Bá Quát với cuộc khởi nghĩa chống triều Nguyễn (1854-1856)** - Cao Ba Quat and the insurrection against the Nguyen dynasty - NCLS, 1969, số 121, tr. 27-40.

779. HOA BẰNG. **Tài liệu tham khảo về Văn Miếu (Quốc Tử Giám) Hà Nội** - Reference documents on Van Mieu (Quoc Tu Giam) in Ha Noi - NCLS, 1969, số 127, tr. 46-56.

780. HOA BẰNG. **Cuộc nổi dậy "Chày vôi" (1866) chống triều đình mục nát Tự Đức** - The "Chay voi" upsurge (1866) against the decadent Tu Duc's Court - NCLS, 1969, số 128, tr. 32-39.

781. HOA BẰNG. **Kỹ thuật ấn loát của ta thời xưa** - Printing technique in the past of our country - NCLS, 1970, số 133, tr. 52-55.

782. HOA BẰNG. **Góp với ông bạn Trần Văn Giàu về bài *Nguồn gốc của chữ Nôm*** - Opinions on Tran Van Giau article *Origin of Nom* (demotic scrin) - NCLS, 1971, số 140, tr. 57-62.

783. HOA BẰNG. **Bài *Nhân tình thảo* của Ngô Vi Quý thời Tây Sơn** – A Written Work by Ngo Vi Quy under the Tay Son *Nhan tinh thao* - NCLS, 1974, số 158, tr. 69-71.

784. HOÀI GIANG. **Hồi thế kỷ XVIII trước khởi nghĩa Tây Sơn, tại sao các cuộc khởi nghĩa nông dân khác đều thất bại** - Why in the 18th Century before the Tay Son insurrection, the other peasant insurretion are defeated? - NCLS, 1965, số 75, tr. 29-36.

785. HOÀI NAM. **Về gốc tích ông Đề Thám** - On the origin of De Tham - NCLS, 1962, số 38, tr. 35-37.

786. HOÀI NAM. **Cuộc khởi nghĩa năm Kỷ Dậu 1909 của dân tộc Mường ở Hòa Bình** - The insurrection of the Ky Dau (1909) of the Muong people in Hoa Binh - NCLS, 1963, số 47, tr. 55-59.

787. HOÀI NGUYÊN. **Phạ Ngừm với việc thành lập Vương quốc Lạn Xạng** - Pha Ngum the and the foundation of Lan Xang Kingdom - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 60-65.

788. HOÀI NGUYÊN. **Vài nét về quá trình xâm lược và thực hiện chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp ở Lào (1893-1954)** - Some features about the

process of inbasion and realization of old French colonialism in Laos (1893-1954) - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 44-53.

789. HOÀI NGUYÊN. **Tìm hiểu sự hình thành các Mường cổ đại và chế độ phong kiến tập quyền ở Lào** - Studying about the formation of the antique Muong and the feudal centralism of the Laos - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 48-59.

790. HOÀI NGUYÊN. **Cuộc vượt ngục của Hoàng thân Suphanuvông và các lãnh tụ Pathet Lào** - The Jailbreak of Prince Suphanuvong and other Laos Pathet Leaders - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 62-66.

791. HOÀI PHƯƠNG. **Tìm hiểu nguồn gốc tư tưởng nhân dân của Nguyễn Trãi** - To try to understand the Nguyen Trai ideology about the people - NCLS, 1965, số 80, tr. 2-15.

792. HOÀNG CHẤN NAM. **Về năm sinh, năm mất và mối quan hệ thân thuộc của Nùng Trí Cao** - About year of birth, year of death and close relations of Nung Tri Cao - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 37-44.

793. HOÀNG CHẤN NAM. **Khái quát bối cảnh nổ ra chiến dịch Bắc Ninh**- General background to breaking out Bac Ninh campaign - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 49-55.

794. HOÀNG CHẤN NAM. **Nhìn lại tình hình nghiên cứu lịch sử chiến tranh Trung - Pháp trong 100 năm qua** - Reviewing the Historiography of the Sino-French War During the Last 100 Years - NCLS, 2004, Số 11 & 12 (342 & 343), tr. 46-58 & 40-52.

795. HOÀNG DŨNG. **Tìm hiểu về chiến lược tiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Research into the offensive strategy in the anti-U.S. resistance war - NCLS, 1965, số 2 (221), tr. 11-17.

796. HOÀNG ĐÌNH CHIẾN. **Về việc sử dụng tài liệu tham khảo trong dạy, học lịch sử ở trường Phổ thông Trung học hiện nay** - On the use of reference documents in the teaching on history in secondary school for today - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 66-70.

797. HOÀNG HIỆP. **Sự phá sản của chính sách bao vây, phá hoại, cô lập của đế quốc Mỹ đối với Cách mạng Cu Ba** - The bankruptcy of the policy of blokade, sabotage and insulation practised by the U.S. to wards Cuba - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 84-88.

798. HOÀNG HỒ. **Bàn thêm về bài *Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam* của ông Văn Tạo** - To discuss again on the article *To try to understand the formation and development*

*process of the Vietnam national reunification Front* of Mr. Van Tao - NCLS, 1959, số 5, tr. 47-62.

799. HOÀNG HỒNG. **Vài nét về quá trình nghiên cứu các nhân vật lịch sử trên Tập san Văn Sử Địa và Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử 1954-1992** - The process of research about historical personages on the *Literary, Historical and Geological* Review and in the *Historical studies* Review from 1954-1992 - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 50-55.

800. HOÀNG HỒNG. **Vài nét về hệ thống tác giả trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*** - Some features about the authors system of *Historical Studies* review - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 60-63,

801. HOÀNG HƯNG. **Thử tìm niên đại những chiếc gương đồng thau Thiệu Dương, Thanh Hóa** - To try to undersatnd the century of the copper glass Thieu Duong (Thanh Hoa) - NCLS, 1961, số 33, tr. 17-25; số 34, tr. 45-52.

802. HOÀNG HƯNG. **Về bài *Vài ý kiến về chiếc thạp đồng Đào Thịnh và Văn hóa đồng thau* của ông Đào Khải** - On the article "*Some ideas on the brass jar Dao Thinh and the brass culture* of Mr. Dao Tu Khai - NCLS, 1962, số 40, tr. 53-61.

803. HOÀNG HƯNG. **Vài ý kiến bước đầu về địa điểm khảo cổ học Đại Ứng, Thường Tín (Hà Tây)** - Some preliminary ideas on archeological place of Dai Ung, Thuong Tin, Ha Tay / Hoàng Hưng, Nguyễn Minh Chương - NCLS, 1968, số 113, tr. 48-51, 64.

804. HOÀNG HƯNG. **Trần Quốc Tuấn và vai trò của ông trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ** - Tran Quoc Tuan and his role in the resistance war against the Mongol aggressors - NCLS, 1968, số 114, tr. 4-8.

805. HOÀNG HƯNG. **Thời đại Hùng Vương trong thư tịch xưa** - Hung Vuong Epoch in the ancient books - NCLS, 1969, số 123, tr. 6-13.

806. HOÀNG HỮU TRIẾT. **Một vài nhận xét về chương *Khí hậu Việt Nam* trong cuốn *Sơ thảo địa lý Việt Nam* (Q.1) của ông Lê Xuân Phương** - Some remarks on the chapter *Vietnam climate*, in the book *First draft of Vietnam geography* - VSĐ, 1957, số 34, tr. 58-63.

807. HOÀNG HỮU TRIẾT. **Một vài ý kiến trao đổi với ông Lê Xuân Phương về vấn đề khí hậu Việt Nam** - Exchange of opinions with Mr. Le Xuan Phuong about the question of Vietnam climate - VSĐ, 1958, số 38, tr. 82-88.

808. HOÀNG KHÔI. **Hồ Quý Ly và vấn đề cải cách giáo dục** - Ho Quy Ly and the question of education reform - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 34-35.

809. HOÀNG LÊ. **Về bước đường dẫn Ninh Tốn đến với Tây Sơn** - The way bringing back Ninh Ton to the Tay Son movement - NCLS, 1979, số 184, tr. 57-61.

810. HOÀNG LƯƠNG. **Bàn góp về vấn đề tô tem của người Việt nguyên thủy** - To discuss and to contribute to the question of the primitive Viet totem - NCLS, 1959, số 5, tr. 69-77.

811. HOÀNG LƯƠNG. **Thử bàn về quan hệ trao đổi trong xã hội nguyên thủy Việt Nam** - To try to discuss on the exchange rapport in Vietnam primitive society / Hoàng Lương, Trần Hà - NCLS, 1961, số 31, tr. 36-48; số 32, tr. 33-37.

812. HOÀNG LƯỢNG. **Vài nét về tình hình kinh tế của giai cấp tư sản mại bản miền Nam** - Some features of the comprador bourgeoisie economical situation in South Vietnam - NCLS, 1961, số 31, tr. 28-35.

813. HOÀNG LƯỢNG. **Về cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Thường Tín, Phú Xuyên (Hà Tây)** - Thuong Tin and Phu Xuyen (Ha Tay) during the August Revolution - NCLS, 1974, số 157, tr. 74-75.

814. HOÀNG LƯỢNG. **Giới thiệu *Lịch sử Thanh Hóa* Tập I, *Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX* Tập II** - History of Thanh Hoa province Tome I and Tome II"; *The Viet emigration from the 10$^{th}$ Century to the Middle of the 19$^{th}$ Century* - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 89-93.

815. HOÀNG LƯỢNG. **Điểm lại một số ý kiến về phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVIII-nửa đầu thế kỷ XIX** - To riview some opnions on Vietnam's Peasant Movement in the 18$^{th}$ - the first half of the 19$^{th}$ centuries - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 56-66.

816. HOÀNG LƯỢNG. ***Nhận thức mới về đất Hà Tiên. Khảo luận - Đính chính - Tư liệu*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *New perception in Ha Tien Area. Investigation - Corrigenda - Material* - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 89 - 92.

817. HOÀNG MINH HOA. **Truyền thống và hiện đại của Nhật Bản từ Minh Trị Duy tân đến nay** - Tradition and modernity of Japan from Meiji Reform to now - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 82-87.

818. HOÀNG MINH HOA. **Từ Hiến pháp Minh Trị đến Hiến pháp 1946 của Nhật Bản** - From the Meiji Constitution to the Constitution of 1946 of Japan - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 52-61.

819. HOÀNG MINH THẢO. **Bạch Đằng, chiến công vang dội nhất trong lịch sử đấu tranh giữ nước thời Trần** - Bach Dang victory - The most resouding one in the national defence under Tran dynasty - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 4-7.

820. HOÀNG NAM. **Đánh giá vai trò Nguyễn Trường Tộ trong lịch sử Cận đại Việt Nam** - Estimation on the role of Nguyen Truong To in Vietnam modern history - NCLS, 1961, số 29, tr. 34-40.

821. HOÀNG NHẬT TÂN. **Nêu một số vấn đề cần đi sâu nghiên cứu về Cách mạng Tháng Tám** - To raise some question requiring a profound study on the August revolution / Hoàng Nhật Tân, Lê Quốc Sử - NCLS, 1963, số 47, tr. 13-21.

822. HOÀNG NHẬT TÂN. **Mấy ý kiến về nhận thức sự thật lịch sử, nâng cao tính khách quan khoa học và tính chiến đấu cách mạng của sử học** - Some thinkings on the knowledge of the historical truth, on the increasing of the scientific objectivity and the revolutionary combativeness in the historical science - NCLS, 1966, số 92, tr. 6-16.

823. HOÀNG NGỌC HIẾN. **Những suy nghĩ có tính chiến lược từ sự nghiên cứu về văn hóa chính trị truyền thống và lịch sử hiện đại hóa ở Việt Nam** - Strategic thoughts drawn from the research on traditional political culture and the history of the modernization in Vietnam - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 86-91.

824. HOÀNG NGỌC PHÁCH. **Trả lời bài *Góp ý kiến về việc hiệu đính và chú thích Chinh phụ ngâm* của ông Nguyễn Văn Lại** - Answer to Mr. Nguyen Van Lai's article *Remarks on the revice and the annotation of Chinh phu ngam* (Warrios's wife poem) - VSĐ, 1957, số 32, tr. 62-65.

825. HOÀNG NGỌC THANH. **Có hay không trên thực tế tổ chức Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam?** - Was there or not really a Trade Union of South Vietnam Liberation? - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 36-41.

826. HOÀNG NGUYÊN KHỞI. **Mấy nhận xét về việc giảng dạy lịch sử** - Some remarks about the teaching of history - VSĐ, 1955, số 4, tr. 47-56.

827. HOÀNG PHAN TRỌNG BÁU. ***Khoa cử và giáo dục Việt Nam* (Đọc sách)** - Reading the book: "Examination system and Education in Vietnam" - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 90-94.

828. HOÀNG PHƯƠNG. **Từ chiến dịch Điện Biên Phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử** - From Dien Bien Phu to the Ho Chi Minh military campaign - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 65-73, 88.

829. HOÀNG PHƯƠNG. **Tính thần tốc của cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975** - The speediners of the general offénive and upheaval in Spring 1975 - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 25-28.

830. HOÀNG PHƯƠNG. **Nhìn lại những cải cách quân sự của Hồ Quý Ly** - Looking back on the military reform of Ho Quy Ly - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 56-57.

831. HOÀNG THỊ CHÂU. **Về việc tìm sử liệu trong ngôn ngữ dân tộc** - About the searching for historical documents in the national language - NCLS, 1967, số 100, tr. 44-47.

832. HOÀNG THỊ CHÂU. **Tìm hiểu từ *Phụ đạo* trong truyền thuyết về Hùng Vương** - In search of the meaning of the term *Feminine duty* in the legend on Hung Vuong - NCLS, 1967, số 102, tr. 22-28.

833. HOÀNG THỊ CHÂU. **Nước Văn Lang qua tài liệu ngôn ngữ** - The Van Lang country through the documents on language - NCLS, 1969, số 120, tr. 37-48.

834. HOÀNG TÔN HÁN. **Nghiên cứu khoa học cần phải sưu tầm tài liệu thật phong phú** - The scientific study require a search for abundant documents - NCLS, 1963, số 48, tr. 57-59.

835. HOÀNG TÙNG. **Trần Huy Liệu - Ông thầy của tôi** - Tran Huy Lieu - My teacher - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 86-87.

836. HOÀNG THANH. **Năm lần Tôn Trung Sơn đến Việt Nam** - Five times Ton Trung Son came to Vietnam - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 78-64.

837. HOÀNG TRUNG THỰC. **Mấy điều suy nghĩ về tính chất và phương pháp công tác nghiên cứu lịch sử Đảng** - Some thinkings on the character and method of the study on Party history - NCLS, 1963, số 57, tr. 8-16.

838. HOÀNG TRUNG THỰC. **Giới thiệu cuốn sách *Các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác bàn về khoa học lịch sử*** - Presentation of the book *The class of Marxism discuss about the historical science* - NCLS, 1966, số 82, tr. 55-59.

839. HOÀNG TRUNG THỰC. **Gợi ý một số vấn đề về nhận thức chung để tìm hiểu chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa khách quan trong công tác sử học** - To evoke some question of general knowledge for the seach and the understading of the subjectivism and the objectivism in historical work - NCLS, 1966, số 85, tr. 15-23, 45.

840. HOÀNG TRUNG THỰC. **Mấy điều thu hoạch sau khi nghiên cứu tập I *Ba mươi lăm năm đấu tranh của Đảng*** - Some results obtained after the study of the I[st] tom of *Thirsty fine years Party struggle* - NCLS, 1966, số 91, tr. 50-56.

841. HOÀNG TRUNG THỰC. **Tìm hiểu phương châm *Thêm bạn bớt thù* trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám** - To search for and to understand the direction line *Increasing friends, diminishing enemies* in the August Revolution period - NCLS, 1967, số 101, tr. 7-20.

842. HOÀNG TUẤN PHỔ. **Về bản đồ cứ điểm phòng ngự Ba Đình** - On the map of defensive base Ba Dinh - NCLS, 1965, số 74, tr. 61-63.

843. HOÀNG TUẤN PHỔ. **Trở lại vấn đề Ba Đình** - Agains on the question of Ba Dinh - NCLS, 1965, số 81, tr. 38-43.

844. HOÀNG TUẤN PHỔ. **Góp ý kiến về *Hệ ý thức phong kiến thế kỷ XIX* - *On feudal ideology in the 19th Century*** - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 69-74.

845. HOÀNG VĂN HIỂN. **Vấn đề tiếp thu văn hóa phương Tây của Trung Quốc và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX** – On the Acquirement of Western Culture in China and Vietnam in the Last of the 19th Century and the First of the 20th Century- NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 57-66.

846. HOÀNG VĂN HIỂN. **Tình hình kinh tế - xã hội của Hàn Quốc trong giai đoạn tái kiến thiết đất nước (1953-1960)** - Republic of Korea's economic situation in nation reconstrucstion's period (1953-1960) - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 58-65.

847. HOÀNG VĂN LÂU. **Giá trị khảo chứng của bộ *Việt sử Cương mục tiết yếu* của Đặng Xuân Bảng** - Value of *Viet su Cuong muc tiet yeu* by Dang Xuan Bang - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 39-43.

848. HOÀNG VĂN LÂU. **Về một nhân vật lịch sử triều Lý - Lưu Khánh Đàm** - About a historic personality under the Ly dynasty - Luu Khanh Dam - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 78-80.

849. HOÀNG VĂN LÂN. **Nhìn nhận Trương Vĩnh Ký thế nào cho đúng?** - How to estimate justly Truong Vinh Ky / Hoàng Văn Lân, Đặng Huy Vận - NCLS, 1964, số 61, tr. 16-30.

850. HOÀNG VĂN LÂN. **Mưu đồ chính trị của Alếchxăngdờrốt và vấn đề chữ quốc ngữ** - The policial ambition of Alexandre de Rhodes and the question of latinization of the national language / Hoàng Văn Lân, Đặng Huy Vận - NCLS, 1964, số 63, tr. 14-28.

851. HOÀNG VĂN LÂN. **Thêm một số ý kiến về nội dung, tính chất và diễn biến của khởi nghĩa Giáp Tuất (1874)** - Some opinions on the content, characteristics and process of Giap Tuat insurrection (1874) / Hoàng Văn Lân, Nguyễn Quang Hồng - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 43-51.

852. HOÀNG VĂN LÂN. **Vấn đề xác định năm ra đời của thành phố Vinh hiện nay** - To determine the foundation year of Vinh city - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 42-50.

853. HOÀNG VĂN LÂN. **Quan hệ giữa nhà nước quân chủ tập quyền với làng xã trong thế kỷ XV ở Việt Nam** - The Relationship between the Monarchy of concentrated power and the village of Vietnam in the 15th century - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 34-39.

854. HOÀNG VĂN LAN. **Sự xâm nhập của Tập đoàn dầu mỏ Mỹ Rockefeller vào Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám 1945** - The penetration of American petroleum Rockefeller group into Vietnam prior to the August Revolution - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 58-68.

855. HOÀNG VĂN THÁI. **Sử học nước ta đã có những đóng góp vào công tác quân sự** - Our historiography has contributed to the military - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 6-9.

856. HOÀNG VĂN THÁI. **Một số suy nghĩ về những bài học lớn của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ** - Reflections on the great lessons of the 1953-1954 Winter-Spring strategic offensive which culminates in Dien Bien Phu campaign - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 1-8.

857. HOÀNG VĨ NAM. **Chính sách phá hoại Hội nghị và Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam trong những năm 1954-1960 (Cơ sở của con đường phạm tội ác xâm lược và chiến tranh của đế quốc Mỹ, một bước thất bại mới của chủ nghĩa thực dân Mỹ ở Việt Nam)** - The policy of sabottge towards the Geneve Conference and Agreement on Vietnam in 1954 in the years from 1954 to 1960 (Basic of the invasion and war crime committed by American imperialism a new defeat step of the American colonialism in Vietnam) - NCLS, 1969, số 124, tr. 3-18.

858. HOÀNG VĨ NAM. **Sau mười năm nhìn lại sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** - After ten years, to review from the birth of the South Vietnam national liberation Front - NCLS, 1970, số 135, tr. 41-59.

859. HOÀNG XUÂN CHINH. **Thử bàn về vị trí thành Thăng Long (Trao đổi cùng ông Trần Huy Bá)** - To try to discuss on the place of Thanh Long citadel (Exchange with Mr. Tran Huy Ba) - NCLS, 1959, số 9, tr. 58-63.

860. HOÀNG XUÂN CHINH. **Nhân đọc bài *Mấy ý kiến về nền văn hóa Đông Sơn*** - Reading the article *Some ideas on Dong Son culture* - NCLS, 1962, số 44, tr. 42-51.

861. HOOCDRECHSLE. **Chủ nghĩa thực dân mới ở Tây Đức xâm nhập châu Phi** - The West Germany neocolonialism penetrating in Africa - NCLS, 1967, số 94, tr. 55-62.

862. HỒ CHÍ MINH. **Lời di chúc** - Will and Testament - NCLS, 1969, số 126, tr. 4-5.

863. HỒ HẢI. **Một vài ý kiến về mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị nước ta trong thời kỳ 1939-1945** - Some ideas about the relations between

the country and the city of our land in the period of 1939-1945 - NCLS, 1963, số 52, tr. 12-19.

864. HỒ HỮU PHƯỚC. **Một vài ý kiến nhỏ về việc đánh giá vai trò cá nhân Hồ Quý Ly trong lịch sử** - Some ideas about estimation of the personal role of Ho Quy Ly in history - NCLS, 1961, số 30, tr. 43-45.

865. HỒ HỮU PHƯỚC. **Góp thêm ý kiến về việc đánh giá Nguyễn Trường Tộ** - Contributions to the estimation of Nguyen Truong To / Hồ Hữu Phước, Phạm Thị Minh Lệ - NCLS, 1961, số 31, tr. 60-62.

866. HỒ HỮU PHƯỚC. **Góp ý với hai bạn Đinh Xuân Lâm và Đặng Huy Vận về việc phân kỳ lịch sử Hiện đại Việt Nam** - Exchange of view with the two friends Dinh Xuan Lam and Dang Huy Van about the periodzation of the Vietnam contemporary history - NCLS, 1963, số 46, tr. 47-48.

867. HỒ HỮU PHƯỚC. **Nhân đọc bài** ***Mấy ý kiến về vấn đề phong kiến hóa trong lịch sử Việt Nam*** - Reading the article *Some ideas about the feudalization in Vietnam history* - NCLS, 1964, số 61, tr. 13-15; 41.

868. HỒ HỮU PHƯỚC. **Trong lịch sử Việt Nam đến giai đoạn nào thì ruộng tư chiếm ưu thế** - In what period of Vietnam history the private land predominated? - NCLS, 1964, số 69, tr. 39-45.

869. HỒ HỮU PHƯỚC. **Mấy nét về tình hình ruộng đất ở xã Thạch Khê trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945** - Some features about the land situation in Thach Khe Commune (Thach Ha - Ha Tinh) before the August Revolution - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 54-58.

870. HỒ HỮU PHƯỚC. **Mối liên hệ giữa họ Nguyễn Tiên Điền với họ Dương Long Phúc và liên minh cự tộc xứ Nghệ dưới thời Lê - Trịnh** - The relation between the Nguyen Tien Dien's family with the Duong Long Phuc's family and the alliance of great families in Nghe region under the dynasty of Le - Trinh - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 37-39.

871. HỒ KHANG. **Công việc chuẩn bị chiến trường và nghi binh chiến lược của quân dân ta trong dịp "Tết Mậu Thân" 1968** - Our troop's and people's preparation for tactical manoeuvres in the Mau Than New Year's Festival 1968 - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 11-13.

872. HỒ KHANG. **Vành đai diệt Mỹ - Nhân tố quan trọng góp phần đánh bại nỗ lực quân sự cao nhất của Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam thời kỳ 1965-1968** - *Wipe out American belts* - an important element contributing to defeat the greatest American military effort / Hồ Khang, Nguyễn Văn Trí - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 43-50.

873. HỒ KHANG. **Chính sách đối xử với tù, hàng binh của Việt Nam trong 30 năm chiến tranh (1954-1975)** - The War Prisoner Policies of Vietnam during the 30 Years of War Time (1945-75) - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 17-27.

874. HỒ SĨ LỘC. **Quá trình phát triển kinh tế ngoài quốc doanh ở Việt Nam (1986-1995)** – The development process of non-state economy in Vietnam (1986-95) - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 33-38.

875. HỒ SĨ PHẤN. ***Thành phố Thanh Hóa*** **(Đọc sách)** - Reading on the book: *Thanh Hoa city* - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 93-95.

876. HỒ SONG. **Bàn thêm về Trương Vĩnh Ký** - To discuss agains on Truong Vinh Ky - NCLS, 1964, số 61, tr. 31-34.

877. HỒ SONG. **Vài nhận xét về *Lịch sử Cận đại Việt Nam* Tập III** - Some remarks on III[e] tome *Vietnam modern history* - NCLS, 1964, số 64, tr. 39-45.

878. HỒ SONG. **Phan Chu Trinh với thời đại của ông** - Phan Chu Tring and his epoch - NCLS, 1965, số 73, tr. 38-43.

879. HỒ SONG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vấn đề độc lập dân tộc trong cách mạng Việt Nam** - President Ho Chi Minh and the question of national independence in the Vietnamese revolution - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 29-34.

880. HỒ SONG. ***Năm 1946 - Khởi phát cuộc chiến tranh Đông Dương*** **(Đọc sách)** - Reading on the book: *The year of 1946: The beginning of the war Indochina* - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 87-92.

881. HỒ SONG. ***Phan Bội Châu toàn tập*** **với việc nghiên cứu Phan Bội Châu** - Phan Boi Chau's complete work and the research work on Phan Boi Chau - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 60-66.

882. HỒ SONG. ***Pari - Sài Gòn - Hà Nội*** **(Đọc sách)** - Reading on the book: *Paris-Saigon-Hanoi* - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 81-88.

883. HỒ SONG. **Đòi trả tự do cho Nguyễn An Ninh trên báo *Việt Nam hồn*** - Claim of liberation for Nguyen An Ninh on the *Vietnam hon* (Vietnam's spirit) - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 66-70.

884. HỒ SONG. **Báo *Việt Nam hồn* với Phan Bội Châu** - The *Vietnam hon* (Vietnam Spirit Newspaper) and Phan Boi Chau - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 88-92.

885. HỒ SONG. **Thư của Lương Trúc Đàm gửi Toàn quyền Đông Dương kháng nghị việc bắt Phan Châu Trinh** - The letter of Luong Truc Dam protesting the Phan Chau Trinh arrest, to the Indo-china General Governor - NCLS, 1994, số 1(272), tr. 75-76.

886. HỒ SONG. **Phan Châu Trinh – Thực tế và ảo vọng** - Phan Chau Trinh - Reality and Illusion - NCLS. 1995, số 1 (278), tr. 30-41.

887. HỒ SONG. **Về bản dịch tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*** - About the traduction of the book *The judgment of the French colonization* - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 87-91.

888. HỒ SONG. ***Phan Bội Châu và Phong trào Đông Du* (Đọc sách)** - Reading the book: *Phan Boi Chau and The Dong du (go to Study in Japan) Movement* - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 85-88.

889. HỒ SONG. **Những báo cáo của SICA về vụ chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908** - Reports made by SICA on the struggle against heavy taxes in Annam in 1908 - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 80-82.

890. HỒ SONG. ***Chế độ quân chủ và sự kiện thuộc địa ở Việt Nam (1875-1925).* (Đọc sách)** - Reading the book *The monarchy and the matter of colony in Vietnam (1875-1925)* - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 87-89.

891. HỒ SONG. **Sự chuyển hướng tư tưởng trong Phong trào quốc gia – dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX** - The change in ideological direction of Vietnamese nationalism movement at the beginning of 20th century / Hồ Song, Chương Thâu - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 16-31.

892. HỒ SONG. **Đông Kinh Nghĩa Thục trong Phong trào Duy tân ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX** - Dong Kinh Nghia thuc in the Duy tan Movement (the Reform Movement) in Vietnam in the early of 20th century - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 67-72; số 1 (296), tr. 23-32.

893. HỒ SONG. ***Indochine. La Colonisation ambiguë* (1858-1954) (Đọc sách)** - Reading the book: *Indochine. La Colonisation ambiguë (1858-1954)* - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 86-89.

894. HỒ SONG. **Vụ dân biến ở miền Trung Việt Nam vào đầu năm 1908** - The people's feudal state towards elderly people - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 8-20.

895. HỒ SONG. ***Gia Định phong cảnh vịnh* (Đọc sách)** - Reading the book: *Gia Dinh phong canh vinh* (Poems on Gia Dinh landscape) - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 85-88.

896. HỒ SƠN ĐÀI. **Quá trình chuyển hóa một bộ phận vũ trang Bình Xuyên thành lực lượng vũ trang cách mạng sau năm 1954** - The transformation process of a part of Binh Xuyen armed forces in revolutionary armed forces after 1954 - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 37-39.

897. HỒ SƠN ĐÀI. **Vai trò của căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)** - The role of the

revolutionary base in the East zone of Cochinchina during the resistance war against the French colonialists (1945-1954) - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 13-19.

898. HỒ SƠN ĐÀI. **Quá trình thống nhất lực lượng vũ trang ở Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định trong kháng chiến chống thực dân Pháp** - The process of unifying armed forces in Sai Gon - Cho Lon - Gia Dinh during the anti-French resistance war - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 65-71.

899. HỒ SƠN ĐÀI. **Vài nét về hệ thống cảng hàng không miền Nam trước năm 1975** - Some features on airport system in the South of Vietnam before 1975 - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 17-28.

900. HỒ SƠN ĐÀI. **Vấn đề đấu tranh quân sự ở Nam Bộ sau Hiệp định Paris** - The Problems of the Military Struggle after the Paris Agreement in the South of Vietnam // NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 28-33.

901. HỒ THĂNG. **Việc nghiên cứu lịch sử xã hội trở thành khoa học như thế nào?** - How the social history study becomes a sience? VSĐ, 1957, từ số 25 đến số 27.

902. HỒ TUẤN DUNG. **Tìm hiểu hệ thống thuế thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam trước năm 1945** - Carry out the French colonialism tax system applied in Vietnam before 1945 - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 69-74.

903. HỒ TUẤN DUNG. **Tiền tệ và sự biến động của tiền tệ ở Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)** - Currency and its changes at Vietnam in the French dependence (1858-1945) time - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 39-41.

904. HỒ TUẤN DUNG. **Định chế thuế môn bài ở Bắc Kỳ trước 1945** - The Custom of license tax in Tonkin before 1945 - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 42-49.

905. HỒ TUẤN NIÊM. **Bàn góp về nguồn gốc giai cấp của Hồ Xuân Hương** - To discuss and contribute to the class origin of Ho Xuan Huong - VSĐ, 1957, số 25, tr. 78-81.

906. HỒ TUẤN NIÊM. **Tìm hiểu chế độ công điền, công thổ ở Bắc Bộ** - To search for and understand the public rice-field and regim in Tokin - VSĐ, 1957, 1958, số 36, số 37, số 38.

907. HỒ TUẤN NIÊM. **Một nghi vấn về tác giả *Mười bài thơ cảm hoài liên hoàn*** - A doubtful question about the author of *Ten linked together poems on moving remenbrance* - VSĐ, 1958, số 46, tr. 89-95.

908. HỒ TUẤN NIÊM. **Thử đánh giá Học Lạc, nhà thơ trào phúng miền Nam** - Essay of estimation of Hoc Lac, a humorous poet in the South - VSĐ, 1958, số 47, tr. 43-58.

909. HỒ TUẤN NIÊM. **Xung quanh vấn đề tiểu sử Hồ Xuân Hương** - About Ho Xuan Huong's biography - NCLS, 1973, số 152, tr. 43-46.

910. HỒ TUẤN NIÊM. **Truyền thống yêu nước của nhân dân xã Quỳnh Đôi** - Patriotic tradition of the village of Quynh Doi / Hồ Tuấn Niêm, Phan Hữu Thịnh - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 68-74.

911. HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM. **Vì độc lập của dân tộc, vì tự do của nhân dân** - For national independence, for people liberty - NCLS, 1973, số 150, tr. 1-3.

912. HỒNG BÍCH. **Tìm hiểu vốn cũ trong văn học dân tộc: Giới thiệu truyện Phan Trần** - A study on the ancient heritage in the national literature: Presentation of the Phan Tran story - VSĐ, 1955, số 12, tr. 59-70.

913. HỒNG CHƯƠNG. **Cường Để, anh hùng cứu nước hay việt gian bán nước?** - Cuong De was a hero for the country salvation or a traitor selling the country - NCLS, 1962, số 43, tr. 37-43.

914. HỒNG GIAO. **Vài ý kiến về tiếng Việt hiện thời** - Some deas about modern language Vietnamese - VSĐ, 1957, số 26, tr. 66-82.

915. HỒNG HẠNH. **Sự thống nhất về tính chất phản động của Phạm Quỳnh trong lĩnh vực chính trị và văn hóa** - The unity of Pham Quynh reactionary character in the political and cultural field - VSĐ, 1959, số 48, tr. 60-81.

916. HỒNG KIỀU. **Tìm hiểu lịch sử Âm lịch và Dương lịch** - To search and understand for the lunar calendar - VSĐ, 1957, số 33, tr. 43-56.

917. HỒNG KIỀU. **Về các đơn vị hành chính ở Nam Bộ qua các chế độ** - Administrative unities in Cochichina under various regimes - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 31-38.

918. HỒNG LĨNH. **Trần Quốc Tuấn nói về những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thời Đinh - Lê chống quân Tống xâm lược** - Tran Quoc Tuan said about the decisive factors of the victory over the Sung invaders in the war of defence of the Fatherland under the Dinh - Le's dynasties / Hồng Lĩnh, Văn Dị - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 25-26, 40.

919. HỒNG NAM. **Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chống phong kiến xâm lược** - Glorious pages in the history of the struggle waged by Vietnamese people against Chinese invaders / Hồng Nam, Hồng Lĩnh - NCLS, 1985, số 5 (244), tr. 1-11.

920. HỒNG QUANG. **Học tập Lênin, đẩy mạnh công tác sử học phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng trước mắt** - Studying the Leninism to push on the

historical work serving the immediate revolutionary task - NCLS, 1960, từ số 14 đến số 17.

921. HỒNG QUANG. **Những vấn đề của lịch sử Cận Hiện đại đã được đề xuất và nghiên cứu trong 7 năm qua** - The question of modern and contemporary history raised and studies in the past seven years - NCLS, 1960, số 21, tr. 18-27.

922. HỒNG QUANG. **Mấy ý nghĩ về vấn đề nghiên cứu ý nghĩa và tác dụng lịch sử của Xô viết Nghệ - Tĩnh** - Some thinking about the study question on significance and historical effect of Nghe Tinh Soviet - NCLS, 1962, số 35, tr. 5-10, 34.

923. HỒNG QUANG. **Chủ nghĩa Mác-Lênin bất diệt** - The Marxism - Leninism will live - NCLS, 1962, số 38, tr. 1-7.

924. HỒNG QUANG. **Cách mạng tháng Mười và lịch sử hiện đại** - The October Revolutin and the modern history - NCLS, 1962, số 44, tr. 3-8, 28.

925. HỒNG QUANG. **Lịch sử và chủ nghĩa anh hùng** - History and heroism - NCLS, 1967, số 99, tr. 1-9.

926. HỒNG THÁI. **Vài nét về Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong 30 năm qua (1946-1976)** - Some considerations about the national Assembly of the DRV in the past 30 years (1946-1976) - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 27-33.

927. HỒNG THÁI. **Liên minh công nông trong bước chuyển biến trực tiếp từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam (1954-1960)** - The worker-peasant alliance in the stage of direct transformation from the national people's democratic revolution to the socialist revolution in North Vietnam (1954-1960) - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 20-28.

928. HỒNG THÁI. **Liên minh công nông trong công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1961-1975)** - About the alliance of worker and peasants in the work of socialist industrialisation and in the struggle against the destructive war of American imperialism (1961-1975) - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 1-8, 18.

929. HỒNG THÁI. **Vài nét về thành tựu nghiên cứu và phổ biến CMXHCN tháng Mười Nga vĩ đại ở Việt Nam** - Some words about the successes of diffusion and reseach works on the Russian Great socialist October Revolution in Vietnam - NCLS, 1979, số 5 (189), tr. 74-79.

930. HỒNG THÁI. **Vài suy nghĩ về việc vận dụng phương pháp luận sử học nói chung vào việc nghiên cứu giai cấp công nhân và phong trào công nhân** - Some reflections about the application of the methodology of history in the study on working class and on working movement - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 65-68.

931. HỒNG THÁI. **Mẫu hình con người mới Việt Nam - người công nhân xã hội chủ nghĩa** - The model of the new man of Vietnam - The socialist worker - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 47-52.

932. HỒNG THÁI. **Vài nét về quan hệ giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á trong lịch sử** - On the relations between Vietnam and other Southeast Asian countries in the course of history - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 63-69.

933. HỒNG THÁI. **Đại hội lần thứ VI của Đảng - Đại hội dựng nước ở một trong những nấc thang của thời kỳ quá độ** - The VI Party Congress: A Congress for building the country a lader - step of the transitional period - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 1-8.

934. HỒNG VIỆT. **Học tập Mác, Ăngghen, Lênin trong công tác nghiên cứu lịch sử Cổ đại** - Studying Marx, Engels, Lenin in the study on ancient history - NCLS, 1968, số 106, tr. 38-43.

935. HUỆ NHẬT. **Về bài *Bước chuyển từ yêu nước đến tư tưởng cứu nước của Hồ Chí Minh*** - About the article *The evolution from patriotism to national salvation thinking of Ho Chi Minh* - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 83-85.

936. HUMMLER H. **Đường lối liên minh của Đảng XHCN Thống nhất Đức trong lịch sử và hiện đại** - The coalition line of the socialist unity Party of Germany in history and the present day - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 69-75.

937. HUY VU. **Sơ lược về quá trình phát triển kiến trúc thời Lý -Trần** - On the development of architecture under the Ly and Tran dynasties - NCLS, 1973, số 150, tr. 52-60, 63.

938. HUY VU. **Vài nét về đê điều, thủy lợi làng xã Việt Nam thời trước** - Some considerations on dikes and hydraulic works in the Vietnamese villages the old times - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 46-53.

939. HUY VŨ. **Đạo và đời - Mấy bài học từ quá khứ** - Spiritual and temporal life - Some lessons drown from the past - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 37-41.

940. HUY YÊN. **Cần nghiên cứu lịch sử sử học** - The study on history of historical science is required - NCLS, 1966, số 86, tr. 15-20.

941. HUYỀN NGỌC. **Phát hiện khuôn rìu hình dao xén bằng đá** - Discovering a mould for axes in shape of culting knife of stone - NCLS, 1965, số 72, tr. 63-64.

942. HUỲNH CÔNG BÁ. **Công cuộc khẩn hoang của người Việt tại xã Ba Phong (Điện Bàn, Quảng Nam - Đà Nẵng)** - The work of waste land clearing of the Viet in Ba Phong commune (Dien Ban, Quang Nam - Da Nang) - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 48-49, 55.

943. HUỲNH CÔNG BÁ. **Điện Bàn phủ dưới thời chúa Nguyễn Hoàng** - The Dien Ban district under the late king Nguyen Hoang dynasty - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 62-68.

944. HUỲNH CÔNG BÁ. **Qua một bản địa bạ đời Thái Đức góp phần tìm hiểu công cuộc khẩn hoang đất Bàu Tròn (Quảng Nam - Đà Nẵng)** - Throygh a cadastral register under the dynasty of Thai Duc contributing to the knowledge about the clearing of waste land in Bau Tron (Quang Nam - Da Nang) - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 41-43.

945. HUỲNH CÔNG BÁ. **Bàn thêm về nguồn gốc địa danh Đà Nẵng** - Further discussion on the origin of the place name Da Nang - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 69-71.

946. HUỲNH CÔNG BÁ. **Tìm hiểu công cuộc khai hoang vùng Bắc Quảng Nam dưới thời Trần (Qua tư liệu địa phương)** - A study on the clearing work in the North of Quang Nam province under the Tran dynasty (According to local documents) - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 46-49.

947. HUỲNH CÔNG BÁ. **Đôi điều trao đổi về tác phẩm *Tình hình ruộng đất, nông nghiệp và đời sống nông dân dưới triều Nguyễn*** - Some opinions on the book "Agrarian, agricultural situation and peasants' life under the Nguyen dynasty" - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 90-95.

948. HUỲNH CÔNG BÁ. **Hiểu thêm về khái niệm *Nam tiến* từ trong công cuộc khai khẩn Thuận Hóa hồi Trung thế kỷ** - Understanding further on the concept *Nam tien* (March on the South) from the Thuan Hoa exploitation in the Middle Ages - NCLS, 2002, số 4(323), tr. 83-85.

949. HUỲNH CÔNG BÁ. **Về địa điểm và địa danh Cần Húc trên đất Quảng Nam** - About the site and the place-name Can Huc in Quang Nam-NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 80-84.

950. HUỲNH CÔNG BÁ. **Tam giáo thời Mạc qua tư liệu văn bia** - *Three religions* in Mac dynasty by stela letters - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 53-68.

951. HUỲNH KIM KHÁNH. **Cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đường lối của Mỹ** - The war in Vietnam, American line - NCLS, 1970, số 130, tr. 26-34.

952. HUỲNH LỨA. **Quá trình xâm nhập của đế quốc Mỹ vào nước ta từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1954** - The process of American imperialists intrusion in our country from the Middle of the XIX$^{th}$ Century to 1954 - NCLS, 1963, số 46, tr. 30-42, 48.

953. HUỲNH LỨA. **Thái Lan, một thuộc địa kiểu mẫu của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á** - Thailand, a neocolonialist model colony of the American imperialism in South East Asia - NCLS, 1963, số 55, tr. 21-32.

954. HUỲNH LỨA. **Vài nét về con đường phát triển của Miến Điện từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai đến nay** - Some features of the Birma development line from after the second world war to now - NCLS, 1964, số 61, tr. 48-62.

955. HUỲNH LỨA. **Vài nét về quá trình xâm lược của đế quốc Mỹ ở Viễn Đông và Đông Nam Á** - Some features on the invasion process of American imperialism in the Far East and the South East Asia - NCLS, 1965, số 70, tr. 21-37.

956. HUỲNH LỨA. **Cuộc tranh luận về vấn đề lịch sử chiến tranh nông dân Trung Quốc của giới sử học Trung Quốc** - The discussion on the peasant war of the Chinese historiens - NCLS, 1965, số 74, tr. 21-34, 42.

957. HUỲNH LỨA. **Vài nét về cuộc di chuyển dân cư và khai thác những vùng đất mới ở Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỷ XVII-XVIII** - Some cosiderations on the migration of population and the exploitation of new lands at Dong Nai - Gia Dinh at the 17$^{th}$ - 18$^{th}$ Centuries - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 33-45.

958. HUỲNH LỨA. **Mấy nhận xét về cơ cấu chế độ sở hữu ruộng đất ở vùng Đồng Nai - Gia Định (Nam Bộ cũ) vào nửa đầu thế kỷ XIX** - Some remarks on land ownership in the Dong Nai - Gia Dinh (former Nam Bo) are in the first halft of the 19$^{th}$ Century - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 14-27.

959. HUỲNH NGỌC NHÂN. **Chính sách cấm vận của đế quốc Mỹ và việc khôi phục nền kinh tế Liên Xô trong những năm đầu sau chiến tranh** - Embargo policy of U.S imperialism and economic rehabilitation in Soviet Union during first postwar years - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 8-19.

960. HUỲNH QUỐC THẮNG. **Khánh Hòa - Vùng đất hội lưu văn hóa đặc trưng của phương Nam** - Khanh Hoa - The Place of the Typical Cultural Convergence of the South of Vietnam - NCLS, 2004, số 10 (341), tr. 32-37.

961. HUỲNH THỊ CẬN. **Tìm hiểu nghề đúc đồng ở "phường đúc" Huế** - Preliminary study about the bronze founding at Hue - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 70-79.

962. HUỲNH THỊ GẤM. **Về thực trạng nông dân không có ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay** - About the fact that peasants in Cuu Long River delta now have no land - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 20-22.

963. HỨA SỬ KHIÊM. **Đi vào lao động, cùng nhân dân lao động viết lịch sử** - To go in labour, together with the working people, and to write history - VSĐ, 1958, số 47, tr. 34-42.

964. HƯNG HÀ. **Tư tưởng quốc gia cải lương của Phan Chu Trinh** - The national reformation idea of Phan Chu Trinh - NCLS, 1964, số 68, tr. 17-20, 25.

965. HƯƠNG PHỐ. **Nhân đọc một tác phẩm, góp phần đánh giá tư tưởng Phan Bội Châu** - Contribution to the estimation on idealogy of Phan Boi Chau after reading a book - NCLS, 1967, số 94, tr. 23-28.

966. HƯƠNG SƠN. **Nguyễn Đôn Tiết, một thủ lĩnh của phong trào Cần vương tỉnh Thanh Hóa** - Nguyen Don Tiet, a leader of the movement "Devoted to the King" in Thanh Hoa province / Hương Sơn, Thái Vũ - NCLS, 1966, số 92, tr. 31-37.

967. HƯƠNG SƠN. **Thêm một số tài liệu về cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành** - More documents on the Phan Ba Vanh uprising / Hương Sơn, Cần Mẫn - NCLS, 1973, số 153, tr. 54-58.

968. HƯỚNG TÂN. **Đánh đổ thuyết Mantuýt trong khoa học địa lý** - Demolishing the Malthusianism in the geographical science - VSĐ, 1955, số 6, tr. 54-64.

969. HƯỚNG TÂN. **Vài nét về khu Hải Phòng - Hòn Gay** - Some features on the region of Hai Phong - Hon Gay - VSĐ, 1955, số 7, tr. 62-78.

970. HỮU HỢP. **Công giáo Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)** - Vietnamese Catholics in the Resistance against French aggression / Hữu Hợp, Tố Thanh - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 61-65.

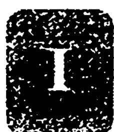
971. HỮU THẾ. **Mấy vấn đề lai lịch *Đại Nam quốc sử diễn ca*** - Some questions of the historical account of *The Great Nam national history song* (Dai Nam Quoc su dien ca) - NCLS, 1967, số 101, tr. 46-50.

972. HỮU THÔNG. **Về tập bản đồ vừa tìm thấy ở Huế** - On the maps recently found at the Hue - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 77-78.

973. HỮU ỨNG. **Góp phần tìm hiểu chế độ ruộng đất công và hình thái xã hội của người Thái Tây Bắc trước đây** - The regime of collective land and old Thai society in the North West / Hữu Ứng, Cầm Trọng - NCLS, 1973, số 151, tr. 50-57.

974. HỮU ỨNG. **Xã hội của người Xtiêng qua tài liệu điều tra tại sóc Bom Bo** - The Stieng society seen in the light of the materials gathered in the Bom Bo hamlet - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 50-59.

975. HUỲNH THỊ ANH VÂN. **Về bài khảo cứu *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* của David Bulbeck và Li Tana** - On the Research: *Giap Ngo nien binh Nam do* by David Bulbeck and Li Tana - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 70-76.



976. IGRITSKI (Y). **Giới viết sử phi mác xít hiện đại và vấn đề nước Nga và phương Tây** - The modern non-marxist historians and the *Russia and the West* matter - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 53-64.

977. IVANOP. **Lý luận chủ quan duy tâm và lý luận địa lý học** - The subjective idealist theory and the geographical theory / Ivanop, Omski - VSĐ, 1955, số 12, tr. 71-77.



978. JCHENGUELOVA (M). **Chủ tịch Hồ Chí Minh và con đường lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam** - President Ho Chi Minh and the road to socialism non passing the capitalist stage of development - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 1-10.

979. JOUKOV (E). **Một số vấn đề phương pháp luận sử học** - Some problems of the methodology of history - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 60-67.

980. JOUKOV (E). **Chủ nghĩa lịch sử của chủ nghĩa Mác** - Historism of the Marxism - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 80-85.

# K

981. K.Q. **Phong trào nông dân hay phong trào dân tộc?** - Peasant movement or national movement? - VSĐ, 1957, số 35, tr. 78-80.

982. K.T. **Chút ít tài liệu về Trần Nguyên Hãn** - A few documents on Tran Nguyen Han - NCLS, 1967, số 103, tr. 60-61.

983. KAIGÔRÔĐỐP (A.M). **Thành tựu to lớn của thư mục học Việt Nam** - Great achivements of Vietnamese bibliography - NCLS, 1973, số 153, tr. 61-62.

984. KEN ARAKAWA. **Vài suy nghĩ về Đông Kinh Nghĩa Thục và Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát)** – Opinion Exchange: Some thoughts on Dong Kinh Nghia Thuc (Hanoi Free School) and Fukuzawa Yukichi (Phuc Trach Du Cat) - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 87-93.

985. KHÁNH TƯỜNG. **Phan Liêm?** - Phan Liem? - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 76-78.

986. KHẮC TỤNG. **Một vài nhận xét về hai nhóm người có cùng tên gọi là Slan Chí ở Bắc Thái** - Some observations on the two minority people groups named by a same appellation of Slan Chi in Bac Thai province - NCLS, 1969, số 120, tr. 49-52.

987. KHỔNG ĐÌNH MỊCH. **Vài nét về phong trào công nhân cao su ở miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước** - The struggle movement of rubber plantation workers in Fastern Nam Bo during the resistance was against U.S. invaders - NCLS, 1985, số 2 (220), tr. 55-68.

988. KHỔNG ĐỨC THIÊM. **Sự tham gia của nhân dân Vũ Ninh vào cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng** - The participation of the Vu Ninh population in the Trung Sister's uprising - NCLS, 1975, số 161, tr. 54-59.

989. KHỔNG ĐỨC THIÊM. **Về một số văn bản gốc thời dựng Đảng** - About some original documents since the time of the Party establishment - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 71-76.

990. KHỔNG ĐỨC THIÊM. **Một số tư liệu về An Nam cộng sản Đảng với việc thống nhất các lực lượng cách mạng ở Việt Nam năm 1930** - Some documents on An Nam Communist Party with the unification of revolutionary forces in Vietnam in 1930 - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 68-77.

991. KHỔNG ĐỨC THIÊM. **Chính sách tiểu đồn điền ở Yên Bái và những hệ quả của nó** - The French colonialists's policy of small concessions in Yen Bai province and its consequences - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 40-48.

992. KHỔNG ĐỨC THIÊM. **Vài nét về tình hình công giáo ở Liên khu V trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp** - Some features of Catholicism situation at the Fourth Interzone in the first time of the anti-French resistance - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 23-29.

993. KIÊN CƯỜNG. **Sự phản bội của những người lãnh đạo Trung Quốc tại Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương** - The betrayal of Chinese autorities at the Geneva Conference on Indochina in 1954 - NCLS, 1980, số 2(191), tr. 14-22.

994. KIỀU MỘC. **Bùi Quốc Hưng, vị công thần khai quốc triều Lê sơ** - Bui Quoc Hung, the valorous high mandarin, founder of the early period of Le dynasty - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 84-87.

995. KIM KHÔI. **Vài nét về quá trình khai thác nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long** - The process of exploitation of the Mekong River Delta - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 25-35.

996. KENG LAO BLIA YAO. ***Lịch sử Lào (từ thời Cổ đại đến nay) - Một bước phát triển của Sử học Lào*** - *History of Laos (from antiquity to the present time) - A developmental stage of Laotian history* - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 66-69.

997. KIKUCHI SEIICHI. **Sự hình thành và phát triển khu phố cổ Hội An (Qua tư liệu văn bia, thư tịch và khảo cổ học)** - Shaping and development of Hoi An old quarter (by stela letters, books and archaeological materials) - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 47-54.

998. KIKUCHI SEIICHI. **Phố Nhật Bản ở Hội An qua nghiên cứu khảo cổ học** - Japanese Street in Hoi An Through Archaelogical Research - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 36-47.

999. KIM JONG OUK. **Tình hình sở hữu ruộng đất ở làng Mễ Trì (tỉnh Hà Đông) nửa đầu thế kỷ XX** - Ownership of land in Me Tri village (Ha Dong province) in the first half of the 20$^{th}$ century - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 29-42.

1000. KOVATCHENKO (I). **Chủ nghĩa cơ cấu và những phương pháp cơ cấu - định lượng trong khoa học lịch sử** - Structuralism and structure quantitative methods in historical sciences / Ivan Kovatchenko, Nicolai Sivatchev - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 87-93.

1001. KOVATCHENKO (I). **Nguồn tư liệu lịch sử dưới ánh sáng của lý luận thôn tin** - Historical source seen in the light of information theory - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 77-86.

1002. KOVATCHENKO (I). **Vị trí của sử học trong hệ thống các khoa học xã hội** - The Position of history in the system of social sciences - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 70-79.



1003. L.T. **Một số tư liệu về chiến dịch Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược** - Some documents about the Dien Bien Phu operation and the resistance against French colonialists - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 90-91.

1004. L.V.L. **Tìm được nơi cất giấu di vật của thời đại đồ đồng ở núi Mai Độ (Nam Định)** - Discovering hiding - place for relics from the brass time in the mountain of Mai Do (Nam Dinh) - NCLS, 1964, số 61, tr. 63-64.

1005. L.V.L. **Những phát hiện khảo cổ học mới ở miền đồng bằng ven biển Bắc Bộ** - The new archoeological discoveries in the delta at the Tokin coast - NCLS, 1964, số 69, tr. 63.

1006. LÃ VĂN LÔ. **Ba mươi năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng** - Thirty years of carrying out the Party policy on nationalities - NCLS, 1960, số 10, tr. 68-76.

1007. LÃ VĂN LÔ. **Ngành dân tộc học mới của Trung Quốc** - The new ethnology of China - NCLS, 1960, số 11, tr. 89-96.

1008. LÃ VĂN LÔ. **Mấy ý kiến về hướng nghiên cứu dân tộc học ở Việt Nam** - Some ideas about the direction of ethnological study in Vietnam - NCLS, 1960, số 15, tr. 19-24.

1009. LÃ VĂN LÔ. **Chung quanh vấn đề An Dương Vương, Thục Phán hay là truyền thuyết *Cẩu chủa cheng vùa* của đồng bào Tày** - About the question An Duong Vuong - Thuc Phan, or the legend *Cau chua cheng vua* of Tay compatriots - NCLS, 1963, số 50, tr. 48-57, số 51, tr. 58-62.

1010. LÃ VĂN LÔ. **Tìm hiểu về nguồn gốc lịch sử của người Cao Lan** - Research on the historical source the Cao Lan people - NCLS, 1963, số 55, tr. 58-64.

1011. LÃ VĂN LÔ. **Bước đầu nghiên cứu nhà cửa của người Tày** - The debut of the resarch on the Tay people habitation - NCLS, 1964, số 58, tr. 54-62.

1012. LÃ VĂN LÔ. **Thử bàn về ba tộc Tày - Nùng - Thái ở Việt Nam đã hình thành như thế nào?** - To try to discussion on the formation of the three tribus Tay - Nung - Thai in Vietnam? - NCLS, 1964, số 60, tr. 46-56, 64.

1013. LÃ VĂN LÔ. **Lịch sử xã hội nguyên thủy của người Tày qua truyền thuyết *Pú lương quân*** - Primitive society history of the Tay people through the legend *Pu luong quan* / Lã Văn Lô, Lê Bình Sự - NCLS, 1964, số 65, tr. 57-63.

1014. LÃ VĂN LÔ. **Bước đầu nghiên cứu về chế độ xã hội vùng Tày - Nùng - Thái dưới thời Pháp thuộc** - The debut of a study on the social regime in the Tay-Nung-Thai regions under the French coloniazation - NCLS, 1964, số 68, tr. 38-46.

1015. LÃ VĂN LÔ. **Tìm hiểu về tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng Tày-Nùng-Thái** - Research on the religion and beliefs in the Tay-Nung-Thai regions - NCLS, 1965, số 75, tr. 55-64.

1016. LÃ VĂN LÔ. **Bước đầu tìm hiểu về nền thơ ca cổ truyền của người Tày** - Preliminary study on the traditional poetry of the Tay people - NCLS, 1965, số 79, tr. 41-51.

1017. LÃ VĂN LÔ. **Thử bàn về việc viết lịch sử của dân tộc thiểu số anh em** - To try a discussion on the writing of the minority people brothers history - NCLS, 1966, số 91, tr. 39-42.

1018. LÃ VĂN LÔ. **Cách mạng Việt Nam với các dân tộc thiểu số theo tinh thần của Cách mạng tháng Mười vĩ đại** - The Vietnam Revolution with the minority people in the spirit of the Great October Revolution - NCLS, 1967, số 103, tr. 12-20, 32.

1019. LẠI BÍCH NGỌC. **Một vài ý kiến bổ sung vào chương trình lịch sử châu Âu thời phong kiến** - Some ideas completing the European history program in the feudalism - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 57-59.

1020. LẠI BÍCH NGỌC. **Về hoạt động của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở châu Á thế kỷ XVII** - Activities in Asia of the Dutch East Indian Company in the 17$^{th}$ Century - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 72-77.

1021. LAURENT BUREL. **Hoạt động truyền giáo của Pháp ở Trung kỳ và Bắc Kỳ (1856-1883)** – The evangelization of Annam and Tonkin by the French (1856-1883) - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 21-31.

1022. LANGLET (P). **Nguồn gốc địa phương của các vị đỗ Cử nhân trong những kỳ thi Hương ở vùng châu thổ sông Hồng từ 1502 đến 1884 (suy nghĩa**

**bước đầu qua tập hợp những dữ kiện số liệu)** - The localities of the Doctors graduateds in the triennial examminations (thi Hương) in the Red river delta (1502-1884) - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 13-19.

1023. LÂM BÁ NAM. **Hồ Quý Ly và ý thức dân tộc** - Ho Quy Ly and the national conscience - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 54-55.

1024. LÂM BÁ TUYỀN. **Chủ nghĩa lịch sử và quan điểm giai cấp** - Historism and the class point of view - NCLS, 1963, số 57, tr. 43-50.

1025. LÂM CÔNG ĐỊNH. **Về trận huyết chiến bảo vệ cửa biển Thuận An năm 1883** - On the bloody fight waged in defence of the Thuan An river mouth in 1883 - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 76-78.

1026. LÂM DĨNH. **Một số vấn đề cần được xác minh trong phong trào Cần vương tỉnh Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX** - Some question requiring the confirmarion in the movement "devoted to the King" in Thanh Hoa province in the 19th Century - NCLS, 1968, số 115, tr. 58-63.

1027. LÂM DĨNH. **Cần khai thác sử liệu một cách nghiêm túc** - We must seriously exploit the historical documents / Lâm Dĩnh, Nhật Tảo - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 88-91.

1028. LÂM DĨNH. ***Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Dang Huy Tru - His life and works* - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 83-88.

1029. LÂM HÀ. **Một số tài liệu về địa tô phong kiến trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ I đến nửa đầu thế kỷ XIX)** - Some questions on the feudal landed rent in Vietnam history (From the Ist Century to the end of the XIXth Century) - VSĐ, 1956, số 15, tr. 36-50.

1030. LÂM QUANG THỰ. **Bác Hồ tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa I (Hồi ký)** - Uncle Ho at the first reunion of the first legistature of the national Assembly (Memory) - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 7-10.

1031. LÂM QUANG THỰ. **Niềm hy vọng cuối đời của Phan Chu Trinh** - Phan Chu Trinh's hope in his declining years - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 85-87.

1032. LÂM TÂM. **Hôn nhân và gia đình của một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam** - Marriage and family of some minorities peoples in Vietnam - NCLS, 1961, số 26, tr. 66-77.

1033. LÂM TÂM. **Lịch sử di cư và tên gọi của người Mèo** - The history of emigration and the name of Meo people - NCLS, 1961, số 30, tr. 54-58.

1034. LÂM TÂM. **Tên gọi của người Mường và mối quan hệ giữa tên gọi của người Mường với người Việt** - The name of the Muong people and its relation to that of the Viet people - NCLS, 1961, số 32, tr. 47-54.

1035. LÂM TÂM. **Sơ lược về người Mèo ở huyện Kỳ Sơn (Nghệ An)** - Summary on the Meo people in Ky Son (Nghe An) - NCLS, 1966, số 86, tr. 50-62.

1036. LÂM XUÂN ĐÌNH. ***Những sự kiện lịch sử của Đảng bộ thị xã Thanh Hóa*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled: *Historical events of the comittee of Party of the Urban Center Thanh Hoa* - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 85-89.

1037. LÊ BẦU. **Viết về đồng chí Nguyễn Đức Cảnh** - Writing about comrade Nguyen Duc Canh - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 93-94.

1038. LÂM TÔ LỘC. **Múa dân tộc Việt thế kỷ XIX** - The dances of the Viet nationality in the 19th Century - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 66-70.

1039. LÂM TÔ LỘC. **Múa dân tộc Việt nửa đầu thế kỷ XX** – The Viet choregraphy in the early half of 20st century - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 22-26.

1040. LECREROLE (J.L). **Những vấn đề khoa học của văn học** - The scientific problems of the literature / J.L. Lecrerole, P. Albouy - VSĐ, 1955, số 12, tr. 41-58.

1041. LEE KANG WOO. **Quá trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước trong tiến trình *Đổi mới* ở Việt Nam** - Process of state-owned enterprise reform in the steps of *Doi moi* (reform) in Vietnam - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 34-42.

1042. LEE SEON HEE. **Thái hậu Dương Vân Nga và vai trò của người phụ nữ Việt Nam hồi thế kỷ X** - Queen mother Duong Van Nga and the role of Vietnamese women in the 10th century - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 50-55.

1043. LÊ CUNG. **Tìm hiểu những sự kiện đầu tiên trong Phong trào Phật giáo miền Nam 1963** - Research about the first factors in the Buddhist movement in the South Vietnam in 1963 - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 8-12.

1044. LÊ CUNG. **Về Phong trào Phật giáo miền Nam 1963** - About the South Vietnam Buddhist movement 1963 - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 5-8.

1045. LÊ CUNG. **Chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo miền Nam trên lĩnh vực tư tưởng-chính trị** - The policies of Ngo Dinh Diem authority on the South Buddhism towards ideology and politics - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 14-21.

1046. LÊ CUNG. **Phong trào công nhân Huế những năm đầu sau Hiệp định Genève 1954** - Worker movement in Hue during the first years after - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 25-28.

1047. LÊ CUNG. **Chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo miền Nam trên lĩnh vực kinh tế- xã hội và văn hóa giáo dục** - Ngo Dinh Diem administration's policies on Buddhism in Southern Vietnam on socio-economic and cultural educational aspects - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 9-16: số 4 (305), tr. 31-40.

1048. LÊ CUNG. **Phong trào đô thị Huế trong những năm 1964-1965** - Hue city movement in 1964-1965 - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 19-26.

1049. LÊ CUNG. **Một số tư liệu về phong trào của nhân dân nông thôn Thừa Thiên - Huế những năm đầu sau Hiệp định Geneve (1954)** - Some materials on movement of Thưa Thien - Hue countryside masses in the first years after Geneve Agreement 1954 - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 79-82.

1050. LÊ CUNG. **Về nguyên nhân phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam trong những năm 1964-1965** – On Causes of South Vietnam Buddhism Movement in 1964 – 1965 - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 57-64.

1051. LÊ DUY SƠN. **Về những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn** - On the Palaces in Hue in the Nguyen King's Time - NCLS, 2004, Số 4 & 5 (335 & 336), tr. 20-30 & 28-38.

1052. LÊ ĐÌNH HÀ. **Một di tích khảo cổ ở Thuận Châu** - An archaeological vestige in Thuan Chau - NCLS, 1969, số 128, tr. 62-68.

1053. LÊ ĐÌNH SỸ. **Mấy suy nghĩ về sự chỉ đạo chiến thuật của Nguyễn Huệ trong trận quyết chiến Rạch Gầm - Xoài Mút** - On the tactics used by Nguyen Hue the Rạch Gam - Xoai Mut battle - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 23-26.

1054. LÊ ĐÌNH SỸ. **Tư chất quân sự Nguyễn Huệ** - Military innate charater of Nguyen Hue - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 9-12.

1055. LÊ ĐÌNH SỸ. **Tổng hành dinh khu A - Những di tích lịch sử thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cần được tôn tạo, bảo vệ** - The Headquarters of War Zone A - The Historical Vestiges in the Period of the anti-American Resistance War for National Salvation Need to Be Proptected and Renovated - NCLS, 2004, số 7 (338), tr. 47-50.

1056. LÊ GIA HIẾN. **Một nhầm lẫn về nhân vật Hoàng Tung trong bài *Thử tìm ý nghĩa và giá trị Nhị Độ Mai* của Văn Tân** - An error on the personage Hoang Tung in the Van Tan's article *Essay of study on the meaning and the value of Nhi Do Mai* - VSĐ, 1956, số 22, tr. 80-81.

1057. LÊ GIA XỨNG. **Chủ nghĩa phục thù Tây Đức, kẻ tiếp tay cho Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** - The West Germany Revengism,

the assistant of American Imperialism in the Invasion War in Vietnam - NCLS, 1986, số 108, tr. 37-44.

1058. LÊ GIẢN. ***Những người cộng sản Pháp và chiến tranh ở Đông Dương (1944-1954)*** - *Les Communistes Français et la guerre d' Indochine (1944-54)* (Đọc sách) - Reading the book: *The French communists and the Indochina war of 1944-1954* / Lê Giản, Văn Phong - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 79-90.

1059. LÊ HỒNG. **Vài nét về phong trào Bả Cháy** - Some features on the movement Ba Chay - NCLS, 1964, số 67, tr. 55-57.

1060. LÊ HỒNG LONG. **Về Bùi Tá Hán (? - 1568)** - On Bui Ta Han (? - 1568) / Lê Hồng Long, Bùi Hồng Nhân, Cẩm Thanh - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 66-70.

1061. LÊ HUY TRÂM. **Thánh Lưỡng với Hồ Quý Ly** - Thanh Luong and Ho Quy Ly - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 88-91.

1062. LÊ KHÔI. **Nhân kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh G. Đi-mi-tờ-rốp (1888-1972). Những trang sử cuộc đời một người cộng sản lỗi lạc** - 90th - birthday anniversary of G. Dimitrov: The life of an oustanding communist militant - NCLS, 1972, số 145, tr. 18-22.

1063. LÊ KHÔI. **Thăm Viện Hàn lâm khoa học nước Cộng hòa Xô viết Môđavia** - A visit to the Academy of Sciences of the SR of Moldavia - NCLS, 1973, số 148, tr. 55-56.

1064. LÊ KHÔI. **Năm 1973 - "Năm khoa học Ba Lan"** - 1973 - year of science in Poland - NCLS, 1973, số 152, tr. 59-61.

1065. LÊ KHÔI. **Chặng đường hai thế kỷ rưỡi của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô** - The Soviet Academy of science in two and half centuries old - NCLS, 1974, số 155, tr. 79-81.

1066. LÊ KHÔI. **Viện Hàn lâm khoa học Hunggari vừa tròn 150 tuổi (1825-1975)** - The science Academy of Hungary is 150 years old (1825-1975) - NCLS, 1975, số 161, tr. 66-68.

1067. LÊ KHÔI. **Hội đồng khoa học về đề tài nghiên cứu tổng hợp vấn đề *Lịch sử văn hóa thế giới*** - Scientific commission for a synthetic thesis on the *History of world culture* - NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 93-94.

1068. LÊ KHÔI. **Một gia tài lý luận vĩ đại được đọc khắp thế giới** - A great literary heritage read all over the world - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 68-70.

1069. LÊ KHÔI. **Viện Sử học và Viện Đông Phương học thuộc Viện Hàn lâm khoa học U-giơ-bê-kit-xtan** - The Institute of history and the Orient Institute of the Uzbekistan Academy of science - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 87-88.

1070. LÊ KHÔI. **Giới thiệu tình hình hợp tác nhiều bên giữa các Viện Hàn lâm khoa học các nước XHCN và Hội đồng nghiên cứu về đề tài *Lịch sử Cách mạng Tháng Mười và cuộc cách mạng XHCN tiếp theo*** - Many-sided cooperation between the Academies of Sciences from socialist countries and the Research Council on the theme *History of the October Revolution and the following socialist revolutions* - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 112-116.

1071. LÊ KHÔI. **Công trình *Vladimia Ilich Lenin - Những sự kiện của một tiểu sử* (xuất bản Tập VII) (Đọc sách)** - On the book: *V.I.Lenin - Events of biography* tome VII - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 78-79.

1072. LÊ KIM HẢI. **Góp thêm vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945-1946** - Contributing to the Vietnam history study and teaching in the period 1945-1946 - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 36-38.

1073. LÊ KIM NGÂN. **Giới học giả mác-xít thế giới và vấn đề *Phương thức sản xuất châu Á*** - The Marxist scholars of the world and the problem of the Asiatic mode of production - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 38-42.

1074. LÊ MẬU HÃN. **Hồ Chủ tịch. Chân lý và thời đại** - President Ho Chi Minh and the truth of our times - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 7-11.

1075. LÊ MẬU HÃN. **Hồ Chí Minh hoàn thiện về đường lối chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Việt Nam** - The improvement of Ho Chi Minh on the political and organizational line for the birth of the Unified National front on Vietnam - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 1-5.

1076. LÊ MẬU HÃN. **Chủ nghĩa dân tộc truyền thống và tư tưởng độc lập tự do - Động lực, mục tiêu đại đoàn kết, đại thành công của Cách mạng Việt Nam** - Traditional nationalism and the thought of independance and freedom - Motive and objective of Vietnamese revolution to achieve large solidarity and great success - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 1-5.

1077. LÊ MẬU HÃN. **"Làng Đỏ" - Điểm mở đầu truyền thống cách mạng của nông dân Việt Nam** - Red Villige - the point that ushered in the Vietnamese peasantry's revolutionary tradition - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 5-8.

1078. LÊ MẬU HÃN. **Vai trò của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội tháng Tám năm 1945** - Thr role of the Insurrection in Hanoi in August 1945 - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 1-4.

1079. LÊ MẬU HÃN. **Tư tưởng chiến lược giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản Hồ Chí Minh** - Strategic ideology of national liberation following Ho Chi Minh's proletarian revolutionary line - NCLS, 1998, số 2 9297), tr. 3-8.

1080. LÊ MẬU HÃN. **Cương lĩnh chiến lược cách mạng của Đảng rọi sáng con đường độc lập** - The Party's revolutionary strategic platform lit our way to independence and liberty - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 18-24.

1081. LÊ MINH QUÂN. **Tìm hiểu một số tư tưởng liên quan đến nhà nước pháp quyền trong quá trình phát triển của xã hội thời Cổ đại** - Several ideas relating to the jurisdictional State in the development of the ancient society - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 42-47.

1082. LÊ NGỌC. **Vài kinh nghiệm về xây dựng và bảo vệ chính quyền trong 40 năm qua** - Some experiances from the building and safeilarding of the power the past 40 years - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 11-16.

1083. LÊ NGỌC CANH. **Người Chăm và xứ sở Chămpa** - The Champaneses and the Champa country - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 48-56.

1084. LÊ NGỌC CANH. **Đình làng chài Vạn Vĩ** - The communal house in the castingnet village Van Vi - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 61-64.

1085. LÊ NGỌC CANH. **Thành hoàng làng "Lương y dược Đại vương" Hoàng Đôn Hòa** - The God of village of the Good emperor of medicine and pharmacy Hoang Don Hoa - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 64-66.

1086. LÊ NGỌC CANH. **Tiến trình múa tín ngưỡng dân tộc Tày** - The development of religious dance of Tay ethnic minority - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 44-50.

1087. LÊ NGỌC DONG. **Nên xác định lại vị trí núi Chí Linh, một chiến tích quan trọng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn** - To redefine the place of the mountain Chi Linh, an important exploit of arms gained by the insurrection Lam Son - NCLS, 1968, số 106, tr. 44-45.

1088. LÊ NGỌC TẠO. **Những chính sách, biện pháp của Nhà nước Lê sơ phòng chống tệ nạn xã hội** - Policies and measures of the early-part Le dynasty on the prevention and protection againsr social evils - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 79-82.

1089. LÊ NGUYÊN LƯU. **Lê Quang Quyền (1812-1844)** - Le Quang Quyen (1812-1884) /Lê Nguyên Lưu, Huỳnh Đình Kết - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 62-65.

1090. LÊ NHÂN. **Một số ý kiến rút ra từ việc nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương ở Thanh Hóa** - Some considerations appearing through out the studying and the drawing up on regional history at Thanh Hoa - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 7-9.

1091. LÊ QUỐC SỬ. **Vài ý kiến về bài học:** ***Khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám*** - Some ideas contributing to the lesson: *Well coordinating the political and armed struggle froms in the August Revolution* - NCLS, 1963, số 50, tr. 11-21, 28.

1092. LÊ QUỐC SỬ. **Chung quanh bài học "Khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám"** - About the lesson "Well coordinating the political and armed struggle froms in the August Revolution" - NCLS, 1963, số 55, tr. 47-57.

1093. LÊ SĨ GIÁO. **Đổi mới và những vấn đề cấp bách có liên quan đến khả năng dự báo của dân tộc học** - The renovation and the urgent questions relative to prevision on ethnology - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 24-27.

1094. LÊ SĨ THẮNG. **Thử nêu lên một số nhận xét về tư tưởng triết học của Phan Bội Châu** - To try to give some remarks on the philosophical thinking of Phan Boi Chau - NCLS, 1967, số 104, tr. 17-31, 44.

1095. LÊ SĨ THẮNG. **Hồ Chủ Tịch và sự nghiệp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam** - Ho Chi Minh and the introduction of Marxism - Leninism into Vietnam - NCLS, 1972, số 144, tr. 12-23, 35; số 145, tr. 50-61.

1096. LÊ SĨ TOẢN. **Vài ý kiến sau khi đọc kỹ bài giới thiệu** ***Một số tư liệu bằng chữ viết mới tìm thấy được về mấy cuộc khởi nghĩa ở miền*** **núi** ***Nghệ - Tĩnh*** **trong Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 50-51** - *Some ideas after throughly reading the presentation article on Some written documents newly discovered about some Insurrections in the mountainous region of Nghe Tinh* - NCLS, 1964, số 59, tr. 47-49, 52.

1097. LÊ SĨ TOẢN. **Nên nhận định Phượng hoàng Trung đô của vua Quang Trung ở chỗ nào?** - Where was the Phuong Hoang Trung do of the King Quang Trung? - NCLS, 1964, số 63, tr. 32-35.

1098. LÊ SĨ TOẢN. **Nguyễn Xuân Ôn và cuộc khởi nghĩa "Đồng Thông" ở Nghệ An (1885-1887)** - Nguyen Xuan On and the insurrection "Dong Thong" in Nghe An (1885-1887) - NCLS, 1965, số 65, tr. 43-46.

1099. LÊ SĨ TOẢN. **Vài ý kiến góp vào tác phẩm** ***Giai cấp công nhân Việt Nam*** **của ông Trần Văn Giàu** - Some ideas contributing to the work of Tran Van Giau on *The Vietnam working class* - NCLS, 1964, số 68, tr. 25-27.

1100. LÊ TẠO. **Từ Ly cung đến Tây Đô** - From Ly Cung to Tay Do capital - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 31-33.

1101. LÊ TẠO. **Mấy ý kiến xung quanh việc xây dựng Tây Đô** - Some thoughts about the constribution of Tay Do - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 76-79.

1102. LÊ THANH QUANG. **Trao đổi với tác giả bài *Bàn thêm về pho tượng lạ ở chùa Bộc*** - On the article *On the strange statue on Boc Pagoda* - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 84.

1103. LÊ THANH TỊNH. **Một vài suy nghĩ về nguồn gốc danh xưng Giao Chỉ** - Some reflections on the origin of the name Giao Chi - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 77-82.

1104. LÊ THÀNH KHÔI. **Ý kiến trao đổi** - Exchange ofopinions on some questions of history - NCLS, 1960, số 12, tr. 55-60.

1105. LÊ THÀNH LÂN. **Vài ý kiến về việc biên soạn Niên biểu Việt Nam** - On the compilation of the Vietnamese chronology - NCLS, 1986, số 6 (231); tr. 61-68.

1106. LÊ THÀNH LÂN. **Tuần lễ và *Lịch sao* vĩnh cửu** - The week and the eternal *Star calendar* - NCLS, 1992, số 1(260), tr. 43-50.

1107. LÊ THÀNH LÂN. **Một mảng lớn của lịch sử nước ta qua ba cuốn lịch cổ** - A large section of our history as viewed through three old calendars - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 44-52.

1108. LÊ THẾ LOAN. **Thêm vài tư liệu văn học dân gian xung quanh chiến thắng Bạch Đằng** - Addition to folk literature - Bạch Dang victory - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 82-94.

1109. LÊ THỊ NĂM. **Phụ nữ miền Nam trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước** - The South women in the war against American imperialism for country salvation - NCLS, 1967, số 101, tr. 33-40, 50.

1110. LÊ THỊ KIM DUNG. **Về các chuyến đi công cán nước ngoài dưới triều Minh Mạng (1820-1840)** - About business trips abroad under the Minh Mang dynasty (1820-1840) - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 38-44.

1111. LÊ THỊ NGỌC ÁI. **Một số nét về xã hội người Bana** - Some features of Bana people society - NCLS, 1969, số 121, tr. 50-55; số 122, tr. 57-64.

1112. LÊ THỊ QUÝ. **Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ -ngụy trong việc biến Nghiệp đoàn miền Nam thành công cụ của chủ nghĩa thực dân mới** - Practices and manoeuvres of U.S. imperialism and its stooges in turning South Vietnamese Syndicales into instruments of neo-colonialism - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 19-32.

1113. LÊ THỊ THANH HÒA. **Việc sử dụng quan lại của vương triều Nguyễn từ 1802 đến 1884** -The use of mandarins by the Nguyen dynasty from 1802 to 1884 - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 56-63.

1114. LÊ THỊ THU HẰNG. **Về tình hình nghiên cứu vấn đề sở hữu ruộng đất trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1991-2000)** - About the researches for land ownership's subject in Historical Studies Review (1991-2000) - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 50-57.

1115. LÊ THƯỚC. **Thử xét lại cái án Nguyễn Trãi** - To try to review the condamnation of Nguyen Trai / Lê Thước, Trương Chính - VSĐ, 1957, số 24, tr. 63-73.

1116. LÊ THƯỚC. **Bài ca *Người đàn hay ở Long Thành* cũng là một khúc ca đoạn trường của Nguyễn Du** - The song about the *Good player in musis at Long Thanh* was also a song about the misfortunes of Nguyen Du - VSĐ, 1958, số 41, tr. 77, 83.

1117. LÊ THƯỚC. **Công chúa Ngọc Hân chết năm nào?** - At what year died the Princess Le Ngoc Han? - NCLS, 1962, số 34, tr. 53-57.

1118. LÊ THƯỚC. **Nhận xét về tập bản đồ Hồng Đức số A.2499 của Thư viện Khoa học** - Remarks about the Hong Duc maps colletion N° A.2499 in the Scientific Library - NCLS, 1963, số 54, tr. 27-28.

1119. LÊ THƯỚC. **Cụ Phan Bội Châu mất năm nào và ngày nào?** - At what day and year died Phan Boi Chau? - NCLS, 1963, số 55, tr. 44.

1120. LÊ THƯỚC. **Nhận xét một số di tích và hiện vật gốc về thời Tây Sơn** - Remarks on the vestiges and the things in nature about the Tay Son period - NCLS, 1964, số 59, tr. 27-32, 46.

1121. LÊ THƯỚC. **Một số chữ in sai về thơ văn Nguyễn Trãi trong *Ức Trai di tập*** - Some erroneously words of Nguyen Trai's prose and poetry in *Uc Trai inherited work* - NCLS, 1964, số 66, tr. 32-35.

1122. LÊ THƯỚC. **Một văn kiện của cụ Phan Đình Phùng vừa mới phát hiện** - A new discovered document of Phan Dinh Phung - NCLS, 1965, số 71, tr. 23-25.

1123. LÊ THƯỚC. **Một tư liệu văn sử *Chính khí ca Việt Nam*** - A literary and historical document: The Vietnam rightous sentiment song - NCLS, 1965, số 73, tr. 21-29.

1124. LÊ THƯỚC. **Vì sao cuốn *Bài ngoại liệt truyện* của Phan Trọng Mưu trước kia đã trở thành cuốn *Bài ngoại mậu kiến liệt truyện* khuyết danh hiện nay?** - Why the previous book: Biographies of the xenophobe famous men of Mr. Phan Trong Muu was transformed in the preasent anonymous book on false Biographies of the xenophobe famous men? - NCLS, 1969, số 129, tr. 19-25.

1125. LÊ THƯỚC. **Tấm bia đá trước sân đền Hai Bà Trưng ở Hà Nội** - About the stone stele in the groundfloor before the Trung Sister's temple / Lê Thước, Trần Huy Bá - NCLS, 1973, số 149, tr. 51-55.

1126. LÊ THƯỚC. **Làng Trung Lễ trong phong trào chống Pháp** - The Trung Le village during the anti-French colonialists resistance - NCLS, 1973, số 152, tr. 33-42.

1127. LÊ TIẾN GIÁP. **Vài ý kiến về mốc mở đầu thời kỳ lịch sử Cận đại thế giới** - Some ideas about the boundary mark of the World Modern history beginning period - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 88-91.

1128. LÊ TIẾN GIÁP. **Công xã Pari với chủ nghĩa Mác** - Paris Commune and Marxism - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 72-76.

1129. LÊ TIẾN THI. **Một vài đóng góp với tác giả bài *Thử bàn về địa danh Việt Nam*** - Some contributions made to the author of the article *On the country noun of Vietnam* - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 91-93.

1130. LÊ TRẦN ĐỨC. **Sự nghiệp của Tuệ Tĩnh** - The useful work of Tue Tinh - NCLS, 1967, số 100, tr. 48-49.

1131. LÊ TRẦN ĐỨC. **Tình hình y học thời Trần** - Medical sciences under Tran dynasty - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 71-76.

1132. LÊ TRẦN ĐỨC. **Sơ lược lịch sử y học dân tộc Việt Nam** - An outline of traditional medicine history of Vietnam - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 45-50.

1133. LÊ TRẦN ĐỨC. **Vài nét về quân y Việt Nam thời xưa** - Some features of Vietnam army medical corps in the past - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 51-55.

1134. LÊ TRẦN ĐỨC. **Đối chiếu từ ngữ chữ Nôm trong *Nam dược quốc ngữ phú* (NDP) với *Quốc âm thi tập* (QÂTT) để thấy được thời điểm trước tác của Tuệ Tĩnh là ở thế kỷ XIV** - In comparison with the Nom *Nam duoc quoc ngu phu* and *Quoc am thi tap*, where is the date in the $14^{th}$ century the Tue Tinh's work - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 65-69.

1135. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Thử nghiên cứu vai trò của những bài văn chữ Hán do người Việt Nam viết trong văn học sử Việt Nam** - An essay of study on the role of texts written in Chinese characters by the Vietnamese in Vietnam literary history - VSĐ, 1956, số 19, tr. 45-58.

1136. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Sự chuyển biến từ chế độ cộng sản nguyên thủy sang chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - The passage from the primitive communism to the slavery in Vietnam - NCLS, 1960, số 19, tr. 70-76.

1137. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916** - The insurrection of Vietnam restoration association in the South of Central Vietnam in 1916 / Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận - NCLS, 1961, số 22, tr. 32-50.

1138. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Từ cứ liệu địa danh ngôn ngữ có từ *Kẻ*, suy nghĩ về không gian cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng** - Reflexions on the extent of the Trung Sisters upheaval - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 38-41.

1139. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Quan hệ biện chứng về niên đại bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư* bản in Nội các quan bản và vấn đề chủ quyền quốc gia về di sản văn hóa dân tộc** - Dialectical correlation between the *Dai Viet Su ky toan thu* printed from the Nọi cac quan ban engraving and the national sovereighty on culryral legacy - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 15-17.

1140. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Góp phần nhận thức lại nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ trong chiến thắng Đống Đa** - Contribution to the thinking over military art of Nguyen Hue in the Dong Da victory - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 43-48.

1141. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Về thời gian Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng không điều kiện đồng minh** - On the period of proclamation by the Japan Emperor of the unconditional surrender - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 89-90.

1142. LÊ TRỌNG KHÁNH. **Những tín hiệu thu nhận từ bản lược đồ địa danh - ngôn ngữ Việt cổ - Bước đầu góp phần vào việc tiếp cận một số vấn đề lịch sử Cổ đại** - The signals received from the scheme of place name and language of antique Viet firct contribution to the approach on some question of Antique history - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 32-49.

1143. LÊ TRUNG DŨNG. **Bước đầu tìm hiểu về cách mạng giải phóng dân tộc ở Ănggôla** - Prelimitary study on the revolution of national liberation of Angola - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 49-59.

1144. LÊ TRUNG DŨNG. **Mười ba thế kỷ tồn tại của Nhà nước Bungari** - Bungaria -1300 years of national building and defence - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 65-72.

1145. LÊ TRUNG DŨNG. **Phong trào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ cứu nước ở nước Cộng hòa Nhân dân Bungari** - P.R. of Bungaria's movement of supporting Vietnam in its resistance war against U.S.A for national salvation - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 68-71.

1146. LÊ TRUNG DŨNG. **"Đường lối tháng Tư" trong sự phát triển kinh tế của nước CHND Bungari** - "April's lines" in the economic development of Bulgaria - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 71-75.

1147. LÊ TRUNG DŨNG. **Bản chất dân chủ của Cách mạng Tháng Mười và ý nghĩa của nó trong thời đại ngày nay** - The democratic essence of the October Revolution and its significance in the present - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 35-39.

1148. LÊ TRUNG DŨNG. **Thái độ của các nước đồng minh với vấn đề Đông Dương trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám** - The attitude of the Allied countries ragarding to Indochina's problems in the August Revolution- NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 30-38.

1149. LÊ TRUNG DŨNG. **Những biến động chính trị ở Bungari (1989-1990)** - Political changes in Bulgaria (1989-1990) - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 70-78.

1150. LÊ TRUNG DŨNG. **Tác động của Cải tổ ở Liên Xô tới Bungari** - Soviet Union Reform's (Perestroika's) Influence in Bulgaria - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 68-75.

1151. LÊ TÙNG SƠN. **Góp ý kiến vào vấn đề *Những bài văn chữ Hán do người Việt Nam viết có được kể vào văn học sử Việt Nam hay không?*** - Contributing to the question *Can be the texts witten in Chinese character by the Vietnamese inscribed in the Vietnam literary history* - VSĐ, 1956, số 14, tr. 89-91.

1152. LÊ TÙNG SƠN. **Những quan điểm phi lịch sử, phi giai cấp trong vấn đề nhận định văn học dân tộc** - The non-historical and non-class view points in the question of estimation on national literature - VSĐ, 1956, số 17, tr. 74-76.

1153. LÊ TÙNG SƠN. **Trong giai đoạn lịch sử văn học chữ Hán, phong kiến Việt Nam có đấu tranh để thoát ly sự lệ thuộc chữ Hán không?** - In the historical period of literature written in Chinese characters, the Vietnam feodalists did they struggle for getting out of the dependence to the Chinese characters? - VSĐ, 1956, số 20, tr. 79-84.

1154. LÊ TÙNG SƠN. **Hoạt động của Đảng ở Vân Nam** - Activities of the Party in Van Nam - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 56-68.

1155. LÊ TÙNG SƠN. **Bác Hồ ở Trung Quốc (Hồi ký)** - Uncle Ho at China (Memory) - NCLS, 1977, số 3 (168), tr. 31-37.

1156. LÊ TƯ LÀNH. **Tìm hiểu tấm bia thời Trần nói về Công chúa Phụng Dương, vợ Trần Quang Khải** - Study of the stele (Tran dynasty) in honour of Princess Phung Duong (Wife of Tran Quang Khai) - NCLS, 1971, số 139, tr. 38-49.

1157. LÊ TƯ LÀNH. **Tự ký của Phạm Văn Nghị về việc lập đội nghĩa dũng đi đánh giặc Pháp ở Đà Nẵng năm 1860** - Pham Van Nghi's memoris on

the founding of guerilla groups for fighting the French colonialists in Da Nang (1860) - NCLS, 1973, số 150, tr. 4-12.

1158. LÊ TƯỢNG. **Góp thêm ý kiến về Đốc Ngữ và phong trào chống Pháp ở vùng hạ lưu Sông Đà cuối thế kỷ XIX** - Contribution to a further understanding about Doc Ngu and the movement against French coloniaslism in the Da River lownstream in the half of 19th Century - NCLS, 1967, số 101, tr. 51-57.

1159. LÊ TƯỢNG. **Quá trình hình thành khu du kích lịch sử thời Hùng Vương trên núi Hùng (Vĩnh Phú)** - How the historical site of Hung Kings has come into being / Lê Tượng, Nguyễn Đình Ái - NCLS, 1975, số 1(160), tr. 66-72.

1160. LÊ TƯỢNG. **Về Kinh đô Văn Lang** - About the capital Van Lang / Lê Tượng, Nguyễn Lộc - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 34-45.

1161. LÊ UY. **Một bản khắc gỗ có giá trị lịch sử** - An engraving on wood of historical value - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 76-77.

1162. LÊ VĂN ĐẠT. **Tình hình sản xuất nông nghiệp ở vùng tự do Liên khu V trong những năm 1947-1954** - Agricultural production in the free aera of the Fith Interzone during the years of 1947-1954 - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 17-24.

1163. LÊ VĂN ĐẠT. **Vài nét về tình hình giáo dục ở vùng tự do Liên khu V trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)** - Some features on the education situation at the V Interzone's liberty area in the anti-Fench resistance (1945-1954) - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 39-48.

1164. LÊ VĂN HẢO. **Xã hội và văn hóa ở thành thị miền Nam dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới Hoa Kỳ** - Society and culture of the South cities under the domination of U.S.A neo-colonialism - NCLS, 1969, số 119, tr. 23-36.

1165. LÊ VĂN HẢO. **Thực trạng khoa học xã hội vùng đô thị miền Nam** - The real situation of the social sciences in the South cities - NCLS, 1969, số 123, tr. 32-47.

1166. LÊ VĂN HẢO. **Vài ý kiến nhỏ trao đổi với các nhà sử học miền Bắc về phương pháp nghiên cứu vấn đề Hùng Vương trên quan điểm dân tộc học** - Exchange of oppinions with the North historicans on the study method about the question Hung Vuong form the ethnological point of view - NCLS, 1969, số 125, tr. 39-40.

1167. LÊ VĂN HẢO. **Khoa học xã hội miền Bắc nhìn từ miền Nam: 15 năm nghiên cứu dân tộc học ở miền Bắc** - The North social sciences from the angle of the South: Fifteen years of ethnological study in the North - NCLS, 1970, số 133, tr. 1-15.

1168. LÊ VĂN HẢO. **Vài suy nghĩ về quá trình hòa hợp và gắn bó Việt Nam - Chăm pa trong lịch sử dân tộc** - Some reflections about the process of concord and cohesion between Vietnam and Champa in the national history - NCLS, 1979, số 3 (186). tr. 47-51.

1169. LÊ VĂN HẢO. **Nguyễn Trãi với *Lam Sơn thực lục*** - Nguyen Trai and the book entitled *Lam Son thuc luc* - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 53-59.

1170. LÊ VĂN HÒE. **Góp thêm ý kiến về việc hiệu đính và chú thích *Chinh phụ ngâm*** - Contributing to the revise and the annotation of Chinh phu ngam (Warrior's wife poem) - VSĐ, 1957, số 32, tr. 70-72.

1171. LÊ VĂN HOÈ. **Góp ý với ông Đào Duy Anh về vấn đề Loa Thành** - Exchange of view with Mr. Dao Duy Anh about the question of Loa citadel - NCLS, 1966, số 86, tr. 39-44.

1172. LÊ VĂN KHUÊ. **Chính sách của Bắc Kinh đối với người Hoa ở Đông Nam Á** - The policy of Pekin towards the Hoa (overseas Chinese) in South East Asia - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 9-26.

1173. LÊ VĂN KỲ. **Tư tưởng *Dân* của Nguyễn Trãi với chúng ta** - The Nguyen Trai's thought on *People* and we - NCLS, 1965, số 81, tr. 19-30.

1174. LÊ VĂN LAN. **Phát hiện di chỉ khảo cổ học Phú Hậu (Phú Thọ)** - Discovery of the archeological vestiges Phu Hau (Phu Tho) - NCLS, 1961, số 27, tr. 68-73.

1175. LÊ VĂN LAN. **Mấy ý kiến về nền văn hóa Đông Sơn** - Some opinions on Dong Son culture - NCLS, 1961, số 30, tr. 13-24; số 31, tr. 7-19.

1176. LÊ VĂN LAN. **Một ít tài liệu về những chiếc rìu cổ của ta** - A few documents on our ancient axes - NCLS, 1962, số 36, tr. 15-27.

1177. LÊ VĂN LAN. **Phát hiện trống đồng ở Hữu Chung (Hải Dương)** - Discovery of copper drums in Huu Chung (Hai Duong) - NCLS, 1962, số 37, tr. 61-64.

1178. LÊ VĂN LAN. **Thử tìm hiểu nguồn gốc của những chiếc trống đồng cổ** - Research on the source of the ancient copper drums - NCLS, 1962, số 42, tr. 30-38.

1179. LÊ VĂN LAN. **Di tích khảo cổ trên đất Phong Châu, địa bàn gốc của các vua Hùng** - The archaeological vestiges in Phong Chau land, origin region of the Kings Hung / Lê Văn Lan, Phạm Văn Kính - NCLS, 1968, số 107, tr. 34-36.

1180. LÊ VĂN LAN. **Tài liệu khảo cổ học và việc nghiên cứu thời đại các vua Hùng** - Archaeological documents and the research on the Kings Hung epoch - NCLS, 1969, số 124, tr. 52-60.

1181. LÊ VĂN LAN. **Về một hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần ở thời đại các vua Hùng** - About the spiritual and culture life forms in the Kings Hung epoch - NCLS, 1970, số 130, tr. 35-44.

1182. LÊ VĂN LAN. **Về tục hỏa táng ở thời đại các vua Hùng** - On the customs or cremation ceremony on the Kings Hung epoch - NCLS, 1970, số 132, tr. 74-80.

1183. LÊ VĂN LAN. **Tài liệu khảo cổ học và việc nghiên cứu thời kỳ Hai Bà Trưng** - Archaeological documents and the research on the Hai Ba Trung dynasty - NCLS, 1973, số 148, tr. 35-40.

1184. LÊ VĂN LAN. **Nguyễn Trãi trên tiến trình lịch sử văn hóa nước nhà** - Nguyen Trai in the evolution of the history of culture of our country - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 52-58.

1185. LÊ VĂN LAN. **Nhìn lại việc nghiên cứu cội nguồn dân tộc** - Retrospective study on the origin of the Vietnamese nation - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 15-21.

1186. LÊ VĂN LAN. **Thử phác họa bối cảnh kinh tế - xã hội của chiến công sông Bạch Đằng** - To make a sketch of the socio - economic situation of the victory of Bach Dang - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 21-25, 90.

1187. LÊ VĂN LAN. **Có một chiến dịch Thăng Long năm 1789, Nguyễn Huệ, bậc thầy của tư tưởng và nghệ thuật chiến dịch** - There is one Thang Long operation in 1789. Nguyen Hue, the teacher in ideology and art of military operation - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 6-8.

1188. LÊ VĂN NĂM. **Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX** - Goods production and trade in Mekong River delta in $17^{th}$ and at the beginning of $19^{th}$ Centuries - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 54-60; số 5-6 (242-243), tr. 80-85.

1189. LÊ VĂN NĂM. **Tình hình định cư, khai phá vùng Châu Đốc -Hà Tiên hồi thế kỷ XIX** - The settement in and the land clearing of Chau Doc -Ha Tien in the $19^{th}$ century - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 51-58.

1190. LÊ VĂN QUÁN. **Bước đầu tìm hiểu thời kỳ xuất hiện chữ Nôm** - Prelimitary study about the apparition time of the "Nom" charaters - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 40-43.

1191. LÊ VĂN SÁU. **Bình luận về cuốn *Một di sản cay đắng: Vấn đề Việt Nam* của một nhà sử học Mỹ** - Commentary of the book "A bitter heritage: The question of Vietnam" - NCLS, 1968, số 110, tr. 35-44.

1192. LÊ VĂN TÍCH. **Hồ Chí Minh - Người kiến lập thành công sự nghiệp giải phóng thuộc địa trong thế kỷ XX** - Ho Chi Minh - the successful establisher of colonies' liberation in the $20^{th}$ century - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 3-8.

1193. LÊ VĂN TÚC. **Vài nét về sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Xứ uỷ Trung Kỳ trong việc xây dựng và bảo vệ Xô viết - Nghệ Tĩnh 1930-1931** - Some traits on the leadership of the Central Communist Party Committee and Annam Communist Party Committee in building and maintaining Xo viet - Nghe Tinh movement, 1930-31 - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 31-36.

1194. LÊ VĂN TRINH. **Góp vài ý kiến về Phan Bội Châu** - Opinions on Phan Boi Chau - VSĐ, 1957, số 31, tr. 80-90.

1195. LÊ VĂN TRINH. **Vài ý kiến về bản dịch ra tiếng Việt: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*** - Some remarks about the Vietnamese translation of *The Proclamation of the communist Party* - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 75-77.

1196. LEVIN (M.G). **Tài liệu dân tộc và nhân loại học là tài liệu lịch sử góp phần vào phương pháp nghiên cứu lịch sử những dân tộc chưa có chữ viết** - Ethnological and anthropological documents are historical documents contributing to the method of historical study on no writing people - NCLS, 1961, số 29, tr. 28-30.

1197. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Ảnh hưởng giữa thiên nhiên và sinh hoạt xã hội** - The influence between nature and social life - VSĐ, 1955, số 4, tr. 61-71.

1198. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Về địa đồ và phiên âm địa danh** - Mapping and pronetically transcribing the place name - VSĐ, 1955, số 4, tr. 77-80.

1199. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Vấn đề chia khu vực địa lý ở nước ta** - The question of divising the geographical zones in our country - VSĐ, 1957, số 25, tr. 23-32.

1200. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Mưa ở nước ta ảnh hưởng đến việc trồng trọt như thế nào?** - How is the influence of rains upon the culture - VSĐ, 1957, số 30, tr. 70-77.

1201. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Một vài ý kiến trao đổi với ông Hoàng Hữu Triết về vấn đề khí hậu Việt Nam** - Exchange of opinions with Mr. Hoang Huu Triet about the climat of Vietnam - VSĐ, 1957, số 34, tr. 63-79.

1202. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Cần định rõ đối tượng của địa lý kinh tế** - Definiting clearly the object of economical geography - VSĐ, 1958, số 37, tr. 54-63.

1203. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Trao đổi ý kiến về chương khí hậu trong *Sơ thảo địa lý Việt Nam*** - Exchange of opinions about the chapter in the book: *First drupt of Vietnam geography* - VSĐ, 1958, số 40, tr. 84-98.

1204. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Tư liệu về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 - Bản khẩu cung của Nguyễn Văn Nhiên** - Documents on Thai Nguyen uprising in 1917 - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 76-80.

1205. LÊ XUÂN QUANG. **Cuộc khởi nghĩa Vũ Đình Dung ở trấn Sơn Nam hồi cuối thế kỷ XVIII** - The uprising of Vu Dinh Dung in Son Nam region at the end of the 18th Century - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 59-66.

1206. LÊ XUÂN QUANG. **Tấm bia mới phát hiện ở thị xã Tam Điệp** - About the stele recently discovered in Tam Diep - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 78-79.

1207. LÊ XUÂN QUANG. **Làng Bà Liệt và nhân vật Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản** - Ba Liet village and Tran Quoc Toan - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 46-47.

1208. LÊ XUÂN QUANG. **Đinh Điền và khu tháp mộ của ông** - Dinh Dien and his tom-tower - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 140-141.

1209. LÊ XUÂN QUỲNH. **Cuba với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân** - Cuba and its national defence - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 119-126.

1210. LÊINHARDT (R.). **Những thành quả và kinh nghiệm của Đảng XHCN Thống nhất Đức trong việc xây dựng khối liên minh giưã công nhân và nông dân** - Archievements and experiences recorded by the Socialist unity Party of Germany in the building of the worker and peasant alliance - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 17-23.

1211. LIUBLINSKAIA. **Vấn đề phát triển bộ tộc Pháp từ thế kỷ IX đến thế kỷ XV** - The question of the development of the French tribe (from the 9th to the 15th Century) - VSĐ, 1957, số 26, tr. 50-59.

1212. LONG ĐIỀN. **Góp ý kiến với bài *Mấy nhận xét về nền khảo cổ học thực dân Pháp ở Việt Nam trước đây* của ông Nguyễn Lương Bích** - About the article *Some remarks on the archaeology of the French colonialism in Vietnam in the past* of Mr Nguyen Luong Bich / Long Điền, Vạn Thành - NCLS, 1959, số 6, tr. 60-65.

1213. LONG ĐIỀN. **Tổ chức và hoạt động của cơ quan USAID trong lãnh vực giáo dục thực dân mới ở miền Nam trước đây** - Organization and activities of USAID within the neo-colonialist educational system in South Vietnam in the past - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 74-79.

1214. LULEI (W). **Phong trào đoàn kết của nhân dân nước CHDC Đức với nhân dân Việt Nam** - Movement of solidarty of the people of the Germany Democratic Republic with Vietnamese people - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 67-75.

1215. LƯƠNG AN. **Giới thiệu bài vè *Thất thủ Kinh đô*, một tác phẩm văn nghệ nhân dân đáng chú ý về Bình Trị Thiên chống Pháp** - The satirical folk song *The fall of the Capital* a remarquable popular literary and artistic work of Binh Tri Thien in the period of struggle against the French colonialits - VSĐ, 1958, số 40, tr. 4-13.

1216. LƯƠNG CAO KHOÁT. **Sự phối hợp chiến đấu của quân dân Hà Nội trong cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ** - The combinet fighting of the Hanoi population and forces in the Winter - Spring strategic offensive of 1953-1954 and the Dien Bien Phu victory - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 25-32.

1217. LƯƠNG CHÍ MINH. **Nghiên cứu, so sánh Phan Bội Châu với Phan Chu Trinh** - Studying, comparing Phan Boi Chau and Phan Chu Trinh - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 81-89.

1218. LƯƠNG NINH. **Góp vào vấn đề hình thành dân tộc - Lý luận và thực tế** - Contribution to the problem of formation of the nation - Theory and practice - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 28-32.

1219. LƯƠNG NINH. **Văn bia Câmpuchia** - Kampuchean Inscriptions - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 76-79.

1220. LƯƠNG NINH. **Nghĩ về đổi mới chương trình giảng dạy lịch sử** - Reflection on the renovation of history teaching Program - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 11-13.

1221. LƯƠNG NINH. **Lịch sử văn hóa và vùng trong viễn cảnh Đông Nam Á (Lược thuật tác phẩm và vấn đề)** - History, culture and region in the Southeast Asian perspective (A brief report on a book and problems) - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 48-59.

1222. LƯƠNG NINH. **Đạo Hồi với người Chăm ở Việt Nam** - Islam with Cham ethnic minority in Vietnam - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 51-58.

1223. LƯƠNG NINH. **Văn hóa cổ Phù Nam - văn hóa đồng bằng sông Cửu Long** - Phu Nam ancient culture - Cuu Long River Delta culture - NCLS, 1999, số 4 (305), tr. 23-30.

1224. LƯƠNG NINH. **Cát Tiên - Di tích và lịch sử** - The Phu Nam nation - a century of research - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 16-20.

1225. LƯƠNG NINH. **Nước Phù Nam - Một thế kỷ nghiên cứu** - - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 41-48.

1226. LƯƠNG NINH. **Tôn giáo và xã hội (châu Á)** – Religion and Society (Asia) - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 3-9.

1227. LƯƠNG NINH. **Vương quốc Phù Nam - Những hiểu biết mới - nhận thức mới** - The Phu Nam Kingdom - New Knowledge and Interpretations - NCLS, 2004, số 8 (339), tr. 44-60.

1228. LƯƠNG THỊ THOA. **Vài ý kiến về giao lưu văn hóa Đông-Tây trong tình hình hiện nay** - Some opinions on Orient - Western cultural exchange in the present situation - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 59-64.

1229. LƯƠNG THỊ THOA. **Về các cuộc ly khai trong Giáo hội Kitô thời cổ trung đại** - About the separations in the Christian congregation during the Ancient and Middle ages - NCLS, 1999, số 4 (305), tr. 41-52.

1230. LƯƠNG THỊ THOA. **Quá trình du nhập đạo Tin lành - Vàng Chứ vào dân tộc Hmông trong những năm gần đây** - Process of the Vang Chu - Protestantism import in H'mong ethnic group at recently years - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 49-57.

1231. LƯƠNG THỊ THOA. **Chính sách thực dân của Tây Ban Nha đối với cư dân da đỏ trên lục địa châu Mỹ và hậu quả của nó (thế kỷ XV-XVI)** - Spanish colonialist policy towards Indian inhabitants in America continent and its consequence (the 15th - 16th centuries) - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 69 - 78.

1232. LƯỠNG KHÊ. **Góp mấy ý kiến đánh giá Phan Chu Trinh** - On the evaluation of Phan Chu Trinh - NCLS, 1964, số 69, tr. 20-28.

1233. LƯƠNG VIẾT SANG. **Chủ động tiến công ngoại giao đi đến ký kết Hiệp định Pari** - Taking the initiative in diplomatic attack leading to Paris agreement signing - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 49-57.

1234. LƯƠNG VIẾT SANG. **Mặt trận ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Foreign diplomatic front in saving country anti-American resistance war - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 49 - 57.

1235. LƯƠNG VIẾT SANG. **Cục diện vừa đánh vừa đàm lần thứ hai trong kháng chiến chống Pháp** - The Second Complexion of the Mixture of Fighting and Negotiation in the Anti-French Resistence War - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 45-52.

1236. LƯU ĐỨC HẠNH. **Một số ý kiến về tư tưởng Hồ Quý Ly** - Some refextions on the ideology of Ho Quy Ly - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 20-24.

1237. LƯU ĐỨC HẠNH. **Hồ Quý Ly - Ông là ai?** Ho Quy Ly - Who is he? - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 51-53.

1238. LƯU HÙNG. **Vài nét về làng Tây Nguyên** - Village in Central Highlands (Tay Nguyen) - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 92-104.

1239. LƯU HÙNG. **Tìm hiểu thêm về một số khía cạnh của xã hội cổ truyền trong các dân tộc bản địa ở Trường Sơn - Tây Nguyên: Sự nảy sinh quan hệ bóc lột** - A further research into one aspect of the traditional society in the autochthonous people in Truong Son - Tay Nguyen: The birth of exploitation relations - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 57-65.

1240. LƯU HÙNG. **Tìm hiểu thêm về một số khía cạnh của xã hội cổ truyền trong các dân tộc bản địa ở Trường Sơn - Tây Nguyên: Chế độ sở hữu** - Studying again about some siders of the autochthonous ethnies traditional society in Truong Son-Tay Nguyen: The regime of proprietorship - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 59-66.

1241. LƯU KHẮC LÂM. **Thắng lợi vĩ đại của cuộc đấu tranh vũ trang yêu nước chống Mỹ của nhân dân miền Nam Việt Nam** - The great victory of the South Vietnam people patriotic armed struggle against the American imperialism - NCLS, 1964, số 64, tr. 7-16.

1242. LƯU NGUYỄN. **Nhà tù Sơn La - Trường học cách mạng** - The Son La prison - A school of the revolution - NCLS, 1975, số 4 (163), tr. 57-71.

1243. LƯU THỊ TUYẾT VÂN. **Quan hệ giữa thủ công nghiệp và nông nghiệp trong các làng nghề ở miền Bắc Việt Nam** - The relations between handicraft and agriculture in the handicraft village in the North Vietnam - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 28-34.

1244. LƯU TRANG. **Vài nét về hoạt động ngoại thương ở cảng biển Đà Nẵng nửa đầu thế kỷ XIX** - Some features on foreign trade activities in Da Nang seaport in the Earlier Half of the 19th Century - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 50-56.

1245. LƯU TRANG. **Vài nét về địa bàn Đà Nẵng hồi thế kỷ XVI-XVII**. Some features of Da Nang Area in the 16th - 17th centuries - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 38 - 46.

1246. LƯU TRANG. **Hệ thống phòng thủ Đà Nẵng dưới triều Nguyễn** - The Defensive System in Da Nang under the Nguyen Dynasty - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 37-45.

1247. LƯU TRẦN TIÊU. **Cọc Bạch Đằng trong đợt khai quật 1976** - Tha Bach Dang pickets in the exhumation of 1976 / Lưu Trần Tiêu, Trịnh Căn - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 67-74.

1248. LƯU TRẦN TIÊU. **Thành nhà Hồ, nhìn từ góc độ di sản văn hóa** - The citadel of the Ho dynasty under the angle of cultyral heritage - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 68-70.

1249. LƯU TUYẾT VÂN. **Vài nét về vai trò của thủy lợi trong quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Việt Nam** - Some reflections about the role of hydranlics and irrigation works during the of agricultura cooperation in Vietnam - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 15-23.

1250. LƯU TUYẾT VÂN. **Một số vấn đề về làng nghề ở nước ta hiện nay** - Some problems on handicraft villages in our country nowadays - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 63-71.

1251. LƯU VĂN TRÁC. **Tình hình giai cấp công nhân miền Bắc XHCN trong giai đoạn đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1968)** - The situation of working class in the socialist North in the phase of wining the American imperialism war of sabotage (1965-1968) - NCLS, 1970, số 132, tr. 98-113.

1252. LƯU VĂN TRÁC. **Đồng bào dân tộc ít người với chiến dịch Điện Biên Phủ** - The national minorities and the Dien Bien Phu military campaign - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 40-44.

1253. LƯU VĂN TRÁC. **Nhân kỷ niệm một ngày lịch sử đáng ghi nhớ của nhân dân Rumani: ngày 1-5-1939** - A historic memorable day of the Rumania peoples: May 1st, 1939 - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 73-78.

1254. LƯU VĂN TRÁC. **Bốn mươi năm xây dựng và bảo vệ CNXH ở nước CHND Ba Lan (1944-1984)** - Forty years of building and safeguarding socialism in the People's Republic of Poland (1944-1984) - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 56-67.

1255. LƯU VĂN TRÁC. **Một số tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)** - Some facts and documents concerning the anti U.S. resistance war (1954-1975) - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 77-83.

1256. LƯU VĂN TRÁC. **Một số sự kiện và tư liệu liên quan đến Chiến tranh thế giới lần thứ Hai** - Facts and materials relating to the second world war - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 78-83.

1257. LÝ THỤY LƯƠNG. **Lỗ Tấn và khoa học lịch sử** - Lou-Tsin and the Historical Science Activities - NCLS, 1961, số 33, tr. 26-41.

1258. LÝ TOÀN THẮNG. **Đất Quảng trong tiến trình lịch sử chữ Quốc ngữ** - The Quang Region in the Historical Process of the National Script (Quoc ngu) - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 7-17.

1259. LÝ TRẦN QUÝ. **Có thể xếp những bài *Hịch tướng sĩ văn Bình ngô đại cáo*... vào văn học Việt Nam được không?** - Can be classified in Vietnam literature the writings: *Hich tuong si van, Binh ngo dai cao*...? - VSĐ, 1955, số 10, tr. 61-63.

1260. LÝ TRẦN QUÝ. **Vấn đề tiêu chuẩn phân định thời kỳ lịch sử** - The question of the periodization of the historical epochs - VSĐ, 1955, số 10, tr. 63-67.

1261. LÝ XUÂN CHUNG. **Bản *Tuyên ngôn độc lập* của Triều Tiên** - Korea's Declaration of independence - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 73-76.




1262. M.N. ***Ba mũi giáp công* trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ và tay sai ở miền Nam** - *Three face to face fight points* in the people war against American imperialists and their henchmen in the South - NCLS, 1966, số 86, tr. 5-14, 62.

1263. M.N. **Sự khủng hoảng liên miên của ngụy quyền Sài Gòn trong suốt thời kỳ *Chiến tranh đặc biệt* là một thất bại nặng của Mỹ** - The continual crisis Sai Gon authorities in all the *Special war* period is a serious defeat of the American imperialism - NCLS, 1966, số 88, tr. 4-20.

1264. M.N. **Về vai trò Phật giáo miền Nam trong cuộc lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm** - The role Buddhism in the South in the overthrow of the Ngo Dinh Diem dictature - NCLS, 1966, số 99, tr. 4-11.

1265. M.N. **Phương châm hoạt động đối ngoại của MTDTGP miền Nam Việt Nam trong giai đoạn *Chiến tranh đặc biệt* của đế quốc Mỹ** - South Vietnam National liberation Front direction for foreign activities in the *Special war* phase of American imperialism - NCLS, 1967, số 94, tr. 5-11.

1266. M.N. **Mấy nét lớn về phong trào công nhân Sài Gòn từ năm 1945 đến năm 1954** - Some great features of Sai Gon working Movement from 1945 to 1954 - NCLS, 1967, số 95, tr. 3-13.

1267. MAI HỒNG. **Có phải Tuệ Tĩnh đã giải nghĩa *Khóa hư lục* ở thế kỷ XVII không?** - Is is Tue Tinh who explained *Khoa hu luc* in the 17th Century? - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 63-64.

1268. MAI HỒNG. **Xác định văn bản các tư liệu về Tuệ Tĩnh** - The confirmation of documentary texts about Tue Tinh / Mai Hồng, Phó Đức Thảo - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 62-63.

1269. MAI HỒNG. **Về nơi sinh của Lê Thánh Tông và dòng họ Đinh trên đất Thái Bình** - About Le Thanh Tong's place of birth and Dinh family in Thai Binh - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 84-89.

1270. MẠC ĐƯỜNG. **Nguồn gốc lịch sử và sự di cư của người Mán ở Việt Nam** - Historical source and the emigration of Man people in Vietnam - NCLS, 1959, số 5, tr. 81-86.

1271. MẠC ĐƯỜNG. **Nghiên cứu về sự cư trú và nhà ở của người Dao ở Việt Nam** - Research on the habitation and the house of the Dao people in Vietnam - NCLS, 1959, số 9, tr. 80-86.

1272. MẠC ĐƯỜNG. **Một vài ý kiến về dân tộc học đối với vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - On the ethnology on relation with the slavery in Vietnam - NCLS, 1960, số 17, tr. 54-63.

1273. MẠC ĐƯỜNG. **Quan hệ công xã trong các tộc thiểu số miền Bắc trước và sau Cách mạng Tháng Tám** - The relation of commune in the North minority people before and after the August Revolution - NCLS, 1960, số 18, tr. 38-45.

1274. MẠC ĐƯỜNG. **Xã hội và ruộng đất ở vùng Mường trước Cách mạng Tháng Tám** - Society and land in the Muong region before the August Revolution - NCLS, 1962, số 37, tr. 49-56; số 38, tr. 38-44.

1275. MẠC ĐƯỜNG. **Tìm hiểu về người Rục ở miền núi tỉnh Quảng Bình** - Research on the Ruc people in the mountainous region of Quang Binh province - NCLS, 1963, số 48, tr. 32-44.

1276. MẠC ĐƯỜNG. **Các loại hình thái kinh tế - văn hóa và nền văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số ở Bắc Trung Bộ** - The economical - cultural typologies and the material culture of the minority people in the North of Central Vietnam - NCLS, 1963, số 54, tr. 29-39.

1277. MẠC ĐƯỜNG. **Chủ nghĩa đế quốc xâm lược vào Tây Nguyên và lịch sử đấu tranh của các dân tộc Tây Nguyên chống đế quốc** - The imperialist agression in Tay Nguyen and the struggle history of the Tay Nguyen nationalities against the imperialists - NCLS, 1965, số 70, tr. 38-50, 64.

1278. MẠC ĐƯỜNG. **Quá trình phát triển dân cư và dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX** - The process of development of inhabitant and nation at Cuu Long River delta during the $15^{th}$ - $19^{th}$ Centuries - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 34-43.

1279. MẠC ĐƯỜNG. **Về vấn đề dân cư và dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long vào những năm đầu của thế kỷ XX** - Problem of population and

nationalities in the Mekong plain in the early 20th Century - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 35-45, 51.

1280. MẠC ĐƯỜNG. **Vấn đề cộng đồng dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo ở thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1945** - The matter of national community and religious beliefs in Ho Chi Minh city before 1945 - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 32-43.

1281. MẠCH QUANG THẮNG. *Nhà tù Côn Đảo: 1955-1975* **(Đọc sách)** - Reading the book: *Con Dao prison 1955-1975* - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 87-89.

1282. MAI HANH. **Giá trị truyện Trạng Quỳnh** - The value of the story about the first Doctor Quynh (Trang Quynh) - VSĐ, 1956, số 21, tr. 35-48; số 22, tr. 56-43.

1283. MAI HANH. ***Tống Trân - Cúc Hoa*, tấm gương tình yêu rực rỡ của nhân dân Việt Nam trong xã hội phong kiến** - *Tong Tran - Cuc Hoa* - A striking example of love of the people in Vietnam under the Feudal Society - VSĐ, 1957, số 25, tr. 11-22; số 26, tr. 45-49.

1284. MAI HANH. **Nguyễn Du và bài thơ *Chiêu hồn*** - Nguyen Du and the poem: Calling up the mind (*Chieu hon*) - VSĐ, 1957, số 34, tr. 13-30; số 35, tr. 10-18.

1285. MAI HANH. **Tìm hiểu thực chất vấn đề Trương Vĩnh Ký trong lịch sử Việt Nam** - To study the essence of the question Truong Vinh Ky in Vietnam history - NCLS, 1964, số 58, tr. 15-28.

1286. MAI HANH. **Trương Định, người anh hùng tiêu biểu cho tinh thần chống ngoại xâm của nhân dân miền Nam Việt Nam thời kỳ cận đại** - Truong Dinh, the heros-symbol of the South Vietnam people struggle spirit against the foreign agression in the modern time - NCLS, 1964, số 66, tr. 59-62.

1287. MAI HANH. **Về giai đoạn chiến đấu cuối cùng của nghĩa quân Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo** - On the last struggle phase of the Huong Khe rebellions troops led by Phan Dinh Phung - NCLS, 1966, số 85, tr. 47-54.

1288. MAI HANH. **Đốc Ngữ và lực lượng nghĩa quân Sông Đà trong phong trào chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XIX** - Doc Ngu and the Song Da rebellions armed forces in the Vietnam people movement against the agression at the end of the 19th Century - NCLS, 1967, số 97, tr. 28-42.

1289. MAI HÒA. **Những điều nghi vấn của chúng tôi về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - Our doubtful question about the slavery in Vietnam - NCLS, 1964, số 62, tr. 13-15.

1290. MAI HỒNG. **Vấn đề niên đại Tuệ Tĩnh** - The dating of Tue Tinh - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 34-38.

1291. MAI KHẮC ỨNG. **Từ *Người cùng khổ* đến *Việt Nam độc lập*, một chặng đường lịch sử khó quên của dân tộc** - From the *Paria* to the *Independent Vietnam* an unforgetable historic stage of our nation / Mai Khắc Ứng, Minh Phương - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 18-26.

1292. MAI KIM CHÂU. **Hồ Chủ tịch viết về Cách mạng tháng Mười trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*** - President Ho write on the October Revolution in his book *Duong Kach menh* (Revolutionary Road) - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 29-34.

1293. MAI QUỐC LIÊN. **Góp một vài ý kiến về việc tìm hiểu tư tưởng Nguyễn Trãi** - Contribution the study on Nguyen Trai ideology - NCLS, 1968, số 86, tr. 45-49.

1294. MAI TRANG. **Tìm hiểu thêm về những trận đánh quân Nguyên - Mông trên vùng đất Vĩnh Phú xưa** - Additional study on the fight against Yuan aggressors in the old Vinh Phu region - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 49-56, 97.

1295. MAI THANH SƠN. **Về quan hệ kinh tế - xã hội cổ truyền của người Phù Lá** - About the traditional economico-social relations of Phu La people - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 45-54.

1296. MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG. **Việc bồi thường chiến tranh và đầu tư của Nhật Bản vào miền Nam Việt Nam (1945-1975)** – The indemnities of war and the investment of Japan in the South Vietnam (1954-1975) - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 55-59.

1297. MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG. **Phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản ủng hộ Việt Nam chống Mỹ (1954-1975)** – The struggle movement launched by the Japanese people in favour of Vietnam in the fight against the US invaders (1954-1975) - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 51-56.

1298. MAI ỨNG. **Hồ Chí Minh, tên Người trên những chặng đường lịch sử cứu nước** - Ho Chi Minh and his pseudonyms at the various stages of our struggle for national salbation - NCLS, 1974, số 156, tr. 11-18.

1299. MAI XUÂN TRƯỜNG. **Cuộc nổi dậy võ trang của đồng bào Rắc Glai và Chu Ro ở huyện Bắc Ái, tỉnh Nam Định** - The armed uprising of the Raglai and Churo minorities in Bac Ai district (Ninh Thuan province) / Mai Xuân Trường, Lê Bình, Bùi Đức Thành, Tạ Công Trinh - NCLS, 1974, số 158, tr. 27-44.

1300. MAKOV (P). **G. Đimitơrop - Nhà yêu nước, nhà cách mạng và nhà quốc tế vĩ đại** - G. Đimitrov - A geat patriot, great revolutionary and great internationalist - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 1-5.

1301. MATSEV (B). **Liên minh công nông và sự thắng lợi của CNXH ở Bungari** - Worker and peasant alliance and the victory of socialism in Bulgaria - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 24-27.

1302. MÃN QUỐC. **Trương Vĩnh Ký, một nhà bác học trứ danh đã ngang nhiên đóng vai đặc vụ, tình báo, làm tay sai đắc lực cho giặc Pháp** - Truong Vinh Ky, a renowned scholar playing haughty the rob of a special agent, a zralous lakey for the French pirates - NCLS, 1964, số 60, tr. 39-45.

1303. MARION DUMOULIN. **Thư viện Viện Sử học Việt Nam. Sự phong phú và đa dạng của các tạp chí tiếng Pháp** – Library of the Institute of History: The abundance and variety of magazines in French / Marion Domoulin, Agnes Curnier - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 81-85.

1304. MÂYMAN (N.N). **Đề cập đến vấn đề sự quá độ trực tiếp chuyển sang chế độ phong kiến trên cơ sở tan rã của phương thức sản xuất của công xã nguyên thủy** - An approach to the question of the immediate passage to the feudalism on the basis of the desintegration of the primitive commune mode of production / N.N. Mâyman, S.D. Xcadơkin - NCLS, 1965, số 79, tr. 52-61; số 80, tr. 29-39, 46.

1305. MEDVEDEV (R). **Sử học Xô viết: Công cuộc cải tổ vẫn còn ở phía trước** - Soviet history: reconstructing in still put ahead - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 80-81.

1306. MIGUEP (V). **Cơ giới hóa nông nghiệp ở Bungari thời kỳ quá độ (1944-1958)** - Mechanized agriculture in Bulgaria in the transitional period of 1944-1958 - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 61-69.

1307. MINH CHÂN. **Một tác phẩm của các nhà *Việt Nam học* Xô viết: *Lịch sử Việt Nam trong thời hiện đại (1917-1965)*** - A Soviet historical book on Vietnam: *Contemporary Vietnam (1917-1965)* - NCLS, 1974, số 157, tr. 76-80.

1308. MINH CHÍNH. **Mấy ý kiến về bài *Về nơi sinh của Lê Thánh Tông và dòng họ Đinh trên đất Thái Bình*** - Some opinions on the article: *About Le Thanh Tong's place of birth and the Dinh line in Thai Binh* - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 82-85.

1309. MINH CHÍNH. **Mấy ý kiến về bài *Mạc Hồng Ninh và di tích tưởng niệm ông ở Nghệ An*** - Some opinions on the text *Mac Hong Ninh and his memorial vestige in Nghe An* - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 89-90.

1310. MINH HẢI. **Suy nghĩ về các tên gọi Mông - Nguyên, sông Rừng** - Thinking about the so called *Mong Nguyen and Song Rung* - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 85-86.

1311. MINH THÀNH. **Về cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy** - On the Bai Say insurrection - NCLS, 1969, số 122, tr. 47-56; số 123, tr. 48-64.

1312. MINH THÀNH. **Nguyễn Công Trứ trong giới nghiên cứu từ trước đến nay** - Nguyen Cong Tru and the researchers up to now - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 83-96.

1313. MINH THÀNH. **Thư mục về nhà Nguyễn** - Bibliography about the Nguyen dynasty in the first half of the XIX Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 70-91.

1314. MINH TRANH. **Nhân dân Trung Quốc bạn chiến đấu của nhân dân Việt Nam trong lịch sử** - The China people - the companion in arms of the Vietnam people - VSĐ, 1954, số 1, tr. 50-56.

1315. MINH TRANH. **Một vài nét về vấn đề ruộng đất trong lịch sử Việt Nam** - Some features of the agrarian question in Vietnam history - VSĐ, 1954, số 2, tr. 32-52.

1316. MINH TRANH. **Phong trào nông dân trong lịch sử xã hội phong kiến nước ta** - The peasant movement in the feudal society history of our country - VSĐ, 1954, số 3, tr. 6-20.

1317. MINH TRANH. **Góp ý kiến vào việc tìm hiểu văn học nhân dân của ta** - Contribution to the study on our popular literature - VSĐ, 1955, số 4, tr. 6-24.

1318. MINH TRANH. **Vấn đề tiêu chuẩn để nhận định những thời kỳ lịch sử ở nước ta** - The question of critical for the periodization in our country history - VSĐ, 1955, số 5, tr. 17-30.

1319. MINH TRANH. **Có thể liệt những bài văn yêu nước do người Việt trước kia viết bằng chữ Hán vào văn học dân tộc ta không?** - Can be ranked in our national literature the texts written in Chinese characters? - VSĐ, 1955, số 6, tr. 9-19.

1320. MINH TRANH. **Vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - The question of slavery in Vietnam - VSĐ, số 7, tr. 5-26.

1321. MINH TRANH. **Tìm hiểu truyện Kiều và Nguyễn Du** - Studying on Kieu story and Nguyen Du - VSĐ, 1955, số 8, tr. 18-38; số 9, tr. 5-21.

1322. MINH TRANH. **Nhân bài giới thiệu *Sơ thảo lịch sử Việt Nam* của ông Đào Duy Anh trong Tập san Đại học Sư phạm số 2 - Một vấn đề cần làm sáng rõ** - On the article of Mr. Dao Duy Anh presenting the book: *First draft on*

*Vietnam history* in the Review of the Faculty of pedagogy, N°2 - Some question of explanation - VSĐ, 1955, số 9, tr. 65-76.

1323. MINH TRANH. **Những bài học đại đoàn kết, bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử nước ta** - The lessons of great unity of the National defence in our history - VSĐ, 1955, số 1, tr. 1-7.

1324. MINH TRANH. **Sự phát triển của chế độ phong kiến ở nước ta và vai trò của Hồ Quý Ly trong cuối thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV** - The development of feudal regime in our country and the role of Ho Quy Ly in the end of the 14th Century at the beginning of the 15th Century - VSĐ, 1955, số 11, tr. 5-9.

1325. MINH TRANH. **Những bài học của cách mạng Nga 1905 và Việt Nam** - The lessons of the Russian Revolution 1905 and Vietnam - VSĐ, 1956, số 13, tr. 19-40.

1326. MINH TRANH. **Xã hội Việt Nam trong thế kỷ XVIII và những phong trào nông dân khởi nghĩa** - The Vietnam society in the 18th Century and the peasant insurrection movement - VSĐ, 1956, số 14, tr. 15-29.

1327. MINH TRANH. **Thử bàn về sự hình thành của giai cấp tư sản Việt Nam** - To try to discuss on the formation of the Vietnam Bourgeoisie - VSĐ, 1956, số 17, tr. 18-32.

1328. MINH TRANH. **Chống sùng bái cá nhân, nhưng phải nhận rõ vai trò cá nhân trong lịch sử** - Against the cult of personality, but well discern the role of peronality in history - VSĐ, 1956, số 18, tr. 1-11.

1329. MINH TRANH. **Nguyễn Trãi, một nhà ái quốc tiêu biểu cho lòng nhân nghĩa và ý chí hòa bình của nhân dân ta trong đầu thế kỷ XV** - Nguyen Trai, a patriot symbolizing the humanism and the loyalty, the will of peace of our people in the beginning of the 15th Century - VSĐ, 1956, số 20, tr. 7-20.

1330. MINH TRANH. **Một vài đặc điểm của tư sản Việt Nam và vai trò của họ trong cách mạng giải phóng dân tộc** - Some particularities of the Vietnam bourgeoisie and its role in the national liberation revolution - VSĐ, 1956, số 23, tr. 24-26.

1331. MINH TRANH. **Khởi nghĩa Tây Sơn và sự hình thành dân tộc Việt Nam** - Tay Son insurrection and the formation of the Vietnam nation - VSĐ, 1957, số 24, tr. 6-18.

1332. MINH TRANH. **Sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam và sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương** - The formation of the Vietnam working class and the establishment of the Indochina Communist Party - VSĐ, 1957, số 26, tr. 3-18.

1333. MINH TRANH. **Những đặc điểm chính của phong trào nông dân Việt Nam** - The essential particularities of the Vietnam peasant movement - VSĐ, 1957, số 31, tr. 33-45.

1334. MINH TRANH. **Vấn đề ruộng đất, vấn đề nông dân và thắng lợi của cách mạng Việt Nam** - The agrarian question, the peasantry question and the victory of Vietnam revolution - VSĐ, 1958, số 42, tr. 3-10.

1335. MINH TRANH. **Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến là một cuộc cách mạng quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng** - The August Revolution and the war of resistance are a popular revolution under the direction of the Party - VSĐ, 1958, số 44, tr. 1-5.

1336. MINH TRANH. **Cần đi sâu và rộng hơn nữa vào những chuyên đề** - Go more profoundly and widely to the special subjects - VSĐ, 1958, số 46, tr. 1-6.

1337. MINH TRANH. **Sử học phải phục vụ cách mạng như thế nào?** How history must serve the revolution? - NCLS, 1959, số 3, tr. 1-8.

1338. MINH TRANH. **Đồng chí Nguyễn Ái Quốc và vấn đề nông dân Việt Nam** - Comrade Nguyen Ai Quoc and the Vietnam peasantry question - NCLS, 1960, số 12, tr. 14-22.

1339. MINH TRANH. **Một số ý kiến về quan điểm và phương pháp viết sử của các tác giả *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*** - Some opinions on the point of view and the method of writing history of the authors of *Kham dinh Viet su thong giam cuong muc* - NCLS, 1963, số 57, tr. 39-42.

1340. MINH TRANH. **Tính khoa học và tính đảng, tính khách quan và tính chủ quan, tính lịch sử và tính lo gich** - The scientific character and the Party character, the objectivity and the subjectivity and the logicity - NCLS, 1967, số 94, tr. 17-22.

1341. MINH TRANH. **Đọc *Việt Nam đối diện với chiến tranh* của Charles Fourniau** - Reading Charles Fourniau's book *Vietnam facing the war* - NCLS, 1967, số 97, tr. 7-12.

1342. MINH TRANH. **Đọc lại bức thư *Kính cáo đồng bào* của Nguyễn Ái Quốc (viết ngày 6-6-1941)** - To read over again the *Letter from abroad* of Nguyen Ai Quoc / Minh Tranh, Hoàng Lượng - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 48-56.

1343. MINH TÚ. **Về Lý Nam Đế** - On Ly Nam De - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 62-68.

1344. MINH TÚ. **Về địa điểm trận Ninh Kiều năm 1426** - On the location of the Ninh Kieu battle (1426) - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 74-77.

1345. MINH TÚ. **Về trận Tốt Động (11-1426)** - On the battle Tot Dong (11-1426) - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 72-78.

1346. MINH TÚ. **Đào Trực - Vị tướng có công lớn trong chiến thắng quân Tống năm 981** - Dao Truc - Ageneral of hight exploits in the miltary victory against the Tzung Army in 981 - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 78-79, 91.

1347. MOMOKI SHIRO. **Về vấn đề phân kỳ lịch sử Việt Nam tiền cận đại** - About the periodization of Vietnam pre-modern history - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 70-79.

1348. MÔNGAIIT. **Nền khảo cổ học của giai cấp tư sản lâm vào bước đường cùng** - The archaeology of the bourgeoisie to the blind alley - NCLS, 1960, số 19, tr. 21-33.

1349. MÔROZOVA (L.E). **Kinh nghiệm vận dụng phương pháp định lượng, xác định nguyên thể văn bản tác giả** - Experience of the application of quantitative methods aiming at the determining the original text - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 52-66.

1350. MỘNG LỤC. **Giới thiệu vài nét về chữ Thái** - Presentation of some features on the Thai scripr / VSĐ, 1958, số 38, tr. 34-50.



1351. N.T.S THI SẢNH. **Cuộc tổng bãi công tháng 11-1936 của thợ mỏ ở công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ (SFCT)** - The General strike on Novemder 1936 of the miners of SFCT (*Société Française des Charbonnages du Tonkin*) - NCLS, 1971, số 138, tr. 28-45.

1352. N.T.S THI SẢNH. **Sự phát triển về số lượng công nhân mỏ Quảng Ninh trong giai đoạn 1897-1929** - Increasing the number of miners in Quang Ninh during the 1897-1929 period - NCLS, 1972, số 147, tr. 23-34.

1353. NGHĨA. **Góp thêm một ít tài liệu về tổ chức và phát động phong trào đấu tranh ở Nam Kỳ sau khi Đảng ta vừa mới thống nhất ra đời** - To provinde a few documents on the organization and the launching of a struggle movement in Cochinchina when our unified Party was born - NCLS, 1964, số 67, tr. 58-64.

1354. NGHIÊM ĐÌNH VỲ. ***Nước Việt Nam phong kiến thế kỷ XIV- đầu thế kỷ XV*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The development of Vietnamese*

*Feudal in the end of the 15$^{th}$ Century and the Early of the 16$^{th}$ Century* - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 76-79.

1355. NGHIÊM ĐÌNH VỲ. **Một vài suy nghĩ về đổi mới nội dung giảng dạy lịch sử ở trường Phổ thông trung học hiện nay** - Some thoughts on the renovation of the teaching contents on history in Secondary schools of today / Nghiêm Đình Vỳ, Trịnh Đình Tùng - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 57-62.

1356. NGHIÊM ĐÌNH VỲ. **Vấn đề đổi mới chương trình và nội dung giảng dạy lịch sử hiện nay** - The question of renovation of history teaching program and content at the present time - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 1-4.

1357. NGHIÊM VĂN THÁI. **Một vài nét về công nhân miền Bắc trong 10 năm xây dựng CNXH (1955-1965)** - Some features of North Worker after ten years of socialist construction - NCLS, 1970, số 131, tr. 34-43.

1358. NGHIÊM VĂN THÁI. **Mấy vấn đề sử học trong thời đại ngày nay** - Some traits about the historiography at the present time - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 58-64.

1359. NGHIÊM XUÂN HÒE. **Nước ta có qua chế độ nô lệ không?** - Did our country go through slavery? - VSĐ, 1955, số 11, tr. 75-77.

1360. NGỌC DUNG. **Một pho tượng đá mới tìm thấy trong một di chỉ đồ đá** - A stone statue newly discovered the vestiges of stone things - NCLS, 1966, số 87,- tr. 64.

1361. NGỌC LAN. **Bàn về bài *Thằng Bờm*** - Discussion about the poem: *Thang Bom* - VSĐ, 1955, số 10, tr. 67-69.

1362. NGỌC LIÊN. **Góp phần nghiên cứu nguồn gốc tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi** - About the origin of Nguyen Trai's humanism - NCLS, 1971, số 137, tr. 35-53, 60.

1363. NGỌC LIỄN. **Từ mấy văn bản viết đời Tây Sơn mới phát hiện** - Recently discovered minuscripts from the Tay Son period - NCLS, 1975, số 162, tr. 40-44.

1364. NGÔ ĐĂNG LỢI. **Người Hải Phòng tham gia chống giặc Nguyên - Mông thế kỷ XIII** - Hai Phong inhabitants in struggles against Mong-Nguyen Invaders - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 37-41.

1365. NGÔ ĐĂNG LỢI. **"Bàn về niên hiệu của Lê Nhân Tông: Đại Hòa hay Thái Hòa?"** - To discussion the dynastic title of Le Nhan Tong: Dai Hoa or Thai Hoa? - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 82-84.

1366. NGÔ ĐĂNG TRI. **Về chức năng của Mặt trận Việt Minh trước ngày Cách mạng Tháng Tám thắng lợi** - On the function of Vietminh front before the triumph day of the August Revolution - NCLS, 1991, số 2 (225), tr. 22-28.

1367. NGÔ ĐĂNG TRI. **Về quan hệ giữa các mặt hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức trong lịch sử Đảng ta** - On the relations between the political, ideological and organisational activities in our Party history - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 41-42.

1368. NGÔ ĐĂNG TRI. **Phong trào công nhân, viên chức Đắc Lắc thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)** - The workers and employees's movement in Dak Lak during the resistance war against the French colonialism (1945-54) - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 25-32.

1369. NGÔ ĐỨC THỊNH. **Người Khơ me đồng bằng sông Cửu Long là thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam** - The Khemer in the Mekong delta are members of the commutity of Vietnamese people - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 26-32.

1370. NGÔ ĐỨC THỊNH. **Tìm hiểu thuyền bè truyền thống Việt Nam (Đặt một số vấn đề dưới góc độ dân tộc học)** - Research into Việt Namese traditional boats / Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Việt - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 48-55.

1371. NGÔ HÀM. **Bàn về vấn đề đánh giá nhân vật lịch sử** - Discussion on the estimation of historical personages - NCLS, 1962, số 41, tr. 42-51.

1372. NGÔ NHỮ KHANG. **Những ý kiến về nguồn gốc loài người trong nhân loại học thế giới hiện nay** - The opinions on the origin of the human race in the anthropology of the present world - NCLS, 1966, số 92, tr. 55-62.

1373. NGÔ PHƯƠNG BÁ. **Cơ cấu chính quyền thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam** - Neo-colonialist regime structure in South Vietnam - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 28-41.

1374. NGÔ PHƯƠNG BÁ. **Sự phản bội cách mạng, phản bội phong trào công nhân và phong trào cộng sản của tập đoàn Pônpốt - Iêngxary - Khiêuxamphon** - The revolution, the working class movement and the communist movement betrayad by the Polpot - Iengsary - Khieusamphon clique / Ngô Phương Bá, Ngô Văn Hòa - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 68-75, 91.

1375. NGÔ PHƯƠNG BÁ. **Chiến thắng của các lực lượng chống phát xít và sự phát triển vượt bậc của phong trào giải phóng dân tộc ở Á - Phi 15 năm sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai** - The victory of anti-fascist forces and the stormy development of the national liberation movement in Asia and Africa 15 years after the Second world war - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 35-40.

1376. NGÔ PHƯƠNG BÁ. **Sự xuất hiện các nước định hướng XHCN Á - Phi sau thắng lợi của những cuộc cách mạng theo gương Cách mạng tháng Mười** - The coming in to being of the socialism intending countries in asia and africa àter the victory of those revolutions that have followed the October revolution - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 49-52.

1377. NGÔ PHƯƠNG BÁ. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào công giáo Việt Nam** - President Ho Chi Minh and Catholic fellow country men - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 76-80.

1378. NGÔ PHƯƠNG BÁ. ***Công hội đỏ Việt Nam*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Red Trade - Union of Vietnam* - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 109-110.

1379. NGÔ PHƯƠNG BÁ. ***Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác -Lênin ở Việt Nam (1921-1930)*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Nguyen Ai Quoc and the propagation of Marxism - Leninnism in Vietnam (1921-1930)* - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 84-85.

1380. NGÔ PHƯƠNG BÁ. ***Mông Phụ - Một làng của đồng bằng sông Hồng*** **(Việt Nam) (Đọc sách)** - Reading the book: *Mong Phu - A village in the Red River Delta* - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 90-92.

1381. NGÔ PHƯƠNG BÁ. ***Thế giới - Những sự kiện lịch sử thế kỷ XX*** **(Đọc sách)** - Reading the book: "The World - Historic events of the 20th century" - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 92-93.

1382. NGÔ QUÂN MIỆN. **Lại chuyện *Thằng Bờm*** - Once more about the poem: *Thang Bom* - VSĐ, 1954, số 3, tr. 50-54.

1383. NGÔ THẾ LONG. **Những chức tước của Nguyễn Trãi trong cuộc đời tận tụy vì dân, vì nước của ông** - Honoraty titles obtained by Nguyen Trai during his life being entirely deveted to his people and to his country - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 33-42.

1384. NGÔ THẾ LONG. **Nhận xét về niên đại ván khắc bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư*** - Remarks on the dating of the carved board for *Dai Viet Su* ky *toan thu* - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 68-70.

1385. NGÔ THẾ THỊNH. **Công trình Cổ Loa** - The work of Co Loa citadel - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 46-48.

1386. NGÔ THẾ THỊNH. **Hoa Lư - Thăng Long - Thử bàn về những quan hệ tự nhiên, xã hội và lịch sử** - Hoa Lu-Thang Long-Social, natural and historical relations - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 43-47.

1387. NGÔ THỌ ĐẢN. **Nhiều trống đồng tìm thấy ở Nghệ An** - Most of copper drums discovered in Nghe An - NCLS, 1970, số 132, tr. 120.

1388. NGÔ TIẾN CHẤT. **Vài nét về truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân các dân tộc Tây Bắc từ sau Cách mạng Tháng Tám đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hiện nay** - Some features of the heroic struggle traditions of the North-West minority people from the August Revolution to the war against American imperialism for country salvation - NCLS, 1967, số 95, tr. 32-45.

1389. NGÔ TIẾN CHẤT. **Về những cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân các dân tộc tỉnh Hòa Bình trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)** - About the armed struggle of the Hoa Binh province minority people in the war of resistance against the French colonialists (1945-1954) - NCLS, 1968, số 109, tr. 44-50.

1390. NGÔ TIẾN CHẤT. **Vài nét về truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân các dân tộc Việt Bắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)** - Some features of the heroic struggle traditions of the North Vietnam in the war of resistance against the French colonialist (1945-1954) - NCLS, 1969, số 122, tr. 4-14.

1391. NGÔ VĂN DOANH. **Thành Hóa Châu trong lịch sử Chămpa và Đại Việt** - Hoa Chau citadel in the history of Champa and Dai Viet - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 36-41.

1392. NGÔ VĂN DOANH. **Thành Hồ - Cửa ngõ châu Thượng Nguyên (Tây Nguyên) của Champa** - Thanh Ho - Ho Citadel, access of Champa Thuong Nguyen mountain district - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 55-60.

1393. NGÔ VĂN DOANH. **Thành nhà Ngo ở Quảng Bình** - Citadel of Ngo dynasty in Quang Binh - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 56-60.

1394. NGÔ VĂN DOANH. **Thành Khu Túc và những dấu tích ở Cao Lao Hạ** - Khu Tuc Citadel and Vestiges in Cao Lao Ha- NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 14-18.

1395. NGÔ VĂN DOANH. **Thành Lồi ở Huế** - The Loi Citadel in Hue - NCLS, 2004, Số 4 (335), tr. 31-35.

1396. NGÔ VĂN HÒA. **Tầng lớp công nhân Việt Nam trước cuộc khai thác lần thứ nhất** - The Vietnam working class before the first exploitation - NCLS, 1961, số 24, tr. 54-62.

1397. NGÔ VĂN HÒA. **Có phải giai cấp công nhân Việt Nam đã hình thành giai cấp *Tự mình* từ trước cuộc Đại chiến lần thứ Nhất hay không?** - Was formed the Vietnam working class as a class *In itself* from before the First world war? - NCLS, 1962, số 38, tr. 8-18; số 39, tr. 48-54.

1398. NGÔ VĂN HÒA. **Vai trò của châu Phi trên trường quốc tế từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai** - The role of africa on the international field from after the Second world war - NCLS, 1963, số 54, tr. 53-60.

1399. NGÔ VĂN HÒA. **Phong trào giải phóng dân tộc Vênêduêla** - The Venezuela national liberation movement - NCLS, 1964, số 63, tr. 37-47.

1400. NGÔ VĂN HÒA. **Chính sách thực dân của đế quốc Đức đối với các nước Á, Phi, Mỹ La tinh** - The colonial policy of the German imperialism towards the Asia, Africa and Latin America countries.- NCLS, 1964, số 68, tr. 28-38.

1401. NGÔ VĂN HÒA. **Mấy ý kiến về những tiền đề của liên minh công nông trước khi Đảng ra đời (1930)** - Premises to the peasant worker alliance before the founding of the Party - NCLS, 1973, số 152, tr. 15-32; số 153, tr. 41-53, 62.

1402. NGÔ VĂN HÒA. **Bàn về hình thức bóc lột tiền tư bản chủ nghĩa của tư bản thực dân Pháp đối với giai cấp công nhân Việt Nam** - Pre-capitalist forms of exploitation used by the French colonialists in Vietnam - NCLS, 1974, số 157, tr. 34-44.

1403. NGÔ VĂN HÒA. **Về hai cuộc đấu tranh của công nhân mỏ than trước Đại chiến thế giới thứ Nhất** - The two struggles of the coal-mines workers before the First world war - NCLS, 1976, số 4 (169), tr. 69-78.

1404. NGÔ VĂN HÒA. **Những thể lệ lao động chính được thực dân Pháp ban hành ở Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám** - Chief labour regulations applied by the French colonialist in Vietnam before the August Revolution - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 53-66.

1405. NGÔ VĂN HÒA. **Bàn về vai trò của Đề Thám trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908** - About the role of De Tham in the uprising on June 27 1908 - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 64-72.

1406. NGÔ VĂN HÒA. **Thử tìm hiểu về ảnh hưởng của công điền đối với một số đặc điểm trong việc hình thành đội ngũ công nhân Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám** - The influences of Cong dien (communal Land) towards some characteristics of the process of formation of the Vietnamese working class in the time before the August Revolution - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 19-28.

1407. NGÔ VĂN HÒA. **Tổ chức quản lý xã thôn và cộng đồng làng xã ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc** - Village administration and village community in Cochinchina under French rule - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 42-61, 67.

1408. NGÔ VĂN HÒA. **Mấy suy nghĩ về Đề Thám qua vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908** - Further reflections on De Tham in the light of his role in the uprising of 27-6-1908 - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 57-66.

1409. NGÔ VĂN HÒA. ***Những sự tiếp xúc Pháp-Việt ở Trung và Bắc Kỳ từ năm 1885 đến 1896*** **của Charles Fourniau (Đọc sách) (Les contacts Franco-Vietnamiens en Annam et au Tonkin de 1885 à 1896)** - Reading the book: *The French-Vietnamese contacts in Tonkin and Annam in 1885-1896* by Charles Fourniau - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 78-82.

1410. NGÔ VĂN HÒA. **Mấy suy nghĩ về cuộc khởi nghĩa Ba Đình** - Reflections on the Ba Dinh insurrection - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 18-30.

1411. NGÔ VĂN HÒA. **Vài suy nghĩ về quyền tư hữu ruộng đất ở Việt Nam hồi thế kỷ XIX** - Reflections on private ownership of farmlands in Vietnam during the 19th Century - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 33-42.

1412. NGÔ VĂN HÒA. **Hệ thống tiền tệ ở nước ta thời Cận đại** - Currency system of our country in the Modern time / Ngô Văn Hòa, Phạm Quang Trung - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 8-22.

1413. NGÔ VĂN MINH. **Về vị trí lỵ sở Dinh Quảng Nam năm 1602** - On the Position of Quang Nam Citadel in 1602 - NCLS, 2004, Số 1 (332), tr. 67-72.

1414. NGÔ VŨ HẢI HẰNG. **Vai trò của Sĩ Nhiếp trong việc xây dựng nền móng Nho học ở Luy Lâu** - The Role of Si Nhiep in the Foundation of the Confucianism in Luy Lau - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 53 - 62.

1415. NGÔ XUÂN TRƯỜNG. **Đà Lạt - Tuyên Đức trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968** - Da Lat - Tuyen Duc in the General Offensive and Uprising in 1968 - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 67-70.

1416. NGUYÊN HÀ. **Xung quanh vấn đề văn hóa Hòa Bình (Góp ý kiến với ông Trần Quốc Vượng)** - About the question of Hoa Binh culture (Exchange of opinion with Mr. Tran Quoc Vuong) - NCLS, 1963, số 63, tr. 40-47.

1417. NGUYỄN AM. **Nguyễn Tư Giản với công tác trị thủy ở nửa cuối thế kỷ XIX** - Nguyen Tu Gian and the irrigation work in the second half of 19th Century - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 58-62.

1418. NGUYỄN AM. **Công tác thủy lợi và sự thay đổi của nông thôn Thái Bình (1954-1990)** - The irrigation work and the transformation of Thai Binh countryside (1954-1990) - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 19-23.

1419. NGUYỄN AM. **Vài nét về tình hình khẩn hoang ở đồng bằng Bắc Bộ vào nửa cuối thế kỷ XIX** - Some features about the Northern delta waste-clearing situation in the second half of the 19th Century - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 6-12.

1420. NGUYỄN ANH. **Đông Kinh Nghĩa Thục có phải là một cuộc vận động cách mạng văn hóa dân tộc dân chủ không?** - Dong Kinh Nghia

thuc's was a national and democratic revolutionary movement? - NCLS, 1961, số 32, tr. 38-46.

1421. NGUYỄN ANH. **Về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản** - About the historical personage Phan Thanh Gian - NCLS, 1963, số 50, tr. 29-35.

1422. NGUYỄN ANH. **Vài ý kiến về Trương Vĩnh Ký** - Some ideas contributing to the estimation of Truong Vinh Ky - NCLS, 1963, số 57, tr. 17-27, 38.

1423. NGUYỄN ANH. **Bàn thêm về nguyên nhân ra đời của hai xu hướng cải lương và bạo động trong phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX** - To discuss again about the causes of appearance of the two tendencies in the revolutionary movement at the beginning of the 20th Century: The reformist tendency and the tendency of violence - NCLS, 1965, số 65,- tr. 35-42, 46.

1424. NGUYỄN ANH. **Bàn thêm về tư tưởng nhân dân của Nguyễn Trãi (Trao đổi với bạn Lê Văn Kỳ)** - To discuss again on the Nguyen Trai on people (Exchange of opinion with Le Van Ky) - NCLS, 1966, số 84, tr. 47-49.

1425. NGUYỄN ANH. **Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến cuối Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất** - Some features on education in Vietnam from the French colonialist invasion to the end of the First World War - NCLS, 1967, số 98, tr. 39-51.

1426. NGUYỄN ANH. **Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ sau Đại chiến thế giới lần thứ Nhất đến Cách mạng Tháng Tám** - Some features on education in Vietnam from after the First World war to before the August Revolution - NCLS, 1967, số 102, tr. 29-46.

1427. NGUYỄN ANH. **Giáo dục vùng dân tộc ít người, giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục tư thục ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc** - The education in the minority people region, specialized education and private education in Vietnam under the French Domination - NCLS, 1968, số 107, tr. 28-33.

1428. NGUYỄN ANH. **Vài nét về quá trình đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai trên lĩnh vực văn hóa của nhân dân ta trong 30 năm đầu thế kỷ XX** - Some features on the process of struggle against the colonialists and their henchemen on the cultural field of our people in the first thirty years of the 19th Century - NCLS, 1968, số 116, tr. 47-66.

1429. NGUYỄN ANH. **Vài nét về thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh chống văn hóa nô dịch của thực dân Pháp do Đảng lãnh đạo (1930-1939)** - Some features on the first period of the struggle led by the Party (1930-1939) against the enslaving culture of the French colonialists - NCLS, 1969, số 127, tr. 26-45.

1430. NGUYỄN ANH. **Vài nét về tình hình văn hóa ở nước ta thời kỳ 1939-1945** - Some features on the cultural situation of our country in 1939-45 period - NCLS, 1970, số 134, tr. 27-38, 64.

1431. NGUYỄN ANH. **Một số tài liệu về hoạt động văn hóa của công nhân thời kỳ 1930-1939** - Documents on the cultural activities of the Vietnamese workers in 1930-39 - NCLS, 1974, số 156, tr. 70-74.

1432. NGUYỄN ANH DŨNG. **Nghệ thuật lập thế và đánh địch trên thế mạnh trong chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút** - The Art of building a position of strength and fighting the enemy in this position during the Rach Gam - Xoai Mut battle - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 18-22.

1433. NGUYỄN ANH THÁI. **Vài nét về sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc từ sau Cách mạng tháng Mười** - On the development and the victory of the national Liberation movement after the October Revolution - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 36-46.

1434. NGUYỄN ANH THÁI. **Chủ nghĩa Xiôn và tính chất cực đoan, phản động của nó** - The sionism and its extremist and reactionary characteristic - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 83-92.

1435. NGUYỄN ANH THÁI. **Êtiopia: 1974-1979 - Đấu tranh và lựa chọn** - Ethiopia: 1974-1979 - Struggle and choice - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 61-70.

1436. NGUYỄN ANH THÁI. **Vài nét về quá trình Cách mạng Nicaragoa (1961-1979)** - Some features about the process of revolution of Nicaragua (1961-1979) / Nguyễn Anh Thái, Nguyễn Hồng Bích - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 76-82.

1437. NGUYỄN ANH THÁI. **Âm mưu của Trung Quốc từ Điện Biên Phủ đến Giơnevơ** - The Chinese schemes from Dien Bien Phu to Geneva - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 28-42.

1438. NGUYỄN ANH THÁI. **Bàn về nền dân chủ tư sản được thiết lập trong Đại Cách mạng Pháp 1789** - About the Foundation of the Bourgeois Democracy in the Great Revolution of France in 1789- NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 49-57.

1439. NGUYỄN ANH THÁI. **Những đặc điểm nổi bật của cách mạng Iran năm 1979** - The outstanding particularities of Iran revolution in 1979 - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 91-96.

1440. NGUYỄN ANH THÁI. **Một vài suy nghĩ về giảng dạy lịch sử thế giới ở các trường Phổ thông và Đại học trong bối cảnh hiện nay** - Some opinions on teaching the World history in Schools and University in the context today - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 70-73.

1441. NGUYỄN ANH THÁI. **Về mốc mở đầu lịch sử thế giới hiện đại** - About the Starting Point of the Contemporary World history - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 82-84.

1442. NGUYỄN ANH THÁI. **Đổi mới cấu tạo chương trình biên soạn tài liệu và giảng dạy lịch sử thế giới ở phổ thông và đại học** - Renovating the structure of Program, the writing of documents and the teaching on World history in the Secondary and Universities - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 49-53.

1443. NGUYỄN ANH THÁI. **Sự sụp đổ của một mô hình dân tộc và đôi điều suy ngẫm về nhận thức vấn đề dân tộc trong bối cảnh hiện nay** - The falling down of National Model and some Thinking about the Interpretation of the national question in the actual context - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 55-60.

1444. NGUYỄN BÁ LINH. **Tìm hiểu về Hội nghị Trung ương Đảng (tháng 10-1930)** - The Studies on the Plenum of our Party (October 1930) - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 1- 6.

1445. NGUYỄN BÌNH. **Khảo sát một số thành, lũy cổ ở Quảng Trị** - Investigating some Ancient Ramparts in Quang Tri - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 15 - 24.

1446. NGUYỄN BÌNH MINH. **Góp phần tìm hiểu quá trình hình thành giai cấp tư sản Việt Nam** - Contribution to the understanding on the process of Vietnamese bourgeois formation - VSĐ, 1957, số 24, tr. 44-58.

1447. NGUYỄN BÌNH MINH. **Giới thiệu vài nét về tình hình công nhân Việt Nam thời Pháp thuộc** - Some features of Vietnam workers situation under the French domination - VSĐ, 1957, số 27, tr. 22-40.

1448. NGUYỄN BÌNH MINH. **Tính chất và giai cấp lãnh đạo hai phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và Đông Du** - The character and the leading class of the two movements Dong Kinh Nghia Thuc and Dong Du - VSĐ, 1957, số 33, tr. 19-31; số 34, tr. 6-12.

1449. NGUYỄN BÌNH MINH. **Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ngọn cờ đoàn kết, ngọn cờ tất thắng** - The National Liberation Front in the of Vietnam-The standard of great unity, the standard of victory - NCLS, 1963, số 57, tr. 3-7.

1450. NGUYỄN BÌNH MINH. **Cuộc biểu tình ở Duyên Hà, Tiên Hưng trong dịp kỷ niệm ngày Lao động quốc tế (1-5-1930)** -The Manifestation of Duyen Ha - Tien Hung on the occasion of the International Day of workers (1-5-1930) - NCLS, 1963, số 50, tr. 43-47.

1451. NGUYỄN CẢNH HUỆ. **Tìm hiểu tư tưởng hòa bình trong chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa Ấn Độ** - About the peaceful ideology in the external policy of the Republic India - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 59-65.

1452. NGUYỄN CẢNH HUỆ. **Nhìn lại việc Ấn Độ công nhận Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Campuchia** - Looking back the recognition of India for Cambodia People Republic government - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 69-76.

1453. NGUYỄN CẢNH HUỆ. **Tìm hiểu quan điểm của Chính phủ nước Cộng hòa Ấn Độ trong việc giải quyết vấn đề Campuchia (1979-1991)** - Carrying out the Republic of India government's view-point on the solution of Cambodia problem (1979 - 91) - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 75-83.

1454. NGUYỄN CẢNH HUỆ. **Vài nét về quan hệ Việt Nam - Ấn Độ** - Some Remarks on the Vietnamese-Indian Relations - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 50-58.

1455. NGUYỄN CẢNH HUỆ. **Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam - Một số vấn đang đặt ra** - Foreign Direct Investment in Vietnam - Some Problems to Be Solved Today - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 62-67.

1456. NGUYỄN CẢNH MINH. **Tìm hiểu thêm cuộc khởi nghĩa Lê Hữu Tạo** - Le Huu Tao uprising / Nguyễn Cảnh Minh, Nguyễn Bình Minh - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 59-68.

1457. NGUYỄN CẢNH MINH. ***Nam Đàn - Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Nam Dan - Birth place of President Ho Chi Minh* - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 86-89.

1458. NGUYỄN CẢNH MINH. ***Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*** **(Đọc sách)** - *The Dinh quelling the revolts and the National Foundation* (Book review) - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 79-81.

1459. NGUYỄN CẢNH MINH. **Nhìn lại chủ trương sử dụng nghĩa quân Phan Bá Vành vào công cuộc khai hoang thành lập hai huyện Tiền Hải, Kim Sơn của triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX** - Looking back at the policy of making use of Phan Ba Vanh insurgent troops for the clearing of waste land and the creation of two rural districts of Tien Hai and Kim Son under the Nguyen dynasty, in the first half of 19th Century / Nguyễn Cảnh Minh, Bùi Quý Lộ - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 35-41.

1460. NGUYỄN CẢNH MINH. **Vài nét về công cuộc khai hoang thành lập ấp Văn Hải (huyện Kim Sơn, Ninh Bình)** - Some features on the waste land clearing work for the establishment of Van Hai hamlet (Kim Son district, Ninh Binh province) / Nguyễn Cảnh Minh, Nguyễn Phú Lợi - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 40-45.

1461. NGUYỄN CẢNH MINH. **Vài ý kiến xung quanh vấn đề đánh giá Hồ Quý Ly** - Some opinions about the estimation of Ho Quy Ly - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 23-26.

1462. NGUYỄN CẢNH MINH. **Sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy, học lịch sử Việt Nam thời phong kiến ở các trường Đại học sư phạm** - The Utilisation of the local historical documents in the teaching, the study of Vietnam history in the feudal period in the High school of Pedagogics - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 42-43.

1463. NGUYỄN CẢNH MINH. **Đọc *Tây Nguyên sử lược*** - Reading the book: *Brief History of Tay Nguyen* - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 93-95.

1464. NGUYỄN CẢNH MINH. **Chính sách chiêu dân khai hoang lập ấp ở Nam Kỳ của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The policy of recruiting people for the Cochinchina waste land clearing and domain foundation under the Nguyen dynasty in the first half of the 19th Century/ Nguyễn Cảnh Minh, Dương Văn Huề - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 13-19.

1465. NGUYỄN CẢNH MINH. **Vài nét về tình hình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở các làng khai hoang Tiền Hải, Kim Sơn nửa đầu thế kỷ XIX** - Some features about the cultural, religious and belief situation in the villages carrying out the waste land clearing of Tien Hai, Kim Son in the first half on the 19th Century / Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Bùi Quý Lộ - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 34-43.

1466. NGUYỄN CẢNH MINH. ***Hồ Quý Ly* (Đọc sách)** - Reading the book "*Ho Quy Ly*" - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 83-86.

1467. NGUYỄN CẢNH MINH. **Vài suy nghĩ về mối quan hệ giữa vấn đề ruộng đất và khởi nghĩa nông dân (Qua khảo sát tình hình ruộng đất công ở huyện Yên Hưng, Quảng Ninh thế kỷ XIX)** - Some reflections about the relationship between the agrarian problem and the peasant insurrections (through surveys on agrarian domain in Yen Hung district, Quang Ninh province in the 19th century) / Nguyễn Cảnh Minh, Bùi Việt Hùng - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 15-23.

1468. NGUYỄN CHƯƠNG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây** - President Ho Chi Minh through some opinions of Western politicians - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 66-70.

1469. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Hoạt động kinh doanh của tư sản dân tộc Việt Nam dưới thời Pháp thuộc** - The business activities of the Vietnam national bourgeoisi under the French domin... - VSĐ, 1955, số 4, tr. 72-76.

1470. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Từ phong trào chống thuế ở Trung Kỳ đến phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh** - From the movement against tariffs to the Soviet Nghe-Tinh movement - VSĐ, 1955, số 5, tr. 52-59.

1471. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc** - The situation and the special particularrity of Vietnam bourgeoisie under the French domination - VSĐ, 1958 từ số 41 đến số 46.

1472. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Nhân dịp kỷ niệm ngày tạ thế của Hoàng Hoa Thám, lãnh tụ nông dân Yên Thế. Tính chất cuộc khởi nghĩa Yên Thế** - On the anniversary of the death day of Hoang Hoa Tham, the leader of Yen The peasants - The characters of the Yen The insurrection - VSĐ, 1959, số 48, tr. 28-43.

1473. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Chủ nghĩa đế quốc với vấn đề ruộng đất ở Việt Nam** - The imperialism and the agrarian question of Vietnam - NCLS, 1959, số 1, tr. 56-70; số 2, tr. 54-62.

1474. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Bàn lại mấy điểm quanh vấn đề giai cấp tư sản Việt Nam thời thuộc Pháp** - To discuss again on some points about the question of Vietnam bourgeoisi under the French domination - NCLS, 1959, số 4, tr. 43-58; số 5, tr. 63-68.

1475. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Tầng lớp phú nông trong cách mạng Việt Nam** - The class of rich peasants in the Vietnam revolution - NCLS, 1959-1960, số 7, tr. 3-32; số 11, tr. 12-26.

1476. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Bàn về tính chất cuộc Cách mạng Tháng Tám** - Discussion on the character of the August Revolution - NCLS, 1960, số 17, tr. 1-5.

1477. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Bàn về bản chất chế độ độc tài, phát xít, gia đình trị Ngô Đình Diệm với những bế tắc mâu thuẫn của nó** - Discussion on the essence of the Ngo Dinh Diem dictatorial, fascist, repotist with its contradictions - NCLS, 1961, số 22, tr. 23-31.

1478. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Thử bàn về giai cấp tư sản mại bản Việt Nam** - To try to discuss on the Vietnam comprador bourgeoisie - NCLS, 1961, từ số 23 đến số 25.

1479. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Sự phân hóa về chính trị trong các tầng lớp địa chủ miền Nam ngày nay** - The potitical differentiation in the strates of land proprietors in the South of today - NCLS, 1961, số 27, tr. 6-22.

1480. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Về mốc khởi đầu và kết thúc của cuộc Cách mạng Tháng Tám** - The beginning mark and the end mark of the August Revolution - NCLS, 1963, số 51, tr. 17-22.

1481. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Bàn về sự phát triển mâu thuẫn trong nội bộ bọn thống trị miền Nam** - Discussion on the development of contradictions on the inside of the rulers in the South - NCLS, 1964, số 67, tr. 2-9.

1482. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Về cuốn *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, thực chất và huyền thoại* của ông Nguyễn Văn Trung (Đọc sách)** - On the book of Mr Nguyen Van Trung *The French colonialism in Vietnam - Essence and mythe* - NCLS, 1965, số 73, tr. 4-20.

1483. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Về vấn đề đối tượng của khoa học lịch sử** - About the question of the object of history - NCLS, 1966, số 83, tr. 4-8.

1484. NGUYỄN CÔNG BÌNH. ***Việt Nam chống chủ nghĩa thực dân* - Những suy nghĩ độc lập của nhà sử học Mỹ David G.Marr** - *Vietnamese anticolonialism 1885-1925* - Personal reflexions of the American historican David G.Marr - NCLS, 1972, số 144, tr. 43-53.

1485. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Viện nghiên cứu xã hội học Liên Xô - Những hoạt động khoa học hiện nay của Viện** - The Soviet Institute of sociology and its activities - NCLS, 1973, số 152, tr. 49-52.

1486. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Linh mục Trương Bá Cần và tác phẩm của ông *25 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc* (Đọc sách)** - Father Truong Ba Can and his book *25 years of socialist building in the North* (Reading the book) - NCLS, 1974, số 156, tr. 76-84.

1487. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình theo đường lối của Đảng tiền phong** - The Vietnamese working class has been carrying out its historic mission by following the path of the vanguard Party - NCLS, 1975, số 160, tr. 8-18.

1488. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" (Lời Hồ Chủ tịch)** - "To save the country and national liberation, there was no other way the revolution" (Voice of President Ho Chi Minh) - NCLS, 1975, số 162, tr. 3-12.

1489. NGUYỄN CÔNG KHANH. **Indira Gandhi. Một bản lĩnh chính trị lớn** - Indira Gandhi. A personage of great polotical abilities - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 75-78.

1490. NGUYỄN CÔNG KHANH. **Tìm hiểu ý kiến của V.I.Lênin về công xã Pari** - Carry out V.I. Lenin's opinions on the Paris Commune - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 66-71.

1491. NGUYỄN CÔNG LOAN. **Về cuốn sách giáo khoa *Lịch sử lớp 11* (Ban Khoa học tự nhiên và Ban Khoa học tự nhiên - kỹ thuật)** – On the text-book *History lessons intended for the 11$^{th}$ form* - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 72-74.

1492. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Chính quyền trung ương Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần với vấn đề thống nhất đất nước và hiện tượng *Cát cứ, phân liệt*** - The central power at the period Ngo, Dinh, Le, Ly, Tran facted the problem of unification and the phenomenon of "moicellation and scission" - NCLS, 1976, số 4 (169), tr. 15-30.

1493. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý - Trần** - Some features about the system of examination at the period of Ly Tran - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 22-31.

1494. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Một vài suy nghĩ về phong trào Tây Sơn với sự nghiệp thống nhất đất nước hồi thế kỷ XVIII** - Some reflections on the movement of Tay Son and the work of national unification in the 18th Century - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 57-75.

1495. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Thế kỷ X, một thế kỷ đặc sắc trong lịch sử dân tộc** - The Xth Century - A remarkable century in the history of the Vietnamese nation - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 8-16.

1496. NGUYỄN DANH PHIỆT. ***Đường phố Hà Nội*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled *Streets of Hanoi* - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 80-89.

1497. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Lê Hoàn với tập thể anh hùng triều đình Hoa Lư** - Le Hoan with the collectivity of heros of Hoa Lu court - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 14-17.

1498. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Vùng đất Bình Kiều và ngôi thành của Sứ quân Ngô Xương Xí** - Binh Kieu region and the citadel of Ngo Xuong Xi - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 76-82.

1499. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Quá trình nghiên cứu về *Phương thức sản xuất châu Á* ở Việt Nam** - The process of study on the problem of the Asiatic mode of production in Vietnam - NCLS, 1982, số 1 (202) , tr. 26-37.

1500. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Ngô Quyền với châu Ái** - Ngo Quyen and the region of Ai / Nguyễn Danh Phiệt, Phạm Văn Kính - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 26-29, 74.

1501. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Vài suy nghĩ về vận dụng khái niệm *Công xã* trong việc nghiên cứu nông thôn Việt Nam trong lịch sử, nhân đọc bài của Nguyễn Vô Kỷ** - On the notion of *Community* in the studies of Vietnamese countryside in history - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 59-64.

1502. NGUYỄN DANH PHIỆT. ***Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở Hà Nội*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The Trung Sisters insurrection in the Hanoi area* - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 87-88.

1503. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Lê Lợi trong sự nghiệp xây dựng đất nước** - Le Loi and the national building - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 21-29.

1504. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Vài suy nghĩ về chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút** - Some reflections on the Rach Gam-Xoai Mut victory - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 11-15.

1505. NGUYỄN DANH PHIỆT. ***12 sứ quân*** **và sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh** - *The 12 local lords* and the reunification of the country by Dinh Bo Linh - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 32-40; 1986, số 1 (226), tr. 16-23.

1506. NGUYỄN DANH PHIỆT. ***Lệ làng, phép nước*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled *Village usages and national legislation* by Bui Xuan Dinh - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 145-147.

1507. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Từ việc** ***Cấm đạo*** **hồi thế kỷ XVIII đến việc 6 giáo sĩ được phong Thánh** - From *The prohibition of Catholicism* in 19th Century to the cannonization of 6 Missionaries - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 24-27.

1508. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Thời Trần sau ba lần thắng giặc Nguyên-Mông** - Tran dynasty after three victories over Nguyen-Mong aggressions / Nguyễn Danh Phiệt, Phạm Văn Kính - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 15-20.

1509. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Nhà Tây Sơn với sự nghiệp dựng nước** - The Tay Son and the work of the national foundation - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 28-33.

1510. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Chế độ phong kiến trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV và những di sản của nó** - The feudal regime in Vietnam history from 10th to 15th Centuries and its remmants - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 21-37.

1511. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Địa danh Mộc Hoàn trong chiến trường chống giặc Minh cuối năm 1406 đầu năm 1407** - Place name of Moc Hoan in the war at the end of 1406 and the beginning of 1407 - NCLS, 1991, số 2 (256), tr. 71-73.

1512. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Suy nghĩ về bộ máy Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền nửa đầu thế kỷ XIX** - Some thinkings about the centralized monarchie Stale Appratus of the Nguyen dynasty in the first half of the 19th Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 13-20.

1513. NGUYỄN DANH PHIỆT. ***Làng Nguyễn*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The village of Nguyen* - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 84-85.

1514. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Từ tục ngữ *Phép vua thua lệ làng*, suy nghĩ về chức năng và quyền hạn của chính quyền làng xã Việt Nam thời trung đại** - Reflections on the function and authority of the Vietnamese communal administration in the medieval age, as suggested by the proverb *The regal powed must yield to village customs* - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 38-42.

1515. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Dương Hậu - Dương Thái Hậu: lịch sử và huyền thoại** - Duong hau.- Duong Thai hau: History and legend - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 39-43.

1516. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Suy nghĩ thêm về phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX** - Some reflections on Vietnam's Peasant Movement in the 18th-the first half of the 19th crnturies - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 3-8.

1517. NGUYỄN DANH PHIỆT. **45 năm Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử** - The 45th anniversary of the Review of Historical Studies - NCLS, 1999, số 4 (305), tr. 8-22.

1518. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn qua di chúc của ông** - Hung Dao dai vuong Tran Quoc Tuan through his testament - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 3-10.

1519. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Hành trình lịch sử Cổ Loa-Hoa Lư-Thăng Long** - The historic itinerary Co Loa-Hoa Lu-Thang Long - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 10-16.

1520. NGUYỄN DANH PHIỆT. **"Liên tục chuyển đổi hệ thống hành chính quan lại ở miền Bắc Việt Nam (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX) Quan và lại từ thời độc lập đến thời bảo hộ"** - Historical doctorate thesis: "Permanence and mutation mandarinate system in the North of Vietnam (from late 19th to early 20th century) - Mandarins and clerks from independence to protectorate period" - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 92-94.

1521. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Thời Lê sơ vào buổi suy tàn - Bi kịch và hệ quả** - Le Early Time in Its Decline - Tragedy and Consequence - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 3 - 14.

1522. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Việt Nam thời Mạc - Cuộc chiến không khoan nhượng giữa hai tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh và Mạc** - Vietnam in the Mac Period - The Uncompromising Struggle between Le-Trinh and Mac Feudal Clans - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 3-13.

1523. NGUYỄN DUY. **Mấy ý kiến về nguồn gốc dân tộc Việt Nam** - Opinions on the Viet people origin - NCLS, 1968, số 107, tr. 53-55.

1524. NGUYỄN DUY HINH. **Yên Tử - Vua Trần - Trúc Lâm** - Yen Tu-King of Tran - Truc Lam - NCLS, 1977, số 2 (175), tr. 10-21.

1525. NGUYỄN DUY HINH. **Chùa Dâu (Suy nghĩ sử học)** - The Dau pagoda (Historical considerations) - NCLS, 1983, số 4 (221), tr. 20-26.

1526. NGUYỄN DUY HINH. **Lê Văn Hưu với *Đại Việt Sử ký toàn thư*** - Le Van Huu and the historiographical work *Dai Viet Su ky toan thu* - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 67-74.

1527. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Lý** - The Ly ideology - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 7-15.

1528. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Trần** - The Tran ideology - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 36-45.

1529. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Lê** - The Le ideology - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 45-52.

1530. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng trước Lý** - Ideology before Ly dynasty - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 51-60.

1531. NGUYỄN DUY HINH. **Suy nghĩ về nhà Tây Sơn** - Reflections on Tay Son dynasty - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 20-27.

1532. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Nguyễn** - The Nguyen ideology - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 6-18.

1533. NGUYỄN DUY HINH. **Về một pho tượng ở chùa Bộc** - On a statue of Boc pagoda - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 38-44.

1534. NGUYỄN DUY HINH. **Kinh tế - xã hội trước Lý** - Socio-economic realities prior to the Ly dynasty - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 27-40.

1535. NGUYỄN DUY HINH. **Kinh tế-xã hội thời Lý-Trần** - Socio-economical situation under the Ly-Tran dynasties - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 32-46.

1536. NGUYỄN DUY HINH. **Kinh tế-xã hội Nguyễn** - Socio-economic situation under the Nguyen dynasties - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 45-56.

1537. NGUYỄN DUY QUÝ. **Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam** - Vietnam Communist Party's leadership - A dicisive factor to every achievement of Vietnam revolution - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 3-6.

1538. NGUYỄN DUY THÔNG. **Cuộc đấu tranh chống thuế lương bổng và tổng hợp lợi tức của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định năm 1971** -

The struggle of the workers of Sai Gon-Cho Lon-Gia Dinh in 1971 against the taxing on the wages - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 80-84.

1539. NGUYỄN DUY TIẾN. **Tình hình sở hữu ruộng đất ở Thái Nguyên trước Cách mạng Tháng Tám 1945** - Land ownership's situation in Thai Nguyen before the August Revolution in 1945 - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 9-17.

1540. NGUYỄN DUY TỲ. **Cuộc khai quật khảo cổ ở làng Vạc (Nghệ An)** - The archaeological exhumation of Lang Vac (Nghe An) - NCLS, 1973, số 150, tr. 64.

1541. NGUYỄN DUYÊN BẰNG. **Sơ bộ nghiên cứu về một số hiện vật đồ đồng tìm thấy ở xã Thủy Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng** - Preliminary study on some copper things discovered in Thuy Duong commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong city - NCLS, 1970, số 131, tr. 62-64.

1542. NGUYỄN DUYÊN BẰNG. **Một số di tích lịch sử thờ các vị có công trong chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 tại Hải Phòng. Danh sách các vị có công và các tướng lĩnh tham gia chiến trận Bạch Đằng được thờ ở Hải Phòng. Văn bia Trần Quốc Bảo** - Some historic relics to Worship those people who had made contribution to Bach Dang victory (1288) in Hai Phong. Lish of commenders and people talking in Bach Dang fight and Worshipped in Hai Phong. Tran Quoc Bao Stele / Nguyễn Duyên Bằng, Hồ Chu, Trịnh Minh Hiên - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 87-94.

1543. NGUYỄN ĐẮC XUÂN. **Thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế** - Uncle Ho's boyhood - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 79-84, 90.

1544. NGUYỄN ĐẮC XUÂN. **Đính chính sử liệu về cuốn *Búp sen xanh*** - About the book entitled *Bup sen xanh* - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 86-92.

1545. NGUYỄN ĐÌNH CHI. **Nguyễn Lý, một vị tướng xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV** - Nguyen Ly, an eminent general of the Lam Son uprising and of the war of national liberation at the beginning of the $15^{th}$ Century - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 85-89.

1546. NGUYỄN ĐÌNH GIẢN. **Giới thiệu hai bài *Thăm đảo Xây Lan* của Phạm Phú Thứ** - On two articles *Visite Ceyland* by Pham Phu Thu - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 76-78.

1547. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. **Về yếu tố Indonesien trong thành phần nhân chủng học dân tộc ở Đông Nam châu Á** - On the Indonesian element in the ethnological composition of the South East Asia people - NCLS, 1965, số 75, tr. 50-54.

1548. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. **Thử tìm hiểu đặc điểm hình thái nhân chủng học người Việt** - To try to understand the ethnological forms particularities of the Viet people - NCLS, 1968, số 113, tr. 52-61.

1549. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. **Thành phần nhân chủng học của một số nhóm dân tộc miền núi tỉnh Quảng Bình** - The ethnological composition of some monority people groups in the mountainous region of Quang Binh - NCLS, 1969, số 121, tr. 41-49.

1550. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. **Về mối quan hệ Mường-Việt trên cơ sở tài liệu nhân chủng học** -About the relations between the Muong people and the Viet people on the ethnological base - NCLS, 1969, số 125, tr. 47-59.

1551. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. **Người Xá ở Tây Bắc** - An anthropogical study about "Xa" at North West Vietnam - NCLS, 1971-1972, số 141, tr. 56-61; số 142, tr. 52-64.

1552. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. **Sự bành trướng và xâm lược của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ở Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX** - The expansion and aggression of Japanese militarism in Vietnam in the first half of the XX$^{th}$ Century / Nguyễn Đình Lễ, Nguyễn Anh Thái - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 29-34.

1553. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. **Về ý nghĩa của những đoạn trích trong *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chủ tịch** - Some signification of the quotations in the *Declaration of Independence* of President Ho Chi Minh - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 61-65.

1554. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. **Mặt trận Việt Minh - Thành quả của sự hoàn chỉnh và phát triển đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương** - The Viet minh Front - Fruit of the perfection and the development of Indochina Communist Party strategic line - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 1-6.

1555. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. **Nhìn nhận của Hồ Chí Minh về đế quốc Nhật Bản (Từ những năm đầu thế kỷ XX đến kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai)** - Ho Chi Minh view on Japanese imperialism (From the First Years of the 20$^{th}$ Century to the End of the World War II - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 6-12.

1556. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. **Suy nghĩ về nghề sơn mài ở làng Giẽ Thượng, tỉnh Hà Tây (1957-1990)** - Reflection about the lacquering in the village of Gie Thuong, Ha Tay province (1957-1990) - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 40-43.

1557. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. **Cuộc xung đột vũ trang giữa các giáo phái ở miền Nam với chính quyền Ngô Đình Diệm (1955-1956)** - The armed conflict between the South's religious sects and Ngo Dinh Diem's regime / Nguyễn Đình Lễ, Bùi Thị Thu Hà - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 17-24.

1558. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Suy nghĩ về cuộc khởi nghĩa Bà Triệu** - Some reflections on Ba Trieu's revolt - NCLS, 1972, số 147, tr. 47-53.

1559. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Góp phần xác định những địa điểm hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn** - Determination of the areas where the Lam Son insurgent troops were active - NCLS, 1975, số 3 (162), tr. 45-58.

1560. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi năm nào?** - In what year did Nguyen Trai meet Le Loi? - NCLS, 1976, số 167, tr. 78-82.

1561. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Các khu vực hành chính của quận Cửu Chân thời Hai Bà Trưng (Nhân bài *Đất Cửu Chân...* của ông Đinh Văn Nhật- NCLS số 159)** - The administrative divisions of *Cuu Chan district* at the period of two Sisters Trung - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 68-74.

1562. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Tìm hiểu hình thể sông ngòi xưa và những thay đổi lớn các dòng sông chính ở đồng bằng Thanh Hóa** - Study of the shape of the old rivers and the great changes of the main rivers of the plain of Thanh Hoa - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 48-56.

1563. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Về các công trình giao thông thủy lợi trên đất Ái Châu thời Trần** - Hydraulic works and communication networks in Ai Chau under the reign of the Tran - NCLS, 1980, số 1(190), tr. 63-64.

1564. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. **Tìm hiểu vài nét sơ lược về bộ Cửu Chân** - A few features on Cuu Chan region - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 53-58.

1565. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG. **Về công tác bảo tồn di tích ở Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay** - About the preservation of relics in Ba Ria-Vung Tau - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 81-87.

1566. NGUYỄN ĐÌNH THỐNG. **Di tích lịch sử Côn Đảo cần có một giải pháp tổ chức, quản lý thích hợp** - The Con Dao Historical Vestige Need to Have a Solution of the Appropriate Organisation and Management - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 71-73.

1567. NGUYỄN ĐÌNH TƯ. **Nghiên cứu lịch sử các địa danh hành chính Nam Bộ** - Historical Studies on the Administrative Place-Names in the South of Vietnam - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 13-21.

1568. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC. **Hồ Quý Ly và triều Hồ nhìn từ phía lịch sử quân sự** - Ho Quy Ly and Ho dynasty viewed from the angle of military history - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 25-30.

1569. NGUYỄN ĐOÀN. **Tìm hiểu về bưu chính đời Gia Long, Minh Mạng** - Research on postal office in the time of Gia Long and Minh Mang - NCLS, 1967, số 102, tr. 57-60.

1570. NGUYỄN ĐOÀN. **Bưu điện - Công cụ xâm lăng Việt Nam của thực dân Pháp (trước năm 1858-1897)** - Post Office - The French colonialists' instrument for Vietnam invasion - NCLS, 1968, số 108, tr. 45-49.

1571. NGUYỄN ĐOÀN. **Nhà cửa, đường sá và các dụng cụ dùng cho việc thông tin liên lạc của thời Minh Mạng** - Houses, roads and instruments for the use of information and communication in the time of Minh Mang - NCLS, 1968, số 111, tr. 61-63.

1572. NGUYỄN ĐOÀN. **Thử tìm hiểu về võ tay không cổ truyền Việt Nam** - Vietnam traditional wresting - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 84-88.

1573. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Nên phân chia thời đại lịch sử nước ta như thế nào?** - How carrying out the periodisation of our country history? - VSĐ, 1954, số 3, tr. 71-75.

1574. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Quá trình phát triển và thống nhất của tiếng Việt** - The process of development and unification of the Viet language - VSĐ, 1955, số 8, tr. 39-46.

1575. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vấn đề chữ viết trong văn học sử Việt Nam** - The question of handwriting characters in Vietnam literary history - VSĐ, 1955, số 9, tr. 22-38.

1576. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Một vài vấn đề về văn học sử** - Some question about literary history - VSĐ, 1955-1956 từ số 11 đến số 13.

1577. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Giới thiệu Nguyễn Huy Lượng với bài phú *Tụng Tây Hồ*** - Prsenting Nguyen Huy Luong with his poem *The chant of Tay Ho* (The chant of the Lake in the West of Hanoi) - VSĐ, 1956, số 14, tr. 60-68.

1578. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Ý nghĩa truyện *Chử Đồng Tử*** - The meaning of *Chu Dong Tu story* - VSĐ, 1956, số 17, tr. 53-61.

1579. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam qua ý nghĩa một truyện cổ tích** - The question of slavery in Vietnam through the signification of a legend - VSĐ, 1956, số 18, tr. 53-63.

1580. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Chế độ nô tỳ ở Việt Nam qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần** - The regime of maid-gervant though the dynasties of Dinh, Le, Ly, Tran - VSĐ, 1956, số 19, tr. 29-44.

1581. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Quyền *Trưởng nam* ở Việt Nam có từ bao giờ?** - In what time the right of the *Eldest son* in Vietnam had been in existence? - VSĐ, 1957, số 32, tr. 42-50.

1582. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Một số tục và trò chơi của người Việt Nam trong Tết Nguyên đán và mùa Xuân** - Some ancient customs and plays of the Vietnam people in the new Lunar Year and in Spring - VSĐ, 1958, số 37, tr. 5-17.

1583. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Quan điểm phản động, phản khoa học của Phan Khôi phải chăng là học mót của Hồ Thích?**- The reactionary, anti-scientific point of view of Phan Khoi isn't a copy of that of Ho Thich? - VSĐ, 1958, số 41, tr. 7-24.

1584. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Thử đánh giá Nguyễn Hữu Chỉnh** - To try to give an estimation on Nguyen Huu Chinh - VSĐ, 1958, số 48, tr. 20-42.

1585. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Ý nghĩa chính sách quân điền trong thời kỳ phong kiến Việt Nam** - The signification of the policy of granting the land of the Kinh in the Vietnam feudal epoch - NCLS, 1960, số 12, tr. 23-35; số 13, tr. 41-48.

1586. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Chế độ chiếm hữu nô lệ đã từng có một thời kỳ chiếm địa vị chủ đạo trên đất nước Việt Nam** - The slavery had taken a dominating place in the Vietnam country in one period - NCLS, 1960, số 18, tr. 52-65.

1587. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Qua trạng thái kinh tế, thử xét tính chất xã hội Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc (Bàn góp về vấn đề hình thành chế độ phong kiến Việt Nam)** - Through the economical situation, to try to examine the social character of Vietnam under the period of Chinese domination (Contribution to the question of the formation of the feudal regime in Vietnam) - NCLS, 1960, từ số 19 đến số 21.

1588. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vấn đề hình thành chế độ phong kiến Việt Nam xét về mặt thượng tầng kiến trúc** - The formation of the feudal regime in Vietnam on the superstructural plan - NCLS, 1961, số 30, tr. 25-32, số 31, tr. 20-27.

1589. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Về vai trò của đẳng cấp và giai cấp trong các phong trào khởi nghĩa nông dân và chiến tranh nông dân ở nửa đầu thế kỷ XVI và giữa thế kỷ XVIII** - The role of caste and class in the peasant insurrection movement and in the peasant war at the first half of the 16th Century and the middle of the 18th Century - NCLS, 1964, số 60, tr. 19-25.

1590. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Về một loại công cụ bằng đồng tìm thấy trong các địa điểm khảo cổ Đông Sơn và Thiệu Dương** - About the agricultural copper instruments discovered in the archaeological locations Dong Son and Thieu Duong - NCLS, 1964, số 61, tr. 35-41.

1591. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vấn đề sử dụng tài liệu văn học dân gian** - The question of the use of folkloric documents on literature - NCLS, 1964, số 63, tr. 48-64.

1592. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Một vài điểm quan hệ đến chế độ gia đình của người Việt Nam thời cổ đại (Bàn góp vào vấn đề hình thành chế độ phong kiến Việt Nam)** - Some points relative to the family system of the ancient Viet people (Contribution to the question of the formation of the Vietnam feudal regime) - NCLS, 1964, số 66, tr. 46-58.

1593. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vài nhận xét về đặc điểm truyền thống bất khuất của đồng bào Thượng** - Some remarks on the particularities of unyielding tradition of our compatriots in the mountainous region - NCLS, 1965, số 76, tr. 28-38.

1594. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Nông dân trong thời kỳ phong kiến có tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc hay không?** - The peasant in the feudal had the patriotic spirit and the national conscience? - NCLS, 1965, số 80, tr. 6-14.

1595. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Phong trào nông dân trong lịch sử xã hội phong kiến Việt Nam và vấn đề yêu sách ruộng đất của nông dân** - The peasant movement in the Vietnam feudal society history and the question of peasant's land revendication - NCLS, 1966, số 84, tr. 3-13.

1596. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Một vài điểm về phương pháp cụ thể trong khi tiến hành nghiên cứu hai phong trào nông dân đầu thế kỷ XVI và giữa thế kỷ XVIII (Trả lời đồng chí Nguyễn Khắc Đạm)** - Some points on the concrete method in the study of two peasant movements in the beginning of the 16$^{th}$ Century and in the middle of the 18$^{th}$ Century (Answer to comrade Nguyen Khac Dam) - NCLS, 1966, số 89, tr. 36-44.

1597. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Chế độ nô tỳ thời Lê sơ và tác dụng của phong trào quần chúng ở thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV (Trao đổi ý kiến với đồng chí Nguyễn Đức Nghinh)** - The regime of maid-servant under the beginning of the Le dynasty and the effect of the popular movement in the 14$^{th}$ Century and at the beginning of the 15$^{th}$ Century (Exchange of opinion with comrade Nguyen Duc Nghinh) - NCLS, 1967, số 99, tr. 34-40.

1598. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Bàn thêm về quan niệm chủ nghĩa anh hùng của Phan Bội Châu** - To discuss again on the conception of heroism of Phan Boi Chau - NCLS, 1968, số 111, tr. 15-23.

1599. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vài nhận xét về quan niệm chủ nghĩa anh hùng thời Trần** - Some remarks on the conception of heroism under the Tran's dynasty - NCLS, 1968, số 114, tr. 39-48.

1600. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Mấy ý kiến về xã hội thời đại Hùng Vương** - Opinions on the society in the time of the Kings Hung - NCLS, 1969, số 123, tr. 14-24.

1601. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vài nét về quan niệm chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Trãi** - Some features on the conception of heroism of Nguyen Trai - NCLS, 1970, số 132, tr. 62-73.

1602. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Tinh thần khoa học và tinh thần phục vụ quần chúng của Hải thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác** - The scientific spirit and the serviceable spirit the people of Hai Thuong Lan Ong Le Huu Trac - NCLS, 1970, số 135, tr. 25-40, 58.

1603. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Thử xác định nguồn gốc và quá trình hình thành chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu** - To try to definite the origin and the process of formation of Nguyen Dinh Chieu conception on heroism - NCLS, 1972, số 145, tr. 23-36.

1604. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Thử bàn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời đại Tây Sơn** - Revolutionary heroism as understood in the Tay Son period - NCLS, 1974, số 154, tr. 45-52.

1605. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Nhân đọc *Đất lề, quê thói, phong tục Việt Nam* của Nhất Thanh và *Phố phường Hà Nội xưa* của Hoàng Đạo Thúy** - After reading *Dat le que thoi* (Vietnamese custom) of Nhat Thanh and *Pho phuong Hanoi xua* (Streets and quarters of Hanoi in the old time) of Hoang Dao Thuy- NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 83-88.

1606. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Vấn đề chiếm hữu nô lệ thời Lý - Trần** - The problem of slave - forestalling regime at the period Ly-Tran - NCLS, 1976, số 4 (169), tr. 31-41.

1607. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Một bài hịch lưu hành ở Gia Định vào thời kỳ thực dân Pháp bắt đầu xâm lược** - A manifesto propagated in Gia Dinh province at the beginning of the French aggression period - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 71-73.

1608. NGUYỄN ĐỔNG CHI. **Tìm hiểu văn bản sách *Đại Việt Sử ký bản kỷ tục biên* hay là những phần cuối của bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư"** - Researches into the *Dai Viet su ky ban ky tuc bien* text or the last parts of the *Dai Viet su ky toan thu* - NCLS, 1982, số 6 (209), tr. 69-75.

1609. NGUYỄN ĐỨC. **Nên xác định tên chính thức: *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hay Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội*** - How to define the official name: *Hoi Viet Nam Cach menh Thanh nien* or *Viet Nam Thanh nien Cach mang dong chi hoi*? - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 85-87.

1610. NGUYỄN ĐỨC CHIẾN. **Tìm hiểu về sự biến đổi trong cơ cấu đội ngũ công nhân công ty cơ khí Hà Nội qua các thời kỳ từ 1958-1998** - The

changes in the labour force structure of Hanoi mechanical company during the period of 1958-1998 - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 25-30.

1611. NGUYỄN ĐỨC ĐÀN. **Tìm hiểu truyện *Quan Âm Thị Kính*** - A study on *Quan Am Thi Kin* story - VSĐ, 1956, số 17, tr. 33-43.

1612. NGUYỄN ĐỨC ĐÀN. **Vài nét về Nguyễn Dữ và tập *Truyền kỳ mạn lục*** - Some features on Nguyen Du's character and his book *Truyen ky man luc* - VSĐ, 1957, số 24, tr. 31-44.

1613. NGUYỄN ĐỨC ĐÀN. **Mấy ý kiến về Nhất Linh và Khái Hưng, hai nhà văn tiêu biểu cho *Tự lực văn đoàn*** - Some opinions about Nhat Linh and Khai Hung, two writers symbolizing the literary group *Tu luc van doan* - VSĐ, 1958, số 46, tr. 7-28.

1614. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tước Đại vương và Trưởng Công chúa thời Trần và chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly** - The titles prince and the princess and the limit of land ownership in the Ho Quy Ly period - NCLS, 1963, số 57, tr. 61-62.

1615. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Thử bàn về đặc điểm của chế độ nô tỳ thời Lê sơ** - Trying to discuss about the maid-servants regime particularities under the beginning of the Le so dynasty - NCLS, 1966, số 90, tr. 35-45.

1616. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tình hình phân phối ruộng đất ở xã Mạc Xá giữa hai thời điểm 1789-1805** - Land distribution in Mac Xa village (1789-1805) - NCLS, 1974, số 157, tr. 53-60.

1617. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tình hình phân phối ruộng đất của thôn Định Công giữa hai thời điểm (1790-1805)** - Land distribution at Dinh Cong between (1790-1805) - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 44-53.

1618. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về tài sản ruộng đất của một số chức dịch trong làng xã thuộc huyện Từ Liêm vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - On the properties of a lot of village notables in the Tu Liem district in the end of the 18th Century and in the early of the 19th Century - NCLS, 1975, số 6 (165), tr. 49-57.

1619. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Xã Thượng Phúc giữa hai thời điểm 1790-1805** - The village of Thuong Phuc between two dates 1790-1805 - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 80-84.

1620. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Mấy tư liệu về ruộng đất công làng xã dưới triều Tây Sơn** - Some documents about communal fields under the dynasty of Tay Son - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 83-90.

1621. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Chợ -Chùa ở thế kỷ XVII** - "Cho-Chua" in the 17$^{th}$ Century - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 53-64.

1622. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Mấy nét phác thảo về chợ làng qua những tài liệu các thế kỷ XVII-XVIII** - The village-market in the 17$^{th}$-18$^{th}$ Centuries - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 55-64.

1623. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về một loại nô tỳ đặc biệt: Những nô tỳ phục vụ cho việc thờ cúng** - Domestic serfs (no ty) in service of the cult - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 80-83.

1624. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về một vụ kiện tranh giành bến đò ở thế kỷ XVII** - About a ferry lawsuit at the 17$^{th}$ Century - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 73-75.

1625. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về vấn đề ruộng đất và phong trào nông dân ở thế kỷ XVIII-đầu thế kỷ XIX** - The problems of rice-fields and lands of peasant movement from the 18$^{th}$ to the beginning of the 19$^{th}$ Century - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 34-36, 50.

1626. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Chợ làng, một nhân tố củng cố mối liên hệ dân tộc** - Market-village, a consolidation factor of the national relations - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 26-27.

1627. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về quy mô làng xã người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - About the extent of the Viet village at the Bac Bo delta in the time from the end of the 18$^{th}$ to the beginning of the 19$^{th}$ Centuries - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 43-49.

1628. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Góp phần nghiên cứu triều đại Tây Sơn từ mấy văn bản thuế dưới triều Quang Trung và Cảnh Thịnh** - From some texts concerning the taxes under Quang Trung and Canh Thinh dynasties - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 36-42.

1629. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Đi tìm dấu vết những Sở đồn điền ở Đàng Ngoài (Thế kỷ XV-thế kỷ XVIII)** - In search of the traces left by the State plantations registers in Dang Ngoai (14$^{th}$-18$^{th}$ Century) - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 30-41.

1630. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về những Sở đồn điền thời Lê ở Đàng Ngoài thế kỷ XV-thế kỷ XVIII** - On land control servises under the Le dynasty in the Outer region (15$^{th}$-18$^{th}$ Century) - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 46-58.

1631. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về quyền sở hữu ruộng đất khẩn hoang dưới thời phong kiến** - On the ownership of break fresh ground under feadal regime - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 41-50.

1632. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Một số tư liệu ruộng đất ở vùng Kiến Xương (Thái Bình) mấy năm đầu thế kỷ XIX** - Some documents on land situation in Kien Xuong region Thai Binh, in the first years of the 19th Century / Nguyễn Đức Nghinh, Nguyễn Thị Thanh Nhàn - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 57-77.

1633. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Vấn đề ruộng đất trong phong trào nông dân Tây Sơn và dưới triều đại Tây Sơn** - The question of land in the Tay Son movement and Tay Son dynasty - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 34-43.

1634. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Mấy tư liệu ruộng đất vùng Thái Ninh - Thái Bình cuối thế kỷ XVIII-đầu thế kỷ XIX** - Some documents on land of Thai Ninh (Thai Binh) in the end of 18th Century and at the beginning of 19th Century / Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 69-79.

1635. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tư liệu ruộng đất vùng Thuỵ Anh (Thái Bình) cuối thế kỷ XVIII-đầu thế kỷ XIX** - Documents on land in the region of Thuy Anh (Thai Binh) in the end of the 18th Century and at the beginning of 19th Century / Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 45-55.

1636. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Ruộng đất miền Đông Thái Bình vào những năm cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - The communal land in the east of Thai Binh province from the end of the 18th Century to the beginning of the 19th Century - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 42-50.

1637. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tình hình phân phối ruộng đất trong một số làng xã vùng Quỳnh Côi (Thái Bình) cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - The situation of land repartition in some villages and communes in Quynh Coi (Thai Binh) from the end the 18th Century to the beginning of the 19th Century / Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 21-27.

1638. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Mấy suy nghĩ về giảng dạy lịch sử** - Some reflections on teaching history - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 9-10.

1639. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tư liệu về sở hữu ruộng đất vùng Đông Quan - Thái Bình (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX)** - Documents on land proprietorship in Dong Quan - Thai Binh region (in the end of the 18th Century and at the beginning of the 19th Century / Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền - NCLS, 1994, số 4 (275), tr.38-46.

1640. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tình hình phân phối ruộng đất tư hữu ở miền Đông Thái Bình vào những năm cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - The situation of private land repartition in the East of Thai Binh province in the last years of the 18th Century and at the beginning of the 19th Century - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 38-46.

1641. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. ***Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ: 1884-1918*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The plantation of French colons in Tonkin in the phase of 1884-1918* - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 90-94.

1642. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Ruộng đất công miền Đông Thái Bình cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX** - Agrarian public land in the East of Thai Binh province in the late 19[th] - early 20[th] centuries - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 14-23.

1643. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Hai tài liệu Hà Lan nói đến người Nhật Bản ở Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XVII** - Two Dutch documents referring to the Japanese in Vietnam in the first half of 17[th] century - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 71-72.

1644. 1315. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Hồ Quý Ly với vấn đề Chiêm Thành** - Ho Quy Ly and the Chiem Thanh question - NCLS, 1992, số 5 (264), tr.65-67.

1645. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Tìm hiểu tổ chức *Phiên* trong bộ máy nhà nước thời Lê Trung hưng** - About *Phien* organization in the State apparatus under Le Trung hung dynasty - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 46-51.

1646. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Qua tư liệu địa phương bổ sung thêm chính sử** - To amend historical resources through local documents - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 75-78.

1647. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Về quê hương của Vũ Văn Dũng danh tướng triều Tây Sơn (Qua tư liệu Tộc phả họ Vũ)** - About the native country of Vu Van Dung, a famous general in Tay Son dynasty (by Vu's family line's genealogical documents) - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 68-72.

1648. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Góp phần tìm hiểu một nhân vật lịch sử thế kỷ XVI (Qua tư liệu địa phương)** - Contributing to study a historical figure in the 16[th] century (by local sources) / Nguyễn Đức Nhuệ, Nguyễn Hữu Tâm - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 70-72.

1649. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Vài suy nghĩ về Nguyễn Hoàng với miền đất Thuận - Quảng** - Some thoughts about Nguyen Hoang and Thuan Quang area - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 12-16.

1650. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ. **Một vài nét về tên gọi - duyên cách hành chính Tuyên Quang trong lịch sử** - Some Remarks on the Names and Titles: Styles of Administrative Changes of Tuyen Quang in the History - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 38-44.

1651. . NGUYỄN ĐỨC SỰ. **Vài ý kiến về *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* (Quyển III và quyển IV) của Nhà xuất bản Văn Sử Địa** - Some remarks about the book *First draft of Vietnam literature history* - NCLS, 1959, số 6, tr.66-76.

1652. NGUYỄN ĐỨC SỰ. **Phan Chu Trinh với nhiệm vụ chống đế quốc trong cách mạng Việt Nam** - Phan Chu Trinh and the task against imperialism in Vietnam revolution - NCLS, 1964, số 69 , tr. 29-33.

1653. NGUYỄN ĐỨC SỰ. **Chủ nghĩa yêu nước Phan Bội Châu** - The Patriotism of Phan Boi Chau - NCLS, 1966, số 83, tr.28-36.

1654. NGUYỄN ĐỨC TÂM. **Mấy giai đoạn lịch sử liên quan với hoạt động của kỷ đệ tứ và đặc điểm quy luật khảo cổ học Việt Nam và Đông Nam Á** - Some historical phases relative to the activities of the fourth millennium and the particularities of the archaeological law in Vietnam and South East Asia - NCLS, 1969, số 122, tr. 28-46.

1655. NGUYỄN ĐỨC TOÀN. **Vài suy nghĩ về nghề kim hoàn ở Việt Nam** - Some thingkings on the goldsmith trade in Vietnam - NCLS, 1992, số 3(262), tr. 46-50.

1656. NGUYỄN ĐỨC TOÀN. **Mối liên hệ giữa *Bửu Sơn Kỳ Hương* với phong trào chống Pháp tại đồng bằng sông Cửu Long vào thế kỷ XIX** - The relation between *Buu Son Ky Huong* and the movement of struggle against French colonialists in the Mekong Delta in XIX th Century - NCLS, 1993, số 1(266), tr. 35-39.

1657. NGUYỄN GIA PHU. **Mấy ý kiến về vấn đề Hồ Quý Ly** - Some thinkings about the question of Ho Quy Ly - NCLS, 1961, số 31, tr.49-59.

1658. NGUYỄN GIA PHU. **Các Mác với Phương Đông** - Karl Marx and the Orient - NCLS, 1983, số 2(209), tr. 10-14.

1659. NGUYỄN GIA PHU. **Những trang sử xâm lược của Trung Quốc dưới thời phong kiến** - The historical pages of the invasions made by feudal China - NCLS, 1984, số 2(215), tr. 75-82.

1660. NGUYỄN GIA PHU. **Thuật ngữ *Chế độ phong kiến* và vấn đề chế độ phong kiến ở Phương Đông** - The term *Feudality* and the Oriental feudality - NCLS, 1987, số 1-2(232-233), tr. 3-6.

1661. NGUYỄN GIA PHU. **Nội các Trung Quốc dưới thời phong kiến** - Chinese imperial Cabinet - NCLS, 1988, số 5-6(242-243), tr. 56-57.

1662. NGUYỄN HẢI KẾ. **Đê Hồng Đức và công cuộc khẩn hoang vùng ven biển Nam sông Hồng thời Lê sơ** - Hong Duc dyke system and land reclamation in coastal areas South of Red river under: Early Le time - NCLS, 1985, số 5(224), tr. 35-42.

1663. NGUYỄN HẢI VÂN. **Đình Diềm (Bắc Ninh)** - Dinh Diem (Communal house Diem) in Bac Ninh - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 76-79.

1664. NGUYỄN HÀO HÙNG. **Chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến thắng chung của liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia** - The Dien Bien Phu Victory - A Common victory of the Vietnam - Laos - Kampuchea alliance of militant solidarity - NCLS, 1984, số 1(214), tr. 45-56.

1665. NGUYỄN HÀO HÙNG. **Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong bối cảnh quốc tế mới (Dưới góc độ an ninh - chính trị)** - The Special Relationship between Vietnam and Laos in the New International Context (Seen from Security-Politic Perspective) - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 51-57.

1666. NGUYỄN HOÀI. **Một số tài liệu về việc thực hiện phương châm tự lực cánh sinh trong thời kỳ kháng chiến (1945-1954)** - Some documents on the carrying out the directive: Relyings on their own force, in the resistance war period (1945-1954) - NCLS, 1965, số 80, tr. 47-64.

1667. NGUYỄN HOÀI. **Về công tác binh vận trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954)** - About the propaganda work with the troops in the resistance war period against the French colonialism (1945-1954) - NCLS, 1967, số 97, tr. 13-26.

1668. NGUYỄN HOÀI. **Vấn đề hậu phương trong chiến tranh nhân dân Việt Nam** - The question of the rear in the Vietnam popular War - NCLS, 1968, số 117, tr. 44-56.

1669. NGUYỄN HOÀI. **Về hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam Việt Nam : vùng giải phóng** - On the question of the immediat rear of the South Vietnam battle-field - The liberation zone - NCLS, 1969, số 129, tr. 42-58.

1670. NGUYỄN HOÀI. **Từ mặt trận Dân tộc Giải phóng đến Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam** - From the National Liberation Front to the Provisory Revolutionary Government of the South Vietnam Republic - NCLS, 1973, số 153, tr. 1-14.

1671. NGUYỄN HOÀNG. ***Hai Bà Trưng* (Đọc sách)** - On the book: *Hai Ba Trung* - NCLS, 1977, số 2(173), tr. 89-94.

1672. NGUYỄN HOÀNG. ***Kỳ Đồng - Tiểu sử và thơ văn* (Đọc sách)** - Reading the book: *Ky Dong - His biography and literary works* - NCLS, 1984, số 6(219), tr. 83-88.

1673. NGUYỄN HOÀNG. **1945-1985 - Một bước phát triển của nền sử học Việt Nam** - 1945-1985. A stage of devolopment of the Vietnamese historical science - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 48-53.

1674. NGUYỄN HỒNG. **Bước đầu tìm hiểu đường lối của Đảng Dân chủ Nhân dân Ápganixtan về vấn đề ruộng đất** - Preliminary research into the land

policy adopted by the People's Democratic Party of Afghanistan - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 65-70.

1675. NGUYỄN HỒNG BÍCH. **Những chặng đường phát triển của Cách mạng Palestin (Từ các tổ chức Giải phóng đến Nhà nước độc lập)** - The phases of devolopment of Palestin revolution - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 61-68.

1676. NGUYỄN HỒNG CẦM. **Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa** - About the role of the Vietnamese working class in the socialist revolution - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 7-11.

1677. NGUYỄN HỒNG DƯƠNG. **Về một số làng công giáo ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình (nửa đầu thế kỷ XIX)** - About some Catholic villages in Kim Son district, Ninh Binh province (in the first half of the XIXth Century) - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 44-51.

1678. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Triết lý về *Lẽ tự nhiên* trong truyện *Trê Cóc*** - The philosophy of *Natural law* in the story *The Catfish and the Toad* - VSĐ, 1956, số 18, tr.74-84.

1679. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Tìm hiểu *Gia huấn ca*** - Research on *Gia huan ca* (the song of familial education) - VSĐ, 1957, số 27, tr.4-25, số 29, tr. 23-39.

1680. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Vấn đề ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (Từ thế kỷ X đến Pháp xâm lược)** - The agrarian question in the history of the Vietnam feudal regime (From the Xth Century to the French invasion) - NCLS, 1959, số 1, tr. 42-55; số 2, tr. 26-53.

1681. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Trở lại vấn đề nguyên nhân hình thành Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ở Việt Nam** - Going back to the question of the causes of formation of the Vietnam central centralized feudal State - NCLS, 1959, số 5, tr. 78-80.

1682. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và vấn đề hình thành của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam dưới thời phong kiến** - The devolopment of the marketable economy and the question of the formation the capitalism under the feudal time in Vietnam - NCLS, 1959 - 1960, từ số 9 đến số 13.

1683. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam** - The creation of the Indochina communist Party is a great decisive turning step in the Vietnam modern history - NCLS, 1960, số 10, tr. 6-29.

1684. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với lý luận của chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa** - Comrade Nguyen Ai

Quoc and the Leninism theory on the national question and the colonial nations - NCLS, 1960, số 14, tr. 1-10.

1685. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Các nhà sử học cần phải lấy các vấn đề thời sự quan trọng làm đối tượng nghiên cứu** - The historians must take the important matters of present interest as the studying objects - NCLS, 1960, số 20, tr. 1-8.

1686. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Công tác lý luận của ngành sử học trong 7 năm qua** - The theorical work of the branch of history in the past seven years - NCLS, 1960, số 21, tr. 6-17.

1687. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Khoa học của thời đại cộng sản chủ nghĩa** - The science of the communis era - NCLS, 1961, số 27, tr. 1-5.

1688. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Cách mạng Tháng Tám và chủ nghĩa xã hội** - the August Revolution and the socialism - NCLS, 1961, số 1 (29), tr. 1-6.

1689. NGUYỄN HỒNG PHONG. Về **"Phương thức sản xuất châu Á"- Lý thuyết và thực tiễn** - On "The Asiatic mode of production" - Theory and practice - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 5-20, 37.

1690. NGUYỄN HỒNG PHONG. **Về chế độ quân chủ quý tộc thời Trần** - On the Tran dynasty aristocratic monarchy - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 26-35.

1691. NGUYỄN HỒNG VÂN. **Vấn đề dân tộc. Một trong những nguyên nhân tan rã của Liên bang Xô viết** - The problem of nationalities - One of the causes of the Soviet Union disintegration - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 53-64.

1692. NGUYỄN HUỆ CHI. **Văn học thời Trần trong âm hưởng của cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông** - Tran literature in reflection of resistance war against Nguyen - Mong aggressors - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 26-32.

1693. NGUYỄN HUY QUÝ. **Chủ nghĩa đế quốc Mỹ và cuộc chiến tranh thế giới thứ Hai** - U.S. imperialism and the Second world war - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 22-28.

1694. NGUYỄN HUY QUÝ. **Bàn thêm về phương pháp luận sử học** - Again on historical methodology - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 35-38.

1695. NGUYỄN HỮU ĐẠO. **Bước đầu tìm hiểu cơ cấu của đội ngũ công nhân miền Bắc Việt Nam trong những năm 1961 - 1964** - Preliminary study on the structure of the corps of workers of the North Vietnam during 1961-1964 - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 21-31.

1696. NGUYỄN HỮU ĐẠO: **Tìm hiểu về chất lượng của thanh niên công nhân trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta** - Essay of study about the quality of young Vietnamese workers in the Vietnam's socialist revolution - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 18-25.

1697. NGUYỄN HỮU ĐẠO. **Phong trào nổi dậy của quần chúng trong Đại thắng mùa Xuân 1975** - The mass uprising movement and the great victory of Spring 1975 / Nguyễn Hữu Đạo, Quốc Hưng - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 43-48.

1698. NGUYỄN HỮU ĐẠO. **Nhìn lại sự phát triển đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam trong 40 năm qua** - Forty years of evolution of the Vietnamese working class in retrospect - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 17-27.

1699. NGUYỄN HỮU ĐẠO. **Quân và dân Bắc Bộ và Nam Trung Bộ với Chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông 1947** - The Tonkin troops and people with Viet Bac Victory (Autumn-Winter 1947) - NCLS, 1947, số 5 (294), tr. 26-28.

1700. NGUYỄN HỮU HIẾU. **Về cái chết của Võ Duy Dương** - About the death of Vo Duy Duong - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 71-73.

1701. NGUYỄN HỮU HIẾU. **Về cuộc kháng chiến chống Pháp của Thiên hộ Võ Duy Dương (1827-1866)** - About the war of resistance against the French colonialist of Thien ho Vo Duy Duong (1827-66) - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 74-79.

1702. NGUYỄN HỮU HỢP. **Bước đầu tìm hiểu về cơ cấu của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1946-1954** - Preliminary study of the structure of the Vietnamese working class during the anti - French resistance 1946-1954 - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 27-37.

1703. NGUYỄN HỮU HỢP. **Góp phần tìm hiểu về liên minh công nông trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)** - Preliminary study of the worker - peasants alliance in the resistance war against French colonialist (1945-1954) - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 16-24.

1704. NGUYỄN HỮU HỢP. **Sức mạnh tổng hợp của cả nước và chiến thắng Điện Biên Phủ** - The joint forces of the whole country and the Dien Bien Phu victory / Nguyễn Hữu Hợp, Nguyễn Hữu Đạo - NCLS, 1984, số 1 (224), tr. 9-18.

1705. NGUYỄN HỮU HỢP. **Tìm hiểu mặt trận đấu tranh ngoại giao và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)** - Research into the diplomatic front and the success for the anti - U.S. resistance (1954-1975) - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 33-42.

1706. NGUYỄN HỮU HỢP. **Trở lại vấn đề đấu tranh ngoại giao để giữ vững và củng cố cách mạng, tranh thủ chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn quốc**

**(9/1945 - 12/1946)** - The diplomatic struggle to uphold and consolidate the revolutionary power and gain on time to prepare for the national resistance - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 7-15, 26.

1707. NGUYỄN HỮU TÂM. **Bước đầu tìm hiểu sự thâm nhập và phát triển của đạo Thiên chúa ở Việt Nam qua biên niên sử (thế kỷ XVI - cuối thế kỷ XVIII)** - The penetration and development of Catholicism in Vietnam through annals - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 20-23.

1708. NGUYỄN HỮU TÂM. **Tình hình giáo dục thi cử thời Mạc** - Some features on the situation of education and examination under the Mac dynasty - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 28-32.

1709. NGUYỄN HỮU TÂM. **Tìm hiểu quan chức của Phùng Khắc Khoan** - Research about the position of official of Phung Khac Khoan - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 47-51.

1710. NGUYỄN HỮU TÂM. ***Khảo về các chiến dịch trong chiến tranh Trung-Pháp*** **(Đọc sách)** - *Research on campaigns in the French - Chinese war* - NCLS, 1999, số 4 (305), tr. 88-92.

1711. NGUYỄN HỮU TÂM. **Thành Trường An - Kinh đô của nhà Tùy và Đường (Trung Quốc)** - Zhang An Citadel - the capital of Sui and Tang dynasties (China) - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 79-82.

1712. NGUYỄN HỮU THẤU. **Phong trào N. Trang Lơn (1912 - 1935)** - The movement N. Trang Lon (1912-1935) - NCLS, 1964, số 69, tr. 55-62.

1713. NGUYỄN HỮU THÔNG. **Vài nét về *Nê ngoã tượng cục* ở Huế** - Some features about the *Ne ngoa tuong cuc* (construction office in Hue city) - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 75-77.

1714. NGUYỄN HỮU THÔNG. **Về nguồn gốc nghề gốm ở Phước Tích (Phong Điền - Thừa Thiên Huế)** - About the origin of pottor's workshop at Phuoc Tich (Phong Dien - Thua Thien Hue province)/ Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Quang Trung Tiến - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 52-53, 59.

1715. NGUYỄN HỮU THÔNG. ***Tĩnh Man Trường lũy*** **và những cuộc nổi dậy của Thạch Bích Man dưới triều Nguyễn** - *Tinh Man Truong luy (Minorities Pacification rampart)* and *Thach Bich man (Stone wall minority)* uprisings under Nguyen dynasty / Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Phước Bảo Đàn - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 38-44.

1716. NGUYỄN HỮU THÔNG. **Mấy nét đặc trưng của làng xã miền Trung** - Some specific traits of villages in the Middle Zone - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 23-30.

1717. NGUYỄN HỮU THÔNG. Đường Thiên lý của nước Đại Nam trên đất Quảng Bình (thế kỷ XIX) - Duong Thien Ly (the Thousand-mile Road) in Quang Binh area in Dai Nam nation (in the 19th century) (Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Phước Bảo Đàn) - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 8 - 18.

1718. NGUYỄN HỮU THÙY. **Phong trào giải phóng dân tộc Angiêri từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai** - The Algeria national liberation movement from after the Second world war - NCLS, 1962, số 42, tr. 39-52; số 43, tr. 44-54.

1719. NGUYỄN HỮU THÙY. **Phong trào công nhân Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai** - The Japanese workers movement from after the Second world war - NCLS, 1963, số 53, tr. 25-38.

1720. NGUYỄN HỮU THÙY. **Chính sách thực dân mới của Mỹ ở châu Phi** - The policy of American neocolonialism in Africa - NCLS, 1965, số 72, tr. 37-45; số 73, tr. 30-37.

1721. NGUYỄN HỮU THÙY. **Vài nét về quá trình can thiệp và xâm lược của đế quốc Mỹ đối với Lào (1954-1962)** - Some features on the process of American intervention and invasion towards the Laos - NCLS, 1968, số 113, tr. 32-47.

1722. NGUYỄN HỮU UẨN. **Con người và di tích lịch sử Đông Sơn (Thanh Hóa)** - The man and the historical vestiges of Dong Son (Thanh Hoa province) - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 76-78.

1723. NGUYỄN HỮU UẨN. **Những ghi chép sai lầm về danh nhân lịch sử tỉnh Thanh Hóa** - The erroneous notes on the famous personalities of history in Thanh Hoa province - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 89-90.

1724. NGUYỄN KHA. **Phát hiện những tài liệu liên quan đến sử gia Lê Văn Hưu** - Discovery of ducuments relative to the historian Le Van Huu / Nguyễn Kha, Trần Huy Bá - NCLS, 1964, số 62, tr. 64.

1725. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Ngành sử học phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân** - The historical science serving the revolution and the people - NCLS, 1959, số 2, tr. 1-9.

1726. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Những điều cần chú ý hiện nay trong khi bàn về phương pháp luận sử học** - The questions deserving of attention today in the discussion on the historial methodology - NCLS, 1966, số 90, tr. 1-7.

1727. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Kỷ niệm 100 năm ngày xuất bản quyển *Tư bản* của Các Mác** - Centenary anniversary of the publication day of *The capital* of Karl Marx - NCLS, 1967, số 102, tr. 1-11.

1728. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Bác sống mãi trong lòng chúng ta, trong non sông hùng vĩ của chúng ta, trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta** - Uncle Ho lives eternally in our heart, in our heroic people, in our strong and grand Fatherland, in our great revolutionary cause - NCLS, 1969, số 126, tr. 14-17.

1729. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Vị trí và ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Tám** - The place and the international signification of the August Revolution - NCLS, 1969, số 126, tr. 37-43.

1730. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Bốn mươi năm dưới ngọn cờ vinh quang của chủ nghĩa Mác-Lênin** - Forty years under the glorious flag of Marxism - Leninism - NCLS, 1970, số 130, tr. 4-16.

1731. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Chủ nghĩa Lênin và cách mạng Việt Nam** - The Leninism and the Vietnam revolution - NCLS, 1970, số 131, tr. 1-6.

1732. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Một năm thắng lợi mới bắt đầu** - A year full of success begins - NCLS, 1972, số 142, tr. 1-5.

1733. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Dưới lá cờ vĩ đại của Lênin, tiến lên** - Under Lenin's great banner, forward - NCLS, 1972, số 144, tr. 1-8.

1734. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Hồ Chủ tịch, nhà kiến trúc sư thiên tài của lịch sử Việt Nam Hiện đại** - Ho Chi Minh, the architect of genius of Vietnam history - NCLS, 1972, số 144, tr. 9-11.

1735. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Thắng lợi của lịch sử vĩ đại (Nhân kỷ niệm 50 năm Liên bang Cộng hòa Xô viết XHCN)** - On the occasion of the founding of the USSR A great historical victory - NCLS, 1972, số 147, tr. 1-9.

1736. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Chân lý của Lênin mãi mãi sáng ngời. Cuộc khủng hoảng của thế giới tư bản** - The truth of Leninism will never fall. The crisis of the capitalist world - NCLS, 1974, số 155, tr. 3-14.

1737. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Hai mươi năm tiến lên con đường XHCN** - Twenty years on the way to socialism - NCLS, 1974, số 158, tr. 3-15.

1738. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác-Lênin, có Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, dân tộc Việt Nam trở nên một lực lượng cách mạng lớn của thời đại anh hùng của chúng ta** - Under the banner of Marxism-Leninism and the direction of the vanguard Party of the working class the Vietnamese people has became a powerful revolutionary force in our heroic epoch - NCLS, 1975, số 1 (160), tr. 3-7, 27.

1739. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Kỷ niệm 50 năm *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Một sự kiện lịch sử, một nhát cuốc đầu tiên đào mồ chôn chủ nghĩa thực dân** - On the occasion of 50th anniversary of the publication of *The trial of French colonialism*, a historic event, the initial spade stroke to dig colonialism's grave - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 3-17.

1740. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Hồ Chủ tịch - người Cha, người Thầy vĩ đại của dân tộc, vị lãnh tụ thiên tài đời đời kính yêu của cách mạng Việt Nam** - President Ho - the Father, the Great teacher of the nation, the gifted and eternally beloved leader of the Vietnamese revolution - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 1-7.

1741. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Nhiệt liệt đón mừng Đại hội lần thứ tư của Đảng Lao động Việt Nam** - Hearty welcome to the IVth Congress of the Vietnam workers' Party - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 1-9.

1742. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật** - Strongly promote the scientific and technological revolution - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 1-4.

1743. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Nhân kỷ niệm 60 năm cách mạng XHCN Tháng Mười vĩ đại - Kỷ nguyên mở đầu mùa xuân của loài người** - The 60th Anniversary of the Great October socialist Revoluton - Era opening the mankind's Spring - NCLS, 1977, số 5 (176)- tr. 1-5, 35.

1744. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Vài nét về phương hướng trong công tác lịch sử địa phương và chuyên ngành** - Some world about the orientation of study on the history of region and of special activities branches - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 1-3.

1745. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Về nguyên nhân phát sinh cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai** - Origins of the Second world war - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 1-6.

1746. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Phần thưởng cao quý dành cho ngành sử học** - High and precious prize being awarded to the branch of historical studies - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 21-24.

1747. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Chiến thắng chủ nghĩa phát xít Hítle: Một bước ngoặt quyết định trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội** - The victory over the Hitlerite fascism: A decisive turning - point in the transtional period from capitalism to socialism - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 1-8.

1748. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Tài liệu tham khảo về lịch sử đường sắt Hải Phòng - Côn Minh** - Reference documents about the Hai Phong - Con Minh railway history / Nguyễn Khắc Đạm, Phan Gia Bền - VSĐ, 1956, số 20, tr. 33-49.

1749. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Lịch sử khai thác cao su của tư bản Pháp ở Việt Nam** - Histoty of rubber exploitation by French capitalists in Vietnam - NCLS, 1957, số 30,- tr. 53-60.

1750. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Lưu vực sông Hồng trong lịch sử** - The Red River basin in history / Nguyễn Khắc Đạm, Võ Văn Nhung - NCLS, 1959, số 4, tr.80-88.

1751. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Vai trò của Nhà nước về vấn đề khai hoang trong lịch sử Việt Nam** - The role of State in the question of clearing waste land in the Vietnam history - NCLS, 1962, số 39, tr. 5-14; số 40, tr. 31-40.

1752. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Nguyễn Cao, một văn thân yêu nước chống Pháp** - Nguyen Cao, a patrioric scholar against the French colonialist / NCLS, 1962, số 44, tr. 27-28.

1753. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Góp ý kiến cùng hai bạn Nguyễn Văn Dị - Văn Lang về bài *Nghiên cứu về trận Bạch Đằng năm 1288*** - Exchange of idea with two friends Nguyen Van Di and Van Lang on the article *Study on the Bach Dang battle in 1288* - NCLS, 1963, số 47, tr. 51-52, 54.

1754. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Đánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng ?** - How estimate justly Phan Thanh Gian ? - NCLS, 1963, số 51, tr. 29-34.

1755. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Cần nhận rõ chân tướng của Trương Vĩnh Ký để đánh giá cho đúng** - Truong Vinh Ky's true physionomy must be well discerned for a just estimation on him - NCLS, 1964, số 59, tr. 33-42, 46.

1756. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Thử bàn lại một điểm về vấn đề hành quân chớp nhoáng của Nguyễn Huệ** - To try to discuss a new on the question of Nguyen Hue's operation with lighting speed - NCLS, 1964, số 60, tr. 35-38.

1757. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Góp mấy ý kiến về vấn đề ruộng tư trong lịch sử Việt Nam** - Some contributions to the private land in Vietnam history - NCLS, 1964, số 65, tr. 22-34.

1758. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Vài ý kiến góp cùng ông Hồ Hữu Phước về vấn đề ruộng tư** - Opinions exchanged with Mr.Ho Huu Phuoc on the question of the private land - NCLS, 1965, số 74, tr. 35-42.

1759. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Tại sao các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Việt Nam ít có màu sắc tôn giáo ?** - Why the peasant insurrections in Vietnam had the religion color ? - NCLS, 1965, số 81, tr. 8-10.

1760. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Mấy ý kiến cùng ông Nguyễn Đổng Chi về phong trào nông dân thế kỷ XVI và thế kỷ XVIII** - Exchange of opinion with Mr Nguyen Dong Chi on the peasant movement in the 16th Century and the 18th Century - NCSL, 1966, số 87, tr. 38-44.

1761. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Cần xác định cho đúng các cuộc khởi nghĩa nông dân dưới thời phong kiến Việt Nam** - Determining justly the peasant insurrections in the history of the Vietnam under the feudal period - NCLS, 1966, số 92, tr. 38-44.

1762. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Một vấn đề đáng được nghiên cứu kỹ: Cuộc nổi dậy chống nhà Hán của Lã Gia** - La Gia's uprising against the Hans - NCLS, 1973, số 149, tr. 52-62.

1763. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Hai mươi năm lớn lên của thư viện Viện Sử học** - The Library of the Institute of history is 20 years old - NCLS, 1973, số 153, tr. 63-64.

1764. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Hà Nội ba mươi sáu phố phường ?** - Old Hanoi and its 36 streets ? - NCLS, 1974, số 157, tr. 71-74.

1765. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Bàn thêm về vị trí thành và lũy Hà Nội thời phong kiến** - On the position of Hanoi citadel and ramparts in the feudal period - NCLS, 1975, số 165, tr. 58-68.

1766. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất và tô thuế thời Lý Trần** - Some more ideas about the agrarian and rent system at the period of Ly-Tran - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 79-90.

1767. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Về chế độ chiếm hữu nô lệ thời Lý - Trần (Trao đổi ý kiến với ông Nguyễn Đổng Chi)** - About the slavery under the dynasties of Ly - Tran (Exchange of opinions with Mr. Nguyen Dong Chi) - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 83-89.

1768. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Về vấn đề ruộng công và ruộng tư trong lịch sử Việt Nam** - About the problem of communal and private rice fields in the history of Vietnam - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 20-21.

1769. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Lý Phục Man có phải là Phạm Tu hay không ?** - Ly Phuc Man and Pham Tu aren't they one and the same person ? - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 70-72.

1770. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Mặt trái của việc truyền giảng đạo Thiên chúa ở Việt Nam (thế kỷ XVI-XIX)** - The reverse of the medal regarding the praching of Catholicism in Vietnam from 16th to 19th Centuries - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 28-32, 48.

1771. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Góp phần tìm hiểu thêm về Trúc Khê Ngô Văn Triện** - Contribution to a better knowledge on Truc Khe Ngo Van Trien - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 89-90.

1772. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Nhìn nhận và đánh giá về Nguyễn Trường Tộ** - Recognition and evaluation on Nguyen Truong To - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 88-92.

1773. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. **Vị trí, kích thước thành Thăng Long, Tử Cấm Thành và Đông cung** - Position, dimention of Thang Long Town, Royal Palace and Crown Prince's Palace - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 65-70.

1774. NGUYỄN KHẮC HIẾU. **Long Đọi Sơn với việc cày ruộng tịch điền của Lê Đại Hành** - Long Doi son (Mount of Long Doi) and the personally plowing of the King Le Dai Hanh - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 38-40.

1775. NGUYỄN KHẮC PHI. **Tội bành trướng xâm lược của phong kiến Trung Hoa qua bức thư của Tô Thức** - Criminal expansionist and aggressive tentatives of feudal China seen througt To Thuc's letter - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 56-60.

1776. NGUYỄN KHẮC TỤNG. **Bước đầu tìm hiểu các nhóm người Dao ở Việt Nam** - Preliminary study on the Dao people in vietnam - NCLS, 1966, số 87, tr. 45-52.

1777. NGUYỄN KHẮC TỤNG. **Vấn đề phân bố cư trú và nhà ở của người Dao ở Việt Nam** - The question of inhabitation and the houses of the Dao people in Vietnam - NCLS, 1968, số 106, tr. 46-60.

1778. NGUYỄN KHẮC TỤNG. **Bức tranh quê - Một chặng đường (Một số yếu tố đặc trưng của làng xã người Việt ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ từ trước Cách mạng Tháng Tám đến nay)** - A rural landscape - A little way - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 52-58.

1779. NGUYỄN KHẮC XƯƠNG. **Truyền thuyết Hùng Vương ở Vĩnh Phú và công cuộc tìm hiểu lịch sử thời đại Hùng Vương** - The legend of Kings Hung in Vinh Phu and the research their time - NCLS, 1970, số 134, tr. 47-52.

1780. NGUYỄN KHẮC XƯƠNG. **Mấy vấn đề về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng qua tư liệu Vĩnh Phú** - Two Trung Sisters uprising as revealed by documents found in Vinh Phu province - NCLS, 1973, số 151, tr. 41-49.

1781. NGUYỄN KHẮC XƯƠNG. **Biên giới Việt - Trung với vương triều Mạc** - The Sino - Vietnamese frontier and the Mac dynasty - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 12-23.

1782. NGUYỄN KHẮC XƯƠNG. **Về vùng đất phủ An Tây, trấn Hưng Hóa thời Lê mạt** - The An Tay district of the Hung Hoa province under the degeneration of the Le dynasty - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 42-47.

1783. NGUYỄN KIM SƠN. **Tư liệu thư tịch cuối thế kỷ XVII – thế kỷ XVIII và khuynh hướng khảo chứng học** - Documentation books in the end of the 17th century and the 18th century and the tendency toward the science of the verification proofs - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 73-79.

1784. NGUYỄN LÂN. **Vấn đề thống nhất cách phát âm tiếng Việt** - The question of unification of pronunciation in Vietnamese language - VSĐ, 1956, số 19, tr. 74-76.

1785. NGUYỄN THỊ LỆ THI. **Tìm thêm dấu vết của Nguyễn Hữu Cầu và cuộc khởi nghĩa của ông hồi thế kỷ XVIII** - Tracing documents on Nguyen Huu Cau and his uprising (18th Century) - NCLS, 1973, số 151, tr. 33-40.

1786. NGUYỄN LIỄN. **Phong trào Giáp Dần hay là cuộc đấu tranh chống Pháp (1913-1914) của nhân dân các dân tộc Mán (Yên Bái)** - The Giap Dan movement or the struggle against the French colonialists of the Man people (Yen Bai) - NCLS, 1961, số 26, tr. 55-65.

1787. NGUYỄN LIỄN. **Những đồ đá mới tìm được ở Yên Bái** - The things of neolithic time newly discovered in Yen Bai // Nguyễn Liễn, L.V.L - NCLS, 1963, số 57, tr. 63-64.

1788. NGUYỄN LINH. **Di chỉ Gò Mun và vấn đề thời đại đồng thau ở Việt Nam** - The vestiges of Go Mun and the question of the brass time in Vietnam - NCLS, 1964, số 58, tr. 29-40.

1789. NGUYỄN LINH. **Vài suy nghĩ về việc tìm hiểu thời đại Hồng Bàng** - Some thingkings for the study on the Hong Bang time - NCLS, 1967, số 100, tr. 32-39.

1790. NGUYỄN LINH. **Vấn đề Hùng Vương và khảo cổ học** - The question of Hung Vuong and archaeology / Nguyễn Linh, Hoàng Hưng - NCLS, 1968, số 108, tr. 18-23.

1791. NGUYỄN LINH. **Phải chăng Hùng Vương thuộc dòng dõi Thần - Nông?** - The Kings Hung were the descendants of the God of agriculture ?- NCLS, 1968, số 111, tr. 24-35.

1792. NGUYỄN LINH. **Về sự tồn tại của nước Văn Lang** - About the exsistence of Van Lang country - NCLS, 1968, số 112, tr. 19-32.

1793. NGUYỄN LINH. **Bàn về nước Thục và Thục Phán** - Discussion about the Thuc country and Thuc Phan - NCLS, 1969, số 124, tr. 33-51.

1794. NGUYỄN LỘC. **Có thể liệt những bài văn viết bằng chữ Hán vào kho tàng văn học của ta được không?** - Can be ranked in our literary treasure the texts written in Chinese characters? - VSĐ, 1956, số 16, tr. 81-84.

1795. NGUYỄN LỘC. **Phong kiến Việt Nam có đấu tranh để thóat ly sự lệ thuộc vào chữ Hán không ? (Góp mấy ý kiến nhân đọc bài của Lê Tùng Sơn)** - The Vietnam feudalists, did they struggle for getting out of the dependence to the Chineses characters? (Exchange of opinions in the occasion of reading the article of Le Tung Son) - VSĐ, 1957, số 25, tr. 81-86.

1796. NGUYỄN LỘC. ***Tiếng cười Việt Nam*** **T.I của Văn Tân (Đọc sách)** - Reading the Van Tan's work: Tome I *The Vietnam baughter* - VSĐ, 1957, số 32, tr. 57-62.

1797. NGUYỄN LỘC. **Góp mấy ý kiến về quyển *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* Q.I do Nxb Văn Sử Địa xuất bản** - Some remarks about the book : *First draft of Vietnam literary history* - VSĐ, 1958, số 41, tr. 83-90.

1798. NGUYỄN LỘC. **Qua các truyền thuyết và thần tích ở Vĩnh Phú, bước đầu tìm hiểu mối quan hệ Hùng Vương và Thục Vương** - Preliminary study of connections between Hung Vuong and Thuc Vuong - NCLS, 1971, số 137, tr. 54-60.

1799. NGUYỄN LỘC. **Phát hiện một số tư liệu lịch sử ở Hương Nộn (Vĩnh Phú)** - Discovery of some historical documents in Huong Non (Vinh Phu province) - NCLS, 1972, số 143, tr. 64.

1800. NGUYỄN LỘC. **Đi tìm dấu vết thời kỳ Hai Bà Trưng trên miền đất đóng đô của Hai Bà** - Tracing the Sisters Trung's period in the former capital area / Nguyễn Lộc, Văn Lang - NCLS, 1973, số 150, tr. 44-51.

1801. NGUYỄN LỘC. **Vài ý kiến về bài *Huyện Mê Linh thời Hai Bà Trưng*** - Some considerations of after reading the article *The Sub-prefecture of Me Linh at the times of two Sisters Trung* - NCLS, 1977, số 4 (175)- tr. 91-94, 96.

1802. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Những tiêu chuẩn nhận định sự hình thành dân tộc** - The criterions for an estimation on the national formation - VSĐ, 1955, số 12, tr. 29-40.

1803. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Nguyên nhân thành bại của cách mạng Tây Sơn** - The causes of Tay Son revolution victory and of defeat - VSĐ, 1956, số 14, tr. 45-50.

1804. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Các nhà sử học Liên Xô nhận xét lại về những đặc điểm chủ yếu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa phong**

**kiến (Trong cuốn sách giáo khoa *Kinh tế chính trị học* do viện Nghiên cứu Kinh tế Liên Xô biên soạn)** - The Soviet historians estimate a new on the essential particularities of the fundamental economial law of feudalism (In the handbook of *Politican economy*, written by the Soviet Institute for reseach in economy) - VSĐ, 1956, số 22, tr. 64-68.

1805. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Nhận định về mấy kiến giải khác nhau trong vấn đề chế độ nô lệ ở Việt Nam** - Estimation on some different understandings in the question of slavery in Vietnam - VSĐ, 1957, số 24, tr. 19-30; số 25, tr. 51-59.

1806. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Mấy ý kiến thêm về chủ trương lịch sử Việt Nam không có thời kỳ chế độ nô lệ của ông Đào Duy Anh** - Again some ideas contributing to the point of view *There was not slavery period in the Vietnam history* of Mr. Dao Duy Anh - VSĐ, 1957, số 32- tr. 9-18.

1807. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Lịch sử Việt Nam có hay không có chế độ chiếm hữu nô lệ?** - In the Vietnam history, there was or there was not slavery period? - VSĐ, 1957, số 35- tr. 34-46.

1808. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Những vấn đề được sửa lại trong cuốn sách giáo khoa *Chính trị kinh tế học* sắp được xuất bản lần thứ ba** - The questions corrected in the handbook of *Political economy*, third edition ready to publish - VSĐ, 1958, số 39, tr. 33-42.

1809. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại trong công tác sử học của Trung Quốc** - The struggle against revisionism in history work in China - VSĐ, 1958, số 40, tr. 14-34.

1810. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Đính chính bài *Những vấn đề được sửa lại trong cuốn sách giáo khoa Chính trị kinh tế học sắp được xuất bản lần thứ ba*** - Some corrections to the article *The questions corrected in the handbook of political economy, third edition ready to publish* - VSĐ, 1958, số 41, tr. 72-76.

1811. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Mấy nét sơ lược về dân tộc học mác xít** - Some summary features on marxist Ethonology - VSĐ, 1958, số 47, tr. 15-33.

1812. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Góp ý kiến về công tác dân tộc học ở Việt Nam trong giai đoạn hiện tại** - Contribution to the Ethonological work in the present phase in Vietnam - NCLS, 1959, số 3, tr. 17-29.

1813. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Mấy nhận xét về nền khảo cổ học của thực dân Pháp ở Việt Nam trước đây** - Some remarks on the Archaeology of the French colonialism in Vietnam in the past - NCLS, 1959, số 4, tr. 12-23.

1814. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Không sùng bái học giả thực dân, cần nhận rõ và phê phán những sai lầm, thiếu sót của họ trong khảo cổ học** - Don't idolize the colonialist scholars, it is necessary to have a good discernment and to criticize their errors and insufficience in Archaeology / NCLS, 1960, số 11, tr. 72-87.

1815. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Sự phát triển của sức sản xuất đã quyết định sự hình thành quan hệ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam thời Cổ đại** - The development of the productive forces determined the formation of slavery relations in Vietnam in the Antiquity - NCLS, 1960, số 16, tr. 52-61.

1816. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Một lần nữa chúng tôi nhận định rằng xã hội Việt Nam đã qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ** - Again we estimate that the Vietnam antique society had past through the slavery period - NCLS, 1960, số 19, tr. 42-53.

1817. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Bẩy năm công tác dân tộc học ở Việt Nam** - Seven years of Ethonological work in Vietnam - NCLS, 1960, số 21, tr. 41-45.

1818. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Vấn đề lịch sử hiện đại tại *Tuần lễ tư tưởng mác xít* ở Pháp** - The question of writing contemporary history in *The week of Marxist thinking* in French - NCLS, 1962, số 41, tr. 52-59.

1819. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Mấy ý kiến về công tác nghiên cứu lịch sử địa phương** - Some ideas about the historical study work in the localities - NCLS, 1963, số 48, tr. 24-31.

1820. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Quá trình phát triển của các cộng đồng người là từ bộ lạc lên bộ tộc, từ bộ tộc lên dân tộc hay là tiến thẳng từ bộ lạc lên dân tộc?** - The process of human communities development is from tribe to clan, from clan to people, or from tribe passing directly to people ? - NCLS, 1963, số 49, tr.10-19.

1821. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **"Phương thức sản xuất châu Á" là gì?** - What is the "Asiatic Mode of production?" - NCLS, 1963, số 53, tr. 2-10; số 54, tr. 18-26.

1822. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Lạc Việt, Lạc Vương, Lạc Hầu, Lạc tướng, Lạc dân là tổ tiên của người Việt chúng ta hay là tổ tiên chung của nhiều dân tộc khác** - Lac Viet, Lac Vuong, Lac hau, Lac tuong, Lac dan was our Viet people's common ancestors or they was common ancestors of most other people ? / NCLS, 1963, số 56, tr. 3-12.

1823. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Thử tìm hiểu thêm về vấn đề Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ khi nào?** - To try to understand more

concretely about the question Nguyen Trai participated to Lam Son insurrection from what time? - NCLS, 1967, số 98, tr. 23-38.

1824. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Mấy suy nghĩ về vấn đề sở hữu ruộng đất trong xã hội phong kiến Việt Nam** - Some thinkings about the question of land proprietorship in Vietnam feudal society - NCLS, 1968, số 109, tr. 27-35.

1825. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Một điểm nổi bật trong đường lối chỉ đạo chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta thời Lý - Trần : Vấn đề tổ chức hậu phương** - A conspicuous character in the direction of our people's war under the Ly - Tran's dynasty against the foreign invasion: the question of rear organisation - NCLS, 1968, số 115, tr. 3-9, 21.

1826. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **"Phương thức sản xuất châu Á" tại miền núi Việt Nam trong các thời đại trước** - The "Asiatic mode of production" in the Vietnam mountainous region in the past dynasties - NCLS, 1968, số 117, tr. 4-19.

1827. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Giới thiệu mấy nét về dòng họ Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Văn Cừ** - Some features of presentation the Nguyen Trai's descendants: Nguyen Thien Thuat, Nguyen Van Cu - NCLS, 1969, số 119, tr. 59-63.

1828. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Giai cấp thống trị ở Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII là giai cấp gì? (Nhân đọc bài *Giai cấp lãnh đạo của Việt Nam tiền thuộc địa* của nhà sử học Liên Xô Tchechkov đăng trên tạp chí Pháp *Tư tưởng* số 114 (4-1969)** - What was the class governing Vietnam from the 15$^{th}$ Century to the 17$^{th}$ Century ? (On occasion of reading the article *The leading class in the precolonialist Vietnam* of a Soviet historican Tchechkov published in *La Pensée* (Thinking) by the French Review, No 114, April 1969) - NCLS, 1969, số 128, tr. 40-49.

1829. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Mấy điểm soi sáng thêm sử liệu** - Some features giving more light to historical documents - NCLS, 1970, số 133, tr. 32-36.

1830. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Tài điều giặc và đại phá tuyệt giỏi của quân dân ta trong trận Bạch Đằng năm 1288 (Nhân kỷ niệm 692 năm chiến thắng Bạch Đằng 9-1288)** - Excellent talent of Vietnameses army and people in mastering their Chinese aggressors and in attacking them during the naval battle of Bach Dang in 1288 (On the Occation of the 692$^{nd}$ Anniversary of the Bach Dang Victory in September 1288) - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 23-28, 49.

1831. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. **Về thời điểm Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn** - About the Nguyen Trai's time of participation to the Lam Son uprising - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 27-32.

1832. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. ***Nguyễn Trãi - Thân thế và sự nghiệp*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled *Nguyen Trai his familiar issue and works* - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 87-90.

1833. NGUYỄN MẠNH DŨNG. **Quan hệ Nhật Bản - Triều Tiên dưới tác động của cuộc xâm lược Triều Tiên năm 1627 và 1636 của Mãn Châu** - The Japanese-Korean Relations under the Impacts of the Manchu' s Invasions in Korea in 1627 and 1636 - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 53-61.

1834. NGUYỄN MINH. **Ôn lại cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng** - Reviewing the Insurrection of two Sisters Trung - VSĐ, 1955, số 5, tr. 48-51.

1835. NGUYỄN MINH HÀ. **Công thức "Đại đội độc lập. Tiểu đoàn tập trung". Một sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật dùng binh của Đảng ta trong cuộc phản công Việt Bắc Thu-Đông 1947** - "The Independent company, concentrated battalion" formula - An unique creativeness in the military art of the Party in Viet Bac counter-offensive (Autumn-Winter 1947) - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 15-18.

1836. NGUYỄN MINH TƯỜNG. **Góp phần xác định vị trí sông Thiên Mạc trong cuộc kháng chiến chống Nguyên năm 1285** - Contribution to the location of Thien Mac river at the time of anti Mongolian resistance war of 1285 - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 41-44.

1837. NGUYỄN MINH TƯỜNG. **Quan hệ bang giao giữa nhà Mạc và nhà Minh thế kỷ XVI** - The relations between nation of the Mac dynasty with the Ming dynasty in the 16th Century - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 33-38.

1838. NGUYỄN MINH TƯỜNG. **Chính sách đối với dân tộc thiểu số của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The national minorities policy of the Nguyen dynasty in the first half of the 19th Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 37-44.

1839. NGUYỄN MINH TƯỜNG. **Côn Sơn - Một vùng văn hóa lịch sử** - Con Son - A historic culture area - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 44-48.

1840. NGUYỄN MINH TƯỜNG. **Về bài chế phong tặng Lê Trãi, Tế văn hầu của vua Lê Tương Dực** - About the royal declaration of King Le Tuong Duc on the appointment to Le Trai the title of Te Van hau (Marquis Te Van) - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 85 - 88.

1841. NGUYỄN MINH TƯỜNG. **Nội dung tấm bia *Quang Vinh phúc thần sự lục bi ký* dựng tại đình xã Quang Vinh, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thờ Dương Tự Minh làm Thành hoàng** - The Contents of the Stele: *Quang Vinh phuc than su luc bi ky* Built in the Communal House of the Quang Vinh Village.

Dong Hy District, Thai Nguyen Province for Worshipping Duong Tu Minh as the Tutelary Deity of the Village - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 67-73.

1842. NGUYỄN MINH VĂN. **Có thể xếp loại văn dịch những tác phẩm chữ Hán do người Việt Nam viết vào văn học Việt Nam không ?** - Can be ranked in Vietnam literature the translated books written in Chinese characters by the Vietnamese authors? - VSĐ, 1955, số 7, tr. 58-61.

1843. NGUYỄN MINH VĂN. **Vì sao không thể liệt những bài văn chữ Hán vào văn học của ta được ?** - Why can't it be ranked in our national literature the texts written in Chinese characters? - VSĐ, 1956, số 15, tr. 71-86.

1844. NGUYỄN NGHĨA. **Góp thêm một ít tài liệu về công cuộc hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam và vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc** - Adding a few documentation about the reunification of the first communist organizations in Vietnam and the role of comrade Nguyen Ai Quoc - NCLS, 1964, số 59, tr. 3-8.

1845. NGUYỄN NGHĨA. **Công cuộc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước sau Hội nghị Hương Cảng và việc tổ chức Ban Trung ương lâm thời đầu tiên** - The reunification of the Communist organizations at home, after the Hong Kong congress and the organization of the provisory first central committee - NCLS, 1964, số 62, tr. 54-59.

1846. NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG. **Thử tìm hiểu một số hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ** - About ornemantal designs on the Ngoc Lu drums - NCLS, 1971, số 141, tr. 28-44.

1847. NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG. **Bước đầu giới thiệu một số nguồn tư liệu xung quanh di tích lịch sử thuộc về khởi nghĩa Hai Bà Trưng** - Documentation sources about historical sites concerning the Trung Sisters uprising (preliminary introduction) - NCLS, 1972, số 146, tr. 23-27.

1848. NGUYỄN NGỌC CƠ. **Vài ý kiến về nội dung giảng dạy lịch sử Việt Nam thời kỳ 1858-1945** - Some opinions on Vietnam History teaching content in the period 1858-1945 - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 32-35.

1849. NGUYỄN NGỌC CƠ. **Sự biến đổi đời sống vật chất của nông dân đồng bằng sông Hồng từ 1976 đến nay (Qua số liệu thống kê của một số địa phương)** - The change of peasants material life in the Red River delta from 1976 to now (According to the statistical data in some Regions) / Nguyễn Ngọc Cơ, Nguyễn Viết Hiển - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 11-18, 39.

1850. NGUYỄN NGỌC CƠ. ***Hồ Chí Minh - Chiến sĩ cách mạng quốc tế* (Đọc sách)** - Reading the book: *Ho Chi Minh - An international revolutionist* - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 91.

1851. NGUYỄN NGỌC CƠ. **Hoạt động khai thác các mỏ than ở Thái Nguyên của thực dân Pháp (1906-1945)** - Exploiting the Coal Mines in Thai Nguyen by the French Colonialism (1906-45) / Nguyễn Ngọc Cơ, Hà Thị Thu Thủy - NCLS, 2004, Số 4 (335), tr. 36-44.

1852. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Vài nét về cuộc đấu tranh chống sự nô dịch về kinh tế của đế quốc Mỹ ở châu Mỹ Latinh từ sau Cách mạng Cuba** - Some features about the struggle against the economic subjection of US imperialism at Latin America since Cuban revolution / Nguyễn Ngọc Mão, Hán Văn Tâm - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 77-84.

1853. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Vài nét về sự ủng hộ của Cuba đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam** - Some features about the support of Cuba toward the Vietnam's revolutionary work - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 68-72.

1854. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Bước đầu tìm hiểu về quá trình giải quyết vấn đề ruộng đất và nông dân của cách mạng Cuba** - First inquiries in to the settlement of land and peasant problems by the Cuba revolution - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 73-79.

1855. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Cuba và Mỹ Latinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam** - Cuba and Latin America and the anti US resistance war waged by the Vietnamese people - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 59-63.

1856. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Cách mạng tháng Mười với việc giải quyết vấn đề hòa bình** - The October Revolution and the peace problem solving - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 27-34.

1857. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Suy nghĩ về nội dung của liên minh công nông hiện nay qua mô hình phát triển công nghiệp chế biến gắn phát triển nguyên liệu nông sản** - Some thoughts on the content of the peasant workers-peasant alliance through the model of combining the development of processing industry and the development of agricultural product materials- NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 27-33.

1858. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Quá trình xây dựng Đảng ở Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp** - Process of Party construction in North-West zone in the anti-French colonialism resistance - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 23-33.

1859. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Tư tưởng độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của Hôxê Mácti và Cách mạng Cuba** - José Martí' s national independence and social progress ideology and Cuban revolution - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 77 - 83.

1860. NGUYỄN NGỌC MINH. **Tuyên ngôn 1789 về quyền con người và quyền của người dân - Ý nghĩa lịch sử và thời đại của nó** - The Declaration of 1789 of human and civil rights - Its epoch making meaning - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 35-39.

1861. NGUYỄN NGỌC QUẾ. **Cách mạng Cuba** - About the Cuban Revolution / Nguyễn Ngọc Quế, Nguyễn Xuân Kỳ - NCLS, 1967, số 105, tr. 50-56.

1862. NGUYỄN NGỌC THANH. **Làng của người Hmông ở huyện Kim Sơn, tỉnh Nghệ An** - H'mong people's villages at Ky Son district, Nghe An province - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 27-32.

1863. NGUYỄN NGỌC QUỲNH. **Tục cúng hậu và lập bia hậu ở nước ta trong lịch sử** - The Habit of post observance (cung hau) and setting up post observance stela in our history - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 63 - 69.

1864. NGUYỄN NGỌC THỤY. **Về con nước triều trong trận Bạch Đằng năm 1288** - About the flux and the reflux in the Bach Dang battle 1288 - NCLS, 1964, số 63, tr. 36-53.

1865. NGUYỄN NGỌC THỤY. **Giá trị khoa học của các tài liệu quan sát thiên nhiên trong sử cũ** - Scientific value of astronomical observation documents in the ancient history - NCLS, 1964, số 68, tr. 47-49.

1866. NGUYỄN NGỌC THỤY. **Thủy triều trong chiến thắng vĩ đại Rạch Gầm-Xoài Mút năm 1785** -The role of tides in the great victory of Rach Gam-Xoai Mut in 1785 - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 73-76.

1867. NGUYỄN NGỌC THỤY. **Thủy triều trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938** - The tide in the victory of Bach Dang in 938 - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 30-36.

1868. NGUYỄN NGỌC THỤY. **Góp phần nghiên cứu lịch sử thời kỳ Hai Bà Trưng: Ý nghĩa khoa học của các sử liệu trong lĩnh vực khí tượng thủy văn** - The scientific meanings of historical documents in hydrometeorology - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 42-44.

1869. NGUYỄN NGỌC TUẤN. **Phát hiện về một bài văn bia của vua Lê Thái Tông ở khu Tây Bắc** - Discovery of a writing on stele of the King Le Thai Tong in the North West region - NCLS, 1966, số 89, tr. 59-60.

1870. NGUYỄN NGỌC TUẤN. **Tìm thấy bài thơ của vua Lê Thái Tổ ở Lai Châu** - Discovery of a poem of the King Le Thai To in Lai Chau / Nguyễn Ngọc Tuấn, Trần Tâm - NCLS, 1967, số 103, tr. 55-59.

1871. NGUYỄN PHAN HOÀNG. **Bước đầu tìm hiểu về một làng Thiên chúa giáo thời cận đại: làng Lưu Phương** - About a Catholic village in modern times in Vietnam: Luu Phuong village - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 62-72.

1872. NGUYỄN PHAN QUANG. **Thêm vài ý kiến đánh giá những cải cách và thất bại của Hồ Quý Ly** - Some ideas contributing to the estimation on the reforms and the defeat of Ho Quy Ly - NCLS, 1961, số 28, tr. 18-24.

1873. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vài ý kiến về phong trào nông dân Tây Sơn** - Some thinkings about the peasant movement Tay Son - NCLS, 1962, số 35, tr. 11-20.

1874. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vài ý kiến về tình hình ruộng đất thời Tây Sơn** - About the land situation in the time of Tay Son - NCLS, 1962, số 45, tr. 25-32.

1875. NGUYỄN PHAN QUANG. **Đánh giá phong trào nông dân khởi nghĩa trong nửa đầu thế kỷ XIX** - The evaluation on the peasant insurrection movement in the first half of the 19th Century - NCLS, 1964, số 61, tr. 42-47, 62.

1876. NGUYỄN PHAN QUANG. **Bước đầu tìm hiểu tình hình đấu tranh giai cấp ở thời Gia Long (1802-1819)** - In the first step studying on the class struggle situation in the time of Gia Long (1802-1819) / Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận - NCLS, 1965, số 78, tr. 9-23.

1877. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tìm hiểu chế độ lao dịch và binh dịch dưới triều Gia Long** - Studying the hard work regime and the military service under the Gia Long dynasty (1802-1819) / Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận - NCLS, 1965, số 80, tr. 15-25.

1878. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về vấn đề yêu sách ruộng đất trong phong trào nông dân ở Việt Nam thời kỳ phong kiến** - About the claims of land in the peasant movement in Vietnam feudal time - NCLS, 1966, số 91, tr. 34-38.

1879. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tìm hiểu một điểm liên quan đến nguyên nhân cuộc bạo động Lê Văn Khôi: Vấn đề Lê Văn Duyệt** -Studying a point relative to the causes of the rebellion of Le Van Khoi: The question of Le Van Duyet / Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận, Chu Thiên - NCLS, 1967, số 105, tr. 24-34, 41.

1880. NGUYỄN PHAN QUANG. **Thêm mấy điểm về cuộc bạo động Lê Văn Khôi (1833-1835)** - Again some new point contributing to the study on the rebellion of Le Van Khoi (1833-1835) - NCLS, 1972, số 147, tr. 39-46.

1881. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vấn đề Cố Du (Marchand) trong cuộc bạo động Lê Văn Khôi (1833-1835)** - Father Du (Marchand) and Le Van Khoi's uprising - NCLS, 1974, số 158, tr. 53-68.

1882. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Bảo Lạc** - First studies on the Nong Van Van insurrection at Bao Lac / Nguyễn Phan Quang, Lê Xuân Liên, Nguyễn Văn Thạc - NCLS, 1975, số 5 (164), tr. 56-69.

1883. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về cuốn sách *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802* của Tạ Chí Đại Trường** - On the *History of the Vietnam civil war from 1771 to 1802* of Ta Chi Dai Truong - NCLS, 1976, số 167, tr. 89-93; số 168, tr. 88-94.

1884. NGUYỄN PHAN QUANG. **Một vài suy nghĩ khi đọc *Mấy tư liệu về ruộng đất công làng xã dưới triều đại Tây Sơn* của đồng chí Nguyễn Đức Nghinh** - Some reflections after the article of Nguyen Duc Nghinh entitled "Some documents on the communal lands and rice - field under the Tay Son dynasty - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 79-82.

1885. NGUYỄN PHAN QUANG. **Mấy tư liệu về khởi nghĩa Nông Văn Vân ở huyện Chợ Rã (Bắc Thái)** - Some documents on the Nong Van Van insurrection at Cho Ra district (Bac Thai) / Nguyễn Phan Quang, Đỗ Trung Đan - NCLS, 1978, số 4(181), tr. 93-106.

1886. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vài ý kiến về nhân vật Nguyễn Công Trứ** - Some throughs on the personage of Nguyen Cong Tru / Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Danh Phiệt - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 59-70.

1887. NGUYỄN PHAN QUANG. **Trở lại vấn đề lai lịch Lê Văn Khôi** - Econsidering of origin Le Van Khoi - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 78-86.

1888. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Ba Nhàn, Tiền Bột chống triều Nguyễn ở trung du Bắc Bộ (1833-1843)** - The uprising of Ba Nhan, Tien Bot in the middle region of Bac Bo against the Nguyen dynasty (1833-1843) - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 38-52.

1889. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tìm hiểu thêm khởi nghĩa Phan Bá Vành** - Additional study on Phan Ba Vanh uprising / Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Tiến Đoàn, Nguyễn Cảnh Minh - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 31-45.

1890. NGUYỄN PHAN QUANG. **Phong trào Kỳ Đồng, Mạc Đĩnh Phúc những năm cuối thế kỷ XIX** - The movement of Ky Dong - Mac Dinh Phuc in the last years of the 19th Century / Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Tiến Đoàn - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 24-34.

1891. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tìm hiểu mối quan hệ giữa hai cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi và Nông Văn Vân (1833-1835)** - Study on the relations between two uprisings of Le Van Khoi and of Nong Van Van (1833-1835) - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 69-76.

1892. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Cao Lạng 1833-1835** - The uprising of Nong Van Van at Cao Lang province in 1833-1835 - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 37-51.

1893. NGUYỄN PHAN QUANG. **Giới thiệu ba bức thư của Kỳ Đồng gửi Toàn quyền, công sứ Pháp** - Three letters of Ky Dong - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 67-73.

1894. NGUYỄN PHAN QUANG. **Bản khẩu cung của Kỳ Đồng ngày 22-9-1897** - The verbal statement of Ky Dong on the 22th September 1897 - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 76-81.

1895. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Nông Văn Vân ở Hà Tuyên 1833-1835** - The insurrection of Nong Van Van at Ha Tuyen - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 39-51.

1896. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Lâm Sâm ở Lạc Hóa, tỉnh Cửu Long (1841-1842)** - The insurrection of Lam Sam at Lac Hoa, province of Cuu Long 1841-1842 - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 27-34.

1897. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Ba Xuyên, tỉnh Hậu Giang (1841-1842)** - The Ba Xuyen insurrection at Hau Giang (1841-1842) - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 35-41.

1898. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Thất Sơn, tỉnh An Giang (1841-1842)** - The That Son insurrection in the An Giang province (1841-1842) - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 64-69.

1899. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa ở Hà Âm, Hà Dương – tỉnh Kiên Giang (1841-1842)** - The Ha Am, Ha Duong insurgency in the province of Kien Giang (1841-1842) - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 38-44.

1900. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Vũ Đình Dung** - The Vu Dinh Dung uprising / Nguyễn Phan Quang, Hoàng Đình Chiến - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 48-59.

1901. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ** - The insurgency of Nguyen Tuyen, Nguyen Cu - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 56-67, 82.

1902. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về địa danh Trà Luật trong chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút** - On the Tra Luat place name / Nguyễn Phan Quang, Dương Văn Huề - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 36-41.

1903. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cánh binh vận G.4 (khu Bảy Hiền, quận Tân Bình) trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975** - Apropaganda unit acting secretly in enemy ranks. Its activities the general offensive and upheaval of Spring 1975 / Nguyễn Phan Quang, Đỗ Bích Liên - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 53-58.

1904. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Lê Duy Thương** - The Le Duy Luong insurgency - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 64-70.

1905. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Đá Vách** - The Da Vach insurgency - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 16-22.

1906. NGUYỄN PHAN QUANG. **Thêm vài suy nghĩ về phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - The peasant movement during the early half of the 19th Century in Vietnam - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 34-41.

1907. NGUYỄN PHAN QUANG. **Hai bản đồ đầu tiên về nhà tù Côn Đảo** - Two first maps on Con Dao prison / Nguyễn Phan Quang, Lê Hữu Phước - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 97-100.

1908. NGUYỄN PHAN QUANG. **Ba bức thư từ Nam Kỳ năm 1863** - Three letters from the Cochinchina in 1863 - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 80-83.

1909. NGUYỄN PHAN QUANG. **"Hồi ký về xứ Cochinchine" năm 1744** - "Memory on Cochinchina" in 1744 - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 75-79.

1910. NGUYỄN PHAN QUANG. **Phong trào chống Pháp do Đào Công Bửu lãnh đạo (1893-1894)** - The movement against the French colonialists under the direction of Dao Cong Buu (1893-1894) - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 67-70.

1911. NGUYỄN PHAN QUANG. **Thời đại Nguyễn Bỉnh Khiêm qua thơ văn của ông** - Nguyen Binh Khiem epoch through his poetry and prose - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 39-41.

1912. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cuộc nổi dậy của tù nhân Côn Đảo tại hòn Bảy Cạnh (tháng 8-1883)** - The uprising of Con Dao prisoners in Bay Canh islet (August of 1883) / Nguyễn Phan Quang, Lê Hữu Phước - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 72-78.

1913. NGUYỄN PHAN QUANG. **Một số nhận định của Philippe Langlet về hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn** - Some opinions of Philippe Langlet on the activities of National history institute under the Nguyen dynasty / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 83-90.

1914. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về lăng mộ Trương Định xây năm 1875** - On the Truong Dinh tomb erected in 1875 - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 77-80.

1915. NGUYỄN PHAN QUANG. **Đốc Tích và những năm lưu đày ở Algérie** - Doc Tich and the years living in exile in Algeria - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 80-81.

1916. NGUYỄN PHAN QUANG. **Nhà sử học Mỹ Stephen E.Ambrose viết về chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam** - Stephen E. Ambrose writing on the American War in Vietnam / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 88-91.

1917. NGUYỄN PHAN QUANG. **Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc** - Phan Van Hoang and Nguyen Ai Quoc / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 71-73.

1918. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vụ trá hàng của Đội Văn, thủ lĩnh xuất sắc của phong trào Bãi Sậy** - The submission feint of Sergeant Van, a remarkable leader in the Bai Say movement - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 73-77.

1919. NGUYỄN PHAN QUANG. **Phan Châu Trinh dưới mắt Phan Văn Trường** - Phan Chau Trinh under the eyes of Phan Van Truong / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 64-68.

1920. NGUYỄN PHAN QUANG. **Độc quyền thuốc phiện ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX** - The opium monopoly in Cochinchina in the end of the 19th Century - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 69-71.

1921. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về cuộc vận động chống Pháp của Lê Công Chánh trên địa bàn Nam Kỳ (cuối thế kỷ XIX)** - About the movement against the French colonialists of Le Cong Chanh in Cochinchina (at the end of the 19th century) - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 80-84.

1922. NGUYỄN PHAN QUANG. ***Hoàng Việt luật lệ* tham khảo Luật nhà Thanh như thế nào?** - How did "*Hoang Viet Rules and Regulation* refer to the Law under the Thanh dynasty? - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 87-90.

1923. NGUYỄN PHAN QUANG. **Đảo Phú Quốc. Một thế kỷ trước** - Phu Quoc island. One century earlier / Nguyễn Phan Quang, Thùy Dương - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 74-75.

1924. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cao Thắng chế tạo súng kiểu Tây** - Cao Thang made rifles of Western style - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 77-81.

1925. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về hội kín *Thiên địa hội* ở Gia Định năm 1901** - About *Thien Dia hoi* secret organisation in Gia Dinh in 1901 - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 92-94.

1926. NGUYỄN PHAN QUANG. **Dân số Sài Gòn thời Pháp thuộc** - The population of Saigon under the French domination / Nguyễn Phan Quang, Lê Huỳnh Hoa - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 24-32.

1927. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tương quan kinh tế Pháp - Nhật tại Nam Kỳ (1940-1945)** - The correlation of economic's French - Japanese in Cochichina (1940-1945) - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 83-89; số 6 (301), tr. 85-91; 1999, số 1 (302), tr. 66-71.

1928. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cảng Sài Gòn thời Pháp thuộc** - Sai Gon Port under the French colonialism - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 78-83.

1929. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vài tư liệu sở hữu ruộng đất ở Nam Kỳ thế kỷ XIX** - Some documents regarding to land ownership in Nam Ky (Cochinchina) in the 19th century - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 89-91.

1930. NGUYỄN PHAN QUANG. **Sài Gòn và thị trường lúa gạo Nam Kỳ (1860-1938)** - Saigon and the rice market of Conchinchina / Nguyễn Phan Quang, Trần Thị Thanh Thanh - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 33-42.

1931. NGUYỄN PHAN QUANG. **Vài tư liệu về thuế ruộng đất ở Nam Kỳ (nửa đầu thế kỷ XX)** - Some documents on land tax at Cochinchina (first-half 20th century) - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 86-91.

1932. NGUYỄN PHAN QUANG. **Thêm một số tư liệu về nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ thời Pháp thuộc (1867-1945)** - Some materials more on traditional handicrafts in Cochinchina at French dependence period (1867-1945) - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 81-90.

1933. NGUYỄN PHAN QUANG. **Người Hoa trên thị trường lúa gạo Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1945)** - Chinese on Cochinchina rice market in French dependence time (1859-1945) - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 77-87.

1934. NGUYỄN PHAN QUANG. **Một số tư liệu về Trương Vĩnh Ký với những tác phẩm của Ông** - Some materials about Truong Vinh Ky with his works - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 80-86.

1935. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tìm hiểu thêm bi kịch Phan Thanh Giản** - Carrying out more on Phan Thanh Gian's Tragedy (Nguyễn Phan Quang, Triều Anh - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 89 - 92.

1936. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên của Đại Việt trong sách giáo khoa các trường trung học Nhật Bản** - The Resistance War against the Mongol-Yun of the Dai Viet (Great Viet) Presented in the Textbooks of the High-Schools in Japan - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 59-61.

1937. NGUYỄN PHAN QUANG. **Tìm hiểu thêm thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Biên Hòa (16-12-1861)** - Further Studies on the Attack of the French Colonialism on the Provincial Citadel of Bien Hoa (December 12, 1861) - NCLS, 2004, Số 4 (335), tr. 61-67.

1938. NGUYỄN PHAN QUANG. **Lần đầu tiên Báo Cờ đỏ của Đảng Cộng sản Bỉ đăng một bài viết của đồng chí Nguyễn Ái Quốc** - On an Article of Comrade Nguyen Ai Quoc which was Published First Time on the Newspaper *The Red Flag* (*Le Drapeau Rouge*) of the Communist Party of Belgium - NCLS, 2004, Số 2 (333), tr. 56-58.

1939. NGUYỄN PHÚ LỢI. **Văn bản chia giáp lương-giáo cuối thế kỷ XIX ở ấp Văn Hải (Kim Sơn - Ninh Bình)** - Documents pertaining to the delimitation of Catholic and non-Catholic sub-hamlets in Van Hai village (Kim Son - Ninh Binh) in the late XIX th century - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 51-54.

1940. NGUYỄN PHÚ LỢI. **Vài nét về công cuộc khai hoang thành lập làng Thiên chúa giáo Như Tân - huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình cuối thế kỷ XIX** - Some features on the reclamation process to estabilish Nhu Tan-Kim Son-Ninh Binh Christian village in the late 19th Century - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 50-62.

1941. NGUYỄN PHÚ LỢI. **Cơ cấu tổ chức xã hội - tôn giáo trong một số làng Công giáo ở Kim Sơn (Ninh Bình) nửa sau thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX** - The religious social structure of some Catholic villages in Kim Son (Ninh Binh) in the second half of the 19th - the first half of the 20th centuries - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 49-58.

1942. NGUYỄN PHÚ LỢI. **Một số ý kiến về bài *Vài nét về tình hình công giáo ở Liên khu IV trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp*** - A few opinions on the article *Some features of Catholicism situation at the Fourth Interzone in the first time of the anti-French resistance* - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 78-87.

1943. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Về danh xưng "Bình Tây Đại Nguyên soái" của Trương Định** - About Truong Dinh's appellation: "Binh Tay Dai Nguyen soai" - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 28-31.

1944. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Vài nét về tình hình giáo dục ở Tiền Giang từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX**- Some features on education in Tien Giang province from 17th Century to the first half of 19th Century - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 28-36.

1945. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Quá trình khai hoang lập làng ở Tiền Giang thế kỷ XVII-XVIII** - The process of clearing land and setting up villages in Tien Giang province in the 17th-18th centuries - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 42-51.

1946. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Tình hình sở hữu ruộng đất ở Tiền Giang nửa sau thế kỷ XIX** - The situation of private land-ownership at Tien Giang in last half of the 19th century - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 48-55.

1947. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Tác dụng của hệ thống sông rạch ở Tiền Giang trong nửa đầu thế kỷ XIX** - The effect of rivers and arroyos' system at Tien Giang in the first half of the 19th century - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 66-69.

1948. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Giao lưu nông sản hàng hóa giữa Tiền Giang với các nơi khác hồi thế kỷ XVII và XVIII**- Exchange Relation of Agricultural Products between Tien Giang and other Areas in the 17th and 18th Centuries - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 23-29.

1949. NGUYỄN PHÚC NGHIỆP. **Tư liệu về sở hữu ruộng đất từ một tờ tương phân gia tài ở Tiền Giang** - Documents on the Land Ownership from a Protocol of the Inheritable Partition Found in Tien Giang - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 67-69.

1950. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG. **Giáo sĩ Bồ Đào Nha Francisco de Pina - người tiên phong sáng tạo ra chữ Quốc ngữ** - Portuguese missionary Francisco de Pine - The vanguard in creation of *Quoc ngu* (Vietnamese Roman alphabet) - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 24-29.

1951. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG. **Mạc Cảnh Huống - Một khai quốc công thần nhà Nguyễn** - Mac Canh Huong - A founder-member of Nguyen Dynasty - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 59-65.

1952. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG. **Quý phi Đoàn Thị Ngọc** - Queen Doan Thi Ngoc - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 56-61.

1953. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG. **Vai trò của người Việt và địa điểm đầu tiên trong việc phát minh ra chữ Quốc ngữ ở nước ta** - The role of Vietnamese and the first site of invention of Chu Quoc Ngu (Vietnamese Roman alphabet) - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 47 - 52.

1954. NGUYỄN QUANG HÀ. **Cư dân Trà Lũ trong các thế kỷ XV-XIX (Qua tư liệu địa phương)** - The Tra Lu Inhabitants in the 15th-19th Centuries (as Being Presented to the Local Documents) - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 36-46.

1955. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Vấn đề niên đại của văn bản *Đại Việt Sử ký toàn thư* - Bản "nội các quan bản" lưu trữ tại Paris** - Dating of the *Dai*

*Viet Su ky toan thu* version still preserved in Paris - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 40-45.

1956. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Các loại tiền cổ mới phát hiện ở lưu vực sông Lam** - Some kinds of ancient currency newly discovered in Lam River basin / Nguyễn Quang Hồng, Đào Tam Tĩnh - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 84-89.

1957. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Phát hiện lưỡi cày, rìu đồng ở Nghệ An - Hà Tĩnh** - Discovery of bronze ploughshares and axes at Nghe An - Ha Tinh / Nguyễn Quang Hồng, Đào Tam Tĩnh - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 88-90.

1958. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Thêm một số ý kiến về cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan năm Nhâm Tuất (722)** - Some more opinions on Mai Thuc Loan 's uprising in Nham Tuat year (722) - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 54-57.

1959. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Thêm 35 loại tiền cổ Trung Quốc được phát hiện trên địa bàn Nghệ-Tĩnh** - More 35 kinds of Chinese ancient coins excavated in Nghe Tinh area / Nguyễn Quang Hồng, Đào Tam Tĩnh - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 73-77.

1960. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Thêm một số ý kiến về Lam Thành - Phù Thạch** - View Exchange: Some more Ideas in Lam Thanh - Phu Thach - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 85 - 88.

1961. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Hệ thống chợ ở Nghệ An thế kỷ XIX** - The Market System in Nghe An in the 19th Century - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 47-52.

1962. NGUYỄN QUANG HỒNG. **Thêm một số ý kiến về Lục Niên Thành** - Some more Opinions on Luc Nien Citadel - NCLS, 2004, Số 1 (332), tr. 56-59.

1963. NGUYỄN QUANG HUY. **Cần loại bỏ mọi yếu tố chính trị để sự phong Thánh trở nên sinh hoạt tôn giáo thuần túy** - It is necessary to reject all political elements so that the canonisation becomes the purely religious life - NCLS, 1988, số 1-2 (238-289), tr. 6-8.

1964. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Căn cứ địa buổi đầu của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn** - Resistance bases at the beginning of the Tay Son's insurrectionary movement / Nguyễn Quang Ngọc, Phan Đại Doãn - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 39-50.

1965. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Từ một số địa danh trong chuyên đề nghiên cứu địa lý học lịch sử thời kỳ Hai Bà Trưng, suy nghĩ về một phương pháp địa danh học** - About some place names used in the study by historical geography method on the Two Sisters Trung's period. A reflection on a method of toponymy - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 78-85.

1966. NGUYỄN QUANG NGỌC. *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII* **(Tập I. Thế kỷ XI-XV) (Đọc sách)** - Apropos of the book entitled *Land administration in Vietnam from the 11th to the 18th* (vol 1: From the 11th Century to the 15th Century) - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 80-83.

1967. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Mấy nhận xét về kết cấu kinh tế của một số làng thương nghiệp ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX** - Some Remarks on the economic structure of some villages of trades people in the North Vietnamese delta in 18-19 Centuries - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 38-43.

1968. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Mấy ý kiến về hoạt động thương nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX (hiện tượng và bản chất)** - Trading activities in the Bac Bo delta in 18-19 Centuries / Nguyễn Quang Ngọc, Phan Đại Doãn - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 26-32.

1969. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Góp thêm ý kiến về vấn đề Hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần và lịch sử "Thập tam trại"** - Contribution to the location of Thang Long imperial city under Ly and Tran dynasties and the history of "Thap tam trai" - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 25-33.

1970. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Niên đại bản in *Nội các quan bản* - Sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* có thể là năm 1856 được không?** - Can the *Noi cac quan ban* engraving for *Dai Viet Su ky toan thu* date from the year 1856? - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 71-72.

1971. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Thêm vài ý kiến về Tam Điệp** - Some supplementary ideas about Tam Diep - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 50-52.

1972. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Thêm vài tư liệu về Samuel Baron – Tác giả cuốn *Mô tả Vương quốc Đàng Ngoài*** - Further materials on Samuel Baron, author of the *Description of the Tonkinese Kingdom* - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 48-50.

1973. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Bàn thêm về loại ruộng thưởng công cho Lê Phụng Hiểu** - Some more discussion on the sort of rice fields rewarded to Le Phung Hieu - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 24-28.

1974. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Giá trị của các trang sử liệu viết về Hoàng Sa, Trường Sa trong sách *Phủ biên tạp lục*** - The value of history material pages about Hoang Sa (the Paracels islands), Truong Sa (the Spratlys islands) in *Phu bien tap luc* - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 30-38.

1975. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Giáo sư Đào Duy Anh và môn Địa lý học lịch sử Việt Nam hiện đại** - Professor Dao Duy Anh and the Foundation of the Geo-Historical Studies of the Modern Vietnam - NCLS, 2004, số 7 (338), tr. 3-6.

1976. NGUYỄN QUANG QUYỀN. **Những hiểu biết hiện nay về nguồn gốc các loại hình chủng tộc Việt Nam** - The actual knowledge about the origin of different races in Vietnam - NCLS, 1981, số (198), tr. 22-29.

1977. NGUYỄN QUỐC DŨNG. **Tìm hiểu hoạt động vũ trang tại các căn cứ thuộc miền Đông Nam Bộ trước đồng khởi** - Armed resistance activities in Eastern Nam Bo on the ere of the "General uprising" - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 62-67.

1978. NGUYỄN QUỐC DŨNG. **Một số suy nghĩ bước đầu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước** - President Ho Chi Minh and the total success of the anti U.S. resistance war - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 18-24.

1979. NGUYỄN QUỐC DŨNG. **Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng trong 40 năm qua** - The combination of economy and national defence over the past 40 years - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 39-47.

1980. NGUYỄN QUỐC HÙNG. **Một giai đoạn lịch sử vẻ vang của một dân tộc anh hùng (Nhân đọc cuốn *Lịch sử cách mạng Cuba* của Phạm Xuân Nam)** - Reading the book: *History of the revolution of Cuba* - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 90-93.

1981. NGUYỄN QUỐC HÙNG. **Liên Xô, người quyết định chiến thắng** - The Soviet Union, the decisive element of victory - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 9-16.

1982. NGUYỄN QUỐC HÙNG. **Mặt trận Việt Minh - Những khía cạnh quốc tế** - The Vietminh Front and the international aspects - NCLS, 1991, số 2 (225), tr. 37-42.

1983. NGUYỄN QUỐC HÙNG. **Lịch sử thế giới và việc chúng ta Muốn làm bạn với tất cả các nước** - World history and the motto: We are friend of all the countries - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 31-34.

1984. NGUYỄN QUỐC HÙNG. **Thử bàn về mốc mở đầu của giai đoạn lịch sử thế giới hiện đại** - About the beginning period of contemporary world history - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 91-94.

1985. NGUYỄN QUỐC HÙNG. **Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với nước Nhật** - Nguyen Ai Quoc - Ho Chi Minh and Japan - NCLS, 2004, số 2 (333), tr. 3-7.

1986. NGUYỄN QUỐC TUẤN. **Làng cổ truyền Hrê và Ka Dzong: Những vấn đề kinh tế và xã hội** - Traditional villages with the Hre and Ka Dzong - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 60-72.

1987. NGUYỄN SINH DUY. **Ân Nại và trận Phú Thượng (Quảng Nam)** - An Nai and the Phu Thuong battle (Quang Nam) - NCLS, 1976, số 6 (171), tr. 71-77.

1988. NGUYỄN SINH DUY. **Trận đột kích Nam Chơn (Quảng Nam) (2-1886)** - An attack on enemy position at Nam Chon (Quang Nam province) (2-1886) - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 77-79.

1989. NGUYỄN SINH DUY. **Thái Phiên và vụ giành đất Cẩm Đình (Nghi An - Quảng Nam) với thực dân Pháp** - Thai Phien and the struggle for reconquest of the land Cam Dinh (Nghi An village - Quang Nam province) against French colonialists - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 72-78.

1990. NGUYỄN SINH DUY. **Trở lại bản án của Trần Quý Cáp** - Again about the process of Tran Quy Cap - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 74-81.

1991. NGUYỄN SĨ CHÂN. **Một số tư liệu mới phát hiện về hành cung Lưu Đồn của nhà Trần và trận thủy chiến cửa Đại Bàng (8-1-1288)** - Some newly discovered documents about Luu Don, Royal step - over place of Tran dynasty and the naval battle in Dai Bang estuary - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 71-83.

1992. NGUYỄN XUÂN MINH. **Căng Bá Vân - Nơi rèn luyện ý chí cách mạng của các chiến sĩ cộng sản** - Cang Ba Van - The place where communist's revolutionary will was exercised - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 83-87.

1993. NGUYỄN TÀI. **Đặng Thúc Hứa, một tấm gương yêu nước bền bỉ, bất khuất** - Dang Thuc Hua, an example of an unyielding persevering patriotist / Nguyễn Tài, Hoàng Trung Thực - NCLS, 1965, số 76, tr. 51-60.

1994. NGUYỄN TÀI. **Những mẩu chuyện về cụ Đặng Thúc Hứa** - The bits of history on Dang Thuc Hua - NCLS, 1965, số 79, tr. 26-40; số 80, tr. 40-46.

1995. NGUYỄN TÀI CẨN. **Về vấn đề niên đại và giá trị của bản in *Đại Việt Sử ký toàn thư* do Giáo sư Demiéville còn giữ được ở Paris** - Dating and value of the *Dai Viet Su ky toan thu* version still preserved in Paris by Pr. Demiéville - NCLS, 1988, số 5-6 (243-244), tr. 33-37.

1996. NGUYỄN TÀI SÁNG. **Cầm Bá Thước và những ngày cuối cùng của phong trào Cần vương ở Thanh Hóa** - Cam Ba Thuoc and the last days of the Can vuong scholars' movement in Thanh Hoa - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 63-65.

1997. NGUYỄN TÀI THƯ. **Nguyễn Công Trứ, con người nho sĩ** - Nguyen Cong Tru, the scholar - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 39-49.

1998. NGUYỄN TẠO. **Vượt ngục lần thứ hai** - Second escape from prison - NCLS, 1971-1973, số 141 đến 148.

1999. NGUYỄN THANH NAM. **Mấy nhận xét về Phan Chu Trinh** - Some remarks on Phan Chu Trinh - NCLS, 1965, số 71, tr. 40-42.

2000. NGUYỄN THANH SỸ. **Những thủ đoạn cưỡng bức lao động của tư bản thực dân Pháp ở khu mỏ Hòn Gai - Đông Triều (Từ khi chúng chiếm đoạt đến năm 1940)** - The working coercive measures of French colonialist capitalists in the Hon Gai - Dong Trieu region of mines (From the time of their appropriation to 1940) / Nguyễn Thanh Sỹ, Thi Sảnh - NCLS, 1968, số 110, tr. 26-34.

2001. NGUYỄN THANH SỸ. **Điều kiện làm việc cực nhọc và đời sống khốn cùng của công nhân vùng mỏ Hòn Gai - Đông Triều trước Cách mạng Tháng Tám** - The hard conditions of working and the poor life of mine workers in Hon Gai - Dong Trieu before the August Revolution / Nguyễn Thanh Sỹ, Thi Sảnh - NCLS, 1969, số 118, tr. 20-35.

2002. NGUYỄN THANH TUYỀN. **Công nhân và lao động ở các đô thị miền Nam trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975** - Workers and working people of the South Vietnam cities in the general offensive and uprising at the Spring of 1975 - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 64-69.

2003. NGUYỄN THANH VÂN. **Nguyễn Doãn Cử - Người thầy học, nhà văn thân yêu nước (1821-1890)** - Nguyen Doan Cu, the teacher, the patriotic scholar (1821-1890) / Nguyễn Thanh Vân, Nguyễn Tiến Đoàn - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 71-75.

2004. NGUYỄN THANH VÂN. **Vài suy nghĩ về Nguyễn Mậu Kiến (1819-1879)** - Some thinkings on Nguyen Mau Kien (1819-1879) - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 7-11.

2005. NGUYỄN THANH XUÂN. ***Cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành* (1811-1827) (Đọc sách)** - Reading the book: *The revolt led by Phan Ba Vanh* (1811-1827) - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 86-88.

2006. NGUYỄN THANH XUÂN. ***Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX* (Đọc sách)** - Reading the book: *The peasant movement in Vietnam in the early half of 19th Century* / Nguyễn Thanh Xuân, Cao Văn Biền - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 106-111.

2007. NGUYỄN THANH XUÂN. **Tìm hiểu quá trình nghiên cứu về đạo Cao Đài** - Carrying out the research process on Caodaism - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 26-34.

2008. NGUYỄN THANH XUÂN. **Tìm hiểu các cuộc vận động thống nhất đạo Cao Đài trước năm 1975** - Carrying out Caodaism reunification movements before 1975 - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 48 - 56.

2009. NGUYỄN THÀNH. **Vấn đề chữ của dân tộc Thái** - The question of handwriting script of the Thai people - VSĐ, 1958, từ số 39 đến 41.

2010. NGUYỄN THÀNH. **Mấy ý kiến về báo chí tiến bộ cách mạng trong thời kỳ 1936-1939 và báo Dân chúng - Cơ quan trung ương của Đảng** - On the progressive and revolutionary press over the 1936-1939 period and the "Dan chung" journal, organ of the C.C of the Party - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 121-127.

2011. NGUYỄN THÀNH. **Đính chính sử liệu báo *Le Travail*** - About the news paper *Le Travail* - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 90-92.

2012. NGUYỄN THÀNH. ***Báo chí cách mạng Việt Nam (1925-1945)* (Đọc sách)** - On the book entitled *Revolutionary press of Vietnam (1925-45)* - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 90-93.

2013. NGUYỄN THÀNH. **Về báo *Le Paria*** - About the *Le Paria* - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 81-84.

2014. NGUYỄN THÀNH. **Báo *Sông Hương tục bản* với cuộc tranh cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ năm 1937** - The *Song Huong tuc ban* gazette and the campaign for the election to the Annam chamber of people' Deputies in 1937 - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 75-79.

2015. NGUYỄN THÀNH. **Văn tự bán Hòn Gấc (tỉnh Quảng Yên cũ) của triều đình Huế cho tư bản Pháp** - The act selling Hon Gac Island (acient province of Quang Yen) of the Court of Hue to French capitalism - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 81-83.

2016. NGUYỄN THÀNH. **Liên đoàn chống đế quốc** - The anti-imperialist league - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 9-17.

2017. NGUYỄN THÀNH. **Những người cộng sản Việt Nam kỷ niệm 150 năm Cách mạng Pháp (1789-1939)** - The 150$^{th}$ anniversary of French revolution celebrated by Vietnamese communists (1789-1939) - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 73-78.

2018. NGUYỄN THÀNH. **Về vấn đề văn bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh** - About the manuscripts of President Ho Chi Minh - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 57-60.

2019. NGUYỄN THÀNH. **Cách mạng Tháng Tám 1945 trong dư luận chính trị ở Pháp** - The August Revolution 1945 in the political public opinion in France - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 70-73.

2020. NGUYỄN THÀNH. **Vài sử liệu trong sách *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*** - On some historical materials in the books *Indochina democratic Front* - NCLS, 1992, số 1(260), tr. 86-87.

2021. NGUYỄN THÀNH. **Tư liệu về bà Andrée Viollis trong cuốn *Lịch sử nhà đày Buôn Ma Thuột (1930-1945)*** - Documents on Miss Andrée Viollis in the book *History of the prison of Buon Ma Thuot (1930-1945)* - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 86.

2022. NGUYỄN THÀNH. **Tìm hiểu tư tưởng chính trị của Huỳnh Thúc Kháng** - Research on the political ideology of Huynh Thuc Khang - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 7-15.

2023. NGUYỄN THÀNH. ***Hồ Chí Minh à Paris 1917-1923* của Trung Thu - Gaspard (Đọc sách)** - Reading the book: *Ho Chi Minh à Paris (1917-1923)* - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 89-90.

2024. NGUYỄN THÀNH. **Vài ý kiến về bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* năm 1919** - Some thinkings about the text *Certain requirements of the Annam people in 1919* - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 87-90.

2025. NGUYỄN THÀNH. **Đọc *Sự trấn áp thuộc địa ở Việt Nam (1908-1940)*** - Reading the book: *The colonial repression in Vietnam (1908-1940)* - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 78-84.

2026. NGUYỄN THÀNH. **Bàn về thời điểm khởi đầu và kết thúc của Cách mạng Tháng Tám năm 1945** - Discussion about the beginning and the ending period of the August Revolution of 1945 - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 80-83.

2027. NGUYỄN THÀNH. **Trong lịch sử nước ta đã có hai hay ba bản *Tuyên ngôn độc lập?*** - Are there two or three Declarations of independence in our country history? - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 84-86.

2028. NGUYỄN THÀNH. **Về *Ngày báo chí Việt Nam*** - About *The Day of Vietnam press* - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 92-93.

2029. NGUYỄN THÀNH. **Sự chỉ đạo Mặt trận Phản đế của Đảng và thực tiễn của bài học kinh nghiệm phong trào Xô viết Nghệ-Tĩnh** - The anti-imperialist front under the guidance of the Party and the practicality of the lessons of experience drawn from the Nghe -Tinh soviet movement - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 5-8.

2030. NGUYỄN THÀNH. **Về Phong trào Đông Dương Đại hội** - On the movement for the Indochinese Congress - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 82-86.

2031. NGUYỄN THÀNH. **Về hoạt động của nhóm văn hóa mác-xít Pháp ở Nam Bộ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp** - About the activities of the French Marxist cultural group in Cochinchina during the initial years of the resistance war against the French invaders - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 20-24.

2032. NGUYỄN THÀNH. **Hai phát hiện lý luận quan trọng trên cơ sở lịch sử qua Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc viết năm 1924** - Two important theoretical discoveries made on the basis of history through the report drawn up by Nguyen Ai Quoc in 1924 - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 1-4.

2033. NGUYỄN THÀNH. **Mặt trận Nhân dân ở Pháp và Mặt trận Dân chủ Đông Dương** - The People Front in France and the Indochina Democratic Front - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 10-17.

2034. NGUYỄN THÀNH. **Đông Kinh Nghĩa Thục và Đại Nam (Đăng cổ Tùng báo)** - Dong Kinh nghia thuc and Dai Nam (Dang co Tung bao) - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 17-20.

2035. NGUYỄN THÀNH. ***Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris* (Đọc sách)** - Reading the book *Negotiations between Le Duc Tho and Kissinger in Paris* - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 93-94.

2036. NGUYỄN THÀNH. **Ngô Gia Tự trả lời phỏng vấn trước Phòng Dự thẩm Toà án tỉnh Bắc Ninh ngày 9, 22 và 24-1-1931** - Ngo Gia Tu answered the questions before the magistrate at Bac Ninh province lawcourt on 9th, 22nd and 24th January 1931 - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 60-67.

2037. NGUYỄN THÀNH. **Về tác phẩm *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương* của đồng chí Nguyễn Văn Cừ** - About the book *Rights of freedom and democracy with the Indochinese people* - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 63-67.

2038. NGUYỄN THÀNH. **Một sự lầm lẫn về lịch sử** - A misunderstanding on history - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 64-65.

2039. NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG. **Nước Mỹ trong tác phẩm *Những bức thư của người nông dân Mỹ*** - The United States in the work's *American Farmer's letters* - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 89-92.

2040. NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG. **Nền dân chủ Mỹ qua tác phẩm *Democracy in America*** - The American democracy through the work *Democracy in America*- NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 83-88.

2041. NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG. **Người Mỹ gốc Phi trong xã hội Mỹ thời đầu lập nước** - The Afro-American in the American Society in the Early Time of the National Foundation - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 61-68.

2042. NGUYỄN THẾ. **Phát hiện văn bản Hán Nôm cổ cách đây 546 năm tại Phong Điền (Thừa Thiên-Huế)** - A documents in Sino-demotic characters dated from 546 years ago was discovered in Phong Dien (Thua Thien-Hue) - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 81-86.

2043. NGUYỄN THẾ HOÀN. **Hương ước một số làng ở Quảng Bình trước năm 1945** - Some village conventions in Quang Binh before 1945 - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 28-35.

2044. NGUYỄN THẾ HUỆ. **Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội** - Comrade Nguyen Ai Quoc and the Vietnam Revolutionary youth Association - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 48-56.

2045. NGUYỄN THẾ HUỆ. **Về dân số Việt Nam thời Cổ - Trung đại** - On the Vietnamese population in the Antiquity and the Middle Ages - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 60-65.

2046. NGUYỄN THẾ HUỆ. **Vài nét về dân số Hà Nội từ thập kỷ 20 đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ Hai** - Some features on the Ha Noi population from the 1920s of the 20th Century to the Second World War - NCLS, 1992, số 2 (262), tr. 38-42.

2047. NGUYỄN THẾ HUỆ. **Về dân số Việt Nam từ thập kỷ 20 đến trước Cách mạng Tháng Tám** - Vietnam population from the second decade of the 20th Century to the eve of August Revolution - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 49-52.

2048. NGUYỄN THẾ HUỆ. **Xã Xuân Tiến 50 năm qua (Từ góc độ dân số và phát triển)** - The commune Xuan Tien (district of Xuan Thuy province of Nam Ha) in the past 50 years (From the angle of population and development) - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 80-86.

2049. NGUYỄN THẾ HUỆ. **Về di dân nông nghiệp vùng nông thôn châu thổ sông Hồng giai đoạn 1981-1990** - About the emigration of agricultural population in the Red River Delta between 1981-1990 - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 35-38.

2050. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG. **Góp ý kiến với ông Nguyễn Đổng Chi về *Một vài vấn đề về văn học sử*** - Exchange of opinions with Mr. Nguyen Dong Chi about *Some questions of literary history* - VSĐ, 1956, số 17, tr. 77-82.

2051. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG. **Tiếng Mường và mối liên quan về nguồn gốc giữa người Mường và người Kinh** - The Muong language and the relations on the source between the Muong people and the Kinh people - VSĐ, 1958, số 42, tr. 68-75.

2052. 1627. NGUYỄN THẾ TĂNG. **Vài nét về tình hình nghiên cứu lịch sử Việt Nam trong thời gian gần đây ở Nhật Bản** - Researches on Vietnam 's history in Japan - NCLS, 1973, số 152, tr. 53-57.

2053. NGUYỄN THẾ TĂNG. **Vài nét về nước Cămpuchia thời kỳ Ăngco** - Some features about Cambodia in the Angkor times - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 79-84.

2054. NGUYỄN THẾ TĂNG. **Tìm hiểu về ruộng đất tư ở Cămpuchia thời kỳ Ăngco** - Study on private ricefields and lands in the Angkor period at Kampuchea - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 70-75.

2055. NGUYỄN THỊ BẢY. **Di sản gốm sứ ở Thăng Long - Hà Nội (Qua các đồ nấu nướng)** - Ceramic legacy at Thang Long - Ha Noi (through cooking utensils) - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 73-76.

2056. NGUYỄN THỊ BẢY. **Vài nét về ngành văn hóa học ẩm thực Việt Nam** - Some Remarks on Studies on Eating and Drinking Culture in Vietnam - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 69-71.

2057. NGUYỄN THỊ CHINH. **Sách báo cách mạng và tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng chính trị sai lầm, phản động thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939)** - The Revolutionary and Progressive Newspapers and Books in the Struggle against the Wrong and Reactionary Political Tendencies during the Democratic Front Period (1936-39) - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 39-46.

2058. NGUYỄN THỊ CÔI. **Về sách giáo khoa lịch sử Phổ thông Trung học (chương trình cải cách)** - About the textbooks on general history for Secondary school in the program of reform - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 25-28.

2059. NGUYỄN THỊ CÔI. **Về sách giáo khoa lịch sử ở trường Phổ thông Trung học Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay** - About textbooks of history in Vietnam Secondary schools from the August Revolution up to now / Nguyễn Thị Côi, Phạm Thị Kim Anh - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 87-93.

2060. NGUYỄN THỊ DƯƠNG. **Học Hải Đường và việc in sách đầu thế kỷ XIX** - Hoc Hai Duong and the book printing in the early 19th century - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 59-63.

2061. NGUYỄN THỊ ĐẢM. **Tìm hiểu về ngành vôi thủy *Long Thọ* ở Huế** - Research in the hydraulic lime craft *Long Tho* in Hue - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 44-48.

2062. NGUYỄN THỊ ĐẢM. **Tìm hiểu mối quan hệ công nhân Nhà máy vôi thủy Long Thọ (Huế) với làng xã (1896-1945)** - Reseach about the relations of hydraulic lime factory workers at Long Tho (Hue) with the villages and communes (1896-1945) - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 24-27.

2063. NGUYỄN THỊ ĐẢM. **Quá trình hình thành và phát triển khu vực hành chính Nam sông Hương - Huế cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX** - The

creaction and development process of South Perfume river Administrative zone in the last 19th - early 20th century - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 56-61.

2064. NGUYỄN THỊ ĐẢM. **Vấn đề nhượng địa ở Huế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX** - Territory concession in Hue in Late 19th and Early 20th centuries - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 3-13.

2065. NGUYỄN THỊ ĐẢM. **Việc chuyển nhượng và cấp đất đai của chính quyền thực dân Pháp ở Đà Nẵng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX** - Land transference and land issue of the French colonialist administration in Da Nang in late 19th century - early 20th Century - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 19 - 27.

2066. NGUYỄN THỊ LỆ HÀ. **Nguyễn Văn Vĩnh với việc cổ vũ và truyền bá chữ Quốc ngữ đầu thế kỷ XX** - Nguyen Van Vinh and the Propagation and Introduction of the Quoc Ngu (National Script) in the Early of 19th Century - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 19-27.

2067. NGUYỄN THỊ QUẾ. **Con đường hòa hợp dân tộc của cách mạng Lào (1954-1975)** - The national concord advocated by Laotinan revolution in the 1954-1975 period - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 94-101.

2068. NGUYỄN THỊ QUẾ. **Tình hình nước Lào sau Hiệp nghị Giơnevơ 1954 và con đường hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc** - The situation of Laos Country after the Geneva treaty of 1954 and the road to peace neutrality and national Concord - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 63-69.

2069. NGUYỄN THỊ QUẾ. **Lực lượng trung lập yêu nước trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào** - The patriotic forces in the national demorcratic revolution in the Laos - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 56-60, 93.

2070. NGUYỄN THỊ QUẾ. **25 năm quan hệ Việt Nam - Thái Lan** - 25 years of Vietnam - Thailand relation - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 70-78.

2071. NGUYỄN THỊ KIM VÂN. **Quá trình khai phá đất đai và tụ cư của người Việt ở Gia Lai - Kon Tum từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XX** - The process of land exploitation and habitation of Vietnamese in Gia Lai-Kon Tum from the 17th century to first-half of 20th century - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 43-49.

2072. NGUYỄN THỊ KIM VÂN. **Sự ra đời và phát triển của hệ thống giao thông ở Gia Lai-Kon Tum trước năm 1975** - The appearance and development of Gia Lai - Kon Tum communication system before 1975 - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 49-54.

2073. NGUYỄN THỊ KIM VÂN. **Bàn thêm về vấn đề ruộng đất ở Bắc Tây Nguyên dưới thời Mỹ - ngụy (1954-1975)** - Adding to Discuss on Land

Problem in North Tay Nguyen (Plateau) under American Puppet Regime (1954 - 1975) - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 29-38.

2074. NGUYỄN THỊ NGỌC LÂM. **Vài nét về sự phân bố, tổ chức lực lượng nữ trong quân đội thời kỳ 1965-1975** - Some traits on distribition and organization of female in the military forces during the period of 1965-1975- NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 17-23.

2075. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI. **Vài nét về điền trang thời Trần ở Lệ Thủy (Quảng Bình)** - Some traits on the farm of the Tran dynasty in Le Thuy (Quang Binh) - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 79-83.

2076. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI. **Thử tìm hiểu vị trí, vai trò của thái ấp ở các ngã ba sông thời Trần** - To try to study position and role of several farms on confluences under Tran dynasty - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 53-58.

2077. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI. **Vài nét về tình hình điền trang thời Trần** - Some features on farms situation in Tran Dynasty - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 50-58.

2078. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI. **Tìm hiểu quy mô thái ấp thời Trần** - Study on Feul size under Tran dynasty - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 51-54.

2079. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI. **Vài nét về thái ấp Văn Trinh của Trần Nhật Duật** - Some Remarks on the Van Trinh Estate of Tran Nhat Duat - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 14-20.

2080. NGUYỄN THỊ THÚY NGA. **Những đóng góp của Nguyễn Thông qua tác phẩm *Việt sử cương giám khảo lược*** - Nguyen Thong 's contributions through the work *Viet su cuong giam khao luoc* / Nguyễn Thị Thúy Nga, Dương Thái Minh - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 84-90.

2081. NGUYỄN THỊ THƯ. **Lênin và *Sự thức tỉnh châu Á*** - Lenin and the *Wakening of Asia* / Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Anh Thái // NSLS, 1984, số 5 (217), tr. 9-14, 24.

2082. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI. **Phan Bội Châu trong lịch sử cách mạng Việt Nam** - Phan Boi Chau in the Vietnam revolutionary history - NCLS, 1967, số 104, tr. 41-44.

2083. NGUYỄN THÙY DƯƠNG. **Tình hình kinh tế Nam Kỳ** - Cochinchina economic review - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 80-89.

2084. NGUYỄN THÙY DƯƠNG. **Tìm hiểu các loại ngân sách của thực dân Pháp trên địa bàn Hà Tiên - Rạch Giá (1867-1914)** - Carry out the

budgets of the French colonianism in Ha Tien - Rach Gia area (1867-1914) - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 68-72.

2085. NGUYỄN THỪA HỶ. **Về kết cấu đẳng cấp của thiết chế chính trị - xã hội thời Lý-Trần** - On the structure of caste of the politico-social institutions at the period Ly-Tran - NCLS, 1976, số 169, tr. 42-53.

2086. NGUYỄN THỪA HỶ. **Mạng lưới chợ ở Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII-XVIII-XIX** - The network of market places of Thang Long - Ha Noi in the 17-18-19th Centuries - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 33-43.

2087. NGUYỄN THỪA HỶ. **Phố phường Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII-XVIII-XIX** - The streets in the Thang Long - Ha Noi city in the 17-18-19th Centuries - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 52-60; số 4 (211), tr. 46-51.

2088. NGUYỄN THƯỜNG. **Lịch với lịch sử kinh tế chính trị và chiến tranh** - Calendar and economical, political and war history - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 51-59.

2089. NGUYỄN THƯỢNG HIỀN. **Giọt lệ bể dâu** ***(Tang lệ hải đàm)*** - The drops of tear in the ups and downs of life (Tang le hai dam) - VSĐ, 1958, số 43, tr. 80-88.

2090. NGUYỄN TIẾN ĐOÀN. **Qua cuốn** ***Ngô gia thế phả*** **mới tìm thấy được ở Thái Bình** - After reading the book *Ngo gia the pha* recently found out at Thai Binh / Nguyễn Tiến Đoàn, Thanh Vân - NCLS, 1976, số 6 (171), tr. 80-83.

2091. NGUYỄN TIẾN LỘC. **Bản danh mục làng xã huyện Thọ Xương - Vĩnh Thuận (Hà Nội) năm 1889** - The list of villages in Tho Xuong - Vinh Thuan districts (Hanoi) in 1889 - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 75-80.

2092. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Phan Bội Châu viết về các nhà lãnh đạo công cuộc duy tân ở Nhật Bản - Yoshida Shoin và Saigo Takamori** - The writings of Phan Boi Chau about the leaders of the Reform in Japan: Yoshida Shoin và Saigo Takamori - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 38-49.

2093. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Phong trào lưu học của thanh niên Việt Nam ở Nhật Bản (1905-1909)** - The student movement of Vietnam youth in Japan (1905-1909) - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 19-29.

2094. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Một tư liệu quan trọng về Phong trào Đông Du ở Nhật Bản** - An important document about the Dong du movement in Japan - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 82-83.

2095. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Phan Bội Châu và Lương Khải Siêu ở Nhật Bản - Tiếp xúc và ảnh hưởng** - Phan Boi Chau and Luong Khai Sieu in Japan - Contact and influence - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 9-21.

2096. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Kashiwabara Buntaro với Phong trào Đông Du của Việt Nam (1905-1909)** - Kashiwabara Buntaro with the Dong du movement of Vietnam (1905-09) - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 68-78.

2097. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Nhận thức về Meiji Duy tân của các nhà tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Trường hợp Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch** - Knowledge about Meiji Duy tan by Vietnamese reformers in the late XIXth Century (Cases of Nguyen Truong To and Nguyen Lo Trach) - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 76-80; số 2 (291), tr. 59-63.

2098. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Nhận thức về Meiji Duy tân của giới trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trường hợp Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh** - Knowledge about Meiji Duy tan by Vietnamese intellectuals in the early 20th Century (Cases of Phan Boi Chau and Phan Chau Trinh) - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 21-31.

2099. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Các chí sĩ độc lập An Nam** - Annam revolutionaries for independence - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 60-67.

2100. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Quan hệ thương mại Việt - Nhật trong những năm 1929-1939** - Vietnamese-Japanese trade relations in 1929-39- NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 67-73.

2101. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Quan hệ thương mại Việt -Nhật (1913-1928)** - Trade relations between Vietnam and Japan (1913-28) - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 55-65.

2102. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Các cuộc thương thuyết về thương mại giữa Nhật Bản và Đông Dương (1940-1941)** - The Negotiations on trade between Japan and Indochina (1940-41) - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 73-78.

2103. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Sự biến đổi trong quan hệ thương mại Nhật Bản - Đông Dương (1940-1945)** - The Changes in Japanese - Indochinese trade relations (1940 - 45) - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 72 - 76.

2104. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Phong trào lưu học của thanh niên Nhật Bản vào thời Meiji** - The Movement of the Japanese Youth to go Abroad to Study during the Meiji Period - NCLS, 2004, Số 4 (335), tr. 53-60.

2105. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Vai trò của sứ đoàn Iwakura đối với sự nghiệp Cận đại hóa Nhật Bản** - The Iwakura Mission's Roles Concerning the Cause of Japanese Modernisation - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 51-61.

2106. NGUYỄN TRI THƯ. **Mặt trận Việt Minh - Vấn đề dân tộc và giai cấp** - The Viet Minh Front - The problems of nation and class - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 21-26.

2107. NGUYỄN TRI THƯ. **Lịch sử Việt Nam hiện đại - Đôi điều về phương pháp luận và trách nhiệm** - Vietnam contemporary history - Some opinions on method and responsibility - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 39-40.

2108. NGUYỄN TRI THƯ. **Công cuộc xây dựng bộ máy hành chính cách mạng thời kỳ (1945-1946)** - Building of the Revolutionary administrative apparatus in the period of (1945-1946) / Nguyễn Tri Thư, Nguyễn Huy Cát - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 1-9.

2109. NGUYỄN TRI THƯ. **Công cuộc xây dựng bộ máy hành chính - kháng chiến thời kỳ (1946-1954)** - Building of the Revolutionary administrative apparatus in the period of (1946-1954) / Nguyễn Tri Thư, Nguyễn Huy Cát - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 6-12.

2110. NGUYỄN TRI THƯ. **Công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền cơ sở trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)** - The process of building and consolidating basic power during the anti-French resistance war 1945-1954 / Nguyễn Tri Thư, Nguyễn Huy Cát - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 10-17.

2111. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Một số tư liệu về thủy thủ Việt Nam trong các Công ty hàng hải Pháp** - Documents of Vietnamese sailors in the French maritime transport Companies - NCLS, 1973, số 150, tr. 13-20.

2112. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Những hình thức tổ chức và đấu tranh của thủy thủ Việt Nam từ năm 1919 đến 1935** - The organizational Models and Struggle of the Vietnamese Sailors in 1919-35 - NCLS, 1973, số 151, tr. 26-32.

2113. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Phong trào thủy thủ Việt Nam ở Pháp thời kỳ Mặt trận Nhân dân Pháp (1934-1939)** - Vietnamese seamen's movement in France in the French people's Front period (1934-39) - NCLS, 1974, số 159, tr. 41-50.

2114. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Phong trào thủy thủ và lao động Việt Nam ở Pháp trong Đại chiến thế giới thứ Hai (1939-1945)** - The movement of the Vietnamese seaman and workers in France during World War II (1939-45) - NCLS, 1975, số 162, tr. 20-28.

2115. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Vài nét về phong trào diệt giặc dốt ở Việt Nam trong 5 năm đầu kháng chiến chống Pháp (1946-1950)** - Some features about the anti-analphabetism campaign in Vietnam during the first five years of the anti French resistance (1946-1950) - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 38-46.

2116. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Tình hình công nhân Việt Nam ở Tân Thế và Tân Đảo** - Situation of Vietnamese workers in New Hebrides and New Caledonia - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 66-72.

2117. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Phong trào công nhân Việt Nam ở Tân Thế, Tân Đảo trong Đại chiến thứ Hai** - The Movement of Vietnamese workers at New Hebrides and New Caledonia in the period of the Second World War - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 83-89.

2118. NGUYỄN TRỌNG CỔN. **Một số hoạt động yêu nước của công nhân Việt Nam ở Tân Thế, Tân Đảo sau Cách mạng Tháng Tám 1945** - Some patriotic activities of Vietnamese workers in New Hebrides and New Caledonia since the August Revolution of 1945 - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 63-70.

2119. NGUYỄN TRỌNG HẬU. **Vị trí của địa bàn Thái Lan trong các hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những năm 1947-1949** - The position of Thailands area in foreign activities of the Domocratic Republic of Vietnam in 1947-1949 period - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 80-84.

2120. NGUYỄN TRỌNG HẬU. **Một vài suy nghĩ cần trao đổi với tác giả sách *Khắc họa chân dung tử tù trong lịch sử đấu tranh giữ nước giai đoạn 1858-1975*** - Some thoughts must be exchanged with the author of the book *Engrave death-sentenced prisoners' portraits in the history of struggle for country's defense in 1858-1975* - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 89-91.

2121. NGUYỄN TRỌNG HẬU. **Lời tường thuật của một đại biểu Việt Nam tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản (tháng 7-1935)** - Narrative of a Vietnamese delegate participating in Komintern 7th Congress (July-1935) - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 84 - 86.

2122. NGUYỄN TRỌNG HOÀNG. **Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam** - The French colonialists policy on education in Vietnam - NCLS, 1967, số 96, tr. 13-25.

2123. NGUYỄN TRỌNG PHÚC. **Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao sau Hiệp định Giơnevơ 1954** - Searching for understanding the thought of Ho Chi Minh about diplomacy after the Geneva treaty of 1954- NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 21-24.

2124. NGUYỄN TRỌNG PHÚC. **50 năm bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam (9/11/1946 - 9/11/1996)** - On the occasion of the 50th anniversary of the first democratic Constitution of Vietnam (9.11.1946-9.11.1996) - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 1-5.

2125. NGUYỄN TRỌNG THỤ. **Xã Nam Liên và làng Kim Liên quê hương của Hồ Chủ tịch** - Nam Lien commune and Kim Lien village - Native land of President Ho - NCLS, 1965, số 74, tr. 3-17.

2126. NGUYỄN TRỌNG VĂN. **Giới thiệu hai bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh mới tìm thấy** - Two newly discovered articles by President Ho Chi Minh - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 70-73.

2127. NGUYỄN TRỌNG VĂN. **Nguyễn Trường Tộ với vấn đề hòa nhập vào thế giới để phát triển** - Nguyen Truong To and the question of integration into the world for the development - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 29-31.

2128. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN. **Nhân sĩ Quảng Ngãi trong vụ kháng thuế năm 1908** - The confucian Scholars in Quang Ngai in the struggle against taxes in the 1908 - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 70-75.

2129. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN. **Việc sản xuất muối ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX** - The production of salt in Vietnam in the first half of 20th century - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 23-28.

2130. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN. **Quá trình thiết lập hệ thống phòng thủ cửa Thuận An (Huế) dưới triều Nguyễn** - The process of establishing Thuan An defence system (Hue) under the Nguyen dynasty - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 42-51.

2131. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN. **Hải Vân Sơn - Vị trí chiến lược quan trọng phòng vệ kinh đô Huế hồi đầu chống Pháp xâm lược** - Hai Van Son (Sea Cloud mountain) - An important strategic position to defend Hue capital in the first-time resistance against the French aggression - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 33-37.

2132. NGUYỄN TRƯỜNG. **Nhận thức của Phan Bội Châu về vai trò quần chúng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc** - Phan Boi Chau's conception of the role masses in the struggle for national liberation - NCLS, 1972, số 143, tr. 31-41.

2133. NGUYỄN TUẤN LIÊU. **Mấy nét về tình hình và nhận xét về chế độ quằng trong dân tộc Tày ở Hà Giang** - Some features of situation and remarks on the quang regime in the minority people Tay in Ha Giang - NCLS, 1962, số 44, tr. 17-26.

2134. NGUYỄN TUẤN LIÊU. **Quá trình biến đổi cách mạng khó khăn và chậm chạp của huyện Đồng Văn trong những năm sau Cách mạng Tháng Tám** - Difficult and slow revolutionary changes in Dong Van district during the post-August Revolution years - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 18-27.

2135. NGUYỄN TUẤN LƯƠNG. **Thêm một số tư liệu về khởi nghĩa Hai Bà Trưng trên đất Lĩnh Nam** - Complementary documents relative to the revolt of Trung Sisters in Linh Nam region - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 81.

2136. NGUYỄN TƯ HOÀNH. **Có nên chữa lại những tác phẩm văn học trước cách mạng hay không?** - Is it required to correct the literary works before the revolution? / Nguyễn Tư Hoành, Nguyễn Huệ Chi - VSĐ, 1957, số 35, tr. 71-77.

2137. NGUYỄN TƯ HOÀNH. **Nhân đọc *Văn học trào phúng Việt Nam* của ông Văn Tân** - Reading the work of Mr. Van Tan: *The Vietnam humourous literature* / Nguyễn Tư Hoành, Nguyễn Huệ Chi - VSĐ, 1958, số 42, tr. 80-96.

2138. NGUYỄN TỐ UYÊN. **Vài nét về cuộc tổng di chuyển cơ quan, kho tàng, máy móc nhằm đưa đất nước bước nhanh vào cuộc chiến tranh vệ quốc** - Some features on the general displacement of offices, stores, machines to bring the country in the patriotic war - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 28-34.

2139. NGUYỄN TỐ UYÊN. **Việt Bắc - Mồ chôn chiến lược *Đánh nhanh thắng nhanh* của bọn xâm lược Pháp** - Viet Bac - The Tomb of the French invaders' *Quick Fight, Quick Win* Strategy - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 9-14.

2140. NGUYỄN TỐ UYÊN. **Thi đua ái quốc - Một nhân tố thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)** - Patriotic emulation - A factor contributed to success of the anti-French resistance war (1945-1954) - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 3-9.

2141. NGUYỄN TỐ UYÊN. **Đồng bào các dân tộc Tây Bắc với chiến thắng Điện Biên Phủ** - Commemorating the 45th anniversary of the Dien Bien Phu victory - Tay Bac's ethnic minorities with Dien Bien Phu victory - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 3-7.

2142. NGUYỄN VĂN BÁCH. **Đối chiếu *Nam dược thần hiệu* (NDTH) của Tuệ Tĩnh với các tác phẩm của Cung Đình Hiền** - Confronting *Nam duoc than hieu* (Southern medicine miraculous effects) with Cung Dinh Hien's works - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 68-69.

2143. NGUYỄN VĂN BÁCH. **Đối chiếu *Nam dược thần hiệu* (NDTH) với *Bản thảo Cương mục* (BTCM) của Lý Thời Trân** - Confronting *Nam duoc than hieu* (Southers medicine miraculous effects) with *Ban thao cuong muc* (Outline rough copy) of Ly Thoi Tran / Nguyễn Văn Bách, Nguyễn Thiện Quyến - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 70-71.

2144. NGUYỄN VĂN BÔI. **Vài suy nghĩ về di sản tài nguyên biển và tác động của con người trong quá trình lịch sử dân tộc** - Inherited resources of the sea and man's action in the course of our history - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 80-83.

2145. NGUYỄN VĂN CHIẾN. **Vài nét về phong trào chống Pháp của đồng bào các dân tộc Gia Lai - Kon Tum cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX** - Some

features in the anti-French movement of the Gia Lai - Kon Tum minorities fellow-countrymen at late 19[th]-early 20[th] century - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 34-39.

2146. NGUYỄN VĂN CHIẾN. **Vấn đề lịch sử Văn miếu Hưng Yên** - The Historical Issues of the Temple of Literature of Hung Yen - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 72-73.

2147. NGUYỄN VĂN DỊ. **Nghiên cứu về trận Bạch Đằng (1288)** - Research on the Bach Dang battle (1288) / Nguyễn Văn Dị, Văn Lang - NCLS, 1962, số 43, tr. 27-36.

2148. NGUYỄN VĂN DỊ. **Bàn thêm về trận Bạch Đằng (1288)** - Discussing more concretely on the Bach Dang battle (1288) / Nguyễn Văn Dị, Văn Lang - NCLS, 1963, số 49, tr. 37-45.

2149. NGUYỄN VĂN DỊ. **Nghiên cứu về chiến dịch Tốt Động, Chúc Động (1426)** - Research in the operation Tot Dong, Chuc Dong (1426) - NCLS, 1963, số 56, tr. 24-31.

2150. NGUYỄN VĂN DỊ. **Nghiên cứu về chiến tuyến phòng ngự Sông Cầu năm 1076-1077** - Research on the defensive battle line on the Cau River 1076-1077 / Nguyễn Văn Dị, Văn Lang - NCLS, 1965, số 72, tr. 28-36.

2151. NGUYỄN VĂN DỊ. **Tìm hiểu thêm về cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Đông Hán của nhân dân ta thời Hai Bà Trưng (Đầu năm 42-mùa Thu 44)** - Added study of our resistance against the aggression of Dong Han troops at the period of Hai Ba Trung / Nguyễn Văn Dị, Thanh Ba - NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 32-42.

2152. NGUYỄN VĂN DỊ. **Chiến tranh thần tốc đại phá quân Thanh** - The prompt war or resistance making great defeat to the aggressive army of Ts'ing - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 28-33.

2153. NGUYỄN VĂN ĐĂNG. **Tổ chức tượng cục dưới triều Nguyễn (1802-1884)** - Elephan department's organization under Nguyen dynasty (1802-1884) - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 21-29.

2154. NGUYỄN VĂN ĐĂNG. **Hoạt động của các xưởng sản xuất vũ khí ở Huế thời Nguyễn** - The activities of weapon factories in Hue under Nguyen dynasty - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 61-67.

2155. NGUYỄN VĂN ĐĂNG. **Ngành đóng thuyền ở Huế thời Nguyễn (1802-1884)** - The Shipbuilding in Hue under the Nguyen (1802-84) - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 22-35.

2156. NGUYỄN VĂN ĐẰNG. **Về việc dạy học lịch sử địa phương trong các trường phổ thông ở Hà Nội** - On the Teaching of Local History in the Schools in Hanoi /Nguyễn Văn Đằng, Phạm Văn Hà - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 62-66.

2157. NGUYỄN VĂN ĐỨC. **Một số ý kiến về quyển *Công xã Paris* của Hoàng Vĩ Nam** - Some remarks on the Hoang Vi Nam's book *The commune of Paris* / Nguyễn Văn Đức, Phan Ngọc Liên - NCLS, 1967, số 100, tr. 21-31.

2158. NGUYỄN VĂN HOAN. **Tìm hiểu phong trào *Vô sản hóa* năm 1930** - A research on the movement of *Proletarization* in 1930 - NCLS, 1970, số 134, tr. 10-17.

2159. NGUYỄN VĂN HOAN. **Truyền đơn ủng hộ cách mạng tháng Mười. Vũ khí chiến đấu của những người cộng sản Việt Nam** - Leaflets supporting the October Revolution. Arms of struggle of Vietnamese communists / Nguyễn Văn Hoan, Đức Vượng - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 6-13.

2160. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Bước đầu tìm hiểu quá trình phát triển của Cách mạng tháng Tư năm 1978 ở Ápganixtan** - Preliminary study on the process of development of the April revolution 1978 in Afghanistan - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 75-82.

2161. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Vài nét về hoạt động chống phá Cách mạng Ápganixtan của đế quốc Mỹ và phản động quốc tế** - The anti revolutionary activities of US imperialism and orther international reactionaries in Afghanistan - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 71-76.

2162. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Chiến thắng lịch sử của Liên Xô ở Viễn Đông, nhân tố quyết định sự đầu hàng của phát xít Nhật** - To historic victory won by the Soviet Union at the Far-East, a decisive factor leading to the Japanese surrender - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 17-21.

2163. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Cách mạng Tháng Tám 1945 trong Đông Nam Á - Thách đố và biến động** - The August Revolution in the Sud East Asia - Challenge and change - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 36-43, 49.

2164. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Mặt trận Việt Minh, con đường hợp lực có hiệu quả của Cách mạng Việt Nam trong cảnh quan Đông Nam Á những năm 40** - The Viet Minh Front, a way combining the Vietnam revolution forces in the context of South East Asia in the 1940 years - NCLS, 1991, số 2 (225), tr. 29-36.

2165. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Sử học, nhìn lại để đổi mới - Chủ đề và tư duy nghiên cứu** - History, a retrospective view for the renovation of the subject and the study through - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 43-44.

2166. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Tuệ Trung Thượng sĩ - trí tuệ Việt Nam, thiền Việt Nam** - The venerable Scholar Tue Trung, Vietnam Intellect, Vietnam Buddism representant - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 29-34.

2167. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Phan Châu Trinh. Hệ luận phê phán đúng và con đường không tưởng** - Phan Chau Trinh. Justcritical corollary and utopian line - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 1-8.

2168. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Những nhân tố thắng lợi trong Chiến tranh châu Á - Thái Bình Dương (1941-1945)** - The factors of victory in the Asia-Pacific War (1941-1945) - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 4-11.

2169. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Chúng ta cần phải đổi mới nội dung giáo trình giảng dạy lịch sử phong trào giải phóng dân tộc** - We must renovate the content of education courses about the national liberation movement history - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 79-83.

2170. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Tân thư-Tân học. Thời đại và nhận thức lịch sử** - *New learning*. Era and the knowledge of the historical truth - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 62-67.

2171. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Một trăm năm phong trào Duy tân Mậu Tuất (1898-1998) của Trung Quốc** - 100[th] anniversary of the movement of Renovation in Mau Tuat lunar year (1898-1998) in China - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 74-84.

2172. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Duy Tân Mậu Tuất qua hai cuộc Hội thảo quốc tế (1988, 1998)** - The issue of Duy Tan Mau Tuat through two International workshops (1988, 1998) - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 93-95.

2173. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Chiếu dời đô - Nhận thức về sự hưng thịnh của một triều đại và tầm vóc phát triển của đất nước** - The Proclamation on the Capital Move - Perception to the dynasty prosperity and to the nations development strature - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 26-28.

2174. NGUYỄN VĂN HUY. **Một số vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu sự hình thành cộng đồng nhân dân Việt Nam XHCN** - Some methodological problems of researching the formation of the socialist community of Vietnamese people - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 69-78, 90.

2175. NGUYỄN VĂN HUY. **Một số vấn đề cải tạo cơ cấu giai cấp xã hội ở miền núi miền Bắc Việt Nam** - Some problems relating to the reformation of the structure of classes and society in North Vietnamese mountain areas - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 23-38, 48; số 5 (218), tr. 44-55.

2176. NGUYỄN VĂN HUYÊN. **Cuộc khởi nghĩa Lê Duy Mật (1738-1770) có phải là cuộc khởi nghĩa nông dân không?** - The insurrection of Le Duy Mat (1738-70) was it a peasant insurrection? - NCLS, 1965, số 81, tr. 44-49.

2177. NGUYỄN VĂN HUYÊN. **Một ấn đồng thời Lê Thánh Tông mới phát hiện ở Hà Nội** - Discovery of a bronze seal under King Le Thanh Tong - NCLS, 1974, số 158, tr. 79-80.

2178. NGUYỄN VĂN HUYÊN. **Vết tích văn hóa Đông Sơn mới phát hiện được ở Lào Cai** - The vestiges of the Dong Son's Culture discovered at Lao Cai - NCLS, 1974, số 159, tr. 75.

2179. NGUYỄN VĂN HUYỀN. **Tìm hiểu thêm về Phạm Văn Nghị, một sĩ phu yêu nước** - Further study on Pham Van Nghi - NCLS, 1975, số 5 (164), tr. 16-23.

2180. NGUYỄN VĂN HUYẾN. **Một số đặc điểm trong lịch sử nước Lào Lan Xạng** - Some particularities in the History of the Laos Lan Xang - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 66-70.

2181. NGUYỄN VĂN KHÁNH. ***Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ XX*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The Dong Kinh Nghia Thuc and the cultural reform movement in the early 20th Century* - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 83-86.

2182. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Thanh niên tri thức và phong trào cộng sản ở Việt Nam trước năm 1930** - Young intellectuals and the communist in Vietnam prior to 1930 - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 67-75.

2183. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Phong trào Cần vương chống Pháp ở miền núi Thanh - Nghệ cuối thế kỷ XIX** - The anti-French movement in upland Thanh - Nghe late the 19th Century - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 39-45.

2184. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Vần - Hiền Lương - một căn cứ cách mạng ở miền Tây Bắc** - Van - Hien Luong, a revolutionary in the North - Western Region / Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Danh Tiên - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 71-78.

2185. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Vài suy nghĩ về thế hệ thanh niên tri thức Việt Nam đầu thế kỷ XX** - Some reflections about the intellectual young generation at the beginning of the 20th Century - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 25-28.

2186. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Quá trình chuyển biến cơ cấu xã hội Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám 1945** - The process of Vietnam social structure transformation from the middle of the 19th century to the August Revolution of 1945 - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 14-29.

2187. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Thêm một số tư liệu về Việt Nam Quốc dân đảng trên địa bàn Lâm Thao (Vĩnh Phú)** - Some more documents about Vietnam Quoc Dan Dang in the area of Lam Thao (Vinh Phu) - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 82-86.

2188. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Quan Tử - một làng Nho học - một làng Tiến sĩ thời Lê sơ** - Quan Tu - A village of Confucianists and Doctors under the early of Le dynasty / Nguyễn Văn Khánh, Lê Kim Bá Yến - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 63-70.

2189. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Tìm hiểu về châu Giã Năng và ấp Thái Bình thời Lý Bí** - An additional study on Gia Nang area and Thai Binh hamlet under the Ly Bi dynasty - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 84-86.

2190. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Biến đổi ruộng đất ở làng Mộ Trạch (Hải Dương) từ đầu thế kỷ XIX đến năm 1945** - Changes of the land in Mo Trach village (Hai Duong province) from the early $19^{th}$ century until 1945 - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 33-41.

2191. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Biến đổi ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở Mộ Trạch (Hải Dương) trước và trong thời kỳ *Đổi mới*** - Changes in agrarian situation and agricultural economy in Mo Trach (Hai Duong) before and during the *Đoi moi* (renovation) process / Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Sửu - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 27-41.

2192. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Chính sách đất đai của thực dân Pháp ở Việt Nam** - The French colonists 's agrarian policies in Vietnam Content and consequence - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 3-14.

2193. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Địa bạ Bắc Kỳ thời Pháp thuộc** - Tonkin cadastre in French domination period - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 43-48.

2194. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Trí thức Việt Nam với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc** - Vietnamese intelligentsia and the struggle for national liberation - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 9-16.

2195. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Thêm một tài liệu mới về việc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa** - Another new document to the preservation of Vietnamese sovereignty on Hoang Sa- Truong Sa (Paracels and Spratlys) archipelagos - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 78-80.

2196. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Hai mươi năm đổi mới quan hệ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp Việt Nam - Thành tựu và vấn đề** - 20 Years of the Renovation of the Land Regime and the Agriculture in Vietnam - Achievements and Problems - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 3-12.

2197. NGUYỄN VĂN KHÁNH. **Hệ thống ngạch bậc công chức của Chính quyền thuộc địa ở Bắc và Trung Kỳ (Qua Nghị định năm 1936)** - The Hierarchial System of Civil Officials of the Colonial Government in Tonkin and Annam (According to the Decree 1936) - NCLS, 2004, Số 2 (333), tr. 59-72.

2198. NGUYỄN VĂN KHOA. **Chế độ côn hươn ở vùng Thái, Khu tự trị Thái Mèo** - The regime of Con Huon in the autonomous region of Thai Meo people - NCLS, 1961, số 27, tr. 63-67.

2199. NGUYỄN VĂN KHOAN. **Giao thông liên lạc của Đảng ta trong Cao trào vũ trang khởi nghĩa 1941-1945** - The communication and the liaison of our Party in the high or armed insurrection movement in 1941-45 - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 32-35.

2200. NGUYỄN VĂN KHOAN. **Góp một số ý kiến nhỏ với sách *Hà Huy Tập - Tổng Bí thư của Đảng (1906-1938)*** - Some small ideas contributing to the book *Ha Huy Tap - general secretary of the Party (1906 - 1938)* - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 88-90.

2201. NGUYỄN VĂN KHOAN. **Việt kiều tham gia giành chính quyền ở Thà Khẹt, tháng 8 năm 1945** - Vietnamese nationals participating in power's putting up in Tha Khet, August 1945 - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 79 -82.

2202. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Tìm hiểu xu hướng và thực chất của Đông Kinh Nghĩa Thục** - An inquiry on the tendency and the essence of Dong Kinh Nghia Thuc - NCLS, 1964, số 66, tr. 39-45.

2203. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Mấy vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm về mối liên hệ giữa giai cấp công nhân Việt Nam với giai cấp nông dân Việt Nam** - Some problems about the relations between the Vietnamese working class and the Vietnamese peasant class must be studied more deeply - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 70-73.

2204. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Sự thành lập Hội Thừa sai Paris** - The foundation of the Paris Foreign Mission - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 9-13, 23.

2205. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Cuộc đấu tranh chống Giáo hội Thiên chúa La Mã trong cách mạng tư sản Pháp (1789-1801)** - The struggle against Roman Catholic Church (1789-1801) - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 58-67.

2206. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Về mấy vấn đề xung quanh cuộc khởi nghĩa Yên Thế** - About some questions relative to the Yen The insurrection - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 49-61.

2207. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam. Thực chất, hậu quả và hệ lụy** - The admittance of Catholocism to

Vietnam. Its essences, consequences and involvements - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 16-28.

2208. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Chính sách tôn giáo của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The religion policies of the Nguyen dynasty in the first half of the 19th Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 21-31.

2209. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Vài nét về tình hình giao thương giữa Việt Nam và vài nước lân cận với các nước phương Tây những năm 30 thế kỷ XVIII (Qua bài ghi chép của một giáo sĩ thừa sai Pháp)** - An overview of the business intercourse between Vietnam and a few neighbouring countries and Western countries in the thirties of 18th century (as seen through some notes taken by a French missionary - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 41-47.

2210. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Những nỗi khổ của người nông dân đồng bằng Bắc Kỳ những năm 80-90 thế kỷ XIX (Qua ghi chép của một Giám mục Công giáo)** - The wretch edness of peasants in the Tonkinese Delta in the 1880s and 1890s of 19th century (through the notes of a Christian Bishop) - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 26-39.

2211. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Về bài:** ***Hoạt động truyền giáo của Pháp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ (1856-1883)*** - About the article: *The evangelization of Annam and Tonkin by the French (1856-1883)* - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 82-87.

2212. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Góp thêm vào việc đánh giá Đông Kinh Nghĩa Thục** - A contribution to the evaluation of Dong kinh nghia thuc - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 1-10.

2213. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Vai trò của Giáo hội Thiên chúa trong cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XIX (Giám mục Puginier với việc đánh chiếm và bình định Bắc Kỳ của thực dân Pháp)** - The role of Catholic Congregation in the French invasion in Vietnam in the second half of 19th century (Bishop Puginier with the occupation and pacification of Tonkin of the French Colonialism) - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 37-46; số 4 (299), tr. 29-38.

2214. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Chính sách đối với Thiên chúa giáo dưới thời Tự Đức** - Policies towards Catholicism under the Tu Duc dynasty (1848-1883) - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 35-41; số 2 (309), tr. 37-50.

2215. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Nạn lụt, đói và tình trạng khốn cùng của nông dân Bắc Kỳ trong năm 1857 (Qua lời kể của Retord, Giám mục địa phận Tây Bắc Kỳ)** - Inundation, famine and straitened circumstances of Tonkin peasantry in the year 1857 (through the commentary of Retord, bishop of the West Tonkin diocese - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 85-90.

2216. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Sự truyền bá đạo Thiên chúa ra vùng đất ngoại từ phát kiến địa lý đến hết thế kỷ XIX** - The abroad propagation of Christianity from geographic discovery to the end of the 19th century - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 58-68.

2217. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Hình ảnh 7 tỉnh miền Tây Đàng Ngoài giữa thế kỷ XIX** - Images of seven Western provinces of Dang Ngoai (Northern Vietnam) in middle of the 19th century - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 30-38.

2218. NGUYỄN VĂN KIM. **Người Hà Lan - Những năm đầu ở Nhật Bản** -The Dutchmen in Japan in the first years of their arrival - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 54-59.

2219. NGUYỄN VĂN KIM. **Mấy suy nghĩ về thời kỳ Tokugawa trong lịch sử Nhật Bản** - Some reflecxions about the Tokugawa period in the Japanese history - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 54-61.

2220. NGUYỄN VĂN KIM. **Thời kỳ Tokugawa và những tiền đề cho sự phát triển kinh tế Nhật Bản hiện đại** - The Tokugawa Period and the Premises for Japanese economic development in Modern Time - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 62-66.

2221. NGUYỄN VĂN KIM. **Vài nét về tầng lớp thương nhân và hoạt động thương mại ở Nhật Bản trong thời kỳ Tokugawa** - Some Remarks on the tradesmen class and the trade activities in Japan during the Tokugawa period - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 51-58.

2222. NGUYỄN VĂN KIM. **Chế độ giáo dục ở Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Những đặc điểm tiêu biểu** - The Educational System in Japan during Tokugawa Period - Typical Characteristics - NCLS, 1997, số 52 (294), tr. 59-70.

2223. NGUYỄN VĂN KIM. **Nhật Bản cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII qua con mắt của Giáo sĩ Allessandro Valignano (Từ sự phân tích tác phẩm *The Japanese and the Jesuit* của TS. J.F. Moran)** - Japan in the Late 16th - Early 17th Centuries under the eyes of Bishop Allessandro Valignano (From the analysis of *The Japanese and the Jesuit* by Dr. J.F.Moran) - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 56-62; số 3 (298), tr. 66-72.

2224. NGUYỄN VĂN KIM. **Vai trò của các Tozama Daimyo trong tiến trình cải cách ở Nhật Bản thế kỷ XIX (những vấn đề khoa học đang đặt ra)** - The Roles of Tozama Daimyos in Japanese reform process in the 19th Century (Scientific problems to Be Solved today) - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 66-74; số 4 (305), tr. 53-63.

2225. NGUYỄN VĂN KIM. **Nhật Bản mở cửa - Phân tích nội dung các bản Hiệp ước bất bình đẳng do Mạc phủ Edo ký với phương Tây** - Japan's openning - The Analyse the contents of unequal treaties signed between Edo shogunate and the West - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 71-78; số 4 (317), tr. 75-85.

2226. NGUYỄN VĂN KIM. **Hệ thống buôn bán ở biển Đông thế kỷ XVI-XVII và vị trí của một số thương cảng Việt Nam (Một cái nhìn từ điều kiện Địa-Nhân văn)** - Trade systems on East Sea in $16^{th}$ - $17^{th}$ centuries and the position of some Vietnamese commercial ports (a view-point from geo-humanism conditions). - NCLS, 2002, số 1 (321), tr. 45-52.

2227. NGUYỄN VĂN KIM. **Nhật Bản với những mối liên hệ lịch sử, văn hóa truyền thống** - Japan with Its Traditional Historical, Cultural Connections - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 58-69.

2228. NGUYỄN VĂN KIM. **Về cơ chế hai chính quyền cùng song song tồn tại trong lịch sử Việt Nam và Nhật Bản** - On the Mechanism of two Administrations co-existence in Vietnamese and Japanese Histories - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 62-74.

2229. NGUYỄN VĂN KIM. **Quan hệ của Vương quốc Ryukyu với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVI** - The Relationship between Ryukyu Kingdom and Southeast Asia in the $15^{th}$ - $16^{th}$ Centuries - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 57-67.

2230. NGUYỄN VĂN KIM. **Ryukyu trong quan hệ với Nhật Bản và Trung Quốc thế kỷ XVII – XVIII** - Ryukyu in Relations with Japan and China in the $17^{th}$ - $18^{th}$ Centuries - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 58 - 71.

2231. NGUYỄN VĂN KIM. **Nhật Bản: Ba lần mở cửa - Ba sự lựa chọn** - Japan: Three Times to Open its Country - Three Times to Choose - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 48-60.

2232. NGUYỄN VĂN LAI. **Góp ý kiến về một vài đặc điểm trong việc hiệu đính và chú thích *Chinh phụ ngâm*** - Contributing to the revise and the annotation of *Chinh phu ngam* (The warrior's wife song) - VSĐ, 1957, số 30, tr. 84-87.

2233. NGUYỄN VĂN LỘC. **Cầu Xa Lộc, thành Tam Giang ở đâu?** - On the site of the Xa Loc bridge and the Tam Giang citadel / Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Thị Chúc - NCLS, 1974, số 158, tr. 71-73.

2234. NGUYỄN VĂN LUYỆN. **Vài nét về tổ chức chính quyền địa phương trong năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám dưới góc độ pháp luật** - Some traits on the organization of local authorities during the early years after the August Revolution from the legal point of view - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 24-31.

2235. NGUYỄN VĂN MINH. **Tầm vóc cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và tác động của nó trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam** - The Stature of the Tra Bong Insurrection and Its Impacts on the Revolutionary Struggle of Our People in the South - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 28-31.

2236. NGUYỄN VĂN NGHĨA. **Báo cáo về công tác phát hiện và thăm dò di chỉ tân thạch kỳ ở Cổ Nhuế, Lâm Thao, Phú Thọ** - Report on the discovery and research on the vestiges of the neolithic time at Co Nhue (Lam Thao, Phu Tho) - NCLS, 1960, số 11, tr. 27-34.

2237. NGUYỄN VĂN NHÂN. **Cuộc điều tra về hành động của quân Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc tại một số làng thuộc ngoại thành Hà Nội** - An inquiry on the activities of the Luu Vinh Phuc black flag troups in some villages in the suburb of Ha Noi - NCLS, 1962, số 42, tr. 26-29.

2238. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Mấy nét về tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương từ 1945 đến nay** - Some features about the solidarity between people of Three Countries of Indochina in Their Struggle against common enemy since 1945 today - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 45-46.

2239. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Tìm hiểu về tầng lớp trung nông ở đồng bằng Nam Bộ trước ngày giải phóng** - The middle peasantry in the Nam Bo's plain before liberation - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 15-21.

2240. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ - Những chặng đường và bài học** - Agricultural reformation in the South of Vietnam. Its Stages and the lessons- NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 11-20.

2241. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Về tầng lớp lao động làm thuê trong nông nghiệp ở Nam Bộ - Lịch sử và hiện trạng** - On the agricultural salaried labours stratum in Cochinchina. History and present state - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 63-70.

2242. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Vài nét về hệ thống tín dụng nông nghiệp ở miền Nam trước ngày giải phóng** - Some features on the land bank system in the South of Vietnam before the liberation - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 34-39.

2243. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Về việc đào tạo cán bộ hành chính của ngụy quyền Sài Gòn trước 1975** - About the administrative cadres formation of the false political power at Sai Gon before 1975 - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 13-18.

2244. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Chính sách ruộng đất của chính quyền Sài Gòn ở Tây Nguyên trước ngày giải phóng** - The agratian policy of the Saigon

Administration in Tay Nguyen before the liberation Day - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 9-15.

2245. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Vai trò của lực lượng vũ trang địa phương và nổi dậy của quần chúng trong chiến dịch giải phóng thành phố Đà Nẵng (3-1975)** - The role of the local armed forces and the mass uprising in Da Nang city liberation campaign (in March 1975) - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 25-30.

2246. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Đoàn kết, tổ chức và động viên lực lượng toàn dân giữ vững chính quyền, chuẩn bị kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp** - Unifying, organizing and mobilizing forces of the whole population to preserve the administration and prepare for the National resistance - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 7-13.

2247. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Vấn đề tranh chấp lao động trong một số doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh** - The problem of labour dispute in Ho Chi Minh city - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 34-39.

2248. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Cách mạng Tháng Tám - biểu tượng sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân vì mục tiêu độc lập dân tộc** - The August Revolution - Symbol of general power of all social strata for National Independence - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 22-29.

2249. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Vai trò của các *Ban xung phong* trong việc xây dựng căn cứ địa Tây Bắc thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp** - The role of *Ban xung phong* (Volunteers section) in the setting up of North-West revolutionary base in anti-French resistance period - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 13-22.

2250. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Tính sáng tạo và tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi - Từ khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi tháng 3-1975** - The Creativeness and the Indomitable Spirit of the People in Quang Ngai: from the Tra Bong Insurrection and the Districts of the West to the General Offensive and Uprising for Liberation of Quang Ngai (March 1975) - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 20-27.

2251. NGUYỄN VĂN PHÙNG. **Quan hệ hữu cơ giữa lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc** - Organic relations between Party history and National history - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 14-20.

2252. NGUYỄN VĂN SAN. **Văn tự Thổ và cách ghi âm** - The writing of the Tho people and its phonetic transcription - VSĐ, 1956, số 16, tr. 79-81.

2253. NGUYỄN VĂN SỬU. **Tập thể hóa ở Lào qua tác phẩm *Nông dân Lào dưới chế độ xã hội chủ nghĩa*** - Collectivization in Laos through the work *Laotian peasantry under socialist system* - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 79-88.

2254. NGUYỄN VĂN SỬU. **Nghiên cứu ruộng đất và nông dân Việt Nam - Một số cách tiếp cận lý thuyết** - Research on land and Vietnamese peasants - some Approach on Theory - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 3-10.

2255. NGUYỄN VĂN THÀNH. **Chuông chùa An Xá đúc năm Canh Ngọ (1690) liên quan đến quê hương Lý Thường Kiệt** - The bell of the An Xa Pagoda, founded in the year of Canh Ngo (1690) relating to the native land of Ly Thuong Kiet - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 87-88, 90.

2256. NGUYỄN VĂN THÂM. **Mấy vấn đề sử liệu học lịch sử Việt Nam** - Some problems relating to the source material of the history of Vietnam / Nguyễn Văn Thâm, Phan Đại Doãn - NCLS, 1984, số 5 (218), tr. 31-37.

2257. NGUYỄN VĂN THÂM. **Vấn đề phân loại các nguồn sử liệu của lịch sử Việt Nam** - Classification of Vietnamese historigraphical sources / Nguyễn Văn Thâm, Phan Đại Doãn - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 60-68.

2258. NGUYỄN VĂN THÂM. **Phương pháp hệ thống và việc nghiên cứu các nguồn sử liệu của lịch sử** - Methodology of System and the study of sources in the history of Vietnam - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 68-77.

2259. NGUYỄN VĂN THÂM. **Các nguồn sử liệu và nhận thức lịch sử** - The historical sources and the historical knowledge - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 28-30.

2260. NGUYỄN VĂN THƯ. **Thời cơ trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ** - The opportunity for the strategic offensive at Dien Bien Phu - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 13-20.

2261. NGUYỄN VĂN THƯỞNG. **Góp phần tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Võ Trứ, Trần Cao Vân ở Phú Yên năm 1898** - Contributing to Study on the Vo Tru, Tran Cao Van Insurrection in Phu Yen in 1898 - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 45-50.

2262. NGUYỄN VĂN TÍNH. **Về quê hương của Đào Cam Mộc** - In Dao Cam Moc's native place - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 69.

2263. NGUYỄN VĂN TOẠI. **Vài nét về chi bộ xã Xuân Lũng của Việt Nam Quốc dân đảng năm 1930** - Some features about the Xuan Lung village cell of the Vietnam nationalists in 1930 - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 72-75.

2264. NGUYỄN VĂN TRÒ. **Bàn thêm về căn cứ địa Trường Yên** - Further discussion on the Truong Yen Area - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 53-55.

2265. NGUYỄN VĂN TRƯỜNG. **Vọng cung (hành cung) trong thành Sơn Tây có nên gọi là điện Kính Thiên?** - Should the Vong Palace (Substitutional Palace) in the Son Tay Citadel Be Called as Kinh Thien Royal Hall? - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 72-73.

2266. NGUYỄN VĂN TU. **Vấn đề từ của ngữ ngôn** - The word in language - VSĐ, 1957, số 30, tr. 77-83.

2267. NGUYỄN VĂN XUÂN. **Thông tri chống thuế ở Nghệ - Tĩnh năm 1908** - Circular protesting against taxes at Nghe - Tinh province in 1908 - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 74-76.

2268. NGUYỄN VĂN XUÂN. **Sự thật về phong trào chống thuế năm 1908 ở Nghệ - Tĩnh** - The verity about the movement of protestation against taxes at Nghe - Tinh in 1908 - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 66-72.

2269. NGUYỄN VĂN XUÂN. **Tìm hiểu về vũ khí và một số phương tiện chiến đấu thời Tây Sơn (Nhân đọc *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*)** - Research into weapons and other war materials in the reign of Tay Son - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 24-34.

2270. NGUYỄN VĂN XUÂN. **Đà Nẵng 100 năm về trước** - Da Nang 100 years ago / Nguyễn Văn Xuân, Quốc Anh - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 82-88.

2271. NGUYỄN VIỆT. **Vài nét về địa lý và lịch sử liên quan đến việc xây dựng Hà Nội** - Some features on Geography and history relative to the construction of Ha Noi - VSĐ, 1958, số 46, tr. 82-88.

2272. NGUYỄN VIỆT. **Góp ý kiến với ông Đào Trọng Truyến về mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam dưới thời phong kiến** - Exchange of opinion with Mr. Dao Trong Truyen about the capitalist germ in Vietnam under the feudalism - NCLS, 1961, số 30, tr.46-53.

2273. NGUYỄN VIỆT. **Bàn về mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam dưới thời phong kiến** - Discussion on the capitalist germ in Vietnam under the feudalism - NCLS, 1962, số 35, tr. 21-34; số 36, tr. 28-37.

2274. NGUYỄN VIỆT. **Xung quanh vấn đề mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam: Lò Chum Thanh Hóa** - About the capitalist germ in Vietnam: The factories of jars in Thanh Hoa - NCLS, 1962, số 39, tr. 44-47.

2275. NGUYỄN VIỆT. **Bổ sung một số điểm vào tập tài liệu *Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn* của ông Phan Huy Lê** - Completing some points to the document *The situation of mine exploitation under the Nguyen dynasty* of Mr. Phan Huy Le/ Nguyễn Việt, Hoàng Trọng Lượng - NCLS, 1964, số 62, tr. 22-26.

2276. NGUYỄN VIỆT HOÀI. **Góp ý kiến với ông Nguyễn Văn Lai và các soạn giả *Chinh phụ ngâm*** - Remarks to Mr. Nguyen Van Lai and the editors of *Chinh phu ngam* (The warrior's wife song) - VSĐ, 1957, số 32, tr. 73-83.

2277. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Bộ đội Trường Sơn và hệ thống đường Hồ Chí Minh** - Vietnamese soldiers at Truong Son and system of Ho Chi Minh road - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 22-23.

2278. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Tìm hiểu vai trò trọng yếu của những công trình chuẩn bị sẵn trên đường Hồ Chí Minh trong chiến dịch phản công Đường Chín - Nam Lào** - Study about the importance role of the edifices having been prepared all along the Ho Chi Minh road for the counter offensive operation at the Road N° 9 - South Lao's - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 53-58.

2279. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Tìm hiểu vai trò hậu phương đối với đại thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954)** - A study on the role of the rear towards the great historic victory of Dien Bien Phu (1954) - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 1-11.

2280. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Vai trò hậu phương quốc gia đối với đại thắng mùa Xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử** - The role of national rear in the great victory of Spring 1975 and the historical Ho Chi Minh campaign - NCLS, 1983, số 5 (212), tr. 1-6.

2281. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Đường Hồ Chí Minh, tuyến hậu cần chiến lược phía trước trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975** -The Ho Chi Minh trail, a strategic line for logistical purpose in the general offensive of Spring 1975 - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 49-52.

2282. NGUYỄN VINH PHÚC. **Các cửa ô ở Hà Nội** - Entrances to Ha Noi - NCLS, 1975, số 1 (160), tr. 60-65.

2283. NGUYỄN VINH PHÚC. **Có một trận Bình Lỗ** - There was a Binh Lo battle - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 34-37.

2284. NGUYỄN VINH PHÚC. **Góp ý kiến về bài *Mấy vấn đề dòng họ, gia đình và cuộc đời Nguyễn Trãi*** - Some opinions about the article entitled *Some problems about the issue, the family and the life of Nguyen Trai* - NCLS, 1981, số 3 (196), tr. 83-87.

2285. NGUYỄN VINH PHÚC. **Nhân dân Hà Nội và Tây Sơn** - Ha Noi people and the Tay Son - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 53-56.

2286. NGUYỄN VÔ KỶ. **Góp bàn về từ *Công xã*** - Contribution to the definition of *Commune* - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 84-87.

2287. NGUYỄN XUÂN CẦN. **Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông trên đất Hà Bắc** - The resistance against Mongolian invaders in the region of Ha Bac - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 65-73.

2288. NGUYỄN XUÂN CẦN. **Lương Văn Nắm và vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế** - The role of Luong Van Nam in the Yen The uprising - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 60-65.

2289. NGUYỄN XUÂN CẦN. **Về năm sinh của Nguyễn Cao** - Nguyen Cao's birthday - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 83.

2290. NGUYỄN XUÂN DƯƠNG. **Nguyễn Duy Hinh và cuộc khởi nghĩa Ba Đình** - Nguyen Duy Hinh and Ba Dinh insurrection - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 53-55.

2291. NGUYỄN XUÂN HIỂN. **Nghề trồng lúa của ta qua *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn** - The profession of planting rice in *Van Dai loai ngu* of Le Quy Don - NCLS, 1963, số 52, tr. 31-37.

2292. NGUYỄN XUÂN LÂN. **Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng trong lịch sử sách cổ kim (Thư mục nghiên cứu)** - The Trung Sisters' uprising in historical and literary documents - NCLS, 1973, số 148, tr. 41-46.

2293. NGUYỄN XUÂN THÔNG. **Nguyễn Ái Quốc với vấn đề giải phóng các dân tộc bị áp bức** - Nguyen Ai Quoc and the liberation of oppressed nations - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 57-66.

2294. NGUYỄN XUÂN TRÚC. **Tìm hiểu con đường phát triển không qua tư bản chủ nghĩa của các nước châu Phi** - On the way of developping not through the capitalist stage of African countries - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 14-20.

2295. NGUYỄN XUÂN TRÚC. ***Tự do - Bình đẳng* trong quan niệm của các nhà cách mạng Pháp** - *Freedom - Equality* as conceived by French revolutionaries - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 40-48.

2296. NGUYỄN XUÂN TỬU. **Bước đầu tìm hiểu về biến động khí hậu ở nước ta trong lịch sử** - Preliminary research into climatic variations in our country in the course of history - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 60-63.

2297. NGUYỆT HƯƠNG. **Hôn nhân và địa vị của phụ nữ Thái đen ở Tây Bắc trước và sau cách mạng** - Marriage and place of black Thai Women in the North West before and after the Vietnam revolution - NCLS, 1967, số 96, tr. 26-35.

2298. NGUYỆT HƯƠNG. **Một số tư liệu về Cách mạng Tháng Mười Nga với Cách mạng Việt Nam** - Some documents about the influence of the October

Revolution on the August Revolution / Nguyệt Hương, Mai Khắc Ứng - NCLS, 1967, số 103, tr. 33-44.

2299. NGUYỆT HƯƠNG. **Phụ nữ miền Nam Việt Nam trong đấu tranh chống Mỹ - ngụy** - South Vietnamese women struggle against the U.S aggressors and their henchmen - NCLS, 1971, số 137, tr. 25-34.

2300. NGUYỆT TRANG. **Nghiệp đoàn nước mắm Phú Quốc năm 1939** - Phu Quoc fish-source trade-union in 1939 years / Nguyệt Trang, Thùy Dương - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 72-74.

2301. NHÀ XUẤT BẢN SỬ HỌC. **Đính chính sách** ***Quân trung từ mệnh tập*** - Corrigendum to the book *Quan trung tu menh tap* - NCLS, 1962, số 40, tr. 62-63.

2302. NHẤT NGUYÊN. **Chủ nghĩa Mác-Lênin bàn về nhân vật lịch sử** - The Marxism - Leninism discuss on the historical personage - NCLS, 1960, số 14, tr. 11-23.

2303. NHẬT TÂN. **Khảo thêm về bia Tiến sĩ và nhà bia ở Văn miếu Hà Nội** - A further inquiry on Doctor's steles and on the house of steles in the Temple of Literature in Ha Noi - NCLS, 1963, số 49, tr. 46-47.

2304. NHUẬN CHI. **Cần vạch rõ hơn nữa trách nhiệm của Phan Thanh Giản trước lịch sử** - It is necessary to point out the responsabilities of Phan Than Gian in the face of history - NCLS, 1963, số 52, tr. 38-46.

2305. NHUẬN CHI. **Tìm hiểu** ***Tác giả Hán nôm Hải Hưng*** - On the book *Tac gia Han - Nom Hai Hung* - NCLS, 1976, số 6 (171), tr. 84-87.

2306. NHUẬN CHI. ***Lịch sử phong trào công nhân và hoạt động của Công đoàn Thanh Hóa*** **(Đọc sách)** - Reading the book *History of the working class movement and the trade union activities of Thanh Hoa* - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 88-91.

2307. NHUẬN CHI. **Tác giả** ***Quốc sử đính ngoa*** **là ai?** - Who Was the Author of *Quoc Su Dinh Ngoa*? - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 68.

2308. NHUẬN VŨ. ***Dấu ấn Điện Biên Phủ*** **trên chiến lược quân sự Mỹ** - *The Dien Bien Phu imprint* on the U.S military strategy - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 74-79.

2309. NIKIPLOP (F.N). **Bàn về mấy quy luật chung của sự chuyển biến từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến trong các nước khác nhau** - Discussion on some general laws of the slavery to the feudalism in different countries - VSĐ, 1957, số 30, tr. 41-52.

2310. NINH KHẢ. **Bàn về chủ nghĩa lịch sử và quan điểm giai cấp** - Discussion on historicism and the class point of view - NCLS, 1964, số 58, tr. 44-53, 62.

2311. NINH VIẾT GIAO. **Đọc truyện *Trê cóc*** - Reading *Tre coc* story - VSĐ, 1956, số 17, tr. 66-73.

2312. NINH VIẾT GIAO. **Tìm hiểu giá trị truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*** - In search of the value of *Pham Tai - Ngoc Hoa* story - VSĐ, 1957, số 26, tr. 33-42.

2313. NINOV (A). **Kinh nghiệm của một nhà văn Liên Xô về công tác biên soạn văn học sử để đi đến sự đính chính lại văn học sử Liên Xô** - The experiences of a Soviet writer about the redaction of literary history aiming at the revise of Soviet literary history - VSĐ, 1956, số 23, tr. 53-59.

2314. NIVONNE XAY NHA VONG. **Chiến lược *Chiến tranh đặc biệt tăng cường* của đế quốc Mỹ ở Lào và một vài đặc điểm chủ yếu của nó (1969-1973)** - The strategy of *Reinforced particular war* of the American imperialists in the Laos - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 71-75.

2315. NOBORU KARASHIMA. **Các hoạt động thương mại của Ấn Độ ở Đông Nam Á thời Cổ đại và Trung đại** - Indian Commercial activities in Ancient and Medieval Southeast Asia - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 67-81.

2316. NOVOVXAMBUN (X). **Con đường phát triển phi tư bản như một dạng đặc biệt của sự quá độ lên CNXH** - Non - capitalist way of development as a specific form of transition to socialism - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 11-19.

2317. NÔNG ÍCH THÙY. **Vấn đề đặt chữ và cải tiến chữ của dân tộc** - The question of the choise of dialect basic sound and standard phonetic in the creation of writing script for the ethnic minorities - VSĐ, 1956, số 21, tr. 89-89.

2318. NÔNG ÍCH THÙY. **Vấn đề chọn tiếng phương ngôn cơ sở và âm tiêu chuẩn trong việc đặt chữ cho các dân tộc** - The question of creation and amelioration of the hand writing character for the ethnic minorities - VSĐ, 1958, số 36, tr. 91-95.

2319. NÔNG TRUNG. **Sơ lược tìm hiểu mối quan hệ giữa các ngành Nùng ở Việt Nam** - A summary study on the relations between different Nung branches in Vietnam - NCLS, 1962, số 45, tr. 38-44.

2320. NÔNG TRUNG. **Tìm hiểu về người Pú Péo ở Hà Giang** - A research on the Pu Peo people in Ha Giang - NCLS, 1966, số 88, tr. 33-40.

2321. NÔNG TRUNG. **Tìm hiểu về tộc danh Xá** - An inquiry on family name of Xa people - NCLS, 1968, số 111, tr. 43-46.



2322. ÔREROP (I). **Bàn về những hình thức quá độ tiến lên CNXH ở các nước khác nhau** - Discussion on the forms of passage towards the socialism in different countries - NCLS, 1960, số 20, tr. 9-22.



2323. PANCORATOVA. **Ý nghĩa lịch sử thế giới của Cách mạng 1905-1907** - Wordly historic signfication of the Revolution in 1905-07 - VSĐ, 1956, số 13, tr. 7-18.

2324. PAPIN (P). **Ruộng đất công và chính quyền cấp làng cuối thế kỷ XIX. Trường hợp làng Quỳnh Lôi** - The communal land and the village power in the end of the 19th Century. The case of Quynh Loi village - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 21-34.

2325. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Làng gốm Thổ Hà** - Tho Ha, a ceramic village - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 55-62.

2326. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Tìm hiểu nghề trồng trọt ở Việt Nam thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - Plant growing in Vietnam during the 18th - early 19th Century - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 48-54.

2327. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Vài nét về tình hình công thương nghiệp Việt Nam dưới thời Tây Sơn** - General outline of the industrial and trading situation in Vietnam under Tay Son Epoch - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 34-41.

2328. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Bước đầu tìm hiểu nhà Nguyễn với quá trình thảo luận về vấn đề trị thủy ở đồng bằng Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XIX** - Nguyen dynasty and the processus of discussion on the question of harnessing floods in the delta of the North Vietnam in the first half of 19th Century - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 19-33.

2329. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Nhìn lại quá trình nghiên cứu Hồ Quý Ly với việc cải cách thế kỷ XIV- đầu thế kỷ XV** - To make a re-examination on the study process on Ho Quy Ly with the reform in the end of the 14th Century and the beginning of the 15th Century - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 37-47.

2330. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Khoa học quân sự triều Minh Mệnh trước ảnh hưởng của phương Tây** - Military sciences under the Minh Menh dynasty under the Western influence - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 40-48.

2331. PHẠM ÁI PHƯƠNG. **Chính sách giáo dục đối với các dân tộc ít người dưới triều Minh Mạng (1820-1840)** - Minorities education policies under Minh Mang reign (1820-40) - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 17-22.

2332. PHẠM BÌNH. **Nhìn lại quá trình lịch sử của Cách mạng Tháng Tám** - To look back to the historical process of August Revolution / Phạm Bình, Trường Giang - NCLS, 1963, số 77, tr. 3-11.

2333. PHẠM CÚC. **Hồ Quý Ly. Nhà cải cách giáo dục tiến bộ** - Ho Quy Ly - A progressive education reformer - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 36-37.

2334. PHẠM DIỆP. **Gia phả học và một số vấn đề về làng họ** - Genealogy and some questions relating to village and family - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 59-67.

2335. PHẠM ĐỨC DƯƠNG. **Từ vấn đề ngôn ngữ Việt - Mường góp phần tìm hiểu nguồn gốc dân tộc** - The problem of Viet - Muong language contributing to the study about the origin of the nation - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 30-36.

2336. PHẠM ĐỨC DƯƠNG. **Cội nguồn mô hình văn hóa - xã hội lúa nước của người Việt Nam qua cứ liệu ngôn ngữ** - Origin of the socio - cultural model of the Viet's water-rice society through linguistic arguments - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 43-52.

2337. PHẠM ĐỨC MẠNH. **Tiền sử Đông Nam Bộ (Việt Nam) - Một thế kỷ khám phá và thành quả** - The prehistory of the East of Cochinchina - A Century of discovery and results - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 12-20.

2338. PHẠM ĐỨC THÀNH DŨNG. **Thử ghép những ô thơ chữ Hán trên đình Hương Nguyện - chùa Linh Mụ** - Another Try to Re-Organize the Poetic Panels in Han Script in the Huong Nguyen Communal House-Linh Mu Pagoda / NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 27-36.

2339. PHẠM HÂN. **Lầm lẫn trong việc sao chép *Phủ biên tạp lục* cần được đính chính** - The errors in the copy of *Phu bien tap luc* must be corrected - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 90-92.

2340. PHẠM HỒNG TOÀN. **Phải chăng thư mục Việt Nam có từ thế kỷ XIV?** - Has been in existence the Vietnam book - Catalogue from the 14th Century - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 85-88.

2341. PHẠM HỒNG TOÀN. **Về người khai sáng ngành Thư mục học Việt Nam** - About the man who set up Vietnamese bibliography - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 88-92.

2342. PHẠM HỒNG TUNG. **Tìm hiểu thêm về Phan Bội Châu và vấn đề đoàn kết Lương - Giáo chống Pháp đầu thế kỷ XX** - Further Studies on Phan Boi Chau and the matter of uniting Catholies and Non-Catholies in the struggle against the French colonialism in the first half of the 20th century - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 72-81.

2343. PHẠM HỒNG TUNG. **Tìm hiểu thêm về Mặt trận Việt Minh** - Farther studies on the Viet Minh Front - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 3-11.

2344. PHẠM HỒNG TUNG. **Về bản chất phát xít của tập đoàn thống trị Decoux ở Đông Dương trong Chiến tranh thế giới II** - About the fascist essence of the Decoux ruling clique in Indochina in World War II - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 77-85.

2345. PHẠM HỒNG TUNG. **Nguyễn Ái Quốc - Những ngày tháng ở Berlin** - Nguyen Ai Quoc - The Days He Was in Berlin - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 3-12.

2346. PHẠM HỒNG TUNG. **Về Cường Để và tổ chức Việt Nam phục quốc đồng minh Hội trong thời kỳ Thế chiến II** - Cuong De and Viet Nam Phuc Quoc Dong Minh Hoi (Vietnamese Restoration League) during the Second World War - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 3-16.

2347. PHẠM HỒNG TUNG. **Vài nhận định về cuộc cải cách ở Thái Lan (Siam) dưới các triều vua Mongkut và Chulalongkorn từ cái nhìn so sánh khu vực** - Some Interpretations on the Reform in Siam under the Kings Mongkut and Chulalongkorn under Regional Comperative Perspective - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 53 - 62.

2348. PHẠM HỒNG TUNG. **Về mối quan hệ cộng tác - cộng trị Nhật - Pháp ở Việt Nam trong Thế chiến II và nguyên nhân của cuộc đảo chính ngày 9-3-1945** - On the Japanese - French Collaboration and Co-Rule in Vietnam During the Second World War and the Reasons for the Coup d' État on March 9, 1945 - NCLS, 2004, Số 2 & 3 (333 & 334), tr. 8-16 & 42-49.

2349. PHẠM HUY THÔNG. **Chào mừng Hội nghị khoa học lịch sử toàn quốc CHDC Đức** - Greeting to the National Conference of historical sciences of the G.D.R - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 73-77.

2350. PHẠM HỮU LƯ. **Thử tìm hiểu tinh thần yêu nước của các thầy giáo Việt Nam trong lịch sử 80 năm chống Pháp** - To try to study on the

patriotist spirit of Vietnam teachers in eighty years of struggle against the French colonialim - NCLS, 1969, số 118, tr. 36-46.

2351. PHẠM HƯƠNG LAN. **Một bức thư của Phan Bội Châu** - A letter of Phan Boi Chau - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 78-79.

2352. PHẠM MAI. **Trương Tửu đầu cơ văn học khi phê phán Truyện Kiều** - The speculation of Truong Tuu in literature in critique of Kieu story - VSĐ, 1958, số 45, tr. 76-88.

2353. PHẠM MAI HÙNG. **Từ công tác bảo tàng, suy nghĩ về Cách mạng Tháng Tám năm 1945** - Some reflexions on the August Revolution from the angle of museology - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 15-21.

2354. PHẠM MAI HÙNG. **Cơ sở tạo nên sức mạnh của Mặt trận Việt Minh** - The strength base of Viet Minh Front - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 18-21.

2355. PHẠM NGỌC LIỄN. **Góp một ý kiến về vấn đề cấu tạo nội dung lịch sử Việt Nam theo quan điểm đa dân tộc** - Some ideas contributing to the question of the consitution of Vietnam historical content according to the plurinational conception - NCLS, 1963, số 48, tr. 50-56.

2356. PHẠM NGỌC TÂN. **Nhìn lại một vài nguyên nhân thất bại của Công xã Pari** - Look after some causes of Paris Commune's failure - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 82-85.

2357. PHẠM NGỌC UYỂN. **Mấy điều thể nghiệm bước đầu qua việc nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chủ tịch** - Initial acquisitions after studying the through of President Ho - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 38-39.

2358. PHẠM NGUYÊN LONG. **Cuộc khởi nghĩa chống ách thống trị Xiêm của nhân dân Lào dưới sự lãnh đạo của Chậu A Nu (1827-1828)** - Insurrection of the Lao people under the leading of Chau A Nu against the Siamese - NCLS, 1972, số 143, tr. 11-21.

2359. PHẠM NHƯ CƯƠNG. **Khẳng định phương hướng *Sống Phúc âm trong lòng dân tộc* đưa Giáo hội Thiên chúa Việt Nam lên một bước phát triển mới** - To affirm the tendency of "living according to the Gospel in the people's heart" in order to bring the Vietnamese Catholic church to a new step - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 81-84.

2360. PHẠM NHƯ CƯƠNG. **Kỷ niệm 200 năm Cách mạng Pháp 1789** - Bicentennial of the French Revolution of 1789 - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 1-5.

2361. PHẠM NHƯ HỒ. **Cọc Bạch Đằng năm 1288: Dữ kiện khảo cổ học** - Bach Đang in 1288 - Archeologic datum / Phạm Như Hồ, Nguyễn Duy Hinh - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 46-49.

2362. PHẠM NHƯ THƠM. **Quá trình chuyển biến tư tưởng của Trần Huy Liệu trước năm 1936 qua hồi ký của ông** - The evolution process of Tran Huy Lieu thinking before 1936, through his recollection - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 11-23.

2363. PHẠM NHƯỢC NGU. **Cách mạng Nga lần thứ nhất với Trung Quốc** - The first Russian Revolution with China - VSĐ, 1956, số 13, tr. 41-52.

2364. PHẠM QUANG TOÀN. **Vài nét về phong trào đấu tranh của thanh niên học sinh, sinh viên vùng tạm bị chiếm trong thời kỳ kháng chiến (1946-1954)** - Some features of the struggle movement of youths of students, school boys and girls in the occupied zone in the period of resistance war (1946-1954) - NCLS, 1964, số 59, tr. 53-60.

2365. PHẠM QUANG TOÀN. **Phong trào công nhân Việt Nam vùng tạm bị chiếm trong thời kỳ kháng chiến (1945-1954)** - The Vietnam worker's movement in the occupied zone in the period of resistance war (1945-54) - NCLS, 1965, số 74, tr. 47-60, 63.

2366. PHẠM QUANG TOÀN. **Công nhân khu mỏ Hòn Gai trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ** - The Vietnam mine workers of Hon Gai in the resistance war against the French colonialists and the American interventionists - NCLS, 1966, số 90, tr. 49-60.

2367. PHẠM QUANG TOÀN. **Tìm hiểu vai trò của nhân tố chính trị trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ hiện nay** - Research on the role of political factor in the resistance war against the French colinialists and the American imperialists for the country salvation of to day - NCLS, 1968, số 111, tr. 3-15.

2368. PHẠM QUANG TOÀN. **Vai trò của làng xã chiến đấu trong chiến tranh nhân dân ở miền Nam** - The role of combat villages in the people's war in South Vietnam - NCLS, 1971, số 136, tr. 21-34.

2369. PHẠM QUANG TOÀN. **Tác động của chiến tranh xâm lược Việt Nam đối với quân đội Mỹ** - Impact of the U.S aggressive war in Vietnam in U.S army - NCLS, 1973, số 153, tr. 29-40.

2370. PHẠM QUANG TOÀN. **Hậu quả 20 năm "Bình định" tàn bạo và thâm độc của Mỹ-nguỵ đối với nông thôn miền Nam Việt Nam** - Consequences of the pacification policy of the U.S and their puppet in rural areas of South Vietnam - NCLS, 1976, số 171, tr. 45-48.

2371. PHẠM QUANG TOÀN. **Phong trào nổi dậy ở vùng tạm bị chiếm năm 1953-1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ** - The uprising movement in

French - occupied zones during the 1953-1954 period and the Dien Bien Phu victory - NCLS, 1984, số 1 (214), tr. 19-24.

2372. PHẠM QUẠNG TRUNG. **Về chính sách vơ vét lúa gạo của tư bản Pháp và quá trình phát triển của giai cấp địa chủ ở Nam Bộ thời Pháp thuộc**- Rice engrossment by the French capitalism and the development process of Cochinchinese landocracy under French domination - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 23-31.

2373. PHẠM QUANG TRUNG. **Sắc luật 21-7-1925 của thực dân Pháp với vấn đề sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ ở Nam Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc** - Decree issued in 21 July, 1925 of the French colonialists and land possession of Cochinchina feudal class under the French domination - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 61-67, 86.

2374. PHẠM QUANG TRUNG. **Nạn lụt năm Ất Dậu với cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở đồng bằng Bắc Bộ năm 1945** - The inondation in the year of At Dau and the general insurrection for power in the plain of the North Vietnam - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 56-60.

2375. PHẠM QUANG TRUNG. **Hoạt động của ngành địa chính ở nước ta trong thời Pháp thuộc** - The activities of cadastre under the French domination - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 34-42.

2376. PHẠM QUANG TRUNG. **Vấn đề mắc nợ đất đai ở Nam Kỳ dưới thời Pháp thuộc** - The land debt in Cochinchina under the French domination - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 40-48.

2377. PHẠM QUANG TRUNG. **Vài nét về cuộc khởi nghĩa Phú Thọ (1915)** - Some features of the Phu Tho Insurrection (1915) - NCLS, 1995, số 4 (281), tr. 70-72.

2378. PHẠM QUANG TRUNG. **Việt Nam và Đông Dương trong chiến lược bành trướng của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản** - Vietnam and Indochina in the strategy of expansion of Japanese militarism / Phạm Quang Trung, Cao Văn Biền - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 12-18.

2379. PHẠM QUANG TRUNG. **Bức thư của Nguyễn An Ninh gửi Uỷ ban Điều tra** - A letter from Nguyen An Ninh to the Commission of investigation - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 64-65.

2380. PHẠM QUANG TRUNG. **Bức thư của Huỳnh Thúc Kháng gửi Uỷ ban Điều tra của Quốc hội Pháp** - Huynh Thuc Khang's letter to the Investigation Committee of French Congress - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 67-71.

2381. PHẠM QUANG TRUNG. **Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên với Phong trào *châu Á thức tỉnh*** - Thai Nguyen insurrection (1917) with the movement *A wake Asia* - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 33-38.

2382. PHẠM QUANG TRUNG. **Bức thư của một số tù chính trị tại Sài Gòn gửi Uỷ ban điều tra Quốc hội Pháp** - A letter from several political prisoners in Saigon to Investigation committee of French National Assembly-NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 88-91.

2383. PHẠM QUANG TRUNG. **Góp thêm về phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908** - Contributions to the anti-tax Movement in Annam in 1908 - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 9-13.

2384. PHẠM QUANG TRUNG. ***Công nghiệp than Việt Nam (thời kỳ 1888-1945)* (Đọc sách)** - Reading the book: *Vietnam's coal industry (1888-1945)* - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 91-92.

2385. PHẠM QUANG TRUNG. **Cuộc tiếp kiến của Tướng Salan với Chủ tịch Hồ Chí Minh** - The contact between General Salan and President Ho Chi Minh - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 82-84.

2386. PHẠM QUỐC SỬ. **Làng chạm bạc Đồng Sâm (Kiến Xương – Thái Bình)** - The silver carving village of Dong Sam (Kien Xuong district-Thai Binh province) - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 54-61.

2387. PHẠM SANG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào** - The President Ho Chi Minh and the question of national unity in the national democratic revolution of the Laos - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 77-81.

2388. PHẠM THANH BIỀN. **Về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi mùa thu 1959** - The Tra Bong uprising and Western Quang Ngai in Autumn in 1959 / Phạm Thanh Biền, Hồng Sơn, Đỗ Quang Trinh - NCLS, 1972, số 146, tr. 11-22.

2389. PHẠM THANH BIỀN. **Về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28-8-1959)** - About the Tra Bong Insurrection and the West of Quang Ngai (August 28, 1959) - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 12-19.

2390. PHẠM THÀNH VINH. **Các Hiệp nghị xâm lược và bất bình đẳng của đế quốc Mỹ về Việt Nam** - The invasion and inequality Accords of American imperialism relative to Vietnam - NCLS, 1963, số 52, tr. 3-11.

2391. PHẠM THÀNH VINH. **Bản cáo trạng tóm tắt về tội ác xâm lược của đế quốc Mỹ với nhân dân Việt Nam** - A succinct bill of indictment on the

invasion crime of the American imperialism towards the Vietnam people - NCLS, 1966, số 93, tr. 4-15.

2392. PHẠM THỊ NẾT. **Bước đầu tìm hiểu về các đơn vị lý, ấp, trại, giáp ở Tiền Hải (Thái Bình) thế kỷ XIX** - Preliminary studies on such administrative units as *ly, ap, trai, giap* in Tien Hai (Thai Binh) in the 19th century - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 43-50

2393. PHẠM THỊ ỨNG. **Cầm Bá Thước với khối đoàn kết các dân tộc vùng Thượng du Thanh Hóa trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX** - Cam Ba Thuoc and the bloc of solidarity of Thanh Hoa upland ethnic groups in the anti-French patriotic movement of the late 19th century - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 71-73.

2394. PHẠM THỊ TÂM. **Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý-Trần** - Some remarks in private land in Vietnam under the dynasties of Ly-Tran / Phạm Thị Tâm, Hà Văn Tấn - NCLS, 1963, số 52, tr. 20-30, 62.

2395. PHẠM THỊ TÂM. **Câu *Hoàng Lê triều vạn vạn thế* có hay không có trong *Đại Việt Sử ký toàn thư* bản in *Nội các quan bản*?** - Is the sentence *Hoang Le trieu van van the* mentioned in the *Dai Viet Su ky toan thu* printed from the *Noi cac quan ban* engraving? - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 63-64.

2396. PHẠM TRỌNG ĐIỀM. **Một vài ý kiến trao đổi với bạn Đào Tử Minh về vấn đề phiên âm và chú giải cuốn *Quốc âm thi tập*** - Exchange of opinion with comrade Dao Tu Minh about the phonetical transcription and the annotation of *Quoc am thi tap* (Collection of poems in national language) - VSĐ, 1958, số 38, tr. 70-82.

2397. PHẠM TRUNG BÁ. ***Phạm Phú Thứ với tư tưởng canh tân* (Đọc sách)** - Reading the book: *Pham Phu Thu and the thought of renovation* - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 85-86.

2398. PHẠM TUẤN KHÁNH. **Một bài văn của Đặng Huy Trứ** - An article of Dang Huy Tru - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 69-75.

2399. 1835. PHẠM VĂN KÍNH. **Chiếc trống đồng mới tìm thấy ở xã Hoằng Vinh, Thanh Hóa** - The brass drum new discovered in the Hoang Vinh commune (Thanh Hoa province) - NCLS, 1973, số 148, tr. 63-64.

2400. PHẠM VĂN KÍNH. **Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Chích chống quân Minh xâm lược vào đầu thế kỷ XV** - Nguyen Chich's uprising against the Ming invaders (beginning of the 15th Century) - NCLS, 1974, số 155, tr. 68-78.

2401. PHẠM VĂN KÍNH. **Một số nghề thủ công thế kỷ X-XIV: nghề dệt, nghề gốm, nghề khai khoáng và luyện kim** - Some handicrafts in the 10th-14th

Centuries: weaving, pottery - mineral exploitation and metallurgy - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 42-53.

2402. PHẠM VĂN KÍNH. **Tìm hiểu kinh tế nông nghiệp Đàng Trong qua tác phẩm *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn** - Research on agricultural economy of Dang Trong through the work *Phu bien tap luc* of the Le Quy Don - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 63-76.

2403. PHẠM VĂN KÍNH. **Vai trò của Nguyễn Chích trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn** - The role of Nguyen Chich in the course of the Lam Son uprising - NCLS, 1979, số 3 (188), tr. 52-59.

2404. PHẠM VĂN KÍNH. **Bộ mặt thương nghiệp Việt Nam thời Lý-Trần** - Vietnamese trade under Ly and Tran dynasties - NCLS. 1979, số 3 (188), tr. 35-42.

2405. PHẠM VĂN KÍNH. **Nhà Minh xâm lược nước ta lần thứ nhất và sự thất bại của nó** - The first aggression of our country by the Ming dynasty and its defeat - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 61-68.

2406. PHẠM VĂN KÍNH. **Lò Chum (Thanh Hóa)** - Pottery oven in Thanh Hoa - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247) , tr. 68-76.

2407. PHẠM VĂN KÍNH. **Vài nét về thủ công nghiệp Việt Nam thế kỷ XIX** - Some features about the Vietnam handicraft in the first half of the $19^{th}$ Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 60-69.

2408. PHẠM VĂN KÍNH. **Làng gốm chợ Bộng (huyện Yên Thành – Nghệ An)** - Pottety village in Bong Market - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 49-55.

2409. PHẠM VĂN KÍNH. **Từ La Thành đến Thăng Long** - From La Thanh to Thang Long - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 17-21.

2410. PHẠM VĂN KÍNH. **Thủ công nghiệp ở Thanh Hóa thời Nguyễn** - Handicrafts of Thanh Hoa in Nguyen time - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 22-29.

2411. PHẠM VĂN KÍNH. **Báo cáo về việc phát hiện tượng người bằng đá ở di chỉ Văn Điển** - Report on the discovery of a stone statue of a man in Van Dien / Phạm Văn Kính, Hà Tú Nhã - NCLS, 1967, số 96, tr. 61-64.

2412. PHẠM VĂN KỈNH. **Xưởng chế tạo đồ đá ở Đậu Dương (Tam Nông, Phú Thọ)** - A factory of stone things in Dau Duong (Tam Nong, Phu Tho) / Phạm Văn Kính, Lê Văn Lan - NCLS, 1968, số 109, tr. 55-60.

2413. PHẠM VĂN KỈNH. **Vài ý kiến về nhóm di tích khảo cổ mới phát hiện được ở miền Bắc Việt Nam** - Some opinions on a group of archaeological vestiges newly discovered in the North of Vietnam - NCLS, 1969, số 120, tr. 53-60.

2414. PHẠM VĂN KỈNH. **Vài ý kiến về một số vấn đề khảo cổ học trong quyển *Kinh tế thời nguyên thủy ở Việt Nam*** - Certain archaeological problems in *Primitive economy in Vietnam* - NCLS, 1971, số 136, tr. 42-52, 64.

2415. PHẠM VĂN LỰC. **Một số tư liệu về phong trào *Bất bạo động* chống Pháp ở Sơn La từ đầu thế kỷ XX đến 1940** - Some materials on anti-French *Non-violence* movement in Son La from the beginning of the 20th century to 1940 - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 87 - 88.

2416. PHẠM VŨ TƯỜNG. **Một vài suy nghĩ về Đặng Tiến Đông (Nhân đọc bài của đồng chí Phan Huy Lê đăng trong NCLS số 154, tháng 1, 2-1974)** - About the article by Phan Huy Le (Historical studies N° 154): Dang Tien Dong - NCLS, 1975, số 1 (160), tr. 77-80.

2417. PHẠM XANH. **Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo: làng An Hải (Côn Đảo)** - The formation process of an isle-village An Hai (Con Dao) - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 105-109.

2418. PHẠM XANH. **Một vài đặc điểm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc** - Some particularities of the Marxism-Leninism propagation by Nguyen Ai Quoc in Vietnam - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 42-47.

2419. PHẠM XANH. **Cuộc đảo chính của phát xít Nhật và sự phản ứng mau lẹ của Đảng ta** - The coup d'etat of Japanese fascist and the instantaneous reaction of our Party - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 28-32.

2420. PHẠM XANH. **Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam với việc nghiên cứu lịch sử Cận - Hiện đại nước nhà** - The Vietnam Revolution Museum and the studies of our country Modern and Contemporary history - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 78-79, 86.

2421. PHẠM XANH. **Những cuộc tiếp xúc Việt-Mỹ đầu tiên dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The first Vietnam-US contacts under the Nguyen dynasty in the first half of the 19th century - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 58-64.

2422. PHẠM XANH. **Hoạt động kinh doanh của các nhà doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài tại Hải Phòng trước năm 1945** - Business activities of Vietnamese and foreign traders at Hai Phong before 1945 - NCLS, 2002, số 1 (320) tr. 17-27.

2423. PHẠM XANH. **Lưu giữ ký ức Điện Biên Phủ ở Việt Nam** - Keeping in Live the Memories on Dien Bien Phu Battle in Viet Nam - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 31-37.

2424. PHẠM XUÂN HẰNG. **Sử học - Một khoa học, một thực trạng** - History - A science, a state - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 20-23.

2425. PHẠM XUÂN HẰNG. **Một số vấn đề về xử lý sử liệu học đối với tài liệu chữ viết** - Some problem relating to the processing of historical data in written records - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 57-63.

2426. PHẠM XUÂN HẰNG. **Về cuộc sống của người phụ nữ Nga thời Piốt đại đế** - About the life of Russian women under the Great Piot dynasty / Phạm Xuân Hằng, Trần Thị Hòa - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 74-80.

2427. PHẠM XUÂN HUYÊN. **Những tên gọi của thành nhà Hồ** - The names given to the citadel of Ho dynasty - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 71-75.

2428. PHẠM XUÂN NAM. **Những thủ đoạn thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ ở Vênêduêla** - The neocolonialist measures of American imperialism in Venezuela - NCLS, 1965, số 77, tr. 28-43.

2429. PHẠM XUÂN NAM. **Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở châu Mỹ Latinh** - The American neo-colonialism in Latin America - NCLS, 1966, số 92, tr. 17-30; số 93, tr. 47-58.

2430. PHẠM XUÂN NAM. **Một trăm năm đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Cuba anh hùng** - A hundred years of struggle for independence, freedom of the heroic Cuban people - NCLS, 1968, số 115, tr. 39-51, 57.

2431. PHẠM XUÂN NAM. **Nguồn gốc phát triển rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước vừa qua** - Origin of the splendid development of the Vietnamese revolutionary heroism during the recent period of struggle against U.S. imperialism for national salvation - NCLS, 1975, số 164, tr. 3-15.

2432. PHẠM XUÂN NAM. **Thử nhìn lại những bước chuyển biến lịch sử của quần chúng nông dân lao động nước ta trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội** - Reviewing the historic changes of the rural working masses of our country on the way towards socialism - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 5-23.

2433. PHẠM XUÂN NAM. **Hôxê Mácti - Người Thầy của nền độc lập Cuba** - Hoxemarty, the Teacher of the Cuban independence - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 57-73.

2434. PHẠM XUÂN NAM. **Về những nguyên nhân phát sinh cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ Hai (xét theo nhận định của những người cộng sản Việt Nam trước đó)** - About the origins of the Second World War - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 67-73, 79.

2435. PHẠM XUÂN NAM. **Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người anh hùng thời đại** - President Ho Chi Minh - Hero of our times - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 1-6.

2436. PHẠM XUÂN NAM. **Tiến bộ văn hóa của nông dân Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội** - Cultural progresses of Vietnamese peasantry on the road towards socialism - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 11-23.

2437. PHẠM XUÂN NAM. **Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau ngày tuyên bố độc lập** - On foreign activities of President Ho Chi Minh after the Independence Declaration day - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 76-79.

2438. PHẠM XUÂN NAM. **Mấy nét về tình hình các làng xã tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1921-1945 qua hương ước** - Some features about Bac Ninh province villages and communes situation in the period between 1921-1945 through village custom / Phạm Xuân Nam, Cao Văn Biền - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 12-23, 27.

2439. PHẠM XUÂN NAM. **Mấy nét tổng quan về quá trình *Đổi mới* kinh tế xã hội ở Việt Nam 15 năm qua** - General outline of the process of socio-economics *Doi moi* in Vietnam at the last 15 years - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 10-16.

2440. PHẠM XUÂN NAM. **Nhìn lại bước thăng trầm của nông nghiệp, nông thôn nước ta trước và trong thời kỳ *Đổi mới*** - Looking back upon up and down steps of our agriculture and country before and during *Doi moi* (reform) period - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 8-17.

2441. PHẠM XUYÊN. **Tư tưởng Cách mạng tháng Mười soi sáng con đường giải phóng các dân tộc** - The October Revolution idea gives light to the way to national liberation - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 36-41.

2442. PHAN AN. ***Binh thư yếu lược* (Đọc sách)** - Reading the book entitled *Binh thu yeu luoc* - NCLS, 1971, số 137, tr. 61-64.

2443. PHAN AN. **Vấn đề quyền sử dụng và quyền sở hữu đất đai của Tây Nguyên trong lịch sử** - The use and the ownership of farmland on Central highlands in the course of history - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 43-49.

2444. PHAN CHU TRINH. **Thư gửi Toàn quyền Bô (Beau)** - Letter sent to General Governor Beau - NCLS, 1964, số 66, tr. 8-14.

2445. PHAN CHU TRINH. **Thất điều trần** - The seven explanations - NCLS, 1964, số 66, tr. 15-21.

2446. PHAN CHU TRINH. **Bài diễn thuyết về *Đạo đức và luân lý Đông Tây*** - Speech on *Ethics and morality of East and West* - NCLS, 1964, số 66, tr. 22-31.

2447. PHAN CHU TRINH. **Bài diễn thuyết về *Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa*** - Speech on *The Royal rulership and the people rulership* - NCLS. 1964, số 67, tr. 21-28.

2448. PHAN CỰ ĐỆ. **Một vấn đề cần được xét lại** - A question must be examined again - VSĐ, 1956, số 23, tr. 86-90.

2449. PHAN ĐẠI DOÃN. **Tìm hiểu công cuộc khẩn hoang thành lập hai huyện Tiền Hải, Kim Sơn đầu thế kỷ XIX** - A study on the breaking up of land for the establishment of the two districts Tien Hai and Kim Son at the beginning of the 19th Century - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 24-32.

2450. PHAN ĐẠI DOÃN. **Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã** - About the nature of the property of communal rice fields and lands - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 24-32.

2451. PHAN ĐẠI DOÃN. **Chiến lược *Hai gọng kìm* xâm lược Đại Việt của nhà Tống và sự thất bại thảm hại của nó** - The *Pincers* strategy and its graveous defeat in the aggressive war led by the Sung against Dai Viet - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 36-41.

2452. PHAN ĐẠI DOÃN. **Mấy nét về công cuộc khai hoang thành lập hai tổng Hoành Thu, Ninh Nhất (Hà Nam Ninh)** - Some traits about the breaking up of land: the establishment of two cantons Hoanh Thu and Ninh Nhat - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 24-33.

2453. PHAN ĐẠI DOÃN. **Lê Lợi và tập hợp Lũng Nhai - Chuyển biến quyết định thắng lợi phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV** - Le Loi and the rally at Lung Nhai, a decisive turning - The point of the national liberation movement in the early 15th Century - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 34-41.

2454. PHAN ĐẠI DOÃN. **Mấy vấn đề làng xã Việt Nam (Lý luận và thực tiễn)** - Some problems of Vietnamese village (Theory and practise) - NCLS, 1987, số 1 (232-233), tr. 7-15.

2455. PHAN ĐẠI DOÃN. **Về nội các thời Lê-Trịnh (Nhân đọc *Đại Việt Sử ký toàn thư* - Nội các quan bản)** - On Le -Trinh imperial cabinet - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 52-55.

2456. PHAN ĐẠI DOÃN. **Thị tứ - Hiện tượng đô thị hóa (Qua tư liệu tỉnh Bình Định)** - Townlet - A phenomenon of urbanization (From the documents Binh Dinh province) / Phan Đại Doãn, Vũ Hồng Quân - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 15-26.

2457. PHAN ĐẠI DOÃN. **Mấy suy nghĩ về cải cách chính quyền cấp hương của Hồ Quý Ly** - Some throughts on the Ho Quy Ly's reform of power at village level - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 27-28.

2458. PHAN ĐẠI DOÃN. **Vài nét về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam thế kỷ XIX** - Some features on the Vietnamese religions and beliefs in the XIX century - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 23-34.

2459. PHAN ĐẠI DOÃN. **Tìm hiểu công cuộc khai hoang thành lập làng Cống Thủy (Ninh Bình) từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX** - A study on the clearing work for the setting up Cong Thuy village (Ninh Binh) from the late $15^{th}$ to the middle $19^{th}$ Centuries / Phan Đại Doãn, Vũ Hồng Quân- NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 33-45.

2460. PHAN ĐẠI DOÃN. **Vài suy nghĩ về cải cách của Lê Thánh Tông** - Some opinions on Le Thanh Tong reforms - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 57-66.

2461. PHAN ĐẠI DOÃN. **Một số đặc điểm của Nho giáo Việt Nam** - Some characteristics of Vietnamese Confucianism - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 32-37.

2462. PHAN ĐẠI DOÃN. **Quá trình khai hoang lập làng Côi Trì (Yên Mô-Ninh Bình) dưới thời Lê Thánh Tông** - The process of clearing land and establishing Coi Tri village (Yen Mo - Ninh Binh) under the Le Thanh Tong dynasty / Phan Đại Doãn, Vũ Văn Quân - NCLS, 1999, số 6 (307), tr. 15-23.

2463. PHAN ĐẠI DOÃN. **Họ Phó và nghề buôn thuốc Bắc làng Đa Ngưu (Hưng Yên) trước Cách mạng Tháng Tám 1945** - The Pho family line and the Chinese medicinal materials trade of Da Nguu village before the 1945 August revolution - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 30-40.

2464. PHAN ĐẠI DOÃN. **Tả Thanh Oai - Làng khoa bảng** - Ta Thanh Oai - A laureate village / Phan Đại Doãn, Bùi Xuân Đính, Bùi Thị Thanh Nhàn - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 35-43.

2465. PHAN ĐĂNG NHẬT. **Chứng tích văn hóa dân gian về cội nguồn dân tộc. Những yếu tố trùng hợp giữa sử thi-mo và sách *Lĩnh Nam chích quái*** - The testiomonies of popular culture concerning the origin of the nation - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 37-46.

2466. PHAN GIA BỀN. **Tài liệu tham khảo về đường sắt Hải Phòng - Côn Minh** - Reference documents on the history of railway Hai Phong - Konmin / Phan Gia Bền, Nguyễn Khắc Đạm - VSĐ, 1956, số 20, tr. 33-49.

2467. PHAN GIA BỀN. **Tư bản Pháp với thủ công nghiệp Việt Nam** - French capitalism and Vietnam handicraft - VSĐ, 1958, số 37, tr. 18-33.

2468. PHAN GIA BỀN. **Phát huy tác dụng của việc liên lạc hợp tác quốc tế với công tác sử học** - Developing the effect of the international cooperation liaison upon the historical work - NCLS, 1960, số 21, tr. 46-51.

2469. PHAN GIA BỀN. **Mấy nét về quá trình can thiệp của đế quốc Mỹ vào Lào và sự phá sản của nó** - Some features of the intervention process of American imperialism in Laos and its defeat - NCLS, 1961, số 28, tr. 49-60.

2470. PHAN GIA BỀN. **Một vài suy nghĩ về vấn đề nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu sử học** - Some thinkings on the question of raising the historical study quality - NCLS, 1964 - 1965, số 69, tr. 3-14, số 70, tr. 51-62.

2471. PHAN GIA BỀN. **Tiến tới thành lập Hội Sử học nhằm góp phần đẩy mạnh hơn nữa công tác khoa học lịch sử** - Going forwards to the establisment of an Association of history aiming at pushing again the historical work - NCLS, 1966, số 82, tr. 5-6, 36.

2472. PHAN GIA BỀN. **Cuộc khởi nghĩa Ông Kẹo Kômadăm (1901-1937) và cuộc khởi nghĩa Phò Cà Duột (1901-1903)** - The uprising of On Keo - Komadam (1901-37) and Pho Ca Dout (1901-03) - NCLS, 1971, số 137, tr. 18-24.

2473. PHAN HÀ. **Vài chi tiết về Phan Phu Tiên** - Some details on Phan Phu Tien - NCLS, 1978, số 2 (79), tr. 93-94.

2474. PHAN HẢI LINH. **Bunmei Kaika và sự biến đổi trong đời sống vật chất của người Nhật** - Bunmei Kaika and the change in Japanese people's material life - NCLS, 1997, số 4 (293), tr. 75-84.

2475. PHAN HẢI LINH. **Trang viên Nhật Bản (thế kỷ VIII-XVI)** - Japanese farms (8th - 16th centuries) - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 65-70.

2476. PHAN HOÀNG MINH. **Từ công xã Pari đến chủ nghĩa Mác** - From Paris Commune to Russian October Revolution - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 77-81.

2477. PHAN HUY CHÚ. **Vấn đề ruộng đất trong triều nhà Lê** - The agrarian question in the time of the dynasty of Le - VSĐ, 1954, số 2, tr. 53-67.

2478. PHAN HUY LÊ. **Lao động làm thuê trong chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XVIII về trước** - The salaried work in the Vietnam feudal society from the 18th Century back to the past - NCLS, 1959, số 9, tr. 40-57.

2479. PHAN HUY LÊ. **Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - The existence of the slavery relations vestiges in feudal society and the slavery regime in Vietnam - NCLS, 1960, số 16, tr. 62-71.

2480. PHAN HUY LÊ. **Bàn thêm mấy vấn đề về phong trào nông dân Tây Sơn** - Discussing again on some questions of peasant movement of Tay Son - NCLS, 1963, số 49, tr. 20-26, 47; số 50, tr. 36-42, 61.

2481. PHAN HUY LÊ. **Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn** - Mine exploitation situation under the Nguyen dynasty - NCLS, 1963, từ số 51 đến số 53.

2482. PHAN HUY LÊ. **Tác phẩm *Việt lãm xuân thu* có giá trị về mặt sử liệu hay không?** - The work *Viet lam xuan thu* had or hadn't some values on the plan of historical documents? - NCLS, 1964, số 58, tr. 41-43.

2483. PHAN HUY LÊ. **Thêm vài ý kiến về tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn** - Some ideas again contributing to understand the mine exploitation situation under the dynasty of Nguyen - NCLS, 1964, số 64, tr. 46-54.

2484. PHAN HUY LÊ. **Một bài hịch của Quang Trung** - A proclamation of Quang Trung / Phan Huy Lê, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1965, số 79, tr. 10-14.

2485. PHAN HUY LÊ. **Cần xác minh lại vấn đề Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào?** - How confirming the question of the participation of Nguyen Trai to the Lam Son insurrection from what time? NCLS, 1967, số 94, tr. 41-49.

2486. PHAN HUY LÊ. **Chiến dịch Tốt Động, Chúc Động. Một chiến thắng oanh liệt của nghĩa quân Lam Sơn** - The operation Tot Dong - Chuc Dong - A glorious victory of the Lam Son insurgent troups - NCLS, 1969, số 121, tr. 3-26.

2487. PHAN HUY LÊ. **Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa ngày 5 Tết Kỷ Dậu, tức ngày 30-1-1789** - The victory at Ngoc Hoi - Dong Da on the 5th day of the first lunar month of the Ky Dau year (January 30th 1789) - NCLS, 1974, số 154, tr. 63-70.

2488. PHAN HUY LÊ. **Đô đốc Đặng Tiến Đông - một tướng Tây Sơn chỉ huy trận Đống Đa** - Dang Tien Dong, the Tay Son general commanding operation Dong Da - NCLS, 1974, số 154, tr. 63-70.

2489. PHAN HUY LÊ. **Phong trào nông dân Tây Sơn và cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc cuối thế kỷ XVIII** - The peasant movement of Tay Son and the struggle against the foreign aggression for the defence of national independence at the end of the 18th Century - NCLS, 1978, số 6 (180), tr. 8-27.

2490. PHAN HUY LÊ. **Mấy vấn đề về dòng họ, gia đình và cuộc đời Nguyễn Trãi (1380-1980)** - Some problems about the issue the family and the life of Nguyen Trai / Phan Huy Lê, Nguyễn Phan Quang - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 12-26.

2491. PHAN HUY LÊ. **Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của loại ruộng đất thế nghiệp** - About the regime of octroi of rice-fields and

lands at the beginning of the Le's posterior dynasty, and the nature of the property of the hereditary rice-fields and land stype - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 15-19.

2492. PHAN HUY LÊ. **Cuộc hội thảo về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam** - Colloquy on the problem of formation of the Vietnamese Nation - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 1-8.

2493. PHAN HUY LÊ. **Trở lại một vấn đề trong tiểu sử Nguyễn Trãi** - Again about a question in the biography of Nguyen Trai / Phan Huy Lê, Nguyễn Phan Quang - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 73-88.

2494. PHAN HUY LÊ. **Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Vị trí, ý nghĩa lịch sử và những vấn đề khoa học đang đặt ra** - The victory of Bach Dang in 938 - Its historic position and significance and scientific problems must be put forward - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 12-18.

2495. PHAN HUY LÊ. **Tính chất, chức năng của Nhà nước thế kỷ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời** - Character and function of the State in the 10th Century and the contemporaneous socio-economic formation - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 22-32, 58.

2496. PHAN HUY LÊ. ***Đại Việt Sử ký toàn thư*: Tác giả, văn bản, tác phẩm** - The *Dai Viet su ky toan thu*: author and text - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 24-38; số 4 (211), tr. 7-19.

2497. PHAN HUY LÊ. **Lê Lợi (1385-1433) - Sự nghiệp cứu nước và dựng nước** - Le Loi (1385-1433) - His career of national salvation and building the country - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 1-12.

2498. PHAN HUY LÊ. **Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút trong lịch sử Tây Sơn và lịch sử dân tộc** - The Rach Gam - Xoai Mut victory in the history of the Tay Son movement and the nation history - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 3-10.

2499. PHAN HUY LÊ. **Nhận xét về tổ chức và tính chất Nhà nước thời Trần** - Organization and character of State under Tran dynasty - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 27-32.

2500. PHAN HUY LÊ. **Về niên đại bản in *Nội các quan bản* của *Đại Việt sử ký toàn thư* (Trả lời Lê Trọng Khánh, Bùi Thiết)** - On the dating of *Dai Viet su ky toan thu* printed from the *Noi cac quan ban* engraving (Reply to Le Trong Khanh and Bui Thiet) - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 18-28.

2501. PHAN HUY LÊ. **200 năm cách mạng Pháp và phong trào Tây Sơn. Mối quan hệ giữa hai sự kiện lịch sử cùng thời điểm khác tính chất** - 200 years of French Revolution and the Tay Son movement - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 87-90.

2502. PHAN HUY LÊ. **Cải cách của Hồ Quý Ly và sự thất bại của triều Hồ** - The reform of Ho Quy Ly and the defeat of the Ho dynasty - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 2-8.

2503. PHAN HUY LÊ. **Địa bạ cổ ở Việt Nam** - Vietnam ancient cadastral Register - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 19-25.

2504. PHAN HUY LÊ. **Địa bạ cổ Hà Nội** - Old Hanoi land-register - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 33-43.

2505. PHAN HUY LÊ. **Về nhân vật Đặng Tiến Đông hay Đô đốc Long** - About the personage Dang Tien Dong - NCLS, 1999, số 4 (305), tr. 71-87.

2506. PHAN HUY LÊ. **Vua Lý Thái Tổ và vương triều Lý trong lịch sử dân tộc** - King Ly Thai To and the Ly dynasty in the national history - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 10-16.

2507. PHAN HUY LÊ. **Hội An - Di sản văn hóa thế giới** - Hoi An - The World Cultural Heritage - NCLS, 2004, số 4 (335), tr. 3-19.

2508. PHAN HUY NGẠN. **Về việc phân kỳ lịch sử Cận đại và Hiện đại Việt Nam** - About the periodization in the modern and the contemporary history of Vietnam - NCLS, 1962, số 43, tr. 55-58.

2509. PHAN HUY NGẠN. **Nghiên cứu quan điểm của Hồ Chủ tịch về vấn đề nông dân trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta** - Study on the conception of President Ho about the problem of the peasantry in the stage of the popular democratic and national revolution of our country - NCLS, 1977, số 3 (177), tr. 24-30.

2510. PHAN HUY NGẠN. **Hồ Chủ tịch viết về vấn đề nông dân trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta** - President Ho Chi Minh writings about the peasantry in the stage of the socialist revolution in our country - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 19-27.

2511. PHAN HUY THIỆP. **Bàn thêm một số vấn đề xung quanh trận Như Nguyệt mùa Xuân năm 1077** - On some problems about the battle of Nhu Nguyet in Spring 1077 / Phan Huy Thiệp, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 67-73.

2512. PHAN HUY THIỆP. **Bàn thêm về một số vấn đề về sự chỉ đạo nghệ thuật quân sự của Đảng trong chiến dịch biên giới Thu - Đông 1950** - Preliminary study on some problems concerning the direction of the Party in sphere of military art during the Autumn - Winter border operation of 1950 / Phan Huy Thiệp, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 5-13.

2513. PHAN HUY THIỆP. **Một số vấn đề về Lê Lợi và chiến lược kháng chiến chống Minh** - Some problems relating to Le Loi and his strategy in the resistance war against the Ming - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 13-25.

2514. PHAN HUY THIỆP. **Từ Rạch Gầm - Xoài Mút đến Ngọc Hồi - Đống Đa** - From Rach Gam - Xoai Mut to Ngoc Hoi - Dong Da- NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 16-17.

2515. PHAN HUY THIỆP. **Cuộc tổng tiến công và nổi dật mùa Xuân 1975, trận tiêu diệt lớn nhất trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược ở Việt Nam** - The general offensive and uprising of Spring in 1975 the most deadly blow in the history of resistance wars againts aggression in Vietnam - NCLS, 1985, số 2 (221), rt. 28-32.

2516. PHAN HỮU DẬT. **Về vấn đề phân kỳ xã hội nguyên thủy** - About the periodization of primitive society - NCLS, 1968, số 108, tr. 50-54.

2517. PHAN HỮU DẬT. **Ph. Ăngghen và dân tộc học** - F. Engels and ethnography - NCLS, 1971, số 140, tr. 31-41.

2518. PHAN KHÔI. **Thử tìm hiểu sử liệu Việt Nam trong ngôn từ** - To try to discover the Vietnam historical documents in linguistics - VSĐ, 1954, từ số 1 đến số 3.

2519. PHAN MINH TÁNH. **Loại bỏ những yếu tố chính trị ra khỏi việc phong Thánh để Giáo hội tiếp tục gắn bó với dân tộc, thực hiện đoàn kết lương giáo** - Political considerations should be removed from the cannonization to step up the union of the Church to the people and realize the union of the people irrepective of religious beliefs - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 3-5.

2520. PHAN NGỌC LIÊN. **Cách mạng XHCN tháng Mười Nga vĩ đại và con đường thắng lợi của cách mạng thế giới** - The Great October socialist Revolution / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Xuân Kỳ - NCLS, 1967, số 103, tr. 21-32.

2521. PHAN NGỌC LIÊN. **Vài nét về lịch sử đấu tranh của người Mỹ da đen** - Some features of the struggle history of the black Americans / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1969, số 122, tr. 15-27.

2522. PHAN NGỌC LIÊN. **Công xã Paris với cách mạng Việt Nam** - The Commune of Paris and the Vietnamese revolution / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Văn Đức - NCLS, 1971, số 137, tr. 4-7.

2523. PHAN NGỌC LIÊN. **Tìm hiểu việc sử dụng số liệu và tài liệu thống kê trong công tác nghiên cứu của Hồ Chủ tịch** - How President Ho Chi Minh made use of figures and statistics in his studies / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1971, số 138, tr.5-18.

2524. PHAN NGỌC LIÊN. **Lịch sử nước Mỹ trong tác phẩm của Hồ Chủ tịch** - U.S. history through President Ho' works / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1972, số 144, tr. 24-35.

2525. PHAN NGỌC LIÊN. **Tìm hiểu về công tác vận động, giáo dục quần chúng của Hồ Chủ tịch trong thời gian Người ở Pác Bó** - Ho Chi Minh's agitation work among the masses at Pac Bo - NCLS, 1973, số 149, tr. 13-21.

2526. PHAN NGỌC LIÊN. **Mấy vấn đề về phương pháp luận sử học trong các tác phẩm của Hồ Chủ tịch** - Problems of historical methodology in Ho Chi Minh's works / Phan Ngọc Liên, Trương Hữu Quýnh - NCLS, 1975, số 162, tr. 7-19.

2527. PHAN NGỌC LIÊN. **Vai trò và những bước chuyển biến của sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi trên con đường đấu tranh chống Pháp** - The role and the stages of transformation of patriotic scholars of Quang Ngai on the way of the anti - French struggle - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 86-92.

2528. PHAN NGỌC LIÊN. **Bước trưởng thành của khoa Sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội I** - The maturation of the Faculty of the High school of Pedagogy of Hanoi I / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Phan Quang - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 19-23.

2529. PHAN NGỌC LIÊN. **Hồ Chủ tịch - Nhà sử học cách mạng** - President Ho Chi Minh - A revolutionary historian - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 24-35.

2530. PHAN NGỌC LIÊN. **Một số tài liệu cần nghiên cứu để bổ sung vào tập I và tập II *Hồ Chí Minh - Toàn tập*** - About some documents which must be studied in order to add to the *Ho Chi Minh - Complete works*. Tomes I and II - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 66-69.

2531. PHAN NGỌC LIÊN. **Quá trình nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường Cách mạng tháng Mười đối với phong trào giải phóng dân tộc** - The process of cognizance by President Ho Chi Minh of the impact of the October Revolution path on national liberation movements / Phan Ngọc Liên, Nguyễn An - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 1-7.

2532. PHAN NGỌC LIÊN. **Ảnh hưởng và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với phong trào giải phóng dân tộc** - Influence and impact of the historical victory of Dien Bien Phu upon the national liberation movement / Phan Ngọc Liên, Đỗ Thanh Bình - NCLS, 1984, số 1(214), tr. 57-64.

2533. PHAN NGỌC LIÊN. **Về một đặc điểm nổi bật của phong trào nông dân Tây Sơn: sự kết hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc** - On one distinguished characteristic of peasants movement Tay Son: the combination

between class struggle and national struggle / Phan Ngọc Liên. Nghiêm Đình Vỳ - NCLS, 1984. số 3 (216), tr. 33-37. 47.

2534. PHAN NGỌC LIÊN. ***Phương pháp luận sử học*** **(Đọc sách)** - Reading the book *Historical methodology* by E.M.Jukov - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 84-88.

2535. PHAN NGỌC LIÊN. **Vài suy nghĩ về quan hệ giữa nghiên cứu lịch sử với giáo dục lịch sử** - Reflexions on the connexion between historical studies and history teaching - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 60-64.

2536. PHAN NGỌC LIÊN. **Kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 ở Việt Nam** - The May day in Vietnam / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ - NCLS, 1986, số 3 (229), tr. 23-29.

2537. PHAN NGỌC LIÊN. ***Lịch sử quan hệ Liên Xô - Việt Nam*** **(Đọc sách)** - Reading the book *History of the Soviet - Vietnamese intercourse* / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 86-90.

2538. PHAN NGỌC LIÊN. **Từ chủ trương *Ủng hộ Liên bang Xô Viết* đến tư tưởng *Đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên Xô*** - From the direction: *Support the Soviet State* to the idea *Solidarity and cooperation overall with the Soviet Union* / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 19-24.

2539. PHAN NGỌC LIÊN. **Về tác giả cuốn *Điều tra chân tướng Nga La Tư*** - On the author of the book *Inquiry of the true physionomy of the Russia* / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 74-75.

2540. PHAN NGỌC LIÊN. **Những vấn đề trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay** - Some questions about the teaching on history in Secondary school at the present time / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 20-24.

2541. PHAN NGỌC LIÊN. **Giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ qua môn lịch sử** - The education on national tradition for the young general on by historical science / Phan Ngọc Liên, Trịnh Tùng, Nguyễn Thị Côi - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 31-37.

2542. PHAN NGỌC LIÊN. **Đổi mới việc giảng dạy, học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay** - Renovating the history teaching and study in the Secondary school at the present time - NCLS, 1993, số 2 (268), tr. 17-20.

2543. PHAN NGỌC LIÊN. **Quan hệ Việt - Mỹ trong những năm 1945-1954** - The Vietnam - USA relations in the years 1945-1954 / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 29-35.

2544. PHAN NGỌC LIÊN. **Về đơn xin học trường thuộc địa Pháp của Nguyễn Tất Thành năm 1911** - About the application of Nguyen Tat Thanh for

a studying place in the French Colonies School / Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 84-87.

2545. PHAN NGỌC LIÊN. **Về vai trò của Liên Xô trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít** - About the role of Soviet Union in the victory over the fascism / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 1-3.

2546. PHAN NGỌC LIÊN. **Về cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình (1885)** - On the insurrection led by Le Trung Dinh (in 1885) / Phan Ngọc Liên, Trương Công Huỳnh Kỳ - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 22-27.

2547. PHAN NGỌC LIÊN. ***Indônêxia. Những chặng đường lịch sử*** **(Đọc sách)** - Reading the book *Indonesia - Its histotical stages* / Phan Ngọc Liên, Lâm Quang Trực - NCLS, số 1 (284), tr. 90-94.

2548. PHAN NGỌC LIÊN. **Việt Nam trong Sách giáo khoa Lịch sử của một số nước** - Vietnam in History classbooks of some countries - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 89-94.

2549. PHAN NGỌC LIÊN. **Vài suy nghĩ nhân đọc cuốn *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924-1927)*** - Some reflections on the book *Nguyen Ai Quoc in Quang Chau (1924-27)* / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ - NCLS, 1999, số 3 (304), tr. 90-94.

2550. PHAN NGỌC LIÊN. **Trần Kỳ Phong - Một sĩ phu yêu nước ở Quảng Ngãi** - Tran Ky Phong - A patriotic feudal intellectual in Quang Ngai/ Phan Ngọc Liên, Trương Công Huỳnh Kỳ - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 9-14.

2551. PHAN NGỌC LIÊN. ***Where the Domino fell. America and Vietnam 1945 to 1995*** **(Đọc sách)** - Reading the book *Where the domino fell - America and Vietnam 1945 to 1995* / Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 84-87.

2552. PHAN NGỌC LIÊN. **Quyển *Ho Chi Minh* của William J. Duiker: Một số vấn đề phương pháp luận cần trao đổi** - The book *Ho Chi Minh* of William J. Duiker: some subjects on methodology must be exchanged - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 83-88.

2553. PHAN NGỌC LIÊN. **Về vấn đề bản sắc dân tộc, ký ức và ý thức lịch sử** - About the subject of national character, memory and historical sense - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 10-16.

2554. PHAN NGỌC LIÊN. ***Các trường phái sử học*** **với việc nghiên cứu lịch sử** - *Historical schools* and historical studies - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 80 - 84.

2555. PHAN NGỌC LIÊN. **Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng trong truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi** - The Tra Bong

Insurrection in the Patriotic and Revolutionary Tradition of the People in Quang Ngai - NCLS, 2004, Số 8 (339), tr. 32-35.

2556. PHAN NGỌC LIÊN. **Sự kiện *Điện Biên Phủ* trong sách giáo khoa lịch sử ở một số nước phương Tây** - The *Dien Bien Phu* Event Presented in the Historical Textbooks in Some Western Countries /Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 61-66.

2557. PHAN PHƯƠNG THẢO. **Vài số liệu thống kê 16 năm tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1975-90)** - Some statistical figures: 16 years of Historical studies Review (1975-1990) - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 60-65.

2558. PHAN PHƯƠNG THẢO. **Biến đổi sở hữu ruộng đất ở Kiên Mỹ (Bình Định) sau chính sách quân điền năm Minh Mệnh thứ 20 (1839)** - The change of land ownership at Kien My (Binh Dinh) after the *Land equilibrium* policy in Minh Menh 20th year (1839) - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 23-32.

2559. PHAN PHƯƠNG THẢO. **Vài nét về đội ngũ chức sắc làng xã ở Bình Định nửa đầu thế kỷ XX (Qua tư liệu địa bạ)** - Some features on village dignitaries in Binh Dinh in the first half of the 19th century (by cadastre materials) - NCLS, 2002, số 3 (322), tr. 62-70.

2560. PHAN PHƯƠNG THẢO. **Từ chủ trương đến giải pháp quân điền năm 1839 ở Bình Định** - The Communal Land (*quan dien*) in Binh Dinh in 1839: From Policy to Solution - NCLS, 2004, Số 1 & 2 ((332 & 333), tr. 31-38 & 26-32.

2561. PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Lê Duy Lương** - The Le Duy Luong insurgency - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 64-70.

2562. PHAN THANH HẢI. **Tìm hiểu hệ thống thủ phủ thời các chúa Nguyễn** - Some Remarks on the Capital System of the Nguyen Lords - NCLS, 2004, Số 9 & 10 (340 & 341), tr. 21-37 & 14-20.

2563. PHAN THANH HẢI. **Hệ thống giếng cổ ở Cố đô Huế - Loại hình và đặc điểm phân bố** - The System of Ancient Wells in Hue Capital: Types and Distribution - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 19-26.

2564. PHAN TIẾN DŨNG. **Một số quy chế về xây dựng dưới thời Nguyễn** - Some Regulations for Construction under the Nguyen Time (1802-84) - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 10-18.

2565. PHAN TIẾN DŨNG. **Vai trò của tư liệu trong công tác bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc cung đình Huế** - The role of documents in the preservation and the restoration of Court architectural vestiges in Hue - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 79-84.

2566. PHAN TRỌNG BÁU. **Đinh Công Tráng với khởi nghĩa Ba Đình** - The Dinh Cong Trang and the Ba Dinh uprising - NCLS, 1971, số 141, tr. 17-27.

2567. PHAN TRỌNG BÁU. **Để tiến tới một bản đồ hoàn chỉnh về cứ điểm Ba Đình** - To complete the map of Ba Dinh base / Phan Trọng Báu, Nguyễn Đình Luyện - NCLS, 1973, số 148, tr. 47-50.

2568. PHAN TRỌNG BÁU. **Một số hoạt động chống Pháp của văn thân xã Trung** - Some anti-French colonialist activities of Scholars of the village Trung / Phan Trọng Báu, Trần Xuân Hòa - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 86-88.

2569. PHAN TRỌNG BÁU. **Vài ý kiến về cuốn *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước năm 1945*** - Reading the book: Some Opinions on the Book *Inquiry into the Vietnamese Education before 1945* - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 89-92.

2570. PHAN TRỌNG BÁU. **Thử tìm hiểu dòng giáo dục yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX** - Trying to understand the patriotic education movement from the end of the 19th Century to the beginning of the 20th Century - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 29-37.

2571. PHAN TRỌNG BÁU. ***Chữ Quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX* (Quyển 1) (Đọc sách)** - Reading the book *Romanised Vietnamese language and the revolution on writing in the early 20th century*- NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 88-93.

2572. PHAN TRỌNG BÁU. **Vài nét về giáo dục của tỉnh Lạng Sơn thời Pháp thuộc** - Some features on the education in Lang Son in the French domination time - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 36-40.

2573. PHAN TƯƠNG. **Tìm hiểu công cuộc xây dựng thành Phú Xuân** - Essay of study on the construction of the Phu Xuan citadel - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 70-77.

2574. PHAN VĂN BAN. **Vài ý kiến nhân cuốn *Bàn về sự hình thành của dân tộc Việt Nam* của Giáo sư Đào Duy Anh** - Some remarks about the book of Professor Dao Duy Anh *Discussion on the Vietnam people formation* - VSĐ, 1958, số 37, tr. 85-90.

2575. PHAN VĂN BAN. **Đảng Cộng sản Pháp đối với cách mạng Việt Nam** - The French communist Party and the Vietnamese revolution - NCLS, 1961, số 23, tr. 39-53.

2576. PHAN VĂN BAN. **Một số ý kiến về việc phân kỳ lịch sử Cận đại và Hiện đại Việt Nam** - Some opinions about the periodization of the modern and contemporary history of Vietnam - NCLS, 1961, số 26, tr. 15-20.

2577. PHAN VĂN BAN. **Về vấn đề phân kỳ lịch sử thế giới Hiện đại** - About the periodization of the contemporary World History - NCLS, 1993, số 1 (260), tr. 85-87.

2578. PHAN VĂN BAN. **Thử tìm hiểu đường lối đấu tranh đòi độc lập dân tộc của M. Gandhi trong giai đoạn 1915-1920** - Trying to understand the struggle line for national Independence of M. Gandhi in the period 1915-20 / Phan Văn Ban, Văn Thành - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 49-53.

2579. PHAN VĂN CẢNH. **Các dân tộc thiểu số với phong trào Cần vương ở Bình Định (1885-1887)** - The ethnic minorities and the *Devouted to the King movement* in Binh Dinh (1885-87) - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 60-63.

2580. PHAN VĂN CẢNH. **Một số tài liệu về dòng họ Mai Xuân Thưởng (1885-1887)** - Some documents about Mai Xuan Thuong's family - NCLS, 1995, số 2 (279), tr. 60-65.

2581. PHAN VĂN HOÀNG. **Dấu ấn Điện Biên Phủ trong Hồi ký của một Tổng thống Mỹ** - The Dien Bien Phu impression in the memory of an American President - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 80-86.

2582. PHAN VĂN HOÀNG. **Hồ Chủ tịch với những yếu tố tích cực của Nho giáo** - President Ho Chi Minh and the active elements of Confucianism - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 1-7.

2583. PHAN VĂN HOÀNG. **Nguyễn Tất Thành đến Paris từ lúc nào?** - When Did Nguyen Tat Thanh go to Paris? - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 80-84.

2584. PHAN VĂN HOÀNG. **Phái đoàn đại biểu các giới. Một hình thức đấu tranh chính trị độc đáo trong lòng địch đầu năm 1950 ở thành phố Sài Gòn** - The Delegation of people from different walks of life. An original from of political struggle in the enemy-occupied zone in early 1950 in Saigon city - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 4-13.

2585. PHAN VĂN HOÀNG. **Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi ông Cao Triều Phát (9/1947)** - President Ho Chi Minh's letter to Mr. Cao Trieu Phat (September 1947) - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 79-81.

2586. PHAN VĂN HOÀNG. **Bước đầu tìm hiểu về Đông Dương lao động Đảng qua các tài liệu lưu trữ của Pháp** - A primary study on the Indochinese Labour Party through some French archives - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 22-28.

2587. PHAN VĂN HOÀNG. **Tình hình chính trị ở Việt Nam từ Nhật đảo chính Pháp đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945** - Political situation in Vietnam since the Japanese overthew the French till the General insurrection on August 1945 - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 10-16.

2588. PHAN XUÂN HẠT. **Bức thư cuối cùng của đồng chí Phan Đăng Lưu** - The last letter of comrade Phan Dang Luu - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 57-59.

2589. PHEDOSEEP (P.N). **Sự phát triển của khoa học xã hội dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội lần thứ 27 Đảng Cộng sản Liên Xô** - The development of the socialist sciences under the light of the made by the XXVII Congress of the communist Party of the Soviet Union - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 65-73.

2590. PHILIPPE PAPIN. **Sự thay đổi hướng nghiên cứu lịch sử làng xã (từ vi mô đến vĩ mô) - Một số gợi ý** - The change in the direction to do historical studies of communes (from micro to macro). Some suggestions - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 53-67; 1997, số 1 (290), tr. 57-65.

2591. PHILIPPE LE FAILLER. **Độc quyền thuốc phiện ở Việt Nam. Những nguyên tắc chỉ đạo việc khai thác cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX** - Monopoly of opium in Vietnam. Principles directed the exploitation in the late 19th and the early 20th centuries - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 19-27.

2592. PHONG CHÂU. ***Chinh phụ ngâm* khúc ca oán chiến tranh** - The *Warior's Wife song* complaining against the war - VSĐ, 1956, số 18, tr. 39-46.

2593. PHONG CHÂU. ***Tấm Cám* có thật ở Việt Nam hay không?** - The story of *Tam Cam* did exits it really in Vietnam? - VSĐ, 1958, số 39, tr. 91-98.

2594. PHONG HIỀN. **Từ *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam*, thực *chất và huyền thoại* đến *Hành trình*** - From *The French colonialism in Vietnam - Essence and legend* to *Itinerary* - NCLS, 1965, số 76, tr. 2-10.

2595. PHONG HIỀN. **Cộng đồng Vatican II (1962-1965) và Giáo hội Việt Nam. Từ Thư chung năm 1951 đến Thư chung năm 1980** - Vatican II (1962-1965) and Vietnamese Church. From the Common letter 1951 to the Common letter 1980 - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 71-75.

2596. PHONG LÊ. ***Lịch sử Việt Nam qua cách nhìn của học giả Nhật Bản Furuta Motoo*** **(Đọc sách)** - Reading the book *Vietnamese history from the point of view of Furuta Motoo*- NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 90-94.

2597. PHÓ ĐỨC THẢO. **Đối chiếu *Nam dược quốc ngữ phú* (NDP) với *Bản thảo Cương mục* (BTCM) để thấy sự khác biệt giữa hai tác phẩm** - Confronting *Nam duoc quoc ngu phu* and *Ban thao cuong muc* to understand the difference between the two works - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 71-74.

2598. PHÙNG ĐỨC THẮNG. **Bàn thêm về việc đánh giá tổ chức *Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội*** - To discuss further on the evalution of the

Organization: *Alliance Association for Vietnamese Revolution*- NCLS, 1992, số 6 (262), tr. 35-39.

2599. PHÙNG GIA THỌ. **Bước đầu tìm hiểu cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Dimbabuê** - Preliminary study on the revolution of national liberation of the people of Zimbabue - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 42-45.

2600. PHÙNG HỮU PHÚ. **Liên minh công nông trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH ở Việt Nam** - Worker and peasant alliance in the early stage of the transitional period to socialism in Vietnam - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 8-16.

2601. PHÙNG HỮU PHÚ. **Công cuộc đổi mới và những vấn đề đặt ra đối với sử học** - The renovation and the problems put to history - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 2-4.

2602. PHÙNG VĂN CƯỜNG. **Một tấm bia đời Trần mới được phát hiện** - A newly discovered stele from the Tran period / Phùng Văn Cường, Phạm Văn Kính - NCLS, 1974, số 156, tr. 60-69.

2603. PHƯƠNG HẠNH. **Về Châu Văn Liêm (1902-1930)** - On Chau Van Liem (1902-1930) - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 57-60.

2604. PHÙNG PHU. **Khảo cổ học tại di tích Cố đô Huế** - On the Archaeological Activities in the Ancient Capital Vestige of Hue - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 3-9.

2605. PHƯƠNG PHƯƠNG. **Tìm hiểu về trận Bạch Đằng năm 1288** - Research on the Bach Dang battle in 1288 - NCLS, 1968, số 114, tr. 16-25.

2606. PIGULEPSKAIA (N.V). **Vấn đề tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và hình thành chủ nghĩa phong kiến** - The disintegration of the slavery and the formation of the feudalism - NCLS, 1960, số 14, tr. 57-61.

2607. POLIAKOV (I). **Tháng Mười vĩ đại, cách mạng Việt Nam và quá trình cách mạng thế giới** - The Great October, the Vietnamese revolution and the world revolution course - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 5-7.

2608. POLIAKOV (Y). **Phẩm chất công dân của sử học** - The quality of the citizen historian - NCLS, 1989, số 1 (214), tr. 83-90.

2609. POLSKI (M). **Cuộc đấu tranh của Liên Xô giành hòa hoãn và giới sử học phi mác xít ở các nước phương Tây những năm gần đây** - The struggle of the Soviet Union for the detente through the prism of Western non-maxist historians in recent years - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 71-80.

2610. POCHEKHIN (I). **Những vấn đề cơ bản của lịch sử các dân tộc châu Phi** - The fundamental problems of the history of the Nations in Africa - NCLS, 1962, số 39, tr. 15-25.



2611. QUÁCH MẠT NHƯỢC. **Mấy vấn đề nghiên cứu lịch sử trước mắt** - Some actual questions of historical study - NCLS, 1959, số 4, tr. 24-32.

2612. QUANG CHÍNH. **Vấn đề cấu tạo nội dung lịch sử Việt Nam theo quan điểm đa dân tộc** - The question of the Vietnam historical content composition from the pluriantional point of view - NCLS, 1963, số 50, tr. 7-10, 28.

2613. QUANG HƯNG. **Bước đầu tìm hiểu báo chí vô sản ở Nghệ An thời kỳ đầu cách mạng** - Essay of research on the proletarian news papers and periodicals of the Nghe An at the beginning of the revolution / Quang Hưng, Quốc Anh - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 19-27.

2614. QUANG HƯNG. **Lê Hồng Sơn, người chiến sĩ xuất sắc thuộc thế hệ những người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam** - Le Hong Son, an eminnet righter among the first Vietnamese communists / Quang Hưng, Quốc Anh - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 11-20.

2615. QUỐC ANH. **Về mối quan hệ giữa các khuynh hướng chính trị tiểu tư sản với phong trào công nhân trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trước 1930** - About the relations between the petty bourgeois political tendences and the workers movement in the movement of national liberation in Vietnam before 1930 - NCLS, 1975, số 160, tr. 28-48.

2616. QUỐC ANH. **Góp phần tìm hiểu lịch sử báo chí Việt Nam từ *Đại Nam đồng văn nhật báo* đến *Đăng cổ tùng báo*** - From the *Dai Nam dong van nhat bao* daily to the *Dang co tung bao* journal - NCLS, 1975, số 164, tr. 24-33.

2617. QUỐC ANH. **Bài học lịch sử của *Nam Kỳ tự trị* - Số phận của những kẻ đi ngược lại ý chí thống nhất của dân tộc Việt Nam** - Historical lesson of the *Autonomous Nam Ky* fate of those who were against the Vietnamese people will of unification - NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 24-34.

2618. QUỐC ANH. **Về tờ báo *Việt Nam hồn* (Đọc sách)** - On the *Vietnam hon* journal (the Soul of Vietnam) - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 89-91.

2619. QUỐC ANH. **Hướng tới việc nghiên cứu lịch sử văn hóa Việt Nam** - To an approach to the study about the history of the Vietnamese culture - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 11-14.

2620. QUỐC ANH. **Làm cho sáng chân dung các Thánh** - In order to the light up the portraits of Saints - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 42-48.

2621. QUỐC ANH. ***Nghiên cứu Đông Dương - Kỷ yếu* T.II (Đọc sách)** - Reading the book: *Études Indochinoises - Miscellanées Annals of research on Indochina* (Tome II) - NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 81-83.

2622. QUỐC ANH. **Giới thiệu sách *Thư mục Chămpa và Chàm*** - (P.B. Lafont et Po Dharma *Bibliographie Campa et Cam* Editions L' Harmattan, Paris, 1989, 139p) - Presentation of book: *Bibliography of* Champa *and Cham* - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 92-93, 95.

2623. QUỐC ANH. ***Từ điển lịch sử Việt Nam* (Đọc sách)** - *Vietnam historical dictionary* (Book review) - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 90-91, 93.

2624. QUỐC ANH. ***Thừa sai Công giáo Pháp và chính sách của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam, giai đoạn 1857-1914* (Đọc sách)** - On the book *The Messenger of French Christianism and the policy of French imperialism in Vietnam in the phase 1857-1914* (Book review) - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 82-84.

2625. QUỐC CHẤN. **Phong trào nông dân hay phong trào dân tộc?** - The peasant movement or the national movement? - VSĐ, 1958, số 36, tr. 69-74.

2626. QUỐC QUANG. **Góp ý kiến về Cường Để** - Contribution to the research on Cuong De - NCLS, 1963, số 48, tr. 46-49, 56.

2627. QUỲNH CƯ. **Tài liệu về tình hình đấu tranh của nông dân trong thời kỳ Mặt trận Bình dân (1936-1939)** - Documents on the struggle situation of peasants in the Popular Front period (1936-1939) - NCLS, 1964, số 60, tr. 57-64.

2628. QUỲNH CƯ. **Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam** - The American people movement against the invasion war in South Vietnam - NCLS, 1966, số 91, tr. 5-16.

2629. QUỲNH CƯ. **Mấy nét về Mặt trận nhân dân thế giới chống Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân miền Nam** - Some features of World people front against the American imperialism and for the South Vietnam people liberation struggle - NCLS, 1967, số 99, tr. 10-22.

2630. QUỲNH CƯ. **Một vài ý kiến về ý nghĩa quốc tế của cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam** - Some thinkings on international signification of the South people struggle movement against the American imperislism - NCLS, 1967, số 104, tr. 45-47.

2631. QUỲNH CƯ. **Về mâu thuẫn của ngụy quyền Sài Gòn trong giai đoạn chiến tranh cục bộ hiện nay** - On the contradictions in the Saigon puppet power in the present phase of partial war - NCLS, 1968, số 113, tr. 14-31.

2632. QUỲNH CƯ. **Bàn tiếp về mâu thuẫn của ngụy quyền Sài Gòn trong giai đoạn chiến tranh cục bộ hiện nay** - Continued discussion on the contradictions in the Saigon false Power in the present phase of partial war - NCLS, 1968, số 117, tr. 20-37.

2633. QUỲNH CƯ. **Ngụy quyền Sài Gòn từ mùa Xuân 1968 đến nay** - The Saigon puppet power from Spring of 1968 to now - NCLS, 1970, số 130, tr. 45-53; số 131, tr. 57-61.

2634. QUỲNH CƯ. **Vai trò của đội ngũ sĩ quan ngụy binh trong chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam** - The role of puppet officers corps in the U.S neo-colonialist policy in the South of Vietnam - NCLS, 1976, số 171, tr. 30-44.

2635. QUỲNH CƯ. **Mấy nét về cơ sở giai cấp của ngụy quyền Sài Gòn thời kỳ 1954-1975** - On the class basic of the Saigonese puppet administration during the period 1954-1975 - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 15-27.

2636. QUỲNH CƯ. **Tìm hiểu *Đội quân chính trị* của quần chúng trong cách mạng miền Nam (1954-1975)** - Investigation of the *political army* of the mass in the revolution in the South Vietnam (1954-75) - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 73-80.

2637. QUỲNH CƯ. **Giáo hội Thiên chúa giáo miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)** - Catholic Church in South Vietnam in the period of anti-American struggle (1954-1975) - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 66-70.

# R

2638. REVUE (B). **Những trống đồng Phác si cổ của Miến Điện II (Tạp chí *Tiến lên* của Miến Điện, 1977)** - The ancient Pharsi drums of Burma II - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 91-94, 96.

2639. ROBERT K.BRIGHAM. **Những đồng minh thận trọng: Mặt trận Việt Minh - người Mỹ và Cách mạng Tháng Tám** - The prudent allieds: The Vietminh front, the Americans and the August Revolution - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 74-76.

2640. ROESLER (J). **Nước CHDC Đức và nền công nghiệp hóa XHCN** - The German Democratic Republic and the socialist industrialization - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 73-79.

# S

2641. SA ANH. **Tác dụng của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử** - The effect of the popular mass and of the individu in the history - VSĐ, 1955, số 10, tr. 73-85.

2642. SADDEK HADJERA. **Quan hệ hữu nghị Pháp-Algérie-Việt Nam qua một bức thư** - Friendly relations between France-Algeria and Vietnam- NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 82-84.

2643. SCHMIDT (S). **Xã hội và thiên nhiên, những vấn đề nghiên cứu các nguồn tư liệu lịch sử** - Society and nature: questions historical sources - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 70-72.

2644. SHIMAO MINORU. **Sơ lược về tình hình nghiên cứu lịch sử Cổ Trung đại Việt Nam tại Nhật Bản** - Summary about the Vietnam Antiquity and Middle age History studies in Japan - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 91-92.

2645. SERINI (E). **Từ Mác đến Lênin: Phạm trù *Hình thái kinh tế - xã hội*** - From Marx to Lenin: On the category *Socio-economic form* - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 51-79.

2646. SIVATCHEV (N). **Chủ nghĩa cơ cấu và những phương pháp cơ cấu định lượng trong khoa học lịch sử** - Structuralism and structuro - quantitative methods in historical sciences / Sivatchev (N), Kovaltchenko (I) - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 87-92; số 6 (189), tr. 71-81.

2647. SMIDT (S.D). **Tư duy lịch sử, nghiên cứu lịch sử và những vấn đề tư liệu học** - Historical throught, historical research and problems of documentology - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 76-82.

2648. SMOLENSKI (N). **Bản chất của các khái niệm lịch sử** - Nature of the historical concepts - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 64-74.

2649. SONG JEONG NAM. **Nông dân và cải cách ruộng đất ở Hàn Quốc** - Peasantry and land reform in the Republic of Korea - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 68-79.

2650. SONG JEONG NAM. **Biến động dân số và những thay đổi ở nông thôn Hàn Quốc** - The demographic change and changes in Korean rural area - NCLS, 1997, số 1 (290), tr. 66-75.

2651. SONG JEONG NAM. **Công cuộc cải cách Hồ Quý Ly và tính chất của nó** - Ho Quy Ly' reforms and its characteristics - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 69-72.

2652. SONG JEONG NAM. **Từ lịch sử đấu tranh bảo vệ và mở mang bờ cõi của Việt Nam, suy nghĩ về tính cộng đồng của người Việt** - From the Vietnamese Struggle and Enlargement, Some thoughts on the Vietnamese Community - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 39-49.

2653. SONG JEONG NAM. **Bàn về ý nghĩa thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mông Cổ của Việt Nam** - On the Significances of the Victory of the Vietnamese in the Anti-Mongol Resistance War - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 22-31.

2654. SOTAIIN (V.M). **Trước sự xâm nhập của các cường quốc châu Âu thì những nhân tố tư bản chủ nghĩa đã có trong nền kinh tế của các nước phương Đông chưa?** - Before the infiltration of the European powers, the capitalist factors had they been in existence in the East countries economies? - NCLS, 1959, số 7, tr. 53-66.

2655. STÉPHANE LAGRÉE. **Vài nhận xét về cư dân và sự tiến triển của dân số vùng Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Yên) trong nửa đầu thế kỷ XX** - Some remarks on population and the growth of population in Tam Dao area (Vinh Yen province) in the first half of the XX century - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 44-48; số 3 (304), tr. 49-54.

2656. STORUVE (V.V). **Vấn đề tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và hình thái chủ nghĩa phong kiến** - The question of the disintegration of the slavery and the formation of the feudalism - NCLS, 1960, số 14, tr. 50-56.




2657. T.B. ***Lê quý kỷ sự* viết về trận cả phá quân Mãn Thanh ngày 5-1 năm Kỷ Dậu** - The battle of destroying the Man Thanh troops in the fifth January of the lunar year Ky Dau - NCLS, 1967, số 104, tr. 62.

2658. T.C. **Nhìn lại các cơ sở bí mật của cơ quan lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930-1935)** - Looking back to the clandestine bases of the Indochina Communist Party leading Organ - NCLS, 1962, số 37, tr. 20-25.

2659. TCNCLS. **Cùng bạn đọc thân mến** - Dear readers - NCLS, 1959, số 1, tr. 1-2.

2660. TCNCLS. **Mấy vấn đề của Cách mạng Tháng Tám cần đi sâu nghiên cứu** - Some scientific questions of the August Revolution require a through study - NCLS, 1960, số 18, tr. 1-20.

2661. TCNCLS. **1961** - NCLS, 1961, số 22, tr. 2-5.

2662. TCNCLS. **Đánh giá một nhân vật lịch sử** - Estimation some historical personages - NCLS, 1961, số 23, tr. 5-7.

2663. TCNCLS. **Vấn đề Xô viết Nghệ - Tĩnh** - The question of Nghe Tinh Soviet - NCLS, 1961, số 30, tr. 1.

2664. TCNCLS. **Từ Đại hội XXIII Đảng Cộng sản Liên Xô, một thời kỳ vĩ đại của lịch sử loài người bắt đầu: Thời kỳ chủ nghĩa cộng sản** - From the XXIII[rd] Congress of the Soviet Union Communist Party, a great epoch of human history, the beginning of the communist epoch - NCLS, 1961, số 32, tr. 1-6.

2665. TCNCLS. **Sơ kết cuộc thảo luận về hai nhân vật Hồ Quý Ly và Nguyễn Trường Tộ** - Preliminary conclusion of the discussion on two personages: Ho Quy Ly and Nguyen Truong To - NCLS, 1961, số 33, tr. 8-16.

2666. TCNCLS. **Những đề mục nghiên cứu năm 1962** - The study themes for 1962 - NCLS, 1962, số 34, tr. 1-2.

2667. TCNCLS. **Bình luận một số nhân vật lịch sử** - Commentary on some historical personages - NCLS, 1962, số 34, tr. 6.

2668. TCNCLS. **Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam hiện nay là một tất yếu lịch sử** - The revolutionary struggle of the people in the South to day is a historical necessity - NCLS, 1962, số 40, tr. 1-2.

2669. TCNCLS. **Nguyễn Trãi, một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam** - Nguyen Trai, a great personage in Vietnam history - NCLS, 1962, số 42, tr. 1-7, 15.

2670. TCNCLS. **Về bài** ***Ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu*** - About the article *The China revolution influence on the ideological shift of Phan Boi Chau* - NCLS, 1963, số 48, tr. 45.

2671. TCNCLS. **Những tài liệu lịch sử quý giá vừa được đưa về nước** - The precious historical documents recently sent back to the country - NCLS, 1963, số 53, tr. 39.

2672. TCNCLS. **Những bức thư thắm thiết** - The intimate letters - NCLS, 1964, số 60, tr. 1-2.

2673. TCNCLS. **Cần tiến hành công tác phê bình tài liệu** - It is necessary to do the critique of documents - NCLS. 1964, số 63, tr. 1-4.

2674. TCNCLS. **20-8-1964: Kỷ niệm 100 năm ngày mất của Trương Định** - 20-8-1964 Centenary anniversary of the death day of Truong Dinh - NCLS. 1964, số 65, tr. 6.

2675. TCNCLS. **Chuẩn bị thảo luận về một nhân vật lịch sử: Phan Chu Trinh** - Preparation for discussion about the historical personage: Phan Chu Trinh - NCLS, 1964, số 66, tr. 8.

2676. TCNCLS. **Một lầm lẫn về tài liệu cần chấm dứt** - An error in document must end - NCLS, 1965, số 71, tr. 43.

2677. TCNCLS. **Trở lại việc xác minh vụ ném bom ở Hà Nội** - Going back to the bombardment of Hanoi for confirmation - NCLS, 1965, số 75, tr. 64.

2678. TCNCLS. **Thảo luận về những cuộc khởi nghĩa của nông dân và chiến tranh nông dân trong quá trình lịch sử Việt Nam** - Discussion on the peasant insurrections and on the peasant war in the process of Vietnam history - NCLS, 1965, số 76, tr. 27.

2679. TCNCLS. **Một lần nữa xác minh địa điểm vụ ném bom ở Hà Nội năm 1913** - Confirming again the bombarded place in Hanoi in 1913 - NCLS, 1965, số 77, tr. 62.

2680. TCNCLS. **Những việc làm trong năm qua và trọng tâm nghiên cứu trong năm mới** - The activities of the past year and the central studying themes of the new year - NCLS, 1967, số 94, tr. 1-4.

2681. TCNCLS. **Nên nghiên cứu vấn đề thời đại Hồng Bàng** - We sought to study the Hong Bang epoch - NCLS, 1967, số 97, tr. 5-6.

2682. TCNCLS. **Điểm lại 100 số TCNCLS** - Checking one hundred issues of Historical Studies Review - NCLS, 1967, số 101, tr. 1-6.

2683. TCNCLS. **Vấn đề An Dương Vương, Thục Phán và nước Âu Lạc** - The questions of An Duong Vuong, Thuc Phan and the Au Lac country - NCLS. 1968, số 107, tr. 25-27.

2684. TCNCLS. **Cần nghiên cứu có hệ thống đặc điểm xã hội Việt Nam** - It is necessary to study the system of Vietnam society particularities - NCLS. 1968, số 115, tr. 1-2.

2685. TCNCLS. **Để kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** - For the anniversary of the birthday of the South Vietnam National Liberation Front - NCLS. 1968, số 116, tr. 1, 38.

2686. TCNCLS. **Năm 1968. Tạp chí NCLS đã làm được những gì?** - In 1968, what are done by the Historical Studies Review? - NCLS, 1968, số 117, tr. 1-3.

2687. TCNCLS. **Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập trong điều kiện lịch sử nào?** - In what historical conditions is established the South Vietnam Republic provisory Revolutionary Goverment? - NCLS, 1969, số 123, tr. 1-3.

2688. TCNCLS. **Những cán bộ công tác sử học chúng ta trước 4 ngày kỷ niệm lớn năm 1970** - We, the cadres of historical science, facing towards the four great anniversary days in 1970 - NCLS, 1969, số 124, tr. 1-2.

2689. TCNCLS. **Chuẩn bị kỷ niệm 900 năm thành lập Văn miếu - Quốc tử giám Hà Nội** - Preparation for the 900th anniversary of the creation of the Temple of literature - Quoc Tu giam in Hanoi - NCLS, 1969, số 127, tr. 5-6.

2690. TCNCLS. **Nhân ngày kỷ niệm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** - On the occasion of the anniversary of the South Vietnam National Liberation Front - NCLS, 1969, số 129, tr. 1-2.

2691. TCNCLS. **1970, năm những ngày lễ lớn** - 1970, the year of great anniversaries days - NCLS, 1970, số 130, tr. 1-3.

2692. TCNCLS. **Hồ Chủ tịch vĩ đại của Đảng và dân tộc ta** - The great President Ho of our Party and our nation - NCLS, 1970, số 132, tr. 3-6.

2693. TCNCLS. **Một sự kiện lịch sử quan trọng: Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương** - An important historical fact: the Indochina people high dégê Conference - NCLS, 1970, số 133, tr. 1-2.

2694. TCNCLS. **Kỷ niệm 150 năm ngày sinh Ăngghen, người đã cùng Mác sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học** - The 150th anniversary of the birthday of Engels, the founder, together with Marx, of the scientific socialism - NCLS, 1970, số 136, tr. 1-2, 17.

2695. TCNCLS. **Mấy ngày kỷ niệm của năm 1971** - Anniversaries days celebrated in 1971 - NCLS, 1971, số 137, tr. 1-3.

2696. TCNCLS. **Kỷ niệm 25 năm ngày Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp** - 25th anniversary day of our National resistance against the French colonialists - NCLS, 1971, số 141, tr. 1-2.

2697. TCNCLS. **Hai ngày kỷ niệm, một ý nghĩa** - Two anniversaries days one meaning - NCLS, 1972, số 145, tr. 1.

2698. TCNCLS. **Ý nghĩa lịch sử Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng đối với Cách mạng Tháng Tám và các phong trào chống**

**ngoại xâm từ 1945 cho đến ngày nay** - Importance of the 6th Conference of the Party Central Committee: The 1945 August Revolution and the struggles against aggression since 1945 today - NCLS. 1972, số 146, tr. 1-4.

2699. TCNCLS. **Kỷ niệm năm thứ 20: Quyết định của Trung ương Đảng thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học, phấn khởi đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học của chúng ta** - On the occasion of the 20th founding anniversary of the Committee of historical literary and geographical studies of Vietnam (Founded by Decision of the Việt Nam worker's Party) - NCLS, 1973, số 152, tr. 1-4.

2700. TCNCLS. **Phong trào Tây Sơn và thế kỷ XVIIIth** - The Tay Son movement and the 18th Century - NCLS, 1974, số 154, tr. 3-4.

2701. TCNCLS. **Dư luận đối với bộ *Lịch sử Việt Nam* T.I** - Readers's opinions: *History of Vietnam* Tome I - NCLS, 1975, số 1 và 2 (166), tr. 75-77.

2702. TCNCLS. **Việt Nam là một nước thống nhất** - Vietnam is a unified nation - NCLS, 1976, số 1 và 2 (166), tr. 3-5.

2703. TCNCLS. **Về nông nghiệp Việt Nam trong lịch sử** - On the Vietnamese agriculture in the history - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 1-4.

2704. TCNCLS. **Nghiên cứu các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam. Nhiệm vụ cấp thiết của chúng ta** - To carry out researches into socio-economic formations existing in the process of the history of Vietnam - Our urgent task - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 1-4.

2705. TCNCLS. **Các Mác và vai trò của sử học mác xít** - Karl Marx and the role of marxist historical sciences - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 1-3.

2706. TCNCLS. **Cần tìm hiểu di sản lịch sử với điểm xuất phát đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta** - Historical legacy with the starting point in the transition of socialism in Vietnam - NCLS, 1987, số 1 (232-233), tr. 1-2.

2707. TCNCLS. **Nghiên cứu về cải cách, canh tân đất nước trong lịch sử** - A study on renovation, reform of the country in the history - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 1-2.

2708. TCNCLS. **Vấn đề đổi mới trong công tác nghiên cứu lịch sử ở nước ta hiện nay** - The question of renovation in the historical studies of our country of today - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 1.

2709. TCNCLS. **Phương hướng, mục tiêu hoạt động của Tạp chí NCLS năm 1992** - Direction, objective of *Historical Studies* review in 1992 - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 1-2.

2710. TCNCLS. **Nghiên cứu về nông dân, nông nghiệp và nông thôn đồng bằng sông Hồng từ năm 1954 đến nay** - Research about the peasantry, the agriculture and the country side in the Red River Delta from 1954 to now - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 1.

2711. TCNCLS. **Nhà Nguyễn trong lịch sử nửa đầu thế kỷ XIX** - The Nguyen dynasty in the history of the first half of the 19th Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 1.

2712. TCNCLS. **Hướng về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng** – Towards the VIIIrd National Congress of the Party - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 1-3.

2713. T.H. **Thư Bắc Kinh** - The letter from Peking - NCLS, 1959, số 2, tr. 82-88.

2714. T.H.L. **Tinh thần đấu tranh để bảo vệ độc lập và hòa bình của dân tộc Việt Nam** - The Vietnam nation struggle spirit for the defence of independence and peace - VSĐ, 1955, số 6, tr. 1-8.

2715. T.K. **Tài liệu về cuộc kháng chiến của Trương Định** - Documents on the resistance war of Truong Dinh - NCLS, 1965, số 77, tr. 44-55; số 78, tr. 49-55, 64.

2716. T.X. **Có bao nhiêu dân tộc trên đất Liên Xô** - How many nations are there in the Soviet Union? - NCLS, 1967, số 95, tr. 61-62.

2717. T.X. **Chúa Nguyễn Phúc Khoát và triều thần dưới con mắt thương nhân phương Tây** -The Seigneur Nguyen Phuc Khoat and the royal court under the eyes of European merchants - NCLS, 1969, số 120, tr. 61-63.

2718. T.X. **Con đường hành quân của Đô đốc Mưu và Đô đốc Bảo năm 1789** - The operation road of Admiral Muu and Admiral Bao in 1789 - NCLS, 1969, số 120, tr. 63-64.

2719. T.X. **Pô Kum Pao và Trương Quyền hay là ý nghĩa cuộc liên minh chiến đấu của hai dân tộc Khơ me và Việt Nam** - Po Kum Pao and Truong Quyen of the signification of the struggle alliance between the two people Khmer and Vietnam - NCLS, 1970, số 133, tr. 3-8.

2720. TXVETOP P. **Sinh viên Nga cần biết gì về lịch sử Việt Nam (Giới thiệu bộ *Lịch sử Việt Nam* 2 tập, xb ở Nga)** - What do Russian students need to know about the History of Vietnam? - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 82-87.

2721. TẠ ĐỨC. **Người Lạc Việt phải chăng là một nhóm Lava cổ ?**- Is Lac Viet an ancient-Lava group? - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 56-69.

2722. TẠ NGỌC LIỄN. **Đi tìm tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí*** - Who was the author of *Hoang Le nhat thong chi* - NCLS, 1974, số 157, tr. 14-23.

2723. TẠ NGỌC LIỄN. **Nguyễn Thiếp** - Nguyen Thiep - NCLS, 1975, số 164, tr. 24-32.

2724. TẠ NGỌC LIỄN. **Đại Tư mã Ngô Văn Sở, một danh tướng của Tây Sơn** - Ngo Văn Sọ, a well known General of Tay Son - NCLS, 1976, số 4 (169), tr. 54-62.

2725. TẠ NGỌC LIỄN. **Vài nhận xét về Thiền Tông và phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần** - Some considerations on Thien Tong and the sect Truc Lam Yen Tu under Tran's dynasty - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 53-62.

2726. TẠ NGỌC LIỄN. **Phát hiện một tài liệu Nôm đời Tây Sơn: Văn cúng quân Thanh chết trận Đống Đa** - A funeral oration dedicated to destroyed Ts'ing aggressor at the Dong Da battle - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 87-89.

2727. TẠ NGỌC LIỄN. **Một sự nghiệp còn mãi (Nhân kỷ niệm 200 năm năm sinh Phan Huy Chú: 1782-1982)** - On the occasion of the 2nd birth centenary of Phan Huy Chu - An everlasting work - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 10-17.

2728. TẠ NGỌC LIỄN. **Tìm hiểu thể loại địa chí** - Research into various genres of geographic monographies - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 69-73.

2729. TẠ NGỌC LIỄN. **Mấy nét về vai trò, đặc điểm của Nho giáo thời Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - Some features about the role, the particularities of Confucianism of the Nguyen dynasty in the first half of the 19th Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 32-36.

2730. TẠ NGỌC LIỄN. **Lược khảo về ngành khí tượng thủy văn Cổ - Trung đại** - Summary on meteorology-hydrology in Ancient and Middle ages - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 42-46.

2731. TẠ NGỌC LIỄN. **Học giả Đào Duy Anh với công tác khảo chứng, chú giải tài liệu sử tịch** - The Scholar Dao Duy Anh and Examining and Annotating the Historical Sources - NCLS, 2004, số 7 (338), tr. 7-10.

2732. TẠ THỊ THÚY. **Bước đầu tìm hiểu một số quy chế cơ bản về việc thiết lập đồn điền ở Bắc Kỳ của thực dân Pháp (giai đoạn 1884-1896)** - Investigation of a number of essential regulations concerning the setting up of plantations in Tonkin by French colonialists (1884-1896) - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 21-26.

2733. TẠ THỊ THÚY. **Việc thiết lập đồn điền của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ trong giai đoạn 1884-1896** - The foundation of French plantations in Tonkin in 1884-1896 - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 98-107.

2734. TẠ THỊ THÚY. **Về tầng lớp chủ đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ trong giai đoạn 1884-1896** - French consessionaires in Tonkin during the 1884-1896 period - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 86-95.

2735. TẠ THỊ THÚY. **Vài nét về việc khai thác và sử dụng đất đồn điền của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ giai đoạn 1884-1896** - Some features on exploitation and utilization of plantation land of French colonialists in Tonkin in the period 1884-1896 - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 50-60, 66.

2736. TẠ THỊ THÚY. **Việc sử dụng nhân công đồn điền của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ giai đoạn 1884-1896** - The use of human power in the plantations of French colonialists in Tonkin in the phase 1884-1896 - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 25-34.

2737. TẠ THỊ THÚY. **Những vụ tranh chấp đất đồn điền ở Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX** – The disputes of plantation lands in Tonkin from the end of the 19th century to the beginning of the 20th century - NCLS, 1995, số 3 (280), tr. 40-48.

2738. TẠ THỊ THÚY. **Việc quản lý đất công nông nghiệp và quy chế nhượng đất của người Pháp ở Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX** - Management of public land rural and the land concession regulations laid down by the French in Tonkin in the late 19th and the early 20th centuries- NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 58-67; số 1 (284), tr. 14-20.

2739. TẠ THỊ THÚY. **Một vài kết quả nghiên cứu bước đầu về công cuộc nhượng đất khẩn hoang ở Bắc Kỳ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất** Some preliminary results of the research on concession of reclaimed land in Tonkin after the First world war - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 52-57.

2740. TẠ THỊ THÚY. **Chăn nuôi trâu bò ở Bắc Kỳ nửa đầu thế kỷ XX** - Cattle raising in Tonkin in the first half of the 20th century - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 67-75.

2741. TẠ THỊ THÚY. **Việc nhượng và khai khẩn bãi bồi ven biển Kim Sơn (Ninh Bình) 1930-1945** - Concession and exploitation of the seaside alluvial plain at Kim Son (Ninh Binh) in 1930-45 - NCLS, 2000, số 6 (313), tr. 40-49.

2742. TẠ THỊ THÚY. **Việc trồng lúa ở Bắc Kỳ từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX** - Rice cultivation in Tonkin from the late 19th century to the middle of the 20th century - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 48-62.

2743. TẠ XUÂN LINH. **Cuộc đồng khởi Trà Bồng (28-8-1959)** - the Tra Bong uprising (28-8-1959) / Tạ Xuân Linh, Nguyễn Hồ, Nguyễn Khánh Tường - NCLS, 1971, số 138, tr. 19-27.

2744. TẠ XUÂN LINH. **Cuộc đồng khởi Bến Tre** - Ben Tre in the concerted uprisings movement - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 24-35.

2745. TÀO QUỐC KHÁNH. **Đặc điểm phổ biến của việc thi hành hương ước đời Minh** - Common characteristics in the realization of village conventions in Ming dynasty - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 55-60.

2746. TAYLOR (K). **Dư luận nước ngoài đối với bộ *Lịch sử Việt Nam* T.I (Trích trong: The Journal of Asian studies. Vol XXXIII, N° 2, 2.1974, tr. 338-340) (Đọc sách)** - Reading the book *History of Vietnam* T.I - NCLS, 1974, số 158, tr. 74-76.

2747. TAKADA YOKO. **Nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở Nhật Bản** - Vietnamese historical studies in Japan - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 65-70; số 3 (286), tr. 52-61.

2748. TẦM VU. **Khuynh hướng cộng sản trong tờ báo *La Cloche fêlée* và *L'Annam* ở Sài Gòn 1923-1928** - About the communist tendency of the two periodicals *La Cloche fêlée* and *L'Annam* - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 19-26.

2749. TẦM VU. ***Thanh niên* tờ tuần báo đầu tiên của cuộc vận động truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin trên đất nước Việt Nam** - *Youth*, the first weekly of the Marxism-Leninism diffusion movement in Vietnam - NCLS, 1978, số 1 (178), tr. 10-19.

2750. TẦM VU. **Đấu tranh tư tưởng và chính trị giữa Đảng Cộng sản và nhóm tờ-rốt-kít trong những năm 1930** - Ideological and political struggle of the Communist Party and the trotskyist groups over the thirties years (1930) - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 9-32.

2751. TẦM VU. **Chủ nghĩa quốc tế vô sản, một trong những động lực tinh thần của cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất đến tháng 8-1945** - The proletarian internationalism - one of the moral motive forces of the Vietnamese revolution from the end of the World war I to August 1945 - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 9-21.

2752. TẦM VU. **Mấy đặc điểm trong nội dung tư tưởng của thơ văn đời Lý** - Some characteristics of the ideological content of the poetry and prose of the Ly's dynasty - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 33-39.

2753. TẦM VU. **Một cuộc đấu tranh giữa thần bí và duy lý trong Phật giáo Giao châu thế kỷ thứ V** - A struggle between mysticism and rationalism in Buddhism at Giao chau in the 5th Century - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 44-51.

2754. THÁI BẢO. ***Sử học và hiện thực* (Đọc sách)** - Reading the book: *History and Reality* - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 85-88.

2755. THÁI ĐỒNG. **Mấy ý kiến về bài *Đoàn Thị Điểm với Chinh phụ ngâm* hay là một tác phẩm văn học chống chiến tranh** - Some remarks about the article *Doan Thi Diem and the Warrior's wife song* or a literary work against the war - VSĐ, 1956, số 23, tr. 91-97.

2756. THÁI HOÀNG. **Thanh tra, giám sát và khảo xét quan lại thời phong kiến ở nước ta** - Inspection, supervision and examination of feudal mandarinate in our country / Thái Hoàng, Bùi Quý Lộ - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 26-31.

2757. THÁI NHÂN HÒA. **Phạm Phú Thứ với tư tưởng canh tân** - Pham Phu Thu and the thought of Reform - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 50-55.

2758. THÁI QUANG TRUNG. **Vài nét về tình hình ruộng đất công ở Thừa Thiên - Huế nửa đầu thế kỷ XIX** - About the situation of public land at Thua Thien - Hue in first-half 19th century - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 62-67.

2759. THÁI VŨ. **Ông Tú Gi Luân, một lãnh tụ nghĩa quân trong phong trào Cần vương ở Quảng Bình** - The Bachelor Gi Luan, a leader of insurrection troops in the movement *Devoted to the King* in Quang Binh - NCLS, 1965, số 72, tr. 61-62.

2760. THÁI VŨ. **Tìm hiểu thêm cứ điểm Ba Đình** - Research on the important base of Ba Dinh - NCLS, 1965, số 76, tr. 61-65.

2761. THÁI VŨ. **Mấy bài thơ của các lãnh tụ Cần vương tỉnh Thanh Hóa: Trần Xuân Soạn, Hoàng Bật Đạt** - Some poems of *Devoted to the King* movement leaders in Thanh Hoa: Tran Xuan Soan, Hoang Bat Dat - NCLS, 1966, số 86, tr. 63-64.

2762. THANH BA. **Bàn thêm về quan điểm của Nguyễn Trãi trong vấn đề chiến tranh và hòa bình** - Discussion on the Nguyen Trai's point of view about the question of war and peace - NCLS, 1964, số 69, tr. 34-38.

2763. THANH BA. **Xung quanh bài *Tư tưởng dân của Nguyễn Trãi với chúng ta*** - On the article *The Nguyen Trai's thought on man with we* - NCLS, 1966, số 85, tr. 30-34.

2764. THANH BÌNH. **Từ nền kinh tế suy sụp đến bế tắc (Hay là sự thất bại của đế quốc Mỹ trong việc sử dụng kinh tế miền Nam làm hậu cần tại chỗ)** - From a decreasing economy to a blocked economy (or the defeat of American imperialism in making use of the South economy as supply services on the post) - NCLS, 1968, số 116, tr. 39-46.

2765. THANH ĐẠM. **Tìm hiểu lịch sử nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo (1947-1973)** - History of the Tran Hung Dao mechanical engineering plant - NCLS, 1974, số 157, tr. 24-33.

2766. THANH ĐẠM. **Nghiên cứu vấn đề tầng lớp trung gian trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám** - The middle strate in the August Revolution - NCLS, 1975, số 163, tr. 7-27.

2767. THANH ĐẠM. **Ít nhiều tư liệu và chính sách chia để trị của thực dân Pháp ở Việt Nam** - Some materials on the *Divide and rule* policy of French colonialism in Vietnam - NCLS, 1976, số 166, tr. 35-48.

2768. THANH ĐẠM. **Tìm hiểu về ba cuộc Đại hội của Đảng** - On the three Congress of the Vietnam worker's Party - NCLS, 1976, số 170, tr. 20-29.

2769. THANH ĐẠM. **Suy nghĩ về việc biên soạn lịch sử xí nghiệp** - Some reflections upon the compilation of a history of the factory - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 54-70.

2770. THANH ĐẠM. **Về bài chế truy điệu Hồ Bá Ôn** - On the speech delivered in memory of Ho Ba On - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 74-75.

2771. THANH ĐẠM. ***Địa chí Hà Bắc* (Đọc sách)** - Reading the book *Ha Bac province monography* - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 105-108.

2772. THANH ĐẠM. ***Từ Thổ Đôi Trang đến xã Quỳnh Đôi* (Đọc sách)** - Reading the book *From the Tho Doi Trang to Quynh Doi village* - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 111-113, 118.

2773. THANH ĐẠM. **Các nhà cách mạng Việt Nam tham gia khởi nghĩa Quảng Châu** - The participation of Vietnamese revolutionist in the Kwang Tcheou (China) insurrection - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 72-75.

2774. THANH ĐẠM. **Lớp huấn luyện chính trị thứ hai ở Quảng Châu (Trung Quốc)** - The second political course in Kwang Tcheou (China) - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 71-74.

2775. THANH ĐẠM. **Tìm gặp con trai của liệt sĩ Phạm Hồng Thái** - Finding and meeting with the child of the Hero Pham Hong Thai - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 69-72.

2776. THANH ĐẠM. **Nền tư tưởng và bước thăng trầm của Cách mạng Tân Hợi** - The ideological base and the rise and fall of the Tan Hoi Revolution - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 71-76.

2777. THANH LÊ. **Phan Chu Trinh, một sĩ phu phong kiến tư sản hóa giàu lòng yêu nước** - Phan Chu Trinh, a feudal scholar becoming bourgeois, but a fervent patriot - NCLS, 1965, số 71, tr. 26-30.

2778. THANH LƯƠNG. **Chủ nghĩa Lênin và sự phát triển giai cấp công nhân Việt Nam** - Leninism and the development of the Vietnamese working class - NCLS, 1974, số 156, tr. 37-43; số 157, tr. 45-52.

2779. THANH SƠN. **Sách *Hồ* của David Halberstam (Đọc sách)** - Reading the book on *Ho* of David Halberstam - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 86-89.

2780. THANH XUÂN. **Cuộc khởi nghĩa "Quân áo son" chống thực dân Pháp xâm lược 1884** - The insurrection of "The troops wearing red coat" against the French aggressive colonialist in 1884 - NCLS, 1967, số 97, tr. 58-59.

2781. THÀNH THẾ VĨ. **Một số tài liệu về ngoại thương ở Đàng Ngoài đầu thế kỷ XVII** - Some documents about the foreign trade of the North Vietnam at the beginning of the 17th Century - VSĐ, 1958, số 44, tr. 66-80.

2782. THÀNH THẾ VĨ. **Văn học cổ điển và chủ nghĩa cổ điển** - The classical literature and the classicism - VSĐ, 1959, số 48, tr. 44-59.

2783. THẾ ĐẠT. **Lịch sử tiền tệ Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám** - History of Vietnam currency before the August Revolution - NCLS, 1959, số 9, tr. 64-79.

2784. THẾ ĐẠT. **Tình hình phát triển tiền tệ Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám** - The development of Vietnam currency after the August Revolution - NCLS, 1962, số 37, tr. 26-35.

2785. THẾ ĐẠT. **Kinh nghiệm lịch sử: công tác quản lý kinh tế của Liên Xô sau Cách mạng tháng Mười** - About the economic management of USSR after the October Revolution - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 24-35.

2786. THẾ LONG. **Bước đầu tìm hiểu về sĩ phu với phong trào nông dân Tây Sơn** - Preliminary study on scholars towards the peasant movement of Tay Son - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 113-128.

2787. THẾ TĂNG. **Vai trò hậu phương của Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh** - The role played by Great Viet' s rear areas in the resistance against the Ming - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 42-47.

2788. THI SẢNH. **Giai cấp công nhân mỏ Quảng Ninh trong việc bảo vệ và xây dựng thắng lợi chính quyền cách mạng ở khu mỏ (9/1945 - 12/1946)** - The workers of Quang Ninh and the victorious building and safeguarding of the people's power in coal field zone - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 54-62.

2789. THI SẢNH. **Công nhân mỏ Quảng Ninh đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai sau Hiệp định Giơnevơ 1954** - Mine workers of Quang Ninh fighting against U.S imperialism and their valets since the Geneva Agreement 1954 - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 32-44.

2790. THIẾT BẠCH. **Về một số điểm cần xác minh trong cuốn *Việt Nam nghĩa liệt sử*** - About some documents which must be clarified in the *Viet Nam Nghia liet su* - NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 84-87.

2791. TIẾN SƠN. **Một số cống hiến của Nguyễn Trãi trong chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV** - Some contributions of Nguyen Trai to the direction of national liberation war at the beginning of the 15th Century - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 47-52.

2792. TIỄN BÁ TÁN. **Một vài vấn đề trong việc bình luận nhân vật lịch sử** - Some questions in the commentary on historical personage - VSĐ, 1954, số 3, tr. 58-70.

2793. TIỄN BÁ TÁN. **Đấu tranh giữa hai đường lối trên mặt trận khoa học lịch sử** - The struggle between the two lines on the historical science front - NCLS, 1959, số 1, tr. 71-79.

2794. TIỄN BÁ TÁN. **Vài vấn đề trước mắt trong việc giảng dạy lịch sử** - Some instant questions in the teaching on history - NCLS, 1959, số 5, tr. 20-34.

2795. TIỄN BÁ TÁN. **Vấn đề xóa bỏ thể hệ Vương triều** - The question of suppressing the system of dynasties of Kings - NCLS, 1961, số 23, tr. 34-38.

2796. TIỄN BÁ TÁN. **Một số vấn đề trong việc đánh giá nhân vật lịch sử** - Some questions in the estimation of historical personage - NCLS, 1961, số 25, tr. 34-40.

2797. TIỄN BÁ TÁN. **Mấy ý kiến sơ bộ về việc xử lý một số vấn đề lịch sử** - Some preliminary thinkings on the dealing with some historical questions - NCLS, 1962, số 36, tr. 55-62, 64.

2798. THIERRY.F. **Đồng tiền lạ thời Thành Thái** - The strange currency under the Thanh Thai dynasty - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 72-76.

2799. THỦY TRƯỜNG. **Một số tư liệu về cuộc chiến tranh Pháp-Việt (1946-1954) qua cuốn sách *Cuộc chiến tranh Pháp Đông Dương* của Alanh Rútxiô** - Some Documents on the French-Vietnamese War (1946-1954) in the Book *The French War in Indochina* (*La Guerre Française d' Indochine*) by Alain Ruscio - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 62-67.

2800. TIKHVINSKI (X.L). **Sự tán tụng chủ nghĩa bá quyền trong nền sử học Trung Quốc** - The exaltation of hegemonism by Chinese historical sciences - NCLS, 1983, số 1 (208), tr. 65-75.

2801. TIKHVINSKI (X.L). **Về nhiệm vụ của các nhà sử học Xô viết** - On the tast of the Soviets historians - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 74-79.

2802. TÒA SOẠN TC VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC. **Tổng kết thảo luận vấn đề địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế** - Summary of the discussion about the question of natural geography and economical geography - VSĐ, 1955, số 8, tr. 65-72.

2803. TÔ MINH TRUNG. **Bàn về vấn đề mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam** - Discussion on the germs of capitalism in Vietnam - NCLS, 1962, số 37, tr. 36-42.

2804. TÔ MINH TRUNG. **Mấy ý kiến đánh giá vai trò Lưu Vĩnh Phúc trong cuộc kháng Pháp của nhân dân Việt Nam** - Some ideas about the estimation on the role of Luu Vinh Phuc in the Vietnam people struggle against the French colonialism - NCLS, 1962, số 38, tr. 31-34.

2805. TÔ MINH TRUNG. **Góp ý kiến với ông Nguyễn Việt về một vài vấn đề trong việc đánh giá mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam** - Exchange of view with Mr. Nguyen Viet about some questions of estimation on the germs of capitalism in Vietnam - NCLS, 1962, số 41, tr. 23-28.

2806. TÔ MINH TRUNG. **Góp ý kiến với ông Chương Thâu về bài *Ảnh hưởng của Cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu*** - Exchange of opinions with Mr. Chuong Thau about the article *The influence of China Revolution on the ideological shift of Phan Boi Chau* - NCLS, 1963, số 46, tr. 51-59.

2807. TÔ MINH TRUNG. **Phong trào nông dân Tiền Hải năm1930** - The movement of Tien Hai peasants in 1930 - NCLS, 1963, số 52, tr. 60-62.

2808. TÔ MINH TRUNG. **Chung quanh bài học *Khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám* (Góp ý kiến với đồng chí Lê Quốc Sử)** - About the lesson *Well combining the forms of political struggle and armed struggle in the August Revolution* (Exchange of opinion with comrade Le Quoc Su) - NCLS, 1963, số 53, tr. 16-24.

2809. TÔ MINH TRUNG. **Trương Vĩnh Ký, tên tay sai đắc lực đầu tiên của chủ nghĩa thực dân Pháp trong lịch sử nước ta** - Truong Vinh Ky, the first zealous lackey of the French colonialism in the history of our country - NCLS, 1964, số 59, tr. 43-46.

2810. TÔ MINH TRUNG. **Bàn về chủ nghĩa cải lương Phan Chu Trinh** - Discussion on the reformism of Phan Chu Trinh - NCLS, 1964, số 67, tr. 29-38.

2811. TÔ MINH TRUNG. **Phong trào đấu tranh chống Mỹ và tay sai của học sinh, sinh viên miền Nam (1954-1965)** - The students and the pupils struggle movement against the American imperialists and their henchmen (1954-1965) - NCLS, 1966, số 82, tr. 7-19.

2812. TÔ MINH TRUNG. **Quá trình hình thành và phát triển của vùng giải phóng miền Nam** - The process of formation and development of the liberation zones in the South - NCLS, 1966, số 87, tr. 6-16.

2813. TÔ MINH TRUNG. **Sự tan rã không ngừng của ngụy quân miền Nam** - The continous disintegration of the puppet army in the South - NCLS, 1966, số 90, tr. 8-22.

2814. TÔ MINH TRUNG. **Về kế hoạch Giônxơn - Mácnamara và giai đoạn chót của "Chiến tranh đặc biệt"** - On the Johnson - Mc Namara's plan and the ending phase of the "Special war" - NCLS, 1967, số 98, tr. 4-15.

2815. TÔ MINH TRUNG. **Mấy nét lớn về nền văn hóa miền Nam Việt Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ** - The main outlines of culture of the South Vietnam under the domination of the American colonialism - NCLS, 1967, số 103, tr. 45-53.

2816. TÔ MINH TRUNG. **Nền giáo dục phản động của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam** - The reactionary education of the American imperialism and their henchmen in the South Vietnam - NCLS, 1968, số 114, tr. 49-57.

2817. TÔ MINH TRUNG. **Ngọn cờ đầu của phong trào "Đồng khởi" toàn miền Nam Việt Nam** - The first flag of the "simultaneous uprising" movement in the whole South Vietnam - NCLS, 1969, số 118, tr. 47-54, 57.

2818. TÔ MINH TRUNG. **Vấn đề Hùng Vương theo quan điểm của một số người làm công tác sử học ở miền Nam Việt Nam** - The question of Hung Vuong from the view point of some historians in South Vietnam - NCLS, 1969, số 121, tr. 56-59.

2819. TÔ SANH. **Về sự tích ghi trong bia Sùng Thiện Diên Linh ở làng Long Đọi Sơn** - About the story engraved on the stele Sung Thien Dien Linh in the village Long Doi Son - NCLS, 1966, số 85, tr. 60-61.

2820. TÔ TRUNG. **Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, một cuộc cải cách xã hội đầu tiên (Trao đổi ý kiến với ông Đặng Việt Thanh)** - The Dong Kinh Nghia Thuc movement, a first social reformation (Exchange of opinion with Mr. Dang Viet Thanh) - NCLS, 1961, số 29, tr. 53-55.

2821. TỐ THANH. **Tìm hiểu chính sách của Nhật đối với khu vực Đông Nam Á thời kỳ "Sau Việt Nam"** - Preliminary study on the policy of Japan towards South-East Asia in the "post-Vietnam" period - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 68-75.

2822. TỐ THANH. **Chiến dịch Thượng Lào** - The Upper Laos military campaign / Tố Thanh, Hữu Hợp - NCLS, 1980, số 1 (208), tr. 6-14.

2823. TỐ THANH. **Cuộc đấu tranh nhằm củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng ở Nam Bộ thời kỳ 1945-1946** - The struggle to keep up and

consolidate the revolutionary power in Nam Bo in the 1945-1946 period - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 15-25; số 5 (230), tr. 22-26.

2824. TỐ THANH. **Vấn đề đại đoàn kết toàn dân để củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng thời kỳ 1945-1946** - The great union of all the people to consolidate and maintain the revolutionary power in 1945-1946 period - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 18-28.

2825. TỐ THANH. **Hồ Chủ tịch với vấn đề chính quyền của dân, do dân và vì dân** - President Ho Chi Minh with the question of a government of the people, by the people and for the people - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 20-28.

2826. TÔN KÍNH CHI. **Stalin và khoa học địa lý** - Stalin and the geographical science - VSĐ, 1955, số 4, tr. 57-60.

2827. TÔN QUANG DUYỆT. **Một vài ý kiến bổ sung về lịch sử hai đồng chí: Trần Phú và Nguyễn Thị Minh Khai** - More on the biographies of Tran Phu and Nguyen Thi Minh Khai - NCLS, 1971, số 139, tr. 22-29.

2828. TÔN QUANG DUYỆT. **Phan Đăng Lưu, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, kiên cường, một trí thức cách mạng tiêu biểu** - Phan Dang Luu, an outstanding communist militant and a typical revolutionary intelectual - NCLS, 1975, số 4 (163), tr. 50-56.

2829. TÔN QUANG PHIỆT. **Cụ Phan Bội Châu trong lịch sử giải phóng dân tộc của chúng ta** - Phan Boi Chau in our national liberation history - VSĐ, 1956, số 13, tr. 53-65.

2830. TÔN QUANG PHIỆT. **Nói thêm về Phan Bội Châu sau khi đọc hai bài góp ý kiến của ông Hải Thu và Lê Văn Trinh** - Some ideas again on Phan Boi Chau after reading the two articles of Mr. Hai Thu and Mr. Le Van Trinh - VSĐ, 1958, số 44, tr. 53-65.

2831. TÔN QUANG PHIỆT. **Phan Chu Trinh, tư cách con người và chủ trương chính trị** - Phan Chu Trinh, the quality of a man his political orientation - NCLS, 1965, số 70, tr. 11-18.

2832. TÔN QUANG PHIỆT. **Phải chăng Hoàng Hoa Thám đã bị giết ngày 10-2-1913?** - Hoang Hoa Tham was he killed in 10-2-1913? - NCLS, 1966, số 82, tr. 27-36.

2833. TÔN QUANG PHIỆT. **Về đồng chí Phan Đăng Lưu, một trí thức cách mạng kiên cường** - On comrade Phan Dang Luu, a brave revolutionary intellectual - NCLS, 1972, số 147, tr. 10-22.

2834. TỐNG TRUNG TÍN. **Đóng góp một số tư liệu mới phát hiện về Hồ Quý Ly** - Some new documents about Ho Quy Ly - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 77-82.

2835. TỐNG TRUNG TÍN. **Nghệ thuật thời Mạc** - The art under the Mac dynasty - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 45-50.

2836. TỐNG TRUNG TÍN. **Tình hình trao đổi buôn bán đồ gốm giữa Việt Nam và Nhật Bản (thế kỷ XIV-XVIII)** - The exchange and trade of ceramics between Vietnam and Japan ($14^{th}$-$18^{th}$ centuries) - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 67-73.

2837. TRẦN BÁ CHÍ. **Một số tài liệu liên quan đến Mai Thúc Loan và cuộc khởi nghĩa của ông** - Some documents relative to Mai Thuc Loan and his insurrection - NCLS, 1964, số 68, tr. 50-57.

2838. TRẦN BÁ CHÍ. **Sử Hy Nhan và Sử Đức Huy - hai nhân vật lịch sử thời Trần** - Su Hy Nhan and Su Duc Huy - Two historical personalities of Tran dynasty - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 48-55.

2839. TRẦN BÁ CHÍ. **Quê quán, gia tộc Lê Đại Hành** - Native village and familiar issue of Le Dai Hanh - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 18-24.

2840. TRẦN BÁ CHÍ. **Vị trí Hà Nội trong cuộc chống Tống thời Tiền Lê** - The place of Hanoi in the war against the Tsung in the Pre-Le period - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 46-49.

2841. TRẦN BÁ CHÍ. **Tìm hiểu hai chữ "Lịch triều" trên bìa sách *Đại Việt Sử ký toàn thư*, bản in "Nội các quan bản"** - Research into the compound word "Lich trieu" on the front cover of *Dai Viet su ky toan thu* printed from the "Noi cac quan ban" engraving - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 65-67.

2842. TRẦN BÁ CHÍ. **Nguồn gốc Hồ Quý Ly và dòng họ Hồ** - The origin of Ho Quy Ly and his lineage - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 13-17.

2843. TRẦN BÁ CHÍ. **Hồng Giang thời cổ và sông Hồng ngày nay** - The Red river in the past and of today - NCLS, 1993, số 2 (167), tr. 56-59.

2844. TRẦN BÁ CHÍ. **Giới thiệu bộ *Đại Việt Sử ký tiền biên*** – Introduction to the historiographical work *Dai Viet Su ky tien bien* - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 90-95.

2845. TRẦN BÁ ĐỆ. **Từ Điện Biên Phủ đến "Điện Biên Phủ trên không" - Đế quốc Mỹ từ chùn bước đến thất bại** - From the Dien Bien Phu to the "Dien Bien Phu in air battle" the U.S imperialism: From discouragement to fiasco - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 21-27.

2846. TRẦN BÁ ĐỆ. **Mấy ý kiến về đổi mới nội dung nghiên cứu, giảng dạy lịch sử miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954-1975)** - Some ideas in the renovation the study and the teaching on the history of the North Vietnam in the transition to the socialism (1954-1975) - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 66-69.

2847. TRẦN BÁ ĐỆ. **Mấy ý kiến về đổi mới biên soạn và giảng dạy lịch sử Việt Nam giai đoạn từ 1919 đến nay** - Some opinions on the renovation of Vietnam history writing and teaching in the period from the 1919 to now - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 29-31.

2848. TRẦN BÁ ĐỆ. **Khởi nghĩa Đệ tứ chiến khu** - Insurrection in the IV$^{th}$ Strategic War Zone - NCLS, 1969, số 126, tr. 44-57.

2849. TRẦN CUNG. **Từ Côn Đảo trở về (Hồi ký)** - Coming back from Con Dao (Memory) - NCLS, 1970, số 134, tr. 18-26.

2850. TRẦN CƯƠNG. **Chính sách bành trướng của Bắc Tống và tình hình nhà Tống sau thất bại ở Việt Nam năm 981** - The policy of expansion of the Sung's dynasty and the situation or the Sung's dynasty after its defeat at Vietnam in 981 - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 46-54.

2851. TRẦN CƯƠNG. **Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng qua một số thư tịch Trung Quốc** - The Trung Sister's insurrection through the books of Chinese - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 75-80.

2852. TRẦN CƯƠNG. **Mấy điều cần làm sáng tỏ trong lịch sử Việt Nam nửa cuối thế kỷ VI** - A few facts needing clairfication on Vietnamese history in 6$^{th}$ Century - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 59-66.

2853. TRẦN ĐẮC THỌ. **Bàn về pho tượng lạ ở chùa Bộc** - To discuss further on the strange statue in Boc pagoda - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 69-74.

2854. TRẦN ĐÌNH THÂN. **Phan Trung - Một nhân sĩ yêu nước hồi thế kỷ XIX** - Phan Trung - A patriotic personality in the 19$^{th}$ century - NCLS, 1999, số 1 (302), tr. 72-74.

2855. TRẦN ĐỘ. **Hành động xâm lược Việt Nam và sự thất bại của quân Minh dưới ngòi bút của sử gia hiện đại Trung Quốc** - The Minh armies' aggressive act and defeat in their invasion in Vietnam, under the pen of Chinese historians comtemporary - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 42-48.

2856. TRẦN ĐỘ. **Vài nét về tình hình chiếm hữu ruộng đất và khai thác nông nghiệp của tư bản thực dân Pháp ở Campuchia cuối thế kỷ XIX-giữa thế kỷ XX** - Some features about the confiscation of lands and the agricultural exploitation of the French capitalists at Cambodia from the end of the 19$^{th}$ Century to the middle of the 20$^{th}$ Century - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 63-71.

2857. TRẦN ĐỘ. **Mấy ý kiến nhân đọc cuốn *Lịch sử cận đại Trung Quốc*** - Some opinions on the book entitled *The modern history of China* - NCLS, 1984, số 4 (219), tr. 80-89.

2858. TRẦN ĐỘ. **Bàn về vị trí địa lý của "Quận Tượng"** - Some opinions about the geographical position of "Tuong district" - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 43-52.

2859. TRẦN ĐỘ. **Về trận thắng quân Pháp tại Hữu nghị quan và Lạng Sơn (3-1885)** - The victory against the French colonialist in Friendship Frontier post (Huu Nghi quan) and Lang Son (3-1885) - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 26-30.

2860. TRẦN ĐỘ. **Người Hoa ở Việt Nam trong một số tác phẩm của học giả Trung Quốc (xuất bản gần đây)** - The Chinese in Vietnam in some works of Chinese authors (recently published) - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 90-94.

2861. TRẦN ĐỘ. **Về nhân vật lịch sử Lưu Vĩnh Phúc trong thời kỳ Chiến tranh Trung-Pháp (1883-1885)** - On the historical personality Luu Vinh Phuc during the Sino-French war (1883-85) - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 75-79.

2862. TRẦN ĐỨC ANH SƠN. **Một số đính chính về niên đại các vua triều Nguyễn** - Some rectifications about the dynasty title of Nguyen dynasty Kings - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 69-72.

2863. TRẦN ĐỨC ANH SƠN. **Hiểu thêm về các chuyến đi sứ sang Trung Hoa dưới triều Nguyễn (1802-1945)** - Add to understand on official messengers' travels to China in Nguyen dynasty (1802 - 1945) - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 7-22.

2864. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Nhìn lại quá trình chuyển hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp từ bậc thấp lên bậc cao ở miền Bắc nước ta** - Retrospective glance at the process of transformation of the agricultural cooperatives from low to high degree in North Vietnam - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 14-23.

2865. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Vài nét về tổ chức và các hình thức hoạt động của một số cơ quan điều hành "văn hóa" thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)** - An outline of the oganizations and activities of some "cultural" institutions of the U.S neo-colonialism in the South of Vietnam - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 68-73.

2866. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Điện Biên Phủ - Nỗi ám ảnh của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** - Dien Bien Phu - An Obsession of the Americans in the invasion war of Vietnam - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 18-23.

2867. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Hoàng Văn Thụ (1909-1944), một chiến sĩ cách mạng kiên trung** - Hoang Van Thu (1909-44) - A loyal revolutionary / Trần Đức Cường, Phùng Đức Thắng - NCLS, 1994, số 5 (276), tr. 1-4.

2868. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Đọc *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960)*** - Reading the book *The History of Vietnam National Assembly (1946-1960)* - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 88-91.

2869. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Nam Bộ với cuộc kháng chiến toàn quốc** - The South Vietnam with the resistance war in the whole country - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 35-42.

2870. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ với Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947** - The Cochinchina and the South Annam battlefields with Viet Bac operation (Autumn-Winter 1947) - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 19-25.

2871. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Viện Sử học - tập thể được phong danh hiệu Anh hùng lao động** - Institute of Historical Studies - A community conferred the title "Labour Hero" - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 3-9.

2872. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Giáo sư Trần Văn Giàu - Nhà cách mạng lão thành, Nhà sử học lớn** - Professor Tran Van Giau - A veteran revolutionary, a great historian - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 3-7.

2873. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Giáo sư, Viện sĩ Trần Huy Liệu - Nhà sử học cách mạng tiêu biểu của đất nước** - Professor, Academician Tran Huy Lieu - A typical revolutionary historian of the country - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 3-8.

2874. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **50 năm Viện Sử học** - Institute of Historical Studies in the Last 50 Years - NCLS, 2004, số 1 (332), tr. 12-20.

2875. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Thành lập quân đội nhân dân Việt Nam - Một yêu cầu tất yếu trong cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta** - The Founding of the People's Army of Vietnam- An Indispensable Demand in the Revolution for National Liberation of Our Nation - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 3-6.

2876. TRẦN ĐỨC CƯỜNG. **Phát hiện mới sẽ được công bố: Phần tiếp theo trọn bộ của *Đại Nam thực lục Chính biên*** - New Discoveries to be brought into Public: The Following Part of the Complete Book *Dai Nam Thuc Luc Chinh Bien*, NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 38-41.

2877. TRẦN ĐỨC THẢO. **Tìm hiểu giá trị văn chương cũ** - A study on the value of the ancient literature - VSĐ, 1954, số 3, tr. 27-39.

2878. TRẦN ĐỨC THẢO. **Bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo và xã hội Việt Nam trong thời kỳ thịnh của chế độ phong kiến** - The proclamation of Tran Hung Dao to the officers and the Vietnam society in the prosperity period of the feudalism - VSĐ, 1955, số 5, tr. 31-39.

2879. TRẦN GIANG. **Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ** - Nam Ky uprising - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 83-85.

2880. TRẦN HÀ. **Xung quanh trận Bạch Đằng năm 1288** - About the Bach Dang battle in 1288 - NCLS, 1963, số 46, tr. 60-66.

2881. TRẦN HẢI LƯỢNG. **Bàn về địa giới thành Thăng Long** - About the limits of Thang Long Citadel - NCLS, 1959, số 6, tr. 77-81.

2882. TRẦN HẢI LƯỢNG. **Vài suy nghĩ về sông Tô Lịch** - Some reflexions about the To Lich River - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 51-54.

2883. TRẦN HIỆP. **Vấn đề quần đảo Curin trong quan hệ Nga - Nhật ở thế kỷ XX** - The Kurin Archipelago Issue in the Japanese-Russian Relations in the 20th Century - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 53-58.

2884. TRẦN HUY BÁ. **Thử bàn về vị trí thành Thăng Long đời Lý** - The position of Thang Long Citadel under the dynasty of Ly - NCLS, 1959, số 6, tr. 77-81.

2885. TRẦN HUY BÁ. **Thử tìm vị trí Phủ Chúa Trịnh** - Trying to discover the position of Seigneur Trinh place - NCLS, 1960, số 11, tr. 35-38.

2886. TRẦN HUY BÁ. **Bàn thêm về nội thành Thăng Long ở thời Lý, Trần, Lê** - Again on the inside of Thang Long Citadel under the dynasties of Ly, Tran, Le - NCLS, 1966, số 91, tr. 57-63.

2887. TRẦN HUY BÁ. **Ngọc phả triều Hùng Vương và Hùng Vương bát cảnh** - The family annals of the Kings Hung and the eight scenes under the Hung - NCLS, 1968, số 107, tr. 47-52.

2888. TRẦN HUY BÁ. **Một tấm bia cổ gần 900 năm mới phát hiện** - A recently discover ancient stele from 900 years ago - NCLS, 1969, số 125, tr. 41-46.

2889. TRẦN HUY BÁ. **Chút ít tài liệu về việc mở mang thành phố Hà Nội** - Some documents on the development of Hanoi city - NCLS, 1971, số 139, tr. 50-58.

2890. TRẦN HUY BÁ. **Một vài tài liệu về ruộng đất ở Hà Tây cũ hồi thế kỷ XVI-XVII qua cuốn ngọc phả *Tản viên từ di tích*** - Some documents on the agrarian system in the old province of Ha Tay during the 16th-17th Centuries through the precious register *Tan Vien tu di tich* - NCLS, 1977, số 6 (117), tr. 83-84.

2891. TRẦN HUY LIỆU. **Những người hoạt động văn hóa với việc cải cách ruộng đất** - The cultural cadres and the land reform - VSĐ, 1954, số 1, tr. 75-78.

2892. TRẦN HUY LIỆU. **Đánh giá cho đúng những anh hùng dân tộc của chúng ta** - Justly estimating our national heros - VSĐ, 1954, số 1, tr. 75-78.

2893. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề ruộng đất trong cách mạng Việt Nam** - The question of land in the Vietnam revolution - VSĐ, 1954, số 2, tr. 9-32.

2894. TRẦN HUỶ LIỆU. **Phong trào cách mạng trong giai đoạn thứ hai từ sau Đại chiến I đến năm 1930 do giai cấp nào lãnh đạo?** - The revolutionary movement in the second phase from the First World War to 1930 was led by what class? - VSĐ, 1954, số 3, tr. 22-26.

2895. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng tôi đã thấy những gì ở kho sử liệu của Liên Xô?** - What see we in the historical documents treasure of Soviet Union? - VSĐ, 1955, số 4, tr. 35-46.

2896. TRẦN HUY LIỆU. **Dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ?** - When was formed the Vietnam nation? - VSĐ, 1955, số 5, tr. 5-16.

2897. TRẦN HUY LIỆU. **Bóc trần quan điểm thực dân và phong kiến trong quyển *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim** - Unmask the colonialist and feudal point of view in the book *Vietnam short hitory* of Tran Trong Kim - VSĐ, 1955, số 6, tr. 20-37.

2898. TRẦN HUY LIỆU. **Ôn lại quá trình đấu tranh chống xâm lược của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam** - A review of the Vietnam minority people struggle process against the aggression - VSĐ, 1955, số 7, tr. 42-57.

2899. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề phân định giai đoạn lịch sử cận đại Việt Nam** - The question of periodization of the Vietnam modern history - VSĐ, 1955, số 8, tr. 6-17.

2900. TRẦN HUY LIỆU. **Cách mạng Tháng Tám với việc lập lại thống nhất đất nước trên một giai đoạn mới** - August Revolution and the country reunification in a new phase - VSĐ, 1955, số 9, tr. 1-4.

2901. TRẦN HUY LIỆU. **Việt Nam thống nhất trong quá trình đấu tranh cách mạng** - The unified Vietnam in the revolutionary struggle process - VSĐ, 1955, số 9, tr. 53-64.

2902. TRẦN HUY LIỆU. **Vai trò lịch sử của Trần Quốc Tuấn** - The history role of Tran Quoc Tuan - VSĐ, 1955, số 10, tr. 8-17.

2903. TRẦN HUY LIỆU. **Những cuộc vận động Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân... là phong trào tư sản hay tiểu tư sản?** - The Dong Du and Dong Kinh Nghia Thuc movements, the movement of renovation... Were the movements of the bourgeoisie or of the petty - bourgeoisie? - VSĐ, 1955, số 11, tr. 35-38.

2904. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài nét đặc biệt về Đảng Cộng sản Đông Dương** - Some special features of the Indochina Communist Party - VSĐ, 1955, số 12, tr. 4-18.

2905. TRẦN HUY LIỆU. **Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và những người công tác khoa học Việt Nam** - The Soviet Union Academy of sciences and the Vietnam scientific cadres - VSĐ, 1956, số 13, tr. 1-3.

2906. TRẦN HUY LIỆU. **Tổng kết công tác của Ban Nghiên cứu Văn-Sử-Địa trong một năm qua và đề án công tác năm 1956** - Summing up the works

of the Committee for Literature, History and Geography in the past year and the project of the activities for 1956 - VSĐ, 1956, số 14, tr. 1-14.

2907. TRẦN HUY LIỆU. **Đánh giá cuộc cách mạng Tây Sơn và vai trò lịch sử của Nguyễn Huệ** - Estimation on the Tay Son revolution and the historical role of Nguyen Hue - VSĐ, 1956, số 14, tr. 30-44.

2908. TRẦN HUY LIỆU. **Xung quanh cái chết của Hoàng Diệu và việc thất thủ thành Hà Nội năm 1882** - About the death of Hoang Dieu and the capitulation of the Ha Noi citadel in 1882 - VSĐ, 1956, số 16, tr. 25-37.

2909. TRẦN HUY LIỆU. **Giỗ Tổ Hùng Vương** - The anniversary our ancester the King Hung - VSĐ, 1956, số 17, tr. 1-4.

2910. TRẦN HUY LIỆU. **Bàn thêm về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam** - Discuss again on the question of the Vietnam nation formation - VSĐ, 1956, số 18, tr. 14-27.

2911. TRẦN HUY LIỆU. **Bàn thêm về vấn đề chống sùng bái cá nhân** - Discuss again on the cult of personality - VSĐ, 1956, số 19, tr. 5-9.

2912. TRẦN HUY LIỆU. **Mấy nét đặc biệt về Cách mạng Tháng Tám** - Some characters of the August Revolution - VSĐ, 1956, số 20, tr. 1-6.

2913. TRẦN HUY LIỆU. **Nguyễn Trãi, một nhà đại chính trị, đại văn hào Việt Nam** - Nguyen Trai - A great politician, a great writer of Vietnam- VSĐ, 1956, số 21, tr. 1-21.

2914. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài nhận xét về quyển *Cống hiến vào lịch sử của dân tộc Việt Nam* của Jean Chesneaux** - Some remarks on the book of Jean Chesneaux *Contribution to the Vietnam national history* - VSĐ, 1956, số 22, tr. 3-15.

2915. TRẦN HUY LIỆU. **Kiểm điểm công tác của Ban Nghiên cứu Văn-Sử-Địa năm 1956 và đề án công tác năm 1957** - Summing up the works of the Committee for Literature, History and Geography in 1956 and the project of the activities for 1957 - VSĐ, 1956, số 23, tr. 1-9.

2916. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề công tác và tổ chức khoa học đã được đề ra trong Quốc hội khóa VI** - The question of the scientific work and organization is put in the VI$^{th}$ National Assembly - VSĐ, 1957, số 24, tr. 1-5.

2917. TRẦN HUY LIỆU. **Chuẩn bị viết lịch sử Đảng** - Preparation for the writing of Party history - VSĐ, 1957, số 25, tr. 1-3.

2918. TRẦN HUY LIỆU. **Đi sâu vào những đặc điểm của xã hội Việt Nam** - Go in profoundly to the particularities of Vietnam society - VSĐ, 1957, số 26, tr. 1-2.

2919. TRẦN HUY LIỆU. **Phong trào cách mạng Việt Nam qua thơ văn** - Vietnam revolutionary movements through poems and proses - VSĐ, 1957 - 1958. Từ số 27 (4-1957) đến số 47 (12-1958) và NCLS từ số 1 (3-1959) đến số 29 (8-1961).

2920. TRẦN HUY LIỆU. **Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 với cuộc Cách mạng Tháng Tám** - The Decision of the VIII[th] Plenum and the August Revolution - VSĐ, 1957, số 30, tr. 1-4.

2921. TRẦN HUY LIỆU. **Bài học lịch sử về Xô viết Nghệ-Tĩnh** - The historical lesson of Nghe Tinh Soviet - VSĐ, 1957, số 32, tr. 1-8.

2922. TRẦN HUY LIỆU. **Cách mạng tháng Mười và Cách mạng Việt Nam** - The October Revolution and the Vietnam Revolution - VSĐ, 1957, số 33, tr. 1-8.

2923. TRẦN HUY LIỆU. **Nhân dịp kỷ niệm toàn quốc kháng chiến, điểm lại thuyết "Ba giai đoạn" của chúng ta** - On the occasion of the anniversary of the all country resistance, check our "Three phase" theory- VSĐ, 1957, số 34, tr. 1-5.

2924. TRẦN HUY LIỆU. **Công tác của Ban Nghiên cứu Văn-Sử-Địa trong một năm quan** - The activities of the Committee for Literature, History and Geography in the past year - VSĐ, 1957, số 35, tr. 1-9.

2925. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề tổ chức khoa học Việt Nam** - The question of the Vietnam sciences organization - VSĐ, 1958, số 36, tr. 1-4.

2926. TRẦN HUY LIỆU. **Mấy điểm cần đi sâu vào cuộc Yên Thế khởi nghĩa** - It is necessary to go in profoundly to some points relative to the Yen The insurrection - VSĐ, 1958, số 37, tr. 1-4.

2927. TRẦN HUY LIỆU. **Những yếu tố thắng lợi của trận lịch sử Đống Đa** - The factors of victory in the historical battle of Dong Da - VSĐ, 1958, số 38, tr. 1-7.

2928. TRẦN HUY LIỆU. **Chủ nghĩa nhân văn với người cộng sản** - The humanism and the communist - VSĐ, 1958, số 40, tr. 1-3.

2929. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng, tiêu biểu của phong trào Văn thân 1885-1896** - The insurrection of Phan Dinh Phung symbolizing the movement of scholars 1885-1896 - VSĐ, 1958, số 45, tr. 1-14.

2930. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu sách lịch sử báo chí Việt Nam** - Introduction to the history of Vietnam press - NCLS, 1959, số 1, tr. 8-26.

2931. TRẦN HUY LIỆU. **Mấy ý kiến về công tác sử học của chúng ta** - Some ideas on our historical work - NCLS, 1959, số 3, tr. 9-16.

2932. TRẦN HUY LIỆU. **Bản Hiến pháp sửa đổi của ta là một thành quả của quá trình đấu tranh cách mạng** - Our modified Constitution is a result of the revolutionary struggle process - NCLS, 1959, số 4, tr. 1-7.

2933. TRẦN HUY LIỆU. **Công tác sử học bắt đầu đi vào cán bộ và nhân dân** - The historical work begins to go in the cadres and the people - NCLS, 1959, số 5, tr. 1-5.

2934. TRẦN HUY LIỆU. **Nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, điểm qua quá trình công tác tư tưởng và văn hóa của Đảng** - On the occasion of the anniversary of the August Revolution, to give a general outline of the ideological and cultural works process of our Party - NCLS, 1959, số 6, tr. 1-10.

2935. TRẦN HUY LIỆU. **Sưu tầm tài liệu lịch sử** - Search for historical documents - NCLS, 1959, số 9, tr. 1-6.

2936. TRẦN HUY LIỆU. **Phấn đấu trở thành một đảng viên cộng sản** - To strive for one's adhesion to the communist Party - NCLS, 1960, số 10, tr. 77-90.

2937. TRẦN HUY LIỆU. **Triển vọng công tác sử học năm 1960** - The prospect of the historical work in 1960 - NCLS, 1960, số 11, tr. 1-3.

2938. TRẦN HUY LIỆU. **Sưu tầm và nghiên cứu tài liệu lịch sử** - Search and study the historical documents - NCLS, 1960, số 12, tr. 1-3.

2939. TRẦN HUY LIỆU. **Ba mươi năm đấu tranh của phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** - 30 years of Vietnam women's struggle under the leading of the Party - NCLS, 1960, số 13, tr. 1-12.

2940. TRẦN HUY LIỆU. **Ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ III** - Historical meanings of the third Party Congress - NCLS, 1960, số 13, tr. 1-3.

2941. TRẦN HUY LIỆU. **Mấy điểm rút ra từ cuộc tọa đàm vừa rồi** - Some points drawn from the recent colloquy - NCLS, 1960, số 16, tr. 1-3.

2942. TRẦN HUY LIỆU. **Đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào** - Go to Tan Trao for the participation to the National Congress - NCLS, 1960, số 17, tr. 35-43.

2943. TRẦN HUY LIỆU. **Tước ấn kiếm của Hoàng đế Bảo Đại** - Take away the seal and the sword of Emperor Bao Dai - NCLS, 1960, số 18, tr. 46-51.

2944. TRẦN HUY LIỆU. **Kỷ niệm 950 năm thành lập Thủ đô Hà Nội** - The 950th anniversary of the creation of the Ha Noi capital City (Speech) - NCLS, 1960, số 20, tr. 74-78.

2945. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu quá trình hoạt động của thanh niên Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** - Presentation of the Vietnam youth's activities process under the leading of the Party - NCLS, 1961, số 22, tr. 6-17.

2946. TRẦN HUY LIỆU. **Trích diễn văn khai mạc Hội nghị tổng kết công tác 7 năm của Viện Sử học ngày 7-1-1961** - Excerpt from the openning address of the conference summing up the seven years activities of the Historical Institute the 7-1-1961 - NCLS, 1961, số 23, tr. 1-4.

2947. TRẦN HUY LIỆU. **Đề cao chất lượng tác phẩm** - Heighten the quality of the book - NCLS, 1961, số 24, tr. 1-3.

2948. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về việc viết sử xí nghiệp** - Some ideas on writing the history of the enterprises - NCLS, 1961, số 26, tr. 1-2.

2949. TRẦN HUY LIỆU. **Trở lại vấn đề sử dụng tài liệu trong công tác nghiên cứu lịch sử** - Go back to the question of making use of documents in the historical study work - NCLS, 1961, số 28, tr. 1-4.

2950. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề chính quyền Xô viết** - The question of Soviet power - NCLS, 1961, số 33, tr. 1-7.

2951. TRẦN HUY LIỆU. **Việc xây dựng lịch sử các ngành, các xí nghiệp và các địa phương** - The creation of branches, enterprise and localities history - NCLS, 1962, số 35, tr. 1-4.

2952. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về việc bình luận nhân vật lịch sử** - Some ideas contributing to the commentary of historical personages - NCLS, 1962, số 36, tr. 1-2.

2953. TRẦN HUY LIỆU. **Công tác sử học trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay** - The historical work in the struggle of the ideology of today - NCLS, 1962, số 37, tr. 1-4.

2954. TRẦN HUY LIỆU. **Xung quanh cái chết của Hoàng Diệu và việc thất thủ thành Hà Nội năm 1882** - About the death of Hoang Dieu and the capitulation of Ha Noi citadel in 1882 - NCLS, 1962, số 39, tr. 1-4.

2955. TRẦN HUY LIỆU. **Việc xây dựng lịch sử các địa phương, các xí nghiệp, các ngành cần đi vào tổ chức** - The creation of localities, enterprises and branches history must be organized - NCLS, 1962, số 40, tr. 3-5, 21.

2956. TRẦN HUY LIỆU. **Ghi mấy nét lớn trong bài tổng kết Hội nghị của đồng chí Trần Huy Liệu** - Recording the outlines of the Conference summing up speech of comrade Tran Huy Lieu - NCLS, 1962, số 40, tr. 13-19.

2957. TRẦN HUY LIỆU. **Cách mạng Tháng Tám với việc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong toàn quốc** - The August Revolution and the accomplishment of the national democratic revolution in the whole country - NCLS, 1962, số 41, tr. 1-2.

2958. TRẦN HUY LIỆU. **Góp ý kiến về việc đánh giá Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ đen trong cuộc kháng Pháp ở Việt Nam** - Some thinkings about the estimation on Luu Vinh Phuc and the Black flag troops in the resistance of Vietnam - NCLS, 1962, số 42, tr. 21-25, 38.

2959. TRẦN HUY LIỆU. **Trận chiến thắng Bôrôdinô theo quan điểm sử học mới** - The victory on Borodino from the new historical point of view - NCLS, 1962, số 43, tr. 1-11.

2960. TRẦN HUY LIỆU. **Xung quanh việc kỷ niệm các danh nhân trong nước** - About the anniversaries of the great men in the country - NCLS, 1962, số 44, tr. 1-2

2961. TRẦN HUY LIỆU. **Nhân dịp kỷ niệm 16 năm ngày Toàn quốc kháng chiến đề ra việc viết lịch sử kháng chiến** - On the occasion of the 16th anniversary of the resistance in the whole country, to propose a written work on the history of resistance - NCLS, 1962, số 45, tr. 1-2.

2962. TRẦN HUY LIỆU. **Ý kiến tôi về việc phân kỳ lịch sử cận đại và hiện đại Việt Nam** - My opinion on the periodization of the Vietnam modern and contemporary history - NCLS, 1963, số 46, tr. 49-50.

2963. TRẦN HUY LIỆU. **Nhớ lại ông già Bến Ngự** - In memory of the old man in Ben Ngu - NCLS, 1963, số 47, tr. 40-44.

2964. TRẦN HUY LIỆU. **Kỷ niệm 675 năm chiến thắng Bạch Đằng** - The 675th anniversary of Bach Dang victory - NCLS, 1963, số 50, tr. 1-6.

2965. TRẦN HUY LIỆU. **Góp ý kiến vào việc xây dựng lịch sử Đảng** - Some ideas contributing to the writing the history of Party - NCLS, 1963, số 51, tr. 1-2.

2966. TRẦN HUY LIỆU. **Mấy ý kiến về công tác sử học trong quan hệ quốc tế** - Opinions on the historical work in the international relations - NCLS, 1963, số 52, tr. 1-2.

2967. TRẦN HUY LIỆU. **Cần giới thiệu lịch sử nước ta ra nước ngoài** - It is necessary to present the history of our country abroad - NCLS, 1963, số 54, tr. 1, 17.

2968. TRẦN HUY LIỆU. **Cần có ngay một quy chế cho những người công tác khoa học** - A statute for the scientific workers is immediately required - NCLS, 1963, số 55, tr. 1-8.

2969. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản** - We are in accord with the estimation on Phan Thanh Gian - NCLS, 1963, số 55, tr. 18-20.

2970. TRẦN HUY LIỆU. **Học tập truyền thống** - Study the traditions - NCLS, 1963, số 56, tr. 1-2.

2971. TRẦN HUY LIỆU. **Học tập kinh điển Mác-Lênin và liên hệ thực tế** - Study the Marxist-Leninist classic works and link with the reality - NCLS, 1963, số 57, tr. 1-2, 16.

2972. TRẦN HUY LIỆU. **Theo quan điểm lịch sử, nhìn vào cuộc đảo chính ở miền Nam Việt Nam và số kiếp Ngô Đình Diệm** - From the historical point of view, study the coup d' État in the South of Vietnam and the fate of Ngo Dinh Diem - NCLS, 1964, số 58, tr. 1-4.

2973. TRẦN HUY LIỆU. **Trích bài diễn văn khai mạc của đồng chí Trần Huy Liệu đọc trong Hội nghị tổng kết công tác 10 năm của Viện Sử học (1953-1963)** - Excetpt of comrade Tran Huy Lieu's opening address in the Conference summing up the activities of the Institute of History in 10 years (1953-1963) - NCLS, 1964, số 59, tr. 1-2.

2974. TRẦN HUY LIỆU. **Trích đăng bản báo cáo 10 năm công tác của Viện Sử học (1953-1963)** - Excerpt of the Institute of History report on 10 years activities (1953-1963) - NCLS, 1964, số 59, tr. 9-13, 21.

2975. TRẦN HUY LIỆU. **Nghị quyết 9 của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam với công tác sử học của chúng ta** - The Decisions of 9th Plenum of the Vietnam Labour Party and our historical work - NCLS, 1964, số 61, tr. 1-5.

2976. TRẦN HUY LIỆU. **Những mâu thuẫn cơ bản và biến chuyển lớn trên thế giới hiện nay đương biểu hiện rõ rệt tại miền Nam nước ta** - The fundamental contradictions and the great changes in the contemporary world are expressed clearly in the South of our country - NCLS, 1964, số 62, tr. 1-2, 25.

2977. TRẦN HUY LIỆU. **Nhận định về Trương Vĩnh Ký** - Estimation on Truong Vinh Ky - NCLS, 1964, số 63, tr. 29-31.

2978. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc kháng chiến cứu nước của đồng bào miền Nam hiện nay là một cuộc chiến tranh nhân dân** - The war of resistance for country salvation of the South compatriots of today is a people's war - NCLS, 1964, số 64, tr. 1-6.

2979. TRẦN HUY LIỆU. **Mấy nhận xét về cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam hiện nay** - Some remarks on the August Revolution 1945 and the Vietnam liberation struggle of today - NCLS, 1964, số 65, tr. 1-5.

2980. TRẦN HUY LIỆU. **Chào mừng Hội nghị khoa học Bắc Kinh** - Greetings to the Peking scientific Conference - NCLS, 1964, số 66, tr. 1, 14.

2981. TRẦN HUY LIỆU. **Hai nước Việt Nam và Trung Quốc trong lịch sử hiện đại** - The two countries Việt Nam and China in the contemporary history - NCLS, 1964, số 67, tr. 1, 20.

2982. TRẦN HUY LIỆU. **Tiếng nói của các nhà sử học trong Hội nghị thảo luận khoa học ở Bắc Kinh vừa rồi** - The voice of historians in the recent Peking scientific Conference - NCLS, 1964, số 68, tr. 1-3.

2983. TRẦN HUY LIỆU. **Vai trò của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam trong cuộc chiến tranh yêu nước chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai ở miền Nam nước ta hiện nay** - The role of the South National Liberation Front in the patriotic war against the American imperialists and their henchmen in the South of our country today - NCLS, 1964, số 69, tr. 1-2.

2984. TRẦN HUY LIỆU. **Một năm qua** - After an year - NCLS, 1965, số 70, tr. 1-2.

2985. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài nét về cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng từ ngày thành lập đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945** - Some features of the Party ideolodical struggle from the establishment day to the August Revolution - NCLS, 1965, số 71, tr. 1-6.

2986. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc của chúng ta đương mở ra những trang sử mới** - The South liberation struggle for our fatherland peaceful reunification opens the new historical pages - NCLS, 1965, số 73, tr. 1-3.

2987. TRẦN HUY LIỆU. **Trên giai đoạn mới của lịch sử dân tộc ta: giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc** - On our national history new phase: the liberation of the South, the defence of the North - NCLS, 1965, số 74, tr. 1-2, 16.

2988. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng ta đang sống những ngày oanh liệt nhất, vinh quang nhất của lịch sử dân tộc ta** - We are living the most brilliants, the most glorious days of our national history - NCLS, 1965, số 75, tr. 1-3.

2989. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về công tác sử học trong lúc này** - Some ideas on the historical work in the present time - NCLS, 1965, số 76, tr. 1, 10.

2990. TRẦN HUY LIỆU. **Từ Cách mạng Tháng Tám đến cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay là quá trình liên tục của một giai đoạn lịch sử** - From the August Revolution to the struggle against the American imperialism for the country salvation today is a continuous process of a historical phase - NCLS, 1965, số 77, tr. 1-2, 27.

2991. TRẦN HUY LIỆU. **Đánh lâu dài** - A lasting struggle - NCLS, 1965, số 78, tr. 1, 8.

2992. TRẦN HUY LIỆU. **Vị trí cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của ta trong phong trào giải phóng dân tộc và chống đế quốc trên thế giới hiện nay** - The place of our war against American imperialism for country salvation in the world national liberation and anti-imperialism movement of today - NCLS, 1965, số 79, tr. 2-4.

2993. TRẦN HUY LIỆU. **Cần kiện toàn tổ chức và đẩy mạnh công tác khoa học xã hội** - It is necessary to consolidate the organization and to push forward the social sciences work - NCLS, 1965, số 80, tr. 1, 14.

2994. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam gắn liền với phong trào phản chiến đương dâng lên ở nước Mỹ** - The Vietnam people's war against American imperialism for national salvation is linked closely with the anti-war movement that is climbing up in U.S.A - NCLS, 1965, số 81, tr. 1-2.

2995. TRẦN HUY LIỆU. **Dân tộc Việt Nam là một dân tộc bất khuất** - The Vietnam nation is an unyielding nation - NCLS, 1966, số 82, tr. 1-4, 16.

2996. TRẦN HUY LIỆU. **Trí thức Việt Nam trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc** - The Vietnam intellectuals in the national liberation struggle process - NCLS, 1966, số 83, tr. 60-64.

2997. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng ta sẽ làm gì trong năm 1966?** - What do we do in 1966? - NCLS, 1966, số 84, tr. 1-2.

2998. TRẦN HUY LIỆU. **Một bước tiến mới** - A new step forward - NCLS, 1966, số 85, tr. 1-2.

2999. TRẦN HUY LIỆU. **Sự nghiệp ngày nay và truyền thống từ trước** - The present cause and the previous tradition - NCLS, 1966, số 86, tr. 1-4.

3000. TRẦN HUY LIỆU. **Hai sự kiện gần đây trong quá trình chống Mỹ và tay sai của đồng bào miền Nam** - Two recent important facts in the South compatriots struggle process against the American imperialism and their henchmen - NCLS, 1966, số 87, tr. 1-5.

3001. TRẦN HUY LIỆU. **Quan hệ lịch sử giữa hai nước Việt-Trung** - The historical relations between Vietnam and China - NCLS, 1966, số 88, tr. 1-3.

3002. TRẦN HUY LIỆU. **Cách mạng Tháng Tám và cuộc đánh Mỹ cứu nước hiện nay** - The August Revolution and the present war of resistance against American imperialists for the country salvation - NCLS, 1966, số 89, tr. 1-3.

3003. TRẦN HUY LIỆU. **Việc đặt tên các đường phố, thôn, xã, đèo, đảo... trên đất nước ta** - About the names given to the streets, the villages... in our country - NCLS, 1966, số 91, tr. 1-4.

3004. TRẦN HUY LIỆU. **Một số vấn đề đề ra trong việc biên soạn cuốn lịch sử Việt Nam** - Some question raised by the redaction of a book on Vietnam history - NCLS, 1966, số 92, tr. 1-5.

3005. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý nghĩa về chủ nghĩa anh hùng cách mạng ở nước ta** - Some thinkings on the revolutionary heroism of our country - NCLS, 1966, số 93, tr. 1-3.

3006. TRẦN HUY LIỆU. **Trung với Đảng** - Loyalty to the Party - NCLS, 1967, số 95, tr. 1-2.

3007. TRẦN HUY LIỆU. **Một khía cạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng: Anh hùng tạo thời thế hay thời thế tạo anh hùng?** - An aspect of the revolutionary heroism - the hero creates the circumstances or the circumstances creates hero - NCLS, 1967, số 96, tr. 1-3.

3008. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý nghĩ về chiến tranh nhân dân** - Some thinkings about the people war - NCLS, 1967, số 97, tr. 1-4.

3009. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý nghĩa về cuộc chiến tranh nhân dân đánh Mỹ cứu nước của ta hiện nay** - Some thinkings about our present people war against the American imperialism for the country salvation of today - NCLS, 1967, số 98, tr. 1-3.

3010. TRẦN HUY LIỆU. **Nâng cao nhiệt tình yêu nước trong khi nghiên cứu lịch sử dân tộc** - Raising the patriotic enthousiasm in studying the national history - NCLS, 1967, số 100, tr. 1-2.

3011. TRẦN HUY LIỆU. **Kỷ niệm Nguyễn Trãi trong cuộc đánh Mỹ cứu nước của ta hiện nay** - Keeping the Nguyen Trai anniversary in our present war of resistance against the American imperialism for the country salvation - NCLS, 1967, số 102, tr. 12-13, 46.

3012. TRẦN HUY LIỆU. **Cách mạng tháng Mười Nga và Cách mạng Việt Nam** - The October Revolution Russian and Vietnam Revolution - NCLS, 1967, số 103, tr. 1-3.

3013. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu một vài ý kiến của cụ Phan Bội Châu về sử học** - Presentation of some opinions of Phan Boi Chau on history - NCLS, 1967, số 104, tr. 1-5, 16.

3014. TRẦN HUY LIỆU. **Phan Bội Châu tiêu biểu cho những cuộc vận động yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX** - Phan Boi Chau, representative of the patriotic movements in Vietnam at the beginning of the 20th Century - NCLS, 1967, số 105, tr. 1-10.

3015. TRẦN HUY LIỆU. **Một trang sử mới trong phong trào chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam** - A new page in our Vietnam people movement against the American imperialism for the country salvation - NCLS, 1968, số 107, tr. 1-3.

3016. TRẦN HUY LIỆU. **Gắn liền cuộc chiến tranh vĩ đại của nhân dân ta đối với sự ủng hộ to lớn của các bạn quốc tế** - Linking our people great war with the great support of the international friends - NCLS, 1968, số 109, tr. 1-4.

3017. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về đỏ và chuyên** - Some thinkings about Red and specialist - NCLS, 1968, số 110, tr. 1-2.

3018. TRẦN HUY LIỆU. **Đánh và đàm** - Making war or negociating - NCLS, 1968, số 111, tr. 1-2, 14.

3019. TRẦN HUY LIỆU. **Việc hạ 3.000 máy bay Mỹ ở miền Bắc nước ta nói lên những gì?** - What is the signification of 3.000 U.S.Air planes falling down in the North of our country? - NCLS, 1968, số 112, tr. 1-5.

3020. TRẦN HUY LIỆU. **Nhân dịp kỷ niệm cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, triển vọng của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam ở nước ta hiện nay** - On the occasion of the August general insurrection anniversary, speaking about the prospect of our South country liberation struggle of today - NCLS, 1968, số 113, tr. 1-3.

3021. TRẦN HUY LIỆU. **Đánh giá cao tinh thần yêu nước và chủ trương "nới sức dân" của Trần Quốc Tuấn** - Highly estimating the spirit for the country salvation and the direction of "husbanding the people's forces" of Tran Quoc Tuan - NCLS, 1968, số 114, tr. 1-3.

3022. TRẦN HUY LIỆU. **Quân dân Việt Nam có quyền và có nghĩa vụ đánh giặc Mỹ xâm lược trên khắp đất nước Việt Nam** - The Vietnam's people and soldiers have the right and the responsibility of fighting the American imperialism every where on the Vietnam country - NCLS, 1969, số 118, tr. 1-2.

3023. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu mấy nét lớn về tình hình và công tác sử học ở Việt Nam hiện nay** - Presentation of some great traits of the present Vietnam situation and the historical work - NCLS, 1969, số 118, tr. 58-61.

3024. TRẦN HUY LIỆU. **Cần xây dựng một số lý luận về bản lĩnh anh hùng của dân tộc ta** - It is necessary to elaborate a theory on the heroic quality of our people - NCLS, 1969, số 120, tr. 1-2.

3025. TRẦN HUY LIỆU. **Phân biệt chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi** - Distinguishing the true heroism from the narrow nationalism - NCLS, 1969, số 121, tr. 1-2, 40.

3026. TRẦN HUY LIỆU. **Vị trí cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam ta trên thế giới hiện nay** - The position of our Vietnam people war of resistance against the American imperialism for the country salvation on the present world - NCLS, 1969, số 122, tr. 1-3.

3027. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài suy nghĩ bước đầu về tư tưởng quân sự của Hồ Chủ tịch** - Some preliminary thinkings on the President Ho's military thought - NCLS, 1969, số 126, tr. 18-36, 64.

3028. TRẦN HUY LIỆU. **Các nhà sử học thế giới tìm hiểu, nghiên cứu và viết lịch sử Việt Nam** - The world historians search for understanding, study and write on Vietnam history - NCLS, 1969, số 128, tr. 1-3.

3029. TRẦN HUY NHƯỢNG. **Vùng Thượng Bồng - Hạ Bồng, một căn cứ quan trọng của nghĩa quân Hương Sơn** - The Thuong Bong-Ha Bong region, an important base of Huong Son uprising - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 81-86.

3030. TRẦN HỮU CHÍ. **Góp ý kiến về bài** ***Chung quanh truyện Trê Cóc*** - Remarks on the article *About the Tre Coc story* - VSĐ, 1956, số 22, tr. 74-79.

3031. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Phong trào thi đua của giai cấp công nhân miền Bắc trong giai đoạn 1965-1975** - The movement of emulation of the working class in the North Vietnam during the period 1965-1975 - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 6-16.

3032. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Vài nét về quá trình tiến quân vào khoa học kỹ thuật của giai cấp công nhân miền Bắc** - On the advance in science and technology of the working class in the North Vietnam - NCLS, 1978, số 178, tr. 35-48.

3033. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Mười năm cải tạo và xây dựng văn hóa, giáo dục ở miền Nam (1975-1985)** - Ten years of reforming and building the culture and education in the South of Vietnam - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 52-63.

3034. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Tìm hiểu quá trình hình thành căn cứ địa miền núi khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Research into the building process of upland base areas in the V$^{th}$ interzone during the anti-U.S the war of resistance - NCLS, 1986, số 228, tr. 11-19.

3035. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Tiếp xúc Việt - Mỹ năm 1945** - The Vietnam - USA contact in 1945 - NCLS, 1990, số 4 (251), tr. 44-49.

3036. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Quá trình trung nông hóa ở đồng bằng sông Cửu Long (1945-1975)** - The process of formation and development of the middle peasantry in the Mekong River delta (1945-1975) - NCLS, 1991, số 4 (267), tr. 11-19.

3037. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Một vài đặc điểm của nông dân- nông thôn đồng bằng sông Cửu Long trước khi tiến lên chủ nghĩa xã hội** - Some of characteristical features of the peasantry, the countryside in the Mekong River delta before the advance towards the socialism - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 48-53.

3038. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Quá trình hình thành lực lượng vũ trang và căn cứ địa ở Nam Bộ trong những năm 1959-1960** - The process of formation of armed forces and field-base in the Cochinchina from 1954 to 1960 - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 1-7.

3039. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Suy nghĩ về thời điểm bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19-12-1946)** – Thinking about the time when the National resistance war against the French invaders broke out (19-12-1946) - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 14-18.

3040. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Tính chủ động, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám** - The initiative and creativity of the Communist Party of Vietnam and of the President Ho Chi Minh in the August Revolution - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 16-21.

3041. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Vai trò của Cứu quốc quân đối với sự ra đời của lực lượng vũ trang và căn cứ địa phương trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám 1945** - The role of Cuu quoc quan (Saving-country group) towards the appearance of armed forces and of military bases in the August 1945 Revolution period - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 16-22.

3042. TRẦN HỮU ĐÍNH. **Trần Tấn và cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất 1874** - Tran Tan and the Giap Tuat 1874 uprising - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 28-32.

3043. TRẦN HỮU ĐỨC. **Một số địa danh ở Nghệ - Tĩnh liên quan đến Nguyễn Trãi** - Some place names of Nghe Tinh having relation with Nguyen Trai - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 87.

3044. TRẦN HỮU ĐỨC. **Nam Thanh Hóa, Bắc Nghệ An dưới con mắt của Hồ Quý Ly** - The South of Thanh Hoa, the North of Nghe An under the eyes of Ho Quy Ly - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 92.

3045. TRẦN GIANG. **Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ** - Nam Ky uprising- NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 83-85.

3046. TRẦN KHÁNH. **Tàn dư của chế độ mẫu hệ trong xã hội người Việt** - The vestiges of the matriarcat in the Viet people society / Trần Khánh, Phan Hoàng Hiến - NCLS, 1963, số 57, tr. 51-60.

3047. TRẦN KHÁNH. **Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX** - The Formation of the Chinese

Community in Vietnam in the $17^{th}$-$18^{th}$ Centuries and the First Haft of the $19^{th}$ Century - NCLS, 2001, số 5 (318), tr. 39-47.

3048. TRẦN KHÁNH. **Vị trí người Hoa trong nền thương mại Việt Nam thời Pháp thuộc** - Chinese position in the commerce of Vietnam in the French dependence period - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 20-27.

3049. TRẦN KHÁNH. **Đông Phương học ở Liên bang Nga và Cộng hòa Pháp: Mô hình tổ chức và đào tạo đại học, sau đại học**- The Oriental Studies in the Russian Federation and the Republic of France: The Models of the Organisation and Training for Undergraduate and Graduate Programs - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 59-62.

3050. TRẦN KHOA TRINH. **Vài ý kiến góp với ông Nguyễn Duy trong bài** ***Tìm thấy di tích những người cổ sống trong thời đại đồng thau*** - Opinions exchange with Mr. Nguyen Duy on the article *Findings of the prehistorical men vestiges in the brass time* - NCLS, 1966, số 82, tr. 53-54.

3051. TRẦN KHOA TRINH. **Tìm hiểu những đĩa vàng, đĩa bạc cổ và di tích Trần Thị Ngọc Am, vợ Chúa Trịnh Tráng phát hiện được ở Cộng Vũ (Hưng Yên)** - To search for understading of the ancient gold-plates, silver and vestiges of Tran Thi Ngoc Am, Seigneur Tring Trang's wife, discovered in Cong Vu (Hung Yen) - NCLS, 1966, số 83, tr. 55-59.

3052. TRẦN KHOA TRINH. **Phát hiện tiền vàng, cúc vàng, gối bạc ở trong thành nhà Mạc tại Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh** - Discoveries of ancient gold money, gold buttons, silver pillows in the Mac's dynasty citadel, in Cam Pha, Quang Ninh province - NCLS, 1968, số 108, tr. 55-57.

3053. TRẦN KHUÊ. **Tìm hiểu hai bài thơ điếu Phan Thanh Giản của Nguyễn Đình Chiểu** - A study about two funeral orations in verse to Phan Than Gian by Nguyen Dinh Chieu - NCLS, 1994, số 4 (275), tr. 20-24, 31.

3054. TRẦN KIÊN. **Trao đổi một số ý kiến về tính chất phong trào nghĩa quân Yên Thế** - Opinions about the quality of Yen The insurrection troops - VSĐ, 1958, số 42, tr. 76-79.

3055. TRẦN KIM ĐỈNH. ***Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled *The Vietnamese peasants on the way to socialism* - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 84-87.

3056. TRẦN KIM ĐỈNH. ***Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled *Researches into the movement of general uprising in South Vietnam* - NCLS, 1983, số 3 (210), tr: 87-90.

3057. TRẦN KIM ĐỈNH. ***Lịch sử công nhân vùng mỏ Quảng Ninh* (Đọc sách)** - Reading the book entitled *History of the working class of Quang Ninh coal field* / Trần Kim Đỉnh, Đàm Xuân Linh - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 90-94.

3058. TRẦN KIM ĐỈNH. **Lịch sử sử học và đổi mới sử học** - The history of historical science and renovation of historical science - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 45-47.

3059. TRẦN KIM HÀ. **Về bài *Mấy ý kiến về vấn đề phong kiến hóa trong lịch sử Việt Nam* (Góp ý kiến với ông Duy Hinh)** - About the article *Opinions on the question of feudalization in the Vietnam history* (Exchange of opinions with Mr. Duy Hinh) - NCLS, 1964, số 60, tr. 26-34.

3060. TRẦN LÂM. **Phát hiện thêm bia và bệ đá ở thời Trần** - Newly discovered stone steles and socles under the Tran dynasty - NCLS, 1974, số 158, tr. 77-78.

3061. TRẦN MẠNH THÌN. **Sự ủng hộ của Ba Lan đối với Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)** -The support of Poland to Vietnam in the years of struggle against the Amercian for the salvation of the country - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 61-65.

3062. TRẦN MINH THƯ. **Từ *Ngục trung thư* đến *Phan Bội Châu - Niên biểu*** - From *Nguc trung thu* (Writings in prison) to *Phan Boi Chau - Nien bieu* (Year book of Phan Boi Chau) - NCLS, 1964, số 69, tr. 46-51, 62.

3063. TRẦN MINH THƯ. **Cố gắng tiến tới thống nhất nhận định về "Đông Kinh Nghĩa Thục"** - Strive to get to an unanimous estimation on Dong Kinh Nghia Thuc - NCLS, 1965, số 81, tr. 31-37.

3064. TRẦN NGHĨA. **Về bài *Giới thiệu và phê bình cuốn sách Nhà yêu nước và nhà văn Phan Bội Châu*** - On the article *Presentation and criticism the book Phan Boi Chau the patriot and the write* / Trần Nghĩa, Trần Lê Sáng - NCLS, 1971, số 138, tr. 55-64.

3065. TRẦN NGHĨA. **Về niên đại bản khắc in sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* do Nhà xuất bản KHXH vừa cho dịch lại và công bố** - On the dating of the *Dai Viet Su ky toan thu* version latterly translated and put out by the Social sciences publishing House - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 38-39.

3066. TRẦN NGỌC ANH. **Danh tướng Tây Sơn Phan Văn Lân** - Phan Van Lan - The Tay Son Famous Commander / Trần Ngọc Anh, Nguyễn Phan Quang - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 67-69.

3067. TRẦN NGỌC ĐỊNH. **Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ trong thời kỳ đế quốc Pháp thống trị** - The great proprietorship of land in the Cochinchina under French domination - NCLS, 1970, số 132, tr. 81-90, 113.

3068. TRẦN NGỌC ĐỊNH. **Tập đoàn quân phiệt Thanom Praphat - Công cụ của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Thái Lan** - Thanom Praphat military clique, a tool of US neo-colonization in Thailand - NCLS, 1974, số 157, tr. 61-69.

3069. TRẦN NGỌC ĐỊNH. **Nền giáo dục đại học thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam trước ngày giải phóng** - U.S neo-colonialist high education in South Vietnam before the liberation - NCLS, 1975, số 165, tr. 17-25.

3070. TRẦN NGỌC ĐỊNH. **Viện trợ Mỹ, nhân tố quyết định sự tồn tại của chế độ ngụy quyền Sài Gòn** - U.S. aid, a decisive factor of the survival of the puppet regime in Saigon - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 42-52.

3071. TRẦN PHƯỚC THUẬN. **Tìm hiểu họ tên thật của một số nhân vật trong cuộc nổi dậy của nông dân Ninh Thạnh Lợi chống thực dân Pháp - 1927** - Investigation of the True First Name and Last Lame of some Participants in the Revolt of the Peasants in Ninh Thanh Loi in 1927 against the French Colonialism - NCLS, 2004, Số 9 (340), tr. 63-70.

3072. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Một vấn đề địa lý học lịch sử: Những trung tâm chính trị của đất nước ta trong thời cổ đại (Từ mạt kỳ Cộng sản Nguyên thủy đến thời kỳ thuộc Hán)** - A problem on historical geography: the political centres of our country in the antiquity (from the disintegration period of the primitive communism to the period under the domation of Han's dynasty) - NCLS, 1959, số 6, tr. 23-38.

3073. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Địa lý lịch sử miền Hà Nội (Trước thế kỷ XI)** - Historical geography of Hanoi region (before the XI[th] Century) - NCLS, 1960, số 15, tr. 48-57, số 17, tr. 44-53.

3074. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Xã hội Việt Nam có trải qua một thời kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ hay không?** - Vietnam society went in through a slavery period? / Trần Quốc Vượng, Chu Thiên - NCLS, 1960, số 16, tr. 10-36.

3075. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Về quyển *Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam* (Trả lời ông Văn Tân)** - About the book *Vietnam primitive communism history* (Answer to Mr. Van Tan) / Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn - NCLS, 1962, số 37, tr. 43-48, 64.

3076. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Về quyển *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập I (Trả lời ông Văn Tân)** - About the I[st] tome of *Vietnam feudal regime history* (Answer to Mr. Van Tan) / Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, NCLS, 1962, số 39, tr. 55-64.

3077. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Đôi điều chung quanh vấn đề văn hóa Hòa Bình** - About the question of Hoa Binh culture - NCLS, 1963, số 55, tr. 45-46.

3078. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Xác định địa điểm Đông Bộ Đầu** - Defining the place of Dong Bo Dau (an important port of Thang Long City) / Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán - NCLS, 1965, số 77, tr. 56-59.

3079. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Vài nhận xét nhỏ về những viên gạch *Giang Tây quân*** - Some remarks on the bricks *Giang tay quan* - NCLS, 1966, số 83, tr. 49-64.

3080. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Bàn thêm về thành Thăng Long đời Lý-Trần** - Again discussion on the Thang Long citadel under the Ly and the Tran dynasties / Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán - NCLS, 1966, số 85, tr. 35-45.

3081. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Vài ý kiến về vấn đề quán triệt nguyên tắc tính đảng trong công tác nghiên cứu khảo cổ học** - Some thinkings about the deep knowledge of the character of Party in the archaeological work - NCLS, 1966, số 91, tr. 43-49.

3082. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Đôi điểm về lịch sử người Dao** - Some ideas about he Dao people history - NCLS, 1967, số 95, tr. 46-53.

3083. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Về quê hương của Ngô Quyền** - About the native village of Ngo Quyen - NCLS, 1967, số 101, tr. 60-62.

3084. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Nguyễn Trãi trong bối cảnh văn hóa Việt Nam** - Nguyen Trai in the situation of the culture of Vietnam - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 45-51.

3085. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Văn minh Việt Nam thế kỷ X-XV** - The Vietnamese Civilisation in the 10th-15th Centuries - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 4-10.

3086. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Một cái nhìn tổng quát về thế kỷ X với văn minh thế giới và văn minh Việt Nam** - The 10th Century. The world and Vietnamese culture - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 21-25.

3087. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Thái Đen, Thái Trắng và phân bố cư dân Tày - Thái cổ ở Việt Nam** - Black Thai and white Thai and the distribution on ancient Tay-Thai population in Vietnam / Trần Quốc Vượng, Cầm Trọng - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 35-40.

3088. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Giải ảo hiện thực về Gò Đống Đa** - To dismiss the illusion on the origin of Dong Da parish and Dong Da hillock- NCLS, 1989, số 1 (244), tr.-13-19.

3089. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Vị thế Luy Lâu** - Luy Lau position - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 3-7.

3090. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Ghi chú về những tương đồng và dị biệt về những giá trị văn hóa Đông Á giữa Việt Nam và các nước Đông Á khác** - Notes on similarities and dissimilarities of East-Asian cultural values between Vietnam and other East-Asian countries - NCLS, 2002, số 5 (324), tr. 3-7.

3091. TRẦN QUỐC VƯỢNG. **Văn hóa Huế (Dưới cái nhìn Địa - Sử - Văn hóa)** - Hue culture (Seen from the geo-historico-cultural Perpective) Trần Quốc Vượng - Trần Thúy Anh - NCLS, 2003, số 4 (329), tr. 3-6.

3092. TRẦN THANH MẠI. **Giảng văn về ca dao cổ của nông dân đấu tranh** - Teaching the ancient folk song on the struggle of the peasant - VSĐ, 1954, số 1, tr. 62-70.

3093. TRẦN THANH MẠI. **Chủ nghĩa hiện thực trong thơ văn của Tú Xương** - The realism in the poetry and prase of Tu Xuong - VSĐ, 1958, số 47, tr. 82-88.

3094. TRẦN THANH TÂM. **Một số tài liệu bằng chữ viết mới tìm được về mấy cuộc khởi nghĩa ở miền núi Nghệ - Tĩnh** - Some written documents newly discovered about some insurrections in the Nghe Tinh mountainous region - NCLS, 1963, số 50, tr. 58-61; số 51, tr. 49-53.

3095. TRẦN THANH TÂM. **Thử bàn về địa danh Việt Nam** - Discussion on the place names of Vietnam - NCLS, 1976, số 168, tr. 60-73; số 169, tr. 63-68.

3096. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC. **Tình hình sản xuất lúa gạo ở Nam Bộ dưới thời Pháp thuộc (1862-1945)** - Rice production in Cochinchina under French rule (1862-1945) - NCLS, 1985, số 5 (224), tr. 55-63.

3097. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC. **Vị trí chính trị - kinh tế của Sài Gòn - Gia Định ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới ở thế kỷ XVII-XIX** - The political and economic place taken by Sai Gon - Gia Dinh in Indochina, Southeast Asia and the world during the $17^{th}$-$19^{th}$ Centuries - NCLS, 1985, số 6 (224), tr. 56-59.

3098. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC. **Chủ nghĩa thực dân mới và vấn đề sở hữu ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long (1954-1975)** - Neo-colonialism and the proprietorship of land in the Mekong delta from 1954 to 1975 - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 28-33.

3099. TRẦN THỊ KIM ANH. **Hai văn bản hướng dẫn khám nghiệm pháp y thời Lê** - Two guiding documents on forensic examination in Le Dynasty - NCLS, 2003, số 2 (327), tr. 81 - 84.

3100. TRẦN THỊ MAI. **Tình hình phân phối và sở hữu ruộng đất ở Sóc Trăng thời Pháp thuộc (1867-1945)** - Land distribution and land ownership at Soc Trang in the French dependence (1867-1945) - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 33-38.

3101. TRẦN THỊ MAI. **Thư viện Viện Sử học - 50 năm xây dựng và phát triển** - The Library of Institute of History - 50 years of Development - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 86 - 88.

3102. TRẦN THỊ MỸ HẠNH. **Tình hình kinh tế của Vĩnh Long trước Cách mạng Tháng Tám 1945** - Vinh Long economy's situation before the August Revolution in 1945 - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 30-38.

3103. TRẦN THỊ MỸ HẠNH. **Vài nét về nghề trồng lúa và một số loại cây trồng ở Vĩnh Long thời kỳ 1954-1975** - Some features on rice culture and some other plant culture at Vinh Long in 1954-1975 years - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 23-27.

3104. TRẦN THỊ MỸ HẠNH. **Vùng đất Vĩnh Long trong các thế kỷ XVII-XIX** - Vinh Long Place in the 17th - 19th Centuries - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 28 - 37.

3105. TRẦN THỊ NHUNG. **Đọc sách** ***Lê Văn Khôi và sự biến thành Phiên An (1833 - 1835)*** - Book Review: *Le Van Khoi and Phien An city thunderclap* (1833 - 35) - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 90-91.

3106. TRẦN THỊ RỒI. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc tổ chức Chính phủ ở Việt Nam (thời 1945-1954)** - President Ho Chi Minh with the organizational work of the Vietnam's government (during the period of 1945-54) - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 11-21.

3107. TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN. **Vài nét về quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở huyện Gia Lâm - Hà Nội trong thời kỳ 1981-1996** - Some features on the process of agronomic structure's move in Gia Lam district - Hanoi at 1981-1996 period - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 31-43.

3108. TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN. **Những chuyển biến cơ bản về xã hội ở nông thôn Gia Lâm - Hà Nội (1988-1996)** - Basic changes on countryside society at Gia Lam - Ha Noi (1988-96) - NCLS, 2002, số 2 (321), tr. 18-28.

3109. TRẦN THỊ THANH THANH. **Góp thêm ý kiến về bộ** ***Hoàng Việt luật lệ của triều Nguyễn*** - More opinions contributing to the *Hoang Viet luat le (Hoang Viet laws and practices) of Nguyen dynasty* - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 41-49.

3110. TRẦN THỊ THANH THANH. **Về nền hành chính triều Nguyễn thời kỳ 1802-1883** - On the Administration of the Nguyen Dynasty in 1802-1883 Periods - NCLS, 2004, Số 2 (333), tr. 17-25.

3111. TRẦN THỊ THU HƯƠNG. **"Quốc sách" ấp chiến lược - chính sách bình định điển hình của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam (1961-1965)** - Strategic hamlet "National policy" - a symbolic pacification policy of the Americans and Sai Gon regime in the South of Vietnam - NCLS, 2002, số 4 (323), tr. 11-19.

3112. TRẦN THỊ THÌN. **Vài nét về chủ nghĩa Apacthai và phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi** - Some features about the Apartheid and the movement of struggle against racism of South Africa - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 59-65.

3113. TRẦN THỊ VINH. **Công tác trị thủy và thủy lợi thời Lý-Trần**- Regulation of the water system and hydraulic works at the period of Ly-Tran - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 54-59.

3114. TRẦN THỊ VINH. **Những biểu hiện của chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc ở châu Phi** - Expressions of the Chinese expansionism in Africa - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 65-71.

3115. TRẦN THỊ VINH. **Tìm hiểu thiết chế và tổ chức Nhà nước thời Trần** - State mechanism and organizations under Tran dynasty - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 21-25, 84.

3116. TRẦN THỊ VINH. **Tìm hiểu tổ chức Nhà nước thời Tây Sơn** - Investigation on State organization under Tay Son epoch - NCLS, 1989, số 1 (244), tr. 42-47.

3117. TRẦN THỊ VINH. **Thiết chế chính trị ở Việt Nam cuối thế kỷ XIV-đầu thế kỷ XV và những hoạt động chính trị của Hồ Quý Ly** - Political institution of Vietnam in the end of the 14th Century and at the beginning of the 15th Century and political activities of Ho Quy Ly - NCLS, 1990, số 6 (259), tr. 10-19.

3118. TRẦN THỊ VINH. **Thiết chế Nhà nước thời Mạc** - The State institution under the Mac dynasty - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 11-15.

3119. TRẦN THỊ VINH. **Nhà nước thời Hồ (1400-1407)** - The State under the Ho epoch (1400-07) - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 29-30, 42.

3120. TRẦN THỊ VINH. **Giảng dạy lịch sử khu vực Đông Nam Á trong chương trình lịch sử thế giới hiện đại ở Phổ thông và Đại học** - The teaching on

the History of the South East Asia region in the program of contemporary World history in the Secondary and High school - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 60-62.

3121. TRẦN THỊ VINH. **Bước đầu tìm hiểu về công cuộc khẩn hoang lập làng Trình Phố (An Ninh, Tiền Hải, Thái Bình)** - First research about the waste land clearing and foundation the Trinh Pho village (in the Tien Hai district, Thai Binh province) - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 52-55.

3122. TRẦN THỊ VINH. **Một số biện pháp kinh tế xã hội của nhà Lê-Trịnh đối với nông dân ở thế kỷ XVIII** - Several socio-economic measures on peasants taken by Le-Trinh State in the $18^{th}$ century - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 37-42.

3123. TRẦN THỊ VINH. **Thể chế chính trị thời Nguyễn (Dưới triều Gia Long, Minh Mệnh)** - The political institution of Nguyen dynasty (in Gia Long, Minh Menh time) - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 3-11.

3124. TRẦN THỊ VINH. **Thể chế chính quyền Nhà nước Lê - Trịnh: Sản phẩm đặc biệt của lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII** - State and Government Systems in the Le - Trinh Period: A Special Product of Vietnamese History in the $17^{th}$ - $18^{th}$ Centuries - NCLS, 2004, Số 1 (332), tr. 21-30.

3125. TRẦN THỊ VINH. **Thể chế chính quyền ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn (Thế kỷ XVI-XVIII)** - The Goverment System in Dang Trong (the South) under the Nguyen Lords ($16^{th}$ - $18^{th}$ Centuries) - NCLS, 2004, Số 10 (341), tr. 3-13.

3126. TRẦN THỊ VINH. **Hội nhập khu vực về nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đông Nam Á: Vấn đề đặt ra cho các trường đại học Việt Nam** - Regional Integration in Research and Teaching on the Southeast Asian History: Challenges to Vietnamese Universities - NCLS, 2004, Số 1 (332), tr. 45-55.

3127. TRẦN THỊ VINH. **Điện Biên Phủ trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở một số trường đại học khu vực Đông Nam Á** - The Dien Bien Phu Event in Historical Research and Teaching in Some Southeast Asian Universities - NCLS, 2004, Số 11 (342), tr. 59-66.

3128. TRẦN TU HÒA. **Một số văn hóa phẩm từ Việt Nam truyền sang Trung Quốc trong thời Cổ đại** - Some culture products from Vietnam transferring to China in the antiquity - NCLS, 1964, số 69, tr. 52-54.

3129. TRẦN TỪ. **Góp phần tài liệu điền dã về chế độ nhà Lang: xung quanh các hình thức khai thác ruộng Lang** - Documents of investigation on the spot about the Lang regime: The Lang land exploitation forms - NCLS, 1970, số 133, tr. 16-31, 36.

3130. TRẦN TỪ. **Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường** - Traditional conception of life and death by the Muong / Trần Từ, Bạch Đình - NCLS, 1971, số 140, tr. 42-53, 62; số 141, tr. 45-61.

3131. TRẦN TỪ. **Góp phần tìm hiểu làng xã cổ truyền: làng xã Hương Sơn (Ghi chép dân tộc học)** - Contribution to the study of the Vietnamese traditional village: the Huong Son village - NCLS, 1975, số 165, tr. 34-48.

3132. TRẦN TƯỜNG VÂN. **Nhìn lại Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống bọn phản động Trung Quốc xâm lược** - World people front helps Vietnam in its struggle against Chinese reactionary aggressors - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 51-56.

3133. TRẦN VĂN GIÁP. **Trống đồng với chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - The cooper drums and the slavery regime in Vietnam - VSĐ, 1956, số 15, tr. 30-35.

3134. TRẦN VĂN GIÁP. **Một tài liệu quan trọng cho lịch sử cổ đại Tây phương** - An important documents for the Occidental antiquity history - VSĐ, 1956, số 16, tr. 73-74.

3135. TRẦN VĂN GIÁP. **Mấy ý kiến của các nhà sử học Trung Quốc hiện đại về một bộ thông sử Trung Quốc** - Opinions of the contemporary Chinese historians on the General history of China - VSĐ, 1956, số 18, tr. 48-52.

3136. TRẦN VĂN GIÁP. **Một vài ý kiến về *An Dương ngọc giản* và vấn đề Thục An Dương Vương** - About *An Duong ngoc gian* (the gem tablet of An Duong) and the question of Thuc An Duong Vuong - VSĐ, 1957, số 28, tr. 2, 75.

3137. TRẦN VĂN GIÁP. **Bốn bài văn xuôi nguyên văn chữ Nôm viết vào giữa thế kỷ XVIII** - Four writings in demotic script from the middle of the $18^{th}$ Century - VSĐ, 1958, số 39, tr. 43-52; số 40, tr. 49-63.

3138. TRẦN VĂN GIÁP. **Một vài ý kiến về tài liệu cổ sử Việt Nam** - Opinions on the Vietnam ancient history - NCLS, 1959, số 1, tr. 80-85.

3139. TRẦN VĂN GIÁP. **Hai bài văn bia cổ có liên quan đến Nùng Trí Cao mới tìm thấy ở Quế Lâm (Trung Quốc)** - Two ancient writings engraved on steles relative to Nung Tri Cao recently discovered in Que Lam (China) - NCLS, 1962, số 38, tr. 51-56.

3140. TRẦN VĂN GIÁP. **Nguyễn Huệ với bia Tiến sĩ ở Văn miếu Hà Nội** - Nguyen Hue and the steles for Doctors in the Temple of literature in Hanoi - NCLS, 1963, số 46, tr. 4-20.

3141. TRẦN VĂN GIÁP. **Tài liệu mới về Trương Công Định (1821-1864), vị anh hùng dân tộc miền Nam** - New documents discovered on Truong Cong Dinh (1821-1864), the national hero of South Vietnam - NCLS, 1963, số 59, tr. 22-26.

3142. TRẦN VĂN GIÁP. **Nguyên bản hai tờ đặc chiếu và một tờ thông tư triều Cảnh Thịnh (1795) về việc tuyển dụng và đào tạo nhân tài văn võ và việc bố trí canh phòng ở các trấn** - The originals of two special decrees and of one circular under the dynasty of Canh Thinh (1795) about the civil and military talented men recruitment and formation, and about the watch disposition at the military sectors - NCLS, 1964, số 59, tr. 22-26.

3143. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo về bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư* cùng tác giả của nó** - Summary study on the set of book *Dai Viet Su ky toan thu* (the whole history of the Great Viet Nation) and its author - NCLS, 1964, số 63, tr. 5-13.

3144. TRẦN VĂN GIÁP. **Vài ý kiến về *Thiên Nam dư hạ tập*, một bộ sách điển lệ của triều Lê** - Opinions on *Thien Nam du ha tap*, a set of books on the laws under the dynasty of Le - NCLS, 1964, số 68, tr. 4-7, 46.

3145. TRẦN VĂN GIÁP. **Giới thiệu *Minh đô sử* và tác giả của nó** - Presentation of the book *Minh Do su* and its author - NCLS, 1965, số 78, tr. 24-30.

3146. TRẦN VĂN GIÁP. **Di văn của Nguyễn Trãi I: Ba văn kiện bang giao giữa Lê Lợi và các tướng triều Minh mới phát hiện** - Posthumous writings of Nguyen Trai I: three documents on foreign affairs between Le Loi and the Generals of the Minh Court / Trần Văn Giáp, Cao Huy Giu - NCLS, 1965, số 79, tr. 20-25.

3147. TRẦN VĂN GIÁP. **Sách *Vĩnh lạc đại điển* bản *Giao Châu ký* mới phát hiện là một ngụy thư (sách giả tạo)** - The book *Vinh lac dai dien*, the copy *Giao Chau ky* recently discovered is a false book - NCLS, 1966, số 84, tr. 26-28, 31.

3148. TRẦN VĂN GIÁP. **Di văn Nguyễn Trãi II: Ba lá thư dụ tướng sĩ các thành giặc Minh chiếm đóng (Bình Than, Xương Giang)** - Posthumous writings of Nguyen Trai II: Three letters enticing the offciers in the forts occupied by the pirates Minh (Binh Than, Xuong Giang) - NCLS, 1966, số 91, tr. 29-33.

3149. TRẦN VĂN GIÁP. ***Hoàng Việt xuân thu*, một bộ sách phản động, xuyên tạc lịch sử Lam Sơn khởi nghĩa do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo** - *Hoang Viet xuan thu*, a reactionary book deforming the history of Lam Son insurrection led by Le Loi and Nguyen Trai - NCLS, 1967, số 99, tr. 23-24, 33.

3150. TRẦN VĂN GIÁP. **Hai tài liệu lịch sử có giá trị dân tộc học về tỉnh Cao Bằng do người địa phương viết** - Two historical documents of ethnological value about Cao Bang province written by people in the locality- NCLS, 1967, số 101, tr. 58-59, 62.

3151. TRẦN VĂN GIÁP. **Di văn của Nguyễn Trãi mới phát hiện** - Posthumous writings of Nguyen Trai recently discovered - NCLS, 1967, số 102, tr. 14-21, 28.

3152. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo địa lý học Việt Nam và một số tên sách cổ về môn ấy trong kho tàng sách Hán-Nôm** - Summary study on Vietnam geography and some names of ancient books written in Chinese characters in the treasure of scripts - NCLS, 1967, số 104, tr. 58-61.

3153. TRẦN VĂN GIÁP. **Sách *Lĩnh Nam chích quái*** - The book Linh *Nam chich quai* - NCLS, 1968, số 115, tr, 52-57.

3154. TRẦN VĂN GIÁP. **Văn bia Việt Nam (Công dụng thác bản văn bia Việt Nam đối với khoa học xã hội và những thác bản văn bia hiện còn có ở Thư viện Khoa học xã hội)** - Vietnam writings engraved on steles (their utility for the social sciences and those of them still preserved in the social sciences library - NCLS, 1969, số 118, tr. 3-20.

3155. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo về nguồn gốc chữ Nôm** - Summary study on the origin of demotic script - NCLS, 1969, số 127, tr. 7-15.

3156. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo sách *Thượng kinh phong vật chí* mạo đề là của Lê Quý Đôn (1726-1784)** - Preliminary study of the book *Thuong kinh phong vat chi* ascribed to Le Quy Don - NCLS, 1971, số 139, tr. 30-37.

3157. TRẦN VĂN GIÁP. ***Đại Việt Sử ký tiệp lục tổng tự*, một quyển Việt sử tóm tắt dịch nôm và khắc in dưới triều Tây Sơn** - *Dai Viet Su ky tiep luc tong tu* , a brief history of Vietnam translated into demotic characters and printed under the Tay Son dynasty - NCLS, 1972, số 142, tr. 10-13.

3158. TRẦN VĂN GIÀU. **Cách mạng tháng Mười Nga mở đầu thế tiến công của cách mạng đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới** - The October Russian Revolution opened the offensive position of the revolution against the world imperialism - NCLS, 1967, số 103, tr. 4-11.

3159. TRẦN VĂN GIÀU. **Chính sách "bình định" của Mỹ-nguỵ trong thời kỳ chiến tranh cục bộ đang diễn. Sự thất bại của nó** - The "pacification policy" of the American imperialists and their henchmen in the period of partical war under Manoeuvre. Its defeat - NCLS, 1967, số 105, tr. 11-13, số 105, tr. 3-18.

3160. TRẦN VĂN GIÀU. **Chính sách "bình định" của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam trong giai đoạn "Chiến tranh một phía" từ 1954 đến 1960** - The "pacification policy" of the American imperialists and their henchmen in the phase of "single-side war" from 1954 to 1960 - NCLS, 1968, số 107, tr. 8-18.

3161. TRẦN VĂN GIÀU. **"Mỹ thua đã rõ ràng" trong giai đoạn đầu của "chiến tranh cục bộ"** - The American has lost clearly the battle in the first phase of the "partial war" - NCLS, 1968, số 116, tr. 2-23.

3162. TRẦN VĂN GIÀU. **Tìm hiểu thiên đạo quan của triều đình và của các nhà nho trong thời Nguyễn** - Searching for understanding the world conception of the Royal court and the Confucianist scholars under the dynasty of Nguyen - NCLS, 1969, số 120, tr. 3-22, 48.

3163. TRẦN VĂN GIÀU. **Hiệu nghiệm chiến lược vĩ đại của chiến tranh du kích ở miền Nam Việt Nam qua 10 năm đấu tranh vũ trang** - The efficacity of the great strategy of the guerilla war in South Vietnam after ten years of armed struggle - NCLS, 1969, số 124, tr. 19-32.

3164. TRẦN VĂN GIÀU. **Lịch sử quan của triều đình và Nho gia trong thời Nguyễn** - The historical point of view of the Royal Court and the Confuscianist scholars under the dynasty of Nguyen - NCLS, 1969, số 125, tr. 24-38, 46.

3165. TRẦN VĂN GIÀU. **Các nguyên lý của đạo đức Nho giáo ở Việt Nam thế kỷ XIX** - The principes of virtues of Confucianism in Vietnam in the $19^{th}$ Century - NCLS, 1969, số 128, tr. 4-17.

3166. TRẦN VĂN GIÀU. **Chủ nghĩa yêu nước, tình cảm và tư tưởng lớn nhất của người Việt Nam** - The patriotism, the greatest sentiment and ideology of Vietnam people - NCLS, 1969, số 129, tr. 3-9.

3167. TRẦN VĂN GIÀU. **Phong trào "Chấn hưng Phật giáo" và các vấn đề tư tưởng triết học mà phong trào ấy đã nêu lên ở nước ta trong thời kỳ lịch sử giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới** - The movement of "Buddhism prosperity" and the question of philosophical through raised by it in our country in the historical period between the two World Wars - NCLS, 1971, số 139, tr. 8-21; số 140, tr. 7-19.

3168. TRẦN VĂN GIÀU. **Giáo sư Jean Chesneaux và một số vấn đề về lịch sử Việt Nam** - The Professor Jean Chesneaux and some questions of Vietnam history - NCLS, 1972, số 142, tr. 14-23, 42.

3169. TRẦN VĂN GIÀU. **Chủ nghĩa dân tộc cách mạng ở Việt Nam và sự biến chuyển của nó trong giai đoạn lịch sử giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới**

- The revolutionary nationalism in Vietnam and its change in the historical period between the two World Wars - NCLS, 1973, số 151, tr. 6-25.

3170. TRẦN VĂN GIÀU. **Giới thiệu và phê bình *Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam thời kỳ trước khi cầm quyền (1925-1945)* của ông Huỳnh Kim Thanh** - Reading the book *Vietnamese communism: the prepower phase (1925-45) by Huynh Kim Khanh* - NCLS, 1975, số 3 (162), tr. 65-77.

3171. TRẦN VĂN GIÀU. ***Những người cách mạng Việt Nam và chính quyền thực dân ở Đông Dương*** **Sách của Daniel Hémery, Nxb François Maspero, Paris** - *The Vietnamese revolutionaries and the colonialist power in Indochina* by Daniel Hémery, - NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 88-92.

3172. TRẦN VĂN GIÀU. **Lại bàn về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân** - Further reflexions on the historical role of the working class - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 4-9.

3173. TRẦN VĂN GIÀU. **Mấy đặc điểm của Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn - Nam Bộ** - Some particularities of the August revolution in Sai Gon, Southern Vietnam - NCLS, 1995, số 6 (283), tr.:6-15.

3174. TRẦN VĂN GIÀU. **Tầm vóc của chiến thắng Điện Biên Phủ** - The Stature of the Dien Bien Phu Victory - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 12-14.

3175. TRẦN VĂN KHANG. **Về vấn đề đánh giá vai trò lịch sử của Hồ Quý Ly** - About the question of estimation on the historical role of Ho Quy Ly - NCLS, 1961, số 27, tr. 57-62.

3176. TRẦN VĂN LA. **Về việc Pháp nộp tiền cho Nhật ở Đông Dương (1940-1944)** - On the transfer of money by the French imperialism to the Japanese in Indochina (1940-44) - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 75-76, 93.

3177. TRẦN VĂN NGUYÊN. **Tính chất phức tạp và thất thường của khí hậu miền Bắc Việt Nam** - The complicated and irregular character of the climate in North Vietnam - VSĐ, 1957, số 35, tr. 19-23.

3178. TRẦN VĂN QUÝ. **Một số tư liệu thời Tây Sơn mới phát hiện** - Documents concerning the Tay Son times recently discovered - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 84-86, 93.

3179. TRẦN VĂN THÂN. **Tìm hiểu phong trào chống thực dân Pháp của người Xêđăng ở vùng Đông Bắc Kon Tum** - About the Se Dangs anti the French colonialist movement in the North East Kontum province - NCLS, 1973, số 150, tr. 21-29, 43.

3180. TRẦN VĂN THÂN. **Đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược của các dân tộc ở tỉnh Kon Tum (Tây Nguyên) (1954-1972)** - Minority people in

Kontum province (South Vietnam plateau) struggle against U.S. aggressors (1954-1972) - NCLS, 1974, số 159, tr. 51-60.

3181. TRẦN VĂN THỨC. **Về diễn biến cuộc khởi nghĩa của binh lính chợ Rạng - Đô Lương** - On the evolution of the Cho Rang - Do Luong soldiers' uprising - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 28-33.

3182. TRẦN VĂN THỨC. **Góp phần làm sáng tỏ thêm cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Nghệ An** - Contributing to more clearing on the uprising to hold power in Nghệ An - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 17-25.

3183. TRẦN VĂN TÝ. **Tìm hiểu những kinh nghiệm của hình thái đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám** - Studying the experiences of the struggle forms in the August Revolution - NCLS, 1961, số 29, tr. 7-13; số 30, tr. 6-12.

3184. TRẦN XUÂN CẦU. **Cách mạng Tháng Tám Lào năm 1945** - The 1945 August revolution in Laos - NCLS, 1975, số 4 (163), tr. 28-46.

3185. TRẦN XUÂN HÒA. **Một số hoạt động chống Pháp của văn thân xã Trung** - Some anti-French colonialist activities of Scholars of the village Trung / Trần Xuân Hòa, Phan Trọng Báu - NCLS, số 5 (188), tr. 86-88.

3186. TRIỆU DƯƠNG. **Một số tài liệu và nhận định về Tôn Thất Thuyết** - Some documents and estimations on Ton That Thuyet - VSĐ, 1958, số 45, tr. 15-25; số 46, tr. 43-53.

3187. TRIỆU QUANG TIẾN. **Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương tháng 5-1941** - Ho Chi Minh presided the 1941 May Central Conference - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 3-7.

3188. TRIKHOVINXKI. **Chủ nghĩa Mao và khoa học lịch sử** - Maoism and historical sciences - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 18-26, 34.

3189. TRỊNH CAO TƯỞNG. **Bước đầu tìm hiểu đồ gốm nước ngoài phát hiện ở các thương cảng cổ Việt Nam** - Preliminary study of the foreign pottery discovered in Vietnam's old commercial ports - NCLS, .1996, số 5 (288), tr. 56-61.

3190. TRỊNH CÔNG LÝ. **Về tờ báo *Tiến lên* trong nhà tù Côn Đảo trước năm 1940** - On the Newspaper *The Advance* (*En Avant*) in the Con Dao Prison before 1940 - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 71-74.

3191. TRỊNH HỒNG HẠNH. **Đấu tranh chống địch cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam ở khu Tả ngạn sông Hồng (7/1954-1955)** - The struggle against forced Catholics emigration at Red river left bank (July 1954-1955)- NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 25-30.

3192. TRỊNH MINH HIÊN. **Về khu di tích lịch sử và danh thắng Tràng Kênh - Bạch Đằng** - On Trang Kenh - Bach Dang beauty spot and historic relic - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 42-45.

3193. TRÌNH MƯU. **Vài nhận xét về phong trào đấu tranh của công nông cả nước và Xô viết Nghệ-Tĩnh trong Cao trào 1930-1931** – Some remarks on the national-wide movement of struggle of workers and peasants and the Nghe-Tinh soviet in the upsurge of 1930-1931 - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 1-4.

3194. TRỊNH NHU. **Phong trào chống Pháp của đồng bào Mường (Thanh Hóa) qua một số tư liệu mới** - The Muong's struggle in Thanh Hoa against the French colonialism as seen in the light of new documents / Trịnh Nhu, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1975, số 2 (161), tr. 36-43.

3195. TRỊNH NHU. **Về phong trào chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX ở Hà Nam Ninh** - On the movement of struggle anti-French aggressors during the end of the 19th Century in Ha Nam Ninh - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 40-50.

3196. TRỊNH NHU. **Về cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1886-1892)** - On the Hung Linh insurrection (1886-92) - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 54-65.

3197. TRỊNH NHU. **Cuộc khởi nghĩa Yên Thế: một điển hình sáng ngời trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX** - The Yen The insurgency, a brilliant model of the national liberation movement in the late 19th and the early 20th Centuries / Trịnh Nhu, Đinh Xuân Lâm - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 49-56.

3198. TRỊNH NHU. **Bài tự thuật của Nguyễn Cao, một tư liệu lịch sử có giá trị** - Nguyen Cao's auto biographical notes, a valuable historical document / Trịnh Nhu, Phan Văn Các - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 84-88.

3199. TRỊNH NHU. **Nhà Thanh đối với Việt Nam qua sự phản kháng Hiệp ước năm 1874** - Attitude of Ts'ing dynasty towards Vietnam through the opposition to the Treaty of 1874 - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 53-60.

3200. TRỊNH NHU. **Sự tranh chấp quyền lợi và vai trò tôn chủ của nhà Thanh ở Việt Nam** - The controversy of interests and the suzerain role of the Ts'ing dynasty in Vietnam - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 32-40.

3201. TRỊNH NHU. **Vấn đề tranh chấp và nhân nhượng giữa thực dân Pháp với nhà Thanh trong quá trình hoạch định biên giới Việt-Trung** - The questions of disputes and concessions between French colonialism and the Court of Ts'ing on the frontier between Vietnam- China - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 15-25.

3202. TRỊNH NHU. **Về cuộc đấu tranh giành lại vùng đất Tụ Long (Tuyên Quang) thời Lê-Trịnh** - About the struggle for the recuperation of Tu Long land region (Tuyen Quang) under the time of Le-Trinh - NCLS, 1995, số 5 (281), tr. 36-39.

3203. TRỊNH THỊ ĐỊNH. **Thái độ của Australia trước tình hình chính trị Đông Dương năm 1954** - The Attitudes of Australia towards the Political Situations in Indochina in 1954 - NCLS, 2004, Số 4 (335), tr. 45-52.

3204. TRỊNH THỊ HƯỜNG. **Một vài địa danh và truyền thuyết có liên quan đến Hồ Quý Ly và thời Hồ ở quanh vùng Tây Đô** - Some place names and legends relative to Ho Quy Ly and Ho dynasty in the environment of Tay Do / Trịnh Thị Hường, Trịnh Tiến Huỳnh - NCLS,1992, số 5 (264), tr. 86-87.

3205. TRỊNH THỊ THỦY. **Tình hình ruộng đất và kinh tế ở huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) vào nửa đầu thế kỷ XIX** - Land and economic situation at Dong Son district (Thanh Hoa) in the first half of the 19th century - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 61-69.

3206. TRỊNH TÙNG. **Về vấn đề phương pháp dạy, học lịch sử ở Trường Đại học Sư phạm** - About the question of the method of teaching and of learning the history in the University of Pedagogy - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 21-24.

3207. TRỊNH VƯƠNG HỒNG. **Hiểu biết thêm về bộ đội Bình Xuyên** - Further studies on Binh Xuyen troops / Trịnh Vương Hồng, Hồ Khang - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 13-19.

3208. TRUNG CHÍNH. **Một vài ý kiến về tính chất hiện thực của Xô viết Nghệ-Tĩnh** - Some ideas about the real character of Nghe Tinh Soviet - NCLS, 1961, số 30, tr. 2-5.

3209. TRUNG CHÍNH. **Tính chất tự phát của Xô viết Nghệ - Tĩnh** - The spontaneous character of Nghe - Tinh Soviet - NCLS, 1961, số 31, tr. 1-6.

3210. TRUNG CHÍNH. **Tính chất độc đáo của Xô viết Nghệ - Tĩnh** - The special character of Nghe Tinh Soviet - NCLS, 1961, số 32, tr. 7-14.

3211. TRUNG CHÍNH. **Thử tìm xem Hồ Chủ tịch đã tiếp thu chủ nghĩa Lênin truyền bá vào Việt Nam như thế nào?** - Trying to study how President Ho assimilated and propagated the Leninism in Vietnam? - NCLS, 1970, số 132, tr. 48-55.

3212. TRUNG CHÍNH. ***Tâm tâm xã* là gì?** - What was the organization *Tam tam xa*? - NCLS, 1970, số 134, tr. 5-9.

3213. TRUNG CHÍNH. **Kỷ niệm 60 năm ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Cừ, một cán bộ lãnh đạo thời kỳ 1938-1940** - 60th birthday anniversary of Nguyen Van Cu, one of the Party leaders during the period 1938-1940 - NCLS, 1972, số 145, tr. 7-17.

3214. TRUNG CHÍNH. **Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và hai cuộc khởi nghĩa đầu tiên do Đảng lãnh đạo** - The 6th Conference of the Central Committee and the first two uprisings carried out under the leadership of the Party - NCLS, 1972, số 146, tr. 5-10.

3215. TRUNG CHÍNH. **Kỷ niệm 50 năm Phạm Hồng Thái hy sinh vì việc nước** - Fifty years ago, Pham Hong Thai died for the country - NCLS, 1974, số 158, tr. 16-26.

3216. TRUNG THÀNH. **Mối quan hệ giữa giáo dục và quan trường trong lịch sử nước ta** - Relations between education and mandarinate in the history of our nation - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 43-48.

3217. TRUNG THUẦN. **Qua con người Việt Nam chiến đấu và sản xuất ở Quảng Bình** - Through the Vietnam men fighting and producing in Quang Binh - NCLS, 1966, số 82, tr. 20-26.

3218. TRUNG THỰC. **Mối quan hệ giữa tính đảng và tính khoa học trong việc nghiên cứu lịch sử Đảng** - The relation between the character of Party and the scientific character in the study on the Party history / Trung Thực, Hồ Hải - NCLS, 1963, số 251, tr. 12-16.

3219. TRƯƠNG CHÍNH. **Bàn góp vào vấn đề có thể liệt những bài văn yêu nước do người Việt Nam trước kia viết bằng chữ Hán vào văn học dân tộc của ta không?** - Discussion and contribution to the question: is it possible to classify the patriotic writings composed by the ancient Vietnamese in Chinese characters to our national literture? VSĐ, 1955, số 11, tr. 70-74.

3220. TRƯƠNG CHÍNH. **Góp ý kiến vào vấn đề chữ Nôm** - Some ideas contributing to the question of demotic script - VSĐ, số 13, tr. 93-94.

3221. TRƯƠNG CHÍNH. **Từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Hán Việt**- From Chinese language to Han-Viet language - VSĐ, 1956, số 18, tr. 84-90.

3222. TRƯƠNG CHÍNH. **Xung quanh truyện *Trê Cóc*** - Again about the *Tre Coc* story - VSĐ, 1956, số 19,.tr. 79-85.

3223. TRƯƠNG CHÍNH. **Xung quanh cuốn *Nhị Độ Mai*** -About the *Nhi Do Mai* story - VSĐ, 1956, số 20, tr. 84-91.

3224. TRƯƠNG CHÍNH. **Vẫn xung quanh truyện *Trê Cóc*** - Once more about the *Tre Coc* story - VSĐ, 1957, số 26, tr. 82-86.

3225. TRƯƠNG CHÍNH MINH. **Thử bàn về sự hình thành của dân tộc Hán** - About the formation of Han nation - VSĐ, 1956, số 15, tr. 51-56; số 16, tr. 51-62.

3226. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. **Mấy vấn đề về đấu tranh giai cấp của nông dân trong xã hội phong kiến Việt Nam** - Some question of peasant class struggle in Vietnam feudal society - NCLS, 1962, số 41, tr. 29-41.

3227. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. **Một số nhận thức về đặc điểm của xã hội thời trung thế ở Việt Nam** - Some knowledges on the particularities of Vietnam society in the Middle age - NCLS, 1963, số 47, tr. 28-39, 59.

3228. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. **Nền văn hóa khảo cổ học duy nhất trong thời đại đồng thau Việt Nam và vấn đề nước Văn Lang, Hùng Vương** - The unique archaeological culture in the Vietnam brass age and the question of Van Lang, the country of Kings Hung - NCLS, 1967, số 105, tr. 35-41.

3229. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. **Toà thành đất cổ trên đất Cổ Loa** - The ancient earthen citadel on the Co Loa soil - NCLS, 1969, số 129, tr. 26-41.

3230. TRƯƠNG HỌC. **Một vài ý kiến về vấn đề phân kỳ thời đại đồ đá ở Việt Nam** - Opinions on the question of periodizing the lithic Age in Vietnam - NCLS, 1963, số 47, tr. 45-50, 54.

3231. TRƯƠNG HỮU KỲ. **Đánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng?** - How do we give a just estimation on Phan Thanh Gian? - NCLS, 1963, số 54, tr. 40-47, 64.

3232. TRƯƠNG HỮU KỲ. **Thêm một số tài liệu về cụ Phan Chu Trinh** - Some new documents about Phan Chu Trinh - NCLS, 1965, số 71, tr. 19-20.

3233. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Những đặc điểm của phong trào nông dân Việt Nam** - The particularities of the Vietnam peasant movement - VSĐ, 1958, số 37, tr. 90-98.

3234. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Lịch sử Việt Nam có trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ hay không?** - The Vietnam history went it through the slavery regime? - NCLS, 1960, số 19, tr. 54-63.

3235. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Đánh giá lại vấn đề cải cách của Hồ Quý Ly** - A new estimation on the question of Ho Quy Ly's reform - NCLS, 1960, số 20, tr. 44-58.

3236. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Về bài** ***Đánh giá vai trò Hồ Quý Ly như thế nào cho đúng?*** - About the article *What is estimated justifiability the role of Ho Quy Ly?* - NCLS, 1961, số 26, tr. 21-31.

3237. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Về một số đặc điểm của cuộc đấu tranh giai cấp của nông dân Việt Nam thời phong kiến** - About some particularities of Vietnam peasant class struggle in the feudal epoch - NCLS, 1966, số 83, tr. 18-27, 54.

3238. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Về khả năng cách mạng của người nông dân Việt Nam thông qua đặc điểm không tôn giáo của các cuộc đấu tranh giai cấp** - About the revolutionary capacity of the Vietnamese peasant through the non-religious particularities of the class struggles - NCLS, 1966, số 90, tr. 32-38, 45.

3239. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Thử bàn về quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV** - Trying to discuss on the process of formation and development of the Vietnam feudal State from the 10th Century to the 15th Century - NCLS, 1966, số 93, tr. 37-46.

3240. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Vài ý kiến bàn thêm về vấn đề phân kỳ lịch sử** - Again some ideas on the question of periodization - NCLS, 1967, số 100, tr. 40-43.

3241. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Một vài nét về truyền thống đánh giặc cứu nước của dân tộc ta** - Some features of the struggle traditions against the ennemies for country salvation of our people - NCLS, 1968, số 110, tr. 45-52.

3242. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Buổi đầu tìm hiểu phố Hiến** - A preliminary searching for understanding Hien Street / Trương Hữu Quýnh, Đặng Chí Uyển - NCLS, 1968, số 112, tr. 60-64.

3243. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Chiến thắng Ngọc Hồi Xuân Kỷ Dậu 1789** - The Ngoc Hoi victory in Spring of Ky Dau 1789 - NCLS, 1971, số 136, tr. 12-20.

3244. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Một vài tư liệu địa phương về cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành** - Some local documents on Phan Ba Vanh's revolt - NCLS, 1972, số 147, tr. 35-38.

3245. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Một số vị tướng của nghĩa quân Lam Sơn được phát hiện** - Some military chiefs of the Lam Son uprising have just discovered - NCLS, 1973, số 148, tr. 51-54.

3246. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Tìm hiểu chế độ nô tỳ thời Lê sơ qua luật pháp** - Research the family slavery in the early period of the Le dynasty through juridical documents - NCLS, 1974, số 155, tr. 56-67.

3247. TRƯƠNG HỮU QUỲNH. **Bước đầu hoạt động đấu tranh chống phong kiến của nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu** - The activities of Nguyen Huu

Cau's insurgent troops against feudalism / Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Cảnh Minh - NCLS, 1975, số 1 (160), tr. 49-59.

3248. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Vấn đề bảo vệ dân đinh tự do trong luật Hồng Đức** - The free citizens' protection in the Hong Duc Code - NCLS, 1975, số 6 (165), tr. 26-33.

3249. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Chế độ sở hữu Nhà nước về ruộng đất thời Lý-Trần** - The State agrarian ownership system at the period of Ly-Tran - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 8-22.

3250. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Cuốn *Việt sử tân biên* của Phạm Văn Sơn (Đọc sách)** - Reading the Pham Van Son's book *Viet su tan bien*- NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 88-95.

3251. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. ***Phương pháp sử học* của Nguyễn Phương (Đọc sách)** - Reading the book: *Method of history* of Nguyen Phuong - NCLS, 1978, số 5 (180), tr. 83-90.

3252. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. ***Nhập môn phương pháp sử học* của Nguyễn Thế Anh (Đọc sách)** - Reading the book: *On the Methodology of history* of Nguyen The Anh - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 125-134.

3253. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Một số nét lớn về tình hình ruộng đất và nông nghiệp thời Tây Sơn** - Some great points about the situation of lands and rice-fields and the agriculture under the Tay Son period - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 76-95.

3254. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất thời Lý-Trần (của thế kỷ XI-XII)** - Some new reflections about the regime of the lands and rice-fields under Ly and Tran dynasties - NCLS, 1979, số 6 (189), tr. 17-25.

3255. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. ***Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt* Nam *nửa đầu thế kỷ XIX* (Đọc sách)** - Reading the book entitled *Essay to study on the regime of lands and rice-fields in Vietnam during the first half of the 19th Century* - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 89-94.

3256. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Từ *Hịch tướng sĩ* đến *Bình Ngô đại cáo*, một bước trưởng thành cơ bản của dân tộc Việt Nam** - From the *Appeal to Generals and fighters* to the *Proclamation on the pacification over the Ngo* - A fundamental step of maturation of the Vietnamese nation - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 59-64.

3257. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Vị trí của Lê Hoàn trong lịch sử dân tộc** - The place of Le Hoan in the Vietnamese nation history - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 10-13.

3258. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Hai mươi lăm năm nghiên cứu vấn đề ruộng đất và phong trào nông dân trong lịch sử chế độ phong kiến ở nước ta** - 25 years of study on the problem of rice-fields and lands and the peasant movement in the history of the feudalism of Vietnam - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 1-7.

3259. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Quá trình nẩy sinh và xác lập của chế độ phong kiến ở Việt Nam (chủ yếu thông qua các tư liệu về chế độ ruộng đất)** - The process of apparition and establishment of the feudal regime in Vietnam - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 52-62.

3260. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Tác dụng của kháng chiến chống ngoại xâm đối với sự hình thành của dân tộc Việt Nam** - The effect of the war of resistance against aggressors towards the formation of the Vietnamese nation - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 21-25.

3261. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Một bản phác thảo về cơ cấu xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - An outline of Vietnam's social structure at the first half of the 10$^{th}$ Century - NCLS, 1982, số 2 (203), tr. 18-20, 26.

3262. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Tình hình chế độ ruộng đất ở nước ta thế kỷ XVIII** - The regime of rice-fields and land in Vietnam in the 18$^{th}$ Century - NCLS, 1982, số 6 (207), tr. 51-68.

3263. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Tìm hiểu quan điểm của Mác và tiến trình phát triển của xã hội loài người** - Karl Marx's conception about the evolution of human society - NCLS, 1983, số 4 (221), tr. 1-6.

3264. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Lê Lợi và bối cảnh kinh tế-xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIV-đầu thế kỷ XV** - Le Loi and socio-economic context of Vietnam in the late 14$^{th}$ Century and the early 15$^{th}$ Century - NCLS, 1984, số 6 (219), tr. 30-33.

3265. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. ***Lịch sử Nghệ - Tĩnh*** **Tập I (Đọc sách)** - On the *History of Nghe - Tinh* vol I - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 80-82.

3266. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. ***Sự ra đời của Việt Nam*** **của K.W.Taylor** (*The birth of Vietnam*. Nxb University of California, 1983) (Đọc sách) - Reading the book of K.W.Taylor: *The birth of Vietnam* - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 89-94.

3267. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Mấy vấn đề về quan hệ giữa việc truyền bá đạo Thiên chúa và chính trị ở Việt Nam thế kỷ XVII-XIX** - Some problems

about the relations between the preaching of Catholicism in Vietnam and politics of Vietnam in 17th to 19th Centuries - NCLS, 1986, số 1-2 (238-239), tr. 33-36.

3268. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Mấy vấn đề về ruộng đất thời Trần trước chiến thắng Bạch Đằng lịch sử** - Some problems on land under Tran dynasty before Bach Dang historic victory - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 11-14, 20.

3269. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Vấn đề ruộng đất bỏ hoang ở đồng bằng Bắc Bộ buổi đầu thời Nguyễn** - The question of waste land in the Tonkin delta at the beginning of Nguyen dynasty - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 26-30.

3270. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Crixtôphôrô Côlômbô và việc phát kiến châu Mỹ** - Chritoph Colomb and the American discovery - NCLS, 1992, số 4 (263), tr. 50-56.

3271. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Nhìn lại vấn đề Hồ Quý Ly trong lịch sử** - A reprospective view on the question of Ho Quy Ly in history - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 19-23.

3272. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Công cuộc cải tổ và xây dựng Nhà nước pháp quyền thời Lê Thánh Tông** - The reorganization and the building of a State of law under the Le Thanh Tong dynasty - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 1-8.

3273. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Sử học ở nhà trường với yêu cầu đổi mới** - History in the school and the request of renovation - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 5-8.

3274. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Mấy suy nghĩ về nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nhìn từ góc độ sở hữu** - Some opinions about the countryside in the Northern region delta from the angle of proprietorship - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 2-5.

3275. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Trở lại vấn đề chế độ ruộng đất ở các vùng khai hoang thuộc đồng bằng Bắc Bộ thời phong kiến** - Coming back to the question about the regime of the land in the waste clearing regions in the Northern delta under the feudalism - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 2-5.

3276. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Mấy suy nghĩ về hệ thống hành chính địa phương ở nước ta thời phong kiến** - Some reflections on the system of local administrations in our country under feudality / Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Danh Phiệt - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 32-27.

3277. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Hệ thống hành chính quốc gia ở nước ta thời xưa: Một di sản cần nghiên cứu** - The national administrative system of our country in former times. A legacy to be studied - NCLS, 1995, số 6 (283), tr. 16-19.

3278. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Suy nghĩ về sử học của chúng ta thời đổi mới** - The reflections upon our historical science in the renovation phrase - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 77-81.

3279. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Vua Lê Thánh Tông - Con người và Sự nghiệp rạng rỡ một thời** - Le Thanh Tong brilliant personage and work - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 52-56.

3280. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Nhìn lại xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX** - To look back on Vietnam society in the second half of XIX century - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 29-36.

3281. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. ***Sử học và hiện thực.* Tập 2: 10 cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam (Đọc sách)** - Reading the book *History and Reality* - Tome 2: Ten reforms and doi moi in the history of Vietnam - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 92-94.

3282. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. **Trần Hưng Đạo - Người anh hùng dân tộc vĩ đại với nhân cách trong sáng** - Tran Hung Dao, the great national hero with his nobleminded personality - NCLS, 2000, số 5 (312), tr. 11-16.

3283. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Nền nhà Chiêu Anh Các của Mạc Thiên Tích ở đâu?** - Where are the foundations of Chieu Anh Cac of Mac Thien Tich? - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 79-86.

3284. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Hà Tiên - Điểm cư trú của người Việt cổ?** - Ha Tien - The dwelling centre of the ancient Viet? - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 32-41.

3285. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Nguồn gốc tên gọi Phương Thành ở Hà Tiên** - The origin of the name Phuong Thanh at Ha Tien - NCLS, 1994, số 1 (272), tr. 39-46.

3286. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Vài chi tiết cần đính chính trong *Biên niên lịch sử Cổ - Trung đại Việt Nam* (từ đầu đến giữa thế kỷ XIX)** - Rectifying some details in the book *Chronicle of the Antiquity and Middle Age of Vietnam* (from the beginning to the middle of the 19th Century) - NCLS, 1994, số 6 (277), tr. 76-79.

3287. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Truy nguyên và đính chính một số điều sai lệch trong *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt* thuộc tỉnh Hà Tiên cũ** - Delving into the origin of some aberrances and putting them right in the historiographical work *Dai Nam nhat thong chi. Luc tinh Nam Viet* (the chapter describing Ha Tien province) - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 36-50.

3288. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Thử soi sáng đôi điều trong cuốn sách *Hà Tiên Mạc thị thế hệ khảo* của Trần Kinh Hòa (Cheng Chin Ho)** - Trying to elucidate some points in the book: *Ha Tien Mac thi the he khao* by Cheng Chin Ho - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 62-68.

3289. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Về niên đại thành lập Hà Tiên-Rạch Giá-Phú Quốc** - About the date of the establishment of Ha Tien - Rach Gia- Phu Quoc - NCLS, 1997, số 5 (294), tr. 75-80.

3290. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Về một niên đại bất đồng trong cuốn *Lịch sử Đông Nam Á*** - About some controversial epoches in the book *Southeast Asian history* - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 80-90.

3291. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Về vị trí cảnh *Châu Nham Lạc lộ*** - About the location of the scenery *Chau Nham Lac lo* - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 68-75.

3292. TRƯƠNG MINH ĐẠT. **Họ Mạc trong thời kỳ đầu khai sáng đất Hà Tiên** - The Mac in the first step of Ha Tien area's founding - NCLS, 2001, số 2 (315), tr. 8-15.

3293. TRƯƠNG NGỌC KHANG. **Dân tộc Cor (Trà Bồng) trước cuộc khởi nghĩa ngày 28-8-1959** - The Cor national minority (Tra Bong) before the August, 28th August 1959 uprising / Trương Ngọc Khang, Nguyễn Khánh, Tạ Xuân Linh - NCLS, 1973, số 148, tr. 11-25.

3294. TRƯƠNG NGỌC TRƯỜNG. **Vài nét về xã hội vùng Tiền Giang thế kỷ XVIII** - Social features about the society of the Tien Giang area in the 18th Century - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 31-35.

3295. TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC. **Sự nghiệp chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỷ XIII - Di sản quý giá, truyền thống vẻ vang** - Struggle against Mong-Nguyen invaders in the 13th Century valuable heritage and glorious tradition - NCLS, 1988, số 2-3 (240-241), tr. 1-3.

3296. TRƯƠNG QUẾ PHƯƠNG. **Vài nét về Hồ Bá Ôn và trận chiến đấu giữ thành Nam Định** - Some points on Ho Ba On and the defending fight of Nam Dinh citadel - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 48 - 52.

3297. TRƯƠNG SĨ HÙNG. **Xung quanh bản chúc thư của Quách Điêu** - About Quach Dieu's testament / Trương Sĩ Hùng, Nguyễn Thịnh - NCLS, 1993, số 5 (270), tr. 72-74.

3298. TRƯƠNG THỊ TIẾN. **Đổi mới chính sách ruộng đất ở Việt Nam và vấn đề ruộng đất của kinh tế hộ nông dân** - The Renovation of the Land Policies in Vietnam and the Land Problems in the Household Economy of the Peasants - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 5-18.

3299. TRƯƠNG THỊ YẾN. **Bước đầu tìm hiểu về chính sách thương nghiệp của Nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII** -Preliminary researches into the trade policy of the feudal State of Vietnam in $17^{th}$ - $18^{th}$ Centuries - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 65-76.

3300. TRƯƠNG THỊ YẾN. **Nhà Nguyễn với các thương nhân người Hoa thế kỷ XIX** - The Nguyen dynasty towards the Chinese traders in the $19^{th}$ Century - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 59-65.

3301. TRƯƠNG THỊ YẾN. **Vài nét về thương nghiệp Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - Some features about the Vietnam trade in the first half of the $19^{th}$ Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 67-74.

3302. TRƯƠNG THỊ YẾN. **Đặng Huy Trứ và những hoạt động của ông trong lĩnh vực thương nghiệp thế kỷ XIX** - Dang Huy Tru and his commercial activities in the $XIX^{th}$ century - NCLS, 1996, số 1 (284), tr. 32-35.

3303. TRƯƠNG THỊ YẾN. **Lệ vận tải thời Gia Long** - Transport customs in Gia Long time - NCLS, 2002, số 6 (325), tr. 17-21.

3304. TRƯƠNG TÚ DÂN. **Phát hiện sách *Giao Chỉ Tổng chí* thời Vĩnh Lạc** - The discovery of the book *Giao Chi Tong chi* in the period of Vinh Lac - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 93-96.

3305. TRƯỜNG CHINH. **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng - Tăng cường tổ chức và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu** - Push forward the study work on the history of the Party Strengthen the organization and improvement of the research workers - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 1-14.

3306. TRƯỜNG CHINH. **Bài nói về đồng chí Trường-Chinh, Uỷ viên BCTTƯ Đảng, Chủ tịch HĐNN nhân kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học Việt Nam** - Speech delivered by Comrade Truong Chinh on the $30^{th}$ anniversary of the Vietnam Department for Historical, Geographical and Literary studies - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 2-8.

3307. TRƯỜNG GIANG. **Những quan điểm triết học về lịch sử của Phan Chu Trinh** - The Phan Chu Trinh's conceptions about the philosophy of history - NCLS, 1965, số 73, tr. 44-53.

3308. TUẤN LƯƠNG. **Văn bản trong thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn** - About the original texts in prose and verse of Doan Nguyen Tuan - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 78-85.

3309. TÙNG KIÊN. **Mấy suy nghĩ nhân đọc *Hai mươi năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*** - Some thinkings in reading *Twenty years of the Vietnam Democratic Republic* - NCLS, 1966, số 89, tr. 45-48.

3310. TƯ HUYỀN. **Góp ý kiến vào bài** ***Vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam*** - Contributing to the article: *The question of slavery regime in Vietnam* - VSĐ, 1956, số 16, tr. 75-78.

3311. TƯ HUYỀN. **Góp ý kiến vào vấn đề tiếng Việt và chữ Việt** - Contributing to the question of Viet language and Viet words - VSĐ, 1956, số 17, tr. 82-84.

3312. TƯ HUYỀN. **Vấn đề "Quy luật phát triển nội bộ" của ngôn ngữ Việt Nam** - The question of "the law of internal development" in the Vietnam language - VSĐ, 1957, số 25, tr. 43-50.




3313. V.L. **Giả thuyết mới về người Nêandéctan** - A new hypothesis on the Néandertal people - NCLS, 1964, số 64, tr. 59-90.

3314. V.S.H. **Công tác sử học bắt đầu đi vào cán bộ và nhân dân** - The historical work begins to go in the cadres and the people - NCLS, 1959, số 7, tr. 1-2.

3315. V.S.H. **Tích cực đẩy mạnh việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin một cách hệ thống trong cán bộ sử học** - Actively pushing forward the systematical study of Marxism-Leninism in the historical cadres- NCLS, 1959, số 8, tr. 1-5.

3316. V.S.H. **Vấn đề Đảng sử** - The question of Historical Party - NCLS, 1960, số 10, tr. 1-5.

3317. V.S.H. **Bảy năm qua và năm năm sắp tới của ngành sử học** - The past seven years and the next five years of the historical scientific branch - NCLS, 1960, số 21, tr. 2-5.

3318. V.S.H. **Trích đăng bản báo cáo về công tác sử học đọc tại Hội nghị chuyên đề ngày 24, 25, 26 tháng 5-1962 tại Hà Nội** - Excerpt from the report of historical work read at the Conference on History (24-26/5/1962) - NCLS, 1962, số 40, tr. 6-12.

3319. V.S.H. **Những đề mục nghiên cứu năm 1963 của Viện Sử học** - The study themes in 1963 of the Institute of History - NCLS, 1963, số 46, tr. 1-3.

3320. V.S.H. **Một dịp tốt để sưu tầm tài liệu lịch sử cách mạng ở các địa phương** - A good occasion to search for the revolutionary history documents in the localities - NCLS, 1963, số 48, tr. 1-11.

3321. V.S.H. **Mấy công tác chủ yếu của Viện Sử học trong năm 1965** - Some principal works of the Institute of History in 1965 - NCLS, 1965, số 72, tr. 1, 19.

3322. V.S.H. **Chúng ta đã làm gì trong năm 1965?** - What did we do in 1965? - NCLS, 1966, số 83, tr. 1-3.

3323. V.S.H. **Chúng ta đã làm gì trong năm 1968?** - What shall we do in 1968? - NCLS, 1968, số 107, tr. 4-7.

3324. V.S.H. **Chúng ta đã làm gì trong năm 1969?** - What do we do in 1969? - NCLS, 1969, số 119, tr. 1-3.

3325. V.T.H.P. **Ý kiến trao đổi** - Exchange of opinions - VSĐ, 1957, số 27, tr. 82-85.

3326. VĂN ĐỨC ĐÔN. **Về hoạt động chống Pháp hồi thế kỷ XIX của cụ Nghè Văn Đức Giai** - About the anti-French activities of the Doctor Van Duc Giai at the end of the XIX$^{th}$ Century - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 86-87.

3327. VĂN KHÔI. **Góp mấy ý kiến về bài *Một vài nét về lịch sử tỉnh Lai Châu chống thực dân Pháp đầu thế kỷ XX* của bạn Đỗ Thiện** - Some remarks on the article: *Some features of Lai Chau province history in the struggle against the French colonialist at the beginning of the XX$^{th}$ Century* of Do Thien - NCLS, 1963, số 47, tr. 53-54.

3328. VĂN LẠC. **Quá trình xâm lược của Mỹ vào Cuba từ hơn một thế kỷ nay** - The process of American imperialism invasion in Cuba from more than a century - NCLS, 1963, số 47, tr. 3-12.

3329. VĂN LANG. **Phát hiện mộ cổ ở Hoàng Mai (Hà Nội)** - Discovery of an ancient tomb in Hoang Mai (Hanoi) - NCLS, 1963, số 51, tr. 63-64.

3330. VĂN LANG. **Những phát hiện khảo cổ học mới ở Hoa Lư** - The new archaeological discoveries in Hoa Lu - NCLS, 1963, số 54, tr. 61-62.

3331. VĂN LANG. **Tìm được vết tích chùa Chương Sơn và tháp Vạn Phong Thành Thiện đời Lý** - Finding the vestiges of Chuong Son pagoda and Van Phong Thanh Thien tower under the Ly dynasty - NCLS, 1964, số 59, tr. 61-63.

3332. VĂN LANG. **Về binh nghiệp Nguyễn Công Trứ** - On the military occupation of Nguyen Cong Tru - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 50-58.

3333. VĂN LANG. **Tìm hiểu thêm về "Trận Rạch Gầm-Xoài Mút"** - Further Studies on the "Battle of Rach Gam-Xoai Mut" - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 43-56.

3334. VĂN LANG. **Mấy hình ảnh về quê hương Tây Sơn (Tư liệu ảnh)** - Some images of the native village of Tay Son (photographical records)- NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 76-77.

3335. VĂN LANG. **Đất tổ Hùng Vương (Tư liệu ảnh)** - Native place of the Kings Hung (photographical records) - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 76-77.

3336. VĂN LANG. **Về việc khôi phục lại bức tranh chiến cuộc mùa Xuân 981** - Ricovering the panorama of the war at the Spring of 981 - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 27-33.

3337. VĂN LANG. ***Phương thức sản xuất châu Á. Lý luận và thực tiễn* (Đọc sách)** - Reading the book entitled: *Asiatic mode of production-Marxism-Leninism theory and practice in Vietnam* - NCLS, 1996, số 3 (286), tr. 88-90.

3338. VĂN LĂNG. **Nghiên cứu vấn đề "Ngôn ngữ thuộc thượng tầng kiến trúc hay không?** - The studying the question "The language pertains it to the superstructures?" - VSĐ, 1957-1958, từ số 32, 34, 36, 37, 38 và 39.

3339. VĂN NGỌC THÀNH. **Sự ra đời của Đảng Quốc Đại Ấn Độ (25-12-1885)** The foundation of the Indian National Congress (december 25, 1885)- NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 70 - 79.

3340. VĂN PHONG. **Giới thiệu bài thơ *Chim trong lồng* của Quận He** - Presentation of the poem: *Bird in Cage* of the Duke He - VSĐ, 1955, số 5, tr. 40-45.

3341. VĂN PHONG. **Tính chất xã hội Việt Nam và Cách mạng Tháng Tám** - The Vietnam society character and the August Revolution- VSĐ, 1956, số 20, tr. 21-32.

3342. VĂN PHONG. **Lênin: Từ chuyên chính công nông đến chuyên chính vô sản** - Lenin: From the dictatorship of workers and peasants to the dictatorship of proletariat - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 12-23.

3343. VĂN PHONG. **Quan hệ hữu nghị quốc tế chủ nghĩa chân thành không bao giờ tan vỡ được (Nhân bài *Sự thay đổi của mối tình Trung-Việt* đăng trên tạp chí "Tân Trí thức" ở Bắc Kinh, số ra ngày 28-7-1978)** - A veritable relation of internationalist friendship is indissoluble- NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 97-107.

3344. VĂN PHONG. **Những mộng bá vương Đại Hán thời xưa qua một số sách lịch sử Trung Quốc ngày nay** - Dreams of hegemony of Great Han during the old times through some Chinese historical books of to day - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 21-30.

3345. VĂN PHONG. **"Hồng kỳ" ở Bắc Kinh đã đổi màu trở thành ngọn cờ của bọn xâm lược (Nhân bài *Lợi dụng lịch sử...* của Trần Khải Vũ đăng trên tạp chí "Hồng kỳ" số 2 năm 1979)** - "Red flag" at Beijing has discoloured and become the flag of the aggressors - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 57-66, 75.

3346. VĂN PHONG. **Quan hệ Trung-Việt và Việt-Trung** - Chinese-Vietnamese and Vietnamese-Chinese relations - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 1-13.

3347. VĂN PHONG. **Từ cuộc chinh phạt cuối cùng của Vua Trụ thời Thương Ân đến chủ nghĩa bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc Kinh ngày nay** - From the last conquest of Emperor Zhou in the Shang Yin epoch to the great-power hegemonism espoused by the present day reactionary clique of Peking - NCLS, 1980, số 1(190), tr. 9-17.

3348. VĂN PHONG. **Thái Lan trong quan hệ với Việt Nam, Lào và Càmpuchia (Nhân đọc Bị vong lục của Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam ngày 26-8-1980)** - Thailand, its relations with Vietnam, Laos and Kampuchea during the historical process - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 1-10.

3349. VĂN PHONG. **Đọc *Nhật ký Diên An* - Đặc khu ở Trung Quốc (1942-1945)** - About the book *Diary of Zien An*, a special region in China (1942-1945) - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 83-93.

3350. VĂN PHONG. ***Lịch sử Việt Nam* (T.I) (Đọc sách)** - Reading the book: *History of Vietnam* (Vol.I) - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 83-90.

3351. VĂN PHONG. **Ngọn cờ hòa bình từ quê hương của Lênin vĩ đại** - The peace banner from the country of Great Lenin - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 8-18.

3352. VĂN SƠN NGUYỄN DUY SĨ. **Hồ Quý Ly và canh tân đất nước** - Ho Quy Ly and the renovation of the country - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 43-44.

3353. VĂN TẠO. **Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam và sự phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam** - The colonial exploitation of the French colonialism in Vietnam and the development of the Vietnam working class - VSĐ, 1955, số 11, tr. 54-64.

3354. VĂN TẠO. **Hoạt động của tư bản Pháp ở Việt Nam từ 1918 đến 1930** - The French capitalists's activities in Vietnam from the 1918 to 1930 - VSĐ, 1956, số 13, tr. 75-82.

3355. VĂN TẠO. **Quá trình thành lập Mặt trận Việt Minh và thắng lợi của Mặt trận trong Cách mạng Tháng Tám** - The process of foundation of the Vietminh Front and its victory in the August Revolution - VSĐ, 1958, số 43, tr. 3-18.

3356. VĂN TẠO. **Vài nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước cách mạng Việt Nam** - Some features of the process of the Vietnam revolutionary State formation and development - VSĐ, 1959, số 48, tr. 11-27.

3357. VĂN TẠO. **Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam** - Research on the process of the formation and the development of the Vietnam national unified Front - NCLS, 1959, số 1, tr. 27-41.

3358. VĂN TẠO. **Miền Nam Việt Nam trong cuộc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ** - The South Vietnam in the accomplishment of the national and democratic revolution - NCLS, 1959, số 3, tr. 30-41.

3359. VĂN TẠO. **Bàn thêm về liên minh giai cấp trong cách mạng Việt Nam từ sau 1930** - Discussion about the class alliance in the Vietnam revolution from after 1930 - NCLS, 1960, số 10, tr. 50-67.

3360. VĂN TẠO. **Kết thúc cuộc thảo luận về Phan Chu Trinh** - Conclusion of the discussion on Phan Chu Trinh - NCLS, 1965, số 76, tr. 11-26.

3361. VĂN TẠO. **Vài nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước cách mạng Việt Nam 20 năm qua** - Some features of Vietnam revolutionary State formation and development in the past twenty years - NCLS, 1965, số 77, tr. 12-27.

3362. VĂN TẠO. **Về phương pháp lịch sử và phượng pháp lô gích trong công tác sử học** - About the historical method and the logic method in the historical work - NCLS, 1966, số 83, tr. 12-27.

3363. VĂN TẠO. **Công tác của Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử** - The work of the review "Historical studies" - NCLS, 1966, số 85, tr. 11-14.

3364. VĂN TẠO. **Tìm hiểu mối quan hệ giữa hai mặt đấu tranh chính trị, quân sự và "ba mũi giáp công" trong phong trào cách mạng Việt Nam** - Research on the relations between the two aspects of political, military struggle and the "three face to face fight point" in the Vietnam revolutionary movement - NCLS, 1966, số 89, tr. 12-20.

3365. VĂN TẠO. **Một vài nhận định về quá trình phát triển của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam, vai trò và tính chất của nó trong giai đoạn giành chính quyền cách mạng** - Some observations about the process of the Vietnam revolutionary armed forces development, their role and their character in the phase of seizing hold of revolutionary power - NCLS, 1966, số 93, tr. 16-27.

3366. VĂN TẠO. **Đọc:** ***Thời kỳ hình thành lực lượng vũ trang cách mạng*** - Reading the book: *The period of revolutionary armed forces formation* - NCLS, 1967, số 96, tr. 36-44.

3367. VĂN TẠO. **Tính kế thừa lịch sử và tính sáng tạo khoa học trong cuộc chiến tranh nhân dân do giai cấp vô sản Việt Nam lãnh đạo hiện nay** - The historical inheritable character and the scientific creative character in the people war now led by the Vietnam proletariat - NCLS, 1967, số 100, tr. 3-14.

3368. VĂN TẠO. **Thắng lợi của sự kết hợp của chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong cách mạng Việt Nam** - The victory of the coordination between the true patriotism and proletarian internationalism in the Vietnam revolution - NCLS, 1967, số 101, tr. 21-29.

3369. VĂN TẠO. **Về truyền thống anh hùng của dân tộc ta trong Cách mạng Tháng Tám** - About the heroic tradition of our people in the August Revolution - NCLS, 1968, số 113, tr. 4-13.

3370. VĂN TẠO. **Nhân dân ta anh hùng đoàn kết, chiến đấu dưới lá cờ vẻ vang của Đảng trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám** - Our heroic people unite, fight under the Party flag in the August Revolution period - NCLS, 1968, số 114, tr. 58-66, 68.

3371. VĂN TẠO. **Truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc ta trong giai đoạn đấu tranh cuối thế kỷ XIX** - The heroic and unyieding tradition of our people in the phase of the struggle at the end of the XIX$^{th}$ Century - NCLS, 1969, số 128, tr. 18-31.

3372. VĂN TẠO. **Hồ Chủ tịch và truyền thống dân tộc** - The President Ho and the national tradition - NCLS, 1970, số 132, tr. 7-32.

3373. VĂN TẠO. **Vài nét về Đại hội Sử học Quốc tế lần thứ 13** - Some features about the 13$^{th}$ International historical Congress / Văn Tạo, Mạc Đường - NCLS, 1971, số 136, tr. 53-60.

3374. VĂN TẠO. **Một vài gợi ý về phương hướng nghiên cứu giai cấp công nhân Việt Nam** - About the orientation of studies on the Vietnamese working class - NCLS, 1971, số 138, tr. 1-4.

3375. VĂN TẠO. **Về chất lượng của giai cấp công nhân**- Appreciations of quality of our working class - NCLS, 1972, số 144, tr. 36-42.

3376. VĂN TẠO. **Quá trình phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa** - Development of the Vietnamese working class in Socialist revolution - NCLS, 1972, số 145, tr. 37-49; số 146, tr. 53-63.

3377. VĂN TẠO. **Hồ Chủ tịch và tình ruột thịt Bắc Nam** - President Ho and the brotherly solidarity between North and South - NCLS, 1973, số 149, tr. 1-12.

3378. VĂN TẠO. **Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam** - Stimulating the revolutionary heroism to form the new and socialist man in Vietnam - NCLS, 1973, số 151, tr. 1-5.

3379. VĂN TẠO. **Hai mươi năm lãnh đạo và thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân ở miền Bắc** - 20 years of socialist revolution in North Vietnam under the leadership and the realization of the working class - NCLS, 1974, số 156, tr. 3-10.

3380. VĂN TẠO. **Tinh thần cách mạng tiến công của giai cấp công nhân Việt Nam trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ** - The spirit of revolutionary offensive of the Vietnamese working class in the building of socialism and the resistance to U.S escalation - NCLS, 1975, số 160, tr. 19-27.

3381. VĂN TẠO. **Ba mươi năm đấu tranh thắng lợi của cách mạng Việt Nam** - Thirty years of victorious struggle of the Vietnamese revolution- NCLS, 1975, số 165, tr. 3-6.

3382. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về việc nghiên cứu phong trào nghĩa quân Yên Thế trong tình hình hiện nay** - Some ideas on the study of the Yen The insurrectional movement in the present situation - NCLS, 1976, số 1 (166), tr. 61-64.

3383. VĂN TẠO. **Giai cấp công nhân Việt Nam và sự nghiệp thống nhất đất nước** - The Vietnamese working class and the cause of unification of the country - NCLS, 1976, số 2 (167), tr. 1-5, 17.

3384. VĂN TẠO. **Cuộc khởi nghĩa tháng Tư năm 1876 của nhân dân Bungari (23-4-1876)** - The Bungarian people's April insurrection of 1876 (23-4-1876) - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 74-78, 83.

3385. VĂN TẠO. **Bước đầu xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, con người mới Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** - First path on the road of the establishment of a new regime social, a new economic and of the formation of new of Vietnam under the direction of the Vietnam worker' Party - NCLS, 1976, số 5 (170), tr. 10-19.

3386. VĂN TẠO. **Forensơ Racôsi và cuộc đấu tranh cho nền độc lập Hunggari (1703-1711)** - Ferens Rakosi and the struggle for independence of Hungari (1703-11) - NCLS, 1976, số 6 (171), tr. 59-63.

3387. VĂN TẠO. **Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* trong những năm qua và phương hướng tới** - *Historical studies* review in the last years and its future orientation - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 60-66.

3388. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về khoa học kỹ thuật trong lịch sử Việt Nam** - Some reflections about the sciences and technology in the history of Vietnam - NCLS, 1977, số 3 (174), tr. 15-23.

3389. VĂN TẠO. **Cần đẩy mạnh nghiên cứu, biên soạn lịch sử xã** - It is necessary to push forward the study work and the drawing up on communal monographs - NCLS, 1977, số 4 (175), tr. 1-6.

3390. VĂN TẠO. **Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin và kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười Nga - giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội** - To put creatively on practice the Leninism and the experience of the Russian October Revolution - Let us raise high and simultaneous the two flags of National Independence and Socialism - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 6-11.

3391. VĂN TẠO. **Kỷ niệm lần thứ 50 tác phẩm *Đường kách mệnh* của Hồ Chủ tịch (1927-1977)** - 50th anniversary of the book: *Duong kach menh* (Revolutionary road) of President Ho (1927-77) - NCLS, 1978, số 1(178), tr. 1-9.

3392. VĂN TẠO. **Nông dân Việt Nam, một lực lượng cách mạng hùng hậu** - The Vietnamese peasantry's powerful revolutionary force - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 1-8.

3393. VĂN TẠO. **Những thành tựu nghiên cứu của Viện Sử học Việt Nam trong những năm qua và phương hướng tới** - Achievements on research during the past years and future orientation of the Vietnamese historical Institute - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 3-17.

3394. VĂN TẠO. **Về vấn đề đánh giá nhân vật lịch sử và việc đánh giá Nguyễn Công Trứ** - The appraisal of historical personages and that of Nguyen Cong Tru - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 34-38.

3395. VĂN TẠO. **Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (Kỷ niệm lần thứ 190 chiến thắng Đống Đa)** - The 190th anniversary of the victory of Dong Da - The Tay Son Insurrection- NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 3-7.

3396. VĂN TẠO. **Thắng lợi của nhân dân Campuchia, một sự kiện lịch sử có ý nghĩa thời đại** - The victory of the Kampuchea people, a significant historical event of this time - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 1-6.

3397. VĂN TẠO. **Vài nét về những thành tựu chủ yếu của khoa học lịch sử Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám đến nay và nhiệm vụ trước mắt -**

Main successes of the Vietnamese historical sciences from the August Revolution to today and the immediate tasks / Văn Tạo, Phạm Xuân Nam - NCLS, 1979, số 1 (184), tr. 70-75.

3398. VĂN TẠO. **Chiến thắng lịch sử của dân tộc Việt Nam chống bọn Trung Quốc xâm lược (17/2/1979 - 18/3/1979)** - Historical victory of the Vietnamese people over Chinese agressors (17 February - 18 March 1979) - NCLS, 1979, số 2 (185), tr. 1-8.

3399. VĂN TẠO. **Giai cấp công nhân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội quốc tế, ủng hộ phong trào cộng sản và công nhân châu Âu chống chủ nghĩa tư bản** - The Vietnamese working class in the struggle against international opportunism in favour of the anti-imperialism fight waged by the European communist and working movement - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 1-8.

3400. VĂN TẠO. **Hội nghị lịch sử địa phương và chuyên ngành toàn quốc lần thứ nhất** - First national Conference about the study on the history of regions and of special activities branches - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 4-9.

3401. VĂN TẠO. **Suy nghĩ về những nét khác nhau giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc** - Some thoughts about the characteristic features of the Vietnamese revolution and those of the Chinese revolution - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 1-8; số 3 (192), tr. 65-72.

3402. VĂN TẠO. **Chủ nghĩa Lênin và cách mạng Việt Nam** - Leninism and Vietnamese revolution - NCLS, 1980, số 2 (191), tr. 1-4.

3403. VĂN TẠO. **Ba mươi lăm năm phát triển của nền Sử học Việt Nam (1945-1980)** - 35 years of development of Vietnamese historiography (1945-1980) - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 1-12.

3404. VĂN TẠO. **Giáo dục lịch sử và việc xây dựng con người thế kỷ XX** - Teaching history and the formation of 20$^{th}$ Century man - NCLS, 1980, số 5 (194), tr. 11-14, 23.

3405. VĂN TẠO. **Tin tưởng và quyết tâm đi theo đường lối khoa học của Đảng** - Let us repose confidence in and decidedly follow the science line of the Party - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 25-27.

3406. VĂN TẠO. **Hiến pháp Việt Nam, thắng lợi lịch sử về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân** - The Constitution of the S.R - A historic success of the right collective master of the labouring people under the leadership of the working class - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 1-6.

3407. VĂN TẠO. **Bài học lịch sử ngàn năm (981-1981) (Kỷ niệm chiến thắng chống giặc Tống xâm lược lần thứ nhất)** - The anniversary of the victory over the first Tsung's invasion. A millenary historic lesson (981-1981) - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 1-5, 9.

3408. VĂN TẠO. **Con người mới Việt Nam, nền văn hóa Việt Nam** - The new man of Vietnam - The culture of Vietnam - NCLS, 1981, số 3 (198), tr. 1-3.

3409. VĂN TẠO. **Về vấn đề hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt Nam** - About the problem of formation the Vietnamese socialist nation- NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 9-12.

3410. VĂN TẠO. **Về trí thức Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa** - About Vietnamese intellectuals in the socialist revolution - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 6-15.

3411. VĂN TẠO. **Sức mạnh tổng hợp của ngành sử học** - Resulting forces of divers branches of historical studies - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 1-6, 42.

3412. VĂN TẠO. **Thế kỷ X - Những vấn đề đã được giải quyết và những vấn đề tồn tại** - The X$^{th}$ Century - problems have been and will be solved - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 1-9.

3413. VĂN TẠO. **Cách mạng ruộng đất, bước chuẩn bị đưa nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội** - The agrarian reform, a preparatory step for passage of the Vietnamese peasantry to socialism - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 1-11, 23.

3414. VĂN TẠO. **Nhìn lại thành tựu 6 năm hoạt động của Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học Việt Nam (1953-1960)** - Retrospect on the achievements recorded by the Vietnam Department for Historical, Geographical and Literary studies (1953-1960) - NCLS, 1983, số 6 (213), tr. 9-12.

3415. VĂN TẠO. **Công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự nghiệp chủ nghĩa xã hội trong điều kiện có chiến tranh ở Việt Nam (1965-1975)** - The building of the material and technical basis of socialism in the conditions of war in Vietnam (1965-1975) / Văn Tạo, Nguyễn Hữu Đạo - NCLS, 1984, số 2 (215), tr. 1-13, 37.

3416. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về vấn đề ruộng đất và vấn đề nông dân trong lịch sử cận đại, hiện đại Việt Nam** - Some reflections about the problems of the land and the peasant in the Vietnam modern and contemporary history - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 1-6, 22.

3417. VĂN TẠO. **100 năm phản bội Việt Nam từ Hiệp ước Pháp-Hoa (1885)** - The betrayal towards Vietnam during 100 years since the Sino-French Agreement (1885) - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 67-69, 95.

3418. VĂN TẠO. **Nhà nước cách mạng Việt Nam** - Vietnamese revolutionary State 1945-1985 - NCLS, 1985, số 4 (223), tr. 1-10; số 5 (224), tr. 20-25.

3419. VĂN TẠO. **Mối quan hệ mật thiết giữa địa lý và lịch sử trong *Dư địa chí*** - Close relation between geography and history in the *Du dia chi* - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 1-4.

3420. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về tính bản địa và đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam** - Some thoughts in the autochtonal and special character of Vietnamese culture - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 1-6, 24.

3421. VĂN TẠO. **Việt Nam trong Hội đồng Quốc tế về: "Giai cấp công nhân trong quá trình cách mạng thế giới"** - Vietnam in the International Council on "The working class in the course of world revolution" - NCLS, 1986, số 1 (226), tr. 56-60.

3422. VĂN TẠO. **Ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XXVII - Đại hội với khoa học lịch sử** - The historical Significations of the XXVII[th] Congress of the C.P.S.U - The Congress with the historical science - NCLS, 1986, số 2 (227), tr. 1-7.

3423. VĂN TẠO. **Sự thật lịch sử là đanh thép** - The historical truth is irreversible - NCLS, 1986, số 3 (228), tr. 20-22.

3424. VĂN TẠO. **Miền Bắc xã hội chủ nghĩa - Hậu phương lớn của miền Nam thắng Mỹ** - The socialist North - A great rear for the South to defeat the American aggressors - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 8-14, 25.

3425. VĂN TẠO. **Vài nét về lịch sử Anbani** - The history of Albania - NCLS, 1986, số 6 (231), tr. 80-85.

3426. VĂN TẠO. **Kế tục sự nghiệp của Cách mạng tháng Mười: Đổi mới trong phong trào công nhân Việt Nam** - The succession to the cause of the October Revolution: changes in the Vietnamese working movement - NCLS, 1987, số 3 (234), tr. 1-4.

3427. VĂN TẠO. **Từ yêu cầu kế thừa di sản lịch sử - Gợi ý một số vấn đề về lịch sử cận đại Việt Nam** - From the inheritance historical legacy - Suggestions on a few problems of Vietnamese modern history - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 1-5, 13.

3428. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về giai cấp và phong trào công nhân** - Some reflections on the class of workers and worker movement - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 1-8.

3429. VĂN TẠO. **Nhìn lại di sản kinh tế, xã hội với con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nước ta** - A review of the economic, social legacy and the way to socialism of Vietnam by passing the stage of capitalist development - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 85-90.

3430. VĂN TẠO. **Bàn về di sản lịch sử đối với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** - Discussion about the historic heritage to the transitional period to socialism in Vietnam - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 50-53.

3431. VĂN TẠO. **Giáo hội Thiên chúa trước lịch sử dân tộc** - Catholic Church in front of history - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 1-2.

3432. VĂN TẠO. **Cách mạng Pháp 1789 - Tính chất, ý nghĩa, đặc điểm** - The French Revolution of 1789 - Its Nature; Significances and Remarks - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 19-25.

3433. VĂN TẠO. **30 năm Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử và sự cống hiến của nhà sử học Trần Huy Liệu** - Thirty years of "Historical Studies" review and the contributions of the Historian Tran Huy Lieu - NCLS, 1989, số 3-4 (246-247), tr. 1-5.

3434. VĂN TẠO. **Chúng ta kế thừa di sản nào, từ bỏ di sản nào trong nông thôn, nông nghiệp Việt Nam?** - Which patrimony we inherit. Which patrimony we leave in the countryside, in the agriculture of Vietnam?- NCLS, 1990, số 1 (248), tr. 1-5.

3435. VĂN TẠO. **Chân lý "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa" đang cần được nhận thức sâu sắc** - The verity: "For the socialist construction, first and foremost it is necessary to have socialist men", must be understood deeply - NCLS, 1990, số 2 (249), tr. 9-15.

3436. VĂN TẠO. **Về di sản trong thủ công nghiệp** - On patrimony in the handicraft - NCLS, 1990, số 3 (250), tr. 1-10.

3437. VĂN TẠO. **Viện Sử học Việt Nam 30 năm qua** - The Vietnam Institute of History in the past 30 years - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 1-10.

3438. VĂN TẠO. **Một vài kinh nghiệm rút ra từ thời kỳ Mặt trận Việt Minh - Liên Việt** - Some experiences drawed from the Viet Minh - Lien Viet Front period - NCLS, 1991, số 2 (255), tr. 7-12, 21.

3439. VĂN TẠO. **Pháp luật Việt Nam trong lịch sử và di sản của nó** - The Vietnamese Law in the history and its heritage - NCLS, 1991, số 3 (256), tr. 14-41.

3440. VĂN TẠO. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với di sản dân tộc trong công tác thanh tra** - President Ho Chi Minh and the national heritage in the inspection work - NCLS, 1991, số 4 (257), tr. 1-10.

3441. VĂN TẠO. **Nguyễn Mậu Kiến - phẩm chất và hoài bão** - Nguyen Mau Kien, his qualities and his aspirations - NCLS, 1992, số 3 (262), tr. 12-14.

3442. VĂN TẠO. **Từ Hồ Quý Ly, nhìn nhận lại một số cải cách trong lịch sử** - From Ho Quy Ly, a reprospective view of the some reforms in history - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 9-12.

3443. VĂN TẠO. **Nguyễn Trường Tộ - Người mở đầu cho một dòng yêu nước có xu hướng canh tân ở thời kỳ cận đại** - Nguyen Truong To, the pioneer of a patriotic trend oriented towards renovation in the modern time - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 9-16.

3444. VĂN TẠO. **Cải cách ruộng đất - Thành quả và sai lầm** - Agrarian Reform - Results and errors - NCLS, 1993, số 2 (267), tr. 1-10.

3445. VĂN TẠO. **Sơ bộ nhận thức về nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - Preliminary knowledge about the Nguyen dynasty in the first half XIX[th] Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 2-5.

3446. VĂN TẠO. **Chiến thắng Điện Biên Phủ và tình hữu nghị Việt-Pháp** - Dien Bien Phu Victory and France-Vietnam friendship - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 24-28.

3447. VĂN TẠO. **Lý Công Uẩn: Đổi mới triều đại, đổi mới đế đô, đổi mới xã hội** - Ly Cong Uan - A dynasty renovation, a Capital renovation, a society renovation - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 42-48.

3448. VĂN TẠO. ***Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam - Những chứng tích lịch sử* (Đọc sách)** Reading the book: *The famine of 1945 in Vietnam - Historical exhibits* - NCLS, 1995, số 5 (282), tr. 83-88.

3449. VĂN TẠO. **Nhà Mạc và vấn đề ngụy triều trong lịch sử Việt Nam** - The Mac dynasty and the problem of dynasty of usurpers in the history of Vietnam - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 28-32.

3450. VĂN TẠO. **Giáo sư Trần Văn Giàu - Một tấm gương lao động vì sự nghiệp khoa học và cách mạng** - Professor Tran Van Giau - An example of dedication for science and revolution - NCLS, 1996, số 6 (289), tr. 79-85.

3451. VĂN TẠO. **Đồng chí Trường Chinh - Một nhà lãnh đạo cách mạng có tầm nhìn chiến lược về công tác khoa học** - Comrade Truong Chinh - A revolutionary leader having strategic visibility on scientific research - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 39-43.

3452. VĂN TẠO. **Việt Nam tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo con đường của Cách mạng tháng Mười** - Vietnam continuing to raise the flags of National Independence and Socialism following the Russian Great October Revolution - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 1-6.

3453. VĂN TẠO. **Có hay không có "khoảng trống vắng quyền lực" trong Cách mạng Tháng Tám?** - Was there or not "vacuum of power" in the August Revolution - NCLS, 1998, số 4 (299), tr. 77-79.

3454. VĂN TẠO. **Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với người cao tuổi** - Vietnam's feudal state towards elderly people - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 27-31.

3455. VĂN TẠO. **Trần Huy Liệu với sử học Việt Nam thế kỷ XX** - Tran Huy Lieu with Vietnamese historical studies in the 20th century - NCLS, 1999, số 4 (305), tr. 3-7.

3456. VĂN TẠO. **Nên đưa ba họ Khúc-Dương-Ngô vào vị trí mở đầu cho kỷ "Độc lập dân tộc"** - The three family lines of Khuc-Duong-Ngo should be included in the place of openning the "National Independence" Age - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 79-81.

3457. VĂN TẠO. **Một nhà khoa học trung thực** - A truthful and straightforward scientist - NCLS, 2001, số 3 (316), tr. 79-80.

3458. VĂN TẠO. **Khoa học ngoại giao trong thời đại Hồ Chí Minh** - Vietnamese foreign relation science in Ho Chi Minh era - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 3-8.

3459. VĂN TẠO. **Nhân quyền và nhân đạo trong lịch sử Việt Nam** - Human rights and humanity in Vietnamese history - NCLS, 2003, số 5 (330), tr. 3 - 7.

3460. VĂN TẠO. **Nhà yêu nước Nguyễn Thái Học xứng đáng được đứng trong hàng ngũ những anh hùng dân tộc thời Cận đại** - The Patriot Nguyen Thai Hoc is quite Appropriate to Be in the Rank of the National Heroes of the Modern Time - NCLS, 2004, số 7 (338), tr. 34-38.

3461. VĂN TÂM. **Góp ý kiến vào vấn đề: Tính chất cách mạng Việt Nam qua các cuộc vận động Duy tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục** - Contributing to the question: The Vietnam revolutionary character through the Duy tan. Dong du, Dong Kinh nghia thuc movements - VSĐ, 1956, số 15, tr. 61-71.

3462. VĂN TÂM. **Thơ văn chống Pháp miền Nam (1858-1867)** - Prose and peotry against the French colonialists in the South (1858-1867) - VSĐ, 1956, số 17, tr. 44-52; số 18, tr. 64-73.

3463. VĂN TÂN. **Ý nghĩa và giá trị thơ Hồ Xuân Hương** - The meaning and the value of Ho Xuan Huong poems - VSĐ, 1955, số 10, tr. 18-35.

3464. VĂN TÂN. **Thử tìm ý nghĩa và giá trị** ***Nhị Độ Mai*** - Essay of study on the meaning and the value of *Nhi Do Mai* story - VSĐ, số 11, tr. 20-34.

3465. VĂN TÂN. **Nghiên cứu và đánh giá vốn cũ trong văn học dân tộc: truyện Trê Cóc** - Study and estimation of the ancient heritage in the national literature: the Tre Coc - VSĐ, 1955, số 12, tr. 20-28.

3466. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến về truyện cổ tích (Nhân đọc** ***Truyện cổ tích Việt Nam*** **của Vũ Ngọc Phan và quyển** ***Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích*** **của ông Trần Thanh Mại** - Some opinions about the old story (In the occasion of reading: *The Vietnam old stories* of Vu Ngoc Phan and: *The mechanical materialist and the dialectical materialist points of view and the estimation of an old story* of Mr Tran Thanh Mai - VSĐ, 1956, số 14, tr. 77-88.

3467. VĂN TÂN. **Thơ bà Huyện Thanh Quan** - The poetry of Mrs Thanh Quan district chief's wife - VSĐ, 1956, số 15, tr. 21-29.

3468. VĂN TÂN. ***Lục súc tranh công*** - *The six domestic animals dispute for merit* story - VSĐ, 1956, số 16, tr. 38-50.

3469. VĂN TÂN. **Vấn đề viết văn học sử Việt Nam** - The question of writing Vietnam literary history - VSĐ, 1956, số 17, tr. 5-17.

3470. VĂN TÂN. **Đoàn Thị Điểm với** ***Chinh phụ ngâm*** **hay là một tác phẩm văn học chống chiến tranh** - Doan Thi Diem and: *The warrior's wife song* or a literary work against the war - VSĐ, 1956, số 19, tr. 10-28.

3471. VĂN TÂN. **Vài nhận xét về quyển** ***Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du*** **của ông Trương Tửu** - Some main remarks on the book of Mr. Truong Tuu: *Kieu story and the epoch of Nguyen Du* - VSĐ, 1956, số 21, tr. 22-34.

3472. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về quyển** ***Việt ngữ nghiên cứu*** **của ông Phan Khôi** - Some remarks on the book of Mr. Phan Khoi *Vietnamese language studies* - VSĐ, 1956, số 22, tr. 16-30.

3473. VĂN TÂN. **Đã đến lúc tạm kết thúc cuộc tranh luận về vấn đề "Có nên liệt những bài văn do người Việt Nam trước kia viết bằng chữ Hán vào văn học dân tộc của ta không?** - It is the time to do a tentative conclusion of the

discussion about the question "It is rational to rank the texts written in Chinese characters by the Vietnamese in the past in our national literature? - VSĐ, 1956, số 23, tr. 10-23.

3474. VĂN TÂN. **Nhận xét mấy ý kiến của bạn Thái Đồng** - Remarks on some ideas of comrade Thai Dong - VSĐ, 1957, số 24, tr. 73-78.

3475. VĂN TÂN. **Vũ Trọng Phụng qua** ***Giông tố*****, Vỡ đê và** ***Số đỏ*** - Vu Trong Phung through: *Tempest, The Collapses dyke* and *Good luck* - VSĐ, 1957, số 29, tr. 4-22.

3476. VĂN TÂN. **Mấy nhận xét về quyển** ***Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*** **của nhóm Lê Quý Đôn** - Some remarks on the book: *Luoc thao lich su van hoc Vietnam* (An outline the Vietnam literary history) of the group Le Quy Don - VSĐ, 1957, số 30, tr. 8-26.

3477. VĂN TÂN. **Vấn đề văn học cổ điển Việt Nam** - The question of the Vietnam classical literature - VSĐ, 1958, số 42, tr. 11-26.

3478. VĂN TÂN. **Xã hội Việt Nam hồi thế kỷ XV qua bài** ***Thập giới cô hồn quốc ngữ văn*** **của Lê Thánh Tông** - Vietnam society in the XV[th] Century through the *Thap gioi co hon quoc ngu van* - VSĐ, 1958, số 43, tr. 19-39.

3479. VĂN TÂN. ***Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam*** **của Trương Tửu hay là một lối xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin?** - *Some questions of Vietnam literary history* of Mr Truong Tuu or a manner of distortion against the Marxism-Leninism? - VSĐ, 1958, số 44, tr. 24-38.

3480. VĂN TÂN. **Bộ mặt phản động của Trương Tửu trong quyển** ***Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam*** - The reactionary physiognomy of Truong Tuu in the book: *Some question of Vietnam literary history* - VSĐ, 1958, số 45, tr. 26-46.

3481. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến đối với mấy bộ sách lịch sử đã xuất bản** - Remarks on some historical books recently published - VSĐ, 1958, số 47, tr. 70-81.

3482. VĂN TÂN. **Vài ý kiến đối với nhận định của ông Đào Duy Anh về vấn đề tô tem của người Việt nguyên thủy** - Opinions about the estimation of Mr. Dao Duy Anh on the question of the primitive Viet people totem - NCLS, 1959, số 2, tr. 10-25.

3483. VĂN TÂN. **Nói thêm về nhận định của chúng tôi đối với vấn đề phân định thời kỳ lịch sử văn học** - Again about our estimation on the question of periodization in the literary history - NCLS, 1959, số 3, tr. 72-81.

3484. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến đối với quyển** ***Nước Việt Nam - Lịch sử và văn hóa*** **của ông Lê Thành Khôi** - Remarks on the book: *Vietnamese Nation - History and Culture* by Mr. Le Thanh Khoi - NCLS, 1959, số 7, tr. 23-40.

3485. VĂN TÂN. **Bàn góp vào công trình tìm tòi nguồn gốc dân tộc Việt Nam** - Contributing to the research work on the Vietnamese national origin - NCLS, 1959, số 9, tr. 26-39.

3486. VĂN TÂN. **Lãnh tụ của Đảng** - The Party's leader - NCLS, 1960, số 10, tr. 30-49.

3487. VĂN TÂN. **Trả lời ông Lê Thành Khôi, tác giả sách** ***Nước Việt Nam - Lịch sử và văn hóa*** - Answer to Mr. Le Thanh Khoi, the author of the book *Vietnamese Nation - History and culture* - NCLS, 1960, số 12, tr. 61-71.

3488. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - Opinions on the questions of the slavery in Vietnam - NCLS, 1960, số 13, tr. 22-40.

3489. VĂN TÂN. **Cần có một quan niệm nhất trí về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - It is necessary to have an unanimous conception on the slavery regime in Vietnam - NCLS, 1960, số 16, tr. 7-9.

3490. VĂN TÂN. **Xã hội Việt Nam thực sự đã trải qua thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ** - The Vietnam society really through the slavery period- NCLS, 1960, số 16, tr. 37-51.

3491. VĂN TÂN. **Xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu Lạc** - Van Lang country society and Au Lac country society - NCLS, 1960, số 20, tr. 22-33.

3492. VĂN TÂN. **Công tác nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam** - The study work on Vietnam literary history - NCLS, 1960, số 21, tr. 36-40.

3493. VĂN TÂN. **Nguyễn Trường Tộ và những đề nghị cải cách của ông** - Nguyen Truong To and his propositions on reform - NCLS, 1961, số 23, tr. 19-33.

3494. VĂN TÂN. **Ý nghĩa việc phát hiện ra những đồ đá cũ ở núi Đọ** - The signification of the discovery of the paleolithic things in the mountain Do - NCLS, 1961, số 24, tr. 15-24.

3495. VĂN TÂN. **Xung quanh vấn đề xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu Lạc** - About the question of Van Lang country society and the Au Lac country society - NCLS, 1961, số 28, tr. 25-35.

3496. VĂN TÂN. **Lưu Vĩnh Phúc, tướng cờ đen và những hành động của ông ở Việt Nam** - Luu Vinh Phuc, a leader of the Black flag and his activities in Vietnam - NCLS, 1962, số 34, tr. 7-15.

3497. VĂN TÂN. **Phê bình quyển** ***Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam*** **của ông Trần Quốc Vượng và ông Hà Văn Tấn** - Critique of the book: *History of the primitive communism regime in Vietnam* of Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan - NCLS, 1962, số 35, tr. 35-46.

3498. VĂN TÂN. **Phê bình quyển *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập I của ông Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn** - Critique of the book: *History of the Vietnam feudal regime*, tome I, by Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan - NCLS, 1962, số 36, tr. 38-49.

3499. VĂN TÂN. **Trả lời ông Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn** - Answer to Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan - NCLS, 1962, số 38, tr. 22-30.

3500. VĂN TÂN. **Về pho tượng Quang Trung tìm thấy ở chùa Bộc** - About the statue of Quang Trung discovered in the Boc Pagoda- NCLS, 1962, số 39, tr. 26-32.

3501. VĂN TÂN. **Đối với bài về quyển *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập I của ông Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn** - About the article written on the book: *History of the Vietnam feudal regime* tome I of Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan - NCLS, 1962, số 40, tr. 22-30.

3502. VĂN TÂN. **Ý thức dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử Lý-Trần** - Vietnam national conscience in the historical phase of the Ly-Tran's dynasties - NCLS, 1962, số 42, tr. 8-15.

3503. VĂN TÂN. **Bàn thêm về Nguyễn Trãi, một lãnh tụ của khởi nghĩa Lam Sơn** - Again discussions on Nguyen Trai, a leader of Lam Son insurrection - NCLS, 1962, số 44, tr. 9-16.

3504. VĂN TÂN. **Sự khác biệt về chất giữa xã hội thời Trần và xã hội thời Lê sơ** - The qualitative distinction between the society under the Tran's dynasty and that under the beginning of the Le's dynasty - NCLS, 1962, số 45, tr. 3-11.

3505. VĂN TÂN. **Thử căn cứ vào bộ luật Hồng Đức để tìm hiểu xã hội thời Lê sơ** - Trying to research on the Vietnam society under the beginning of the Le's dynasty, on the base of the Hong Duc Code - NCLS, 1963, số 46, tr. 22-29, 59.

3506. VĂN TÂN. **Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam có hay không có thời kỳ chế độ phân quyền?** - In the Vietnam feudal history was there of was not there a decentralized feudalism period? - NCLS, 1963, số 47, tr. 22-27, 44.

3507. VĂN TÂN. **Vài nét về Lê Quý Đôn, nhà bác học lớn nhất của Việt Nam dưới thời phong kiến** - Some features of Le Quy Don, the greatest learner man under the feudalism - NCLS, 1963, số 49, tr. 1-9.

3508. VĂN TÂN. ***Ai đã thống nhất Việt Nam? Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh?* (Trả lời ông Nguyễn Phương, báo *Văn khoa*, Sài Gòn)** - Who had unified Vietnam? Nguyen Hue or Nguyen Anh (Answer to Mr. Nguyen Phuong, *Van khoa* Newspaper, Saigon) - NCLS, 1963, số 51, tr. 3-11.

3509. VĂN TÂN. **Nguyễn Trãi có sang Trung Quốc hay không?** - Did Nguyen Trai went to China? - NCLS, 1963, số 53, tr. 11-15.

3510. VĂN TÂN. **Tư tưởng nhân văn của Nguyễn Trãi** - The humanist thought of Nguyen Trai - NCLS, 1963, số 54, tr. 2-9.

3511. VĂN TÂN. **Quang Trung Nguyễn Huệ và Napoléon, hai nhà quân sự thiên tài** - Quang Trung and Napoleon, two military men of genius- NCLS, 1964, số 58, tr. 5-14; số 59, tr. 14-21.

3512. VĂN TÂN. **Nguyễn Huệ đã cả phá quân xâm lược Xiêm ở Rạch Gầm-Xoài Mút như thế nào?** - How Nguyen Hue destroyed the Siamese aggressors at Rach Gam-Xoai Mut? - NCLS, 1964, số 60, tr. 3-10.

3513. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về bộ *Binh thư yếu lược*** - Some remarks on the book *Binh thu yeu luoc* (Military manual summary) - NCLS, 1964, số 62, tr. 3-9.

3514. VĂN TÂN. **Quốc sử quán triều Nguyễn với khởi nghĩa Tây Sơn** - National history office under the dynasty of Nguyen about the Tay Son insurrection - NCLS, 1964, số 65, tr. 11-21.

3515. VĂN TÂN. **Bàn thêm về nguyên nhân khiến cho cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ hồi đầu thế kỷ XIII đi đến thắng lợi** - Again discussion on the cause determining the victory of the war of resistance against the Mongolian troops in the 13th Century - NCLS, 1964, số 66, tr. 2-7; số 67, tr. 39-45, 57.

3516. VĂN TÂN. **Về bài *Chung quanh vấn đề: Ai đã thống nhất Việt Nam: Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh*? của Nguyễn Phương (Sài Gòn)** - About the article: *About the question: Who had unified Vietnam: Nguyen Hue* or Nguyen Anh? by Nguyen Phuong (Saigon) - NCLS, 1965, số 70, tr. 3-10, 18.

3517. VĂN TÂN. **Con người Nguyễn Huệ** - The portrait of Nguyen Hue - NCLS, 1965, số 71, tr. 7-14; số 72. -tr. 20-27.

3518. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến về vấn đề khởi nghĩa nông dân trong lịch sử Việt Nam** - Opinions about the question of the peasant insurrection in Vietnam history - NCLS, 1965, số 74, tr. 17-20.

3519. VĂN TÂN. **Đọc bài *Tư tưởng "Dân" của Nguyễn Trãi với chúng ta* của ông Lê Văn Kỳ** - Reading the article: *The Nguyen Trai's thought on* "People" *and we* by Mr. Le Van Ky - NCLS, 1966, số 82, tr. 37-46.

3520. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về *Lam Sơn thực lục*. Ai là tác giả *Lam Sơn thực lục*? Có chỗ nào thêm bớt?** - Some thinkings on *Lam Son thuc luc*. Who was its author? Had it some passages added or cut? - NCLS, 1966, số 86, tr. 30-34.

3521. VĂN TÂN. **Đường lối địch vận của Nguyễn Trãi đã đem lại kết quả gì cho nghĩa quân Lam Sơn?** - What results of the propaganda with enemy line of Nguyen Trai gave to Lam Son insurgents? - NCLS, 1966, số 89, tr. 21-26.

3522. VĂN TÂN. **Vài sai lầm về tài liệu của bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư*** - Some errors in the *Dai Viet Su ky toan thu* (The whole history of the Great Vietnam) - NCLS, 1966, số 93, tr. 28-32.

3523. VĂN TÂN. **Chế độ phản động của nhà Nguyễn** - The reactionary regime of the Nguyen's dynasty - NCLS, 1967, số 95, tr. 14-22; số 97, tr. 43-52.

3524. VĂN TÂN. **Truyền thống đánh giặc cứu nước của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử dân tộc** - The Vietnam woman's tradition in the struggle against the aggressors for the country salvation in the national history - NCLS, 1967, số 96, tr. 4-12.

3525. VĂN TÂN. **Vấn đề thời đại Hùng Vương trong lịch sử dân tộc Việt Nam** - The question of the Hung Vuong epoch in the Vietnam nation history - NCLS, 1967, số 98, tr. 16-19.

3526. VĂN TÂN. **Tính chất những cuộc nổi dậy chống triều Lý hồi thế kỷ XI và thế kỷ XII** - The character of the insurrections against the dynasty of Ly in the 11th Century and the 12th Century - NCLS, 1967, số 100, tr. 15-20.

3527. VĂN TÂN. **Năm trăm năm mươi năm ngày khởi nghĩa Lam Sơn** - Five hundred and fifty days of Lam Son insurrection - NCLS, 1968, số 106, tr. 1-3.

3528. VĂN TÂN. **Thử tìm hiểu nguyên nhân và ý nghĩa lịch sử của cuộc chiến thắng quân Mông Cổ hồi đầu thế kỷ XIII** - Trying a research on the cause and the historical signification of the victory against the Mongol troops in the 13th Century - NCLS, 1968, số 107, tr. 19-24.

3529. VĂN TÂN. **Thế hệ chúng ta với truyền thống dân tộc** - Our generation and the national tradition - NCLS, 1968, số 108, tr. 1-3.

3530. VĂN TÂN. **Cống hiến của Lê Lợi - Nguyễn Trãi vào khoa học quân sự, chính trị** - The contributions of Le Loi-Nguyen Trai to the political and military science - NCLS, 1968, số 109, tr. 20-26.

3531. VĂN TÂN. **Chế độ quân chủ tập quyền trong lịch sử Việt Nam** - The centralized monarchy regime in Vietnam history - NCLS, 1968, số 110, tr. 19-25.

3532. VĂN TÂN. **Tìm hiểu đặc điểm xã hội Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt** - Research on the particularities of Vietnam society. The process of the Viet nation formation and development - NCLS, 1968, số 111, tr. 36-42.

3533. VĂN TÂN. **Những nét đặc biệt của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ** - The special features of the war of resistance against the Mongol invaders - NCLS, 1969, số 114, tr. 9-15.

3534. VĂN TÂN. **Mấy nhận xét về chiến thắng Đống Đa năm 1789 do Nguyễn Huệ chỉ huy** - Some remarks about the Dong Da victory in 1789 commanded by Nguyen Hue - NCLS, 1969, số 119, tr. 4-12.

3535. VĂN TÂN. **Tiếp tục nghiên cứu thời đại Hùng Vương** - A continued research about the epoch of King's Hung - NCLS, 1969, số 123, tr. 4-5.

3536. VĂN TÂN. **Trần Huy Liệu với giới báo chí, giới văn học và giới sử học** - Tran Huy Lieu and the press world, the literary world and the historical world - NCLS, 1969, số 125, tr. 8-12.

3537. VĂN TÂN. **Tại sao ở Việt Nam chủ nghĩa tư bản không ra đời trong lòng chế độ phong kiến?** - Why in Vietnam the capitalism was not formed in the bowel of the feudalism? - NCLS, 1970, số 130, tr. 17-25, 44.

3538. VĂN TÂN. **Hai mươi lăm năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa** - Twenty five years of the Vietnamese Democratic Republic - NCLS, 1970, số 134, tr. 1-4.

3539. VĂN TÂN. **Thử tìm hiểu nhà y học nổi tiếng của Việt Nam hồi thế kỷ XVIII: Lê Hữu Trác** - Trying to do a study on the Vietnam renowned medicine in the 18th Century: Le Huu Trac - NCLS, 1970, số 135, tr. 18-24.

3540. VĂN TÂN. **Kỷ niệm hai trăm năm khởi nghĩa nông dân do anh em Tây Sơn lãnh đạo** - 200th anniversary of the peasant's uprising leaded by the Tay Son brothers - NCLS, 1971, số 136, tr. 1-8.

3541. VĂN TÂN. **Nhân dịp kỷ niệm lần thứ ba mươi thành lập Mặt trận Việt Minh. Quá trình tiến hành công tác Mặt trận của Đảng ta** - Our Party and the "United National Front" work - NCLS, 1971, số 139, tr. 1-7, 21.

3542. VĂN TÂN. **Nhân dịp kỷ niệm 900 năm chiến thắng Chi Lăng lần thứ nhất (981), thử tìm hiểu cống hiến của Lê Hoàn đối với lịch sử dân tộc Việt Nam thế kỷ X** - Le Hoan's contributions for the struggle of the Vietnamese nation in the 10th Century - NCLS, 1971, số 140, tr. 1-6, 30.

3543. VĂN TÂN. **Vũ Phạm Khải, một văn thân yêu nước đứng đầu phái chủ chiến dưới triều Tự Đức** - Vu Pham Khai, the patriotic scholar and beading advocate of resistance under the Tu Duc's Court - NCLS, 1971, số 141, tr. 3-8.

3544. VĂN TÂN. **Chuẩn bị kỷ niệm 1930 năm Hai Bà Trưng tuẫn tiết** - For the 1930th anniversary of the Trung Sisters's death - NCLS, 1972, số 142, tr. 6-9.

3545. VĂN TÂN. **Nguyễn Đình Chiểu, một nhà trí thức yêu nước nồng nàn, một nhà thơ lỗi lạc của dân tộc Việt Nam** - Nguyen Dinh Chieu, a patriotic intellectual and outstanding poet of the Vietnamese people- NCLS, 1972, số 143, tr. 1-10.

3546. VĂN TÂN. **Kỷ niệm 530 năm ngày Nguyễn Trãi bị tru di** - 530$^{th}$ anniversary of the day when Nguyen Trai and his family were put to death - NCLS, 1972, số 145, tr. 2-6.

3547. VĂN TÂN. **Ngô Thì Nhậm, một nhà trí thức sáng suốt và dũng cảm đã đi theo nông dân khởi nghĩa Tây Sơn** - Ngo Thi Nham, a clear lighter and courageous intellectual that joined the Tay Son peasant uprising - NCLS, 1973, số 148, tr. 1-10.

3548. VĂN TÂN. **Nguyễn Công Trứ và những việc làm của ông hồi thế kỷ XIX** - Nguyen Cong Tru and his social works in the XIX$^{th}$ Century - NCLS, 1973, số 152, tr. 5-14.

3549. VĂN TÂN. **Mấy vấn đề về Ngô Thì Nhậm, một mưu sĩ lỗi lạc của vua Quang Trung** - Problems raised by the study about the Ngo Thi Nham, Quang Trung's outstanding adviser - NCLS, 1974, số 154, tr. 34-44.

3550. VĂN TÂN. **Tôn Quang Phiệt, nhà trí thức yêu nước, yêu lịch sử dân tộc** - Ton Quang Phiet. a patriotic intellectual be fond of national history - NCLS, 1974, số 154, tr. 71-72.

3551. VĂN TÂN. **Công tác nghiên cứu Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo trong mấy năm gần đây** - Recent research on the Trung Sisters and their uprising - NCLS, 1975, số 161, tr. 18-23, 35.

3552. VĂN TÂN. **Vài nét về Phật giáo trong lịch sử Việt Nam** - Some Remarks on the Buddhism in the Vietnamese History - NCLS, 1975, số 162, tr. 29-39.

3553. VĂN TÂN. **Từ Cách mạng Tháng Tám 1945 đến tổng tiến công và nổi dậy đại thắng mùa Xuân 1975** - From the August Revolution 1945 to the successful general offensive and uprisings in the Spring of 1975- NCLS, 1975, số 163, tr. 3-6, 46.

3554. VĂN TÂN. **Lê Quý Đôn, cuộc đời và sự nghiệp** - Le Quy Don, his personality and his works - NCLS, 1976, số 4 (169), tr. 1-14.

3555. VĂN TÂN. **Lý Thường Kiệt với sự nghiệp giữ nước hồi thế kỷ XI** - Ly Thuong Kiet and the defence of our country in the XI$^{th}$ Century- NCLS, 1977, số 2 (173), tr. 1-9.

3556. VĂN TÂN. **Vai trò của thủy quân Việt Nam trong lịch sử dân tộc (Từ thời đại Hùng Vương đến thế kỷ XIX)** - The role of Vietnamese naval army in the national history (From the Kings Hung epoch to the 19th Century) - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 61-70.

3557. VĂN TÂN. **Những nhân tố đưa đến chiến thắng quân Nguyên hồi thế kỷ XIII** - About the factors leading to the victory on the Nguyen invaders in the 13th Century - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 5-14.

3558. VĂN TÂN. **Mấy nhận xét về chiến thắng Đống Đa** - Some considerations about the victory of Dong Da - NCLS, 1978, số 6 (183), tr. 34-42.

3559. VĂN TÂN. **Vài nét về chính sách ngoại giao của Trung Quốc đối với Việt Nam trong thời kỳ phong kiến** - Some features about the China's foreign policy towards Vietnam in the feudal period - NCLS, 1979, số 5 (188), tr. 22-30, 79.

3560. VĂN TÂN. **Vai trò của Lê Hoàn hồi thế kỷ X đối với lịch sử dân tộc Việt Nam** - The role of Le Hoan in the 10th Century concerning to the Vietnamese national·history - NCLS, 1981, số 2 (187), tr. 6-9.

3561. VĂN TÂN. **Đường giao thông từ Bắc vào Thanh Hóa, Nghệ-Tĩnh từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII** - Communication ways from Northern region to Thanh Hoa and Nghe Tinh provinces in the 10th- 18th Centuries - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 52-54.

3562. VĂN TÂN. **Công tác nghiên cứu về Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo** - Research works on the Trung Sisters and their insurrection - NCLS, 1983, số 2 (209), tr. 15-17.

3563. VĂN TÂN. **Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút (1-1785)** - The historical meaning of the Rach Gam-Xoai Mut victory (January 1785) - NCLS, 1985, số 1 (220), tr. 1-2.

3564. VĂN TÂN. **Đào Duy Anh - Nhà văn hóa lớn, một nhà sử học lớn** - Dao Duy Anh - A great historian and cultured man - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 68-69.

3565. VĂN TÂN. **Mấy nhận xét về *Đại Việt Sử ký toàn thư*, bản *Nội các quan bản*** - Some remarks on the *Dai Viet su ky toan thu* printed from the *Noi cac quan ban* engraving - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 29-32.

3566. VÂN CHI. **Về cuộc bình luận nhân vật lịch sử Phan Chu Trinh** - About the commentary on the historical personage Phan Chu Trinh / Vân Chi, Bùi Xuân Trung, Nguyễn Đức Minh - NCLS, 1965, số 73, tr. 59-60.

3567. VÂN DUY. **Nhân đọc *Nguyễn Trãi đánh giặc cứu nước* của Nguyễn Lương Bích** - Reading the book: *Nguyen Trai danh giac cuu nuoc* (Nguyen Trai fighting against aggressors for national salvation) by Nguyen Luong Bich / Vân Duy, Huy Thiệp - NCLS, 1975, số 4 (163), tr. 72-84; số 5 (164), tr. 70-79.

3568. VÂN DUY. **Bước đầu tìm hiểu một số vấn đề về xây dựng đội ngũ tướng lĩnh đánh giặc cứu nước của tổ tiên ta** - Early study on some problems about the formation of high-ranking officers in the struggle against aggression for national salvation of our ancestors - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 45-55, 66; số 2 (173), tr. 43-56.

3569. VÂN HOÀI. **Chủ nghĩa quân phiệt Đức đe dọa nền hòa bình châu Âu** - The German militarism threatens the peace in European - NCLS, 1962, số 45, tr. 45-54.

3570. VDOVINI A.I. **Những nguyên tắc quan trọng nhất của việc nghiên cứu về số lượng và thành phần xã hội của giai cấp công nhân trong những tác phẩm của Lênin** - The most important principles of the study on the quantity and origin social of working class in V.I. Lenin's works/ A.I. Vdovin, I.U. Drôbigiep - NCLS, 1981, số 1 (196), tr. 57-64.

3571. VI VĂN AN. **Về quá trình hình thành các tổ chức Mường của người Thái ở miền Tây Nghệ An** - About the formation process of Muong (administratives units) of Thai people in the West of Nghe An province - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 50-55.

3572. VICTOR GOLOUBEW. **Những khối đá chạm khắc ở vùng Sa Pa (Bắc Kỳ)** - The Graven Rocks in the Sapa Region (Tonkin) ("*Roches Gravées dans la Région de Chapa (Tonkin)*" - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 39-47.

3573. VIÊN NGỌC LƯU. **Di tích lịch sử thành nhà Hồ - Một thực trạng đáng lo ngại** - The historical vestiges of Ho dynasty's citadel - A really frightful state - NCLS, 1990, số 253, tr. 48-51.

3574. VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM. **Một bước trưởng thành của Viện Sử học Việt Nam và Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử** - A step of maturation of the Institute of History of Vietnam and of the Review "Historical Studies" - NCLS, 1980, số 6 (195), tr. 1-5.

3575. VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM. **Sử học trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta** - Historiography in the revolutionary work of our people - NCLS, 1981, số 6 (201), tr. 1-5.

3576. VIẾT BÌNH. **Một vài suy nghĩ về cuộc chiến tranh chống quân Minh thời Hồ** - Some thoughts on the war against the Minh troops under the Ho dynasty / Viết Bình, Tiến Sơn - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 58-60.

3577. VIỆT HỒNG. **Vài nét về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trước cuộc "Đồng khởi" 1959-1960** - Some features about the armed struggle and the armed forces in Cochinchina before 1959-60 general uprising - NCLS, 1974, số 155, tr. 39-55.

3578. VIỆT LÂM. **Một ít tài liệu về cuộc khởi nghĩa Phan Xích Long ở Nam Kỳ năm 1913** - A few documents about the insurrection of Phan Xich Long in Cochinchina in 1913 - NCLS, 1962, số 38, tr. 19-21, 30.

3579. VĨNH SÍNH. **Phan Bội Châu và Asaba Sakitaro** - Phan Boi Chau and Asaba Sakitaro - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 60-66.

3580. VĨNH SÍNH. ***Lịch sử chính sách dân tộc của những người cộng sản Việt Nam - Vấn đề tính chất dân tộc trong quá trình cách mạng*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *History of the Vietnamese communists national policy - The question of national character in the revolutionary process* of the Professor Furuta Motoo - NCLS, 1992, số 2 (261), tr. 87-94.

3581. VĨNH SÍNH. **Quan niệm về độc lập quốc gia Việt Nam và Nhật Bản: Trường hợp Phan Bội Châu và Fukuzawa Yukichi** - The national independence conception of Vietnam and Japan: The case of Phan Boi Chau and that of Fukuzawa Yukichi - NCLS, 1992, số 6 (265), tr. 17-34.

3582. VĨNH SÍNH. **Đóng góp vào việc tìm hiểu thêm về Phạm Hồng Thái và tiếng bom Sa Diện** - To contribute to additional study Pham Hong Thai and bomb explosion Sa Dien - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 7-15.

3583. VĨNH SÍNH. **Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924-1925). Giới thiệu tài liệu mới phát hiện** - About connections between Phan Boi Chau and Nguyen Ai Quoc in China (1924-25). Introduction of a newly discovered documents - NCLS, 1997, số 3 (292), tr. 44-51.

3584. VONVELL (M). **Những cột mốc đặt cho một bộ môn Lịch sử. Các trạng thái tâm lý dưới thời cách mạng** - Milestoies for a history mentalities under the Revolution - NCLS, 1989, số 2 (245), tr. 6-11.

3585. VÕ KIM CƯƠNG. **Vài nét về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Cách mạng Tháng Mười** - Some features about the national liberation movement in Africa after the October Revolution - NCLS, 1977, số 6 (177), tr. 74-82.

3586. VÕ KIM CƯƠNG. **Vài nét về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc chống thực dân Bồ Đào Nha ở Môdămbích (1962-1975)** - Some features

about the national liberation struggle movement against Portuguese colonialism in Mozambia (1962-75) - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 81-88.

3587. VÕ KIM CƯƠNG. **Tìm hiểu hệ thống giáo dục phổ thông ở vùng giải phóng Môdămbích trong những năm đấu tranh vũ trang chống thực dân Bồ Đào Nha (1964-1974)** - Essay of study on the general education system of organization at the liberated zone of Mozambia during the years of armed resistance against Portuguese colonialism (1964-74) - NCLS, 1982, số 5 (206), tr. 53-58.

3588. VÕ KIM CƯƠNG. ***Việt Nam Cổ đại - vấn đề biên niên sử*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *The antique Vietnam (A matter of chronicle)* - NCLS, 1983, số 4 (211), tr. 82-86.

3589. VÕ KIM CƯƠNG. **Châu Phi và cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam** - Africa and the anti-US of resistance waged by our people - NCLS, 1985, số 2 (221), tr. 64-70.

3590. VÕ KIM CƯƠNG. **Giới thiệu cuốn *Những nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới lần thứ Hai*** - Presentation the book: "The genesis of the Second World War" - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 84-87.

3591. VÕ KIM CƯƠNG. **Vài nét về tình hình châu Phi những năm 80** - Some features about the situation of Africa in 80 years - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 60-65.

3592. VÕ KIM CƯƠNG. **Về xu hướng liên kết giữa các nước Magrép Ảrập** - About the tendency of union between the Maghrep Arabia countries - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 61-65.

3593. VÕ KIM CƯƠNG. **Sơ lược về tình hình giáo dục phổ thông ở Lai Châu từ 1976 đến nay** - Summary about the general education in Lai Chau - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 5-11.

3594. VÕ KIM CƯƠNG. ***Lịch sử Ấn Độ*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled: *The Indian histoty* - NCLS, 1996, số 5 (288), tr. 88-90.

3595. VÕ KIM CƯƠNG. **Bối cảnh lịch sử và ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga** - The Historical Context and epochal significances of the Russian October Revolution - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 21-26.

3596. VÕ KIM CƯƠNG. **Nhìn lại 300 số Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử** - A review of 300 numbers of the Journal of Historical Studies - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 19-26.

3597. VÕ KIM CƯƠNG. **Về cuộc chiến đấu giải phóng Lào Cai khỏi ách chiếm đóng của Việt Nam Quốc dân đảng (1946)** - About the fight for liberating Lao Cai from the occupying yoke of Viet Nam Quoc Dan Dang (Vietnamese national Party) in 1946 - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 32 - 37.

3598. VÕ NGUYÊN GIÁP. **Đẩy mạnh tổng kết công tác nghiên cứu và phát triển nền khoa học quân sự Việt Nam, tích cực góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược** - Pushing forward the summing up the study and the development the Vietnam military science, actively contributing to the Victory in the war against the American invaders (Speech at the Conference of army military science in September 1970) - NCLS, 1970, số 135, tr. 3-17.

3599. VÕ NGUYÊN GIÁP. **Thế giới sẽ còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn sống mãi** - The world continue to be transformed, but the Ho Chi Minh's thought still lives forever - NCLS, 1991, số 1 (254), tr. 1-8.

3600. VÕ NGUYÊN GIÁP. **Nhớ anh Trần Huy Liệu** - Tran Huy Lieu in memory - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 86-87.

3601. VÕ NGUYÊN GIÁP. **Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta** - The Dien Bien Phu Spirit Lives on Forever in Our Cause - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 3-11.

3602. VÕ NGUYÊN GIÁP. **Chiến thắng Điện Biên Phủ - Chiến thắng của truyền thống văn hóa Việt Nam** - The Dien Bien Phu Victory - The Victory of the Cultural Tradition of Vietnam - NCLS, 2004, Số 5 (336), tr. 3-4.

3603. VŨ QUÝ THU. **Một số căn cứ địa quan trọng trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX ở Thanh Hóa** - Some Important Bases of Anti - French Movement in Thanh Hoa in the Late 19th Century - NCLS, 2004, Số 1 (332), tr. 60-66.

3604. VÕ QUÝ. **Tìm hiểu Công đoàn Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ và xã hội chủ nghĩa** - Vietnamese Syndicates in the national democratic and socialist revolution / Võ Quý, Nguyễn Văn Tuyền - NCLS, 1984, số 4 (217), tr. 7-22.

3605. VÕ THỊ THU NGA. **Một số tư liệu về phong trào giáo dục cách mạng ở Phước Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (thời kỳ 1961-1969)** - Some documents on revolutionary education movement in Phuoc Thanh, Chau Thanh districts, Ben Tre province (1961-1969 period) - NCLS, 2001, số 4 (317), tr. 88-91.

3606. VÕ THỊ THU NGA. **Góp thêm tư liệu về phong trào học sinh, trí thức tiến bộ trong vùng địch tạm chiếm ở Bến Tre (1954-1975)** - More

materials contributing to the progressive intellectual and student movement in the ennemy-provisionally occupied area in Ben Tre. - NCLS, 2003, số 1 (326), tr. 84-89.

3607. VÕ VĂN NHUNG. **Chính sách nô dịch của đế quốc Mỹ và sự phá sản của nó ở châu Mỹ - Latinh** - The enslaving policy of American imperialism and its bankruptcy in Latin America - NCLS, 1962, số 34, tr. 16-23.

3608. VÕ VĂN NHUNG. **Người Thái phải chăng là người sáng lập nước Nam Chiếu?** - The Thai people were they the founder of the Nam Chieu country? - NCLS, 1963, số 46, tr. 43-46.

3609. VÕ XUÂN ĐÀN. **Tìm hiểu tư tưởng dân chủ nông dân thông qua phong trào đấu tranh của nông dân Việt Nam thời Trung đại** - To study the peasant's democratic ideology through Vietnam's Peasant Movement during the Medieval history - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 56-66.

3610. VÕ XUÂN ĐÀN. **Những vấn đề kinh tế - văn hóa trong sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông** - The Economic-Cultural Issues Presented in the School Textbooks - NCLS, 2004, Số 6 (337), tr. 70-72.

3611. VÕ XUÂN PHỔ. **Góp ý kiến về nguồn gốc truyện Thạch Sanh** - Contributing to the study about the source of "Thach Sanh" story - VSĐ, 1956, số 19, tr. 86-88.

3612. VÕ XUÂN QUẾ. **Philípphê Bỉnh và sách quốc ngữ viết tay *Nhật trình kim thư khất chính Chúa giáo*** - Philipphe Binh and the book written in national language *Nhat trinh kim thu khat chinh chua giao* - NCLS, 1998, số 3 (298), tr. 52-58.

3613. VŨ DUY MỀN. **Góp phần xác minh thành Trà Lân và Khả Lưu, Bồ Ải** - Contributing to the identification of Tra Lan, Kha Luu and Bo Ai Citadels - NCLS, 1978, số 4 (181), tr. 107-120.

3614. VŨ DUY MỀN. **Hội thề Đông Quan và những đóng góp của Nguyễn Trãi** - The Dong Quan oath Conference and the contributions of Nguyen Trai - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 44-49.

3615. VŨ DUY MỀN. **Hương ước - khoán ước trong làng xã** - Village Custum's Laws - book of common law of the village / Vũ Duy Mền, Bùi Xuân Đính - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 43-49.

3616. VŨ DUY MỀN. **Vài nét về quá trình điều chỉnh và bổ sung Hương ước Quỳnh Đôi** - Amendment to the customary's the Quynh Doi village - NCLS, 1985, số 6 (225), tr. 45-55, 82.

3617. VŨ DUY MỀN. **Vấn đề cấm đạo thời Lê-Trịnh-Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)** - The prohibition of Catholicism in the Le-Trinh-Nguyen period (17th-18th Centuries) - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 14-19.

3618. VŨ DUY MỀN. **Góp phần xác định thuật ngữ "khoán ước", "hương ước"** - Contribution about the definition of the terms of "Khoan uoc" (Contract convention) and "Huong uoc" (Village Custum's Laws) - NCLS, 1989, số 3-4 (244-245), tr. 77-83.

3619. VŨ DUY MỀN. **Một số vấn đề về làng xã thời Mạc** - Some questions on the communal villages under the Mac dynasty - NCLS, 1991, số 6 (259), tr. 22-27.

3620. VŨ DUY MỀN. **Nguồn gốc và điều kiện xuất hiện Hương ước trong làng xã ở vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ** - The origin and appearance conditions of Village Regulations in the Tonkinese Delta and Middle Region - NCLS, 1993, số 1 (266), tr. 49-57.

3621. VŨ DƯƠNG HOAN. **Vị trí của công tác lưu trữ tài liệu đối với việc nghiên cứu khoa học** - The place of record office in the scientific study work - NCLS, 1959, số 4, tr. 89-92.

3622. VŨ DƯƠNG NINH. **Vài suy nghĩ về ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với sự thức tỉnh châu Á** - Some ideas about the awakening of Asia under the influence of the October Revolution - NCLS, 1977, số 5 (176), tr. 47-54.

3623. VŨ DƯƠNG NINH. **Madagatxca, 20 năm đấu tranh vì độc lập và tiến bộ xã hội (1955-1975)** - Madagasca, twenty years of struggle for national independence and social progress (1955-1975) - NCLS, 1983, số 3 (210), tr. 78-84.

3624. VŨ DƯƠNG NINH. ***Châu Phi vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội*** **(Đọc sách)** - Reading the book: "Africa for national independence and social progress" - NCLS, 1987, số 4 (235), tr. 90-94.

3625. VŨ DƯƠNG NINH. **Việt Nam - Ấn Độ trong đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội** - Vietnam - India in the struggle for national independence and social progress - NCLS, 1987, số 5-6 (236-237), tr. 66-71.

3626. VŨ DƯƠNG NINH. ***Bác Hồ với giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam - Lịch sử và Hiện tại*** **(Đọc sách)** - Reading the book entitled: *Uncle Ho with the Vietnam working class and Trade Union. History and Present* - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 84-85.

3627. VŨ DƯƠNG NINH. **Đôi điều suy nghĩ về sử học và dự báo** - Some thoughts about history and prevision - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 15-19.

3628. VŨ DƯƠNG NINH. **Vài nét về phong trào lính thợ (ONS) Việt Nam tại Pháp (1944-1946)** - Some features in the movement of Vietnam non specialized workmen-soldiers in France from 1944 to 1946 - NCLS, 1995, số 1 (278), tr. 11-18.

3629. VŨ DƯƠNG NINH. **Hà Nội - Những tháng ngày trước cuộc Tổng khởi nghĩa (Qua nguồn tài liệu lưu trữ và báo chí đương thời)** - Hanoi, in the days before the great Insurrection (through the preserved documents and the comtemporaneous press) - NCLS, 1995, số 4 (282), tr. 30-35.

3630. VŨ DƯƠNG NINH. ***Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*** – Book Introduction: *Japan and Asia - Historical relations and socio-economic changes* - NCLS, 2003, số 6 (331), tr. 83 - 85.

3631. VŨ DƯƠNG NINH. **Hiệp định Giơnevơ 1954 - Một nấc thang trên tiến trình giải phóng dân tộc** - The Geneva Agreement - A New Process of the Struggle for National Liberation - NCLS, 2004, Số 7 (338), tr. 11-16.

3632. VŨ DƯƠNG NINH. **Chiến cuộc Điện Biên Phủ trong bối cảnh quốc tế những năm 50** - The Dien Bien Phu Battle in the International Context of the First Half of the 1950s - NCLS, 2004, Số 3 (334), tr. 22-30.

3633. VŨ ĐÌNH LỢI. **Hình thức và khuynh hướng tiến triển của gia đình mẫu hệ vùng Trường Sơn - Tây Nguyên** - The form and tendency of matriarchal family evolution in Truong Son - Tay Nguyen region - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 49-54.

3634. VŨ HÀ. **Hoạt động của Hồ Chí Minh ở Trung Quốc trong những năm 1942-1944** - Ho Chi Minh's Activities in China in 1942 - 44 - NCLS, 2003, số 3 (328), tr. 76-79.

3635. VŨ HỒNG QUÂN. **Diễn biến của chế độ sở hữu ruộng đất ở một số làng buôn tiêu biểu vùng đồng bằng Bắc Bộ (đầu thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX)** - The evolution of land - proprietorship in some presentative commercial villages in the Delta of Tonkin (from the beginning of the XIX$^{th}$ Century to the beginning of the 20$^{th}$ Century) / Vũ Hồng Quân, Nguyễn Quang Ngọc - NCLS, 1994, số 2 (273), tr. 42-48.

3636. VŨ HIỆP. **Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có hậu duệ ở Cao Ly từ thế kỷ XIV đến nay?** - Has the first laureate Mac Dinh Chi's offspring been living in Korea since the 14$^{th}$ century? - NCLS, 1996, số 2 (285), tr. 76-81.

3637. VŨ HUY PHÚC. **Vài nét về phong trào thanh toán nạn mù chữ ở Việt Nam** - Some features about the illiteracy liquidation movement in Vietnam - NCLS, 1961, số 30, tr. 33-42.

3638. VŨ HUY PHÚC. **Chính sách công điền, công thổ của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The dynasty of Nguyen's policy of feudal state rice - fields and feudal state lands in the first half of the $19^{th}$ Century- NCLS, 1964, số 62, tr. 40-53, 63.

3639. VŨ HUY PHÚC. **Chính sách công điền, công thổ ở Bắc Kỳ dưới thời Pháp thống trị** - The regime of feudal state rice - fields and feudal state lands in Tonkin under the domination of French colonialists - NCLS, 1966, số 87, tr. 26, 37; số 88, tr. 50-61.

3640. VŨ HUY PHÚC. **Vấn đề ruộng đất trong phong trào Xô viết Nghệ-Tĩnh** - The agrarian problems in the Nghe Tinh Soviet - NCLS, 1968, số 108, tr. 6-17.

3641. VŨ HUY PHÚC. **Vài ý nghĩa về giai cấp công nhân Việt Nam những năm đầu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương** - Some thinkings about the Vietnamese working class in first years under the leading of the Indochina Communist Party - NCLS, 1970, số 131, tr. 21-33.

3642. VŨ HUY PHÚC. **Thử phân loại và xác định hình thái sở hữu ruộng đất thời Lý-Trần** - To try to classify and to define the agrarian ownership forms at the period of Ly-Tran - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 23-31.

3643. VŨ HUY PHÚC. **Mấy ý kiến về chính sách nông nghiệp của Nhà nước thời Trung đại Việt Nam** - Some reflections about the agricultural policies of the State in the Middle Age of Vietnam - NCLS, 1978, số 3 (180), tr. 54-63.

3644. VŨ HUY PHÚC. **Mấy nhận xét sơ bộ về nhân vật lịch sử Nguyễn Công Trứ (1778-1858)** - Preliminary remarks about Nguyen Cong Tru's historical personage (1778-1858) - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 71-75.

3645. VŨ HUY PHÚC. **Về ruộng đất công làng xã thời Nguyễn (nửa đầu thế kỷ XIX)** - About communal rice-fields and lands under the Nguyen's dynasty - NCLS, 1981, số 4 (199), tr. 24-25.

3646. VŨ HUY PHÚC. **Những điều cần nói thêm về cuốn sách của tôi (Trả lời đồng chí Trương Hữu Quýnh)** - Some points must be cleared up more again about my proper book - NCLS, 1981, số 5 (200), tr. 80-87.

3647. VŨ HUY PHÚC. **Thái độ của thực dân Pháp đối với vấn đề ruộng đất ở Nam Kỳ vào nửa cuối thế kỷ XIX** - The attitude of the French colonialists

regarding the rice-field and land problems in Cochinchina in the second half of the 19th Century - NCLS, 1986, số 5 (230), tr. 27-38.

3648. VŨ HUY PHÚC. ***Mấy cuốn sách đáng chú ý về lịch sử Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam*** **(Đọc sách)** - *Some remarkables books on the History of Catholicism in Vietnam* (Reading the books) - NCLS, 1988, số 1-2 (238-239), tr. 108-113.

3649. VŨ HUY PHÚC. **Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam thời Cận đại (Từ góc độ di sản lịch sử)** - Vietnam small handicraft in the Modern times (From the angle of historical heritage) - NCLS, 1992, số 1 (260), tr. 3-10.

3650. VŨ HUY PHÚC. **Một vài nhận xét về năng suất ruộng đất ở miền Bắc thời kỳ 1954-1960** - Some observations about the land productivity in the North in 1954-60 Period - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 19-23.

3651. VŨ HUY PHÚC. **Vài ý kiến về nông nghiệp Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - Some opinions about the Vietnamese agricultural economy in the first half of the 19th Century - NCLS, 1993, số 6 (271), tr. 54-59.

3652. VŨ HUY PHÚC. **Đồn điền - một loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp quan trọng nửa đầu thế kỷ XIX** - The plantation - An important of agricultural production organization in the first half of the 19th Century - NCLS, 1994, số 3 (274), tr. 20-25.

3653. VŨ KIM BIÊN. **Về hồ Điển Triệt** - On the Dien Triet lake - NCLS, 1977, số 1 (172), tr. 75-78.

3654. VŨ KIM BIÊN. **Về bài *Đất Cấm Khê, căn cứ cuối cùng của nghĩa quân Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa Mê Linh năm 40-43* của ông Đình Văn Nhật** - On the article of Dinh Van Nhat: *The land of Cam Khe, the latest base of the Trung Sisters in the 40-43 Me Linh insurrection* - NCLS, 1978, số 5 (182), tr. 135-145.

3655. VŨ KIM BIÊN. **Về chiến thắng Núi Sáng và những ngày cuối cùng của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám** - The Nui Sang victory and the last days of insurgent troops Hoang Hoa Tham - NCLS, 1980, số 1 (190), tr. 76-80.

3656. VŨ LÂN. **Căn cứ vào đâu để phân định thời kỳ lịch sử văn học?** - What is the base of the periodization of the literary history? - NCLS, 1959, số 2, tr. 81-84.

3657. VŨ MINH GIANG. **Về niên đại bản *Nội các quan bản* của sách *Đại Việt Sử ký toàn thư*** - Dating of the *Dai Viet Su ky toan thu* printed from the *Noi cac quan ban* engraving - NCLS, 1988, số 5-6 (242-243), tr. 58-62.

3658. VŨ MINH GIANG. **Thử nhìn lại những cải cách kinh tế của Hồ Quý Ly** - An essay at re-examining the economical reforms of Ho Quy Ly - NCLS, 1990, số 6 (253), tr. 3-11.

3659. VŨ MINH GIANG. **Hiện đại hóa phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu - Một yêu cầu cấp bách của sử học nước ta** - The modernization of the study method and technic - An imminent requirement of our history - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 5-9.

3660. VŨ NGỌC BÌNH. **Chống nạn mù chữ ở Việt Nam** - The struggle against illiteracy in Vietnam - NCLS, 1990, số 5 (252), tr. 24-31.

3661. VŨ NGỌC KHÁNH. **Núi Chí Linh và những chi tiết chung quanh Nguyễn Trãi** - Chi Linh mountains and the details about Nguyen Trai - NCLS, 1980, số 3 (192), tr. 60-64.

3662. VŨ NGỌC KHÁNH. **Vài tia xạ ảnh từ thế kỷ X trên đất Ái Châu** - Some reflexes from Ai Chau region about the X[th] Century - NCLS, 1981, số 2 (197), tr. 41-45.

3663. VŨ NGỌC PHAN. **Người nông dân Việt Nam trong truyện cổ tích** - The Vietnamese peasant in the old story - VSĐ, 1955, số 4, tr. 25-34.

3664. VŨ NGỌC PHAN. **Những tiếng phản kháng của phụ nữ nông thôn trong dân ca Việt Nam** - The protests of country's women in the Vietnam folk song - VSĐ, 1955, số 6, tr. 38-53.

3665. VŨ NGỌC PHAN. **Mấy ý kiến về quyển *Văn học sử Việt Nam tiền bán thế kỷ XIX*** - Some remarks about the book *The Vietnam literary history in the first half of the 19[th] Century* - VSĐ, 1955, số 7, tr. 27-41.

3666. VŨ NGỌC PHAN. **Đáp lại bức thư của một bạn ở Tây Bắc** - Answering the letter of a comrade in the North-West - VSĐ, 1955, số 8, tr. 57-64.

3667. VŨ NGỌC PHAN. **Mấy ý kiến về những đặc điểm và những giai đoạn lịch sử văn học Việt Nam** - Some estimations about the particularities and phases in the Vietnam literary history - VSĐ, 1956, số 15, tr. 10-20; số 16, tr. 7-24.

3668. VŨ NGỌC PHAN. **Giới thiệu vở chèo *Trương Viên*** - Presenting the comedy *Truong Vien* - VSĐ, 1956, số 23, tr. 40-52.

3669. VŨ NGỌC PHAN. **Vài ý kiến về tính chất nhân văn của văn học dân gian Việt Nam** - Some remarks about the human character of the Vietnam popular literature - VSĐ, 1957, số 25, tr. 4-10.

3670. VŨ NGỌC PHAN. **Đáp lại một bạn về mấy điểm trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*** - Answer a comrade about some points in the book *First draft of Vietnam literary history* - VSĐ, 1958, số 42, tr. 46-53.

3671. VŨ NGỌC PHAN. **Mấy ý kiến về vấn đề văn học cổ điển Việt Nam** - Some remarks about the question of Vietnam classical literature- VSĐ, 1958, số 44, tr. 6-23.

3672. VŨ OANH. **Đổi mới việc giảng dạy về chủ nghĩa tư bản hiện đại ở trường Đại học** - Renovating the teaching on contemporary capitalism in the High Schools - NCLS, 1993, số 3 (268), tr. 44-46.

3673. VŨ OANH. **Sản xuất hàng hóa tiểu thủ công nghiệp ở Thái Bình thời kỳ 1981-1991** - The production of small handicraft commodities in the Thai Binh in period 1981-1991 / Vũ Oanh, Phạm Quốc Sử - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 24-32.

3674. VŨ PHƯƠNG. **Về phong trào vũ trang chống Pháp ở Cămpuchia cuối thế kỷ XIX** - The movement of armed struggle against the French colonialists in Kampuchea at the end of 19th Century - NCLS, 1979, số 4 (187), tr. 79-86.

3675. VŨ QUANG HIỂN. **Mấy ý kiến về công tác khai thác tài liệu lịch sử Đảng qua những nhân chứng lịch sử** - Some opinions on the question of exploitation about the Party historical documents through the historical proof witness - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 49.

3676. VŨ QUANG HIỂN. **Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng dân quân du kích và chiến tranh du kích** - Ho Chi Minh ideology on the establishment of guerrilla forces and guerrilla war - NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 3-10.

3677. VŨ QUANG HIỂN. **Phong trào đấu tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ phối hợp với chiến dịch Hòa Bình trong Đông Xuân 1951-1952** - Guerilla movement at Northern Vietnam delta co-ordinated with Hoa Binh campaign in 1951-1952 winter-spring time - NCLS, 2001, số 6 (319), tr. 18-22.

3678. VŨ THẠCH LONG. **Hai sự kiện lịch sử cần được chỉnh biên** - Two historical events needing to be corrected - NCLS, 1997, số 6 (295), tr. 87.

3679. VŨ THÁI HỒNG. **Mấy ý kiến về Trần Quốc Toản** - Some ideas about Tran Quoc Toan - NCLS, 1986, số 4 (229), tr. 48-52.

3680. VŨ THẮNG LỢI. **Báo *Le Paria* và những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo** - *Le Paria* and Nguyen Ai Quoc's articles - NCLS, 1982, số 4 (205), tr. 7-18.

3681. VŨ THỊ HÒA. **Khóan 10 và việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ở huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây** - The contract with 10 articles and the application of the science and technique to the

agricultural production in Phuc Tho district, Ha Tay province - NCLS, 1993, số 4 (269), tr. 44-47, 53.

3682. VŨ THỊ MINH HƯƠNG. **Triển lãm và hội chợ ở Hà Nội trước năm 1945** - Exhibitions and trade fairs in Hanoi before 1945 - NCLS, 2000, số 2 (309), tr. 59-66.

3683. VŨ THỊ MINH HƯƠNG. **Chợ gia súc và việc buôn bán trâu bò ở Bắc Kỳ thời kỳ 1919-1939** - Domestic animal's market and cattle's trade in Tonkin at 1919-1939 period - NCLS, 2001, số 1 (314), tr. 44-55.

3684. VŨ THỊ MINH HƯƠNG. **Các đơn vị đo lường ở Bắc Kỳ thời kỳ 1919-1939** - Measure units at Tonkin in 1919 - 1939 period - NCLS, 2002, số 1 (320), tr. 34-44.

3685. VŨ THỊ MINH HƯƠNG. **Hội chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ trước năm 1945** - The Fairs in the Provinces of Tonkin before 1945 - NCLS, 2004, Số 12 (343), tr. 28-39.

3686. VŨ THỊ PHỤNG. **Từ việc nghiên cứu lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam hiện đại đến những vấn đề thực tiễn hiện nay** - From study on the history of the Vietnam State and Law in the contemporary to the question of contemporary practice - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 49-52.

3687. VŨ THỊ PHỤNG. **Tình hình pháp luật dưới triều Hồ - Một vài nhận xét** - The situation of Law under the Ho dynasty - Some remarks - NCLS, 1992, số 5 (264), tr. 31-33.

3688. VŨ THỊ PHỤNG. **Sự khẳng định chủ quyền quốc gia của các Nhà nước quân chủ Việt Nam** - The Affirmation of National Sovereignty of Vietnamese Monarchical States - NCLS, 2004, Số 2 (333), tr. 17-25.

3689. VŨ THỌ. **Quá trình thành lập Đảng vô sản ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào?** - How was extended the process of the proletarian Party foundation in Vietnam? - NCLS, 1965, số 71, tr. 15-22.

3690. VŨ THỌ. **Từ *Đường Kách mệnh* đến *Luận cương chính trị* của Đảng Cộng sản Đông Dương** - From *The revolutionary Road* to *The political thesis of the Indochina Communist Party* - NCLS, 1965, số 72, tr. 14-19.

3691. VŨ THỌ. **Một số vấn đề lịch sử Đảng thời kỳ 1936-1939** - Some questions of Party history in the period of 1936-1939 - NCLS, 1966, số 85, tr. 3-10.

3692. VŨ TUẤN SÁN. **Góp thêm tài liệu về việc định đô Thăng Long và gốc tích Lý Thường Kiệt** - Providing new documents on the decision on the

place of the Thang Long capital and on the origin of Ly Thuong Kiet - NCLS, 1965, số 75, tr. 4-9.

3693. VŨ TUẤN SÁN. **Truyền thuyết về Thánh Gióng** - The legend on the Saint Giong (Thanh Giong) - NCLS, 1968, số 106, tr. 61-65.

3694. VŨ TUẤN SÁN. **Núi Nùng, núi Khán hay núi Sưa?** - The Nung mountain, the Khan mountain or the Sua mountain - NCLS, 1968, số 111, tr. 57-60.

3695. VŨ TUẤN SÁN. **Về hai cuộc hành quân của Nguyễn Huệ ra Thăng Long** - About the two operations of Nguyen Hue to Thang Long - NCLS, 1969, số 119, tr. 13-22.

3696. VŨ TUẤN SÁN. **Chu Văn An, thày dạy học và trí thức nổi tiếng cuối đời Trần** - Chu Van An, an outstanding teacher and intellectual (the end of the Tran dynasty) - NCLS, 1971, số 137, tr. 43-53.

3697. VŨ TUẤN SÁN. **Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng tại thủ đô Hà Nội (Qua một số di tích lịch sử)** - Historical vestiges concerning the Trung Sister's uprising in the Hanoi capital - NCLS, 1973, số 149, tr. 41-50, 59.

3698. VŨ TUẤN SÁN. ***Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*** **(Đọc sách)** - Reading the book: *Hanoi at the beginning of the 20th Century* - NCLS, 1988, số 3-4 (240-241), tr. 104-109, 111.

3699. VŨ VĂN LUÂN. **Hồ Khẩu - Một làng cổ của Thăng Long** - Ho Khau - An old village of Thang Long - NCLS, 1998, số 5 (300), tr. 69-72.

3700. VŨ VĂN LUÂN. **Nghề giấy cổ truyền phường Bưởi** - The traditional paper handicraft of Buoi village - NCLS, 2000, số 4 (311), tr. 83-87.

3701. VŨ VĂN QUÂN. **Về nguyên nhân bùng nổ của phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - About the causes of Vietnam's Peasant Movement in the first half of the XIXth century - NCLS, 1998, số 6 (301), tr. 9-14.

3702. VŨ VĂN TỈNH. **Một vài điểm xác minh về vụ ném bom ở Hà Nội năm 1913** - Some points confirming the bombardment of Hanoi in 1913- NCLS, 1965, số 72, tr. 57-60.

3703. VŨ VĂN TỈNH. **Chung quanh cái chết của cụ Phan Đình Phùng** - About the death of Phan Dinh Phung - NCLS, 1966, số 85, tr. 46.

3704. VŨ VĂN TỈNH. **Bổ sung tài liệu về Kỳ Đồng** - Completed documents on Ky Dong - NCLS, 1966, số 92, tr. 52-54.

3705. VŨ VĂN TỈNH. **Thêm một số tài liệu về Nguyễn Cao** - Some new documents on Nguyen Cao - NCLS, 1967, số 97, tr. 61-62.

3706. VŨ VĂN TỈNH. **Ngô Quyền là người Hà Tĩnh hay người Sơn Tây?** - Ngo Quyen was a native of Ha Tinh or Son Tay - NCLS, 1967, số 97, tr. 63.

3707. VŨ VĂN TỈNH. **Một chút tài liệu về lịch sử đất đai Hà Nội** - Some documents on Hanoi territory history - NCLS, 1968, số 111, tr. 53-56.

3708. VŨ VĂN TỈNH. **Một chút tài liệu về Lương Ngọc Quyến** - A few documents on Luong Ngoc Quyen - NCLS, 1969, số 128, tr. 61.

3709. VŨ VĂN TỈNH. **Những thay đổi về địa lý, hành chính các tỉnh Bắc Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc** - The changes of the Tonkinese provinces about the administrative, geography aspect under the French domination period - NCLS, 1970, số 133, tr. 43-51; số 134, tr. 53-63.

3710. VŨ VĂN TỈNH. **Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi** - King Ham Nghi's edict Calling on the struggle for support to the royalty - NCLS, 1971, số 140, tr. 54-56.

3711. VŨ VĂN TỈNH. **Những thay đổi về địa lý, hành chính các tỉnh Trung Kỳ thời Pháp thuộc** - Changes about administrative, geography of Trung Ky under French domination - NCLS, 1972, số 142, tr. 34-42; số 143, tr. 46-52.

3712. VŨ VĂN TỈNH. **Những thay đổi về địa lý, hành chính các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc** - Changes about administrative, geography of Nam Ky under French domination - NCLS, 1972, số 146, tr. 28-40.

3713. VŨ VĂN TỈNH. **Chút ít tài liệu về khu vực Đồn Thủy (Hà Nội) thời cận đại** - A few documents on the Don Thuy quarter (Hanoi) in modern time - NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 81-83.

3714. VŨ VĂN VINH. **Sự phát triển của Nho giáo thời Trần và sự đấu tranh chống Phật giáo của các Nho sĩ cuối thế kỷ XIV** - The development of Confucianism under the Tran dynasty and the Confucianists' struggle Buddhism in the late XIV century - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 41-45.

3715. VŨ XUÂN BÂN. **Hương ước làng Mỹ Lộc** - Conventions of My Loc village - NCLS, 1998, số 2 (297), tr. 81-84.

3716. VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG. **Báo cáo cụ thể về những mũi tên đồng tìm thấy ở miền Cổ Loa** - Detailed report on the coppers arrows discovered in Co Loa region - NCLS, 1959, số 8, tr. 58-66.

3717. VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG. **Tìm thấy bài thơ của Lê Lợi khắc trên mỏm đá** - Discovery of a Le Loi's poem engraved in a stone promontory - NCLS, 1965, số 73, tr. 62-63.

3718. VƯƠNG ĐÌNH QUYỀN. **Một tiềm năng sử liệu quan trọng: tài liệu lưu trữ** - The exploitation of important potential of historical documents: the archives documents - NCLS, 1991, số 5 (258), tr. 53-56.

3719. VƯƠNG HOÀNG TUYÊN. **Một vài ý kiến về nguyên nhân hình thành của Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ở Việt Nam** - Opinions about the causes of the central feudal centralized State formation in Vietnam - NCLS, 1959, số 4, tr. 59-65.

3720. VƯƠNG HOÀNG TUYÊN. **Không thể tách rời vấn đề nguồn gốc tiếng nói Việt Nam khỏi vấn đề dân tộc được** - It is impossible of separating the question of the Vietnam language origin from the ethnological question - NCLS, 1960, số 12, tr. 84-92.

3721. VƯƠNG HOÀNG TUYÊN. **Một vài ý kiến về sự manh nha của yếu tố tư bản chủ nghĩa trong xã hội phong kiến Việt Nam** - Opinions on the capitalist germs are nascent in the Vietnam feudal Society - NCLS, 1960, số 15, tr. 4-10.

3722. VƯƠNG HOÀNG TUYÊN. **Vấn đề chế độ nô lệ Việt Nam qua tài liệu dân tộc học** - The question of Vietnam slavery regime through the ethnological documents - NCLS, 1960, số 17, tr. 63-69.

3723. VƯƠNG HOÀNG TUYÊN. **Một vài tài liệu về ngôn ngữ học dân tộc góp phần vào tìm hiểu nguồn gốc người Việt** - Some ethnological language documents contributing to the research on the Viet people origin - NCLS, 1963, số 57, tr. 28-38.




3724. X. **Tìm thấy một ngôi miếu cổ bằng đá ở Gia Lâm** - Discovery of an ancient stone temple in Gia Lam - NCLS, 1963, số 49, tr. 62.

3725. X.B. **Một số tài liệu về dòng họ Nguyễn Phúc Ánh** - Some documents on the lineage of Nguyen Phuc Anh - NCLS, 1967, số 103, tr. 61-62.

3726. X.T. **Hịch của Lê Duy Mật kể tội dòng họ Trịnh** - Le Duy Mat's proclamation enumerating the crimes perpetrated by the Trinh's family- NCLS, 1968, số 108, tr. 58-59.

3727. X.T. **Những chi tiết về bài thơ của Lê Thái Tổ khắc trên vách đá ở Lai Châu** - The details from a Le Thai To's poem engraved on stone-wall at Lai Chau - NCLS, 1968, số 108, tr. 59-60.

3728. X.X. **Nói thêm về cái thống đồng hay thạp đồng phát hiện ở Yên Bái** - The completed details of the large copper vase or jar discovered in Yen Bai - NCLS, 1961, số 22, tr. 18-22.

3729. X.X. **Dư luận nước ngoài đối với bộ *Lịch sử Việt Nam*** - Opinions of foreign readers on the *History of Vietnam*"- NCLS, 1974, số 154, tr. 73-74.

3730. XAKHAROP (A.M). **Về những yêu cầu của Lê nin đối với việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử** - About the requirements of Lenin relative to the history study and teaching - NCLS, 1968, số 111, tr. 47-52.

3731. XA VIẾT LIÊN KHA. **Mấy vấn đề về Cổ đại Ấn Độ - China trong các sách sử học của giai cấp tư sản** - Some question about the Indo-China antiquity in the historical books of the bourgeoisie - VSĐ, 1956, số 21, tr. 47-84.

3732. XCADƠKIN (S.D). **Đề cập đến vấn đề sự quá độ trực tiếp chuyển sang chế độ phong kiến trên cơ sở tan rã của phương thức sản xuất công xã nguyên thủy** - An approach to the question of the immediate passage to the feudalism on the basis of the disintegration of the primitive commune mode of production / Xcadokin (S.D), Mayman (N.N) - NCLS, 1965, số 79, tr. 52-61; số 80, tr. 29-39, 46.

3733. XENIAPSKI (SL). **Cơ cấu xã hội Liên Xô trong điều kiện Chủ nghĩa xã hội phát triển (1961-1980)** - Social structure of the Soviet in the condition of the developped socialism (1961-1980) - NCLS, 1982, số 3 (204), tr. 70-79.

3734. XINKOLININ (A.T). **Vì sao cần phải học tập lịch sử?** - Why we must study history? - NCLS, 1960, số 12, tr. 47-54.

3735. XUÂN CẦU. **Chiến thắng chủ nghĩa phát xít của Liên Xô - Bước ngoặt mở đầu lịch sử Lào hiện đại** - The Soviet victory over fascism - A turning point introducing the contemporary history in Laos / Xuân Cầu, Nang Lếch - NCLS, 1985, số 3 (222), tr. 41-47, 56.

3736. XUÂN CHÚC. **Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của Phong trào không liên kết** - Some features about the formation and development process of the Non-aligned movement - NCLS, 1979, số 3 (186), tr. 68-78.

3737. XUÂN CHÚC. **Tìm hiểu vấn đề cải cách ruộng đất và cải tạo nguồn nước ở các nước Cộng hòa Xô-viết Trung Á (Liên Xô) sau Cách mạng**

**Tháng Mười Nga** - A study on the land reforms and of water sources in Central Asian Republics improvement since Russian October Revolution - NCLS, 1987, số 1-2 (232-233), tr. 110-118, 139.

3738. XUÂN NAM. **Về một số biểu hiện của chủ nghĩa chủ quan trong công tác sử học của chúng ta** - About some expressions of subjectivism in our historical work / Xuân Nam, Chử Văn Tần - NCLS, 1967, số 99, tr. 53-60.

3739. XUÂN NAM. **Cách mạng Tháng Tám trong quá trình tiến công chung của các trào lưu cách mạng trên thế giới** - The August Revolution in the process of development of the offensive position of the world revolutionary tendencies - NCLS, 1977; số 4 (175), tr. 10-18.

3740. XUÂN NAM. **Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tại các nước vùng biển Ban tích năm 1940** - Victory of the socialist revolution in the Baltic sea countries in 1940 - NCLS, 1980, số 4 (193), tr. 72-76.

3741. XUÂN NAM. **Vài nét về trí thức và quá trình cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thế kỷ XX** - Some features about the Vietnamese intelligentsia about the process of the national liberation revolution and of the socialist revolution in Vietnam at the 20th Century - NCLS, 1982, số 1 (202), tr. 50-55.

3742. XUÂN NAM. **Bản chất, mục tiêu, thủ đoạn của chủ nghĩa bành trướng Bắc Kinh và thất bại thảm hại đầu tiên của nó ở Việt Nam** - The nature, objective and tricks of Peking expansionism and its first ignominions defeat in Vietnam - NCLS, 1984, số 3 (216), tr. 9-14.

3743. XUÂN TÙNG. **Cuộc chiến tranh Nga-Phổ (1877-1878) và sự nghiệp giải phóng dân tộc Bungari mùa Xuân 1878** - The Russian-Turk war (1877-1878) and the work of national liberation of Bulgaria on Spring 1878 - NCLS, 1978, số 2 (179), tr. 41-48.




3744. YAO TAKAO. **Khảo sát về niên hiệu vua Lê Nhân Tông: "Đại Hòa" chứ không phải "Thái Hòa"** - Research on the dynastic title of the King Le Nhan Tong: "Dai Hoa" but not "Thai Hoa" - NCLS, 1996, số 4 (287), tr. 47-53.

3745. YAXUNBSKY (V.K). **Những phương pháp nghiên cứu khoa học của V.I.Lênin trong các tác phẩm về lịch sử, kinh tế, xã hội** - The scientific study methods of V.I.Lenin in the historical, economical, social books - NCLS, 1962, số 43, tr. 59-62; số 44, tr. 52-59, 64.

3746. YU INSUN. **Cấu trúc của làng xã Việt Nam ở đồng bằng Bắc Bộ và mối quan hệ của nó với nhà nước thời Lê** - The structure of Vietnam's village in Northern Delta and its relation with the state under the Le dynasty- NCLS, 2000, số 3 (310), tr. 22-35; số 4 (311), tr. 69-78.

3747. ZARTREP (I). **Vai trò của liên minh công nông trong thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở Bungari** - The role of worker and peasant alliance in the victory of the socialist revolution and of the consolidation the democratic and people's power in Bulgaria - NCLS, 1987, số 1 (232-233), tr. 127-139.

## PHẦN KHÔNG CÓ TÊN TÁC GIẢ
### *(XẾP THEO THỨ TỰ A, B, C TÊN BÀI)*

3748. **Bàn về việc áp dụng học thuyết Mác-Lênin một cách sáng tạo vào việc nghiên cứu vấn đề phương Đông** - Discussion about the creative application of the Marxism-Leninism of studying the Oriental question - NCLS, 1959, số 8, tr. 67-82.

3749. **Bàn về việc nghiên cứu vấn đề Cách mạng Tháng Mười vĩ đại và các dân tộc phương Đông** - Discussion about the study of the problems of the Great October Revolution and the Oriental nations - NCLS, 1960, số 20, tr. 59-62.

3750. **Bản dự thảo Điều lệ Hội những người công tác sử học Việt Nam** - A statute project of the Vietnam historical workers Association - NCLS, 1965, số 79, tr. 63-64.

3751. **Bộ tộc hay dân tộc? Dịch danh từ "Dân tộc" phải thế nào cho đúng?** - Tribe or nation? How translating justly the term "nation"? - NCLS, 1962, số 44, tr. 29-30.

3752. **Có phải đây là bài *Lưu Cầu huyết lệ tân thư* của Phan Bội Châu không?** - Is there article of Phan Boi Chau: *Luu Cau huyet le tan thu*? - VSĐ, 1957, số 33, tr. 68-73.

3753. **Chú trọng và tăng cường nghiên cứu lý luận sử học (Suy nghĩ về nền sử học Trung Quốc bước vào thế kỷ XXI như thế nào)** - Focusing on and promoting research on historical theory (Some thoughts on how the Chinese historical studies is moving to the 21st century - NCLS, 2000, số 1 (308), tr. 79-82.

3754. ***Dân dậy*** - *Dan day* (the people's uprising) - NCLS, 1999, số 2 (303), tr. 66-67.

3755. **Duy vật lịch sử là cơ sở lý luận của khoa học lịch sử** - The historical materialism is the theorical base of the historical science - VSĐ, 1955, số 6, tr. 67-69.

3756. **Đạo Hồi ở Đông Dương** - Islam in Indochina - NCLS, 1998, số 1 (296), tr. 77-82; 1999, số 1 (302), tr. 79-83.

3757. **Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XX và vấn đề nghiên cứu lịch sử Đảng** - The 20nd Congress of the Soviet Union Communist Party and the question of Party History study - VSĐ, 1956, số 22, tr. 31-44.

3758. **Đề án thành lập Hội những người công tác sử học Việt Nam** - The Vietnam historical workers Association's foundation project - NCLS, 1965, số 79, tr. 1-4.

3759. **Địa lý lịch sử** - Historical geography - VSĐ, 1955, số 5, tr. 46-47.

3760. **Góp ý kiến vào việc phiên âm địa danh** - Exchange of opinion about the phonetic transcription of the place names - VSĐ, 1955, số 10, tr. 69-72.

3761. **Kỷ niệm Lê Văn Hưu, một sử gia đầu tiên của Việt Nam** - Anniversary of Le Van Huu, the Vietnam first historian - NCLS, 1959, số 1, tr. 3-7.

3762. **Lịch sử là gì?** - What is history? - VSĐ, 1955, số 5, tr. 60-61.

3763. **Lỗ Tấn và sử cận đại Trung Quốc** - Lou Tsin and China Modern history - VSĐ, 1954, số 3, tr. 55-57.

3764. **Mấy đoạn trong sách *Binh thư yếu lược*** - Some passages the book: *Binh thu yeu luoc* (Military book summary) - NCLS, 1968, số 114, tr. 26-31.

3765. **Một đoạn của sách** ***Lam Sơn thực lục*** - An excerpt from *Lam son thuc luc* - NCLS, 1968, số 106, tr. 19-23.

3766. **Một gương cải tạo dũng cảm: Lê Khiết** - A courageous example of reformation: Le Khiet - VSĐ, 1958, số 44, tr. 87-88.

3767. **Một số tài liệu về vấn đề ruộng đất thời Quang Trung** - Some documents about the agrarian question under the time of Quang Trung- VSĐ, 1956, số 14, tr. 75-77.

3768. **Một vài tư liệu về tín ngưỡng của người Việt Nam ở thế kỷ XIX qua một số thư của Giáo sĩ phương Tây** - Some documents about beliefs of Vietnamese people in 19th century through several letters by Western Missionaries - NCLS, 1997, số 2 (291), tr. 64-70; số 5 (294), tr. 71-74.

3769. **Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về vấn đề kết quả sửa sai Cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức** - The Cabinet's decision on the resultats of the correction on the errors in the agrarian reform and in the reorganization - VSĐ, 1956, số 42, tr. 1-2.

3770. **Nhà sử học Anna Pancratôva** - Historian Anna Pankratova- VSĐ, 1954, số 2, tr. 77-78.

3771. **Những nhà công tác địa lý Trung Quốc phản đối luận điệu xảo trá của bọn hữu phái** - The Chinese geographers oppose to the artful arguments of the rightists - VSĐ, 1958, số 41, tr. 37-42.

3772. **Những nhận định khác nhau về vai trò Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ đen** - The different estimations on the role of Luu Vinh Phuc and the Black flag troops - NCLS, 1962, số 41, tr. 8-22.

3773. **Tài liệu tham khảo kinh điển** - Classic documents of reference- NCLS, 1960, số 11 đến số 15.

3774. **Thư mục của Trần Huy Liệu** - Bibliography of Tran Huy Lieu- NCLS, 1969, số 125, tr. 21-23.

3775. **Tiểu sử đồng chí Trần Huy Liệu** - Biography of comrade Tran Huy Lieu - NCLS, 1969, số 125, tr. 1-2.

3776. **Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh** - Abridged biography of the President Ho Chi Minh - NCLS, 1969, số 126, tr. 8-10.

3777. **Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Tôn Đức Thắng** - Abridged biography of the Vietnam Democratic Republic President Ton Duc Thang - NCLS, 1969, số 127, tr. 2-3.

3778. **Tiểu sử tóm tắt của Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Lương Bằng** - Abridged biography of the Vietnam Democratic Republic Vice-President Nguyen Luong Bang - NCLS, 1969, số 127, tr. 3.

3779. **Trích báo cáo của Ban Trù bị thành lập Ủy ban Khoa học Nhà nước** - Excerpt from the Preparation Committee's Report for the State Sciences Committee foundation - VSĐ, 1958, số 47, tr. 1-14.

3780. **Vấn đề quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa phong kiến** - The question of the feudalism fundamental economical law - VSĐ, 1955, số 6, tr. 65-66.

3781. **Vấn đề thời kỳ trong lịch sử Việt Nam** - The question of the priodization of the Vietnam history - VSĐ, 1955, số 5, tr. 62-67.

3782. **Vương quốc An Nam trong ba thập kỷ đầu thế kỷ XIX (Qua nhận xét của người nước ngoài)** - The Annam Kingdom in the first three decades of the $19^{th}$ century (According to the foreigners' interpretations) - NCLS, 1999, số 5 (306), tr. 72-78; số 6 (307), tr. 85-90.

## PHẦN THỨ HAI

# PHÂN LOẠI CÁC VẤN ĐỀ

# MỤC LỤC PHÂN LOẠI

## I . KHOA HỌC LỊCH SỬ



## II. CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN - ĐẢNG CỘNG SẢN



## III. LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI

2. Bàn về vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam

3. Thời đại Hùng Vương

4. Nguồn gốc hình thành dân tộc và thống nhất dân tộc

5. Chế độ quân chủ ở Việt Nam

   a. Vấn đề chung

   b. Thời kỳ xây dựng quốc gia độc lập tự chủ (Ngô - Đinh - tiền Lê)

   c. Triều Lý

   d. Triều Trần

   e. Triều Hồ

   f. Triều Lê sơ

   g. Triều Mạc

   h. Vua Lê - Chúa Trịnh

   i. Chúa Trịnh - Chúa Nguyễn

   j. Triều Tây Sơn

   k. Triều Nguyễn

   l. Phong trào nông dân và các cuộc khởi nghĩa nông dân

      - Trước triều Nguyễn

      - Triều Nguyễn

      - Thời Cận đại

6. Thời kỳ Pháp thuộc

   Mặt trận dân tộc

7. Thời kỳ hiện đại

   a. Cách mạng Tháng Tám

   b. Tổng tuyển cử đầu tiên và xây dựng chính quyền cách mạng

   c. Mặt trận dân tộc thống nhất

   d. Hiệp định Genève

   e. Ngoại giao

   f. Hoạt động ngoại giao của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam

   g. Xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở miền Bắc

   h. Hiệp định Paris

   i. Thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

j. Chính quyền miền Nam Việt Nam

k. Giai đoạn từ năm 1975 đến nay

## IV. KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM

1. Thời kỳ Cổ - Trung đại

   a. Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938) và kháng chiến chống Tống

   b. Kháng chiến chống Mông - Nguyên và trận Bạch Đằng năm 1288

   c. Kháng chiến chống Minh

   d. Kháng chiến chống Xiêm

   e. Kháng chiến chống Thanh

2. Thời Cận đại

   a. Phong trào Cần Vương

   b. Các phong trào chống Pháp khác

   - Các tổ chức yêu nước và phong trào chống đế quốc phong kiến
   - Đông Kinh Nghĩa Thục
   - Thời kỳ vận động dân chủ (1936-1939)
   - Nam Kỳ khởi nghĩa

3. Thời Hiện đại

   a. Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

   - Chiến dịch Điện Biên Phủ

   b. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

   - Phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam Việt Nam.
   - Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân
   - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử
   - Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc
   - Chính sách của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam
   - Thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược
   - Các cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam
   - Chiến tranh nhân dân
   - Truyền thống văn hóa và chủ nghĩa anh hùng cách mạng

## V. KINH TẾ

1. Nông nghiệp

a. Ruộng đất

- Cổ - Trung đại
- Thời Nguyễn
- Thời Pháp thuộc
- Thời Hiện đại

Vấn đề chung

Cải cách ruộng đất

Hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc

Hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam

Ruộng đất và sử dụng đất đai hiện nay

b. Nông dân, nông nghiệp, nông thôn

- Cổ - Trung đại:
- Triều Nguyễn
- Cận đại
- Hiện đại
- Đê điều thuỷ lợi

2. Tiểu thủ công nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp

- Cổ - Trung đại
- Thời Nguyễn
- Cận đại

Đồn điền

Mỏ than

- Hiện đại

## VI. CÁC GIAI TẦNG XÃ HỘI

1. Trước năm 1945

a. Giai cấp công nhân

b. Giai cấp tư sản, tiểu tư sản

2. Từ sau năm 1945 đến 1975

a. Giai cấp công nhân

Ở miền Nam Việt Nam

3. Sau năm 1975

Giai cấp công nhân

4. Các giai tầng xã hội khác

Trí thức

Phụ nữ

Thanh niên, học sinh, sinh viên

Giai cấp nông dân miền Bắc (1965-1975)

## VII. LỊCH SỬ VĂN HÓA - VĂN MINH VIỆT NAM

1. Văn hóa - văn minh Việt Nam
   a. Xã hội cổ truyền Việt Nam
   b. Làng xã, làng nghề người Việt
   c. Phong tục, truyền thống
   d. Di sản
   e. Hương ước
2. Vương quốc cổ, thành cổ, đô thị cổ, phố cổ
   - Phù Nam
   - Champa - Chiêm Thành
   - Cổ Loa
   - Phú Xuân
   - Thành Thăng Long
   - Phố Hiến
   - Hội An
   - Thanh Hà
   - Thành Quèn
   - Tây Đô (Thành nhà Hồ)
   - Mê Linh, Dền, Vượn
   - Thành Hồ
   - Thành Long Biên
   - Thành cổ làng Chiềng
   - Thành nhà Ngo
   - Thành Khu Túc
   - Thành Lồi
   - Hoa Lư
   - Đô thị cổ khác

3. Tôn giáo, tín ngưỡng

a. Những vấn đề chung

b. Nho giáo

c. Thiên Chúa giáo

- Thời kỳ quân chủ
- Thời kỳ thuộc Pháp
- Giai đoạn 1945 - 1975
- Giai đoạn 1975 đến nay

d. Phật giáo

- Thời kỳ quân chủ
- Thời kỳ thuộc Pháp
- Giai đoạn 1945 - 1975

e. Đạo Tin lành

f. Đạo Hòa Hảo, Cao Đài

g. Đạo Islam

h. Các tôn giáo, tín ngưỡng khác

4. Giáo dục

- Thời kỳ quân chủ

  Quốc Tử Giám

- Thời kỳ Pháp thuộc
- Giai đoạn sau năm 1945

5. Báo chí

6. Y học

7. Lịch

8. Kiến trúc, Mỹ thuật

9. Giao thông, Thông tin liên lạc

10. Tiền tệ

11. Tri thức khoa học kỹ thuật

12. Luật pháp

13. Dân số

## VIII . KHẢO CỔ HỌC

1. Những vấn đề chung

   Đồ gốm sứ

   Trống đồng

Mũi tên đồng Cổ Loa

Xã hội nguyên thủy

Xã hội cổ đại

Nước Văn Lang - Âu Lạc

2. Phương pháp mới khảo cổ học

3. Những phát hiện mới

4. Các nền văn hóa

a. Văn hóa Đông Sơn

b. Văn hóa Hòa Bình

c. Văn hóa Phùng Nguyên

## IX. DÂN TỘC HỌC

1. Lý luận chung

2. Công tác dân tộc học

3. Các dân tộc ít người ở miền Bắc Việt Nam

Vấn đề chung

Người Thái

Tày

Mường

Nùng

Dao

Mán

Mông

Cao Lan

Khơ Mú

La Hủ

Xi La

Pu Péo

Phù Lá

4. Các dân tộc ít người ở miền Trung, Tây Nguyên và Trường Sơn

5. Các dân tộc ít người ở Nam Bộ

## X. ĐỊA LÝ HỌC

1. Lý luận chung
2. Địa danh và bản đồ
3. Khí hậu
4. Thủy triều
5. Tài nguyên

## XI. VĂN HỌC

1. Lý luận chung
2. Lịch sử Văn học Việt Nam
3. Lý luận ngôn ngữ
4. Tiếng Việt và chữ viết
5. Ca dao, cổ tích
6. Chữ Nôm
8. Hát chèo
9. Tác phẩm, tác gia văn học
    - Chinh phụ ngâm
    - Truyện Kiều
    - Trê cóc
    - Quốc âm thi tập
    - Nhị độ mai
    - Thánh Gióng
    - Thạch Sanh
    - Sãi vãi
    - Vè thất thủ Kinh đô
    - Thằng bờm
    - Trinh Thử
    - Hạnh thục ca
    - Hà Thành chính khí ca
    - Truyện Trạng Quỳnh
    - Quan Âm Thị Kính
    - Truyền kỳ mạn lục
    - Phú tụng Tây Hồ

Lục súc tranh công
Tú Xương
Bà huyện Thanh Quan
Về cuốn Tiếng cười dân gian
Việt ngữ nghiên cứu
Phan Khôi
Phạm Công Cúc Hoa
Phạm Tải Ngọc Hoa
Bài ngoại liệt truyện
Tống Trân Cúc Hoa
Chử Đồng Tử
Tự lực văn đoàn
Gia huấn ca
Tang lệ hải đàm
Tấm Cám
Thập giới cô hồn
Văn học trào phúng
Phê phán: Báo Nhân văn
Trương Tửu
Hồ Xuân Hương
Vũ Trọng Phụng

## XII. NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Anna Pancratova
Ấu Triệu
Bùi Quốc Hưng
Cao Bá Quát
Cao Thắng
Cao Xuân Dục
Cầm Bá Thước
Châu Văn Liêm
Chu Văn An
Cường Để

Đoàn Thị Ngọc
Đào Công Bửu
Đào Duy Anh
Đào Duy Từ
Đào Trực
Đặng Huy Trứ
Đặng Trần Thường
Đặng Thúc Hứa
Đặng Tiến Đông
Đặng Xuân Bảng
Đinh Công Tráng
Đỗ Quang
Đốc Ngữ
Đốc Tích
Francisco de Pina
Hà Huy Tập
Hà Văn Mao
Hai Bà Trưng
Hoàng Công Chất
Hoàng Diệu
Hoàng Hoa Thám (Đề Thám)
Hoàng Văn Thụ
Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Tất Thành)
Hồ Bá Ôn
Hồ Quý Ly
Huỳnh Thúc Kháng
Indira Gandhi
Lê Công Chánh
Lê Đức Thọ
Lê Hoàn (Lê Đại Hành)
Lê Hồng Phong
Lê Hồng Sơn
Lê Khiết

Lê Lai
Lê Lợi
Lê Niệm
Lê Quang Quyền
Lê Phụng Hiểu
Lê Quý Đôn
Lê Trà
Lê Văn Hưu
Lê Văn Khôi
Lương Khải Siêu
Lương Ngọc Quyến
Lương Thế Vinh
Lưu Nhân Chú
Lưu Khánh Đàm
Lưu  Vĩnh Phúc
Lý Bí
Lý Công Uẩn
Lý Thường Kiệt
Mạc Cảnh Huống
Mạc Đĩnh Chi
Mạc Thiên Tích
M. Gandhi
Mai Thúc Loan
Ngọc Hân công chúa
Ngô Gia Tự
Ngô Quyền
Ngô Thì Nhậm
Ngô Văn Sở
Trúc Khê Ngô Văn Triện
Nguyễn An Ninh
Nguyễn Bỉnh Khiêm
Nguyễn Cao
Nguyễn Chích

Nguyễn Công Trứ
Nguyễn Doãn Cử
Nguyễn Du
Nguyễn Duy Hinh
Nguyễn Đình Chiểu
Nguyễn Đức Cảnh
Nguyễn Hoàng
Nguyễn Hữu Cầu
Nguyễn Hữu Chỉnh
Nguyễn Huệ (Quang Trung)
Nguyễn Lộ Trạch
Nguyễn Lương Bằng
Nguyễn Mậu Kiến
Nguyễn Thị Minh Khai
Nguyễn Thái Học
Nguyễn Thông
Nguyễn Thiếp
Nguyễn Trãi
Nguyễn  Trung Trực
Nguyễn Trường Tộ
Nguyễn Tư Giản
Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm
Nguyễn Văn Cừ
Nguyễn Văn Vĩnh
Nông Văn Vân
Phạm Hồng Thái
Phạm Quỳnh
Phạm Phú Thứ
Phạm Thận Duật
Phạm Văn Nghị
Phan Bá Vành
Phan Bội Châu
Phan Chu Trinh

Phan Đăng Lưu
Phan Đình Phùng
Phan Huy Chú
Phan Kính
Phan Phu Tiên
Phan Thanh Giản
Phan Trung
Phan Văn Lân
Phan Văn Trường
Phùng Khắc Khoan
Sĩ Nhiếp
Tăng Bạt Hổ
Tôn Đức Thắng
Tôn Quang Phiệt
Tôn Thất Thuyết
Tôn Trung Sơn
Tống Duy Tân
Trần Huy Liệu
Trần Kỳ Phong
Trần Quốc Tuấn
Trần Phú
Trần Quốc Toản
Trần Quý Cáp
Trần Tấn
Trịnh Hoài Đức
Trương Hán Siêu
Trương Định
Trương Vĩnh Ký
Trường Chinh
Tuệ Tĩnh
Tuệ Trung Thượng Sĩ
Võ Duy Dương
Vũ Phạm Khải
Vũ Văn Dũng

## XIII. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

1. Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội
2. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh
3. Hải Phòng, Quảng Yên
4. Các tỉnh phía Bắc
    - Lai Châu - Điện Biên
    - Các tỉnh Việt Bắc
    - Cao Bằng
    - Sơn La
    - Yên Bái
    - Tuyên Quang
    - Hòa Bình
    - Hà Bắc, Bắc Ninh, Bắc Giang
    - Vĩnh Phúc, Phú Thọ
    - Hà Tây
    - Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình
    - Hải Hưng, Hưng Yên
    - Thái Bình
    - Thanh Hóa
5. Nghệ An - Hà Tĩnh
6. Quảng Bình, Quảng Trị
7. Huế, Thuận Hóa
8. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng
9. Bình Định - Phú Yên
10. Các tỉnh Tây Nguyên
    - Gia Lai - Kon Tum
11. Các tỉnh Nam Bộ
    - Bà Rịa - Vũng Tàu
    - Hà Tiên
    - Tiền Giang

## XIV. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

1. Những vấn đề chung
    - Nguồn gốc loài người

Phân kỳ lịch sử thế giới

Lịch sử Cổ - Trung đại

Quy luật kinh tế của chế độ phong kiến

Chiến tranh thế giới lần thứ Hai

Chuyên chính vô sản

Phong trào giải phóng dân tộc

2. Các quốc gia châu Á.

Các nước Đông Nam Á (Lịch sử, văn hóa, quan hệ quốc tế)

Ba nước Đông Dương

Lào

Thái Lan

Quan hệ Việt Nam -Thái Lan

Myanma

Inđônêxia

Các nước Trung Cận Đông và Nam Á

Các nước Arập

Palétxtin

Ấn Độ và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ

Apganixtan

Iran

Trung Quốc

Lịch sử Trung Quốc

Cách mạng Trung Quốc

Sử học Trung Quốc

Người Hoa ở Việt Nam

Quan hệ Trung - Việt

Nhật Bản

Lịch sử Nhật Bản

Quan hệ Việt- Nhật

Vương quốc cổ Ryukyu

Triều Tiên
Hàn Quốc

2. Các nước Châu Phi
Các nước Á-Phi
Angiêri
Êtiôpia
Mađagátca
Môdămbích
Nam Phi

3. Các nước châu Âu
Liên xô (Lịch sử, văn hóa, chính sách đối ngoại)
Về chủ nghĩa Lênin
Về Cách mạng Tháng Mười
Quan hệ Việt - Xô
Pháp
Về Cách mạng Pháp
Quan hệ Pháp - Việt
Bungari
Đức
Ba Lan
Anbani
Hunggari
Rumani

4. Các nước châu Mỹ
Cu Ba
Dimbabuê
Nicaragoa
Hoa Kỳ
Vênêduêla

5. Australia - Đông Dương

# I . KHOA HỌC LỊCH SỬ

## 1. Vấn đề chung



## 2. Chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận sử học



## 3. Tính Đảng trong khoa học lịch sử



## 4. Phương pháp luận sử học

**5. Phân kỳ lịch sử**

Cổ - Trung đại



Cận - Hiện đại



**6. Công tác nghiên cứu lịch sử**



**7. Sách giáo khoa lịch sử**

**8. Công tác giảng dạy lịch sử**

33 99 288 373 376 394 433 436 464 637
1072 1220 1356 1442 1638 1848 2056 2156 2169 2355
2535 2540 2541 2542 2548 2720 2794 2846 2847 3005
3126 3127 3206 3273 3440 3593 3730 838 3120

**9. Lịch sử địa phương và chuyên ngành**

202 1090 1646 1744 1819 2765 2769 2948 2951 2955
2923 3320 3389 3400 376 1646

**10. Các bộ sử Việt Nam**

28 133 138 201 278 280 350 545 565 769
847 1139 1322 1922 1974 2080 2090 2291 2301 2339
2402 2442 2482 2530 2597 2624 2657 2701 2720 2722
2746 2802 2844 2868 2876 2897 2914 3075 3076 3109
3144 3145 3147 3149 3153 3156 3157 3223 3250 3286
3287 3288 3309 3348 3350 3448 3481 3484 3487 3497
3498 3499 3501 3513 3520 3588 3729 3764 3765

Bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư*:

116 221 1139 1384 1526 1608 1955 1970 1995
2395 2455 2496 2500 2841 3065 3143 3522 3565

**11. Các cơ quan khoa học xã hội**

***a. Ban nghiên cứu Văn Sử Địa và Tập san Văn Sử Địa***

25 26 35 2699 2906 2915 2924 3306 3414 3574

***b. Ủy ban KHXH - Viện KHXH - Trung tâm KHXH& NVQG***

24 611 3779

***c. Viện Sử học***

196 1574 1763 2871 2874 2946 2973 2974 3101 3321
3393 3437

*d. Tập san Văn Sử Địa - Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*

180 1114 1517 2557 2659 2682 2686 2709 3363 3387
3433 3574 3596

*e. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam*

23 2471 2998 3373 3421 3750 3758

## II. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - ĐẢNG CỘNG SẢN

### 1. Chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam

179 270 318 378 688 1379 1684 1731 1738 2418
2705 2751 778 3211 3390 3402

### 2. Đảng Cộng sản Việt Nam

16 55 688 747 840 933 1080 1154 1195 1353
1537 1683 1844 1845 2017 2182 2658 2668 2698 2750
2768 2904 2936 2940 2945 2975 2985 3170 3214 2920
2934 3385 3405 3486 3580 3641 3689 3690 3691

## III. LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

### 1. Phương thức sản xuất châu Á

1073 1499 1689 1821 1826 3337

### 2. Bàn về vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam

204 351 381 382 1136 1272 1289 1320 1359 1580
1586 1597 1606 1615 1623 1767 1805 1806 1807 1815
1816 2309 2479 2606 2656 3074 3234 3310 3488 3489
3490 3722

### 3. Thời đại Hùng Vương

462 501 503 504 805 832 1009 1159 1160 1166
1179 1180 1181 1182 1600 1681 1779 1790 1791 1793
1798 2492 2887 2909 3335 3525 3535 3693

*g. Triều Mạc*

132 463 603 667 950 522 1708 1781 1837 2835
3118 3292 3449 3619

*h. Vua Lê - Chúa Trịnh*

870 1522 2885 3124 3122 3726

*i. Chúa Trịnh - Chúa Nguyễn*

943 3125

*j. Triều Tây Sơn*

30 100 106 227 291 315 586 587 589 592
593 613 640 657 662 680 693 718 720 749
773 783 809 957 097 1117 1120 1140 1187 1331
1363 1432 1494 1509 1531 1584 1604 1616 1620 1628
1633 1873 1874 1884 2327 2480 2489 2501 2533 2671
2700 2723 2786 2907 3116 3142 3178 3253 3262 3308
3334 3514 3540 3767

*k. Triều Nguyễn*

207 558 590 681 763 1188 1313 1512 1532 1536
1569 1838 1877 1879 1880 1881 1887 1888 1891 1913
2015 2208 2328 2711 2717 2729 2862 2863 3123 3162
3164 3165 3300 3301 3523 3725

*l. Phong trào nông dân và các cuộc khởi nghĩa nông dân*

- Trước triều Nguyễn

313 314 815 1316 1456 1516 1589 1594 1595 1596
1625 1760 1761 1785 1873 1875 1878 1883 1885 1887
1888 1889 1891 1896 1900 1901 1904 1905 1906 2006
1326 2400 2403 2480 2489 2678 3226 3227 3233 3237
3238 3518

- Triều Nguyễn

225 308 405 423 524 771 772 774 777 778
780 786 815 1459 1467 1516 1882 1883 1885 1887

1888 1890 1891 1892 1895 1896 1897 1898 1899 1900
1901 1904 1905 1906 2005 3139 3247

- Thời Cận đại

528 548 744 786 1059 1333 1450 1470 1656 1712
1989 2128 2268 2546 2627 2807

## 6. Thời kỳ Pháp thuộc

324 325 327 380 493 534 535 536 537 538
539 540 541 542 544 547 548 551 552 554
555 556 557 558 559 563 580 575 1404 1409
1425 1426 1474 1482 1749 1920 2000 2025 2122 2372
2373 2594 2748 2767 2849 3170 3176 3201 3354 3417
3647

Mặt trận dân tộc

1991 1995 2178 2573

## 7. Thời kỳ hiện đại

### *a. Cách mạng Tháng Tám*

8 56 62 84 190 213 342 369 447 743
813 821 841 1078 1091 1092 1148 1335 1476 1480
1688 1729 2019 2026 2163 2248 2332 2353 2374 2419
2639 2660 2766 2808 2848 2900 2912 2920 2942 2943
2957 2979 2990 3002 3020 3040 3041 3173 3183 3341
3355 3365 3366 3369 3370 3453 3553 3739

### *b. Tổng tuyển cử đầu tiên và xây dựng chính quyền cách mạng*

24 197 926 1082 2687 2823 2824 2825 2932 3381
3406 3418 3424 3686

### *c. Mặt trận dân tộc thống nhất*

72 176 627 798 825 858 1075 1265 1366 1449
1554 1670 1703 1982 2057 2106 2164 2343 2354 2636
2685 2690 2942 3355 3357 3438 3641

*d. Hiệp định Genève*

857 993 1046 1437 3631

*e. Ngoại giao*

1233 1234 1235 1706 1983 2033 2437 2639 2981 3035 3458

*f. Hoạt động ngoại giao của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam*

1705 3018 3343

*g. Xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở miền Bắc*

24 465 466 1486 1669 2322 2706 3055 3379 3380 3415 3424 3429

*h. Hiệp định Paris*

393 1233

*i. Thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc*

933 978 2316 2322 2600 2706 2846 2928 3429 3430

*j. Chính quyền miền Nam Việt Nam*

165 166 173 174 483 755 1112 1263 1373 1477 1481 2243 2244 2390 2631 2632 2633 2634 2635 2813 2865 2972 3070

*k. Giai đoạn từ năm 1975 đến nay*

84 134 197 2439 2440 2601 2708 3058 3426

## IV. KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM

**1 Thời kỳ Cổ - Trung đại**

1834 1847 2135 2151

*a. Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938) và kháng chiến chống Tống*

1247 1346 1867 2150 2451 2494 2511 3336 3407

*b. Kháng chiến chống Mông - Nguyên và trận Bạch Đằng năm 1288*

237 354 819 918 1108 1186 1294 1364 1692 1830
1836 1753 1864 1991 2147 2148 2287 2361 2605 2653
2880 2964 3077 3256 3295 3515 3528 3533 3557

*c. Kháng chiến chống Minh*

337 388 723 994 1087 1344 1345 1511 1545 1559
1560 1831 1837 2149 2400 2403 2405 2453 2485 2486
2489 2513 2787 2855 3245 3256 3613 3614 3480 3576

*d. Kháng chiến chống Xiêm*

439 1432 1866 1902 2498 2514 3333 3512

*e. Kháng chiến chống Thanh*

106 587 1140 1504 1756 1803 1866 1902 1964 1971
2152 2269 2285 2416 2484 2487 2488 2498 2514 2657
2718 2724 2726 2927 3088 3243 3333 3395 3512 3514
3534 3558 3563

**2. Thời Cận đại**

*a. Phong trào Cần Vương*

51 52 230 231 242 269 271 326 387 400
401 402 403 404 405 406 407 408 409 410
412 414 415 416 417 423 425 444 454 516
517 520 521 523 528 533 534 535 537 538
539 540 541 547 548 554 556 557 562 563
568 580 590 591 689 742 744 842 843 966
967 1025 1026 1098 1126 1137 1157 1158 1215 1286
1288 1405 1410 1459 1607 1672 1700 1752 1890 1893
1894 1910 1918 1996 2003 2179 2183 2206 2288 2290
2527 2566 2567 2568 2579 2719 2759 2760 2761 2770
2780 2908 2929 3029 3054 3195 3196 3198 3326 3655
3710 3185 3197 3603

*b. Các phong trào chống Pháp khác*

- Các tổ chức yêu nước và phong trào chống đế quốc phong kiến

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 129 | 403 | 485 | 488 | 489 | 493 | 528 | 570 | 563 | 583 |
| 1204 | 1428 | 1429 | 1484 | 1488 | 1609 | 1656 | 1701 | 1712 | 1786 |
| 1912 | 1918 | 1987 | 1988 | 1989 | 2030 | 2031 | 2044 | 2128 | 2145 |
| 2181 | 2187 | 2202 | 2206 | 2237 | 2249 | 2263 | 2267 | 2268 | 2343 |
| 2381 | 2598 | 2677 | 2679 | 2820 | 2849 | 2859 | 2894 | 2898 | 2903 |
| 2926 | 3063 | 3071 | 3169 | 3194 | 3212 | 3461 | 3462 | 3578 | 3702 |

- Đông Kinh Nghĩa Thục

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 277 | 395 | 448 | 892 | 1420 | 1448 | 2034 | 2181 | 2202 | 2212 |
| 2820 | 2903 | 3063 | 3461 | | | | | | |

- Xô viết Nghệ - Tĩnh

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 484 | 922 | 1193 | 1470 | 2029 | 2663 | 2921 | 2950 |
| 3208 | 3209 | 3210 | 3193 | | | | |

-Thời kỳ vận động dân chủ (1936-1939)

2057

- Nam Kỳ khởi nghĩa

3045 3179 3214

**3. Thời Hiện đại**

***a. Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)***

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 36 | 185 | 192 | 193 | 438 | 643 | 880 | 882 | 897 | 898 |
| 1341 | 1389 | 1390 | 1666 | 1667 | 1835 | 2029 | 2030 | 2031 | 2138 |
| 2139 | 2140 | 2164 | 2364 | 2367 | 2371 | 2512 | 2543 | 2617 | 2696 |
| 2799 | 2823 | 2824 | 2870 | 2923 | 2961 | 3039 | 3208 | | |

- Chiến dịch Điện Biên Phủ

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 36 | 54 | 66 | 85 | 182 | 189 | 199 | 828 | 856 | 1003 |
| 1216 | 1252 | 1437 | 1664 | 1704 | 2141 | 2260 | 2279 | 2308 | 2371 |
| 2423 | 2532 | 2581 | 2866 | 3174 | 3446 | 3601 | 3602 | 3632 | |

***b. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)***

# V. KINH TẾ

## 1. Nông nghiệp

### *a. Ruộng đất*

- Cổ - Trung đại

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 100 | 130 | 203 | 298 | 603 | 868 | 944 | 948 | 957 | 1029 |
| 1315 | 1459 | 1460 | 1585 | 1616 | 1617 | 1618 | 1619 | 1620 | 1625 |
| 1628 | 1629 | 1630 | 1631 | 1632 | 1633 | 1634 | 1635 | 1636 | 1637 |
| 1662 | 1680 | 1750 | 1751 | 1757 | 1758 | 1766 | 1768 | 1824 | 1874 |
| 1878 | 1884 | 1966 | 2394 | 2443 | 2449 | 2450 | 2452 | 2453 | 2473 |
| 2890 | 2893 | 3129 | 3249 | 3253 | 3254 | 3255 | 3258 | 3252 | 3268 |
| 3269 | 3275 | 3635 | 3642 | 3643 | 3645 | 3646 | | | |

- Thời Nguyễn

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 98 | 101 | 107 | 228 | 345 | 370 | 371 | 372 | 1419 | 1459 |
| 1467 | 1539 | 1632 | 1634 | 1635 | 1636 | 1637 | 1639 | 1411 | 1929 |
| 1931 | 1946 | 2758 | 3100 | 3121 | 3205 | 3256 | 3269 | 3275 | 3635 |
| 3638 | 3645 | 3646 | | | | | | | |

- Thời Pháp thuộc

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | 151 | 155 | 156 | 158 | 159 | 160 | 161 | 203 | 370 |
| 371 | 372 | 869 | 942 | 999 | 1406 | 1411 | 1642 | 1929 | 1946 |
| 1989 | 2190 | 2254 | 2324 | 2373 | 2376 | 2732 | 2733 | 2734 | 2735 |
| 2736 | 2737 | 2738 | 2739 | 2741 | 3067 | 3100 | 3121 | 3297 | 3639 |
| 3647 | 3652 | 3650 | 3651 | 3652 | | | | | |

- Thời Hiện đại

Vấn đề chung

150 1473 2073 2244 2254

Cải cách ruộng đất

20 745 2196 2258 2891 3413 3444 3769

Hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc

91 473 474 475 2432 2864

Hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam

181 2240 3037

Ruộng đất và sử dụng đất đai hiện nay

8 1473 2191 3298

***b. Nông dân, nông nghiệp, nông thôn***

- Cổ - Trung đại

100 109 738 1920 2291 2326 2336 2402 2703 2704 2706

- Triều Nguyễn

596 947 2210 2215 2328 2558 3651

- Cận đại

261 479 543 863 995 999 1333 1407 2192 2193 2210 2372 3071 3096 3202 3416

- Hiện đại

177 178 187 472 473 474 475 479 481 928 952 962 1163 1333 1338 1849 2048 2049 2239 2240 2241 2242 2241 2242 2244 2254 2368 2369 2370 2431 2436 2440 2450 2509 2510 2710 3036 3055 3098 3103 3107 3108 3274 3392 3413 3416 3434 3650 3681

- Đê điều thủy lợi

597 598 601 605 606 609 938 1249 1417 1418 1662 2328 3113

***c. Tiểu thủ công nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp***

- Cổ - Trung đại

1556 1655 1713 1968 2061 2226 2272 2275 2325 2326 2327 2384 2401 2404 2406 3299 3300 3301 3436 3537 3721 2209 599

- Thời Nguyễn

108 226 595 675 1243 1244 1655 1682 2129 2153 2154 2155 2275 2326 2410 2449 2452 2481 2483 3303

- Cận đại

105 1714 1932 2064 2083 2300 2407 2422 2467 2740 2741 2742 3685

## VI. CÁC GIAI TẦNG XÃ HỘI

**1. Trước năm 1945**

***a. Giai cấp công nhân***



***b. Giai cấp tư sản, tiểu tư sản***



**2. Từ sau năm 1945 đến 1975**

***a. Giai cấp công nhân***

**3. Sau năm 1975**

Giai cấp công nhân 3421 3428

**4. Các giai tầng xã hội khác**

Trí thức

2194 2350 2996 3410 3606 3741

Phụ nữ

2074 2299 2939 3524

Thanh niên, học sinh, sinh viên

2182 2185 2364 2811 2945 3606

Giai cấp nông dân miền Bắc (1965-1975)

479

## VII. LỊCH SỬ VĂN HÓA - VĂN MINH VIỆT NAM

**1. Văn hóa - văn minh Việt Nam**

300 2056 2337 2553 2652 3091 3085 3086 3408 3420

***a. Xã hội cổ truyền Việt Nam***

131 302 1240 1501 1506 1986

***b. Làng xã, làng nghề người Việt***

115 118 303 321 655 853 1380 1513 1514 1621
1622 1624 1626 1627 1716 1778 2416 2454 2456 3131
1862 1945 2188 2190 2325 2334 2386 2392 2408 2459
2462 2464 2559 2590 3699 3700 3746

***c. Phong tục, truyền thống***

295 296 297 299 300 302 454 823 961 1182
1370 1581 1582 1592 1605 1863 2091 2652 2970 3241

*d. Di sản*

2146 2507 3434 3436 3439 3482

*e. Hương ước*

321 2043 2438 2745 3615 3616 3618 3620 3715

**2. Vương quốc cổ, thành cổ, đô thị cổ, phố cổ:**

- Phù Nam

1223 1225 1227

- Champa - Chiêm Thành

356 1083 1168 1644

- Cổ Loa

385 1385

- Phú Xuân

2573 3229

- Thành Thăng Long:

367 1386 1519

- Phố Hiến:

3242

- Hội An:

997 998 2507

- Thanh Hà:

594

- Thành Quèn:

659

- Tây Đô (Thành nhà Hồ):

2427 3573

**3. Tôn giáo, tín ngưỡng**

***a. Những vấn đề chung***



***b. Nho giáo***



***c. Thiên Chúa giáo***

- Thời kỳ thuộc Pháp

271 411 485 939 1021 1507 1707 1871 1940
1941 1963 2204 2211 2213 2216 2519 2595 2620
3267 3648

- Giai đoạn 1945 - 1975

166 2637 992 1942

- Giai đoạn 1975 đến nay

2359 3431

***d. Phật giáo***

- Thời kỳ quân chủ

732 1524 2166 2725 2753 3238 3331 3552

- Thời kỳ thuộc Pháp

1656

- Giai đoạn 1945 - 1975

336 1043 1044 1045 1047 1050 1264

***e. Đạo Tin lành***

1230

***f. Đạo Hòa Hảo, Cao Đài***

110 2007 2008

***g. Đạo Islam***

1222 3756

***h. Các tôn giáo, tín ngưỡng khác***

494

**4. Giáo dục**

1493 1708 2350 2569 2570

- Thời kỳ quân chủ

1944 2331

## VIII . KHẢO CỔ HỌC

*b. Văn hóa Hoà Bình*

45 235 1416 3077

*c. Văn hóa Phùng Nguyên*

735

# IX. DÂN TỘC HỌC

**1. Lý luận chung**

301 424 687 1006 1032 1272 1547 1548 1811 1838
2465 2517 2721

**2. Công tác dân tộc học**

1006 1008 1018 1093 1812 1817

**3. Các dân tộc ít người ở miền Bắc Việt Nam**

Vấn đề chung

423 424 426 427 428 430 1012 1014 1015 2198
2297 2321 3087

Người Thái

424 1032 1272 1350 1547 1548 1811 1838 2198 2297
2465 2517 3571

Tày

1009 1011 1012 1013 1014 1015 1016 1086 2133 2252
3087

Mường

1034 1274 1550 2051 2335 3129 3130 3194

Nùng

1011 1012 1013 1014 1015 2319

Dao

1271 3082

Mán

1270 1786

Mông

1033 2198

Cao Lan

1010

Khơ Mú

428

La Hú

303

Xi La

304

Pu Péọ

2320

Phù Lá

1295

**4. Các dân tộc ít người ở miền Trung, Tây Nguyên và Trường Sơn**

495 1111 1238 1239 1240 1276 1549 1593 1986 2622
3293 3633

**5. Các dân tộc ít người ở Nam Bộ**

496 497 1278 1279 1369

## X. ĐỊA LÝ HỌC

**1. Lý luận chung**

510 711 968 1129 1197 1199 1202 1965 2728 2802
2826 3152 3419 3759

**2. Địa danh và bản đồ**

362 509 685 949 1118 1138 1142 1198 2676 2728
2771 2843 2858 2881 2882 2883 2890 3043 3073 3079
3096 3654 3694 3709 3711 3712 3713 3760

**3. Khí hậu**

27 137 601 806 807 1200 1201 1203 2296 3177

**4. Thủy triều**

601 1864 1865 1866 1867 1868

**5. Tài nguyên**

48 2144

## XI. VĂN HỌC

**1. Lý luận chung**

766 907 1040 1152 1153 1317 1319 1349 1794 1795
1842 1843 2136 2313 2448 2782 3219 3473 3483 3492

**2. Lịch sử Văn học Việt Nam**

766 907 1363 1576 1591 1651 1794 1797 2050 2305
2752 2878 2919 3324 3340 3462 3469 3473 3476 3477
3479 3480 3483 3492 3656 3665 3667 3669 3671

**3. Lý luận ngôn ngữ**

2051 2252 2266 2317 2318 2335 2336 2338 2518 3312
3338 3723

**4. Tiếng Việt và chữ viết**

96 97 347 443 560 685 850 914 1135 1151
1258 1350 1575 1950 2009 2051 2066 2317 2318 2338
2571 3221 3311 1264

**5. Ca dao, cổ tích**

3092 3466 3663 3664 3666

**6. Chữ Nôm**

361 782 1190 2042 2726 3137 3155 3220

**8. Hát chèo**



**9.Tác phẩm, tác gia văn học**

## XII. NHÂN VẬT LỊCH SỬ

## XIII. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

**1. Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội**

**2. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh**

281 1266 2247 3097

**3. Hải Phòng, Quảng Yên**

969 1310 1364 1541 1542 1748 2000 2001 2015 2366
2788 2789 3033 3057 3192

**4. Các tỉnh phía Bắc**

127 128 312 661 1052 1242 1288 1388 1551 2178
2184 2198 2297 2581 2866 2898 3572 3597

Lai Châu - Điện Biên

54 85 189 425 648 649 1869 1870 3327 3389
3717 3727

Các tỉnh Việt Bắc

986 1390 1882 1885 1892 1895 2133 2859 2888 2898

Cao Bằng 345 1882 1885 1892 3150

Sơn La 2415

Yên Bái 991 1786 3728

Tuyên Quang 1650

Hoà Bình 1158

Hà Bắc, Bắc Ninh, Bắc Giang

793 2287 2438 3198

Vĩnh Phúc, Phú Thọ

1006 1294 1779 1780 1782 1799 2236 3335 3654

Hà Tây

577 813 1556 2265 2285 2890 3686

Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình

100 160 161 372 623 1460 1677 2048 2450
2452 2462 3195 3330

Hải Hưng, Hưng Yên

604 1311 1918 3146 2305 2463 3242

Thái Bình

318 1418 1450 1459 1465 1632 1634 1635 1636 1637
1639 1640 2090 2324 2392 2449 3121

**11. Các tỉnh Nam Bộ**



## XIV. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

**1. Những vấn đề chung**



**2. Các quốc gia châu Á.**

# TỔNG MỤC LỤC 50 NĂM TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (1945 - 2004)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. VI QUANG THỌ

Biên tập nội dung:
HUỲNH HÒA

Kỹ thuật vi tính:
NGUYỄN KIM NỤ

Sửa bản in:
HUỲNH HÒA

Trình bày bìa:
MINH TRANG

In 500 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Công ty Cổ phần in 15 Bộ Công nghiệp.
Số đăng ký KHXB 31/460/CXB ngày 04/4/2005.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2005

**Giá: 120.000đ**